

QUYỂN VI
CHƯƠNG III

NGUYỄN DỰC TÔN
(1848 - 1883)

Niên hiệu: *Tự - Đức*

1 Quý Hợi, tháng 3 â.l, *Tự Đức thứ 16* (1863), sau khi tiến
2 hành lễ trao đổi hiệp ước năm Nhâm Tuất đã ký ngày 5 - 6
3 d.l - 1862, triều đình cử một phái đoàn do Phan Thanh
4 Giản cầm đầu vào Gia Định bàn định việc quân Pháp trao
5 trả lại cho triều đình Huế tỉnh Vĩnh Long⁽¹⁾.

6 Quân thứ Sơn Tây lấy lại tỉnh Tuyên Quang, bắt được
7 đầu đảng giặc loạn là hậu Lê tàn dư Lê Duy Huân.

8 Cần Chính Điện đại học sĩ Trương Đăng Quế về hưu,
9 mỗi năm được ân huệ hưởng một nửa lương.

10 Quý Hợi, tháng 4 â.l, *Tự Đức thứ 16* (1863), ở miền
11 Bắc, Nguyễn Tri Phương hợp với Nguyễn Văn Vỹ tiến
12 đánh tái chiếm tỉnh thành Thái Nguyên, bắt sống đầu đảng
13 hậu Lê tàn dư Lê Văn Thông cùng các tùy thuộc Doãn Văn
14 Đắc, Nguyễn Văn Vân, Lê Văn Nghiêm⁽²⁾. Giặc loạn phía
15 Tây Bắc dẹp yên.

16 Tự Đức hỏi Đình thần về tình trạng dân chúng ở Gia
17 Định. Đoàn Thọ cho biết là các đầu lĩnh dân quân kháng
18 chiến đang bị quân Pháp truy lùng bắt bớ, thường dân bị
19 liên lụy⁽³⁾.

20 Ở Nam Kỳ, đề đốc la Grandière tạm quyền thống đốc
21 các lãnh thổ tạm chiếm đang trong tình trạng khôn đốn sau
22 khi Phan Thanh Giản quay trở về Huế từ ngày 25 tháng 4
23 d.l 1863 để chờ quân Pháp bàn giao tỉnh Vĩnh Long. Trong
24 khi la Grandière cố gắng ổn định an ninh trật tự thì Trương
25 Định càng đẩy mạnh các chiến dịch đánh phá của dân
26 quân kháng chiến, không nghe theo lời kêu gọi ngưng
27 chiến của la Grandière cũng như của triều đình. Người
28 Pháp cho rằng tình trạng Trương Định không tuân lệnh
29 triều đình Huế là một sự sắp xếp không ngay thẳng của vua
30 quan nhà Nguyễn⁽⁴⁾: một mặt ra lệnh ngưng chiến nhưng

1 trong bóng tối vẫn ngấm thúc hồi Trương Định tiếp tục
2 chiến đấu.

3 Thi hành các điều khoản trong hoà ước Nhâm Tuất,
4 ngày 25 tháng 5 d.l năm 1863, Phan Thanh Giản tiếp thu
5 lại tỉnh Vĩnh Long do đại tá d' Ariès đại diện quân Pháp
6 bàn giao. Dư luận người Pháp cho đây là một thắng lợi lớn
7 cho quan quân của triều đình Huế tạo ra một tin tưởng sâu
8 xa trong dân chúng rằng các tỉnh khác nhất định cũng sẽ
9 được trao trả lại cho triều đình Đại Nam. Sau khi tiếp thu
10 tỉnh Vĩnh Long, Phan Thanh Giản đi Sài Gòn để cảm ơn đề
11 đốc la Grandière rồi sau đó vào ngày 2 tháng 6 d.l năm
12 1863 được tàu chiến Pháp *Écho* đưa trở ra Huế⁽⁵⁾.

13 Ngày 15 tháng 6 d.l năm 1863, nguyên tổng đốc
14 Trương Văn Uyển nhận lại nhiệm vụ tổng đốc tỉnh Vĩnh
15 Long.

16 Tháng 5 âl (1863), cử Nguyễn Tri Phương làm Tổng
17 thống Hải Yên quân vụ để đi bình định nhóm giặc miền
18 biển Hải - Yên ở miền Bắc⁽⁶⁾.

19 Sai hiệp biện đại học sĩ Phan Thanh Giản, lại bộ tả
20 tham tri Phạm Phú Thứ, Án sát Quảng Nam Ngụy Khắc
21 Đản đi sang sứ nước Pháp để lo việc chuộc lại 3 tỉnh đã
22 mất vào tay quân xâm lược Pháp⁽⁷⁾.

23 Quý Hợi, *Tự Đức thứ 16*, thán 9 âl (tháng 10 dl năm
24 1863), tàu biển của Pháp vào cửa biển Bình Thuận đo nước
25 cạn sâu vì từ nay có nhiều tàu thuyền đi lại.

26 Tháng 12 âl (tháng 1 dl năm 1864), triều thần xin đặt
27 chức hương thân để giáo dục cho dân khỏi mê tín theo đạo
28 Gia tô Tự Đức chấp thuận cho chọn những hưu quan hoặc
29 tú tài, sĩ nhân trong làng tuổi từ 50 trở lên có học và đức
30 hạnh để giao cho giữ chức Hương thân.

31 Bonard về nước, La Grandière thay thế.

32 Giáp Tý, *Tự Đức thứ 17*, tháng 1 âl (1864) định lệ hàng
33 năm trước kỳ tế Nam Giao 12 ngày, đình thần cử những
34 quan am hiểu điển lễ ở tại kinh đô Huế để sung vào việc
35 làm lễ: đường quan bộ Lễ 5 viên, Thái Thường và Quang
36 lộc tự khanh đều một viên. Khi làm lễ xong thì trở về
37 nhiệm sở cũ để làm việc.

1 Lại khoa chương án Đặng Xuân Bảng dâng sớ xin sửa
2 đổi việc xét công để định mức thưởng phạt. Tự Đức giao
3 cho đình thần bàn luận, cho là chỉ muốn thay đổi, rồi bỏ
4 không thi hành đề nghị của Đặng Xuân Bảng. Đặng Xuân
5 Bảng là tác giả sách *Việt Sử Cương Mục Tiệt Yếu* và sách
6 *Sử Học Bị Khảo*.

7 Tháng 2 âm (1864), sứ bộ Phan Thanh Giản về đến Huế.
8 Tự Đức cử Phan Thanh Giản lãnh thượng thư bộ Lại, Phạm
9 Phú Thứ làm Tả Tham Tri bộ Lại, Nguyễn Khắc Đàm làm Tá
10 lý bộ Binh. Sau đó Phan Thanh Giản được chuyển đổi sang
11 giữ chức thượng thư bộ Hộ vì cho rằng bộ Hộ quan trọng
12 hơn.

13 Tháng 5 âm (1864), lãnh sự Pháp Louis Gabriel Aubaret (xin
14 xem chi tiết nơi trang 1730) đến kinh đô Huế hoà nghị sửa đổi
15 hoà ước Nhâm Tuất (1862). Phan Thanh Giản được chỉ
16 định toàn quyền chánh sứ, Trần Tiến Thành, Phan Huy
17 Vịnh sung làm phó sứ để hội bàn.

18 Khi phái đoàn sứ Phan Thanh Giản từ Pháp trở về Huế
19 cùng với 2 quốc thư của triều đình Pháp và Tây Ban Nha
20 đề cập về những sửa đổi hoà ước năm 1862 (sở cũ gọi
21 những đề nghị này là *tục ước*) và việc buôn bán (sở cũ gọi
22 là *sinh lý*). Mỗi thư đều có 21 khoản (sách *Sử Quốc Triều*
23 *Chánh Biên Toát Yếu*, của sứ quán triều Nguyễn, bản dịch, phát hành
24 năm 1925, trang 342, ghi là 31 khoản trong khi *Đại Nam Thực Lục*
25 *Chính Biên*, bản dịch, Hà Nội 1974, trang 84, ghi là 21 khoản).

26 Trong bản *Tục ước* và *Sinh lý* có những khoản chính
27 yếu như sau:

28 -Pháp đồng ý để triều đình Huế chuộc lại 3 tỉnh Biên
29 Hòa, Gia Định và Định Tường bị quân Pháp xâm chiếm
30 nhưng triều đình Huế phải chấp nhận quyền bảo hộ của
31 Pháp 6 tỉnh của vùng Nam Kỳ Hạ (Basse-Cochinchine) bao
32 gồm, Gia Định, Sài Gòn-Chợ Lớn, Định Tường, Biên Hoà,
33 Thủ Dầu Một, và Côn Sơn .

34 -Pháp được đặt các hành lan cửa khẩu và trọn quyền sở
35 hữu một chu vi lãnh thổ tại các cửa sông Sài Gòn, Mỹ Tho
36 và ở Vũng Tàu.

37 -Kiều dân người Pháp có quyền cư trú trên một chu vi 9
38 cây số vuông nơi các cửa khẩu Đà Nẵng, Ba Lạt, Quảng

1 Nam. Một lãnh sự đại diện chính phủ Pháp đặt tại kinh đô
2 Huế.

3 -Triều đình Huế phải trả bồi thường chiến tranh là 80
4 triệu đồng quan Pháp, mỗi năm trả 2 triệu quan, trong vòng
5 40 năm .

6 -Các nhà truyền giáo phải được tự do đi lại, lập nhà thờ,
7 tự do làm lễ, không được ngăn trở.

8 Hoàng đế Tự Đức hỏi ý kiến quan hưu trí Trương Đăng
9 Quế về các khoản đòi hỏi của người Pháp trong bản tục
10 ước. Theo Trương Đăng Quế thì đối với khoản thứ 2 đòi
11 hỏi cắt bỏ giới hạn của 3 tỉnh xin chuộc và để cho người
12 Pháp đồn trú lại đó và khoản thứ 19 về số bạc bồi thường
13 chiến tranh mà Đại Nam phải gánh chịu và
14 thời hạn trả nộp Phan Thanh Giản phải cương quyết đòi hỏi
15 theo điều kiện của triều đình Huế.

16 Tháng 6 âm (1864), Phan Thanh Giản báo cáo với Tự
17 Đức là Aubaret chỉ đồng ý sửa đổi một hoặc hai điểm mà
18 thôi rồi cuộc thương thảo giữa hai bên vẫn cứ tiếp tục
19 nhưng không có tiến triển nào thuận lợi cho phía Đại Nam.
20 Triều thần lại dâng mật sớ đề nghị giữ hoà ước cũ 12
21 khoản còn việc chuộc lại 3 tỉnh sẽ định liệu sau.

22 Tiếp tục thương thảo về khoản bồi thường chiến tranh,
23 về việc đặt lãnh sự Pháp tại Huế và chế độ bảo hộ 6 tỉnh
24 Nam Kỳ, hai bên vẫn tranh luận với thái độ không tương
25 nhượng khiến cho Aubaret không còn kiên nhẫn để tiếp tục
26 và đã nhiều lần muốn chấm dứt cuộc thương thuyết với
27 phái đoàn Đại Nam.

28 Sau 10 ngày tranh luận (kể từ ngày 23 tháng 6 âm năm
29 1864), cuối cùng rồi Phan Thanh Giản phải chịu cùng với
30 Aubaret ký kết và trao đổi giao ước mới vào ngày **15 tháng**
31 **7 âm năm 1864** trong đó các khoản chính yếu đã được kể ra
32 ở trên (trang 1700) Chỉ có một phần nhỏ bồi thường chiến
33 tranh được giảm với điều kiện là sự cắt giảm này phải được
34 chính phủ Pháp chuẩn nhận.

35 Trong khi Aubaret đang thương thuyết ở Huế thì một số
36 các thế lực quân sự và chính trị của Pháp đã dùng mọi nỗ
37 lực để đả phá chống đối đường hướng xét lại của chính phủ

1 và dự luận quần chúng Pháp ở Paris. Trong số người chống
2 đối thì nhóm sĩ quan hải quân cao cấp chống đối mạnh mẽ
3 nhất, đứng hàng đầu gồm có đề đốc Bonard, đề đốc Rigault
4 de Genouilly, bộ trưởng bộ Hải Quân và Thuộc Địa
5 Chasseloup Laubat, nam tước Brenier và M. Rieunier.

6 Tháng 4 dl 1864, M. Rieunier phát động chiến dịch
7 trưng cầu dân ý dự luận quần chúng và chính phủ Pháp,
8 trưng bày bản đồ Nam Kỳ đồng thời nêu ra những hậu quả
9 ô nhục và tai hại nếu bản hoà ước 1862 của Bonard tạo
10 dựng bị xé bỏ.

11 Vào tháng 11 dl 1864, bộ trưởng Hải Quân và Thuộc
12 Địa Chasseloup Laubat gửi đến hoàng đế Napoléon III một
13 giác thư đề cập đến những biến cố từ lúc bắt đầu tại vùng
14 đất Nam Kỳ. Rồi thì báo chí truyền thông ở Pháp cũng
15 nghiêng theo nhóm chống đối nhưng Napoléon III vẫn làm
16 ngơ nhưng rồi dự luận chống đối lan rộng khắp quần chúng
17 khắp nơi cũng chống đối cho nên vào ngày 6 tháng 6 dl
18 1864 Napoléon III bắt buộc phải xuống chiếu cho
19 Chasseloup Laubat thừa lệnh chính phủ ở Paris yêu cầu
20 Aubaret chấm dứt cuộc thương thuyết nhưng lệnh ngưng
21 thương thuyết tới quá trễ và Aubaret chỉ nhận được sau khi
22 hoà ước mới đã được ký kết và trao đổi.

23 Trong khi phái đoàn Phan Thanh Giản bị triều thần ở
24 Huế đề nghị trách phạt vì đã không làm tròn nhiệm vụ
25 thương thuyết do triều đình giao phó thì hội đồng chính
26 phủ Pháp ở Paris trong phiên họp ngày **10 tháng 11 dl**
27 **năm 1864** đã quyết định không phê chuẩn hiệp ước
28 Aubaret ký kết ngày 15 tháng 7 dl năm 1864.

29 La Grandière hân hoan vui mừng khi được Chasseloup
30 Laubat thông báo về quyết định không phê chuẩn này của
31 chính phủ Pháp.

*

CHÚ GIẢI & KHẢO LUẬN:

(1) **Phái đoàn do Phan Thanh Giản cầm đầu vào Gia Định bàn định việc quân Pháp trao trả lại cho triều đình Huế tỉnh Vĩnh Long:** về việc này sách *Đại Nam Thực Lục Chính Biên* (ĐNTLCB) của triều nhà Nguyễn viết như sau:

<<Sứ 2 nước Phú và Y về Gia Định. Vua sai Phan Thanh Giản cùng đi. Khi ấy sứ thần nói: về lần này sẽ giao trả Vĩnh Long, nên sai cùng đi, để giao nhận cho xong việc trước.

Vua lại bảo Thanh Giản rằng: trong thư nghị hòa có nói: khi nước có việc hoãn cấp, họ cũng cùng phải giúp ta. Mới đây, miền Bắc, bọn giặc ở sông nước (giặc biển Hải-Yên ở miền Bắc; xem chú thích⁽⁶⁾ của VSTK) từng thuê tàu của Tây Dương, ở miền Nam, Cao Miên làm ngăn trở^(6bis), cũng nghe tin là viên tướng ấy chủ trương sai bảo. Nếu không có việc ấy, nên khéo nói với họ, làm thế nào để cùng giúp cho nhau, đó cũng là một chước hay để yên cõi ven vạy. Lại, 3 tỉnh nay đã về tay họ rồi, nên bàn đến việc đường trạm, cho đường xá đi được đều nhau. Đến cả sự lệ việc thông Thương ở cả 3 cửa biển, cũng nên định rõ. Trong ngoài 1 tháng phải làm cho xong rồi về Kinh. . . >>(ĐTLCB; q. XXVIII; trang 11).

(2) **Nguyễn Tri Phương tái Chiếm tỉnh thành Thái Nguyên:** ĐTLCB đã dẫn; trang 18.

(3) **Các đầu lĩnh dân quân kháng chiến đang bị quân Pháp truy lùng bắt bớ, thường dân bị liên lụy:** đề đốc Bonard rời Sài Gòn ngày 1 tháng 5 d.l năm 1863, đề đốc la Grandière tạm quyền thay thế. Mặc dù hoà ước Nhâm Tuất 5 tháng 6 d.l năm 1862 đã được hai bên phê chuẩn nhưng kháng chiến quân miền Nam do Trương Định cầm đầu mặc bị quân Pháp phản công mạnh mẽ trong trận đánh ở Gò Công vẫn không chịu ngưng chiến mà chỉ lui về nơi các mật khu gần ranh tỉnh Bình Thuận, ở vùng đầm lầy Đồng Tháp Mười và ở các tỉnh miền Tây để tiếp tục bao vây, đánh phá liên quân Pháp-Y Pha Nho và do đó dân chúng vẫn tiếp tục chịu khổ vì súng đạn của 2 bên, các đầu lĩnh quân kháng chiến và những thường dân bị nghi ngờ theo kháng chiến tiếp tục bị quân Pháp truy lùng bắt bớ.

(4) **Người Pháp cho rằng tình trạng Trương Định không tuân lệnh triều đình Huế là một sự sắp xếp không ngay thẳng của vua quan nhà Nguyễn:** nguyên văn đoạn viết của A. Schreiner như sau:

<<. . .Suivant une tactique inspirée sans nul doute par la cour elle-même, ce chef de bande sépara sa cause de celle des mandarins; il pouvait ainsi sans danger être désavoué par eux, et Phan Thanh Giản put écrire à l'amiral que ce Định n'était qu'un imposteur qu'il fallait mettre à mort, oubliant d'indiquer l'essentiel: le moyen de le prendre.>>

1 **Tạm dịch:** << . . .Thật sự không có một chút nào để nghi ngờ là
2 theo sách lược của triều đình đề ra thì tên trùm giặc loạn này sẽ tách
3 rời mục đích của hắn với mục đích của các quan triều; hắn cũng
4 không bị thiệt hại gì nếu bị các quan chức triều đình chối bỏ không
5 công nhận, và Phan Thanh Giản cũng có thể viết thư cho viên đề đốc
6 mà nói rằng tên Định là một tên mạo danh lừa đảo cần phải bị xử tội
7 chết, nhưng ông ta (ông Giản) lại quên cho biết một điều cốt yếu là
8 làm cách nào để truy bắt được hắn.>> (A. Schreiner; *Abrégé de l'*
9 *Histoire d' Annam*; trang 251; Saigon;1906)

10 Du luận nghi ngờ của phía người Pháp không phải là không có lý
11 bởi vì rõ ràng là Tự Đức đã tỏ ra nôn nóng và không hài lòng với các
12 khuynh hướng chủ hoà trong triều đình và tuyên bố rằng không thể
13 nào để cho tình trạng tạm yên kéo dài cho qua ngày tháng. (ĐNTLCB;
14 đã dẫn; trang 18).

15 (5) **Phan Thanh Giản đi Sài Gòn để cảm ơn đề đốc la Grandière**
16 **rồi sau đó vào ngày 2 tháng 6 d.l năm 1863 được tàu chiến Pháp**
17 **Écho đưa trở ra Huế:** xem A. Schreiner đã dẫn; trang 25.

18 (6) **Giặc miền biển Hải-Yên ở miền Bắc:** tức giặc ở vùng Ninh Hải
19 và Quảng Yên. Theo ĐNTLCB thì nhóm giặc này gồm có người Hoa
20 của nhà Minh, đạo trưởng người Y Pha Nho tên là Hắc Nho dùng 2
21 chiếc tàu Tây dương (kiểu tàu Âu Châu), 10 thuyền nước Thanh (tức
22 nước Trung Hoa do hoàng đế nhà Thanh đang trị vì) cùng nhiều
23 thuyền giặc hơn 200 chiếc xâm phạm vào cửa Bạch Đằng, quân triều
24 đình đi tuần bị giặc tấn công bắn chết phó lãnh binh Phạm Xuân
25 Quang, chiếm lũy Nhất Tự ở Hà Nam thuộc Quảng Yên, đào đê để
26 cho thuyền chiến chờ quân vào đóng ở Hà Nam thuộc Quảng Yên,
27 đào đê để cho thuyền chiến chờ quân vào đóng ở Hà Nam. Thủy đạo
28 thống chế Hải-Yên Lê Quang Tiên, hộ lý Tuần Phủ Bùi Huy Phan
29 nhân lúc đêm tối đốc quân bộ ở mặt đê 200 người, 10 thuyền chiến ở
30 trong đê tấn kích, thuyền giặc phải bỏ chạy (ĐTLCB; đã dẫn; trang
31 20-21).

32 (6bis) **Ở miền Nam, Cao Miên làm ngăn trở:** ở đây Tự Đức muốn đề
33 cập đến việc quân xâm lược Pháp dành quyền bảo hộ của triều đình
34 Huế đối với nước Cao Miên. Không thấy sử sách của nhà Nguyễn viết
35 rõ về việc này.

36 Trước ngày quân xâm lược Pháp đặt chân lên nước Đại Nam,
37 nước Cao Miên (Cambodge) có lúc là một nước chư hầu, có lúc là
38 một nước dưới quyền đô hộ của nước An Nam hoặc của nước Xiêm
39 (Thái Lan) nhưng hầu như chịu ảnh hưởng đô hộ của người Xiêm
40 nhiều hơn. Một viên quan của triều đình Bangkok nước Xiêm đóng
41 trụ sở ở thủ đô mới của nước Cao Miên là Oudong để lãnh trách
42 nhiệm đô hộ nước này. Từ năm 1812 (niên hiệu Gia Long thứ 11)
43 người Xiêm đã từng đem quân xâm lăng và chiếm đóng cựu thủ đô

1 Angkor và tỉnh Battambang của Cao Miên với lý do trá ngụy là yểm
2 trợ cho vua lưu vong Nặc Ong Nguyên trở về tranh ngôi báu với vua
3 em là Nặc Ong Chân. Người Xiêm tiếp tục xâm lấn để chiếm thêm 2
4 tỉnh Toulé-Repou và Mouley-Prey của Cao Miên khiến Nặc Ong
5 Chân phải bỏ thành La Bích (Loveak, một trong những kinh đô ngày
6 xưa của Cao Miên) chạy sang Gia Định và cầu cứu với chính quyền
7 Việt Nam (Việt Nam là quốc hiệu nước Đại Việt của triều đại hoàng
8 đế Gia Long). Quân Xiêm bắt giữ kiều dân Đại Nam ở đất Chân Lạp.
9 Tướng Việt Nam giữ đồn Tân Châu là Trần Văn Năng viết thư trách
10 cứ. Tướng Xiêm đem những kiều dân Việt Nam và một số thuyền bị
11 quân Xiêm bắt giữ trao trả lại cho Việt Nam.

12 Tháng 6 âm năm Nhâm Thân (1812), vì bị áp lực của quân Miến
13 Điện gây hấn, vua Xiêm ra lệnh rút binh ở Chân Lạp về nước rồi sai
14 sứ sang triều cống hoàng đế Gia Long để giải thích việc đem quân
15 vào Chân Lạp là nhằm mục đích làm cho anh em họ Nặc Ong không
16 tranh chấp quyền lực lẫn nhau rồi đề nghị để quân Xiêm hợp đồng
17 với quân Việt Nam đưa Nặc Ong Chân trở lại Chân Lạp. Hoàng đế
18 Việt Nam gọi lời quả trách vua Xiêm vô cớ đem quân Xiêm vào nước
19 Chân Lạp và dọa sẽ yểm trợ đưa Nặc Ong Chân trở lại ngôi vua nước
20 Chân Lạp mặc dù về này vua Xiêm tráo trở, lừa dối, thất tín. Mặt
21 khác, lại vô vẻ, khuyên lon, giải thích cho Nặc Ong Chân yên tâm về
22 việc hợp đồng với quân Xiêm.

23 Năm Quý Dậu, *Gia Long năm thứ 12* (1813), tháng 2 âm, Triều
24 đình Huế truyền lệnh cho Tổng trấn Gia Định Lê Văn Duyệt và Hiệp
25 trấn Ngô Nhân Tĩnh phát 13,000 thủy binh Việt Nam đưa Nặc Ong
26 Chân và các gia thân từ Gia Định trở về thành Lô Vét (La Bích hay
27 Loveak ở Chân Lạp). Viện trợ thêm cho Nặc Ong Chân 3,500 lượng
28 bạc, 5,000 quan tiền và hàng chục ngàn hộc thóc (hộc: một loại đơn vị
29 cân đong lúa gạo). Vì quân Xiêm vẫn còn đóng trên đất Chân Lạp, với
30 ý định chia cắt đất Chân Lạp bằng cách chiếm Battambang giao cho
31 **Nặc Ong Nguyên** ở Oudong, hoàng đế Gia Long theo lời cố vấn của
32 Lê Văn Duyệt cho phép quân Việt Nam xây đắp thành Nam Vang
33 (Phnom Penh) cho **Nặc Ong Chân** ở, tăng cường thành La Bích để
34 trữ lương rồi chỉ lưu một số ít quân binh Việt Nam ở lại Nam Vang để
35 bảo hộ Chân Lạp, còn đại binh của Lê Văn Duyệt thì rút về Gia Định.
36 Lại viết thơ trách cứ vua Xiêm khiến vua Xiêm cũng phải ra lệnh
37 quân Xiêm rời khỏi Battambang. (xin xem lại VSTKCGKL quyển IV;
38 trang 863, 864;). Kể từ lúc đó, trên thực tế nước Cao Miên kể như bị
39 chia đôi, một nửa gọi là Cao Miên Thượng do **chính vương Nặc Ong**
40 **Nguyên ở Oudong** cai trị dưới quyền đô hộ của quân Xiêm và một
41 nửa gọi là Cao Miên Hạ do **phó vương Nặc Ong Chân cai trị ở**
42 **Phnom Penh** dưới quyền đô hộ của quan quân triều đình nước Đại
43 Nam. Vua nước Cao Miên Hạ Nặc Ong Chân mất không con trai nối
44 nghiệp. Minh Mạng cho quan triều đình Việt Nam gốc Chân Lạp là

1 Trà Long và La Kiên lãnh quyền cai trị Cao Miên Hạ dưới quyền
2 kiểm soát của quan đô hộ Việt Nam là Trương Minh Giảng và Lê Đại
3 Cương. Theo lời đề nghị của Trương Minh Giảng, Minh mạng chấp
4 thuận đặt một người Chân Lạp bản xứ là Nhâm Vu cùng nắm quyền
5 nhiếp chính cai trị, chia Cao Miên Hạ thành thành 33 phủ của nước
6 Đại Nam.

7 Năm **Ất Mùi**, *Minh Mạng* năm thứ 16, tháng 3 âm (1835), xây đắp
8 thành Trấn Tây để cho quân binh bảo hộ của Việt Nam trú đóng, bờ
9 thành cao 9 thước 9 tấc, bề dày chân thành 1 trượng 8 thước, tường
10 thành dày 3 thước 6 tấc, 4 hào thành phía ngoài mỗi hào rộng 3
11 trượng 1 thước 5 tấc; riêng hào trước cửa thành rộng 5 trượng 8 thước
12 5 tấc. Tất cả hào lũy đều sâu 1 trượng. (VSTKCGKL.IV; trang 1008).

13 Sai lập miếu thờ quốc vương Chân Lạp. Nhân dịp này, Minh
14 Mạng dụ nội các rằng: <<*Chân Lạp làm triều thần nước ta đã hơn*
15 *trăm năm, tiến cống cẩn thận. Triều đình cư xử như là một nước phụ*
16 *thuộc, gây dựng cho nhiều. Tuy nhiên, vua cũ nước này là Nặc Ong*
17 *Chân yếu kém không thể tự lực tự cường. Trong khoảng những niên*
18 *hiệu Gia Long, có lần đã bị giặc Xiêm xâm chiếm, Ông Chân đã phải*
19 *bỏ nước Chân Lạp trốn đi, đến ở thành Gia Định cũ, đất nước đã*
20 *không còn là của họ nữa. Hoàng khảo Thế Tổ Cao hoàng đế nước ta*
21 *(Gia Long Nguyễn Phúc Ánh) vì thương xót cho họ đã có lòng thành*
22 *thần phục nên đã nhiều đời sai tướng ra quân đánh tan giặc Xiêm, lấy*
23 *lại nước ấy rồi phong vương tước cho Ông Chân, cho họ giữ lấy bờ*
24 *cõi, không nỡ sáp nhập nước ấy làm thành quận huyện của Việt Nam.*
25 *Tuy nhiên, đương sự (Nặc Ong Chân) từ đó chỉ biết phung phí hưởng*
26 *thụ, bỏ rơi việc nước. Vào niên hiệu Minh Mạng thứ 14 (1833), giặc*
27 *Xiêm lại ngấm đánh úp, Ông Chân lại chạy trốn đến tỉnh Vĩnh Long,*
28 *và như vậy lãnh thổ và nhân dân Chân Lạp lại không còn là của*
29 *đương sự nữa. Ta đã cử đại quân đánh tan giặc Xiêm, đuổi chúng ra*
30 *khỏi bờ cõi, lấy lại thành quách, chiêu tập nhân dân. Lúc ấy đem*
31 *nước đó làm thành quận huyện, thì là ta lấy được của người Xiêm chứ*
32 *không phải lấy của Chân Lạp. Nhưng nghĩ rằng quốc vương nước đó*
33 *hãy còn và có thể cố gắng cho nên lại cho giữ lấy nước, chỉ đặt quân*
34 *tướng tham tán để bảo hộ, mong rằng đương sự đời làm phiên dậu,*
35 *lâu chịu ơn yêu quý. Nào ngờ, quốc vương kia chết đi, lại không có*
36 *con trai nối nghiệp, đó là do ý trời chứ không phải ý người tạo ra.*
37 *Nếu không xử trí trước thì nhất định giặc Xiêm lại nhân lúc sơ hở đến*
38 *quấy rối thì nhân dân một hạt không khỏi lại bị lầm than. Vì thế mới*
39 *sai đặt quận huyện, đặt lưu quan để cai trị đất ấy, khiến cho người*
40 *Xiêm phải sợ mà không còn dám đến xâm lấn mà nhân dân hạt ấy mới*
41 *được cùng yên ngủ trong chăn chiếu vậy. Nay quốc vương kia để lại*
42 *con gái còn bé là Ngọc Văn cho nên phong làm quận chúa, Ngọc Biện*
43 *thì phong làm huyện quân, hậu ban bổng lộc, cho họ được nương*
44 *nhờ. Các thổ mục của nước đó cùng được tùy theo tài cán mà bổ dụng,*

1 dân Chân Lạp cũng được đối xử y như là dân kinh Việt Nam. Triều
2 đình làm như thế là chính đại quang minh. Quốc vương kia dưới chín
3 suối nếu có thiêng thì cũng nên cảm ơn mà không ân hận gì. Ta lại
4 nghĩ rằng nước ấy dù rằng đời đời không có vua nhân tài, công đức
5 với dân nhưng vì từ trước đã từ làm quân trưởng một nước thuộc
6 quốc. Nay đã sáp nhập vào bản đồ nước ta, thì việc đèn hương tuế
7 thời thờ cúng cho quốc vương đó không nở lại để cho nguội lạnh,
8 khiến linh hồn không chỗ nương tựa sao? Vậy sai Ty có chức trách
9 chọn đất lập miếu ở kinh thành, bày thờ thần vị các quốc vương chân
10 Lạp đã quá cố, tuế thời cúng tế, để tỏ rõ đạo Ưu hậu. >> (ĐNTLCB;
11 Đệ nhị kỷ; trang 145)

12 Tháng 8 âm năm Canh Tý, niên hiệu Minh Mạng thứ 21 (1840),
13 thuyên chuyển Mỹ Lâm quận chúa, Thâu Trung huyện quân Ngọc
14 Thu, Tập Ninh huyện quân Ngọc Nguyên đến ở Gia Định. Lý do
15 thuyên chuyển: Ngọc Biện ngầm liên hệ với một người Miên tên Mao
16 (là cậu của Ngọc Biện). Ngọc Biện bị bắt giam, tước bỏ tước hàm
17 huyện quân. Sau đó cùng với Mao bị xử chém. Lính và dân Miên
18 (Chân Lạp) ở thành Trấn Tây do huyện úy huyện Thái Thịnh, phủ
19 Ninh Thái là Tùng Hiên và huyện úy huyện Thượng Phong, Phủ
20 Nghi Hòa là Đào Văn cầm đầu nổi loạn vì chuyện Ngọc Biện bị triều
21 đình xử chém. Tùng Hiên nguyên ngày trước là kẻ theo hầu Ngọc
22 Biện.

23 Tháng 9 âm, người Miên ở phủ Tĩnh Biên tỉnh Hà Tiên nổi loạn
24 đánh hãm đồn Châu Nham.

25 Người Miên loạn khắp nơi, lan tràn ra Hà Tiên, Gia Định, Định
26 Tường, nơi nơi đều có biến động, chỗ nhiều thì 1, 2 ngàn người, chỗ ít
27 cũng không dưới vài trăm người, hoặc đánh phá đồn binh hoặc mật
28 thủy, bộ giết hại dân Việt Nam chính gốc, quan binh triều đình địa
29 phương bình định, đánh dẹp không dứt.

30 Minh Mạng bảo với triều thần rằng: <<Trước đây Trương Minh
31 Giảng thường nói với ta là người Chân Lạp phần nhiều chất phác
32 thực thà có thể tin cậy được, có phần hơn người Thổ ở Bắc Kỳ. Ta
33 cho là không phải. Thực ra người Thổ ở Bắc Kỳ còn có người biết
34 chữ nghĩa, thạo tiếng người kinh, còn có thể lấy nghĩa lý hiểu bảo
35 được. Còn như người Chân Lạp thì ù lì như viên đất không biết gì, lại
36 phần nhiều giáo quyết dối trá, dù có kẻ sát tai mà nói cho biết cũng
37 không thể được. Ta đã dự tin sẽ có ngày này từ lâu rồi. Rất may là
38 hiện nay nước nhà cường thịnh, binh ít thì lấy thêm, lương thiếu thì
39 tăng thêm, nhất định phải có một phen khó nhọc mới có thể vô yên
40 được. Việc gian nan to lớn như thế thà rằng xảy ra trong thời đại của
41 ta, không nên để lại cho con cháu đời sau giải quyết.>> (ĐNTLCB đã
42 dẫn; trang 361,362 và VSTKCGKL.IV; trang 1037).

43 Dưới thời đại Thiệu Trị, người Cao Miên ở Trấn Tây (Phnom
44 Penh thường nổi dậy đánh phá quân đô hộ của triều đình nước Đại

1 Nam. Tháng Giêng, năm Tân Sửu (1841), Thiệu Trị lên ngôi hoàng
2 đế tại điện Thái Hòa, đổi niên hiệu là *Thiệu Trị*. Để lấy lòng người
3 dân Cao Miên, tháng 2 âm lịch (1841), Thiệu Trị dựng miếu thờ quốc
4 vương Cao Miên ở xã Dương Xuân, mỗi năm cứ đến mùa Xuân, mùa
5 Thu thì làm lễ. Lễ tế và đồ thờ cũng giống như miếu thờ quốc
6 vương Chiêm Thành. Theo lời trình tấu của kinh lược Phạm Văn Điển
7 và tướng quân Trương Minh Giảng, tha quận chúa nước Cao Miên là
8 Ngọc Vân, huyện quân là Ngọc Thu và Ngọc Nguyên về thành Trấn
9 Tây. Tháng 3 âm/ nhuận (1841), dân Cao Miên ở tỉnh Vĩnh Long đánh
10 phá phủ Lạc Hóa. Sai Bùi Công Huyền đem quân bình định. Tháng 4
11 âm, sai tham tán Trấn Tây Nguyễn Tiến Lâm đi giúp Nguyễn Tri
12 Phương dẹp loạn người Miên ở Ba Xuyên và Lạc Hóa. Nguyễn Tri
13 Phương phá tan loạn người Miên ở Trà Tâm, Sóc Trăng và Tượng
14 Sơn. Người Miên ở phủ Lạc Hóa lại vây đánh đồn Nguyệt Lăng. Bùi
15 Công Huyền đem quân tiêu trừ. Loạn quân người Miên thua chạy tan.
16 Tháng 5 âm, theo lời tấu trình của Nguyễn Công Trứ, tha cho tên Yểm
17 cho về Trấn Tây để chiêu dụ dân Miên. Ngày trước, khi người Miên
18 tên là Yểm quy thuận, họ hàng thân thuộc đến hơn 9,000 người đều
19 bị phân tán khắp các tỉnh ở Nam Kỳ, nay cũng tha, cho được đoàn tụ
20 với nhau. Gia sản của Yểm đều được trả lại đầy đủ ngoại trừ súng ống
21 và đồ binh khí thì phải bỏ vào làm của công. Con trai của Yểm tên là
22 Bướm vẫn bị an trí ở Khánh Hòa.

23 Bàn định cùng đình thần về việc người Xiêm La (Thái Lan gây
24 hấn, xúi giục dân Cao Miên tạo loạn ở Trấn Tây.

25 Tháng 8 âm (1841, Thiệu Trị khiến các quan đại thần viện Cơ Mật
26 tìm biện pháp giải quyết vấn đề giặc loạn ở Trấn Tây. Viện Cơ Mật
27 hỏi ý kiến các tướng lãnh ở Trấn Tây là Phạm Văn Điển, Trương
28 Minh Giảng, Nguyễn Công Trứ, Đoàn Văn Sách, Nguyễn Công Nhân,
29 Cao Hữu Dực: các tướng đề nghị rút hết quân Đại Nam ở thành Trấn
30 Tây về An Giang để cho binh lính được đỡ nhọc và dân chúng ở Nam
31 Kỳ cũng được nghỉ ngơi. Triều thần cũng đề nghị rút quân. Thiệu Trị
32 đồng ý cho rút quân.

33 Tháng 9 âm (1841), quan quân ở Trấn Tây lui về An Giang; ngày
34 về tới đó, **Trương Minh Giảng mất**. Thiệu Trị định tội các tướng
35 lãnh đã bắt lực làm mất thành Trấn Tây. Bộ Hình đệ án tâu lên, khép
36 Cao Hữu Dực, Phạm Văn Điển và Nguyễn Công Trứ vào tội trăm
37 giam hậu (án treo); tử Lê Văn Đức và Nguyễn Tiến Lâm trở xuống cứ
38 theo thứ tự mà giảm tội dần. Nguyễn Tiến Lâm và Nguyễn Tri
39 Phương đem quân tới Hậu Giang đánh phá loạn quân ở các sóc, đánh
40 chiếm được 5 đồn sở, người Hán, người Hoa xin hàng 88 người. Tiếp
41 tục truy kích loạn quân ở sóc Trà Điều, bắt được 25 loạn quân người
42 nhà Thanh và 1 loạn quân người Miên.

43 Tháng 12 âm, có người **tự xưng là con của Anh Duệ hoàng thái**
44 **tử** (tức hoàng thái tử Nguyễn Phúc Cảnh con trai trưởng của hoàng đế

1 Gia Long ở thành Nam Vang (Phnom Penh) tụ họp những quân
2 Xiêm, Lào, Hán, Miên đến vài ngàn người. Dân giang hồ tứ chiến kéo
3 theo rất đông. Vì thế Nguyễn Công Trứ, Đoàn Văn Sách và Nguyễn
4 Công Nhân đắp 2 đôn phòng thủ ở biên giới Việt Miên để giữ Hà
5 Tiên và Vĩnh Tế. Vua Thiệu Trị không hài lòng về việc đắp đôn này.

6 Năm Nhâm Dần, *Thiệu Trị thứ 2*, tháng Giêng (1842), thủy binh
7 Xiêm quấy rối vùng biển Hà Tiên triều đình cho rằng không đáng chú
8 tâm vì quân Xiêm không có khả năng gây chiến với Đại Nam. Quân
9 Xiêm lại tiếp tục quấy rối vùng biển đảo Phú Quốc. Sai Nguyễn Công
10 Trứ đem quân đánh dẹp. Tháng 2 ất, triều thần báo cáo việc quân
11 Xiêm cùng quân Miên đánh phá vùng biển Quảng Biên thuộc Hà
12 Tiên. Sai Lê Văn Đức thống lãnh quân binh cùng với các tướng Lê
13 Văn Phú, Tôn Thất Tường, Lê Khắc Nhượng đem binh thuyền từ kinh
14 đô Phú Xuân đến Gia Định, hợp đồng với quân binh của Quảng Nam,
15 Quảng Ngãi đi đánh dẹp quân Xiêm. Sai Nguyễn Tri Phương, Nguyễn
16 Tiến Lâm đón đánh quân Xiêm-Miên ở Tiền Giang, Nguyễn Công
17 Trứ cùng với Nguyễn Công Nhân giữ mặt Vĩnh Tế, Phạm Văn Điền
18 và Nguyễn Lương Nhân đón đánh tại Hậu Giang. Ba đạo quân từ 3
19 mặt cùng tiến đánh, quân Xiêm cùng giặc Miên bị đánh tan phải chạy
20 rút về Trấn Tây. Tháng 6 ất (1842), một số dân người Cao Miên
21 không chịu sự xâm lăng và thống trị quân Xiêm trước đây đã bỏ trốn
22 vào rừng nay các thổ mục của họ tỏ ý với chức quyền Đại Nam xin
23 giúp để họ trở về nước cũ. Sai tổng đốc Nguyễn Tri Phương và tuần
24 phủ Doãn Uẩn vỗ về, thu phục nhóm người Miên này để dùng họ
25 trong việc cai trị ở thành Trấn Tây trong tương lai. Tháng 8 ất, ra
26 lệnh chuẩn bị quân binh để đánh Trấn Tây theo lời trình tâu và đề
27 nghị của Nguyễn Tri Phương và Doãn Uẩn. Tháng 10 ất, sai văn võ
28 đại thần duyệt bàn tình hình biên giới xứ Trấn Tây.

29 Năm Ất Tỵ, *Thiệu Trị thứ 5*, tháng 6 (1845), Tuần phủ An Giang
30 là Doãn Uẩn cùng với đề đốc Nguyễn Văn Hoàng chia đường tiến
31 đánh vào nước Chân Lạp: quân của Doãn Uẩn hợp với quan binh
32 Định Tường hạ được 2 đôn Thị Đạm, Vĩnh Bích. Đạo quân của
33 Nguyễn Văn Hoàng phối hợp với quan binh An Giang và Vĩnh Long
34 tiến đánh Tầm Bồn (Battambang), quân Chân Lạp bỏ đôn chạy. Thu
35 được rất nhiều thuyền bè, khí giới. Truyền dụ cho Võ Văn Giải, Tôn
36 Thất Bạch và Tôn Thất Nghị ở Gia Định hội đồng với quan binh của
37 Nguyễn Tri Phương ở An Giang để tiến đánh Chân Lạp. Doãn Uẩn
38 phá tan quân Chân Lạp tại một vùng sông ở Sách Sô rồi tiến đến Bang
39 Chích, đắp đôn đóng giữ. Tháng 7 ất (1845), Nguyễn Tri Phương và
40 Tôn Thất Nghị đưa quân đến Ba Nam, cho người đi chiêu dụ quân
41 Chân Lạp nhưng họ không chịu đầu hàng mà còn làm đôn, đắp lũy ở
42 thượng lưu vùng sông chạy ngang đến đôn Thiết Thăng (đôn này
43 giăng dây sắt nên gọi là Thiết Thăng) để giữ thành Nam Vang. Quan
44 binh triều đình không thể tiến binh, vua Thiệu Trị ra lệnh đánh gấp.

1 Quân đoàn của Nguyễn Tri Phương và Doãn Uẩn ở Ba Nam tiến đánh
2 và hạ được đồn Thiết Thằng của quân Chân Lạp rồi tiến chiếm luôn
3 thành Trấn Tây (tức thành Nam Vang /Phnom Penh). Từ Gia Định,
4 Võ Văn Giải báo trình tin thắng trận về kinh đô Phú Xuân. Vua liền
5 phái Võ Văn Giải đến Trấn Tây để ủy lạo và ban thưởng cho các quan
6 binh. Truyền dụ cho Nguyễn Tri Phương và Doãn Uẩn tiếp tục đưa
7 quân tới Vĩnh Long để truy kích và tảo thanh tàn quân của Chân Lạp.
8 Cũng sai Võ Văn Giải, Tôn Thất Bạch và Nguyễn Văn Hoàng hành
9 quân chiêu hồi trong các vùng đất Chân Lạp vừa tái chiếm. Ai ra đầu
10 thú mà bắt được quân Xiêm trên đất Chân Lạp để giải nạp cho quan
11 binh của nước Đại Nam thì được thưởng và khỏi tội. Thổ mục và Thổ
12 dân người Chân Lạp đem nhau ra đầu thú hơn 23,000 người. Họ đều
13 nói bị quân Xiêm ức hiếp áp chế nên phải nghe theo

14 Võ Văn Giải trình tâu xin đặt Nặc Ong Bướm (con của Nặc Ong
15 Yêm) là quốc trưởng Cao Miên, phái quân của Đại Nam giám sát, lấy
16 Vĩnh Long làm nơi sở tại để quân triều đình đóng giữ ở đây. Triều
17 thần bàn định không chấp nhận giải pháp của Võ Văn Giải và đề nghị
18 chia đất Cao Miên thành phủ, huyện rồi giao cho các thổ mục người
19 Chân Lạp đã theo về với triều đình giống như trường hợp của Trà
20 Long, Nhâm Vu để cai trị dân Chân Lạp. Đề nghị này của triều thần
21 được chấp thuận. Tháng 9 âm (1845), Nguyễn Tri Phương và Doãn
22 Uẩn đem quân tới Vĩnh Long, loạn quân kháng cự mạnh, quan binh
23 không thể tiến tới được bằng đường sông. Nguyễn Tri Phương liền ra
24 lệnh cho quân binh bỏ thuyền lên bộ tấn công ào ạt, loạn quân vỡ
25 thua, Nặc Ong Đôn và tướng Xiêm Chát Tri rút quân lui giữ thành U
26 Đông. Bỏ dụng Nặc Ong Bướm làm tuyên phủ sứ vì đã theo về với
27 quan binh Đại Nam và có công trong chiến dịch chiêu dụ người Chân
28 Lạp. Thành U Đông bị quân Đại Nam vây rất ngặt. Tướng Xiêm là
29 Chát Tri hai ba lần sai người mang thư đến trại quân của Võ Văn Giải
30 xin hòa. Triều thần nghị bàn đề nghị chấp thuận với điều kiện Nặc
31 Ong Đôn phải ra đầu thú và nước Xiêm phải ký hòa ước với Đại
32 Nam. Nguyễn Tri Phương tạm ngưng tấn công thành U Đông và ra kỳ
33 hạn cho Chân Lạp và Xiêm La đến ký hòa ước. Tháng 10 âm, Nguyễn
34 Tri Phương và Doãn Uẩn đề nghị chọn 20 người Chân Lạp tài giỏi
35 vừa mới đầu phục trong thành Trấn Tây, cho họ giữ các chức phủ úy
36 và huyện úy (6 phủ và 14 huyện) để họ chiêu dụ dân Chân Lạp. Vua
37 chuẩn y. Tướng Xiêm Chát Tri sai hẹn hội ước và tiếp tục cố thủ
38 thành U Đông. Nguyễn Tri Phương và Doãn Uẩn liền ra lệnh tiến
39 đánh giết chết hơn trăm quân địch, trong số đó một nửa là quân Xiêm.
40 Quân Xiêm-Miên cố thủ và phản công. Cả hai bên đều bị thiệt hại.
41 Nguyễn Tri Phương xin viện binh tăng cường. Triều đình gửi thêm
42 viện binh: cho thụ đề đốc Vĩnh Long-Định Tường Ngô Văn Giai đến
43 Trấn Tây hội đồng với Tôn Thất Bạch tham biện công việc, sai
44 Nguyễn Vãng Hoàng đi Vĩnh Long họp cùng Lê Văn Phú và Doãn

1 Uẩn đốc quân đánh dẹp. Lãnh binh An Giang là Lê Đình Lý cũng
2 được sai đến Trấn Tây để phòng sai phái. Tháng 11 âl (1845), chỉ thị
3 cho Nguyễn Tri Phương nên cứu xét để ký hòa ước với quân Xiêm và
4 Chân Lạp nếu họ thực lòng cầu hòa, nếu không thì phải tiến đánh
5 nhanh chóng cho xong việc. Sau đó Chắt Tri lại cho người đến xin
6 ước hội. Quân Xiêm dựng một nhà lợp tranh nơi địa điểm hai bên gặp
7 nhau. Nguyễn Tri Phương và Doãn Uẩn dẫn quân hộ vệ đến hội quán
8 rồi từ cửa bên trái đi vào. Chắt Tri xuống voi, đi chân không, bỏ hết
9 nghi thức của người Xiêm rồi từ cửa bên phải đi vào làm lễ vái chào.
10 Hai bên ký hòa ước nhưng buộc Nặc Ong Đôn phải đích thân dâng
11 thư xin nhận tội. Ngày hôm sau, Ong Đôn cho người mang thư đến
12 cửa quân xin nhận tội để chuyển về kinh thành cứu xét, được chấp
13 nhận. Tuy nhiên, vẫn không nhận được thư chính thức của Chắt Tri.
14 Rồi quân Xiêm tự ý triệt đồn lui quân. Lệnh cho Nguyễn Tri Phương
15 lui quân về thành Trấn Tây, Ngô Văn Giai về An Giang, Tôn Thất
16 Bạch về Gia Định.

17 Năm Bính Ngọ, *Thiệu Trị năm thứ 6* (1846), tháng Giêng, tướng
18 Võ Văn Giai tha cho mẹ của Nặc Ong Đôn về Cao Miên còn vợ và
19 cháu của đương sự phải đợi cho đến sau khi Chắt Tri về nước Xiêm
20 rồi sẽ tha về với Ong Đôn. Tháng 11 âl (1846), tướng Chắt Tri lần nữa
21 lấy cớ, ra kỳ hạn một tháng để chờ thư của vua Xiêm, chưa chịu rút
22 quân Xiêm ra khỏi thành U Đông. Sau Chắt Tri đó lại yêu cầu xin
23 cho Nặc Ông Đôn đến đầu thú trước và thư của vua Xiêm sẽ nộp sau.
24 Tháng 12 âl (1846), Chân Lạp Nặc Ong Đôn sai bày tội là Ốc Nha
25 Lịch, Y Giá Non, Ốc Nha Bô, Na Đốc Côi, Ốc Nha Thôn, Na Tiếp Bà
26 Đê Đột đem bài biểu và lễ vật tới Trấn Tây để gọi về kinh đô xin thần
27 phục, được chấp nhận.

28 Tháng 2 âl năm Đinh Mùi (trong khoảng tháng 3dl và tháng 4 dl
29 năm 1847), sứ Cao Miên làm lễ triều cống. Truyền chỉ cho bộ Lễ điều
30 tra hỏi hạn để xem người Cao Miên đã thực lòng thần phục triều đình
31 Đại Nam hay chưa. Hỏi đến đâu, sứ Cao Miên nói đến đó, không ngần
32 ngại chút nào, xét thấy lời lẽ của họ chân thành, cho nên không còn
33 nghi ngờ người Cao Miên nữa. Phong cho Nặc Ong Đôn làm Cao
34 Miên quốc vương, Mỹ Lâm quận chúa Ngọc Vân làm Cao Miên quận
35 chúa. Sai bổ chính tinh Gia Định là Lê Khắc Nhuận cùng với
36 Nguyễn Tiến Hội và Hoàng Thu làm khâm sứ sang thành Oudong làm
37 lễ tuyên phong cho Ong Đôn và Ngọc Vân. Thương công cho các
38 quan đại thần ở Trấn Tây.

39 Tháng 12 â.l năm Tân Dậu, *niên hiệu Tự Đức thứ 14* (tháng 1
40 d.l/1861), để trả thù về cái chết của Barbet, Ariès mở một cuộc hành
41 quân lớn tấn công vào các phòng tuyến của chiến lũy Chí Hòa nhưng
42 bị quan binh triều đình chống trả mãnh liệt, hơn 130 quân Pháp bị
43 chết tại trận. Sau trận đánh này, phó đô đốc hải quân **Charner** và

1 thiếu tướng Vassoigne được chính quyền Pháp phái sang, mang theo
2 3,000 quân tăng viện và một hạm đội tàu chiến hùng hậu.

3 Vua Cao Miên (Chân Lập) Nặc Ong Đôn (sử cũ viết là man tù
4 Xá Ong Giun) chết năm 1860 tức năm Canh Thân, tháng 11 â.l/ *niên*
5 *hiệu Tự Đức thứ 13* (ĐNTLCB; quyển XXIII đã dẫn; trang 166), con
6 trai trưởng là Norodom kế vị.

7 Tân Dậu, *Tự Đức thứ 14*, tháng Giêng (7 tháng 2 d.l/1861), soái
8 hạm Impératrice-Eugénie của Charner thả neo trên sông Sài Gòn
9 (sông Tân Bình). Sau khi đánh chiếm đại đồn Chí Hòa và truy kích
10 quân triều đình chạy về Biên Hòa Charner phái phó thuyền trưởng
11 Lespès mang quà cáp và một lá thư đề ngày 24/ 3 d.l/ 1861 sang
12 chiêu dụ vua Cao Miên Norodom đệ I. Norodom liền cử một sứ đoàn
13 80 người mang lễ vật sang gặp Charner để xin giao hảo với người
14 Pháp. Việc này được A. Schreiner viết lại như sau:

15 « En fin, au roi du Cambodge, l'amiral fit parvenir des présents et
16 une lettre (24 mars 1861). Le lieutenant de vaisseau Lespès, qui avait
17 pris une part des plus actives à la campagne, fu chargé de la mission;
18 il se rendit à Kampot avec l'avis le *Norzagaray* qu'il commandait. Voici la
19 teneur du pli:

20 << *Les derniers événements de la Cochinchine sont parvenus à la*
21 *connaissance de Votre Majesté. Ell sait que les troupes franco-espagnoles*
22 *ont chassé les Annamites des lignes de Chí-Hòa, que Saigon est dégagé et*
23 *qua l'armée ennemie vaincue s'est dispersée dans toutes les directions. Les*
24 *populations des environs, à de grandes distances, sont venues faire leur*
25 *soumission et accepter la protection qui leur était offerte.*

26 *L'intention de la France est de conserver sa conquête, de fonder dans la*
27 *Basse-Cochinchine une colonie et d'y apporter tous les bienfaits de la*
28 *civilisation européenne. Le Cambodge a toujours eu avec la France des*
29 *relations d'amitié. J'espère que nos rapports, en devenant plus fréquent,*
30 *deviendront aussi plus intimes.*

31 *Comme commandant des forces de terre et de mer en Cochichine, et*
32 *comme représentant de la France, je viens assurer Votre Majesté de nos*
33 *meilleures intentions à l'égard du royaume du Cambodge et répondre aux*
34 *avances de paix et d'amitié que le Roi, votre père, Sire, a souvent faites au*
35 *représentant du noble Empereur des Français à Saigon.*

36 *J'ai l'honneur d'informer aussi Votre Majesté que je compte, dans un*
37 *temps peu éloigné, porter nos forces sur Mỹ Tho et m'emparer de cette place,*
38 *dernière défense des Annamites vers le Cambodge.*

39 *Le commandant de l'avis de sa Majesté Impériale, le Norzagaray,*
40 *porra entrer en communication avec Votre Majesté, si tel ait son désir.*

41 *J'offre à Votre Majesté . . . >>*

42 *Cette démarche auprès du souverain cambodgien eut un succès*
43 *complet. Le Roi Norodom répondit par des présents et l'envoi d'une*
44 *ambassade de quatre-vingts personnes (nous en parlerons plus loin).*
45 *(A.Schreiner; đã dẫn; trang 183)*

1 **Tạm dịch:** Sau cùng, đối với vua Cao Miên, viên đề đốc đã gửi qua cáp
2 và một lá thư (đề ngày 24 tháng 3 năm 1062). Phó hạm trưởng Lespès, người
3 đã dự phần hết sức tích cực vào chiến trận, được chỉ định nhiệm vụ mang
4 quà và thư; ông ta tới Kampot với chiến hạm *Norzagaray* do ông chỉ huy. Và
5 sau đây là nội dung lá thư:

6 <<Những biến cố cuối cùng ở Nam Kỳ đã được hoàng thượng
7 nhận tường. Hoàng thượng biết rằng đoàn quân Pháp-Tây Ban Nha
8 đã đánh đối quan binh người An Nam chạy khỏi đồn Chí Hòa, Sài
9 Gòn được giải tỏa và địch quân bại trận đã bỏ chạy tứ tán khắp nơi.
10 Dân cư các vùng ngoại vi khá xa đã chịu quy phục và chấp nhận sự
11 bảo hộ như đã đề nghị từ trước.

12 Ý định của nước Pháp là duy trì đất đai chiếm được của mình,
13 thiết lập tại vùng Nam Kỳ một chế độ thuộc địa và mang tới nơi đó
14 những lợi ích văn minh âu châu.

15 Nước Cao Miên luôn luôn có một mối liên hệ thân hữu với nước
16 Pháp từ trước đến nay. Chúng tôi ước mong rằng những mối liên hệ
17 của hai nước, càng lúc càng trở nên thường xuyên, sẽ trở thành thân
18 thiện hơn.

19 Nhân danh là tư lệnh hải, lục quân ở Nam Kỳ và là người đại
20 diện cho nước Pháp, chúng tôi đến để khẳng định với hoàng thượng
21 về những ý định tốt đẹp nhất của chúng tôi với vương quốc Cao Miên
22 mà cũng là để đáp lại mối hòa bình thân hữu đã có từ trước mà tiền
23 vương thân phụ của ngài đã thực hiện qua sự đại diện các vị sứ thần
24 của quý quốc ở Sài Gòn gửi đến hoàng đế nước Pháp của chúng tôi.

25 Chúng tôi hân hạnh thông báo đến hoàng thượng là không bao
26 lâu nữa, đoàn quân lục của chúng tôi sẽ tiến chiếm Mỹ Tho là cứ
27 điểm cuối cùng của người An Nam tiến sang Cao Miên.

28 Vị thuyền trưởng tàu chiến hoàng gia, chiến hạm *Norzagaray*, có
29 thể đến diện kiến hoàng thượng nếu cần (sic!) (nếu ông ta muốn như
30 thế).

31 *Khải bảm hoàng thượng . . . >>*

32 Đường hướng tiến gần với vương triều Cao Miên đã gặt hái được
33 kết quả toàn diện. Vua Norodom đã đáp ứng lại bằng cách gửi qua
34 biểu tặng và sai một đoàn sứ gồm 80 người.>>

35 Vào tháng 4 d.l năm 1860, em trai thứ 3 của Norodom là Si-Vattha
36 gây loạn cướp ngôi khiến Norodom phải chạy trốn sang nước Xiêm
37 La (Thái Lan). Người dân Cao Miên vào lúc này, thừa dịp quan binh
38 của triều đình nước Đại Nam đang khốn đốn bận rộn đối phó với
39 đoàn quân xâm lược Âu Châu, đã nổi dậy đánh phá các vùng biên giới
40 giữa 2 nước (Tây Ninh, Thủ Dầu Một, Dầu Tiếng. ..). Tháng 5 â.l
41 (1860), người Cao Miên chiếm đồn Chu Úc ở Trà Bông thuộc quyền
42 cai quản của tỉnh Gia Định. Phó lãnh binh Nguyễn Hợp đưa quân bình
43 định nhưng bị giết chết khi xung trận. (xem VSTK. Q.V; trang 1160,
44 1161).

1 Như vậy, có thể suy định rằng vào lúc đoàn quân xâm lược Âu
2 Châu chiếm Sài Gòn-Chợ Lớn (Gia Định), Tây Ninh, Thủ Dầu Một,
3 thì người Xiêm La đã tiến chiếm một vùng đất nào đó của Chân Lạp
4 (tỉnh **Kampot**) rồi đưa Norodom về để tiếp tục dẹp nội loạn lấy lại
5 ngôi vua cho Norodom. Trước đây cha của Norodom là Nặc Ong Đôn
6 chỉ làm vua bù nhìn một nửa nước Chân Lạp dưới quyền đô hộ của
7 quan cai trị Gia Định. Nay Gia Định, Tây Ninh đã mất vào tay người
8 Pháp thì người Cao Miên rất vui.

9 Sau khi Nặc Ong Đôn chết thì Tự Đức muốn đem quân đánh phạt
10 (tháng 11 â. 1 năm Canh Thân, niên hiệu Tự Đức thứ 13/**1860**) vì kẻ
11 thừa kế của Nặc Ong Đôn là Norodom đệ I không báo tang. Việc này
12 được ĐNTLCB ghi lại như sau:

13 <<Man xá Ong Giun nước Cao Man chết. Vua dụ bọn Nguyễn Tri
14 Phương rằng: "Cao Man đời đời làm thần bộc nước ta, thế mà dám
15 mượn có dân Chăm, dân Chà Và, nổi lên làm loạn, xui thổ mục gây
16 hiềm khích ngoài biên. Quan ở biên thù đánh dẹp chưa yên. Gần
17 đây, Man tù Xá Ong Giun, hiện đã chế rồi, mà nước nó vẫn giữ bí
18 mật. Như thế sự phòng bị của họ tất là sơ sài. Ta nhân đó mà đánh,
19 cũng là một cơ hội tốt. Trẫm vẫn biết đánh kẻ có tang, không phải là
20 chính nghĩa. Nhưng nó không báo tang, nếu ta có biết cũng coi như
21 không biết. Tướng nên thừa cơ, gióng quân tự An Giang đi, một mặt
22 đem quân kéo thẳng đến; một mặt kể rõ tội họ gây ra hiềm khích mà
23 đánh. Khiến cho họ phải thú phục thì cõi biên thù chóng yên". Rồi
24 lại vì trong nước ấy có nội loạn, vua hạ lệnh cho đợi sau sẽ tính làm.
25 (ĐNTLCB; q.XXII đã dẫn; trang 166)

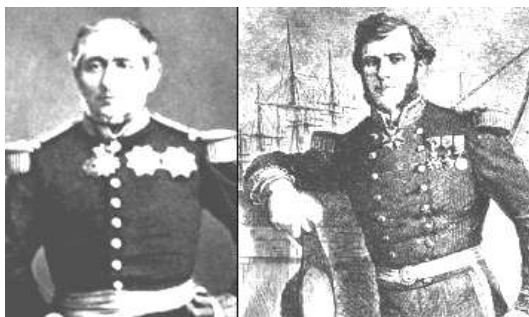
26 Tuy nhiên việc chinh phạt Cao Miên chưa kịp thực hiện thì người
27 Pháp đã gây hấn ở Đà Nẵng rồi đánh chiếm Gia Định khiến cho triều
28 đình Đại Nam phải bận rộn lo đối phó không còn khả năng đi chinh
29 phạt Cao Miên nữa.

30 Sau khi thay thế Charner, Bonard cũng có sang gặp Norodom và
31 được Norodom tiếp đón nồng hậu vì nghe theo lời cố vấn của giáo sĩ
32 giám mục Miche (vào khoảng tháng 9 d.1 năm 1862/ theo A.
33 Schreiner đã dẫn; trang 248).

34 Nghe theo lời cố vấn của Bonard và theo chỉ thị của hầu tước
35 Chasseloup Laubat trong chính phủ Pháp, đề đốc La Grandière lúc
36 vừa mới tới Nam Kỳ đã nghĩ ngay tới việc tìm dịp tạo mối thiện cảm
37 với vua Cao Miên. Nhân một dịp vua Cao Miên bị lây một chứng
38 bệnh truyền nhiễm đang lan tràn trong giáo phận của giáo sĩ giám
39 mục Miche, La Grandière liền phái y sỹ Hennecart tới Oudong. Y sỹ
40 này có thể nói và hiểu tiếng Miên từ khi ông ta công tác ở tỉnh Tây
41 Ninh. Vua Cao Miên được chữa khỏi bệnh rất nhanh tỏ rõ thiện cảm
42 lớn lao với viên y sỹ và luôn cả với nước Pháp.

43 Ít lâu sau, La Grandière liền cử phó hạm trưởng Doudart de
44 Lagrée đi theo pháo thuyền *Gia Định* với 28 binh sỹ sang Cao Miên để

1 thi hành nhiệm chức đại diện cho người Pháp ở bên đó. De Lagrée
2 đến Cao Miên vào đầu năm 1863 và mặc dù bị người Xiêm ở đó cản
3 trở gây hiềm khích chia rẽ nhưng De Lagrée vẫn chiếm được lòng tin
4 của quốc vương Norodom. Từ ngày 18 tháng 6 d.l năm 1863, De
5 Lagrée đã gửi báo cáo về cho La Grandière rằng nhà vua (Cao Miên)
6 đang ở một vị thế rất thuận lợi nhưng không thể để vị vua này bị chi
7 phối bởi một ảnh hưởng nào khác; một khi ông vua này đã ban phát
8 một điều gì thì cần phải nhận ngay và không nên bàn bạc gì tới điều
9 đó nữa.



Đề đốc La Grandière và Doudart de Lagrée

10 Sau khi đoàn sứ Phan Thanh Giản khởi hành sang Pháp, **la**
11 **Grandière liền đến Oudong vào ngày 9 tháng 8 d.l năm 1863** và
12 được Norodom tiếp đón hết sức long trọng. Giáo sĩ giám mục Miche
13 đóng vai trò thông ngôn và đi đến kết quả là một **hiệp định được ký**
14 **kết vào ngày 11 tháng 8 d.l năm 1863 đặt nước Cao Miên**
15 **(Cambodge) dưới sự đô hộ của Pháp** và một địa điểm hải quan
16 trong lãnh vực tỉnh Pnom-Penh được giao nhượng cho người Pháp để
17 làm bến nhà kho và đồn trú quân sự.

18 Ký kết hiệp định bảo hộ Cambodge xong, la Grandière yên tâm
19 trở về Sài Gòn nhưng Norodom thì lại gặp nhiều rắc rối do
20 chính quyền bảo hộ cũ của người Xiêm (Thái Lan) do Phnea-Rat cai
21 trị ở Oudong gây ra. Mặt khác, triều đình nước Xiêm cũng tìm cách
22 ngăn chặn việc hoàng đế Pháp Napoléon III phê chuẩn định ước bảo
23 hộ Cambodge, hứa sẽ giao hoàn ấn tín của vương triều nước
24 Cambodge và yểm trợ cho Norodom làm lễ đăng quang lên ngôi vua
25 ở Oudong. De Lagrée báo cáo tự sự về Sài Gòn. La Grandière liền
26 phái thêm một pháo hạm sang Cambodge để cảnh cáo sự can dự của
27 người Xiêm vào nội tình của Cambodge. Tuy nhiên, Phnea-Rat vẫn
28 tiếp tục dùng mọi thủ đoạn để cho Norodom mất lòng tin vào người
29 Pháp. Nhân chuyện các thủy binh Pháp sai rượt xong vào cung đình
30 chọc ghẹo các công chúa khiến cho Norodom nổi giận, Phnea-Rat liền
31 lợi dụng thời cơ này để tạo chia rẽ giữa Norodom và người Pháp và
32 Phnea-Rat đã khuyên dụ được **Norodom ký kết một hiệp ước vào**

1 **ngày 1 tháng 12 d.l năm 1863 chấp nhận sự bảo hộ của người**
2 **Xiêm.** Hiệp ước bảo hộ này được phê chuẩn trao đổi vào ngày 22
3 tháng 1 d.l năm 1864 nhưng lại không có lễ đăng quang huy hoàng
4 cho Norodom ở Oudong mà cũng không có ấn tín như Phnea-Rat đã
5 hứa khiến cho Norodom thất vọng rất nhiều. Tuy nhiên, theo chỉ thị
6 của triều đình vua Xiêm, Phnea-Rat đề nghị rằng Norodom sẽ được
7 đăng quang trọng thể nếu Norodom chịu sang thủ đô Bangkok của
8 nước Xiêm. Norodom chấp thuận. Doudart de Lagrée đã tìm đủ cách
9 để khuyến cáo Norodom đừng đi, ngay cả đưa ra những lời hăm dọa
10 đánh chiếm các tỉnh thành của Cambodge, nhưng vô hiệu quả. **Ngày 3**
11 **tháng 3 d.l năm 1864,** Norodom được Phnea-Rat và một toán nhỏ
12 quân Xiêm hộ tống lên đường đi sang nước Xiêm. Chỉ vài giờ sau, de
13 Lagrée ra lệnh cho quân Pháp tiến chiếm hoàng cung và các cơ sở
14 hành chính công cộng. Hai ngày tiếp theo, 2 tàu chiến và 100 thủy
15 binh của Pháp được phái đến để tăng viện cho de Lagrée. Khi đi xa
16 khỏi Oudong khoảng 10 dặm, Norodom phải dừng lại và khiếp sợ khi
17 biết được tin kinh đô Oudong đã bị người Pháp chiếm giữ. Norodom
18 bèn quyết định quay trở lại Oudong mặc dù Phnea-Rat ngăn cản và
19 phản đối quyết liệt.

20 Tháng 8 d.l năm 1864 hiệp định bảo hộ đã được hoàng đế Pháp
21 Napoléon III phê chuẩn. Đại tá Desmoulins thừa lệnh mang lên
22 Oudong và nghi lễ trao đổi văn kiện chuẩn phê được tổ chức tại
23 Oudong từ ngày 12 đến ngày 17 tháng 4 d.l năm 1864. Người Pháp
24 liền cử đại tá Aubaret sang thủ đô Bangkok gặp vua Xiêm Mang-Kut
25 để bàn định về việc tổ chức lễ đăng quang chính thức cho Norodom
26 và vấn đề quân Xiêm rút ra khỏi hai tỉnh Angkor và Battambang. Vua
27 Xiêm phải nhượng bộ.

28 Ngày 3 tháng 6 d.l năm 1864, Norodom làm lễ đăng quang.

29 Ngày 16 tháng 6 d.l năm 1864, Phnea-Rat cùng quân Xiêm rút hết
30 ra khỏi lãnh thổ Cambodge.

31 Ngày 25 tháng 10 d.l 1864, vua Norodom với một số đông tùy
32 tùng xuống Sài Gòn để cống lễ chính quyền Pháp, được người Pháp
33 tiếp đón nồng hậu. Ngày 27 tháng 10 d.l năm 1864, vua Norodom trở
34 về Oudong. (A.Schreiner; đã dẫn; trang 255-257).

35 (7) Sai hiệp biện đại học sĩ Phan Thanh Giản, lại bộ tả tham tri
36 Phạm Phú Thứ, Án sát Quảng Nam Ngụy Khắc Đản đi sứ nước
37 Pháp để lo việc chuộc lại 3 tỉnh đã mất vào tay quân xâm lược
38 Pháp: Tự Đức và triều đình cho rằng chuyến đi sứ này rất quan trọng
39 và khó khăn cho nên cần phải chọn lựa những người có khả năng.
40 Ngụy Khắc Đản lấy cơ còn có mẹ già cần săn sóc để thoái thác nhưng
41 Tự Đức không chấp nhận. Tự Đức lại hỏi ý kiến của Phan Thanh Giản
42 về triển vọng của chuyến đi công tác sang Pháp với mục đích chuộc
43 lại các tỉnh đã bị mất. Phan Thanh Giản trả lời rằng không thể dự

1 đoán được kết quả sẽ ra sao vì chuyến đi vội vàng quá và không được
2 chắn bị chu đáo.

3 << Vua nói: "*Vậy thì sai sứ đi có ích lợi gì? Phan Than Giản cũng*
4 *còn chưa am hiểu, huống chi người khác ư. Lần đi này đã dự định là*
5 *phải nói làm sao cho bằng được. Nếu họ không nghe thì phải ở lại mà*
6 *nói, cốt cho chuyển biến lòng của họ. Nếu đi không về không hay đi*
7 *không mà đến chết thì có lợi ích gì cho nước. Hãy đem 2,3 việc quan*
8 *trọng mà bàn, còn thì chẳng qua là sửa định lại mà thôi". Vậy sai sửa*
9 *lại tờ quốc thư*>>. (ĐTL đã dẫn; trang 22)

10 Đại ý tờ quốc thư được sửa lại như sau:

11 -Các đạo trưởng Phá-Y Pha Nho phải có định số và định sở nhất
12 định.

13 -Triều đình chịu trả tiền bồi thường quân phí thì liên quân xâm
14 lược hãy trả lại cho triều đình ba tỉnh Biên Hoà, Gia Định. Định
15 Tường.

16 -Yêu cầu bồi bỏ điều khoản phải hỏi ý liên quân xâm lược trước
17 khi triều đình muốn giao dịch ngoại giao với các nước khác.

18 -Việc hội họp sứ bộ giữa liên quân xâm lược với triều đình Huế
19 thì nên giao thiệp ở công quán Đà Nẵng.

20 -Yêu cầu triển hạn trả khoản tiền bồi thường 400 vạn đồng từ 10
21 năm thành 20 năm. (ĐNTL đã dẫn, trang 20, 21).

22 Đoạn chép trên của ĐNTL đã được tác giả Lê Thanh Cảnh viết lại
23 bằng tiếng Pháp trên Đô Thành Hiếu Cổ Tập San như sau:

24 <<*Sa Majesté demanda alors à Phan Thanh Giản si, d'après ce*
25 *qu'il pensait de l'état actuel des choses, ses négociations à Paris*
26 *pourraient aboutir à quelques résultats appréciables et si l'Annam*
27 *pourrait espérer de la France la rétrocession des trois provinces*
28 *conquises.*

29 *Phan Thanh Giản répondit qu'il ne pouvait encore rien prédire à*
30 *ce sujet, et ce qu'il lui fallait se rendre compte d'abord de la tournure*
31 *de sa démarche auprès du Gouvernement français.*

32 *Sa Majesté ajouta: "Mais qu'elle est donc le but de votre voyage*
33 *en France? Si vous même vous douter de son issue, vos*
34 *collaborateurs immédiats seront fort embarrassés pour accomplir*
35 *leur tâche. Il faut absolument obtenir la rétrocession par la France*
36 *des territoires conquis. En cas de refus par le Gouvernement français,*
37 *il faudra prolonger votre séjour à Paris, afin de saisir le moment le*
38 *plus propice pour entamer de nouveaux pourparlers. Travaillez à*
39 *former en France une opinion favorable à notre cause; il faut*
40 *également vous efforcer d'attendrir le cœur des hommes du*
41 *Gouvernement français sur le sort de notre royaume. Faites en sorte*
42 *que votre voyage en France ne soit pas inutile pour la réalisation de*
43 *nos légitimes aspirations.*

1 *Même si vous deviez trouver la mort dans l'accomplissement de*
2 *vosre tâche, que cette mort profite à nos desseins. Faites valoir toutes*
3 *les raisons qui doivent militer en notre faveur. Que la rétrocession*
4 *des territoires conquis reste toujours l'immuable objectif de vos*
5 *negociations".*

6 Ordre fut donné aux mandarins de la Cour de rédiger une lettre de
7 créance et des cadeaux diplomatiques imposants pour le Roi de
8 France. (BAVH đã dẫn, 1937, số 4, trang 393-396)

*

9 Ba sứ thân vâng mệnh đến Gia Định ở 9 ngày rồi cùng sứ thân 2
10 nước Pháp-Y Pha Nho vượt biên. Theo tài liệu và thư tịch của Pháp
11 thì chuyến công du của đoàn sứ giả Đại Nam vào năm 1863 được mô
12 tả lại như sau:

13 <Theo sự tuyên bố của chính quyền An Nam thì mục đích của
14 chuyến công du của đoàn sứ thân Phan Thanh Giản là để chúc mừng
15 và cống hiến các phẩm vật đến hoàng đế Napoléon III, đáp lễ về
16 những phẩm vật mà Napoléon III đã cống hiến hoàng đế Tự Đức
17 trong dịp chuẩn nhận hoà ước Nhâm Tuất ngày 5 tháng 6 dl năm
18 1862. (Theo ĐNTL thì lễ vật gửi tặng Napoléon III gồm có: con long
19 mã bằng vàng, con phượng bằng vàng, ngọc tốt, kiếm vàng, khay
20 ngọc, chậu rửa bằng bạc, hộp bằng bạc có ngăn bằng ngà, bình bằng
21 bạc bịt vàng).

22 Tuy nhiên phía sau mục đích này lại là ý đồ của triều đình Huế
23 muốn chuộc lại 3 tỉnh bị mất và nếu không thành công thì ít ra cũng
24 làm trì trệ việc chấp hành hoà ước do Bonard xướng xuất. (Quốc sử
25 quán triều Nguyễn viết về ý đồ này như sau: *Trần Đình Túc tâu rằng:*
26 *"phen này, cốt vì việc xin trả lại 3 tỉnh và triển bạc bồi, vậy xin phải*
27 *chi thêm vàng bạc trong kho, cốt làm sao cho được việc. Ngài nghe*
28 *theo").* (SQTCBTY đã dẫn, trang 340, ĐNTL đã dẫn, trang 24, 25).

29 Thay vì chống đối, đề đốc la Grandière lại cung cấp một tàu
30 chiến Européen để chở mướn đoàn sứ Đại Nam sang Pháp. Phó hạm
31 trưởng Rieunier (còn được gọi là Lý A Nhi), nguyên chỉ huy trưởng
32 hậu trại của Bonard, được chỉ định tháp tùng theo đoàn sứ đến Paris.

33 Đoàn sứ Đại Nam gồm khoảng 60 người trong đó có 10 người Sài
34 Gòn (người miền Nam) hầu hết là theo đạo gia tô. Linh mục Hoàng
35 (hay Hoảng) là thông ngôn chính thức của đoàn sứ Phan Thanh Giản.
36 Linh mục Hoàng đã mô tả cảnh sinh hoạt của đoàn sứ Đại Nam trên
37 tàu chiến Européen như sau: *"Mỗi ngày chúng tôi nguyện kính chung*
38 *với nhau sau buổi nguyện kính của các thủy thủ với linh mục tuyên úy*
39 *của họ. Phải mất khá nhiều thời giờ để những người trong đoàn sứ An*
40 *Nam có thể sống theo nếp sinh hoạt trên tàu nhưng rồi thì cũng lướt*
41 *qua . . . Họ mang theo nhiều nước mắm, ớt ,nhiều loại gia vị , thứ gì*
42 *cũng có . . . Trước khi tàu ghé bến Arden, rất ít người nào trong đoàn*
43 *sứ tránh khỏi được tình trạng say sóng khổ sở."*

1 Tầu *Européen* rời bến Sài Gòn ngày 17 tháng 7 năm 1867, cặp
2 bến kinh Suez ngày 17 tháng 8. Từ cảng Alexandrie (Ai Cập), đoàn
3 sứ đổi sang tầu *Labrador* để tiếp tục và tới bến tầu Toulon (Pháp) vào
4 ngày 10 tháng 9 năm 1863, được đón chào bằng 17 phát súng đại
5 pháo. Tất cả tầu hải quân của Pháp đang đậu tại bến này đều được
6 lệnh kéo cờ hiệu màu vàng vì màu vàng biểu hiệu hoàng tộc nước
7 Đại Nam.

8 Mười giờ sáng hôm sau, các sứ thần An Nam tiếp kiến các chức
9 quyền hải quân ngay trên tầu. Hạm trưởng Aubaret (Hà Ba Lý) đại
10 diện cho bộ Ngoại giao Pháp làm thông dịch viên.

11 Tiếp theo, phái đoàn đi xem bến tầu, sân pháo binh và dự buổi ăn
12 trưa do thị trưởng thị xã Toulon khoản đãi. Sau đó, đoàn sứ được đưa
13 lên du thuyền hoàng gia Pháp *Aigle*: Đoàn sứ luôn luôn giữ thái độ
14 kính trọng khi dạo quanh du thuyền và từ chối không vào buồng riêng
15 của hoàng đế và hoàng hậu nước Pháp.

16 Tầu *Ville de Paris* chào mừng đoàn sứ tại đây bằng một màn thao
17 diễn quân sự sùng nổ vang rền nhưng đoàn sứ vẫn giữ thái độ trầm
18 tĩnh không một chút giao động. Buổi chiều hôm đó, tầu *Labrador* nhỏ
19 neo đưa đoàn sứ đi Marseille.

20 Ngày 11 tháng 9 dl, tổng lãnh sự Mure de Pelanne đại diện cho bộ
21 ngoại giao chào đón phái đoàn sứ của vương quốc An Nam và
22 hướng dẫn đoàn đến khách sạn. Tại khách sạn, phái đoàn đã tiếp kiến
23 các chức quyền dân sự, quân sự và hải quân của tỉnh thành Marseille.
24 Phái đạo xem bến cảng Marseille tấp nập trù phú nhưng vẫn luôn giữ
25 được thái độ trầm tĩnh, không vờ vập hay trầm trở ra mặt.

26 Sáng hôm sau (ngày thứ bảy 12 tháng 9 dl năm 1863) phái đoàn
27 lên tầu hoả đi Paris và đến nơi vào buổi chiều Chúa Nhật ngày 13
28 tháng 9 dl năm 1863). Trong cuộc hành trình bằng tầu hoả, đoàn sứ đã
29 có dịp thưởng ngoạn những nét đẹp cùng với sự trù phú của nước
30 Pháp. Hai mươi năm sau, linh mục Hoàng kể lại rằng đoàn sứ An
31 Nam đã bị ngỡ ngàng khi nhận thấy không có một tác đất nào bị bỏ
32 hoang kèm với sự sung túc và hoa mỹ của đất nước này, những điều
33 mà trước đó phái đoàn sứ đã từng chê bai các sĩ quan Pháp là ba hoa
34 khoác lác nhằm mục đích đề cao đất nước giàu đẹp của họ.

35 Phái đoàn được đại diện của hoàng đế Napoléon III là Feuillet de
36 Conches (A-tô mang) tiếp đón và dùng các loại xe kiệu của hoàng gia
37 Pháp để đưa phái đoàn về khách sạn dành riêng cho đoàn tại số 17
38 đường Lord-Byron, gần Khải Hoàn Môn (Arc de Triomphe).

39 Hoàng đế Napoléon không có mặt ở Paris và hiện đang ở Biarritz
40 và chỉ trở về hoàng cung vào đầu tháng 10 dl. Tuy nhiên Bộ trưởng tài
41 chánh Achille Fould đã chính thức tiếp kiến phái đoàn vào ngày 18
42 tháng 9 dl năm 1863. Trong cuộc tiếp kiến này Aubaret giữ nhiệm vụ
43 thông dịch viên. Việc thương thảo giữa tổng trưởng tài chánh Pháp
44 và Phan Thanh Giản rất căng thẳng về ngạch mức tiền chuộc lại 3 tỉnh

đang bị quân viễn chinh Pháp chiếm đoạt và chi tiết về cách thức trả
tiền chuộc và tổng trưởng tài chánh có vẻ như muốn triệt thoái hết
quân ra khỏi Nam Kỳ.

Phó hạm trưởng Rieunier viết lại rằng ngay sau vào lúc đoàn sứ
Đại Nam vừa đặt chân lên cảng Toulon thì báo *Indépendance belge* đã
loan tin rằng triều đình nước An Nam chịu trả 80 triệu đồng quan
Pháp để chuộc lại 3 tỉnh và người Pháp chỉ còn giữ lại Sài Gòn mà
thôi. Tin tức này chỉ được phổ biến giới hạn trên báo chí để rồi ngay
sau đó một bản giắc thư kín được sao thành 50 bản để gửi đến hoàng
đế và các chức quyền có thể lực của nước Pháp hầu tạo hậu thuẫn
chấp nhận những đề nghị của sứ đoàn Phan Thanh Giản. Giắc thư
không được gửi sang cho quyền thống đốc Bonard tác giả của bản hòa
ước Nhâm Tuất (1862). Giắc thư cũng không được gửi tới đô đốc La
Grandière cũng như Tổng Trưởng bộ Hải Quân và Thuộc Địa
Chasseloup-Laubat. Dư luận người Pháp cho rằng Bộ Tài Chánh và
bộ Ngoại Giao của triều đình Pháp đã thực hiện một cuộc đảo chánh
ngầm trong vấn đề thương thảo với đoàn sứ giả của triều đình Huế.

Ngày 7 tháng 11 dl năm 1863 hoàng đế Napoléon tiếp kiến đoàn
sứ tại điện Tuileries. Trong cuộc tiếp kiến này, Napoléon III đã hiểu
dụ và tuyên bố rất thuận lợi cho đoàn sứ nhưng thông dịch viên
Aubaret đã chuyển đạt sai ý nghĩa lời kết luận của Napoléon III khiến
cho đoàn sứ phải ngỡ ngàng và thất vọng tưởng rằng hoàng đế Pháp bắt
khước những đề nghị của hoàng đế Đại Nam do họ có bản phận
chuyển đạt đến. Lời kết của hoàng đế Napoléon III nói với họ như
sau: "*La France, dit-il en substance, est bienveillante pour toutes les
nations et protectrice des faibles; mais ceux qui l'entravent dans sa
marche, ont à crainte sa sévérité*". Khi Aubaret chuyển đạt sang tiếng
Việt, ông ta chỉ dịch lại phần kết thúc lời hiểu dụ của hoàng đế Pháp
bằng mấy chữ ngắn gọn: "**phải có sợ**". Tức là Aubaret đã bỏ đoạn
đầu mà chỉ lấy đoạn cuối **ont à crainte sa sévérité** để nhấn gởi đến
phái đoàn sứ Đại Nam. (tạm dịch: "*Hoàng đế tuyên phán rõ rằng
nước Pháp thân thiện với tất cả các quốc gia và bảo hộ cho những
nước yếu kém; tuy nhiên ai ngăn trở bước tiến của nước Pháp thì mới
phải e sợ sự nghiêm ngặt của nước Pháp*". (BAVH 1-3/1926, trang
74; cũng xem A Schreiner, *Abrégé de l' Histoire d' Annam* đã dẫn,
trang 262).

Tuy nhiên nỗi lo âu của đoàn sứ đã được giải tỏa vì vào ngày 12
tháng 11 dl năm 1863, tờ báo *Moniteur universel* đăng tin chính thức
rằng hiệp ước ký ngày 5 tháng 6 dl năm 1862 sẽ được tái xét
lại. Theo A.Schreiner thì triều đình Pháp hứa hẹn các yêu cầu của
đoàn sứ sẽ được đáp ứng và sẽ gởi sang triều đình Huế trong vòng 1
năm. (A Schreiner đã dẫn, trang 262).

1 Như vậy, chuyến công du của đoàn sứ Phan Thanh Giản xem như
2 đã thành công với việc triều đình Pháp ở Paris đã đồng ý tái xét lại
3 hoà ước Nhâm Tuất (1862).

4 Trong chuyến đi này, vua quan triều đình Pháp đã có một thái độ
5 kính trọng và khâm phục về cung cách đối ứng của Hiệp biện đại học
6 sĩ Phan Thanh Giản: bài đọc diễn văn của ông trầm bổng, khẩn cấp,
7 trân trọng, rung cảm, trách cứ đã gây xúc động cho nhiều người trong
8 buổi tiếp kiến tại điện Tuileries. Lễ phục uy nghi và ngoạn mục của
9 sứ đoàn đã làm cho mọi người trầm trồ chóa mắt hết lời khen ngợi.
10 (xin đọc BAVH 1-3/ 1926 đã dẫn, trang 73).

*

CHƯƠNG III

NGUYỄN DỰC TÔN (1848 - 1883)

Niên hiệu : *Tự Đức* (Tiếp theo)

1 Giáp Tý, *Tự Đức thứ 17*, tháng 6 âm (1864), Pháp đòi
2 triều đình Huế phải trả nợ 400,000 đồng tiền bồi thường
3 chiến tranh đúng kỳ hạn mỗi năm như điều thứ 8⁽¹⁾ đã định
4 trong hòa ước Nhâm Tuất (1862) cộng với số nợ còn thiếu
5 từ kỳ trả năm trước là 200,000 đồng. Triều đình Huế chỉ
6 chịu trả 400,000 đồng nhưng vẫn giữ lại số nợ còn thiếu
7 nửa năm trước 200,000 đồng chưa chịu trả⁽²⁾.

8 Triều đình sai tỉnh Nghệ An cấp phát cho Hà Nội 50
9 khẩu súng thần công mới đúc, mỗi khẩu 50 phát thuốc đạn
10 để phân bố đi các nơi ở Bắc Kỳ. (ĐNTL đã dẫn, trang 95).

11 Đòi Nguyễn Bá Nghi từ quân thứ Bình Thuận về triều
12 rồi trao chức Bắc thứ tham tán đại thần kiêm lãnh Tổng
13 đốc Sơn, Hưng, Tuyên.

14 Giáp Tý, *Tự Đức thứ 17*, tháng 7 âm (1864), mở kỳ thi
15 hương ở trường Thừa Thiên.

16 Phan Thanh Giản và Lâm Duy Hiệp tiếp tục thương
17 thuyết việc chuộc lại 3 tỉnh nhưng phía Pháp từ chối.
18 Trương Đăng Quế lại cố vấn, đề nghị triều đình phái người
19 đi Pháp để trình bày việc Bonard ép bức phái đoàn thương
20 thuyết của triều đình Huế nhưng đề nghị của Trương Đăng
21 Quế không được nghe theo.

22 Triều đình gọi Trương Định ra Phú Yên nhằm chấm dứt
23 chiến cuộc của dân quân kháng chiến chống Pháp ở các
24 tỉnh Gia Định, Định Tường, Biên Hòa nhưng Trương Định
25 không tuân lệnh, bị triều đình Huế cách chức hàm.

26 Trong khi đó, quân xâm lược Pháp mở ra các cuộc hành
27 quân táo bạo nhằm tiêu diệt các ổ kháng chiến:

28 - Ở Bà Rịa, quân Pháp bắt được một chỉ huy kháng
29 chiến là quân Sư, hành quyết vào ngày 9 tháng 5 năm
30 1863 và giết được nhiều kháng chiến quân khác.

31 - Ở Bình Thuận, triều đình Huế yêu cầu đề đốc La
32 Grandière tiêu trừ và tuần tra giặc cướp biển người Hoa.

1 - Ở vùng phía Tây, quan binh triều đình che dấu quân
2 kháng chiến và chỉ truy bắt những thường nhân phạm tội
3 hình sự để xử phạt hầu che mắt quân Pháp. Quan binh triều
4 đình An Nam sau đó bắt giam tại nhà tù Châu Đốc một thủ
5 lĩnh kháng chiến tên là Quới. Quân kháng chiến đến giải
6 vây nhưng không có kết quả. Quới đã cầm đầu quân kháng
7 chiếm đánh phá các vùng do quân Pháp chiếm đóng và
8 ám sát một xã trưởng đã hợp tác làm việc với quân Pháp.
9 Sau đó Pháp tạo áp lực khiến chính quyền Đại Nam phải
10 giao nộp Quới để Pháp xét xử và hành quyết.

11 Phụ tá của thủ lĩnh kháng chiến Thiên hộ Dương là đô
12 đốc Huân bị quân triều đình giam nhốt ở Châu Đốc cũng bị
13 giải giao cho quân Pháp xét xử sau khi La Grandière đưa 3
14 pháo hạm từ Oudong đến uy hiếp Châu Đốc và gây áp lực
15 thi hành hoà ước Nhâm Tuất 1862.

16 Trương Định được dân quân kháng chiến tôn làm đại
17 đầu mục để tiếp tục đánh phá quân xâm lược Pháp-Tây
18 Ban Nha. Trong hàng ngũ kháng chiến của Trương Định có
19 Huỳnh Công Tấn. Cha của Tấn thường liên hệ giao dịch
20 với một công chức người địa phương hợp tác làm việc cho
21 quân Pháp và vì vậy cha của Tấn bị Trương Định hăm dọa
22 chém đầu. Tấn bỏ Trương Định ra đầu thú với quân Pháp
23 từ năm 1862, được cho giữ chức đội trưởng và trở thành
24 thù địch với Trương Định. Huỳnh Công Tấn biết được
25 Trương Định và 25 kháng chiến quân có mặt tại vùng Kiền
26 Phước ở Gò Công. Đêm **19 rạng ngày 20 tháng 8 dl năm**
27 **1864**, Tấn đưa quân đến bao vây và tấn kích. Trương Định
28 và nhóm kháng chiến cố gắng vượt thoát khỏi vòng bao
29 vây nhưng Trương Định bị trúng đạn từ phía sau lưng chết
30 tại trận cùng chung với 5 kháng chiến quân; nhiều kháng
31 chiến quân trong nhóm đi theo Định bị bắt. Nhiều tài liệu
32 giấy tờ của Trương Định bị quân Pháp tịch thu. Nhờ vào
33 số tài liệu này mà quân Pháp có thể truy bắt được nhiều
34 đầu lĩnh kháng chiến quan trọng khác. (Theo ghi chú của
35 A. Schreiner thì Huỳnh Công Tấn chết vào năm 1874 được
36 người Pháp ghi ơn bằng cách lập một tượng đài cho Huỳnh
37 Công Tấn tại chợ Gò Công với hàng chữ tuyên dương: *Để*

1 *tướng niệm lãnh binh Tấn, hiệp sĩ với huân chương danh*
2 *dự bội tinh, một người trung thành và can đảm phục vụ cho*
3 *nước Pháp (A la mémoire du lãnh binh Tấn, chevalier de*
4 *la légion d' honneur, fidèle et courageux serviteur de la*
5 *France).*

6 Từ khi quân xâm lược đánh phá và xâm chiếm Sài Gòn
7 (1859), dân chúng bản xứ đã bỏ đi khỏi vùng này. Số dân
8 cư người bản xứ ở lại với quân xâm lược Pháp giờ đây đa
9 số là thành phần lính tập do Pháp tuyển mộ từ Đà Nẵng
10 cùng với những người bản xứ theo đạo Ki tô giáo. Người
11 Pháp liền đặt ngay luật lệ cảnh sát và quan thuế tại Sài
12 Gòn. Một con đường được binh lính của chiến hạm Catinat
13 xây đắp và được đặt tên là đường Catinat.

14 Sau khi đánh chiếm Gia Định và Định Tường, đô đốc
15 Charner đặt ra chức vụ giám đốc hành chính cao cấp bản
16 xứ (Directeur supérieur de l' Administration Indigène) và
17 nhiều giám đốc việc bản xứ (Directeurs des Affaires
18 Indigènes) để thay thế các chức quyền cai trị cũ của triều
19 đình nước Đại Nam. Các viên chức cai trị mới đều do các
20 sĩ quân của đoàn quân xâm lược Pháp-Y Pha Nho đảm
21 trách và dưới quyền của viên quan giám đốc hành chính
22 cao cấp người Pháp. Kiểu tổ chức hành chính quân phiệt
23 này không mang đến kết quả tốt cho chính quyền xâm lăng
24 vì không được người dân bản xứ trong các vùng lãnh thổ bị
25 xâm chiếm tuân phục và hưởng ứng do những khác biệt lớn
26 lao của chế độ mới so với chế độ làng xã, thôn xóm cũ và
27 đối chọi nặng nề với luật lệ, phong tục, tập quán của người
28 dân nước Đại Nam.

29 Bonard đã phải sửa đổi chính sách cai trị bằng cách đặt
30 lại các chức phủ, huyện và giao cho người bản xứ nắm giữ
31 các công việc hành chính địa phương dưới sự theo dõi và
32 kiểm soát của các sĩ quan thanh tra bản xứ người Pháp
33 (Inspecteurs des Affaires Indigènes). Tuy nhiên, chính sách
34 cai trị mới của Bonard vẫn không thành công vì những
35 chức quyền Phủ, Huyện do người Pháp đặt để đa số bao
36 gồm những thành phần người bản xứ kém, cỏi ít học bởi vì

1 thành phần trí thức Đại Nam không chịu hợp tác với quân
2 xâm lược.

3 La Grandière thay thế Bonard và lập lại chế độ quân
4 phiệt để cai trị trực tiếp các vùng lãnh thổ chiếm đóng bằng
5 cách hủy bỏ các chức vụ phủ, huyện do người bản xứ nắm
6 giữ đồng thời gia tăng số sĩ quan thanh tra bản xứ do người
7 Pháp nắm giữ và đặt dưới quyền của một cơ quan quản trị
8 ở Sài Gòn gọi là Nha Nội Vụ được La Grandière thành lập
9 vào ngày 9 tháng 11 dương lịch năm 1864. Cơ quan cũng
10 là cơ quan chỉ huy trực tiếp các đội quân dân vệ thi hành
11 nhiệm vụ cảnh sát ở các thôn làng, các thủy đạo, tức là gìn
12 giữ trật tự an ninh công cộng. Các đội quân dân vệ được
13 đặt dưới quyền điều động của các thanh tra bản xứ. Việc
14 lựa chọn dân vệ được thi hành theo đường lối cũ của người
15 Đại Nam: làng, xã phải tuyển dụng để cung ứng nhân sự
16 cho đội dân vệ, cứ 12 người thì phải trưng cấp 1 người.
17 Đoàn dân vệ được tổ chức thành cấp đội 50 người với 1
18 đội trưởng (captaine), 1 phó đội (lieutenant), 1 thư lại, 2
19 trung sĩ (sergents) và 2 cai (caporaux). Dân vệ khi không
20 có công tác thì vẫn phải ở trong làng.

21 Ngày 22 tháng 12 dương lịch năm 1864, Pháp ra sắc
22 lệnh sửa đổi thể lệ và ấn định mức thu thuế tại các vùng
23 chiếm đóng. Ngày 26 tháng 1 dương lịch năm 1866 xét và
24 sửa đổi các loại thuế môn bài buôn bán và hành nghề ở
25 vùng Sài Gòn-Chợ Lớn.

26 Giáp Tý, *Tự Đức thứ 17*, tháng 8 âm (1864), các tỉnh
27 Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Bình
28 Thuận, Khánh Hoà bị nạn đói. Triều đình xuất gạo trong
29 kho để cứu trợ và cho phép thuyền buôn người Hoa chở
30 gạo mua từ Gia Định hoặc từ nước ngoài đến bán, được
31 miễn thuế.

32 Dân chúng Cao Bằng, Lạng Sơn chạy loạn đến kiếm ăn
33 trên địa phận tỉnh Thái Nguyên. Chính quyền Thái Nguyên
34 chiêu lệ phát chẩn cấp và cứu trợ.

35 Giặc loạn Hải - Yên đánh phá tỉnh hạt Nam Định. Triều
36 đình lệnh cho Đào trí và các chức quyền Nam Định xây
37 đắp đồn lũy ở nơi cửa biển quan yếu để ngăn chặn.

1 Định lệ thưởng phạt cho người học tập chữ tây, tiếng
2 tây, hạn định mỗi ngày tập đọc, viết và tập nói 10 chữ, mỗi
3 3 tháng Nội các và bộ Lễ xét hạch, người nào học tập giỏi
4 từ 50 - 100 chữ thì được thưởng tiền từ 4 đến 6 quan tiền;
5 ai học kém thì phạt 10 roi và giảm tiền trợ cấp cho ăn học.

6 Tháng 10 âm, chọn nơi xây lăng mộ cho vua ở địa phận
7 vùng núi thuộc xã Dương Xuân thượng, huyện Hương
8 Thủy Cho khởi công xây dựng vào tháng 11 âm, đặt tên là
9 Khiêm Cung.

10 Định lại lễ giá thú ngoài dân gian: từ lễ hỏi đến lễ cưới,
11 hạn cho 6 tháng, các cuộc lễ đều nên làm đơn giản tiết
12 kiệm không được quá xa xỉ; tiền nộp cheo thời người giàu
13 1 quan 2 tiền, người vừa 6 tiền, người nghèo 3 tiền, người
14 ở làng khác phải nộp gấp hai.

15 Nhắc lại điều nghiêm cấm đem ruộng công bán làm
16 ruộng tư.

17 Các thí sinh thi hương ở 2 trường Hà Nội và Nam Định
18 phản đối về việc nghị hòa của triều đình Huế với Pháp,
19 không chịu vào trường thi và yêu cầu hoãn kỳ thi. Các
20 người cầm đầu cuộc phản đối là Phạm Gia Tự phải phạt
21 trọng, đồ 3 năm; tú tài Nguyễn Danh Án và những người
22 cùng nhóm cùng với bá hộ Đỗ Văn Định ở trường thi Hà
23 Nội đều phải phạt trọng, cách chức; Nguyễn Huy Đạt và
24 nhiều người khác ở trường thi Nam Định đều phải phạt
25 trọng, tất cả đều được cho vào thi (ĐNTL đã dẫn, trang
26 140).

27 Giáp Tý, *Tự Đức thứ 17* (1864), tháng 12 âm, âm mưu
28 bạo loạn tại kinh thành Huế do một số người hoàng tộc và
29 con trai của Phú Bình Công Miên Áo là Hồng Tập chủ chốt
30 để phản đối triều đình Huế về việc ký kết hòa ước với
31 quân xâm lược Pháp Y Pha Nho. Âm mưu bại lộ, nhóm tạo
32 loạn bị triều đình trừng trị.

33 **Át Sửu**, *Tự Đức thứ 18* (1865), tháng Giêng, ban cách
34 thức chế tạo 27 cỗ xe tát nước dùng sức trâu kéo phòng
35 theo cách thức của người Tây dương phân phát cho các
36 nơi từ Bình, Phú đế Thanh, Nghệ, đôn đốc các nhà làm
37 ruộng cứ theo mẫu mà làm để tưới ruộng bị hạn hán.

1 La Grandière phái người ra Thuận An, đưa thư xin vào
2 châu ở Huế để bàn về việc thi hành các điều khoản hiệp
3 ước Nhâm Tuất (1862). TỰ ĐỨC không chấp nhận cho vào
4 châu nhưng đại diện của La Grandière yêu cầu triều đình
5 Huế phải xuống lệnh cấm các tinh mộ quân kháng chiến để
6 tiếp tục đánh phá. Triều đình phải nghe theo, sao toàn văn
7 hiệp ước và dán khắp nơi để dân chúng 3 tỉnh đều biết, hạ
8 lệnh nếu có ai mượn tiếng là mộ quân kháng chiến chống
9 Pháp thì không được cho phép vào địa giới và các quan
10 phủ, huyện nếu trông thấy thì phải bắt ngay đem giải; nhà
11 dân có ai chứa chấp thì cũng bắt tội như kẻ phạm.

12 La Grandière về Pháp để hội họp bàn định với
13 Chasselouplabat về việc thiết lập một chương trình cai trị
14 khôn khéo và hữu hiệu trên các vùng đất vừa chiếm đoạt
15 được ở phía Nam nước Đại Nam. Đề đốc Roze được cử
16 sang để tạm thời thay thế trong khi La Grandière về Paris
17 hội thảo với Chasseloup Laubat.

18 Ất Sửu, tháng 1 ÂL (1865), TỰ ĐỨC cho bãi bỏ lệnh cấm
19 hút thuốc phiện và bắt đầu cho đánh thuế thuốc phiện :
20 người buôn bán thuốc phiện, đa số là người Hoa, phải đăng
21 ký nộp thuế. Các lái buôn từ Trung Quốc chở thuốc phiện
22 đến cửa cảng để bán phải làm sổ kê khai rõ ràng để nộp
23 thuế quan, cứ 40 cân thì phải nộp thuế 1 cân. Lý do của
24 việc bãi bỏ là vì không thể chặn đứng được nạn nghiện
25 hút lại còn làm lợi thêm cho bọn người buôn lậu ma túy.
26 Nguyễn Tri Phương, Hoàng Tá Viêm và Vũ Trọng Bình
27 phát biểu không nên bãi bỏ lệnh cấm buôn bán và hút
28 thuốc phiện nhưng đa số đình thần đều cho rằng nên bãi
29 bỏ để thu thuế thuốc phiện⁽³⁾.

30 Ất Sửu, tháng 2 ÂL (1865), hƯU QUAN Trương Đăng Quế
31 mất, được truy tặng Thái sư, bãi triều 3 ngày, ban cho tên
32 thụy là Văn Lương .

33 Tể ĐÀN NAM GIAO: sai Hiệp biện đại học sĩ Phan Thanh
34 Giản tể thay Từ năm ấy đến năm thứ 22, đều sai đại thần tể
35 thay.

1 Đê đốc Roze đến Sài Gòn ngày 22 tháng 3 dl. năm
2 1865 và La Grandière xuống tàu đi Pháp vào ngày 30 cùng
3 tháng.

4 Ất Sửu, tháng 3 âl (1865), các tỉnh Tuyên Quang, Lạng
5 Sơn, Thái Nguyên, Cao Bằng, Quảng Yên, Sơn Tây bị nạn
6 đói.

7 Ất Sửu, tháng 4 âl (1865), giặc biển cướp phá khắp nơi,
8 triều đình sai quan thương bạc Phan Huy Vịnh đưa thơ yêu
9 cầu chủ soái toàn quyền đại thần của Pháp lúc bấy giờ là
10 đê đốc Roze đề yêu cầu trợ giúp để dẹp giặc biển. Lại sai
11 quan phủ ở Bình Thuận, Khánh Hòa Nguyễn Hữu Cơ đem
12 quà vật đến biểu nhưng bị từ chối không trợ giúp.

13 Giặc biển với hơn 300 chiếc thuyền từ các đảo Phù
14 Long, cát Bà thuộc tỉnh Quảng Yên chia thành 3 đạo đến
15 nhiều hại. Nguyễn Tri Phương khiến Nguyễn Văn Vĩ đem
16 binh thuyền đón đánh tan.

17 Mở khoa thi đình: Phan Thanh Giản và Phạm Phú Thứ
18 sung làm đọc quyển: lấy đỗ tiến sĩ 3 người, phó bảng 13
19 người.

20 Nước Xiêm (Thái Lan) chiêu dụ vua Cao Miên. vua
21 Cao Miên Ông Lan lo sợ cầu cứu với chủ soái Pháp. Roze
22 cho tàu chiến đến cửa biển Cần Bột (Kampot) để bảo hộ
23 cho.

24 Giặc biển cướp phá đồn Tư Hiền.

25 Giặc biển xâm nhập vào sông Võ Định ở Lang Thâm
26 thuộc Hải Dương, đốt phá vùng sông Cấm, đánh quân triều
27 đình tan rã, thống chế Nguyễn Doãn bị giặc bắt rồi bị giết.
28 Nguyễn Tri Phương đưa bộ binh chống đánh, giặc rút lui.
29 Nguyễn Tri Phương sai chém làm gương 5 tên trong hàng
30 quân bỏ chạy trước. Triều đình trách phạt Nguyễn Tri
31 Phương về vụ cướp phá này của đám giặc biển gây tổn hại
32 nặng nề cho quan binh của triều đình.

33 Giặc biển cướp phá đồn Bạng và đồn núi Biện ở Thanh
34 Hóa. Bộ chính Lê Lương Bạt đem quân vượt sông đón
35 đánh, giặc phải lui.

36 Ất Sửu, *Tự Đức thứ 18* (1865), tháng 5, giặc biển xâm
37 phạm các đồn Quỳnh Lâu, An Trì thuộc tỉnh Quảng Yên

1 nhưng quan binh địa phương Đặng Trần Chuyên, Ông Ích
2 Khiêm, Mai Thiện chia quân chống đánh và thắng hơn 10
3 trận, được Tự Đức ban khen.

4 Ất Sửu, *Tự Đức thứ 18*, tháng 5 âm Nhuận (tháng 7
5 dl/1865), Tự Đức tấn phong cho các em là Hồng Cai làm
6 Kiên quốc công; Hồng Dao làm Phú Lương quận công;
7 Hồng Dật làm Văn Lãng quận công. Lại chọn con trưởng
8 của Kiên quốc công mới 2 tuổi (sau này là hoàng đế Đồng
9 Khánh) làm con, nuôi ở trong cung.

10 Tổ chức kỳ thi tiến sĩ võ khoa⁽⁴⁾. Các kỳ thi tiến sĩ võ
11 khoa bắt đầu có từ đây.

12 Tại các vùng bị quân Pháp chiếm đóng, trong khi tạm
13 cầm quyền cai trị, đề đốc Roze đã được người Hoa ở Chợ
14 Lớn tiếp đón thù tiếp thật long trọng, họ vui mừng về sự
15 hiện diện của người Pháp trên vùng đất này và sau đó Roze
16 đã quyết định sắp xếp lại guồng máy hành chính ở Chợ
17 Lớn, chia đặt thành nhiều khu vực (quartiers), mỗi khu vực
18 đều có người đại biểu để hợp thành một cơ quan gọi là hội
19 đồng tư vấn thị xã do một thanh tra bản xứ người Pháp làm
20 chủ tịch.

21 Về mặt an ninh quân sự, dân quân kháng chiến từ Đồng
22 Tháp Mười đã tấn kích các đồn bót của Pháp ở làng Mỹ
23 Trà thuộc tỉnh Sa Đéc vào ngày 22 tháng 7 dl năm 1965
24 nhưng bị thất bại phải rút lui.

25 Ất Sửu, tháng 6 âm (tháng 7 dl 1865), triều đình sai tổng
26 đốc Trương Văn Uyên vào Gia Định để hội đồng thương
27 lượng, kiểm xét kho 3 tỉnh An Giang, Hà Tiên, Vĩnh Long.
28 Kiểm được 10,000 đồng bạc, hơn 10,000 quan tiền,
29 500,000 rồi định giá thành tương đương dùng để trả tiền
30 bồi thương chiến tranh theo quy định trong hoà ước năm
31 Nhâm Tuất. Lại khiến quan thương bạc viết thư hỏi thăm
32 đề đốc Roze.

33 Đặt Nha Dinh Điền trong các tỉnh Bình Thuận, Khánh
34 Hòa, Phú Yên; cử Ngự sử Nguyễn Văn Phương làm Khâm
35 sai dinh điền phụ trách đôn đốc việc tổ chức.

1 Ất Sửu, tháng 7 âm (tháng 8 dương 1865), sai bộ Hộ và Nội
2 vụ xét các hạng đồ dùng bằng bạc hay bạc khối, bạc đỉnh
3 cộng 72,000 lượng thành 100,000 đồng dùng để trả một nửa
4 số bạc bồi thường (hoà ước Nhâm Tuất 1862) trong một kỳ
5 trả tiền.

6 Lại sai Trương Văn Uyển đi Gia Định kiểm kê số vàng
7 hơn 920 lượng, bạc hơn 2,220 lượng, tiền đồng 10,500 đồng ở
8 3 tỉnh, chiếu theo bản thương ước định thành giá để trả bù
9 thêm số tiền bồi thường còn thiếu lại. Số vàng, bạc được
10 đổi đúc thành đỉnh, thành lượng ngoại trừ 2 tương Phật
11 vàng là vật cũ của nước Cao Miên không phạm tới.

12 Lại thuê mướn thuyền tuần dương của người nhà Thanh
13 để hộ tống thuyền vận tải ở Bắc Kỳ.

14 Thổ phỉ từ Trung Quốc tràn sang cướp phá kho tạm
15 thương đồn Quang Lang thuộc tỉnh Lạng Sơn. Quan triều ở
16 biên giới là Phạm Văn Hương, Trần Mỹ, và Vũ Trọng Bình
17 bỏ đồn chạy trốn. Lệnh cho hai tỉnh thần Lạng Sơn, Cao
18 Bằng đắp thêm rào, lũy, chòi canh, đặt thêm quân canh
19 phòng để bảo vệ đường vận tải.

20 Cuộc đua ngựa lần đầu tiên được Roze tổ chức tại
21 Cánh Đồng Mồ Mã vào ngày 15 tháng 8 dương năm 1865. Hai
22 chiếc cầu gỗ cũng được bắt ngang qua rạch Thị Nghè vào
23 thời gian này.

24 Một ụ nổi bằng sắt được tạo dựng dùng để bảo trì và
25 sửa tàu (về sau là xưởng Ba Son).

26 Hai ngàn thợ thuyền được thu dụng trong các công tác
27 xây dựng tại các vùng do người Pháp chiếm đóng.

28 Phan Thanh Giản vì tuổi già (gần 69 tuổi) xin về hưu,
29 Tự Đức không chấp thuận.

30 Tàu giặc biển Hải-Yên 100 chiếc xâm nhập sông Thác
31 Hãn đánh chiếm thành Hải Ninh. Quan binh triều đình phối
32 hợp với quan binh Trung Quốc ở Khâm Châu vây đánh, lấy
33 lại thành Hải Ninh.

34 Ất Sửu, tháng 8 âm (tháng 9 dương 1865), Nguyễn Tri
35 Phương sai tri huyện Nghiêu Phong là Nguyễn Hữu Thuận
36 đem binh thuyền đến thăm dò địa phận sông Gia Luận, gặp

1 quân giặc biển Hải-Yên, Hữu Thuận đánh bắt được thống
2 lãnh giặc biển tên Oánh, tên Khương cùng với 59 thủ hạ,
3 tịch thu 42 cỗ súng lớn, 39 khẩu súng trường, 7 chiếc
4 thuyền, quân khí, thuốc đạn. Nguyễn Tri Phương liền sai
5 đem giết tên Oánh ngay, còn tên Khương thì đóng cũi đưa
6 về kinh sư. Nguyễn Hữu Thuận được khen thưởng.

7 Mua chiếc tàu lớn bọc đồng⁽⁵⁾ chạy máy hơi nước gọi
8 tên là Mẫn Thỏa và các đồ thiết bị cho tàu, giá tổng cộng là
9 155,000 đồng, đổi ra 111,600 lạng bạc.

10 Ất Sửu, *Tự Đức thứ 18* (1865), tháng 9 âm (tháng 10
11 dương/1865), Tây Ban Nha cử người đưa thư xin đặt lãnh sự
12 quán ở Đà Nẵng. Triều đình từ chối không cho.

13 Quan binh triều đình hợp cùng với đoàn thuyền của
14 Thanh Trung Quốc tảo thanh chặn đón bắt được các đầu
15 lĩnh nhóm giặc loạn Tạ Văn Phụng (tự xưng là tàn dư của
16 nhà Hậu Lê, người huyện Thọ Xương tỉnh Hà Nội), trung
17 quân của Phụng là Nguyễn Đình Ước (người huyện Nghiêu
18 Phong tỉnh Quảng Yên); tả quân là Lê Bá Đức (người châu
19 Tiên Yên); hữu quân là Vy Xuân (người phủ Hải Ninh);
20 hậu quân là Phan Văn Khương (người phủ Kinh Môn tỉnh
21 Hải Dương). Tất cả những người này đều bị lóc thịt xử tử;
22 thầy của Phụng là Nguyễn Văn Niên theo đạo Gia tô bị xử
23 chém bêu đầu. Sáu người là chủ chốt cho nên bị moi tìm
24 gan để tế các vong hồn tướng sĩ của triều đình bỏ mình
25 trong những cuộc hành quân dẹp loạn. Đầu của Tạ Văn
26 Phụng, Nguyễn Đình Ước và Lê Bá Đức được bỏ vào hòm
27 đem truyền rao cho dân Hải Dương và Quảng Yên. Xử
28 chém 29 đầu mục khác của Phụng và tiếp tục hành quân
29 truy bắt hơn 500 tàn quân của nhóm giặc Hải - Yên.
30 (ĐNTLCB đã dẫn, trang 258, 259 và trang 275, 276)

31 Tháng 10 âm (tháng 11 dương 1865), tỉnh Vĩnh Long truy
32 thu 300,000 đồng bạc từ lái buôn người Hoa Nhan Vạn
33 Hợp để trả vào số bạc bồi thường chiến phí cho quân xâm
34 lược Pháp. Đây là thuế mua bán thuốc phiện tại 3 tỉnh Vĩnh
35 Long, An Giang, Hà Tiên do Nhan Vạn Hợp lãnh trưng.

1 Xuống chiếu sai Phạm Phú Thứ, Nguyễn Chính, Lê Bá
2 Thận lập nhà thủy học đào tạo người lái tàu. Ở kinh thì
3 thủy sư đề đốc hay hiệp lý; ở tỉnh thì giao cho các lãnh
4 binh chịu trách nhiệm tuyển lựa những người giỏi về hàng
5 hải, quen thạo đường biển để làm huấn luyện viên.

6 Mở khoa thi đặc biệt gọi là khoa Nhã Sĩ để chọn người
7 có thực tài, không cứ phải là những người có đỗ đạt khoa
8 mục, nhưng phải là người nào văn học cao rộng tao nhã,
9 hạnh kiểm thuần chính, kiến thức sáng suốt, tài cán lanh
10 lợi, được giới sĩ phu kính phục thì cho được đề cử vào
11 khoa thi. Có 16 người được dự thi nhưng chỉ lấy đỗ 5
12 người:

13 1- Đặng Văn Kiều, cử nhân, người huyện Thạch Hà
14 tỉnh Hà Tĩnh, đỗ đầu khoa, cho thăng thụ hàm thị giảng
15 học sĩ, lãnh án sát được bổ dụng ngay

16 2- Đạo lãnh giáo thụ Nguyễn Phiên, người huyện Sơn
17 Minh Hà Nội.

18 3- Cử nhân Nguyễn Văn Trang, người huyện Gia Lộc
19 tỉnh Hải Dương.

20 4- Cử nhân Phạm Duy Đôn, người huyện Minh Chính,
21 tỉnh Quảng Bình.

22 5- Quốc Tử Giám học sinh tú tài Ngô Đức Bình đều
23 được lấy đỗ đồng Nhã Sĩ, được bổ nhiệm làm quan và
24 được ban mũ áo như đệ nhị giáp tiến sĩ xuất thân.

25 Tự Đức bàn định với Đoàn Thọ và Trần Tiễn Thành
26 đem 3 tỉnh Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên đổi lấy lại 3 tỉnh
27 Gia Định, Biên Hòa, Định Tường để lãnh thổ dưới quyền
28 kiểm soát của triều đình được liên lạc với nhau và cho khỏi
29 chung đụng gần với người Cao Miên. Nếu cần thì giao
30 thêm cho người Pháp tỉnh Mỹ Tho. Trần Tiễn Thành và
31 Đoàn Thọ tâu rằng không nên thực hiện việc trao đổi như
32 thế vì sợ dân tình ở 3 tỉnh Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên
33 sẽ bị giao động mất lòng tin đối với triều đình.

34 Định lệ bổ quan Võ tiến sĩ và Võ phó bảng:

35 - Võ quan hàm tòng ngũ phẩm nếu thi đỗ nhất giáp,
36 nhất danh thì bổ làm phó lãnh binh, thụ lãnh binh; trúng
37 nhị danh bổ quản cơ, thụ phó lãnh binh; trúng tam danh bổ

1 phó quản, thự quản cơ. Đễ nhị giáp, bổ phó quản cơ. Đễ
2 tam giáp, bổ cầm binh cai đội, thự phó quản cơ.

3 - Chánh, tòng lục phẩm, thi đỗ nhất giáp nhất danh: bổ
4 quản cơ, thự phó lãnh binh; trúng nhị danh, bổ phó quản,
5 thự quản cơ; trúng tam danh, bổ cầm binh cai đội, thự phó
6 quản cơ. Đễ nhị giáp, bổ cầm binh cai đội. Đễ tam giáp, bổ
7 Tinh binh cai đội, thự cầm binh cai đội. Đễ phó bảng được
8 bổ dụng cũng giống như tam giáp, đầy năm bổ thự cầm
9 binh cai đội.

10 - Chánh, tòng thất phẩm, thi đỗ nhất giáp nhất danh, bổ
11 phó quản cơ, thự quản cơ; trúng nhị danh bổ cầm binh cai
12 đội, thự phó quản cơ; trúng tam danh, bổ Tinh binh cai đội,
13 thự Cầm binh cai đội. Đễ nhị giáp, bổ thự Cầm binh suất
14 đội. Đễ tam giáp bổ dụng cũng như nhị giáp, được đầy
15 năm thự Tinh binh cai đội, hoặc bổ Cầm binh suất đội. Đễ
16 phó bảng bổ Cầm binh chánh đội trưởng, thự Tinh binh
17 suất đội.

18 - Chánh bát phẩm trở xuống, đễ nhất giáp nhất danh, bổ
19 Cầm binh cai đội, thự phó quản cơ; trúng nhị danh bổ Tinh
20 binh cai đội, thự Cầm binh cai đội; trúng tam danh bổ Tinh
21 binh suất đội, thự cai đội. Đễ nhị giáp bổ cũng như trúng
22 tam danh, đầy năm bổ thự Tinh binh suất đội. Đễ tam giáp
23 bổ Cầm binh chánh đội trưởng, thự Tinh binh suất đội. Đễ
24 phó bảng, bổ tinh binh chánh đội trưởng, thự Tinh binh
25 suất đội. (ĐNTLCB đã dẫn; trang 274, 275).

26 Ngày 27 tháng 11 dl năm 1865, đề đốc La Grandière trở
27 sang Sài Gòn mang theo cả gia đình vợ con.

28 La Grandière lưu ý và trách cứ đốc thần tỉnh Vĩnh Long
29 Trương Văn Uyên: quan binh triều đình không tôn trọng
30 hoà ước Nhâm Tuất (1862), vì vẫn bao che cho kháng
31 chiến quân trú ẩn ở vùng Đồng Tháp Mười nhận tiếp tế đạn
32 dược từ 2 tỉnh Hà Tiên, Rạch Giá để tiếp tục đánh phá
33 quân Pháp đồng thời chức quyền tỉnh An Giang lại còn
34 chứa chấp nhóm người Cao Miên nổi dậy đòi nhà cầm
35 quyền Pháp phải trả lại ngôi vua nước Cao Miên cho một
36 người tự nhận thuộc hoàng tộc có tên là Ong Bướm⁽⁶⁾ (lại

1 còn có tên là A Xoa). La Grandière không chấp nhận và
2 gây áp lực bằng cách đưa tàu chiến xuống An Giang yêu
3 cầu quan binh triều đình phải bắt Ong Bướm giao nạp.
4 Trương Văn Uyên tâu trình lên. Tự Đức họp bàn với Đoàn
5 Thọ và Trần Tiễn Thành rồi theo đề nghị của 2 viên đại
6 quan này, Tự Đức cử Phan Thanh Giản sung làm Kinh
7 lược đại thân 3 tỉnh Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên để ổn
8 định tình thế.

9 Ất Sửu, *Tự Đức thứ 18* (1865), tháng 11 âm (tháng 12
10 dương/1865), đề đốc Roze rời Sài Gòn theo tàu *la Guerrière*
11 sang Nhật Bản (2 tháng 12 dương 1865).

12 Dựng nhà nuôi tằm ở Thái Thường Tự để cung cấp tơ
13 sợi cho triều đình.

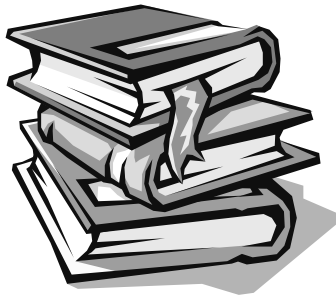
14 Bắt đầu đặt chức Điền học mang hàm tòng lục phẩm,
15 cấp bậc tương đương với quan cai trị của đạo hay đốc học
16 ở các tỉnh; phụ trách việc học ở 3 đạo Hà Tĩnh, Quảng Trị,
17 Phú Yên.

18 Một người Pháp xin khai khẩn ruộng bỏ hoang ở Vĩnh
19 Long, An Giang, Hà Tiên. Trương Văn Uyên không chấp
20 thuận. (tên phiên âm của người Pháp này là Ca Sa Mang
21 :xin xem ĐNTL đã dẫn, trang 284).

22 Một nhà sư người Miên có tên là Pù-Kambô, và một
23 người Miên khác là Phra-Keo-Pha⁽⁷⁾, cả hai đều tự nhận
24 thuộc dòng họ vương tộc nước Cao Miên. Chính quyền
25 Pháp ở Sài Gòn khuyến dụ hai người này đừng gây loạn
26 trên nước Cao Miên đang ở dưới quyền đô hộ của người
27 Pháp.

28 Ất Sửu, *Tự Đức thứ 18*, tháng 12 âm (tháng 1 dương năm
29 1866), Tổng Đốc An Giang, Hà Tiên là Phan Khắc Thận
30 phái quân đánh úp Ong Bướm ở núi Tôn thuộc tỉnh An
31 Giang, bắt được đầu mục, sai chém đầu rồi viết thơ thông
32 báo cho người Pháp⁽⁸⁾.

33 Ngày 2 tháng 12 dương năm 1865, đề đốc Roze xuống tàu
34 chiến *la Guerrière* sang Nhật Bản.



(Xin đọc tiếp Năm Bính Dần, *Tự Đức thứ 19* (1866), từ tháng 1 âm lịch nơi trang 1475)

CHÚ GIẢI & KHẢO LUẬN:

1 (1) **Điều khoản 8 trong hòa ước Nhâm Tuất**

2 "- *khấu trừ đi, mỗi đồng bạc nặng là 7 đồng cân 2 phân.*"
3 Nguyên văn điều 8 bằng tiếng Pháp đã được A. Schreiner ghi lại như
4 sau:

5 "*Art 8 - Le Roi d'Annam devra payer à titre d'indemnité, dans un*
6 *laps de dix ans, la somme de quatre millions de dollars. Quatre cent*
7 *mille dollars seront, en conséquence, remis chaque année au*
8 *représentant de l'Empereur des Français à Saigon. Cette somme est*
9 *destinée à indemniser la France et l'Espagne de leurs dépenses de*
10 *guerre. Les cent mille ligatures déjà payées seront déduites de cette*
11 *somme. Le Royaume d'Annam n'ayant pas de dollars, le dollar sera*
12 *représenté par une valeur de soixante et douze centième de taël."* (A.
13 Shreiner; *Abrégé de l'Histoire d'ANNAM*; đã dẫn; trang 443,
14 444,445,446) **Tạm dịch:** Nhà vua nước An Nam phải trả bồi thường
15 trong thời hạn 10 năm, số tiền là bốn triệu đô la. Do đó, bốn trăm
16 ngàn đô la sẽ phải trả cho người đại diện hoàng đế Pháp ở Sài Gòn.
17 Số tiền này dùng để bồi thường cho nước Pháp và nước Tây Ban Nha
18 về phí tổn chiến tranh của họ. Một trăm ngàn lượng đã được trả và sẽ
19 khấu trừ ra số tiền bồi thường. Vương quốc An Nam không có tiền đô
20 la, vì thế đồng đô la sẽ được thay thế bằng một trị giá 72% của một
21 lượng bạc).

22 Sau đây là nội dung **điều 8** của hoà ước năm Nhâm Tuất (1862)
23 do một tác giả Việt Nam là **Lê Thanh Cảnh** viết bằng chữ Pháp
24 đăng trên tập chí **Đô Thành Hiếu Cổ Tập San-BAVH** vào năm
25 1937: " 8) *Une indemnité de 4 millions de piastres sera payée par*
26 *l'Annam à la France et à l'Espagne. Elle sera payable en dix*
27 *annuités, à raison de 400.000\$ chacune, et sera versée entre les*
28 *mains du représentant français à Gia-Định. Un versement de*
29 *100.000\$ en sapèques ayant été fait, les dix versements annuels*
30 *seront grevés d'une réduction de 2%."* (BAVH số 4- Oct - D éc-
31 1937, trang 383) (**Tạm dịch:** Một số tiền bồi thường là 4 triệu đồng
32 piastre sẽ được nước An Nam trả cho nước Pháp và Tây Ban Nha. Số
33 tiền bồi thường sẽ được trả trong vòng 10 năm, mỗi năm trả 400,000\$
34 cho người đại diện của nước Pháp ở Gia Định. Một đợt trả 100,000\$
35 bằng tiền *sapèques* đã được thực hiện, **mỗi kỳ trả góp hàng năm sẽ**
36 **được được trừ bớt đi 2%).**

37 (2) **Giữ lại số nợ còn thiếu nửa năm trước 200,000 đồng không**
38 **chịu trả:** ĐNTLCB viết về việc này như sau: "*Trả số bạc bồi thường*
39 *quân nhu năm trước cho nước Phú lãng sa là 40 vạn nguyên (kỳ ấy*

1 283.600 lượng và năm trước còn thừa lại 400 lượng, tính thành 40 vạn
2 đồng), nhân tháng trước có dư của tương nước Phú lại đòi số bạc
3 một năm rưỡi (60 vạn đồng), bộ Hộ bàn kiểm số một năm giao trả còn
4 số nửa năm (20 vạn đồng) sẽ trả sau." (ĐNTLCB, đã dẫn, trang 94-
5 95).

6 (3) **Thuế thuốc phiện:** ĐNTLCB ghi chép rằng: " Năm ấy bắt đầu
7 thu thuế, tiền thuế cả năm cộng 382,200 quan: Thừa Thiên, Bình Định
8 19,000 quan; Hải Dương 10,600 quan; Sơn Tây 4,800 quan; Quảng
9 Nam 6,000 quan; Bình Thuận 20,000 quan; Quảng Bình 300 quan;
10 Thanh Hóa 3,000 quan; Nam Định 24,000 quan; Hải Dương 10,600
11 quan; Hưng Yên 1,300 quan; Ninh Bình 1,000 quan; Hà Nội 17,000
12 quan; Phú Yên 2,000 quan; Cao Bằng 600 quan; Lạng Sơn 800 quan;
13 ; Hưng Hóa 1,000 quan; Quảng Yên 800 quan; duy có 3 tỉnh Vĩnh
14 Long, An Giang, Hà Tiên, tiền thuế 264,000 quan. Vì 3 tỉnh ấy giáp
15 liền với 3 tỉnh Gia Định, Định Tường, Biên Hòa người Tây đã đánh
16 thuế cả năm là 90,000 đồng rồi , tính thành tiền là 450,000 quan, cho
17 nên tiền thuế ba hạt ấy, nhiều gấp hơn các hạt. Ngoài ra, các nơi chưa
18 có người lãnh trưng thì những năm có tháng nhuận, chiếu lệ gia thêm
19 bao nhiêu giá thành đó. Năm ấy mới trưng, nên miễn cho một lần".
20 (ĐTLCB đã dẫn; trang 164).

21 (4) **Tổ chức kỳ thi tiến sĩ võ khoa:** ngày 2 tháng 5 âm năm Ất Sửu
22 (26-5dl-1865) thi Hội Võ; ngày 15 tháng 5 âm nhuận Ất Sửu (ngày 7
23 tháng 7 dl 1865) bắt đầu thi Đình Võ. Khoa thi Võ tiến sĩ đầu tiên này
24 lấy đỗ Vũ Văn Đức đệ nhị giáp Võ tiến sĩ xuất thân, Vũ Văn Lương
25 đệ tam giáp đồng Võ tiến sĩ xuất thân; 6 người đỗ Võ phó bảng là
26 Đặng Văn Tú, Hà Văn Mão, Phan Văn Quát, Lê Khắc Đoài, Nguyễn
27 Đặng Đính, Đỗ Văn Chiêu. Chi tiết về tổ chức kỳ thi từ trang 214 đến
28 223 ĐNTLCB)

29 (5) **Mua tàu lớn bọc đồng:** tàu này dài 11 trượng 2 thước 3 tấc, rộng
30 1 trượng 6 thước 9 tấc, trọng tải trên dưới 30 vạn cân.

31 Vào tháng 3 âm năm Ất Sửu (tháng 4 dl năm 1865), triều đình cử
32 Ngoại lang bộ Công là Hoàng Văn Xương đến nhờ người Pháp làm
33 trung gian mua tàu này ở Hạ Châu (tức Hương Cảng hay Singapore).
34 Khi đi mua, Hoàng Văn Xương phải thuê người lái tàu, thợ máy và
35 thủy thủ để mang tàu về. Ngày 23 tháng 3 âm, tàu về tới nơi. Sau đó
36 thuê mướn vài người Pháp và người Trung Quốc coi hoa tiêu lái tàu
37 và coi máy, trả tiền công hàng tháng, huấn luyện thủy thủ đoàn cho
38 tàu này trong thời hạn một năm (ĐNTLCB đã dẫn; trang 248 - 249).

39 (6) **Ong Bướm hay A Xoa:** theo tác giả A. Schreiner viết trong
40 quyển *Abrégé de l' Histoire D' Annam* thì Ong Bướm hay A Xoa là
41 có cha là người trung Quốc, mẹ là người Cao Miên, tự nhận mình là
42 con cháu dòng dõi hoàng tộc Cao Miên, chiêu dụ được một số người
43 Miên tụ tập ở một vùng núi biên giới tỉnh An Giang, tràn sang đánh

1 phá gây rối vùng biên giới của nước Cao Miên đang bị người Pháp
2 bảo hộ rồi rút về trú đóng an toàn trên vùng lãnh thổ An Giang của
3 nước Đại Nam. Vào tháng 12 dl năm 1865, A Xoa viết thư yêu cầu La
4 Grandière cho được về Sài Gòn để chứng minh gốc gác hoàng tộc và
5 quyền thừa kế ngôi vua Cao Miên của mình nhưng La Grandière cực
6 lực từ chối không công nhận và cho rằng A Xoa cũng như vài người
7 Cao Miên khác sẽ là những kẻ lợi dụng thời cơ để tạo rối loạn thêm
8 cho nước Cao Miên. (A.Schreiner, sách đã dẫn, trang 276)

9 (7)&(8) **Tổng Đốc An Giang, Hà Tiên là Phan Khắc Thận phái**
10 **quân đánh úp Ong Bướm ở núi Tôn thuộc tỉnh An Giang, bắt**
11 **được đầu mục, sai chém đầu rồi viết thư thông báo cho người**
12 **Pháp được rõ:** đây là một cách viết không rõ ràng trong ĐNTLCB
13 của sử quán triều Nguyễn nơi trang 290: đánh úp Ong Bướm (A Xoa)
14 và "bắt được tên thổ mục, sai chém đầu tên đầu mục bọ giặc", không
15 viết rõ tên thổ tù hay tên đầu mục có phải là A Xoa hay không. Theo
16 A.Schreiner thì vì có sự phản kháng và áp lực của người Pháp cho nên
17 quan binh triều đình đã trở mặt bắn hạ A xoa rồi đem giao nộp cho
18 người Pháp. Đối với người Pháp thì hành động của triều đình Đại
19 Nam chỉ làm bớt đi một đối thủ của nhóm người Cao Miên khác cũng
20 đang nổi loạn tranh giành ngôi vua do một nhà sư người Miên tên là
21 Pù-Kâmbô (hay Pô-Kâmbor) chủ xướng. Nhà sư cũng tự xưng là con
22 trai của vua Chân Lập Nặc Ong Chân và là anh của Nặc Ong Đôn.
23 Ong Đôn lên ngôi vua Chân Lập và truyền ngôi lại cho con là vua
24 Norodom và hiện tại Norodom đang chịu khuất mình dưới quyền đô
25 hộ của người Pháp. Trong một bức thư đề ngày 2 tháng 5 dl năm 1865
26 gửi cho viên thanh tra bản xứ Vignes ở Sài Gòn và được đăng tải trên
27 công báo ngày 5 tháng 10 dl 1866, Pù-Kâmbô đã kê khai lý lịch
28 thuộc hoàng tộc và quyền thừa kế ngôi vua nước Cao Miên của ông.
29 Đề đốc Roze cho vời gọi Pù-Kâmbô đến Sài Gòn, cung cấp cho
30 phương tiện sinh sống an toàn và yêu cầu đừng gây rối loạn trên nước
31 Cao Miên. Nhà sư này chịu ép mình tạm nghe theo lời yêu cầu của
32 người Pháp nhưng vẫn âm thầm chủ mưu và hô hào, sắp xếp những
33 cuộc nổi dậy của người Miên chống chính sách đô hộ của người Pháp.

34 Một người Miên khác tên là Phra-Keo-Pha sống lưu vong ở thủ
35 đô Bangkok nước Tiêm La (Thái Lan) cũng xưng là em của vua
36 Norodom. Vào tháng 7 dl năm 1865 đã theo tàu chiến Pháp *la*
37 *Mitraille* về Sài Gòn xin người Pháp che chở và cũng được đề đốc
38 Roze đối xử giống như trường hợp của Pù-Kâmbô.

*

1 Các dẫn chiếu nêu ra trong 2 chú giải (1) và (2) kể trên rất là lộn
2 xộn mù mịt và người đọc chỉ biết được một điều là triều đình Huế có
3 nộp tiền bồi thường chiến tranh cho quân xâm lược Pháp- Tây Ban
4 Nha nhưng lại không nộp đúng ngạch số như hòa ước Nhâm Tuất
5 (1862) đã ấn định. Đối với người Pháp thì đây là một dấu hiệu tráo trở
6 vụng về của triều đình Huế: "*Tự Đức avait eu l'insigne maladresse de*
7 *faire savoir au gouverneur de la Cochinchine qu' il lui etait*
8 *impossible de payer plus de 134,000 piastres sur l' annuite de*
9 *400,000 piastres qui venait d' échoir*" (A.Schreiner, sách đã dẫn, trang
10 264) (**Tạm dịch:** Tự Đức đã tỏ ra sai lầm ngớ ngẩn khi thông báo cho
11 thông đốc Nam Kỳ biết rằng mình không thể nào trả quá 134,000
12 đồng trên ngạch số 400,000\$ bồi thường trả từng năm vừa đã tới kỳ
13 hạn phải trả). Tác giả người Pháp A. Delvaux cũng viết rằng : "*Dès*
14 *la première annuite (en 1864) l' Annam se déclara incapable de*
15 *verser plus de 134,00 piastres, soit 670,000 francs au lieu de*
16 *2,000,000, et l' on pouvait s'attendre à voir se renouveler d' année en*
17 *années des fins de non-recevoir.*" (BAVH đã dẫn, trang 79) (**Tạm**
18 **dịch:** Vào hạn kỳ trả tiền nần thứ nhứt (1864) nước An Nam đã tuyên
19 bố không đủ khả năng trả quá số 134,000 đồng bạc tương đương với
20 670,000 quan Pháp thay vì phải trả 2,000,000 quan, và người ta có thể
21 mong đợi để thấy rằng sẽ tái diễn lại từ năm này sang năm khác
22 những kết quả không thân nhận được).

23 Ý của tác giả người Pháp này có vẻ như muốn nói rằng phía triều
24 đình Huế sẽ tiếp tục tự tuyên bố như thế để có thể đóng nạp tiền bồi
25 thường chiến tranh ra ngoài sự ấn định của điều thứ 8 trong bản hoà
26 ước Nhâm Tuất (1862).

*

27 Vấn đề rắc rối về việc trả tiền bồi thường không đúng ngạch mức
28 ấn định theo điều thứ 8 của hoà ước Nhâm Tuất (1862) **có thể là vì**
29 **phía người Pháp đã không ngay thẳng và lương thiện.** Thật vậy, sử
30 quán triều Nguyễn và tác giả Lê Thanh Cảnh cũng như tác giả
31 A.Schreiner đều có viết rằng triều đình Huế đã **nộp trước một số tiền**
32 và số tiền này sẽ được khấu trừ vào số tiền bồi thường chiến tranh quy
33 định trong hòa ước Nhâm Tuất (1862).

34 Vậy số tiền nộp trước này là số tiền gì, bao nhiêu và đã nộp cho
35 người Pháp khi nào?

36 * Tháng 6 âm năm Kỷ Mùi, *Tự Đức thứ 12* (khoảng tháng 6
37 d.1/1859), Pháp sai người đến tiếp xúc với triều đình đề nghị giảng
38 hoà. Triều đình cử Nguyễn Tri Phương lãnh trách nhiệm về việc này.
39 Hai bên thỏa thuận tạm đình chiến. Trong khi phía triều đình lợi dụng
40 thời hạn đình chiến để tìm thời cơ thuận lợi thì ở Pháp, sau khi tạm
41 ký kết hòa bình với nước Áo vào ngày 11 tháng 7 d.1 năm 1859, triều
42 đình Pháp liền nghĩ ngay đến việc gửi thêm thuyền chiến và binh lính

1 đề tặng viện cho Rigault de Genouilly: 2 tàu chiến *Didon* và *Dichayla*
2 đưa quân san tặng viện cho De Genouilly.

3 Dù trong thời hạn đình chiến nhưng chiến hạm của Pháp vẫn
4 pháo kích vào thành Gia Định đồ nát đã bị quân triều đình ở Gia
5 Định tái chiếm đóng.

6 Ở Đà Nẵng, tàu chiến Pháp vi phạm ngưng bắn, đánh chìm và
7 đốt cháy 3 thuyền buôn và 5 tàu bọc đồng của triều đình ngoài khơi
8 vùng biển tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị. (VSTKCGKL; V, trang
9 1379, 1380)

10 *Sau khi liên quân xâm lược Pháp-Tây Ban Nha đã tái chiếm
11 được Sài Gòn, vào tháng 1 âm năm Canh Thân, *Tự Đức thứ 13*
12 (1860), từ thành Sài Gòn tướng Page gửi đến chức quyền của triều
13 đình Huế ở Gia Định một bản đề nghị hoà ước gồm có 11 điều khoản
14 như sau:

15 1- Nước Pháp và nước Đại Nam giao hiếu với nhau muôn năm để
16 tỏ nghĩa lớn.

17 2- Nước ấy nếu có quốc thư thì đến Đà Nẵng đi đường bộ để tới
18 kinh đô đệ trình.

19 3- Nước Đại Nam giao hiếu với nước nào thì nước Pháp cũng coi
20 nước ấy là nước bạn.

21 4- Triều đình nước Đại Nam phải khoan hồng không bắt tội để trả
22 thù những người trước đây đã cộng tác với người Pháp.

23 5- Sau khi hai bên ấn ký vào tờ hoà ước thì Pháp sẽ rút quân ngay
24 ra khỏi cửa biển.

25 6 - Tín đồ theo đạo Gia tô nếu làm quấy thì triều đình sẽ theo luật
26 mà trị tội; nếu họ yên giữ phép nước thì triều đình không được bắt giữ
27 xét hỏi và xâm phạm đến tài sản của họ.

28 7- Nếu giáo sĩ người Pháp bị chức quyền Đại Nam bắt giữ thì sẽ
29 trao trả cho chức quyền nước Pháp.

30 8- Thuyền của nước Pháp đến thông thương ở các cửa biển thì các
31 chức quyền của Đại Nam trấn thủ các đồn biển không được cản trở và
32 đòi hỏi yêu sách.

33 9- Triều đình Đại Nam phải thông báo tách bạch cho nước Pháp
34 các điều hoà ước ký kết với Y Pha Nho.

35 10- Cho các Giáo sĩ Pháp và Y Pha Nho được tự do đi lại trong
36 nước để truyền giảng đạo Gia tô.

37 11- Cho sứ quan của nước ấy (Pháp) đến ở bờ biển lập cơ sở
38 thông thương. (VSTKCGKL; V, trang 1382,1383)

39 **Người ta thấy rằng chính quân xâm lược Pháp-Tây Ban Nha**
40 **đã khởi xướng đề nghị đình chiến và tự ý vi phạm đình chiến rồi**
41 **kế tiếp lại đề nghị hòa đàm và trong bản đề nghị hòa ước này**
42 **không có khoản nào đòi triều đình Huế phải chịu bồi thường**
43 **chiến phí.**

1 * Chỉ huy quân sự của triều đình Đại Nam ở Gia Định bác bỏ hẳn
2 3 điều khoản cuối cùng trong 11 khoản của bản nghị ước. Page liền
3 cho quân tiến chiếm đồn Cây Mai (chùa Cây Mai) trong vùng Chợ
4 Lớn để làm bộ chỉ huy rồi hành quân tiến chiếm thành Phụng đã bị đổ
5 nát. Đại tá Jauréguiberry được lệnh xây đắp một đồn trại mới trên nền
6 cũ của thành Phụng. Bên trong đồn gồm có nhà thương quân đội, kho
7 quân nhu và sau đó xây cất thêm một nhà nguyện đạo Gia tô (xây
8 xong vào ngày 15/8 d.l/1860).

9 Tôn Thất Hiệp liền rút quân về hướng Thuận Kiều xây đắp một
10 đồn lũy ở làng Chí Hòa cách thành Gia Định 5 cây số và cách đồn
11 Cây Mai khoảng 4 cây số.

12 *Tháng 2 âl, năm Canh Thân, *Tự Đức thứ 13* (1860), Tự Đức sai
13 đình thần hội bàn về đề nghị hoà ước 11 khoản của tướng Page: nhất
14 quyết không chấp nhận 2 điều khoản cho thiết đặt sứ quan ở cửa biển
15 và cho giáo sĩ ngoại quốc tự do đi lại trong nước để giảng và truyền
16 bá đạo Gia tô.

17 Tháng 7 â.l năm Canh Thân (1860), triều đình cử Nguyễn Tri
18 Phương lãnh chức tổng thống quân vụ đại thần ở quân thứ Gia Định,
19 Tôn Thất Cáp làm tham tán, Phan Tĩnh làm tán lý.

20 Khi vào đến Gia Định, Nguyễn Tri Phương liền tiến hành ngay
21 việc tập trung mọi nỗ lực để chinh đốn công sự phòng thủ ở đồn Chí
22 Hòa, lập kế hoạch để cùng với 15,000 quân binh thuộc quyền bao vây
23 và phản công quân Pháp-Y Pha Nho.

24 * Đại đồn Chí Hòa mất vào ngày 25 tháng 2 dl năm 1861

25 *Vào tháng Giêng năm Tân Dậu, *Tự Đức thứ 14* (1861), sau khi
26 đại đồn Chí Hòa bị mất vào tay quân Pháp, triều đình đã sai thượng
27 thư bộ Hộ là Nguyễn Bá Nghi làm khâm sai đại thần đi ngựa trạm đến
28 Biên Hòa để đánh giá tình hình, và điều khiển việc quân (ĐNTLCB
29 đã dẫn; trang 167). Nguyễn Bá Nghi từ Biên Hòa đã cho người đi
30 thương lượng và đề nghị hòa đàm với Charner trên chiến hạm
31 *Primaugel* đậu trên sông Sài Gòn để dụng kế hoãn binh). Thư của
32 Nguyễn Bá Nghi chỉ kê lễ trách móc về những sự tàn phá của chiến
33 tranh do người Pháp gây ra. Charner đưa ra những điều kiện để ngưng
34 chiến và tái lập hòa bình. Nguyễn Bá Nghi lại trả lời không chấp nhận
35 vì những điều đòi hỏi của Charner chỉ có lợi cho người Pháp và sẽ
36 làm tổn thiệt cho triều đình Đại Nam.

37 **Khi bàn về thư trả lời của Nguyễn Bá Nghi, dư luận của**
38 **người Pháp đã mai mỉa một cách cao ngạo và hiếu thắng rằng:**
39 <<Người An Nam giữ nhiệm vụ đàm phán cố tình quên đi một hậu quả
40 cốt yếu của chiến tranh: kẻ bại trận không được đòi hỏi một quyền lợi
41 nào cả>>: "*Le négociateur annamite feignait ignorer une conséquence*
42 *essentielle de la guerre, que le vaincu ne saurait réclamer des*
43 *avantages*" (A.Shreiner; đã dẫn; trang 208).

1 * Ngày 7 tháng 6 d.l năm 1861, Charner lại gửi đến quân thứ
2 Biên Hòa một lá thư đặt ra những đòi hỏi để tái lập hoà bình. Trong
3 đó có điều kiện số 11 ép buộc Đại Nam phải bồi thường cho Pháp bốn
4 triệu **đồng (Piastres 4,000,00\$)**. (A. Schreiner; sách đã dẫn, trang
5 209; cũng xem VSTKCGKL; V, trang 1427)

6 Có những điểm sau đây đáng được chú ý:

7 -Vấn đề bồi thường chiến tranh chỉ xuất hiện sau khi đại đồn Chí
8 Hòa bị liên quân xâm lược Pháp-Y Pha Nho đánh chiếm mà không bị
9 quân triều đình ở Gia Định gây một thiệt hại nào đáng kể. Điều này
10 khiến cho quân xâm lược thấy rõ sự yếu kém của Đại Nam về mặt
11 quân sự và ngay sau đó chính triều đình Huế lại là kẻ xướng xuất tái
12 hòa đàm khiến cho kẻ xâm lăng trở thành tự tín và tự kiêu về sức
13 mạnh của họ cho nên họ lại càng đòi hỏi thêm. Đòi hỏi thêm của họ
14 chính là số tiền bồi thường chiến tranh 4 triệu đồng trong lá thư đề
15 ngày 7 tháng 6 dl năm 1861 của Charner.

16 -Khoản đòi bồi thường được tính theo **đồng Piastres**, tức là theo
17 loại tiền tệ đang được lưu hành trong nước Đại Nam chứ không phải
18 là đồng **quan = francs** của Pháp hay đồng **Đô la = Dollars** của Mỹ
19 thời đó.

20 * Tháng 11 â.l (1861), thủy sư đề đốc Bonard sang thay thế
21 Charner (28 tháng 11 d.l năm 1861) và tuyên bố ngay rằng quân Pháp
22 sẽ tiến chiếm Biên Hòa và nếu cần sẽ tiến thẳng ra kinh đô Huế, ra
23 lệnh quân binh chuẩn bị chu đáo cho cuộc hành quân. **Đây là lời**
24 **tuyên bố hiếu chiến và cao ngạo của đô đốc Bonard khi vừa mới**
25 **đặt chân lên lãnh thổ của nước Đại Nam.** Nguyên văn như sau:
26 "*Nous allons marcher sur Biên Hoà et, s' il le faut, nous irons à Hué*"
27 (**tạm dịch: Chúng ta sẽ tiến chiếm Biên Hòa và nếu cần, chúng ta sẽ**
28 **đi ra Huế**) (A.Schreiner; sách đã dẫn; trang 222).

29 * Ngày 14 tháng 12 d.l năm 1861 Bonard ra lệnh tấn công Biên
30 Hòa. Tháng 2 â.l năm Nhâm Tuất (23 tháng 3 d.l năm 1862) quân
31 Pháp đánh chiếm thành Vĩnh Long (A. Schreiner, sách đã dẫn, trang
32 234).

33 *Tháng 4 âl năm Nhâm Tuất (tháng 5 dl năm 1862), Bonard phái
34 hạm trưởng Simon đi tàu Forbin vào cửa biển Thuận An để đưa thơ
35 nghị hòa. Triều đình Huế trả lời không đáp ứng đúng những điều kiện
36 đòi hỏi của Bonard nhưng tỏ ý sẵn sàng thương thảo. Bonard lại phái
37 Simon trở ra Thuận An và đặt ra 2 điều kiện tiên quyết để thương
38 nghị:

39 1- Nội trong vòng 3 ngày, triều đình Huế phải **nộp trước một**
40 **trăm ngàn (100,000) quan bằng nén bạc (ligatures en lingot**
41 **d'argent).**

2- Trong vòng 8 ngày, triều đình Huế phải cử sứ thần đến vùng Pháp đang chiếm đóng để thương nghị. (A.Schreiner, sách đã dẫn, trang 245).

Triều đình Huế chịu nộp trước số bạc mà Pháp đòi hỏi và cử thuyền chiến *Hải Hạc* chở Phan Thanh Giản và Lâm Duy Hiệp đi theo tàu chiến Forbin của Simon vào Sài Gòn ngày 26 tháng 5 dl 1862 để thương nghị; ngày 5 tháng 6 dl 1862 hai bên ký kết bản hòa ước. Điều 8 bản hòa ước này đã đưa ra số bồi thường chiến tranh là **bốn triệu đô la** (4,000,000 đô la tức là hơn hai chục triệu đồng francs của Pháp). **Một trăm ngàn quan bằng nén bạc đã nộp trước sẽ được khấu trừ vào số tiền bồi thường này.** Điều 8 của bản hòa ước cũng ấn định rằng 1\$ đô la = 72% một lượng (taïl hay taël) bạc.

Theo một bài viết có tựa đề là *Japon, Indochine, Ceylan* đăng trên tạp chí *L'Univers* tác giả *Dubois de Jancigny* đã mô tả các loại tiền tệ ở Nam Kỳ như sau:

Monnaies.- Les monnaies de la Cochinchine sont des *tails* d'or et d'argent; les premiers ont ordinairement quatorze ou quinze fois la valeur des seconds. Les *caches* ou *sapèques* sont en zinc pur et appelé *đôngs*. Les matériaux précieux sont rares en ce pays; et les transactions s'y font presque toutes au moyen de ces caches, très incommodes à cause de leur fragilité et de leur poids.

L'or et l'argent employés par les Cochinchinois sont généralement assez pur et assez bien affinés; mais on les trouve quelquefois fortement altérés. Le lingot d' or en *pain (nén)*, comme on l' appelle, est le plus grand; il y a ensuite le demi-lingot d' or, qui a la même forme est du poids de 5 *tails* ou 0 kil.192,965, et vaut environ 693fr.10 cent. Le *dinh-vàng* ou "clou d' or" pèse 1 taïl, ou 0 kil. 038,598, et vaut 138fr.68 cent.

Le lingot d' argent, aussi de la forme d' un pain, s' appelle *nén bạc*; il pèse 10 taïls, ou 0 kil. 385,930, et vaut environ 81fr. 57 cent. Il y a une autre monnaie d' argent, appelée *dinh- bạc* ou "clou d'argent", présent 1 taïl ou 0 kil. 038,598, et valant environ 8fr. 16 cent. Le *dinh- bạc* se divise en demi et en quarts; le demi s' appelle *nua dinh- bạc*.

Sous le règne de *Minh-Meng* il avait été frappé des piastres qui devait être du même poids et de la même valeur que celles de l' Espagne; mais leur valeur ne dépasse pas généralement celle de 4fr. , par suite de la grande altération de leur titre, où il entrait environ un tiers de cuivre. L'exécution de ces monnaies d'or et d'argent est d'ailleurs très remarquable⁽¹⁾ On trouve la figure de ces monnaies dans l'ouvrage de Taberd et dans le recueil du baron de Chaudoir, déjà cité, p. 227 de ce volume.

La monnaie de cuivre est fondue; 60 *caches* ou *đông* font un *một-tiền* ou "tas", et 10 *một-tiền* pour un *kwan* ou une "ligature". Ces 600 *caches* valent de 3 fr. à 3 fr. 60 cent, et pèse environ 1kil. 587

grammes. Le taux du change entre les *caches* et les monnaies d'argent varie de 3 à 5 *kwans* pour un *tail*.

Les monnaies d'or et d'argent ont, en général, la forme de bâtons d'encre de Chine, mais sont beau coup plus minces; leurs bords sont légèrement relevés, et leur millésime et leur valeur sont marqués en lettres saillantes. A chaque nouvelle émission de monnaies, les anciennes éprouvent une perte; cette circonstance est très fâcheuse pour les voyageurs et pour les étrangers, qui ne peuvent pas lire les caractères empreints sur ces monnaies⁽²⁾.>>

⁽²⁾ Les petits lingots, argent, *essayés* à la monnaie de Calcutta ont donné 578.67 grains d'argent pur = 1 piastre 56/100, soit: 6 shelling 2 pences 1/2, ou environ 7 fr 85c.

Les grands lingots ont produit, en moyenne, 6.172 grains 9/10 d'argent pur équivalant à 16 piastres 64/100 ou 3 liv.sterl.65 d.1/4; soit environ 83 fr.90 cent.

Ces valeurs (données par Crawford) diffèrent un peu de celles que nous avons mentionnées dans le texte; mais elles se rapprochent probablement davantage de la vérité. La valeur assignée par Crawford et par Tabert au lingot d'or est dix sept fois environ la valeur du lingot d'argent de même poids; ce qui s'accorde à peu de chose près avec les chiffres que nous avons adoptés.

Les monnaies et lingots sont frappés à Cachao, capitale du Tong king.

La piastre espagnole a cours dans tout l'empire; et le gouvernement la reçoit pour 1 quan 1/2 seulement.

Le roi paye pour le métal dont se fabrique la menue monnaie douze *quans* le *picul* en sorte qu'il fait un profit considérable sur cette fabrication.

Comme il ne se fait depuis longtemps presque aucun commerce avec le Tong King, il serait difficile d'établir les différences qui peuvent exister entre les poids, mesures et monnaie de ce pays et ceux de la Cochinchine, à laquelle il est soumis... (.....)

Tạm dịch: Các loại tiền tệ. - Tiền tệ của Nam Kỳ là tiền vàng hay tiền bạc. Thông thường tiền vàng giá trị gấp 14 hay 15 lần tiền bạc. Tiền *mặt* hay *sapèques* làm bằng kẽm gọi là *đồng* (*đồng kẽm*). Kim loại quý rất hiếm tại xứ này; và tất cả những giao dịch ở đây đều dùng loại tiền *mặt* không tiện lợi này, lại dễ hư hao và công kèn (vì phải xách mang theo một số lượng lớn = phụ chú của VSTK).

Vàng, bạc sử dụng ở Nam Kỳ thường là khá nguyên chất và được toi luyện tinh vi; tuy nhiên vẫn thấy có loại bị pha chế rất nặng (vàng giả, bạc giả = phụ chú của VSTK). Thỏi vàng được đúc thành hình ổ bánh mì và thường được gọi là *nén*; nhỏ hơn là 1/2 *nén vàng* ngang bằng với 5 *lượng vàng lá* hay 0. kilô 192.965 và tương đương với 693 fr.10 cent (fr: là tiền của Pháp thường được gọi là *đồng phật lằng* = phụ chú của VSTK). Một *đinh vàng* tương đương với 1 *lượng vàng lá* hay 0. kilô 038.593, bằng ngang với 138fr.68 cent

Nén bạc cũng có hình dạng như ổ bánh mì và cân nặng bằng 10 *lượng bạc* hay bằng 0. kilô 385.930, tương đương với 81 fr.57 cent. Có một loại tiền bằng bạc khác gọi là *đinh bạc* nặng ngang bằng với một lượng bạc hay 0.kilô 038.593 và tương đương với 8fr. 16cent. Cũng có 1/2 và 1/4 *đinh bạc*.

Dưới triều đại *Minh Mạng*, *đồng piastres* được đúc ra cân nặng và giá trị ngang bằng với đồng piastre Tây Ban Nha; tuy nhiên, một cách tổng quát thì giá trị *đồng piastre* không vượt quá 4 fr., sau loạt cải đổi lớn lao về tên gọi

1 và pha vào 1/3 kim loại đồng. Ngoài ra thì việc lưu hành tiền vàng và tiền
2 bạc rất khả quan. (Hình của các loại tiền này được trình bày trong tác phẩm của
3 Taberd và trong tập sưu khảo của nam tước de Chaudoir, đã dẫn, trang 227 trong tập
4 chí L' Univers)

5 Tiền (caches hay sapèques= phụ chú của VSTK) bằng đồng được đúc ra; 60
6 Caches hay đồng bằng một tiền; và 10 tiền = 1 quan. Cứ 600 caches bằng
7 kim loại đồng pha kẽm này thì ngang bằng với 3 fr. hoặc 3 fr.60 cent và cân
8 nặng 1 kilô. 587 grammes. Giá trị trao đổi giữa tiền caches (đồng + kẽm) và
9 các loại tiền bằng bạc là từ 3 quan đến 5 quan = 1 lượng bạc.

10 Loại tiền bằng bạc hay bằng vàng thường có hình dạng hình vuông
11 giống như cây mực dùng để pha mực viết chữ Nho hay chữ Hán nhưng thon
12 mỏng hơn và có 4 cạnh nhô lên, có ghi năm phát hành và trị giá bằng mực
13 màu máu đỏ. Mỗi đợt phát hành tiền mới thì tiền cũ lại mất giá. Tình trạng
14 mất giá này gây khó khăn cho du khách và những người ngoại quốc vì họ
15 không biết đọc những chữ viết màu đỏ đó⁽²⁾.

16 ⁽²⁾ Những nén bạc nhỏ được dùng làm tiền tệ ở Calcutta (Ấn độ) có trọng lượng
17 là 578.67 grains bạc nguyên chất, bằng 6 shillings 2 pences 1/2 (**Grain**: là một đơn
18 vị đo lường xưa của Pháp và 1 grain = 0.053gram, **Shelling** và **pence** là đơn vị tiền tệ
19 của Anh) hay bằng 7 fr.85 cent. Nén bạc lớn có trọng lượng 6.172 grains 9/10 bạc
20 nguyên chất tương đương với 16 piastres 64/ hay 3 liv.ster.65d.1/4; khoảng 83 fr.90
21 cent.

22 Những trị giá tiền tệ này (do Crawford truy cứu) sai biệt không nhiều với các trị
23 giá tiền tệ ở Nam Kỳ nhưng trên thực tế thì các trị giá tiền tệ của Calcutta có thể trội
24 hơn. Trị giá 1 nén vàng do Crawford và Taberd nêu ra gấp 16 lần trị giá của một nén
25 bạc đồng cân lượng; điều đó cho thấy có sự tương ứng với những chỉ số được nêu lên
26 trong bài viết này.

27 Các loại tiền và các nén vàng, bạc được đúc ở **Cachao** (Kê Chợ), thủ phủ của
28 **Tong-King** (Tong-Kinh: Đông-Kinh: Tonkin: Bắc Kỳ).

29 Đồng Piastre theo kiểu mẫu Tây Ban Nha được lưu hành trong khắp đế quốc
30 (Đại Nam) và hồi xuất của triều đình ấn định là 1 đồng piastre = 1 quan 1/2.

31 Nhà vua mua kim loại (đồng) để đúc tiền với giá là 12 quan một picul (**picul**:
32 đơn vị cân lường của Pháp ngày xưa. 1 picul = 1 tạ ta, tương đương 60 kilô 1/2).

33 **Catty**: đơn vị cân lường của Pháp ngày xưa. 1 catty = 1 cân ta, tương đương với 600
34 gram. Ở Huế và Fai-fô/Hội An, người Hoa khách trú tính ra 1 picul = 120 catties hay
35 1 tạ = 120 cân. Ở Sài Gòn 1 tạ đường tức là 1 tạ 1/2 hay 150 cân trong thực tế. Gạo
36 được đựng trong bao và cân nặng 50 catties hay 50 cân ta tức khoảng 30 kilô nhưng
37 trên thực tế thì 1 bao gạo như thế chỉ còn cân nặng có 48 cân ta).

38 Như vậy, với 12 quan mua vào một tạ đồng 60 kilô 1/2, lò đúc sẽ phát hành ra rất
39 nhiều sapèques pha trộn với kẽm và do đó kho bạc của triều đình sẽ thu vào một mối
40 lợi thật lớn.

41 Vì không có sự giao dịch thương mại từ lâu với Tong-King (Bắc kỳ) cho nên rất
42 khó để so sánh mức khác biệt trong việc cân, đo, đong, đếm và tiền tệ giữa xứ này với
43 Nam Kỳ.

*

44 Khi trả tiền bồi hoàn chiến tranh, theo hạn kỳ ấn định nơi điều 8
45 của hòa ước Nhâm Tuất (1862), triều đình Huế đã tự ý giữ lại 200,000
46 đồng để khấu trừ vào số 100,000 quan mà triều đình Huế đã trả trước
47 bằng nén bạc cho thuyền trưởng Simon theo sự đòi hỏi của Bonard
48 trước khi Phan Thanh Giản và Lâm Duy Hiệp vào Sài Gòn ngày 26
49 tháng 5 dl 1862 để khởi đầu cuộc hòa đàm. Người Pháp đã dựa vào

1 việc tự tiện giữ lại 200,000 đồng này để quy lỗi cho triều đình Huế là
2 mưu mẹo, không ngay thẳng, thiếu thiện chí, nhằm mục đích làm trì
3 trệ nghĩa vụ trả tiền bồi thường chiến tranh.

4 Câu hỏi đặt ra là tại sao người Pháp lại không hài lòng với việc tự
5 ý khấu trừ và giữ lại 200,000 đồng từ phía triều đình Huế? Có thể là
6 sự rắc rối này phát sinh từ cách thức hoán đổi hối xuất các loại tiền
7 hiện đang lưu hành tại Nam Kỳ vào thời đó. Mà cũng có thể là vì
8 người Pháp muốn quên đi số bạc mà triều đình Huế đã trả cho họ
9 trước khi hoà ước Nhâm Tuất (1862) được ký kết. Việc khấu trừ này
10 đã được ấn định nơi điều 8 một cách đơn giản, không có ghi rõ chi tiết
11 về hối xuất hoán đổi tiền tệ và đây có thể là một nguyên nhân tranh
12 cãi giữa đôi bên. Tuy nhiên đây không phải là một vấn đề trầm trọng
13 khó giải quyết để rồi người Pháp dựa vào đó như là một trong những
14 nguyên cớ quy lỗi cho triều đình Huế để tiếp tục chính sách xâm lấn
15 lãnh thổ của họ.

*

KHẢO LUẬN

I- TÌNH HÌNH NAM KỲ SAU KHI HÒA ƯỚC QUÝ HỢI (1864) BỊ NGƯỜI PHÁP XÉ BỎ

1 Sau khi hoà ước Nhâm Tuất (1862) được hai bên phê chuẩn, triều
2 đình Huế đã gởi một đoàn sứ do Phan Thanh Giản cầm đầu sang Pháp
3 để thương lượng với hoàng đế Napoléon III và chính phủ Pháp ở Paris
4 xin chuộc lại các lãnh thổ bị quân viễn chinh Pháp chiếm đóng. Công
5 tác của Phan Thanh Giản đã thành công vì sau đó Napoléon III và
6 chính phủ Pháp ở Paris đã phái đặc sứ Aubaret sang Đại Nam để
7 thương thảo một hòa ước mới mà không cần phải thông qua bộ Hải
8 quân và Thuộc địa tức là không hỏi ý kiến các chức quyền quân phiệt
9 của Pháp hiện đang nắm quyền cai trị và áp dụng chính sách thuộc địa
10 trên các vùng lãnh thổ Đại Nam mà họ đã khổ công xâm chiếm.
11 Trong khi các chức quyền người Pháp ở Sài Gòn tiếp đón Aubaret rất
12 lạnh nhạt thì trái lại Tự Đức và triều đình ở Huế đã tiếp đón Aubaret
13 thật long trọng. Triều đình Huế lại cử Phan Thanh Giản thương nghị
14 với Aubaret và chỉ thị ông phải yêu cầu cho bằng được Aubaret giảm
15 bớt số tiền bồi thường chiến phí mặc dù họ đã bằng lòng trao trả
16 những vùng đất chiếm đóng và bãi bỏ hoà ước Nhâm Tuất (1862) do
17 Bonard đã tốn hao rất nhiều tâm lực để đạt được. Đối với người Pháp,
18 rõ ràng là Tự Đức và triều đình Đại Nam không có thiện chí thương
19 thảo, cố tình kéo dài thời gian để tìm mưu chước chống lại họ. Có lúc
20 Aubaret chán nản muốn chấm dứt cuộc thương thảo vì sự đòi hỏi của
21 phía triều đình Đại Nam cộng thêm áp lực chống đối của nhóm quân
22 phiệt của bộ Hải quân và Thuộc Địa cũng như báo chí, dư luận quần
23 chúng, ảnh hưởng của các thế lực Ki tô giáo Rô-ma ở Pháp không ủng
24 hộ cho một hoà ước mới để thay thế cho hoà ước Nhâm Tuất (1862).
25 Trong khi ở Huế đôi bên vẫn chưa thoát được sự bế tắc về khoản ấn
26 định thời hạn bồi thường chiến phí thì chính phủ Pháp ở Paris đã gởi
27 văn thư khẩn đề ngày 18 tháng 7 dl năm 1864 đến Sài Gòn để tàu
28 chiến *Écho* tức tốc mang đi và tới Đà Nẵng vào ngày 21 tháng 7 dl
29 năm 1864 để ra lệnh cho Aubaret chấm dứt mọi cuộc thương lượng.
30 Aubaret lên tàu về Sài Gòn. Văn thư chính thức của chính phủ Pháp
31 gởi cho triều đình Đại Nam thông báo khước từ không cho chuộc lại 3
32 tỉnh được một tàu Anh mang đến Sài Gòn ngày 29 tháng 1 dl năm
33 1864. (A.Schreiner, sách đã dẫn, trang 264). Như thế tức là hòa ước
34 Nhâm Tuất ngày 5 tháng 6 dl năm 1862 vẫn có hiệu lực chấp hành và
35 thống soái La Grandière ở Sài Gòn vẫn tiếp tục gây dựng các cơ sở

1 căn bản cho một chính sách thuộc địa lâu dài trên 3 tỉnh đang ở dưới
2 quyền kiểm soát của quân xâm lược Pháp.

3 Sau khi về Paris để lãnh ý của chính phủ Pháp, thống soái La
4 Grandière trở lại Sài Gòn vào ngày 27 tháng 11 dl năm 1865 mang
5 theo cả gia đình vợ con và điều này cho thấy rằng La Grandière đã
6 chuẩn bị cho một việc định cư lâu dài trên đất nước Đại Nam. Thanh
7 tra bản xứ Paulin Vial đã viết về sự có mặt vợ con của La Grandière ở
8 Sài Gòn như sau: "*La présence de madame de la Grandière, femme d'*
9 *une bonté rare et d'une distinction supérieure , celle de ses enfants,*
10 *dont l' enjouement et la grâce charmante donnaient aux réunions de*
11 *l'hôtel du gouverneur un attrait qui avait manqué jusqu' ' à ce jour en*
12 *Cochinchine, étaient un nouveau témoignage du dévouement sans*
13 *bornes avec lequel M. de la Grandière s' était attaché à son œuvre. Il*
14 *croyait à la Cochinchine et il n' avait pas craint d' exposer ce qu' il*
15 *avait de plus cher à son climat dévorant, aux pénibles étreintes des*
16 *soucis et des inquiétudes qui étaient inévitables dans sa haute*
17 *position".*

18 **Tạm dịch:**

19 "Sự hiện diện của bà la Grandière, một bậc nữ lưu rộng lượng hiếm có
20 và đặc biệt cao trọng, cùng với các con của bà , sự vui sống của họ và nét
21 thanh nhã của bà đã trở thành một nét lôi cuốn cho các cuộc hội họp tại dinh
22 thống soái, một điều chưa từng thấy có từ trước đến nay ở Nam Kỳ. Tất cả
23 những điều đó đã chứng tỏ lòng nhiệt thành, tự mình gắn bó với công trình
24 xây dựng của ông. Ông tin tưởng vào Nam Kỳ hạ và ông đã không sợ sệt gì
25 khi phô bày những người thân thương nhút của mình vào một môi trường tàn
26 phá hao mòn, trước những nhọc nhằn âu lo phiền muộn vây bủa, những điều
27 mà ông không thể tránh né được với vị thế quyền cao chức trọng của ông."

28 Qua việc hủy bỏ hòa ước Aubarêt và việc thống soái la Grandière
29 đưa hết vợ con sang bám trụ ở Sài Gòn, người bình thường cũng có
30 thể ước đoán được rằng người Pháp nhất định toan tính những chuyện
31 về dài trong tương lai trên đất nước Đại Nam. Vậy những sự toan tính
32 đó là gì ?

33 **1- HÀNH QUÂN BÌNH ĐỊNH VÙNG** 34 **ĐỒNG THÁP MƯỜI**

35 Trước hết là những cuộc hành quân càn quét dân quân kháng
36 chiến tại vùng Đồng Tháp Mười.

37 Vào lúc khởi đầu năm 1866, tình hình Nam Kỳ được chính quyền
38 xâm lược tuyên bố là yên ổn và có nhiều triển vọng. Người Pháp đã
39 thu về cho họ hơn 5 triệu đồng quan (francs). Tình hình các tỉnh yên
40 ổn. Khi trở lại Sài Gòn, la Grandière đã được nhiều tầng lớp người An
41 Nam và người Hoa bê thế đón rước chào mừng. Trở lại Sài Gòn, la
42 Grandière đã mang theo nhiều bằng tuyên dương công trạng và huy
43 chương danh dự của chính phủ Pháp ở Paris để tưởng thưởng những
44 người bản xứ đã và đang hợp tác với đoàn quân viễn chinh xâm lược

1 Pháp: đốc phủ Trần Tử Ca, đội Huỳnh Công Tấn được huy chương
2 danh dự (Médaille de la Légion d'honneur, thường được gọi là mề đai
3 điều vì nó có nền toàn màu đỏ, một loại huy chương cao cấp của
4 người Pháp giống như Bảo Quốc Huân Chương của Việt Nam Cộng
5 Hòa trước năm 1975. Đồn rằng, người đeo mề đai điều được mọi
6 người Pháp ở bất cứ nơi đâu kính trọng và sẽ được giảm nhẹ án khi
7 người đeo mề đai điều phạm tội hình sự), đội Trần Bá Lộc được
8 thưởng huy chương quân đội (la médaille militaire, giống như anh
9 dũng bội tinh của Việt Nam cộng Hòa trước 1975). Các thể lực từ các
10 nước lân bang đều tỏ dấu hiệu thân thiện với người Pháp ở Nam Kỳ.

11 Tuy nhiên, vẫn còn vùng Đồng Tháp Mười, nơi chứa chấp và là
12 mật khu của dân quân kháng chiến Nam Kỳ thường gọi là bung biên.
13 Tiếp nhận súng ống đạn dược từ Hà Tiên, Rạch Giá đưa vào bung,
14 dân quân kháng chiến tiếp tục gây rối và tạo khó khăn cho lịch trình
15 thi hành chính sách thuộc địa của người Pháp trên toàn cõi Nam Kỳ
16 hạ. Thống soái la Grandière đã lưu ý triều đình Đại Nam về tình hình
17 bất ổn ở vùng Đồng Tháp và cảnh cáo rằng những cuộc xuất quân từ
18 bung biên để đánh phá đồn bót của đoàn quân viễn chinh Pháp là vi
19 phạm trầm trọng hòa ước Nhâm Tuất (1862). Để đáp lại, quan binh
20 địa phương và triều đình Huế chỉ trả lời xin cho có hình thức theo thủ
21 tục ngoại giao.

22 Ngày 20 tháng 1 dl năm 1866, Phan Thanh Giản đã được triều
23 đình Huế cử làm Kinh lược đại thân 3 tỉnh miền Tây Người Pháp chờ
24 đợi ông Phan Thanh Giản sẽ giải quyết được tình hình bất ổn tại vùng
25 bung biên Đồng Tháp nhưng rốt cuộc rồi họ thất vọng vì không thấy
26 có một dấu hiệu nào thay đổi mà tình trạng bất ổn còn gia tăng hơn
27 lúc trước. Mức độ các đoàn dân quân kháng chiến xuất phát từ Đồng
28 Tháp Mười để đánh phá càng lúc càng nhiều và lan rộng khắp nơi.
29 Những tiền đồn của quân xâm lược Pháp ở Mỹ Tho bị tấn công. Quân
30 kháng chiến hô hào tuyên truyền rằng người Nhật Bản sẽ trợ giúp để
31 chống quân xâm lược Pháp.

32 Vào cuối tháng 3 dl, dân quân kháng chiến đánh chiếm đồn Cái
33 Nứa ở Mỹ Tho khiến quân Pháp phải hành quân tái chiếm nhiều lần
34 mới tạm yên. Không thể để tình trạng xáo động kéo dài, quân xâm
35 lược quyết định mở cuộc hành quân bình định vùng Đồng Tháp Mười.
36 Từ bên ngoài, đoàn quân của Pháp gồm có 100 quân chính quy người
37 Pháp, 250 lính tập người bản xứ với thành phần chỉ huy gồm có 3 đại
38 úy người Pháp, quản Tấn và huyện Lộc, chia nhau đi theo 3 lộ trình
39 xuyên đầm lầy tấn công vào cứ điểm trung tâm của kháng chiến quân.
40 Ngày 16 tháng 4 dl năm 1866 quân Pháp tấn chiếm Đồn Tả, một đồn
41 chính yếu ở trung tâm Đồng Tháp do 350 quân kháng chiến trấn thủ
42 và 40 khẩu đại pháo. Một đại đội quân từ tàu chiến la *Fusée* được tăng
43 viện: quân kháng chiến chống cự mãnh liệt liệt nhưng cuối cùng phải
44 bỏ chạy tứ tán. Chỉ huy kháng chiến quân thiên hộ Dương chạy thoát,

1 nhiều dân quân kháng chiến bị quân xâm lược bắt sống ở Cái Thìa
2 (Mỹ Tho) trong số đó có một binh sĩ Pháp đào ngũ tên là Linguet đi
3 theo kháng chiến bung biển Đồng Tháp Mười.

*

2 - CÁC CUỘC NỔI DẬY CỦA NGƯỜI CAO MIÊN Ở NAM KỶ HẠ

4 Như đã trình bày ở phần trên (trang 1751, 1752 và các chú giải
5 6,7,8 ở trang 1764,1765,1766), 3 nhân vật chủ chốt trong những cuộc
6 nổi dậy ở Nam Kỳ hạ là Ong Bướm (A-Xoa), nhà sư Pù-Kâmbô và
7 Phra-Keo-Pha. Pù-Kâmbô và Phra-Keo-Pha được chính quyền Pháp
8 nuôi dưỡng và cho tá túc ở Sài Gòn với điều kiện là người này không
9 được gây xáo động nước Cao Miên đang ở dưới quyền đô hộ của
10 Pháp.

11 Trong những tháng đầu năm 1866, tình hình nước Cao Miên
12 (Cambodge) yên ổn. Ở Sài Gòn, Phra-Keo-Pha và Pù-Kâmbô tạm
13 thời chịu ép mình chưa kích động người Miên gây rối. Kể từ khi vua
14 Cao Miên Nặc Ong Đôn qua đời và Nororodom lên kế vị thì có
15 khoảng 2,000 người Miên trong một vùng lãnh thổ ở về phía Bắc tỉnh
16 Tây Ninh theo về phe với Pù-Kâmbô chống lại Norodom nhưng bề
17 ngoài nhóm này vẫn sống một cách hòa bình trong vòng kiểm soát và
18 che chở của chính quyền Pháp. Người Pháp chỉ biết rõ sự tình khi Pù-
19 Kâmbô bỏ Sài Gòn ẩn trốn lên vùng phía Bắc. Người Pháp truy lùng
20 thì mới biết được rằng nhà sư đang cầm đầu một nhóm nhỏ vài người
21 Miên đi biểu dương khắp nơi để rao truyền rằng họ sẽ dùng vũ lực để
22 đòi lại ngôi vua nước Cao Miên. Người Pháp cho rằng Pù-Kâmbô với
23 vài ba người như thế thì không thể làm được việc gì. Nhưng rồi bỗng
24 nhiên thấy xuất hiện một khối người thật đông gồm có người Miên,
25 người Chăm, người An Nam được trang bị vũ khí, có cả sự hiện diện
26 của A-Xoa và người Pháp cho rằng phong trào nổi dậy này được triều
27 đình Huế ngầm yểm trợ.

28 Sáng ngày 7 tháng 6 dl năm 1866, khoảng 2,000 người vũ trang,
29 với cờ trắng phấp phới tiến về hướng thành đồn Tây Ninh. Viên đại
30 úy thanh tra bản xứ là Larclause muốn dùng phương cách dàn xếp và
31 hiểu dụ cho nên đích thân ra khỏi thành đồn mang theo 20 binh sĩ đến
32 gặp họ nhưng bị họ bao vây và bắn chết. Sĩ quan hộ tống Larclause là
33 trung úy Lesage cũng bị giết cùng với 9 binh thuộc quyền; 11 binh sĩ
34 sống sót rút lui vào thành đồn Tây Ninh trong khi một sĩ quan Pháp là
35 đại úy Pinaud mang một tiểu đội 20 binh lính cố gắng ngăn chặn
36 nhóm nổi dậy nhưng không cự địch nổi với số đông nên phải rút lui
37 vào thành đồn cố thủ và đánh điện khẩn cấp về Sài Gòn xin cứu viện.
38 Đường dây điện thoại liên lạc bị nhóm nổi dậy cắt đứt vào buổi chiều
39 hôm đó.

1 Một tàu quân tăng viện do trung tá Marchaise từ vùng Sài Gòn được
2 gọi tới trong khi một đại úy thanh tra bản xứ ở Trảng Bàng tên là
3 Fremiel mang 40 binh sĩ đến để tăng cường việc cố thủ đồn thành Tây
4 Ninh. Khi vừa đến nơi, trung tá Marchaise liền mở ngay cuộc hành
5 quân truy kích quanh vùng thành bót Tây Ninh nhưng không có kết
6 quả. Ngày 14 tháng 6 dl năm 1866, Marchaise lại xuất quân 150
7 người cùng với hai khẩu trong pháo. Vào xế chiều, quân của
8 Marchaise đụng trận với nhóm nổi dậy ở vùng rạch Vĩnh lầy lội.
9 Marchaise và 13 binh sĩ thuộc quyền bị giết trong lúc xung trận. Nhờ
10 có hai khẩu trọng pháo đại úy Fournier mới có thể rút quân chạy lui
11 về thành bót Tây Ninh không kịp khiêng về xác của Marchaise. Ba
12 ngày sau, quân Pháp quay lại chiến trường thì không còn có thể nhận
13 diện được các binh sĩ tử trận cho nên một số tử thi phải chôn tập thể
14 vào các giếng nước bỏ hoang còn một số khác thì chôn chung trong
15 một thùng bằng gỗ. Đầu của Marchaise nằm dưới một gốc cây nhưng
16 xác thân thì không tìm thấy. Như vậy, kể từ ngày 7 tháng 6 dl đến 14
17 tháng 6 dl năm 1866, quân viễn chinh Pháp đã bị mất đến 3 sĩ quan
18 chỉ huy là Larclause, Lesage và Marchaise. Họ được chôn cất tại một
19 nghĩa địa ở Tây Ninh. Sau này hài cốt của Larclause và Lesage được
20 đưa về Pháp chôn cất lại. Vào tháng 6 năm 1905, một đoàn công tác
21 Pháp do thanh tra bản xứ tỉnh Tây Ninh tên là Pech cùng với một sĩ
22 quan bộ binh Collin cầm đầu đến vùng giao tranh cũ đào xới và tìm
23 thấy một thùng gỗ 3 mét chiều dài và 1 mét 50 chiều ngang nhiều bộ
24 xương người lẫn lộn với giày vớ nhà binh và được mang đi chôn
25 chung nơi nghĩa địa Tây Ninh vào ngày 16 tháng 6 dl năm 1906, trên
26 ngôi mộ tập thể này có dựng một cột bia ghi nhớ những binh sĩ viễn
27 chinh Pháp tử trận trong 2 ngày 7 và 14 tháng 6 dl năm 1866.

28 Sau biến cố nổi dậy vừa kể, quân binh của Pháp trấn đóng tại
29 thành đồn Tây Ninh được tăng lên đến 500 người dưới quyền chỉ huy
30 của tiểu đoàn trưởng Alleyron. Đồn bót Trảng Bàng cũ được tăng viện
31 tàu chiến trên vùng sông Vàm Cỏ Đông.

32 Sài Gòn được quân Pháp tăng cường phòng thủ cẩn mật. Do đó
33 dân quân kháng chiến đã nhắm vào các vùng lân cận để đánh phá đồn
34 bót của Pháp ở các vùng Thuận Kiều, chợ Hóc Môn, Trảng Bàng. Các
35 mật khu kháng chiến đặt ở vùng Cầu An Hạ, một vùng đầm lầy nằm
36 giữa Trảng Bàng và vùng sông Vàm Cỏ Đông. Do đó la Grandière đã
37 cho mở nhiều cuộc hành quân càn quét các vùng này. Ngày 27 tháng 6
38 dl 500 lính Pháp và 100 lính tập bản xứ, 50 thủy bộ binh mở cuộc
39 hành quân bao vây vùng Cầu An Hạ truy kích kháng chiến rút chạy về
40 hướng Bắc nơi có nhóm nổi dậy Pù-Kâmbô hoạt động. Một nhóm
41 kháng chiến khác rút chạy về hướng Nam.

42 Tháng 7 dl năm 1866, quân Pháp càn quét truy kích, nhóm nổi
43 dậy người Miên trốn chạy bỏ lại nhiều xác chết. Tiếp tục hành quân

1 truy kích, quân pháp đánh bật nhóm nổi dậy ra khỏi mật khu Ba Vang
2 , đồng thời bắt được 112 dân quân kháng chiến quanh vùng Tây Ninh.

3 Tất cả những cuộc nổi dậy vừa kể trên, người Pháp quy trách
4 nhiệm cho quan binh của triều đình Huế, không những nhắm mắt làm
5 ngơ mà còn ám trợ cho họ đánh phá các đồn bót của Pháp. Người
6 Pháp phản kháng, triều đình Huế phải ra lệnh loại trừ A- Xoa để xoa
7 dịu mối căng thẳng nhưng Pháp vẫn không hài lòng và cho rằng phía
8 triều đình chỉ loại trừ dùm cho Pù-Kâmbô một đối thủ tranh ngôi vua
9 nước Cao Miên.

10 Trong khi vua Norodom chỉ biết ngôi làm vua vô quyền thì những
11 người Miên nổi dậy đánh phá ngay trên nước Cao Miên (Cambodge).
12 Norodom phải cầu cứu với chính quyền bảo hộ Pháp. Người Pháp
13 phải đối đầu, đánh dẹp liên tục những cuộc đánh phá của nhóm người
14 Miên nổi dậy do Pù-Kâmbô cầm đầu tại vùng Oudong -Pnom Penh
15 nhưng chỉ đẩy lui được nhóm này chạy ngược về phía Nam và ngay
16 trong nội tình triều đình của Norodom cũng có phe muốn theo về với
17 Phra-Keo-Pha để hạ bộ Norodom.

*

QUYỂN VI

CHƯƠNG III

NGUYỄN DỤC TÔN

(1848 - 1883)

Niên hiệu: *Tự Đức* (Tiếp theo)

1 **Bính Dần**, *Tự Đức thứ 19*, (1866) tháng 1 âl, quan binh
2 triều đình lấy lại phố Bông Phong ở Cao Bằng, được Tự
3 Đức khen thưởng.

4 Tháng 2 âl, thống soái la Grandière cử phái viên⁽¹⁾ ra
5 cửa Thuận An trao thư đòi triều đình Huế giao 3 tỉnh Vĩnh
6 Long, An Giang, Hà Tiên. Để bù lại khoản tiền bồi thường
7 chiến tranh mà triều đình Huế còn thiếu theo hòa ước
8 Nhâm Tuất sẽ được miễn giảm hết. Tự Đức sai Phan Huy
9 Vịnh và Phạm Phú Thứ tiếp đón phái viên, trao gửi quà cáp
10 mang về cho la Grandière và yêu cầu vẫn giữ nguyên
11 những điều khoản trong hoà ước Nhâm Tuất; lại tư cho
12 Phan Thanh Giản đến Gia Định thương thuyết với thống
13 soái Pháp.

14 Khiến 2 tỉnh Vĩnh Long, An Giang tuyên chọn 20
15 người trong số thuộc viên, học trò siêng, giỏi, khéo tay để
16 đưa vào Gia Định học các nghề công xảo⁽²⁾.

17 Ở miền Bắc, tướng chống triều đình Trương Cảnh Ban ra
18 đầu thú, quan binh triều đình thu phục toàn tỉnh Cao Bằng.

19 Quan binh huyện Thanh Xuyên thuộc tỉnh Nghệ An là
20 Trần Tấn và Phan Điềm đốc thúc dân ngăn cản giáo sĩ
21 Châu giảng đạo Ki tô, triều đình hay được xuống lệnh xử
22 phạt Tấn và Điềm.

23 Tháng 5 âl, (tháng 6 dl 1866) triều đình Huế mua chiếc
24 tàu bọc đồng thứ hai từ Hương Cảng (Singapore) đưa về
25 cửa Thuận An, đặt tên là "Thuận Tiệp khí cơ đại đồng
26 thuyền", tổng giá tiền là 134,300 đồng.

27 La Grandière mở hội chợ đấu xảo, rao truyền gọi dân
28 bản xứ tham dự hội chợ.

29 Được sự đồng ý của chính phủ Pháp, La Grandière cho
30 thành lập đoàn thám hiểm sông Mê-Kong (sông Cửu

1 Long)⁽³⁾. Đoàn thám hiểm gồm có trung tá *Doudart de*
2 *Lagrée* trưởng đoàn, trung úy hải quân thanh tra bản xứ
3 *Francis Garnier*,⁽⁴⁾ sĩ quan truyền tin hải quân *Delaporte*, y
4 sĩ hải quân *Joubert* và *Thorel*, ủy viên bộ ngoại giao ở hải
5 ngoại *de Carné*, một toán hộ tống gồm có 4 binh sĩ người
6 Pháp, 6 lính tập người bản xứ, thêm 1 thông dịch viên
7 người Pháp, một thông dịch người Miên. Đoàn thám hiểm
8 rời Sài Gòn vào ngày 5 tháng 6 dl năm 1866 trên hai chiếc
9 pháo thuyền số 27 và 32

10 Ngày 7 tháng 6 dl năm 1866, nhóm người Miên nổi dậy
11 tấn công thành đồn Tây Ninh. Phía Pháp có 2 sĩ quan bị
12 giết. Pháp đưa tàu viện binh từ Sài Gòn đến Tây Ninh do
13 trung tá *Marchaise* chỉ huy.

14 *Marchaise* bị tử trận ngày 14 tháng 6 dl năm 1866.

15 Tháng 6 âl, Nguyễn Hoàng theo đạo Gia tô được triều
16 đình đề nghị và Tự Đức chấp thuận đến kinh đô Huế để
17 dịch sách và dạy tiếng Pháp.

18 Tháng 7 âl, triều đình bắt đầu đánh thuế rượu trong 3
19 tỉnh Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên. Cho người Hoa đứng
20 lãnh thầu mua bán rượu nộp thuế 2,500 quan; quy định
21 mức thuế là 1 phần 40 tức cứ 40 lít thì phải nộp thuế 1 lít.

22 **Bính Dần, Tự Đức thứ 19**, ngày 8 tháng 8 âl (10 tháng
23 9 dl 1866), nhóm Đông Sơn Thi Tửu⁽⁵⁾ hợp cùng một số
24 các nhà sư ở Huế âm mưu lật đổ Tự Đức bằng cách kích
25 động 3,000 lính đang lao dịch xây Khiêm cung ở công
26 trường Dương Xuân nổi loạn. Nhờ có hữu quân Tôn Thất
27 Cúc làm nội ứng, nhóm nổi loạn độn nhập vào đến Ngọ
28 Môn tiến vào hoàng cung nhưng bị quyền chưởng Long võ
29 dinh Hồ Oai và Chánh đội Cáp Văn Sum điều khiển quân
30 thị vệ ngăn đón và đánh lui. Nhiều người cầm đầu cuộc bạo
31 loạn đều bị giết tại trận hoặc bị bắt sống. Vì số lính lao
32 dịch dùng công cụ chày gỗ đập nghiền đá vôi (giã bột vôi
33 trộn với cát xây cất Khiêm cung) để làm vũ khí cho nên
34 trong sử cũ gọi nhóm bạo loạn này là Giặc Chày Vôi.

1 Khiển giám mục người Pháp gia tô giáo tên là Hậu
2 cùng Nguyễn Trường Tộ⁽⁶⁾ và Nguyễn Điều sang Pháp
3 tuyển mướn thợ và mua máy móc.

4 Mở trường dạy võ⁽⁷⁾ ở góc thành phía tây kinh đô Huế.
5 Cử võ quan bậc tứ phẩm và ngũ phẩm làm chánh, phó học
6 chánh (hiệu trưởng và phó hiệu trưởng). Chuyên dạy về
7 binh thơ và binh pháp.

8 Tự Đức khen thưởng cho Nguyễn Tri Phương và Võ
9 Trọng Bình đã có công dẹp yên những nhóm nổi dậy tại
10 vùng Hải-Yên ở quân thứ Đông Bắc. Cử Nguyễn Tri
11 Phương lãnh Thượng thư bộ Binh, Võ Trọng Bình lãnh
12 Thượng thư bộ Lại kiêm Quốc tử giám; cả 2 đều sung Cơ
13 mật viện đại thần.

14 Xét thưởng công trạng những quan quân có công trong
15 việc đánh chặn và dập tắt nhóm bạo loạn Giặc Chày Vôi.
16 Cho Hồ Oai thăng chức Đô thống dinh Long võ kiêm Quản
17 lãnh Thị Vệ Đại thần.

18 Chính quyền Pháp ở Sài Gòn phản kháng và yêu cầu
19 triều đình Huế ra lệnh trục xuất nhóm dân quân kháng
20 chiến ở Tánh Linh do Phan Trung cầm đầu, gán đồn Bảo
21 Chính thuộc tỉnh Bình Thuận. Triều đình Huế phải khiến
22 Phan Trung di chuyển số dân quân kháng chiến đi qua các
23 vùng Khánh Hòa, Bình Định, Phú Yên.

24 Sau khi lưu ý kinh lược Phan Thanh Giản về tình trạng
25 bất ổn do kháng chiến quân gây ra và thông báo cho biết là
26 quân Pháp sẽ chiếm 3 tỉnh miền Tây, thống soái la
27 Grandière cử phái viên Paulin Vial đi tàu *Casmao* ra cửa
28 Thuận An trao thư đòi triều đình Huế giao 3 tỉnh Vĩnh
29 Long, An Giang, Hà Tiên⁽⁸⁾. Tự Đức lại khiến Phan Huy
30 Vịnh và Phạm Phú Thứ tiếp đón Vial ở sứ quán để thương
31 thảo nhưng Vial tuyên bố rằng nếu cứ để nguyên tình trạng
32 hiện hữu thì quân binh triều đình không thể giữ nổi an ninh
33 trật tự vì loạn quân kháng chiến cứ dùng 3 tỉnh đó làm căn
34 cứ địa để tiếp tục đánh phá, gây chiến tranh với người
35 Pháp. Vial về Sài Gòn. Đình thần hội nghị tìm phương
36 cách giải quyết đòi hỏi của chính quyền xâm lược Pháp⁽⁹⁾.

1 Dân quân kháng chiến từ tỉnh miền phía Nam rút lui về
2 Bình Thuận, Khánh Hoà cả thảy 500 người⁽¹⁰⁾. Tự Đức sai
3 cấp cho tiền gạo để khai khẩn ruộng.

4 Tháng 10 âm, lập cơ quan Dinh điền ở tỉnh Nam Định để
5 khai khẩn ruộng hoang và ngăn chặn nước mặn. Cử Tham
6 tri Nguyễn Chánh làm Dinh điền chánh sứ, Hồng lô tự
7 khanh Đỗ Phát làm phó sứ.

8 Thống soái Pháp ở Sài Gòn lại gửi văn thơ thúc hối
9 triều đình Huế giao nộp 3 tỉnh miền Tây. Triều đình đề
10 nghị phái tổng đốc Nguyễn Hữu Cơ phối hợp với kinh
11 lược Phan Thanh Giảng mở cuộc thương thảo với người
12 Pháp nhưng Tự Đức không nghe theo.

13 Đặt sở quan thuế Nhu Viễn tại vùng sông Cấm (địa
14 phận làng Lương Quy, trạm Bạc, châu An Biên), thuộc
15 tỉnh Hải Dương để thu thuế các thuyền buôn của nước
16 ngoài. Mức thuế được ấn định tùy theo khối chuyên chở
17 của mỗi thuyền, thuyền có trọng tải lớn thì mỗi thước
18 khối hàng trên thuyền nộp 90 quan tiền, thuyền nhỏ nộp 80
19 quan. Thuế xuất nhập hàng hóa cứ 10 phần thì nộp 3 phần.

20 Tháng 12 âm (tháng 1 dương năm 1867), bãi bỏ lệ quyên tiền
21 cho triều đình để được phong chức, thăng hàm hay phục
22 hồi chức cũ hoặc để được chọn ra làm việc quan.

23 Ngày 15 tháng 1 dương năm 1867, trên sông Tiền thuộc tỉnh
24 Vĩnh Long, pháo thuyền số 22 của Pháp phát nổ khiến cho
25 6 binh sĩ Pháp và 2 lính tập bị chết, 52 người khác gồm có
26 thủy thủ và hành khách chỉ đủ thời gian để chuyển qua ghe
27 khác (được kéo theo phía sau) trước khi pháo thuyền chìm
28 sâu vào lòng sông.

29 Ngày 19 tháng 1 dương năm 1867, Rigault de Genouilly
30 được chính phủ Pháp cử vào chức vụ Bộ trưởng Bộ Hải
31 Quân và Thuộc Địa và cho phép La Grandière tiến hành
32 việc đánh chiếm thêm 3 tỉnh miền Tây của Đại Nam.
33 Trước khi bổ nhiệm R.de Genouilly vào chức vụ này,
34 chính phủ Pháp đã sai trung úy hải quân phó hạm trưởng
35 de Varannes sang Sài Gòn để thanh sát tình hình và tiếp
36 xúc với La Grandière.

1 **Đinh Mão**, *Tự Đức thứ 20* (1867), ngày 14 tháng 2 dl
2 năm 1867, la Grandière phái phó thuyền trưởng Monet de
3 la Marek theo tàu chiến *Monge* ra Huế để đòi nợ bồi
4 thường chiến phí chưa nộp đúng kỳ hạn đồng thời thúc hối
5 triều đình Huế phải giao nhượng ngay 3 tỉnh miền Tây.
6 Triều đình Huế khước từ đòi hỏi của Pháp và chỉ muốn
7 chuộc lại các tỉnh đã bị mất vào tay người Pháp.

8 Viện Cơ Mật đề nghị cử Phan Thanh Giản vào Sài Gòn
9 để dụ ý người Pháp về yêu cầu chuộc lại các tỉnh đã mất.

10 Ngày 24 tháng 2 dl năm 1867, Pháp lại mở hội chợ đầu
11 xảo ở Sài Gòn. Trong ngày phát giải thưởng tại hội chợ này
12 Phan Thanh Giản đứng cạnh thống soái La Grandière cùng
13 với thủ lĩnh nhóm người miền nổi dậy là Pra-Keo-Pha và
14 hai quan thượng thư của triều đình vua Cao Miên
15 Norodom.

16 Tháng 2 âl, bắt đầu đặt trường thi Võ tại Hà Nội dành
17 cho các thí sinh từ tỉnh Ninh Bình trở ra và tại Bình Định
18 dành cho các thí sinh từ Quảng Ngãi vào Bình Thuận.
19 Khoá thi đầu tiên là khoá Đinh Mão (1867).

20 **Ở Sài Gòn, La Grandière bí mật lên kế hoạch hành** 21 **quân tiến chiếm 3 tỉnh miền Tây**

22 Tháng 3 âl, Dinh điền sứ Trần Đình Túc xin mở mỏ sắt
23 ở làng Lưu Biểu thuộc huyện Hương Trà, phủ Thừa Thiên.
24 Đào vét sông Hương khu vực cầu Gia Hội.

25 Tháng 4 âl, xây thành Dương Mã ở Hải Dương.

26 Ngày 15 tháng 6 dl năm 1867, La Grandière mật điện
27 lệnh cho các đơn vị tham chiến và các chỉ huy hạm đội tàu
28 chiến: điểm tụ quân ở Mỹ Tho.

29 Chiều ngày 17, các đơn vị tham chiến bắt đầu di chuyển
30 đến Mỹ Tho.

31 Ngày 18, lực lượng quan binh Pháp hội tụ tại Mỹ Tho
32 là 1,200 người cùng với 8 thanh tra bản xứ và nhiều nhân
33 viên hành chánh sẽ đặt vào những tỉnh huyện ở các nơi sắp
34 chiếm đóng. Ngoài ra còn có 400 lính tập người bản xứ
35 (còn gọi vệ binh, ngày nay gọi là dân vệ hay cảnh sát) do

1 Pháp tuyên chọn trong tỉnh Mỹ Tho cùng tham dự cuộc
2 đánh chiếm này. Số tàu chiến tham dự gồm có các pháo
3 thuyền bằng gỗ *la Mitraille, le Bourdais, l' Alom-Prah*, các
4 pháo thuyền bằng sắt *l' Espignole, le Glaive, le*
5 *Fouconneau, la Halle-barde, l' Arc*, tàu tuần sát *Biên Hòa*
6 và một tàu vận vận tải chạy bằng hơi nước.

7 **Đình Mão, Tự Đức thứ 20, ngày 18 tháng 5 âl** (ngày
8 **19 tháng 6 dl năm 1867**), vào lúc một giờ trưa, soái hạm
9 *l' Ondine* của La Grandière từ cửa biển Soài Rạp (Gò
10 Công) tiến vào sông Tiền hướng về Mỹ Tho. Các chỉ huy
11 trưởng thủy, bộ binh, các hạm trưởng tàu chiến đều lên
12 soái hạm để nghe La Grandière ban phát những chỉ thị
13 hành quân cuối cùng. Binh lính và vệ binh bắt đầu xuống
14 các tàu đổ bộ. Vào nửa đêm thì hạm đội tấn công chờ theo
15 binh lính của Pháp tiến đến thành Vĩnh Long.

16 Buổi sáng sương mù ngày **19 tháng 5 âl (20 tháng 6**
17 **dl 1867)**, các chiến hạm của đoàn quân xâm lược thả neo
18 trước mặt thành tỉnh Vĩnh Long.

19 Vào 7giờ30 sáng, các chiến hạm đều ở đúng vào vị trí
20 tác chiến . Binh sĩ thủy, bộ được chuyển lên bờ bao vây
21 thành Vĩnh Long. Một quan phụ tá hành quân của La
22 Grandière được phái vào thành để yêu cầu quan binh đồn
23 trú đầu hàng và nộp thành. Khi sương mù tan, quan binh
24 Đại Nam mới biết thành Vĩnh Long bị đoàn quân xâm lược
25 Pháp bao vây⁽¹¹⁾.

26 Kinh lược Phan Thanh Giản và Án sát Võ Doãn Thanh
27 ra khỏi thành xuống soái hạm *Ondine* để gặp La Grandière
28 yêu cầu quân Pháp rút lui nhưng La Grandière nhất quyết
29 cự tuyệt, đòi quan binh triều đình tại 3 thành Vĩnh Long,
30 An Giang, Hà Tiên phải đầu hàng. Biết rằng không thể nào
31 làm thay đổi tình thế, Phan Thanh Giản yêu cầu La
32 Grandière ra lệnh cho thuộc hạ không được giết hại, cướp
33 bóc tài sản của dân chúng trong thành. La Grandière chỉ
34 hứa rằng các quan lại của triều đình Đại Nam sẽ vẫn giữ
35 các nhiệm vụ cũ sau khi đoàn quân của Pháp chiếm đóng 3
36 tỉnh với điều kiện là Phan Thanh Giản phải xuống lệnh cho
37 họ đầu hàng và các nhóm kháng chiến phải ngưng hoạt

1 động tại các nơi đó Phan Thanh Giản viết thư cho các đốc
2 trấn thành An Giang (Châu Đốc), Hà Tiên, thông báo là
3 thành Vĩnh Long đã bị bao vây, yêu cầu quan binh giao
4 nộp thành cho người Pháp để dân chúng không bị liên lụy
5 vì chiến tranh. Khi Phan Thanh Giản trở về thì quân Pháp
6 đã chiếm đóng thành Vĩnh Long.

7 La Grandière liền cử đại tá Rebout làm chỉ huy trưởng
8 quân thứ 3 tỉnh miền Tây và đại úy Bourchet làm thanh tra
9 bản xứ (tỉnh trưởng) tỉnh Vĩnh Long.

10 Ngày **20 tháng 5 âm** (21 tháng **6 dương** năm **1867**), hạm
11 trưởng Galey và giám đốc Nội vụ P. Vial đưa tàu chiến
12 Biên Hòa cùng một lúc với một số pháo thuyền và binh sĩ
13 đổ bộ xuống tiến chiếm An Giang (Châu Đốc). Trên lộ
14 trình chuyển quân, họ gặp 2 chiếc ghe buồm có che lọng và
15 hiệu kỳ chỉ huy của quan tổng đốc Hà Tiên. Viên tổng đốc
16 được yêu cầu lên chiến hạm Biên Hòa, nhận lệnh thư của
17 Phan Thanh Giản và bị giữ lại trên tàu cho đến lúc tàu đến
18 An Giang (Châu Đốc).

19 Vào 11 giờ đêm, tất cả lực lượng của Pháp đã được
20 phối trí sẵn sàng để hạ thành An Giang.

21 Tổng đốc An Giang được gọi ra tàu *Biên Hòa* để nhân
22 lệnh đầu hàng của Phan Thanh Giản. Tổng đốc An Giang
23 cùng với hai quan Bộ chính và Án sát âm mưu bắt Vial và
24 Galey làm con tin nhưng mưu sự bất thành⁽¹²⁾. Quân Pháp
25 vào chiếm đóng thành An Giang. Sáng ngày hôm sau 22
26 tháng 6 dương 1867, soái hạm *Ondine* đến thành An Giang,
27 La Grandière vào thành cắt đặt nhân sự, cử trung úy bộ
28 binh Vignes làm thanh tra bản xứ tỉnh Sa Đéc. hạm trưởng
29 Valey được thăng thiếu tá.

30 Ngày **22 tháng 5 âm** (**23 tháng 6 dương** năm **1867**), thiếu tá
31 Galey trên tàu chiến *la Flamberge* cùng với một tàu
32 chuyên chở chạy bằng hơi nước, 20 ghe buồm chở binh sĩ
33 và vệ binh xuất phát từ Châu Đốc qua Hà Tiên. Trên tàu
34 chiến *la Flamberge* có mặt tổng đốc Hà Tiên và do đó
35 cuộc tiến chiếm thành Hà Tiên không có gì trở ngại cho
36 đoàn quân xâm lược Pháp. Đại úy Dauvergne được cử
37 việc cai trị vùng lãnh thổ Hà Tiên.

1 La Grandière sai Legrand de la Liraye theo tàu chiến *le*
2 *Monge* ra Huế cùng với một thông ngôn thông báo việc
3 quân binh Pháp chiếm đóng 3 tỉnh miền Tây của Đại Nam.
4 Triều đình Huế phản kháng, yêu cầu trả tự do cho các
5 quan binh triều đình trong 3 tỉnh đó đang bị quân Pháp
6 quản thúc và trả lại một số vùng đất thuộc tỉnh Biên Hoà và
7 Sài Gòn để bồi thường cho triều đình về việc người Pháp
8 cưỡng chiếm 3 tỉnh miền Tây nhưng vô hiệu. Pháp chỉ chịu
9 giao trả quan binh của triều đình trên 3 tỉnh đó.

10 **Đinh Mão, Tự Đức thứ 20, tháng 6** âl, sau khi 3 tỉnh
11 miền Tây bị mất, Phan Thanh Giản gọi trả triều đình ấn tín
12 và bắt đầu tuyệt thực. Ông viết thư để lại khuyên các con
13 không được hợp tác làm việc cho quân xâm lược Pháp
14 nhưng phải sống hòa bình không chống phá gây hấn với
15 người Pháp, các cháu của ông nên được giáo huấn như con
16 cái của người Pháp. Ông trời thác muốn được chôn cất ở
17 quê nhà tại làng Bảo Thạnh, tỉnh Bến Tre rồi trước sự hiện
18 diện chứng kiến của những người thân, ông mặc triều phục
19 đứng hướng về phương Bắc cung kính quỳ bái 5 lạy rồi
20 nâng chén thuốc độc uống cạn (liều thuốc phiện cực
21 mạnh). Một y sĩ người Pháp là Le Coniat đã hết sức tìm
22 cách để cứu sống ông nhưng sau đó 2 ngày thì ông qua đời
23 vào **ngày 5 tháng 7 dl năm 1867.**

24 Thống soái La Grandière đã tự tay viết thư chia buồn
25 gửi đến con trưởng của ông Phan Thanh Giản⁽¹³⁾, ra lệnh
26 cho thuộc hạ dưới quyền đặt quan tài của ông trên một
27 chiếc ghe lớn và được một pháo thuyền của Pháp kéo về
28 làng Bảo Định gần cửa sông Ba Lai tỉnh Bến Tre. Một đội
29 quân dàn chào danh dự của quân đội Pháp cũng được phái
30 đến để cung hầu quan tài của ông Phan Thanh Giản suốt
31 thời gian tiên hành lễ an táng theo tục lệ của người Đại
32 Nam. Dân chúng tham dự đám tang rất đông. Mộ chí của
33 ông ghi *Lương Khê Phan lão nông Chi Mộ.*⁽¹⁴⁾

*

CHÚ GIẢI & KHẢO LUẬN:

1 (1) **Phái viên:** sử sách nhà Nguyễn không viết rõ tên của phái viên
2 này. Có thể là Paulin Vial giám đốc Nha nội vụ ở Sài Gòn, bởi vì vào
3 tháng 9 âm năm Bính Dần, niên hiệu Tự Đức thứ 19 tức vào khoảng
4 tháng 10 dương năm 1866, Paulin Vial lại được giao phó ra kinh đô Huế
5 để đòi triều đình Huế giao nộp 3 tỉnh Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên.

6 (2) **Nghề công xảo:** gồm những ngành kỹ thuật tạo tác sử dụng trong
7 quân đội như đúc luyện sắt, đúc súng lớn, chế tạo đạn dược, lựu đạn,
8 kéo dây đồng, đóng tàu thủy . . . vân . . . vân . . .

9 (3) **Đoàn thám hiểm sông Mékong:** công tác kéo dài 2 năm và đoàn
10 thám hiểm đã lên đến thượng lưu vực con sông này ở tỉnh Vân Nam
11 trên lãnh thổ trung Quốc. Trưởng đoàn thám hiểm Doudart de Lagrée
12 ngã bệnh viêm gan và qua đời ngày 12 tháng 3 năm 1868 nơi phái bộ
13 thừa sai Pháp ở Đông Châu Phủ (Tong-Tchouau-Fou) Trung Quốc và
14 được các người đồng hành đưa xác về Sài Gòn chôn cất vào ngày 2
15 tháng 7 dương năm 1866.

16 (4) **Francis Garnier (1839-1873):** Trong một quyển sách có tựa đề *Nos*
17 *Premières Années Au Tonkin* tác giả Paulin Vial (1831-1907) có đoạn
18 viết về Francis Garnier như sau:

19 "A cette époque, Garnier avait 34 ans. Intelligent, instruit, courageux,
20 doué une ambition ardente, partout où il avait servi il avait attiré l'attention
21 de ses chefs et de ses camarades. Il avait pris part à l'expédition de Chine et
22 de Cochinchine sous les ordres de l'amiral Charner (1860-1861).

23 Revenu à Saigon à la fin d'Avril 1863, il fut admis, sur sa demande,
24 dans l'administration des affaires indigènes par décision de l'amiral de la
25 Grandière. Il servit à Cholon en qualité d'inspecteur stagiaire sous les ordres
26 de M. Gaudot, auquel il succéda en 1865. En 1866, il avait été désigné, sur sa
27 demande, pour faire partie de la Commission d'exploration du Mékong,
28 commandée par M. de la Grée, capitaine de frigate.

29 Parti de Saigon le 5 juin 1866, il y rentra en octobre 1868, ramenant le
30 cercueil de son chef qui repose dans le cimetière de Saigon.

31 Il était allé ensuite à Paris où il dirigea la rédaction de cet important
32 voyage qui fait tant d'honneur à notre pays.

33 En 1870 et 1871, Garnier prit une part glorieuse à la défense de la
34 capitale." (Paulin Vial, *Nos Premières Années au Tonkin*, trang 50, nhà xuất
35 bản Baratier-Molaret, France 1889)

36 **Tạm dịch:** "Vào thời đó, Garnier 34 tuổi, thông minh, có giáo dục, can
37 trường, đầy tham vọng, ở bất cứ nơi nào anh ấy phục vụ đều gây sự chú ý
38 của thượng cấp và bè bạn. Anh đã góp phần tham dự vào công tác thám sát ở
39 Trung Quốc và ở Nam Kỳ hạ theo lệnh của đề đốc Charner (vào những năm
40 1860-1861).

41 Trở lại Sài Gòn vào tháng 4 năm 1863, anh làm đơn xin và được la
42 Grandière chấp nhận vào làm việc trong ngành quản trị hành chính bản xứ

1 sự vụ. Anh được cho giữ chức thanh tra bản xứ ngạch tập sự ở Chợ Lớn
2 (ngang với phó thị trưởng) dưới quyền chánh thanh tra bản xứ Gaudot. Anh
3 thay thế Gaudot vào năm 1865. Năm 1866, anh yêu cầu và được chấp thuận
4 cho tham dự vào đoàn thám hiểm sông Mêkong do đại úy hải quân de la
5 Grée làm trưởng đoàn.

6 Đoàn thám hiểm rời Sài Gòn vào ngày 5 tháng 6 năm 1866 và quay trở
7 về vào tháng 10 năm 1868 kéo theo quan tài đựng xác người trưởng đoàn để
8 chôn cất nơi nghĩa trang thành phố Sài Gòn.

9 Tiếp theo đó, anh đi Paris và ở đó anh đã tự mình ghi lại chuyên đi thám
10 sát tạo niềm hãnh diện lớn lao cho đất nước chúng ta.

11 Năm 1870 và 1871, Garnier chia xẻ một phần vinh quang trong việc bảo
12 vệ thủ đô."

*

13 Có thể nói rằng Francis Garnier là một thanh niên trẻ tuổi đã đóng
14 góp lớn lao cho sự hình thành chính sách thuộc địa của nước Pháp ở
15 Đông Dương. Không phải ngẫu nhiên mà La Grandière đưa Francis
16 Garnier vào đoàn công tác thám hiểm sông Mêkong. Garnier được
17 trọng dụng bởi vì trước đó F.Garnier đã thi hành thành công các
18 nhiệm vụ thám sát ở Trung Quốc và ở Nam Kỳ hạ. Có thể nói
19 F.Garnier là một người lính tiền sát có nhiệm vụ hướng đạo, vẽ đường
20 dẫn lối cho đoàn quân viễn chinh xâm lược của Pháp đi chiếm đất
21 dành thị trường các nước Á Châu đặc biệt là nước Đại Nam.

22 Câu hỏi đặt ra là F.Garnier có hay không có tạo ảnh hưởng lên
23 quyết định của chính phủ Pháp về những đường lối chính sách mà họ
24 áp đặt trên các vùng lãnh thổ do đoàn quân xâm lược của họ chiếm
25 đóng ở Nam Kỳ?

26 Người ta biết rằng, chính phủ Pháp ở Paris luôn luôn có thái độ
27 lưng chừng, làm ngơ lại tiếc, lấy về thì nguy, kể từ trước khi Rigault
28 de Genouilly tự quyền chiếm đoạt Sài Gòn một cách dễ dàng vào năm
29 1859. Lý do của thái độ lưng chừng là vì:

30 1- Hoàng đế Pháp Napoléon III chưa có ý nghĩ đến việc tìm một
31 căn cứ hải quân nào khác sau cuộc chiến với Trung Quốc kết thúc
32 bằng hoà ước Thiên Tân ký kết vào năm 1858.

33 2- Kể từ năm 1857, Chính phủ và Napoléon II ở Paris chỉ phái
34 chiến thuyền *Catinat* xâm nhập vào vùng biển nước Đại Nam để thi
35 hành một nhiệm vụ duy nhất là cứu vớt những giáo sĩ ngoại quốc trốn
36 chạy vì chính sách bách hại gia tô giáo của nhà Nguyễn.

37 3- Cuối năm 1857, Rigault de Genouilly theo lệnh của Bộ trưởng
38 bộ Hải Quân và Thuộc Địa đưa lực lượng hải quân Pháp từ Trung
39 Quốc sang *thị uy* vùng vịnh biển Đà Nẵng của Đại Nam: "*Il s'agissait*
40 *donc, comme on voit, de simplement forcer les Annamites à la raison,*
41 *non de leur prendre leur pays*". (*Vậy thì, như người ta thấy, chỉ là*
42 *thúc buộc người An Nam phải hiểu biết chứ không phải là chiếm đất*
43 *nước của họ*). (A. Schreiner; sách đã dẫn; trang 135). Tuy nhiên công
44 tác thị uy bị ngưng trệ vì chiến tranh giữa Pháp với Trung Quốc lại tái

1 diễn, lực lượng hải quân của Pháp phải ở lại trên chiến trường Trung
2 Quốc. Một điều cần lưu ý ở đây là lệnh hành quân thị uy là do Bộ Hải
3 quân và Thuộc địa ra lệnh: rất có thể là chính phủ Pháp ở Paris và
4 hoàng đế Napoléon III không biết trước về cuộc hành quân đó bởi vì
5 cho đến giai đoạn này Napoléon vẫn chưa dám dấy đưa vào một cuộc
6 hành quân viễn chinh tại một vùng đất xa xôi nào khác: 30 năm dài
7 chiến tranh tàn phá và hao tổn với nước Algérie ở Bắc Phi Châu mà
8 người Pháp vẫn chưa thể chấm dứt khiến cho Napoléon III phải e dè.

9 Như vậy phải chăng bộ Hải quân và Thuộc địa đã chuyển quyền
10 tự ý hành động? Có thể lắm, không phải chỉ có lần này mà về sau
11 (1864) người ta thấy còn xảy ra nữa khi cơ quan này và nhóm quân
12 phiệt ở Sài Gòn xem như không có đặc sứ Aubarêt đại diện chính phủ
13 và hoàng đế Pháp khi ông ta tới Huế để bàn bạc với triều đình nước
14 Đại Nam về một hiệp ước mới thay thế hòa ước Nhâm Tuất (1862).

15 4- Cuộc hành quân của Rigault de Genouilly ở Đà Nẵng vào ngày
16 1 tháng 9 năm 1858 không phải chỉ là từ ngoài khơi bắn phá các đồn
17 bót ở Vịnh Đà Nẵng nhưng lại là một cuộc đổ bộ chiếm thành, lũy,
18 đồn bót nơi vụng biển Tiên Trà - Đà Nẵng, một sự khởi đầu xâm lược
19 đúng nghĩa của đoàn quân viễn chinh Pháp vào đất nước Đại Nam.
20 Tuy nhiên đoàn quân của R.de Genouilly bị bó gổ tại Đà Nẵng chứ
21 không thể nào ngược dòng sông Hương để tiến chiếm kinh thành Huế
22 với một lý do đơn giản: người Pháp từ trước tới giờ chỉ biết lanh
23 quanh ngoài khơi vụng biển Đà Nẵng chứ chưa có được một sự hiểu
24 biết nào về đường đi nước bước bên trong nội địa của nước Đại Nam
25 từ Huế trở vào Nam.

26 Chiếm đóng cù lao Tiên Trà là một sai lầm chiến lược, nhưng
27 nếu không làm như vậy thì nhóm quân tàu chiến của Pháp không còn
28 biết phải làm gì khác hơn giống như *anh đầu bò chụp được đôi sừng
29 nhọn bén của con bò mộng nhưng lại không đủ sức quật ngã nó (Ce
30 que l'on faisait là, c'était prendre le taureau par les cornes sans être
31 de taille à le renverser: A. Schreiner; sách đã dẫn; trang 136)*. Cho
32 đến lúc này, người Pháp, từ ông hoàng đế Napoléon III tới các ông
33 bộ trưởng ở Paris cũng như nhóm võ biên viễn chinh chỉ biết lấy cò
34 súng của họ, tất cả đều u tối mờ mịt chưa bao giờ được nghe nói tới
35 một miền đất phong phú màu mỡ đầy triển vọng ở phía cực Nam
36 nước Đại Nam; mà họ cũng chưa có khả năng để suy nghĩ tới nơi tới
37 chốn để nắm được một yếu tố quan trọng là nếu đánh chiếm được Sài
38 Gòn vào thời đó, uy tín của hoàng đế Tự Đức và triều đình Huế sẽ bị
39 tiêu tan dưới con mắt của người Cao Miên và người Xiêm La (Thái
40 Lan) và chỉ cần có một chiến thắng ở Sài Gòn thì người Pháp sẽ có
41 được một mối lợi gấp 3 lần vì nước Cao Miên và nước Xiêm, 2 nước
42 cừu địch của nước Đại Nam hằng bao nhiêu thế kỷ, sẽ tự động xếp
43 giáp quy hàng mà người Pháp không phải tốn thêm một viên đạn.
44 Thêm vào đó, lệnh chỉ chính thức của Napoléon III có tính cách chấp

1 hành: không được kéo dài liên miên chiến tranh ở Nam Kỳ hạ. Lúc
2 này nguy cơ về một cuộc chiến tranh giữa nước Pháp với nước Áo
3 đang hình thành đã khiến cho Napoléon III không muốn nghĩ tới bất
4 kỳ một cuộc phiêu lưu thuộc địa nào.

5 Hơn 5 tháng, kể từ khi lực lượng tàu thủy và binh lính của R.de
6 Genouilly đánh chiếm Tiên Trà để rồi bị chôn chân, kiệt huệ, bệnh tật,
7 thời khí, tinh thần chiến đấu sa sút. Rồi tin tức từ những người nội
8 phản đã cho R.de Genouilly biết được phần nào về tình hình ở Nam
9 Kỳ hạ và thuyết phục viên tướng này rằng đánh chiếm Sài Gòn sẽ tạo
10 hậu quả về tâm lý nặng gấp 10 lần hơn việc chiếm đóng cù lao Tiên
11 Trà. Trong hoàn cảnh khôn đốn nguy nan tiến lui bất cập ở Đà Nẵng,
12 R.de Genouilly đánh liều lao vào một cuộc mạo hiểm mới cuối tháng
13 1 dl năm 1859: đưa đoàn tàu chiến và quân binh Pháp-Tây Ban Nha
14 từ Đà Nẵng chuyển về phía Nam để đánh chiếm thành Gia Định-Sài
15 Gòn.

16 Tin tức đoàn quân xâm lược Pháp-Tây Ban Nha đi vào thành Gia
17 Định một cách nhón nhờ như đi du ngoạn báo về Pháp quốc nhưng
18 cho tới lúc đó, Napoléon III vẫn chưa có một ý định nào về việc
19 chiếm đóng một lãnh thổ ở hải ngoại bởi vì nước Pháp còn đang bận
20 tâm đối phó với nguy cơ chiến tranh sắp bùng nổ ở Ý Đại Lợi giữa
21 Pháp - Áo và triều đình Trung Quốc ở Bắc Kinh đang có ý đồ xé bỏ
22 hòa ước Thiên Tân chưa kịp phê chuẩn.

23 Tuy nhiên, bước khởi đầu chính sách thuộc địa, mặc dù ngoài dự
24 định, nhưng bỗng dưng lại thu gặt được một kết quả quá mức khích lệ
25 cho nên các thành phần cổ vấn được tham khảo ý kiến, thế lực gia tô
26 giáo ở Paris do tổng giám mục Morlot thay mặt cổ súy, thúc hối cùng
27 với sự can dự của nữ hoàng Tây Ban Nha Eugénice, tất cả đều có
28 trách nhiệm trong việc quyết định số phận tương lai của nước An
29 Nam: Napoléon III ra chiếu chỉ cho phép Bộ Hải quân và Thuộc địa
30 của chính phủ Pháp tiến hành việc thiết đặt cơ sở ở Nam Kỳ hạ.

31 5- Vào lúc Charner sang thay thế R.de Genouilly thì chiến tranh
32 giữa Pháp và Trung Quốc lại tái diễn cho nên Charner được lệnh của
33 chính phủ Pháp ở Paris phải rút quân chiếm đóng ở Sài Gòn sang tăng
34 viện cho chiến trường Trung Quốc, chỉ để lại một số ít quân để trấn
35 giữ các vùng mà họ đã chiếm đóng ở Sài Gòn. Số quân ít ỏi của liên
36 quân xâm lược Pháp-Tây Ban Nha đã bị lực lượng quân đội triều đình
37 dưới quyền chỉ huy của Nguyễn Tri Phương đánh phá liên tục và cô
38 lập.

39 Sau khi Pháp và Trung Quốc ký kết và phê chuẩn thỏa ước hòa
40 bình ngày 25 tháng 10 dl năm 1860 tại Bắc Kinh (để bổ túc thêm cho
41 hoà ước Thiên Tân ký kết giữa Pháp và Trung Quốc vào ngày 27
42 tháng 6 dl năm 1858), Charner liền đưa hết đoàn quân viễn chinh
43 Pháp từ chiến trường Trung Quốc trở qua Sài Gòn. Đoàn tàu chiến
44 chuyển quân của Charner về Sài Gòn ngày 7 tháng 2 dl năm 1861.

1 Ngày 24 và 25 tháng 2 dl tấn công đại đồn Kỳ Hòa, đẩy lui quân triều
2 đình ra khỏi vòng đai Sài Gòn, Gia Định, chiếm luôn Thủ Dầu Một.
3 Tây Ninh. Quân triều đình rút lui về cố thủ Biên Hòa. Kế tiếp quân
4 của Charner tiến chiếm Mỹ Tho.

5 Sau chiến thắng Mỹ Tho, Charner phải tạm ngưng việc chiến
6 tranh để lo tổ chức cai quản cả một vùng lãnh thổ rộng lớn nằm giữa
7 sông Mê-kong và sông Soài Rạp. Ngay cả việc người Cao Miên sẵn
8 sàng chịu đặt lãnh thổ của họ dưới quyền kiểm soát của đoàn quân
9 viễn chinh Pháp mà Charner cũng phải làm ngơ. Với súng ống kỹ
10 thuật tốt và vượt trội so với vũ khí của quan binh triều đình Đại Nam
11 cùng với tinh thần đánh trận yếu kém chưa đánh đã bỏ chạy của quân
12 binh nhà Nguyễn thì đoàn quân chiến thắng của Charner có thể tiếp
13 tục cuộc hành quân xâm lược để đánh chiếm luôn tỉnh Biên Hòa và 3
14 tỉnh miền Tây không mấy khó khăn nhưng Charner phải ngừng lại.
15 Tại sao ? Bởi vì theo Charner chiếm đất thì không khó lắm nhưng giữ
16 đất đã chiếm được thì không phải dễ: "*Nếu tôi có thêm một ngàn quân*
17 *thì tôi sẽ đánh chiếm luôn ba tỉnh phía Tây nhưng liệu rằng tôi có đủ*
18 *nhân sự để giữ 3 tỉnh đó hay không? Tôi phải tự hạn chế để không*
19 *phải thối lui lấy một bước. Danh dự của người Pháp tùy thuộc vào*
20 *điều đó".* Đây là lời của Charner viết ra gửi cho Chasseloup-Laubat bộ
21 trưởng Bộ Hải quân và Thuộc Địa của chính phủ Pháp ở Paris ("*Si*
22 *j'avais mille homme de plus, écrivait-il au ministre de la marine, je*
23 *prendrai ces trois provinces; mais aurais je assez le monde pour les*
24 *garder? Je dois m'attacher à ne pas faire un pas en arrière. Notre*
25 *prestige en dépend.*" (A. Schreiner; sách đã dẫn; trang 195).

26 Như vậy, người Pháp dừng lại không phải vì họ nghĩ rằng như
27 thế đã đủ để bỏ buộc triều đình nước Đại Nam thay đổi chính sách
28 ngược đãi đạo gia tô, một tôn giáo xa lạ do những người Âu Châu-
29 trong đó người Pháp chiếm một tỷ số lớn- nhập cảng vào nước Đại
30 Nam. Vấn đề ngược đãi đạo Gia tô chỉ là một cái cớ nhỏ khởi đầu để
31 cho người Pháp có thể thi hành chính sách xâm lăng thuộc địa của họ.
32 Tham vọng thuộc địa của người Pháp không dừng lại nơi tỉnh Mỹ
33 Tho.

34 Tham vọng của người Pháp không những được phát hiện từ
35 những thái độ hiếu thắng quân phiệt của những kẻ cầm đầu Bộ Hải
36 Quân và Thuộc Địa của chính phủ Pháp ở Paris mà còn có thể phát
37 hiện từ những cấp thừa hành trong đoàn quân viễn chinh xâm lược
38 Pháp mà điển hình là Francis Garnier.

39 Qua 2 bài tham luận, một bài viết vào tháng 4 năm 1864 dưới chủ
40 đề *La Cochinchine Française en 1864* và một bài viết vào tháng 3
41 năm 1865 với chủ đề *De la Colonisation de la COCHINCHINE*,
42 Francis Garnier đã cho người ta thấy tham vọng của Pháp muốn
43 chiếm đoạt hết đất đai của nước Đại Nam, trước hết là vùng Nam Kỳ
44 hạ, kế đến là Bắc kỳ và cuối cùng là Trung Kỳ.

1 Sau khi hoà ước Nhâm Tuất (1862) được hoàng đế Napoléon III
2 và hoàng đế Tự Đức phê chuẩn, triều đình Huế đã áp dụng chính
3 sách ngoại giao đi cửa sau để qua mặt nhóm quân phiệt của Bộ Hải
4 quân và Thuộc Địa chủ trương chiếm đất bám trụ trên đất nước Đại
5 Nam. Chính sách ngoại giao qua mặt của triều đình Huế đã thành
6 công: chính phủ Pháp ở Paris và hoàng đế Napoléon III đã đồng ý
7 thay thế hòa ước Nhâm Tuất (1862) và cử ngay đặc sứ Aubarêt sang
8 Sài Gòn để ra Huế bàn nghị một hòa ước mới mà không cần tham
9 khảo ý kiến của Bộ Hải Quân và Thuộc Địa cùng với những tướng tá
10 của đoàn quân viễn chinh xâm lược Pháp hiện đang có mặt trên vùng
11 đất Nam Kỳ hạ. Đây là một cuộc đảo chánh ngầm trong nội bộ của
12 chính phủ Pháp khiến cho nhóm quân phiệt Pháp ở Sài Gòn bất mãn
13 giận dữ và họ đã phản đối ngầm bằng cách vẫn tiếp tục thi hành
14 những điều khoản đã thoả thuận trong hòa ước Nhâm Tuất (1862) mà
15 không cần xin chỉ thị của chính phủ Pháp ở Paris và xem như không
16 có mặt của đặc sứ Aubarêt.

17 Câu hỏi đặt ra là chuyện gì đã xảy ra trong khi Aubarêt đang dự
18 cuộc thương thảo ở Huế?

19 Aubaret đến Sài Gòn vào ngày **21 tháng 5 dl năm 1864** nhưng
20 chỉ được tiếp đón một cách lạnh nhạt do đó ông ta đã vội vàng lên
21 tàu *D' Entrecasteaux* để đi và tới cảng Thuận An vào ngày 14 tháng
22 6 dl năm 1864, được Phan Thanh Giản đón tiếp long trọng theo nghi
23 lễ ngoại giao và được hoàng đế Tự Đức tiếp kiến vào ngày 16 tháng 1
24 dl năm 1864 (theo BAVH đã dẫn). Tuy nhiên theo tác giả A.
25 Schreiner ghi trong sách *Abrégé de l' Histoire d' Annam* thì Aubaret
26 tới Huế ngày 16 tháng 1 dl năm 1864 và được hoàng đế Tự Đức tiếp
27 kiến ngày 22 tháng 1 dl năm 1864). Aubaret được Tự Đức đối đãi rất
28 trân trọng và thân thiện. Sau đó là cuộc bàn thảo và thương lượng
29 giữa Aubaret và Phan Thanh Giản.

30 Hoà ước mới được Aubaret cùng với phái đoàn Phan Thanh Giản
31 ký kết và trao đổi vào ngày **15 tháng 7 dl 1864**.

32 Sau khi phái đoàn sứ Phan Thanh Giản đã trở nước và trước khi
33 Aubarêt sang Sài Gòn thì bài tham luận **LA COCHINCHINE**
34 **FRANÇAISE** en 1864 của Francis Garnier viết xong vào ngày **19**
35 **tháng 4 năm 1864** được nhà xuất bản E. Dentu & Challamel Ainé
36 cho phát hành ở Paris.

37 Khởi đầu bài tham luận, F.Garnier đã không ngại ngần chê rằng
38 chính phủ Pháp ở Paris, báo chí, và dân chúng Pháp hiểu biết rất mù
39 mịt về vùng đất Nam Kỳ hạ của nước Đại Nam:

40 "L' étude de la Cochinchine française, au triple point de vue des
41 habitants, de ses ressources, de son avenir, n' a jamais été faite d' une
42 manière complète.

43 En France, on ne possède sur ce sujet que quelques articles de la presse
44 périodique, plus anecdotiques que sérieux, plus intéressants qu'instructifs;

1 quelques ouvrages faits à la hâte pour les besoins d'une passagère actualité,
2 remplis d'assertions inexactes et de lacune regrettables; quelques rapports ou
3 quelques travaux faits à des points de vue trop locaux, trop restreints,
4 souvent trop intéressés. Nulle part ne se trouvent des vues d'ensemble, un
5 corps de données concordantes, une appréciation générale et élevée.

6 Les premières impressions sur la Cochinchine, un peu enthousiastes, ont
7 exagéré les facilités et les richesses qu'elle présentait à notre colonisation. On
8 a dépeint sa population comme dénuée de tout patriotisme, on a exalté outre
9 mesure sa faculté d'assimilation. Aussi, une réaction très vive n'a-t-elle pas
10 tardé à se produire aux premiers obstacles rencontrés, et une sorte de
11 découragement a-t-il succédé aux premières espérances.

12 En essayant d'esquisser l'état actuel de la question, je voudrais éviter
13 l'un et l'autre de ces extrêmes, et réduire à des proportions plus exactes les
14 facilités comme les obstacles que la Cochinchine offre à notre colonisation.
15 Exagérer les difficultés induit souvent en des résolutions fâcheuses; les nier,
16 c'est s'exposer à les rendre insurmontables; vanter outre mesure certaines
17 facultés d'assimilations, c'est, au lieu d'en profiter, risquer de les rendre
18 inutiles.

19 Si j'abdique d'avance toute prétention de combler la lacune que j'ai
20 signalée en commençant, j'espère au moins, en indiquant où gît le problème,
21 en provoquer de plus heureuses solutions".

Tạm dịch:

22
23 "Những ấn tượng đầu tiên hơi nhiệt tình về miền Nam Kỳ hạ đã phóng
24 đại những tiện ích và sự giàu có ở miền đó. Người ta đã mô tả dân tình ở đó
25 như là đã lột bỏ lòng yêu nước, người ta đã phóng đại một cách quá lớ
26 phuong cách đồng hóa của nó. Thêm nữa, một sự phản ứng thật mạnh đã có
27 ngay khi gặp những trở ngại đầu tiên và một niềm thất vọng đã nối tiếp theo
28 sau ngay những niềm hy vọng ban đầu.

29 Trong khi phát họa tình trạng hiện thời của vấn đề, tôi muốn tránh tình
30 trạng đi từ cực đoan này đến cực đoan kia, và giảm xuống đến mức tỷ lệ
31 đúng hơn về những lợi ích cũng như những trở ngại trong chính sách thuộc
32 địa của chúng ta trên đất Nam Kỳ hạ. Thôi phòng những khó khăn thường
33 dẫn đến những giải pháp phiền phức. Phù nhận các khó khăn đó tức là tự
34 mình làm cho sự khó khăn đó không thể vượt qua được; tán tụng quá đáng
35 một số phương cách đồng hóa tức là có nguy cơ biến các phương cách đó trở
36 thành vô dụng.

37 Nếu tôi tự mình từ bỏ trước tham vọng lấp đi điều thiếu sót mà tôi đã đề
38 cập từ lúc khởi đầu thì mong rằng việc tôi khơi dậy ấn lạp của vấn đề sẽ
39 khích động tìm ra những cách giải quyết tốt đẹp hơn".

40 (Xin xem Phụ bản I chuyển ngữ toàn bài tham luận của F.Garnier từ trang 1990
41 đến trang 2022 trong sách này)

*

42 (5) **Cuộc bạo loạn của nhóm Đông Sơn Thi Tửu:** việc này có liên hệ
43 đến vụ người anh của Tự Đức là An Phong Công Hường Bảo bạo
44 loạn vào năm Giáp Dần (1854). Trước đó, vào tháng 9 a.l năm Mậu

1 Tý, niên hiệu Thiệu Trị thứ 7 (1847), khi sắp mất Thiệu Trị đòi có
2 mạng lương thần Trương Đăng Quế và các đại thần Vũ Văn Giai,
3 Nguyễn Tri Phương, Lâm Duy Thiếp (Hiệp) vào châu, truyền đũa
4 mây người tả hữu rồi ban rằng: ". . .*Ta lo nghiệp lớn Tổ tôn phó thác*
5 *cho ta, nên ta phải lựa người nối nghiệp để yên xã tắc. Trong mấy*
6 *người con ta, Hường Bảo tuy lớn, nhưng vì thứ xuất (thứ xuất nghĩa là*
7 *con các bà hầu sanh ra), mà lại ngu độn ít học, chỉ ham vui chơi, nối*
8 *nghiệp không dặng; con thứ 2 là Phước Tuy Công thông minh ham*
9 *học giống in như ta, đáng nối ngôi làm vua; hôm trước ta đã phê vào*
10 *tờ Gi chiếu để tại trong long đồng (là ông đưng chạm rồng), các*
11 *người phải kính noi đó! đừng trái mạng ta". Các đại thần đều khóc lại*
12 *vâng mạng, rồi lui ra Đến ngày quý mao bệnh nặng lắm, Ngài băng*
13 *tại cung Càn Thành. Ngài có 61 ông hoàng tử và hoàng nữ. Liên ngày*
14 *ấy các Hoàng thân va các quan văn, võ hội đồng tuyên đọc tờ Gi*
15 *chiếu tại đền Càn Chánh, Hoàng tử thứ 2 là Ngài Phước Tuy Công*
16 *khóc lạy vâng mệnh.* (SQTCBTY đã dẫn, trang 289).

17 Sử sách gần đây chỉ ghi rằng Hường Bảo là con cả mà không nói
18 tới việc Hường Bảo là con của một nàng hầu. Còn Hường Nhậm tức
19 Tự Đức, tuy rằng sinh ra sau Hường Bảo nhưng lại là con dòng vợ
20 chính của hoàng đế Thiệu Trị. Sử sách sau này cứ tiếp tục gọi Tự Đức
21 là con thứ khiến người đọc hiểu sai là Tự Đức là con dòng vợ thứ hay
22 con thứ của cùng một nàng hầu sinh ra Hường Bảo mà lại được chọn
23 nối ngôi, đi ngược lại với truyền thống truyền ngôi từ trước tới nay và
24 đối với người dân ngay thật vào thời đó rõ ràng Hường Bảo mới đúng
25 là kẻ nối ngôi hoàng đế theo tứ tự ưu tiên sau khi Thiệu Trị qua đời.
26 Chính nhóm nội loạn Đông Sơn Thi Tửu sau này đã lợi dụng sự mù
27 mờ này để lôi kéo quần chúng và binh sĩ nổi dậy chống Tự Đức.

28 Sử sách nhà Nguyễn không viết rõ chi tiết về âm mưu nội loạn
29 của Hường Bảo mà chỉ tóm lược vụ bạo loạn tháng 12 â.l năm Giáp
30 Dần (1854) như sau: "*Hường Bảo mưu nghịch, tự tử (vì không được*
31 *lập cho nên mưu nghịch. Khi có tội triều đình đổi ra họ Đinh). Con*
32 *trai, con gái Hường Bảo và người dự mưu là Tôn Thất Bật đều bị xóa*
33 *tên trong sổ tôn thất".* (SQTCBTY, đã dẫn, trang 366). Con cái
34 Hường Bảo phải đổi họ Đinh (họ Đinh là họ mẹ của Hạo).

35 Đền năm Bính Dần, niên hiệu Tự Đức thứ 19 (1866), nhóm Đông
36 Sơn Thi Tửu hội gồm có anh em Đoàn Trưng, Đoàn Hữu Ái, Đoàn
37 Tự Trực cùng với Trương Trọng Hòa và Phạm Lương đã âm mưu phò
38 lập Đinh Đạo để hạ bệ Tự Đức (**Đinh Đạo** là con trai của **Đinh Ngốc**:
39 đá số các sách sử gần đây đều cho rằng **Đinh Đạo** là con của Hường
40 Bảo. Theo Đào Duy Anh trong bài viết về Trần Tiễn Thành đăng trên
41 Đô Thành Hiếu Cổ Tập San BAVH/ số phát hành năm 1944, trang
42 100 thì **Đinh Đạo** là **cháu của Hường Bảo**). Lợi dụng sự cùng cực,
43 uất hận của nhóm dân quân lao dịch đang xây cất Khiêm Lăng, nhóm
44 Đông Sơn Thi Tửu đã khích động họ nổi lên gây cuộc bạo loạn ngay

1 tại kinh thành Huế nhưng thất bại. Sử sách trong nước sau 1975 viết
2 rằng cuộc bạo loạn này là một cuộc **khởi nghĩa** và cũng cho rằng
3 Đinh Đạo hay Ung Đạo là con trưởng của Hoàng Bảo (Viện Sử Học;
4 *Việt Nam - Những Sự Kiện Lịch Sử 1858-1918*, trang 61).

5 (6) **Nguyễn Trường Tộ**: xin xem sách VSTKCG & KL; quyển V
6 chú thích số (13), trang 1271-1282)

7
8 (7) **Mở trường dạy võ tại kinh đô Huế**: trường này do một võ quan
9 hàm tứ phẩm giữ chức Chánh học chính chuyên dạy thực hành nghề
10 võ, một quan văn hàm ngũ phẩm giữ chức phó học chính chuyên dạy
11 binh thư, binh pháp. quan, binh của triều đình tình nguyện xin học
12 phải qua một cuộc thi tuyển. Học sinh được cấp học bổng trong thời
13 gian thụ huấn. Mỗi năm thi kiểm tra 2 lần: hạng giỏi được thêm học
14 bổng, hạng kém bị giảm học bổng.

15 (8) **Paulin Vial đi tàu Casmao ra cửa Thuận An trao thư đòi triều**
16 **đình Huế giao 3 tỉnh Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên**: theo A.
17 Schreiner viết trong sách *Abrégé de l' Histoire d' Annam*, trang 283
18 thì việc này xảy ra vào 14 tháng 10 dl năm 1866. Paulin Vial lúc này
19 giữ chức vụ giám đốc Nha Nội Vụ ở Sài Gòn.

20 (9) **Đình thần hội nghị tìm phương cách giải quyết đòi hỏi của**
21 **chính quyền xâm lược Pháp**: trong cuộc mật nghị này có ba ý kiến
22 được đưa ra: 1/- Giao cho quân xâm lược các tỉnh miền Tây Định
23 Tường, Vĩnh Long Hà Tiên, An Giang để đổi lấy lại tỉnh Gia Định và
24 Biên Hòa. Để cho Pháp đặt nhà lãnh sự ở các cửa biển Đà Nẵng, Ba
25 Lạt và Quảng Yên. Pháp phải xóa bỏ khoản đòi bồi thường ấn định
26 trong hoà ước Nhâm Tuất (1861). Yêu cầu Pháp tuân phòng vùng
27 biển nước Đại Nam. 2/- Triều đình truyền lệnh ngưng cho dân quân
28 kháng chiến tại các tỉnh An Giang, Hà Tiên, Vĩnh Long ngưng hoạt
29 động đánh phá để quân xâm lược Pháp không thể viện dẫn lý do gây
30 sự đòi đem quân đánh chiếm. Nếu quân Pháp vẫn cố tình chiếm đoạt
31 Vĩnh Long thì quân Triều Đình sẽ tập trung chống giữa 2 tỉnh An
32 Giang và Hà Tiên. Nếu Pháp cố ý chiếm hết 3 tỉnh miền Tây thì toàn
33 quân binh triều đình rút ra Bình Thuận cố thủ và tùy theo tình hình
34 mạnh yếu của các nhóm dân quân kháng chiến mà định liệu. 3/- Tự
35 Đức quyết định giao cho Phan Thanh Giản cùng với Trương Văn
36 Uyển châm chước theo các đề nghị của đình thần để thương lượng với
37 Pháp nhưng cố gắng chuộc cho được 3 tỉnh Gia Định, Định Tường,
38 Biên Hòa.

39 (10) **Dân quân kháng chiến từ tỉnh miền phía Nam rút lui về Bình**
40 **Thuận, Khánh Hoà cả thấy 500 người**: sau năm 1975, trong nước
41 có sách sử viết rằng "Hơn 500 nông dân lưu tán ở 2 tỉnh Bình Thuận-
42 Khánh Hoà đã khai khẩn được hơn 300 mẫu ruộng đất, lập được 4 hộ
43 là Hàm Vãn, Ham Bài, Hòa Lộc, Phong Lãng và 2 ấp là Linh Đông,

1 *Bình Chiểu*" (Không biết người viết về việc này đã căn cứ vào đâu bởi
2 vì sử quán triều Nguyễn đã ghi lại một cách tách bạch trong sách Sử
3 Quốc Triều Chánh Biên Toát Yếu như sau: "*Khi ấy những người Lục*
4 *tĩnh mộ nghĩa lần lần đầu thú tại Nha Dinh điền ở Bình Thuận,*
5 *Khánh Hòa cả thảy 500 người. Ngài khiến đều cấp cho tiền gạo đi*
6 *khẩn ruộng*". (SQTCBTY, bản dịch năm 1925, trang 359). *Những*
7 *người Lục tỉnh mộ nghĩa* tức là dân quân kháng chiến chống quân
8 xâm lược Pháp ở 6 tỉnh Nam Kỳ hạ. Như vậy là sử quán triều Nguyễn
9 nhận rằng dân quân kháng chiến từ 6 tỉnh ở Nam Kỳ thật sự có rút lui
10 ra hai tỉnh Bình Thuận và Khánh Hoà để trú ẩn vì 2 tỉnh này còn
11 thuộc quyền kiểm soát của triều đình Huế để rồi từ các nơi đó dân
12 quân kháng chiến lại tung lực lượng đánh phá vào các vùng lãnh thổ
13 bị Pháp chiếm đóng. Quân xâm lược Pháp biết rõ tình trạng bao che
14 của triều đình Huế đối với dân quân kháng chiến cho nên đã nhiều lần
15 phản kháng nhưng triều đình Huế cứ chối quanh cho đến lúc Pháp gây
16 áp lực đòi chiếm thêm 3 tỉnh miền Tây thì lúc đó triều đình Huế mới
17 chịu tìm cách di chuyển các nhóm dân quân kháng chiến đi nơi khác.

18 Câu hỏi đặt ra là tại sao sử sách trong nước sau 1975 lại viết khác
19 biệt với sử sách của quốc sử quán triều Nguyễn? Phải chăng viết như
20 thế để ngụ ý rằng "*làm gì có chuyện dân quân kháng chiến dùng hai*
21 *tỉnh Bình Thuận và Khánh Hoà để làm nơi trú ẩn an toàn, nơi dưỡng*
22 *quân được triều đình Huế che chở và tiếp tế*", rằng "*đây chỉ là điều*
23 *đặt chuyện, lấy cớ để gây hấn chiến tranh của quân xâm lược Pháp*"?
24 Hãy để lại cho người đời sau phê phán và tìm câu trả lời cho câu hỏi
25 này.

26 (10bis) **Ở Sài Gòn, La Grandière bí mật lên kế hoạch hành quân**
27 **tiến chiếm 3 tỉnh miền Tây:** theo A. Schreiner thì kế hoạch được la
28 Grandière chuẩn bị một cách bí mật từ 3 tháng trước. Tuy nhiên, theo
29 *Paulin Vial*, nguyên là giám đốc Nha Nội vụ dưới thời la Grandière và
30 cũng là tác giả sách *Nos Premières Années au Tonkin* thì kế hoạch này
31 đã được chuẩn bị sắp xếp từ hơn một năm trước đó:

(Xin đọc tiếp nơi trang 1493)

L'annexion des trois provinces de l'ouest, prudemment conçue et préparée discrètement, n'avait point été une vaine surprise. Elle eut lieu le jour même où les habitants étaient disposés à la regarder comme un bienfait. Plus d'une année à l'avance, les fonctionnaires qui devaient administrer les nouveaux territoires avaient été recrutés et servaient auprès de leurs collègues dans les provinces orientales. Pour 13 inspections, ils étaient au nombre de 50(1). Aucune économie mesquine n'avait été faite sur les cadres du personnel. Des reconnaissances fréquentes avaient été exécutées par des Annamites dévoués, dans toutes les directions.

Ainsi, pendant que le roi Thu-Duc s'obstinait à entretenir des troubles sur le territoire français, à y organiser le désordre et la révolte, nous étions amenés à préparer une revanche éclatante sur ses propres domaines.

Les populations annamites, plus prévoyantes et plus avisées que leurs mandarins, avaient compris quel serait le dénouement de la moindre complication. — Un grand nombre d'habitants des provinces occidentales nous avaient fait dire qu'ils étaient prêts à se soumettre à la première démonstration.

On ne dira jamais trop les dispositions minutieuses qui ont assuré les premiers succès de notre administration en Indo-Chine.

Avant tout, on avait tenu à laisser la police de la population entre les mains des autorités civiles régulières sous la surveillance et la direction des administrateurs français. On avait créé pour ce service un corps considérable de miliciens absolument incapable de s'organiser contre nous et de nous créer le moindre embarras, mais assez fort pour dominer toute tentative imprévue de désordre.

Les troupes européennes du corps d'occupation avaient été considérablement réduites. Elles étaient réservées pour la défense de la colonie contre les ennemis de l'extérieur ou contre les insurrections générales.

(Paulin Vial; *Nos Premières Années du TONKIN*; trang 8-9; Voiro-Paris; 1889)

1 **Tạm dịch:** Việc sáp nhập 3 tỉnh miền Tây đã được dự liệu thận
2 trọng và chuẩn bị một cách bí mật không có gì gọi là đáng phải ngạc
3 nhiên. Dân chúng cũng thế khi họ biết rằng đó chỉ là một việc làm
4 phúc lợi cho họ. Hơn một năm trước, những viên chức được tuyển
5 dụng để nắm giữ việc hành chính cai trị trong các tỉnh mới đã được
6 phối trí tập sự làm việc tại các tỉnh miền Đông. Trong 13 quản hạt có
7 khoảng 50 viên chức hạng tập sự. Chưa có một nguồn lợi kinh tế nhỏ
8 nhoi nào ban phát cho ngạch nhân dụng. Những tin tức về tình hình
9 an ninh tình báo thường được giao phó cho những người dân An
10 Nam nhiệt tình trên nhiều lãnh vực và ở nhiều nơi.

11 Như vậy trong khi vua Tự Đức vẫn cố tình gây ra những tình
12 trạng bất ổn, rối loạn và nổi dậy trên vùng đất do người Pháp chiếm
13 đóng, thì chúng ta đương nhiên cần phải chuẩn bị một sự giáng
14 trả ngay trên các phần đất của ông vua đó.

15 Người dân An Nam chín chắn và biết phòng xa hơn so với các
16 ông quan triều đình của họ đã thấy được sẽ cần phải làm cách nào
17 để giải tỏa một tình trạng rắc rối nhỏ nhưt. - Một số lớn dân chúng ở
18 các tỉnh miền Tây đã tỏ dấu hiệu cho chúng ta biết rằng họ sẵn sàng
19 theo về với chúng ta khi chúng ta khởi sự biểu dương lực lượng.
20 Người ta sẽ không bao giờ đề cập tới những sự phối trí tỉ mỉ nhằm

1 mục đích bảo đảm chắc chắn những thành công bước đầu của nền
2 hành chính cai trị của chúng ta ở bán đảo Ấn-Hoa.

3 Trước hết, chúng ta cần phải để việc cảnh sát dân chúng cho
4 những người địa phương cũ trông coi dưới quyền kiểm soát và điều
5 khiển của những viên chức cai trị người Pháp. Về mặt này, chúng ta
6 đã tổ chức được một đội ngũ khá lớn lính bảo an (*miliciens*: dân
7 quân địa phương = chú thích của VSTK) đủ sức để kiểm chế những
8 mưu đồ gây rối bất ngờ trong dân chúng nhưng lại không thể đủ khả
9 năng để phản lại và gây phiền nhiễu cho chúng ta.

10 Các đội quân Âu châu chiếm đóng đã được giảm bớt rất đáng kể
11 để được dùng trong công tác phòng giữ những thế lực ngoại nhập
12 hay dùng để đàn áp các cuộc nổi dậy chính yếu.

13 (11) **Thành Vĩnh Long bị đoàn quân xâm lược Pháp bao vây**: sử
14 quán triều Nguyễn viết lại việc này như sau:

15 "Nước Đại Pháp lấy 3 tỉnh Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên. Khi
16 ấy quan Pháp soái đem tàu binh nhiều lắm, chạy đến bên Vĩnh Long,
17 khiến người đem thư mời Phan Thanh Giản tới nói chuyện. Phan
18 Thanh Giản xuống tàu nói thế nào quan Pháp soái cũng không nghe.
19 Thanh Giản mới bảo rằng: "*Xin quý soái chớ cho nhiều hại nhơn dân,*
20 *còn tiền lúa trong kho cứ để nước tôi coi ngó*". Quan Pháp soái thuận
21 nghe. Trong giây phút Thanh Giản trở về, thời binh Đại Pháp đã vào
22 bốn phía thành rồi Quan Pháp soái lại chia binh qua An Giang, Hà
23 Tiên, cũng làm giống như tỉnh Vĩnh Long vậy; rồi đem các quan 3
24 tỉnh ấy để ở tại dinh Tổng đốc Vĩnh Long và sai tàu ra cửa Thuận An
25 báo tin. Ngài khiến Cơ Mật và Thương Bạc làm thư thương thuyết,
26 xin họ đưa các quan 3 tỉnh về Kinh. Thanh Giản nghĩ mình không
27 công, đem tiền lúa 3 tỉnh chiếu khẩu số bạc bồi năm ấy; rồi đem triều
28 bào ấn triện và làm tờ sớ để lại gói về dâng, liền không ăn mà chết."
29 (SQTCBTY đã dẫn; trang 361).

30 Sau đây là một bài viết của của hạm trưởng **Ed. Wyt** về trận đánh
31 chiếm các tỉnh Vĩnh Long, Sa Đéc, Hà Tiên năm 1867. Bài này tác
32 giả viết xong tại Toulon/ nước Pháp vào ngày 10 tháng 2 dl năm
33 1872 và được đăng trên tập san REVUE MARITIME et COLONIAL
34 năm 1872 từ trang 912 đến trang 922) :

(Xin đọc tiếp nơi trang 1494)

PRISE DE POSSESSION

DES PROVINCES

DE VINH-LONG, CHAUDOC ET HA-TIEN

EN 1867.

Motifs et récits de l'expédition. — Résultats immédiats de la conquête. — Ses conséquences dans l'avenir.

Au milieu des tristesses présentes, on éprouve une sorte de consolation à se reporter vers nos succès passés. C'est à ce titre que j'exhume de mes souvenirs les détails d'un fait considérable qui s'est accompli en Cochinchine, vers le milieu de l'année 1867, et qui n'a pas produit en France à cette époque, la sensation qu'il était permis d'en attendre. Je veux parler de la prise de possession des provinces de Vinh-long, Chaudoc et Ha-tien.

Avant que cette conquête fût effectuée, notre jeune colonie était comme étouffée, dans un coin du monde asiatique, entre la mer de Chine et des terres ennemies, d'où sortaient à chaque instant des bandes insurrectionnelles stipendiées par la cour de Hué.

C'était dans ces provinces surtout que s'organisaient les colonnes qui venaient par intervalles sur notre territoire, exciter à la rébellion et répandre l'épouvante. C'était là encore qu'elles couraient le plus souvent se mettre à l'abri de nos poursuites. Cet état de choses ne pouvait durer, et depuis longtemps il était l'objet de pourparlers

sérieux entre le vice-amiral de La Grandière, gouverneur de nos possessions, et Pohan-tan-gian, gouverneur des provinces de l'Ouest, au nom du roi Tu-Duc.

De temps en temps, nous voyions brusquement surgir, à l'un des coudes de la rivière de Saïgon, les jonques du grand mandarin, armées de lances, ornées de plumes de paon et de banderolles ; elles s'avançaient lentement, à l'aviron, au tintement des clochettes suspendues à leur matereau de poupe, et allaient s'échouer, debout à terre, par la hanche de bâbord du *Duperré*.

Des sabords de la grand'chambre du vaisseau, nous observions tous leurs mouvements, et nous pouvions compter, pour ainsi-dire, les visites fréquentes du vice-roi annamite à l'hôtel du gouverneur.

Ces entrevues s'étaient renouvelées depuis quelques mois à de courtes distances ; et nous nous attendions d'un moment à l'autre à quelque événement, lorsqu'enfin nous apprîmes que la prise des provinces de l'Ouest était décidée.

Cette nouvelle fut accueillie avec l'enthousiasme qu'excite toujours la perspective des aventures de guerre, et nous remua d'autant plus que des souvenirs d'épisodes sanglants, de date récente, ulcéraient nos cœurs. — Je n'en citerai qu'un seul, le plus navrant de tous, celui de l'assassinat du capitaine de Larclauze, dont le souvenir était encore présent à l'esprit de chacun de nous.

Ce drame s'était passé à Tay-ninh, où le capitaine de Larclauze résidait comme inspecteur des affaires indigènes. Les Annamites de son arrondissement, soulevés par des meneurs venus des provinces limitrophes, s'étaient portés, en masses compactes, autour des bâtiments de l'Inspection, poussant des cris et proférant des menaces de mort. La plupart étaient armés. — Mais le capitaine de Larclauze qui avait une foi vaillante dans son ascendant sur cette multitude, était sorti, seul et sans armes, et avait marché droit à elle. Il ne rentra plus, hélas ! sous le toit où sa jeune femme avait vainement tenté de le retenir et l'on retrouva plus tard son corps mutilé.

I.

Les préparatifs de l'expédition qui, bien que prévue, éclatait comme un coup de foudre, furent terminés dans l'espace de quarante-huit heures, tant les ordres donnés le furent rapidement, et tant on mit d'ardeur à les exécuter !

Toutes les canonnières, grandes et petites, de guerre et de transport, furent bondées de matériel, encombrées de matelots fusiliers, de soldats d'infanterie de marine ou de miliciens indigènes.

Les unes, à cause de leur tirant d'eau trop considérable, allèrent par la mer, chercher l'entrée du Cua-thien. Les autres, prenant la route de l'intérieur, franchirent l'Arroyo de la Poste, malgré son dos d'âne, ses coudes brusques et ses courants. En résumé, elles se trouvèrent toutes, le 19 juin 1867, à l'ancre devant Mytho, où le vice-amiral de La Grandière nous réunit pour nous expliquer le but de l'expédition et les motifs qui l'avaient nécessitée, pour nous détailler surtout ses plans d'attaque, et nous désigner nos postes.

Le soir même, à 11 heures, nous appareillâmes dans l'ordre qui nous avait été prescrit. *L'Arc*, commandé par le lieutenant de vaisseau Richard, marchait à notre tête, en éclaireur. Les autres bâtiments suivaient sur une ligne de file; et malgré toutes les difficultés d'une navigation de nuit faite dans de pareilles conditions, le 20, au lever du soleil, quand la brume qui nous avait enveloppés jusqu'alors se fut dissipée, nous nous trouvâmes aux environs de Vinh-long, nous dirigeant à toute vitesse vers la pointe S.-E. de Culao-Bat-tan.

Liberté de manœuvre avait été donnée, et c'était merveille que de voir courir, sur le large fleuve, cette nuée de bâtiments à vapeur de toutes dimensions.

Tous arrivèrent bientôt, et mouillèrent sous les canons du fort, chacun au poste qui lui avait été désigné, soit dans le Rach-long-ho, soit dans le bras du Cambodge qui coule au Nord de la ville.

Vinh-long se réveillait à peine, sa population affairée se pressait sur les quais, calme, silencieuse, et n'ayant pas le moins du monde l'air de se douter que nous arrivions en conquérants.

On pouvait croire, en effet, tout d'abord, que nous allions guerroyer du côté de Pnom-penh, pour le compte du roi Nor-rod-don qui s'était placé sous notre protectorat, et que le bonze Fu-cum-bo s'obstinait, à cette époque, à vouloir renverser malgré nous; mais bientôt, à nos manœuvres, à nos préparatifs d'embossage, nos intentions hostiles devinrent évidentes pour tous.

Vinh-long n'était point pour nous un adversaire inconnu. Cette ville, que nous avions déjà conquise et que nous avions rendue plus tard par suite d'un traité, nous avait opposé jadis une vive résistance. Nous nous attendions, par conséquent, à une lutte sérieuse. Cependant pas

un éclair ne jaillit des batteries, et le bâtiment de guerre annamite la *Ville-de-Hué* resta tranquillement à l'ancre, muet et impassible. Seulement, quelques mandarins du plus haut rang s'embarquèrent à la hâte dans leurs jonques et furent arrêtés au moment où ils s'éloignaient à force de rames.

Phan-tan-gian, lui, se rendit à bord de l'avisio l'*Ondine*, sur lequel flottait le pavillon du vice-amiral.

A la suite de cette entrevue, nous entrâmes, l'arme au bras, dans la citadelle, que nous occupâmes aussitôt, et nos hommes furent installés immédiatement dans les grands magasins à riz qui leur servent encore aujourd'hui de casernes.

L'amiral vint en prendre officiellement possession dans l'après-midi. Du quai jusque dans l'intérieur, les troupes étaient rangées en haie sur son passage, et deux compagnies de matelots fusiliers l'escortaient, massées par pelotons.

Il alla ainsi jusqu'à l'habitation du vice-roi, qui vint le recevoir au seuil de sa demeure.

J'avais déjà vu Phan-tan-gian chez le commandant de la marine de Saïgon. J'avais été frappé de l'expression fine et souriante de sa physionomie, tandis qu'il caressait l'un des enfants du commandant, — petite fille charmante s'il en fut ! — laquelle écarquillait ses grands yeux ébahis pour regarder ce vieillard qui lui semblait étrange dans sa tunique de soie bleue, et qui se départait, vis-à-vis d'elle, de sa gravité orientale.

Cette fois, le sourire avait disparu de la physionomie du grand mandarin, et je le trouvai vieilli, pâle et triste.

Je ne le revis jamais depuis. Plus tard, lorsque je revins à Vinh-long, il n'y était plus. Il était allé rejoindre ses ancêtres, à côté desquels il reposait, dans un des villages de la basse Cochinchine, où le vice-amiral de la Grandière avait fait transporter ses restes, avec toute la pompe militaire possible.

L'on disait qu'il s'était empoisonné, et qu'avant de mourir il avait rassemblé ses fils autour de lui et les avait suppliés de ne jamais porter les armes contre la France.

Quoi qu'il en soit, ses fils, après la mort de leur père, se mettaient à la tête des bandes insurgées.

Le jour même de l'occupation de Vinh-long, des colonnes de marche, composées en grande partie de miliciens indigènes, reçurent

l'ordre de battre l'intérieur. Des chaloupes à vapeur et des canonnières, portant des sections de compagnies de débarquement, furent envoyées dans les arroyos multiples qui sillonnent toutes ces terres d'alluvion, avec mission de détruire toutes les résistances partielles. Un inspecteur des affaires indigènes fut chargé de l'administration civile ; un colonel d'infanterie de marine fut nommé commandant supérieur des provinces de l'Ouest, dont la première venait d'être conquise par le fait de la prise de Vinh-long. Une direction du port s'ébaucha ; une garnison permanente fut affectée à la citadelle, et le reste du corps expéditionnaire reçut l'ordre de partir pour Chaudoc.

II.

Le 21, à cinq heures du matin, la flottille d'expédition appareilla. Elle se composait du *Bien-Hoa* qui portait le guidon du commandant, du *Fleuret*, de la *Flamberge*, de la *Hallebarde*, du *Bourdais*, de la *Fusée* et de l'*Alarme*. Tous ces bâtiments étaient remplis de troupes et de matériel.

Ils partirent à toute vitesse, parce qu'on voulait arriver le soir même, pour ne point laisser aux Annamites le temps de se reconnaître et de se rallier. Or, de Vinh-long à Chaudoc on compte 70 milles, pénibles à franchir, car la masse d'eau du fleuve qui suit sa pente rapide vers la mer, refoulée un instant par le flot, reprend au retour du jusant, avec une violence extrême, son cours naturel.

Le Cambodge se déroulait à nos yeux dans son imposante largeur ; les îles s'y rencontrent en grand nombre ; les unes, pour ainsi dire à fleur d'eau, sont prolongées par des bancs de sable immergés ; les autres sont hautes et accores. Toutes sont séparées par des bras plus ou moins larges, coupées par des arroyos qui courent dans tous les sens, multipliant ainsi les passes et créant des espèces de labyrinthes où pirates et insurgés trouvent de faciles refuges et d'innombrables issues. On peut les compter, d'ailleurs, une à une sur les cartes levées par les ingénieurs hydrographes que le département de la marine a successivement envoyés en Cochinchine, et dont tous les travaux sont parfaitement exacts.

Une des plus remarquables est, sans contredit, Culao-gien, qu'on pourrait appeler la Fertile, dont les nombreux villages se cachent derrière un rideau de verdure où s'étaient sous les touffes ondoyantes des cocotiers et des aréquiers.

Après avoir dépassé cette île plantureuse et avoir laissé bien loin derrière nous le grand marché de Chotao, nous nous engageons dans le Viam-nao, lorsque nous nous trouvâmes brusquement en présence de plusieurs jonques, dont une, entre autres, portait les emblèmes des mandarins d'un rang élevé. Ordre fut donné au *Fleuret* d'aller les reconnaître.

Cette petite canonnière, bonne marcheuse, atteignit en un clin d'œil les jonques qui venaient de rebrousser chemin, et les remorqua le long du *Bien-Hoa*.

C'était le gouverneur de la province d'Ha-tien qui venait de tomber entre nos mains ; il avait appris, par ces bruits vagues qui précèdent toujours les grandes nouvelles, que quelque chose d'important venait de se passer du côté de Vinh-long, et n'ayant rien su de positif à Chaudoc (tant le coup que nous venions de frapper avait été rapide !) il accourait vers son grand chef, Phan-tan-gian. Nous le primes avec nous, le gardant provisoirement prisonnier, jusqu'à la conquête d'Ha-tien. La nuit approchait, quand nous entrâmes dans la partie du fleuve qu'on appelle le Fleuve antérieur.

L'île Ca-tambo, la dernière que nous devions rencontrer, était encore loin de nous ; et bien des bas-fonds se trouvaient éparpillés sur notre route. Cependant, nous n'en continuâmes pas moins notre course, sans en ralentir la vitesse, malgré la nuit, et, vers huit heures du soir, nous aperçûmes les innombrables feux de Chaudoc qui brillaient dans le lointain. Un quart-d'heure après, nous passions le long des jonques à l'ancre devant la ville, et nous mouillions, avec autant de bonheur que d'audace, dans l'arroyo étroit qui coule au pied de la citadelle.

De même que Phan-tan-gian, à Vinh-long, s'était rendu à bord de l'*Ondine*, le gouverneur de Chaudoc se rendit à bord du *Bien-Hoa*. A la suite de son entrevue avec le commandant Galley, vers neuf heures et demie du soir environ, on fit descendre à terre des troupes d'infanterie de marine ; tandis que l'ordre était donné aux matelots fusiliers d'être prêts à débarquer, et aux bâtimens de la flottille de se tenir en branle-bas de combat.

Nous attendîmes ainsi quelque temps ; nous entendions, à terre, les appels répétés du tam-tam, mais pas un coup de fusil ne vint nous avertir d'un commencement d'hostilités ; et vers onze heures, nous apprîmes que les portes du fort nous avaient été ouvertes.

Le lendemain, ainsi que l'on avait fait à Vinh-long, de petits corps de troupes, des chaloupes et des canonnières, allèrent rayonner dans l'intérieur, un inspecteur des affaires indigènes prit en main l'administration civile, un chef de bataillon d'infanterie de marine fut nommé commandant du Cercle, un lieutenant de vaisseau fut chargé d'organiser une direction de port, une garnison permanente fut donnée à la citadelle, et toutes les forces qui restaient disponibles, furent destinées à la prise d'Ha-tien.

Ces forces étaient bien réduites. Elles se composaient de quelques sapeurs du génie et d'ouvriers d'artillerie, de la canonnière la *Flam-berge*, d'une compagnie de matelots fusiliers, du bataillon dit indigène, et d'un petit nombre de miliciens.

III.

Nous partîmes de Chaudoc, le 23, dans des jonques remorquées par une chaloupe à vapeur. Il y en avait une quarantaine environ, amarrées sur une seule file, les unes à la suite des autres, la plupart couvertes de leur toiture en feuilles sèches, d'autres munies simplement de toits improvisés au moyen de tentes d'embarcations ou de nattes recueillies au hasard ; dans celles-ci, on suffoquait de chaleur sous la toile ou la natte impuissantes contre les rayons d'un soleil chauffant à trente-six degrés ; dans les premières on étouffait faute d'air ; dans toutes on était fort mal à l'aise, car il y avait généralement vingt ou trente hommes entassés, avec armes et bagages, dans un espace destiné à en tenir dix tout au plus ; et l'on ne pouvait qu'à grand-peine s'y tenir assis ou accroupi.

Ce n'était la faute de personne ; c'était une nécessité de situation que l'on subissait ; on avait pris toutes les jonques disponibles, toutes celles qu'on avait pu se procurer sans nuire aux intérêts de la population indigène qui venait de se livrer à nous, toutes celles qu'on avait pu louer ou acheter. Chacun de nous le savait ; et nos hommes endurèrent ce martyre de vingt-quatre heures non-seulement sans qu'un murmure leur échappât, mais avec cette gaieté insoucianté qui leur est propre.

Il était midi environ, quand nous nous engageâmes dans le Vinh-té qui relie Chaudoc à Ha-tien.

Nos armes étaient chargées, et nous avions l'ordre d'être prêts à tout événement.

Les Annamites auraient eu beau jeu, en effet, si, embusqués dans la vase des rizières, dans les fourrés épais, dans les touffes des palétuviers, ils avaient voulu nous disputer le passage du canal.

En outre, gouverner, surtout avec tant de jonques à la traîne, n'était pas chose facile, dans cet étroit cours d'eau que la main de l'homme a creusé en ligne droite, muni de barraques, et dont les bords étaient encombrés d'herbes envahissantes et d'arbustes inclinés qui le rétrécissaient encore.

Dans leur élan, les jonques allaient parfois, en zig-zag, d'une rive à l'autre, parfois l'une d'elles engageait son avant dans les branches flexibles et inextricables des palétuviers penchés sur le lit du canal; ou bien les herbes, aux long bras étendus et flottants, s'enchevêtraient aux branches de l'hélice de notre remorqueur.

Toute la flottille s'arrêtait alors, se déformait en larguant les amarres pour éviter les abordages, et reformait ensuite, non sans peine, son interminable chapelet.

Les Annamites ne nous inquiétaient point.

Les maisons isolées, les villages épars le long du Vinh-té, étaient silencieux et presque déserts; au bruit inconnu qui signalait notre approche, quelques enfants grouillant dans la vase, s'enfuyaient effarés et nus; quelques hommes apparaissaient aux seuils des cases, regardaient, avec une morne stupéfaction, la chaloupe à vapeur qui sifflait en haletant sous le poids de sa remorque, et nous passions, en laissant derrière nous un long sillon de remous et de fumée.

Nous cotoyâmes ainsi de grands bois épais; quelquefois encore, par les éclaircies des palétuviers dont le rideau nous masquait la vue de l'intérieur, nous pûmes admirer de belles plaines vertes qui s'étendaient à perte de vue; et, quand le soleil se coucha à l'horizon, les montagnes de Chaudoc sur le sommet desquelles s'étaient réfugiés, disait-on, les Annamites les plus hostiles à notre cause, se montraient noires et menaçantes, bien loin derrière nous.

Devant nous, le Vinh-té déroulait son long ruban, inexorablement droit.

Pendant la nuit ce ruban clair et argenté au milieu du reflet sombre des arbres de la rive, nous servit admirablement pour continuer notre route.

De temps en temps aussi, au milieu de l'obscurité, nous voyions subitement briller de grands feux, et les sons assourdis du tam-tam ar-

rivaient jusqu'à nous. C'étaient les gardiens restés dans les forts abandonnés par leur garnison, qui, prévenus de notre arrivée par le tic-tac de notre chaloupe à vapeur, se hâtaient, dans leur effroi, de nous souhaiter la bien-venue et d'éclairer notre marche. En passant, nous apercevions leurs silhouettes étranges se détachant vaguement au milieu de la fumée des torches qu'ils tenaient à la main, devant les enceintes palissadées.

Nous courûmes ainsi jusqu'au jour, sans nous arrêter autrement que pour obvier aux inconvénients dont j'ai parlé, et qui nous forçaient à stopper quelquefois. Au lever du soleil seulement, nous fîmes halte pour préparer le café du déjeuner, et nos jonques s'amarrèrent aux arbres de la rive, qu'une forêt, d'un vert sombre, bordait des deux côtés. Des poules d'eau, des pigeons verts, des martins-pêcheurs se montraient de toutes parts; des singes de toute taille, en nombre considérable, gambadaient autour de nous, et, lorsque nous nous remîmes en marche, leur troupe grimaçante nous suivit, en bondissant de branche en branche, avec une rapidité incroyable.

Enfin, vers neuf heures du matin, nous débarquâmes dans la rade intérieure d'Ha-tien.

Cette rade, dans laquelle vient déboucher le Vinh-té, est obstruée par des bancs de sable, et, pour la traverser, il faut suivre une passe excessivement sinueuse.

Notre chaloupe à vapeur s'y échoua bientôt. Alors nous larguâmes les remorques, et chaque jonque s'en alla à l'aviron, tâtant le fond et se dirigeant vers la côte où nous voyions les maisons d'Ha-tien.

Nous arrivâmes ainsi les uns après les autres, et certes, si les Annamites avaient eu l'intention de s'opposer à notre débarquement, ils auraient pu y parvenir, ou tout au moins nous faire beaucoup de mal.

A peine à terre, le commandant Galley, qui s'était fait suivre par le mandarin d'Ha-tien, entra dans le fort, à la tête des premiers hommes débarqués, et en prit immédiatement possession.

Ce fort, comme ceux de Chaudoc et de Vinh-long, était très-grand, et nous n'en occupons guère aujourd'hui que le réduit.

La rade intérieure d'Ha-tien est reliée à la rade extérieure par un canal, au bout duquel nous trouvâmes, du côté du large, une batterie en ruines.

L'entrée du pays était, en outre, défendue par deux lignes continues de fortins détachés.

Quant à la ville, elle s'étend le long de la rive droite du canal, et débordant sur la plage du lac. Elle y était prolongée par une sorte d'arsenal maritime où nous vîmes de grandes jonques inachevées, sur des cales de construction.

Dès notre arrivée, les mêmes mesures furent prises qu'à Vinh-long et Chaudoc. Puis les officiers du génie et de l'artillerie s'occupèrent aussitôt des travaux à entreprendre et du désarmement des petits forts éparpillés aux environs.

IV.

C'est ainsi que nous sommes devenus, en quelques jours, les maîtres définitifs des trois provinces de Vinh-long, Chaudoc et Ha-tien, dont la prise de possession a complété la conquête de la basse Cochinchine, et a singulièrement augmenté la sécurité, la vitalité et l'avenir de notre colonie.

C'est ainsi que nous sommes devenus, en outre, possesseurs des îles nombreuses situées le long des côtes nouvellement conquises dans le golfe de Siam. Quelques-unes de ces îles ne sont pas sans valeur. Dans Phu-quoc, par exemple, réputée jadis pour ses ouvrages en jais, on trouve encore les vestiges des fouilles faites autrefois à la recherche du jais et du charbon. Peut-être y a-t-il là des mines fécondes. En tout cas, et à coup sûr, il s'y trouve des bois de toutes les essences, en quantité considérable.

En dehors des richesses du sol, un autre résultat important de la conquête des provinces de l'Ouest, c'est notre rapprochement de Siam, au point de vue commercial. Quand on aura détruit, en effet, le dos d'âne qui obstrue la passe d'Ha-tien du côté du large, et que les navires d'un grand tonnage pourront venir s'abriter dans les eaux profondes du canal, cette ville, aujourd'hui sans importance, deviendra l'entrepôt du commerce entre Siam et la Cochinchine, surtout pendant la mousson du N.-E., alors que les courants de la mer de Chine rendent si difficile et si long le trajet de Poulo-oby au cap Saint-Jacques.

Cette conquête, enfin, nous a fait les voisins du royaume de Cambodge, notre allié, dont les produits nous arrivent maintenant en ligne directe, et auquel nous envoyons, directement aussi, nos idées et les lumières de notre civilisation.

On peut déjà prévoir qu'il nous appartiendra un jour, conquis peu à peu par l'ascendant de notre supériorité morale; ce qui est, de tous les modes de conquête, le meilleur, le plus sûr, le plus conforme aux vues de la Providence. Puis, lorsque nous nous serons assimilés ces hommes simples et forts du Cambodge, qui sait jusqu'où nous pourrions rayonner, plus tard, de ce côté du monde, quand la France, relevée, sentira ce besoin d'expansion qu'éprouvent tous les peuples véritablement grands ?

La prise de possession des provinces de Vinh-long, Chaudoc et Ha-tien, qui a passé pour ainsi dire inaperçue, parce qu'elle s'est accomplie au loin et sans luttes, n'en a donc pas moins été d'une immense importance, quant à ses résultats immédiats, et elle restera, sans contredit encore, un fait historique considérable, à cause de l'horizon qu'elle nous ouvre dans l'extrême Orient.

ED. WYTS,
Capitaine de frégate.

Toulon, le 10 février 1872,

1 (12) **Tổng đốc An Giang cùng với hai quan Bó chính và Án sát âm**
2 **muu bắt Vial và Galey làm con tin nhưng mưu sự bắt thành:** tác
3 giả A. Schreiner viết như sau: "Le gouverneur, prétextant une grande
4 fatigue, prit le commandant Galey par la main tachant de l' amener à grands
5 pas vers la porte du fort; en même temps, le quan bó et le quan án, avec force
6 démonstration d' amitié, prenaient M. Vial par les bras essayant de l'entraîner
7 à la suite du gouverneur. Mis en éveil par ce procédé insolite, MM. Galey et
8 Vial, s'arrêtèrent net, déclarant n' avancer qu' avec leur escorte. Bien leur en
9 prit, car l' intention des mandarins était d' en faire des otages. Décontenancés
10 par cette resolution, les Annamites hésitèrent se consultant, mais les
11 ambarcations arrivaient l' une après l' autre. Le coup était manqué, on se

1 remit en marche sans empressement cette fois et la citadelle fut occupé". (A.
2 Schreiner, sách đã dẫn; trang 286-287).

3 **Tạm dịch:** Quan thống đốc lấy cớ không được khỏe, nắm tay và
4 cổ sức kéo thuyền trưởng Galeý đi nhanh vào cổng thành đồng thời
5 hai quan bố chính và án sát cũng cặp tay hai bên để lôi đẩy Vial đi
6 theo quan thống đốc. Ngạc nhiên vì thái độ khác thường trong việc
7 tiếp đón, Galeý và Vial liền đứng ngay tại chỗ và tuyên bố họ sẽ
8 không tiến vào thành nếu binh lính hộ vệ của họ không được đi theo.
9 Lời tuyên bố này quá hữu lý, bởi vì ý định của các quan giữ thành là
10 muốn bắt cóc Galeý và Vial để làm con tin. Các quan viên triều đình
11 nhìn nhau bối rối không biết phải quyết định ra sao trong khi đội quân
12 binh đồ bộ càng lúc càng đông hết đợt này tới đợt khác. Cuộc âm
13 mưu bắt cóc thất bại, Galeý và Vial thông dong từ từ cho quân vào
14 tiếp thu thành (An Giang) mà không gặp một trở ngại nào."

15 (13) **Thống soái La Grandière đã tự tay viết thư chia buồn gửi đến**
16 **con trưởng của ông Phan Thanh Giản:**

17 "Le Vice-amiral, gouverneur et commandant en chef en Cochinchine, au
18 fils aîné de S. Exc. Phan Thanh Giản, vice grand censeur du Royaume
19 d'Annam. Vinh Long

20 J'apprends avec une grande douleur la mort de S.Exc. Phan Thanh Giản
21 (*), votre père.

22 Le royaume d'Annam, dont il était le membre le plus éminent, perd dans ce
23 vieillard respectable un de ses gloires et de ses lumières, et le sentiment de
24 profonde estime qu' il laisse dans ma mémoire et dans celle des Français
25 sera plus durable que la haine de ses ennemis.

26 Aucun autre que votre père n'a compris à Hué quels étaient les avantages
27 qui devaient assurer le bonheur du peuple, et c'est un sentiment touchant et
28 digne de respect qui l' a , malheureusement, porté à ne pas vouloir survivre
29 aux conséquences d' une politique dont tous les torts et toute la responsabilité
30 appartiennent au gouvernement annamite.

31 Le témoignage officiel de mon estime et de mon amitié que je vous adresse
32 dans cette lettre, doit être conservé dans votre famille comme le gage des
33 sentiments que les Français conserveront pour votre vénérable père et pour sa
34 famille.

35 Soyez persuadé aussi que je m' efforcerai, par tous les moyens qui
36 dependent de moi, d' assurer le bonheur de ses enfants, en leur accordant les
37 faveurs et les positions qui porront leur convenir.

38 Agreez l' assurance de ma considération très distinguée.

39 Saigon, le 5 août 1867.

40 De la Grandière."

41 **Tạm dịch :** "Phó Đề đốc, thống đốc kiêm tổng tư lệnh quân lực
42 Nam Kỳ, gửi đến ông trưởng nam của Ngài Phan Thanh Giản(*) phụ
43 chính khâm sai đại thần của Vương quốc An Nam.

44 tại Vinh Long.

45 Tôi rất là đau buồn biết được tin về cái chết của Ngài Phan
46 Thanh Giản (*) thân phụ của ông.

1 Vương quốc An Nam, mà trong đó Ngài Phan Thanh Giảng là một
2 thành viên lỗi lạc hơn hết, đã đánh mất đi một trong những phần vinh
3 quang, trí thức và tình cảm sâu đậm quý mến của vị quan lão thành
4 này, nhưng những điều đó vẫn đang lưu lại trong trí óc của tôi cũng
5 như trong

6 trí óc của người Pháp một cách bền vững hơn là sự oán ghét của
7 những quân thù của vị quan lão thành ấy.

8 Ngoài phụ thân của ông trưởng nam ra, nơi triều đình Huế không
9 còn ai nhận thức được những điều gì cần phải thực hiện để bảo đảm
10 cho người dân có thể sống hạnh phúc và chính là vì vấn đề có liên
11 hệ đến cảm tính cùng với đức tự trọng đã khiến cho vị quan lão
12 thành này không còn thiết sống dưới dự chi phối của những hậu quả
13 chính trị sai trái và đầy trách nhiệm do chính quyền của triều đình
14 nước An Nam tạo ra.

15 Ông hãy tin rằng tôi sẽ cố gắng bằng mọi phương cách mà tôi
16 có được để đảm bảo cho con cháu của vị quan lão thành có được
17 những quyền lợi và chức vị thích hợp với họ trong tương lai.

18 Xin ông hãy chấp nhận lòng kính trọng rất đặc biệt của tôi.

19 Sài Gòn ngày 15 tháng 10 dl năm 1867

20 Ký tên: De la Grandière"

21 (*) **Phan Thanh Giảng**: VSTK trích dẫn đúng như bản viết của tác giả người Pháp.
22 Phải là Phan Thanh Giảng mới đúng.

23 (14) **Lương Khê Phan lão nông Chi Mộ**: đây là ngôi mộ của ông lão
24 họ Phan hiệu là Lương Khê 梁溪 . (1796-1867).

*

KHẢO LUẬN:

I / NHỮNG NGUYÊN DO CHỦ YẾU TRONG CUỘC CHIẾN XÂM LĂNG CỦA NGƯỜI PHÁP VÀ SỰ THẤT BẠI CỦA TRIỀU ĐÌNH NHÀ NGUYỄN TRONG VIỆC CHỐNG NGOẠI XÂM ĐỂ GIỮ NƯỚC

1 Từ thế kỷ thứ XIX, một nước **ĐẠI VƯƠNG QUỐC**
2 **VIỆT NAM** được hình thành khi triều đại họ Nguyễn được
3 khai sáng, và hoàng đế Gia Long đã đặt nền móng để tạo
4 dựng đất nước Việt Nam thành một quốc gia tiên tiến. Tất
5 cả các cơ cấu trong guồng máy cai trị của hoàng đế đều
6 được cải tổ và đã hoạt động tích cực để phát triển theo đà
7 tiến bộ của nền văn minh và kỹ thuật thế giới. Luật lệ
8 được đổi mới để thay thế cho các luật lệ già nua lỗi thời từ
9 niên hiệu Hồng Đức dưới triều đại của vua Lê Thánh Tông
10 trong thế kỷ thứ XV. (Có dư luận cho rằng bộ luật Gia Long chỉ
11 bắt chước theo bộ luật của nhà Thanh ở Trung Quốc thua xa bộ luật
12 Hồng Đức. Nếu xét cho cùng, nền cổ luật từ thời Đinh, Tiền Lê, Lý,
13 Trần và Hậu Lê, tất cả đều bắt chước theo các luật lệ của Trung Quốc.
14 Có một điều ngạc nhiên là, khi sơ khởi thiết lập guồng máy hành
15 chánh cai trị, Charner đã không dám đem áp dụng ngay luật lệ của
16 nước Pháp tại các vùng đất của Đại Nam mà Pháp vừa mới chiếm
17 được nhưng lại phải lục lạo tìm kiếm cho bằng được bộ luật Gia Long
18 để phiên dịch ra tiếng Pháp và phổ biến ngay cho các chức quyền
19 hành chánh của họ áp dụng kèm theo chỉ thị phải theo luật lệ và
20 phong tục của người Đại Việt trong việc cai trị làng nước). Những
21 công trình như cầu cống, đường xá, sông ngòi, kênh rạch,
22 đê đập, kho lẫm, bến cảng, thành trì, tất cả đều được thực
23 hiện một cách quy mô liên tục, đạt được thành quả rất tốt
24 và có giá trị lâu bền. Các định chế về tổ chức quân đội,
25 giáo dục, tài chánh cũng được đổi mới. Chính người Pháp
26 phải công nhận rằng nước Việt Nam dưới thời Gia Long đã
27 tiến xa hơn nước Nhật Bản đến 60 năm và trở thành một
28 trong những cường quốc quân sự trong vùng bán đảo Đông
29 Dương. Chỉ người ngoại quốc Âu châu nào có năng lực
30 mới được hoàng đế Gia Long tuyển chọn để phục vụ như

1 những kẻ đi làm thuê trong các công trình canh tân xứ sở
2 Việt Nam.

3 Năm 1817, khi tàu buôn đầu tiên của Pháp đến xin giao
4 thương, hoàng đế Gia Long đã chấp thuận nhưng vẫn dành
5 chủ quyền cho nước Việt Nam trong việc ấn định thể thức
6 giao thương và quyền lựa chọn các mặt hàng hóa xuất
7 nhập.

8 Chính sách đế quốc thuộc địa của người Anh ép đặt vào
9 Singapore năm 1819 khiến cho hoàng đế Gia Long nghi
10 ngờ và mất tin tưởng vào thiện ý của người ngoại quốc gốc
11 Âu Châu, vì thế trước khi qua đời, năm 1820, hoàng đế
12 Gia Long đã trở lại cho hoàng đế Minh Mạng nên đối xử
13 tốt đẹp với người Âu Châu, đặc biệt là đối với người Pháp
14 nhưng tuyệt đối không để họ tạo ảnh hưởng để xen lán vào
15 nội tình của nước Việt Nam. Đối với Minh Mạng thì lời
16 trở của Gia Long còn chưa đủ bởi vì dưới triều đại Minh
17 Mạng, chính sách bất hợp tác với ngoại bang Âu Châu
18 được áp dụng một cách cứng rắn, triệt để và quay về với
19 truyền thống vọng Trung Quốc của nước Việt Nam từ ngàn
20 xưa. Thiệu Trị nổi nghiệp, tiếp tục theo đường hướng cai
21 trị của vua cha rồi nay đến Tự Đức cũng thế. Kế đến chiến
22 tranh giữa người Anh và người Miến Điện xảy ra vào năm
23 1826 càng khiến cho những con cháu nổi nghiệp của Gia
24 Long thêm lo âu nghi ngại và họ càng hướng về mẫu mực
25 văn hóa, đạo đức của Trung Quốc dùng làm kim chỉ Nam
26 để giữ và xây dựng đất nước Đại Việt. Họ là những nhà
27 cai trị giỏi nhưng Minh Mạng nổi bật, chỉ kém thua vua
28 cha Gia Long mà thôi.

29 Quyền lực chính trị tập trung vào tay của hoàng đế;
30 không có một quyền lực trung gian; quan lại triều đình chỉ
31 là công cụ thi hành quyền lực của hoàng đế. Tất cả người
32 dân trong nước đều được coi như là bình đẳng, là tôi thần
33 của vua, được thưởng hay chịu phạt ngang nhau theo một
34 chế độ luật pháp duy nhất. Không có một ngạch quan quân
35 sự riêng mà cũng không có sự phân cách giữa quyền lực
36 quân sự và quyền lực hành chính: quan đứng đầu cai trị
37 một vùng lãnh thổ cũng là tư lệnh quân sự cao cấp tại vùng

1 đó nhưng không phải vì thế mà được hưởng cấp bổng gấp
2 đôi.

3 Quan lại được tuyển chọn trong các tầng lớp dân chúng
4 lương thiện, không phân biệt nghèo giàu, qua các khoá thi
5 định kỳ được tổ chức tại các tỉnh thành quan trọng và chỉ
6 có một số ít thí sinh thật xuất sắc mới được chấm đỗ và ban
7 cho ngạch trật quan lại tương ứng với thứ bậc đỗ cao thấp
8 của họ. Người ngoại quốc nào sau khi được tiếp xúc với
9 các hàng quan lại Việt Nam đều đồng ý rằng họ là những
10 người tài trí hiểu biết, có giáo dục, có kỹ luật và đức hạnh.
11 Trước khi người Pháp xâm lăng, Việt Nam được xem như
12 là một quốc gia có giáo giục qua các dụ chỉ giáo huấn của
13 nhà vua ban ra. Nho học và đạo đức thánh hiền được phổ
14 biến rộng rãi trong dân chúng bởi các cơ quan giáo dục của
15 triều đình hoặc từ các quan chức đã về hưu mở trường dạy
16 học. Nền giáo dục đó đã tạo ra một mối liên hệ đồng nhất
17 gắn bó trong nếp nghĩ suy và hành động của tuyệt đại đa số
18 tầng lớp người dân trong nước. Tầng lớp Nho sĩ, những
19 người dân có học cao - những người "quan tử" - là tầng lớp
20 chỉ đạo và vua, vì là con của Trời, thay Trời hành đạo để
21 tạo phúc lợi cho nhân gian cho nên vua được xem như là
22 người quan tử tối cao với quyền hành tuyệt đối vô giới hạn
23 và không thể bị làm lẩn. Người dân trong nước được xem
24 như là con cái của vua. Là phận con cái cho nên mọi người
25 dân trong nước đều phải lấy chữ trung hiếu làm đầu. Nếu
26 vua làm lẩn, ăn ở mất nhân đức thì chỉ có Trời biết để
27 trừng phạt vua bằng các hình phạt tai ương, lũ lụt, hạn hán,
28 mất mùa, dịch bệnh, giặc giã đổ xuống trên đầu trên cổ
29 "con cái" của vua. Nếu tai ương kéo dài khiến đa số dân
30 chúng bị khổ đau triền miên thì vua đương nhiệm bị xem
31 như là hôn quân, bạo chúa không đạo đức, sẽ dẫn đến các
32 phong trào nổi dậy và bạo loạn trong nước.

33 Trong việc cai trị, các vua nhà Nguyễn lựa chọn những
34 quan đại thần để làm cố vấn chính trị và an ninh trong một
35 cơ quan gọi là viện Cơ Mật cùng với các cơ quan hành
36 pháp và tư pháp trung ương, tất cả gộp lại để tạo thành
37 một cơ quan quyền lực trung ương tối cao, tức triều đình

1 Huế. Tất cả những chính sách và đường lối trong việc cai
2 trị đều được vua hỏi ý kiến của triều đình nhưng quyền
3 quyết định cuối cùng luôn luôn là của nhà vua.

4 Ở bậc thang cuối cùng của hình thức tổ chức quyền lực
5 nước Đại Nam có một đơn vị hành chính gọi là làng. Mặc
6 dù ở vào một vị thế thấp nhất nhưng làng lại là một thể
7 giới riêng biệt: *phép vua thua lệ làng*; mỗi làng có những
8 tục lệ, phong tục, tập quán riêng biệt. Người dân ít khi chịu
9 rời khỏi làng mình đang sinh sống để đi nơi khác bất kể
10 làng của họ bé nhỏ hay rộng lớn.

11 Những nề nếp sinh hoạt trong làng như việc phân chia
12 ruộng công, thực hiện các công trình nông nghiệp, tổ chức
13 hành chính, giải quyết các vụ tranh tụng nhỏ trong những
14 mối liên hệ ràng buộc của những hộ khẩu trong làng, việc
15 phòng giữ cảnh vệ làng xóm chống trộm cướp, tất cả
16 những định chế đó đều được tổ chức một cách biệt lập
17 không có sự can dự của những kẻ ngoài lai không có hộ
18 khẩu trong làng. Dân làng chọn lựa những người có uy tín
19 và những người "sống lâu lên lão làng" để lập thành những
20 ngôi thứ cho những người đứng đầu nắm quyền cai quản
21 xóm làng. Nhân vật nắm giữ việc điều hành guồng máy
22 hành chính tự trị trong làng là lý trưởng do hội đồng đó
23 chỉ định và tất cả những người này lập thành một tập thể
24 hành chính quản trị của làng. Nhà vua và các quan triều
25 chỉ công nhận tập thể này như là những người đại diện
26 tuyệt đối cho toàn thể cá nhân sống trong làng. Có thể nói
27 rằng uy quyền của nhà vua và triều đình không thể lọt qua
28 khỏi công làng bởi vì chính cái xã hội thu nhỏ này được
29 hưởng một chính sách tự trị khá rộng rãi để tự mình tổ
30 chức các cách thức giữ gìn an ninh và xây dựng làng mạc
31 của mình với điều kiện là phải nộp thuế cho ngân khố của
32 triều đình: triều đình ấn định mức thuế cho từng làng và
33 mức thuế sẽ do hội đồng quản trị của làng phân định cho
34 mỗi người dân trong làng đóng nộp.

35 Mặc dù hoàng đế làm chủ đất nước nhưng trên thực tế
36 ruộng vườn trong làng mặc nhiên xem như là được hoàng
37 đế cấp phát cho người dân trong làng làm chủ vĩnh viễn,

1 chính người dân trong làng mới chính là sở hữu chủ đích
2 thực được hoàng đế và triều đình công nhận nếu chịu nộp
3 thuế và thi hành những nghĩa vụ do triều đình yêu cầu.
4 Luật Gia Long ghi: <<Các gia đình của mỗi châu, huyện
5 chia nhau ruộng đất, lập sổ thuế và tất cả cùng nhau cai
6 quản việc công sở tại>> (Nguyễn Văn Huyền, *La*
7 *Civilisation Annamite*, [Văn Minh Việt Nam]; bản dịch;
8 trang 564; Hà Nội; 1996). Có thể nói rằng làng là biểu hiện
9 của một hình thức dân chủ sơ khởi của tổ chức hành
10 chánh công quyền trong suốt tiến trình lịch sử xây dựng
11 nước Việt Nam. Tính cách tự trị của ngôi làng đã làm nảy
12 nở một tình trạng tâm lý đặc biệt là người dân trong làng
13 cảm thấy rằng quyền tự do cá nhân của mình hầu như tách
14 rời khỏi quyền lực của các tổ chức cai trị thuộc chính
15 quyền trung ương. Người dân Việt Nam ngày xưa thường
16 rất hãnh diện và cảm thấy danh dự vì mình xuất phát từ
17 một làng quê ở một tỉnh nhỏ bởi vì dưới mắt của mọi người
18 khác họ không bị khinh thị là kẻ trôi sông lạc chợ, người tứ
19 xứ. Làng không phải chỉ gồm có những người hiện cư trú ở
20 đó mà bao gồm cả những người có gốc tích từ làng mà ra
21 và vẫn được xem là dân làng mặc dù chỉ trở về làng một
22 vài lần trong đời. Dân làng có thể sinh sống ở một vùng
23 khác nhưng bao giờ ngôi làng cũ vẫn là "quê mẹ" của họ và
24 vẫn tiếp tục nộp thuế thân ở làng, đóng góp vật chất hoặc
25 tinh thần cho làng mặc dù họ không được hưởng những lợi
26 lộc vật chất, con cái họ sinh ở nơi khác nhưng họ lại muốn
27 đăng ký tên của đứa con ở làng cũ. Nhiều trường hợp
28 người của một làng cũ cố gắng thu xếp một góc nhỏ ở
29 làng để cất lên một gian nhà lá đơn sơ dùng làm nơi kê bàn
30 thờ tổ tiên.

31 Có những làng đầu tiên được lập nên bởi một gia đình,
32 người trong gia đình, cùng với sự trợ lực của một số người
33 lao động đi theo, cật lực phá rừng, khai khẩn đất hoang và
34 mở rộng đất đai rồi nếp sống tập thể lần lần được tổ chức
35 theo hình thức những làng mạc khác. Khi số dân tăng, tập
36 thể mới có thể xin chính quyền trung ương cho phép lập
37 thành một làng mới gọi là xin tách rời con dấu *biệt triện*.

1 Có khi một người hoặc một nhóm người đứng ra xin được
2 quyền làm chủ các đất đai bị bỏ hoang để lập thành một
3 làng mới nhưng phải cam kết đóng thuế ruộng đất cho
4 chính quyền trung ương sau khi khai khẩn đất hoang đã
5 được tiến hành một thời gian nhất định. Triều đình nhà
6 Nguyễn khuyến khích những vụ khẩn hoang kiểu này để
7 mở rộng phạm vi cày cấy cho đất nước. Người dân hoàn
8 toàn tự do lựa chọn khai khẩn bất, lập thành làng mạc bất
9 cứ vùng đất hoang nào mà họ cho là tốt và sau đó chỉ cần
10 báo trình với quan để trở thành sở hữu chủ.

11 Sau khi tái chiếm các vùng đất ở Nam Kỳ vào những
12 năm cuối thế kỷ 17, Nguyễn vương Phúc Ánh liền cho lập
13 ngay những làng mạc mới. Tất cả hạng dân, binh và nhất là
14 người dân nghèo đều phải cày cấy, làm ruộng. Nhiều dân ở
15 các vùng khác nhau được chiêu mộ để đi khẩn hoang lập
16 ấp gọi là *điền tốt* đặt dưới quyền điều khiển của một viên
17 quan triều đình gọi là *Điền tuần quan*. Những điền tốt đi
18 khai hoang được nhà nước cấp cho trâu bò, nông cụ nhưng
19 phí tổn cho việc cung cấp phải được trả lại cho chính
20 quyền bằng cách nộp một số hoa màu, gạo thóc vào những
21 mùa gặt hái. Ở những chốn rừng sâu, những người đi khai
22 hoang được tổ chức thành những trại nông nghiệp gọi là
23 *đồn điền* trong đó có những nhóm gọi là *toán* hoặc *đội đồn*
24 *điền*. Người nào có công tuyền mộ được nhiều điền tốt từ
25 5 người trở lên thì được cho giữ chức cai trại, được miễn
26 thuế thân và khỏi phải làm việc nặng lao nhọc.

27 Như vậy, *làng* là một tổ chức cộng đồng thực sự, là
28 kiểu mẫu của một đại gia đình nói rộng mà quyền lực của
29 giới hữu trách trong làng cũng tương tựa như quyền lực
30 của người cha trong từng gia đình riêng rẽ.

31 Trong thực tế, định chế tổ chức gia đình Việt Nam từ
32 lâu đời đã rập khuôn theo lối tổ chức của người Trung
33 Quốc và vẫn không thay đổi cho tới khi có sự xuất hiện của
34 người Âu Châu. Khuôn mẫu gia đình này tương tựa như
35 khuôn mẫu đại gia đình thời cổ của người La Mã. Đại gia
36 đình rất đông đúc trong đó người cha có một quyền uy
37 rộng lớn nếu không nói là áp đảo "ăn hiếp" tất cả mọi thành

1 viên trong nhà, bao lâu người cha còn sống thì kẻ dưới dù
2 thuộc hàng con, hàng cháu đều phải phục tùng nhất là khi
3 người cha là đích tôn, trưởng tộc.

4 Trước thời đại Gia Long, quyền gia trưởng của người
5 cha là tuyệt đối, toàn quyền quản lý tài sản của gia đình
6 mình, vợ và con phải đóng góp thêm cho tài sản của gia
7 đình, phần đóng góp của họ không được cất riêng. Có rất
8 nhiều trường hợp người cha đã sử dụng quyền gia trưởng
9 của mình để bán vợ, đợ con và thậm chí có toàn quyền sinh
10 sát vợ, con. Ông có quyền tuyệt đối trong quyết định kén
11 dâu, chọn rể và tổ chức hôn lễ cho con cái. Có thể nói, địa
12 vị của người cha trong gia đình kể từ thời Hậu Lê trở về
13 trước là địa vị của một ông vua con, một kẻ chuyên chế
14 tuyệt đối trong nhà mình. Khi người con đầu lòng của
15 người cha được sinh ra là con trai thì đứa con được coi là
16 "thái tử" nối nghiệp. Nếu trong nhà chỉ toàn là con gái và
17 đứa em út mới sinh lại là con trai thì đứa em trai miêng còn
18 hôi sữa này sẽ là ông vua con trong gia đình nếu người cha
19 chết đi trước khi cậu út biết bò, biết đứng. Ngoài ông vua
20 con trong gia đình, còn có một ông "thái thượng hoàng" tức
21 là ông nội hoặc ông cố nội hoặc ông "trưởng tộc" luôn để
22 mắt theo dõi người mẹ góa trong việc tạm thời coi sóc đứa
23 con trai nối nghiệp và đảm nhiệm việc quản lý tài sản của
24 gia đình. Thân phận của người mẹ và những người con gái
25 trong gia đình bị coi nhẹ nên không nói là bị bỏ quên.

26 Luật Gia Long giới hạn quyền của người gia trưởng:
27 phạt 100 trượng người cha nào đánh chết con. Kẻ nào bán
28 hay cho thuê vợ thì bị phạt 80 trượng.

29 Dân luật 1931 ở miền Bắc Việt Nam và dân luật 1936 ở
30 miền Trung Việt Nam vẫn tiếp tục ấn định rằng con và
31 cháu sống với cha mẹ hay ông bà thì phải hoàn toàn phụ
32 thuộc vào người chủ gia đình. Con cái không được đi khỏi
33 nhà của người cha nếu không được người cha cho phép. Vì
34 đạo hiếu, cho nên con cháu không được thừa kiện cha mẹ
35 hoặc ông bà. Tuy nhiên, theo luật pháp mới cha mẹ không
36 có quyền cho thuê con cái của mình hay gán con để trả nợ
37 nhưng cha mẹ bao giờ cũng có thể cho con cái vị thành

1 niên còn ở dưới quyền của mình được đi làm thuê trong
2 một thời hạn nhất định. Quyền cha mẹ trừng phạt con cái
3 từ đây chỉ có thể được thực hiện trong những giới hạn cần
4 thiết để duy trì quyền lực của người cha.

5 Cuộc Nam tiến của người Việt Nam không phải lúc nào
6 cũng bằng phương cách hòa bình. Nói như thế không có
7 nghĩa là người Việt Nam chỉ biết dùng bạo lực để nói rộng
8 thêm lãnh thổ của mình mà phải nói rằng người Việt Nam
9 là những người khôn ngoan và có bản lĩnh trong chính sách
10 di dân chiếm đất: Từ khi bắt đầu đi về phía Nam cho đến
11 năm 1689 thì di dân Việt Nam ở vùng Sài Gòn - Gia Định
12 chỉ có khoảng trên dưới 10,000 người. Khi người Pháp bắt
13 đầu xâm lăng chiếm Gia Định vào năm 1861 thì dân số
14 người Việt Nam chính gốc có vào khoảng 2 triệu người và
15 vùng đồng bằng sông Cửu Long nguyên trước kia là một
16 vùng đầm lầy hoang địa của người Cao Miên thì nay trở
17 thành vựa lúa phì nhiêu của triều đình nước Đại Nam.

18 Thói thường, dư luận cho rằng người Cao Miên ở Nam
19 Kỳ bị người Đại Nam tàn sát để chiếm đất . Đây là một dư
20 luận thiên vị nhằm mục đích gây hận thù sắc tộc. Trên thực
21 tế, một phần người Cao Miên chịu đồng hóa và chung sống
22 một cách rất hài hòa với người Việt Nam, một phần khác
23 không chịu chung sống với người mới đến nên tự ý bỏ đi
24 nơi khác, ở những nơi không có sự hiện diện của người
25 Việt Nam.

26 Tuy nhiên, người Việt Nam ở Nam Kỳ không phải luôn
27 luôn giữ được bản chất thuần chủng Việt tộc của mình mà
28 họ cũng chịu ảnh hưởng của một sự đồng hóa ngược chiều
29 từ các sắc tộc, -"những người chủ cũ của vùng đất Nam
30 Kỳ", khiến cho người Việt Nam ở Nam Kỳ càng lúc càng
31 có rất nhiều nét khác biệt với người Việt Nam ở Bắc Kỳ
32 nếu không nói là khác biệt hoàn toàn: vóc dáng người Nam
33 Kỳ cao hơn, giọng nói cũng khác đi, tánh tình thuần hậu,
34 chân chất, cởi mở, cầu tiến hơn là người Bắc Kỳ nhưng
35 siêng năng, cần cù thì không bằng. Làng mạc trong miền
36 Nam không có nhiều dấu vết kỷ niệm của tổ tiên và thần

1 thánh để có thể giữ chân người dân làng từ đời này qua đời
2 khác giống như ở miền Bắc.

3 Qua nhiều biến chuyển lịch sử, nước Cao Miên ở phía
4 Nam và các nước thuộc bộ tộc Lào ở phía Tây Bắc trở
5 thành những nước hàng rào và dưới quyền kiểm soát của
6 triều đình Đại Nam. Các lãnh thổ của các bộ tộc thiểu số
7 miền cao nguyên Trung Kỳ hoàn toàn thân phục dưới chế
8 độ cai trị của triều đình Huế. Trung tâm quyền lực được di
9 chuyển về phía Nam và thủ đô của nước Việt Nam không
10 còn là Thăng Long- Hà Nội nữa nhưng lại là Phú Xuân-
11 Huế, tạo thành một hố cách biệt tình cảm giữa hai miền
12 Bắc - Nam nhất là đối với những thành phần tự tôn mặc
13 cảm cố vọng về nhà Hậu Lê, không thật lòng chịu phục nhà
14 Nguyễn. Thêm vào đó, nhà Nguyễn chú trọng khai phá,
15 phát triển vùng đất Nam Kỳ khiến cho người dân Bắc Kỳ
16 cảm thấy như mình bị triều đình lơ là bỏ rơi và như vậy có
17 nghĩa là nhà Nguyễn không thể nào chiếm được lòng dân
18 người miền Bắc trong việc phát triển xây dựng nước và giữ
19 gìn lãnh thổ nhất là các vùng đất biên giới Việt Nam -
20 Trung Quốc; ngay cả những người miền Bắc đã di cư vào
21 sinh sống ở miền Nam qua nhiều đời cũng không trung
22 thành với nhà Nguyễn. Rốt cuộc rồi, nhà Nguyễn chỉ còn
23 có thể trông cậy vào sự chung thủy của người dân từ Thuận
24 Hóa trở vào đến Quảng Nam, ngoài ra thì chung quanh
25 toàn là những kẻ phục tùng bắt đắc dĩ, là những "kẻ nội
26 thù" chỉ chờ thời cơ để phản lại nhà Nguyễn.

27 Việt Nam vào nửa đầu thế kỷ thứ 19 không bị lâm vào
28 tình cảnh khốn đốn so với các nước Á Châu khác nhưng
29 lại có một ung nhọt bất trị là "mê ngủ", chỉ biết có Trung
30 Quốc là mẫu mực: các kỹ thuật nông nghiệp, kỹ nghệ, y
31 học, tất cả đều mục nát, thoái hóa vậy mà Việt Nam vẫn
32 tiếp tục noi theo. Nền ngoại thương bắt đầu khởi sắc dưới
33 triều đại Minh Mạng nhưng rồi lại thụt lùi vì chính sách bé
34 quan, tỏa cảng của triều đại Thiệu Trị và Tự Đức. Các kỹ
35 thuật tân tiến của Tây phương trước kia được Gia Long và
36 Minh Mạng chú trọng áp dụng trong việc phát triển tiềm
37 năng quân sự và kinh tế thì nay lại bị chìm trong quên lãng

1 đề quay về với mớ lý thuyết mơ hồ, vô dụng của nền
2 Khổng học cũ rít đến mức độ Tự Đức phải lên tiếng thức
3 tỉnh đoàn ngũ Nho thần lơ lảo của mình.

4 Nho giáo được nhà Nguyễn ưu đãi làm mất lòng Phật
5 giáo. Chính sách bách hại những người theo đạo Gia tô dù
6 rằng để ngăn ngừa người trong nhà nổi giáo cho giặc ngoại
7 xâm nhưng cũng là một cái cớ để kẻ ngoại quốc kiếm
8 chuyện gây hấn.

9 Có thể tóm tắt mà nói rằng, nước Đại Nam dưới triều
10 đại Tự Đức đã bị bao vây tứ phía, từ bên trong ra tới bên
11 ngoài.

*

II/- ĐÁNH GIÁ VỀ NHÂN VẬT

PHAN THANH GIẢN 潘清簡

(1796-1867) 74 tuổi

12 Tự là Tĩnh Bá và Đạm Như, hiệu Lương Khê, biệt hiệu là Mai
13 Xuyên, người xã Bảo Thanh, Bảo An, trấn Vĩnh Thanh (huyện Ba Tri,
14 tỉnh Bến Tre trước năm 1975), đỗ tiến sĩ vào niên hiệu Minh Mạng thứ
15 7 (1826), trải qua 3 đời hoàng đế Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức,
16 chức quan cao Hiệp Biện Đại Học Sĩ . Năm 1862 được cử làm trưởng
17 đoàn thương thuyết và ký hoà ước Nhâm Tuất với đoàn quân xâm
18 lược Pháp ở Sài Gòn. Năm 1863 được cử làm khâm mạng đại thần
19 chánh sứ sang nước Pháp để điều đình hủy bỏ hòa ước Nhâm Tuất
20 (1862) và chuộc lại 3 tỉnh miền Đông Nam Kỳ của nước Đại Nam
21 đang bị mất vào tay đoàn quân xâm lược Pháp.

22 Năm 1864 thương thuyết với đặc sứ Pháp Aubarêt về việc hủy bỏ hòa
23 ước Nhâm Tuất 1862 để ký kết một hoà ước mới (thường gọi là hòa
24 ước Aubarêt 1864) nhưng vì Tự Đức và triều đình Huế cứ tiếp tục
25 chính sách trả giá kéo dài thời gian thương lượng để thời cơ phản
26 công đánh chiếm lại các tỉnh bằng võ lực cùng một lúc dư luận Pháp,
27 chính phủ Pháp đã đổi ý ngả theo chủ trương chiếm đất làm thuộc địa
28 của nhóm chính quyền quân nhân của họ ở Sài Gòn cho nên họ đã yêu
29 cầu Aubarêt ngưng thương thuyết, tuyên bố không có hoà ước 1864,
30 hòa ước Nhâm Tuất 1862 đã được hai nước phê chuẩn có hiệu lực
31 chấp hành.

1 Nhóm quân phiệt Pháp ở Sài Gòn chuẩn bị gây hấn. Phan Than
2 Gián lại được giao trọng trách Kinh lược sứ 3 tỉnh miền Tây Nam Kỳ
3 để đối phó. Năm 1867, quân binh và tàu chiến của đoàn quân xâm
4 lược Pháp kéo xuống miền Tây, bao vây tỉnh thành Vĩnh Long. Từ
5 soái hạm l' *Ondine*, đề đốc La Grandière cử người đưa thư buộc nộp
6 thành. Sau khi viết thư yêu cầu La Grandière ra lệnh cho đoàn quân
7 xâm lược Pháp không được nhiễu hại dân chúng và sau khi để lại lời
8 trở trăn cho con cháu không được hợp tác với người Pháp, ông ra
9 lệnh quan binh dưới quyền ngưng chống cự, nộp thành cho quân xâm
10 lược rồi nhin đối, uống độc được tự xử.

11 *Ông là tác giả của tập *Luong Khê thi văn thảo* 梁溪詩文
12 卅 in năm 1876.

13 Đi sứ nước Pháp

14 *Chín tầng lòng lộng giữa trời thanh,*
15 *Phụng chỉ ra đi buổi sứ trình.*
16 *Lo nổi nước kia còn phiến biến,*
17 *Thương bề dân nợ cuộc giao chinh.*
18 *Nghìn trùng biển cả sang tây địa,*
19 *Muôn dặm đường xa thẳng đế kinh.*
20 *Mây nước sang qua cùng Pháp quốc,*
21 *Rước đưa mừng rỡ cuộc hòa minh.*

22 Tuyệt cốc

23 *Trời thời, đất lợi, lại người hòa,*
24 *Há để ngòi coi phải nói ra.*
25 *Lắm trả ơn vua, đền nợ nước,*
26 *Đành cam gánh nặng, ruổi đường xa.*
27 *Lên ghềnh xuống thác, thương con trẻ,*
28 *Vượt biển trèo non, cảm phận già.*
29 *Cũng tưởng một lời an bốn cõi,*
30 *Nào hay ba tỉnh lại châu ba.*

31 (Dương Quảng Hàm, *Việt Nam Thi Văn Hợp Tuyển*,
32 Bộ Giáo Dục xuất bản, Sài Gòn 1968)

33 (1) **Tuyệt cốc**: không ăn thóc, nhin đối.

34 (2) **Ba tỉnh lại châu ba**: châu có nghĩa là thêm vào. Có ý nói rằng quân xâm lược đã
35 được 3 tỉnh miền Đông bây giờ lại đánh chiếm thêm 3 tỉnh miền Tây.

*

1 Khi nhận định giá trị thật sự của một con vật hay một
2 đồ vật vô tri người ta thường căn cứ trên những lợi ích mà
3 con vật hay món đồ vật đó mang đến cho con người. Người
4 ta đánh giá trước khi mua về để dùng và sự đánh giá
5 thường hay căn cứ theo lời quảng cáo của nhà sản xuất ra
6 các món đồ vật hay của nhà nuôi thú để bán. Sự đánh giá
7 về đồ vật hay con vật cũng được thực hiện theo những lời
8 đồn đãi của quần chúng hoặc theo sự giới thiệu của người
9 đã có kinh nghiệm xài qua hay đã từng là sở hữu chủ các
10 vật đó. Món đồ vật hay con vật sau khi mua về tạo được lợi
11 ích thì sẽ được người mua nâng niu chăm sóc cẩn thận để
12 có thể sử dụng lâu dài và khi món đồ vật đã xài lâu năm bị
13 hao mòn hay đã trở thành lạc hậu thì người chủ phải quyết
14 định bỏ đi nhưng lòng vẫn luyến tiếc không nỡ dứt bỏ và
15 có thể là món đồ vật này sẽ được lưu giữ lại để trở thành
16 một món đồ cổ đầy kỷ niệm được giữ lại cho hậu sinh
17 trong gia tộc chiêm ngưỡng.
18

19 Đánh giá về một con người là một tiến trình phức tạp,
20 tế nhị và khúc mắc. Tại sao? Bởi vì con người cũng là một
21 con vật, nhưng là một con vật có một khối óc biết suy nghĩ
22 và một con tim đầy ấp tình cảm. Vì có con tim đầy tình
23 cảm cho nên rất khó cho một con người này phê phán,
24 đánh giá khách quan một con người khác bởi vì tình cảm
25 con người bị quá nhiều yếu tố ngoại lai ảnh hưởng hoặc chi
26 phối cho nên dễ rơi xuống gần với loài động vật tuy rằng
27 có bộ óc nhưng chỉ biết hành động theo phản xạ chứ không
28 biết suy nghĩ chính chắn khách quan hoặc bị cản trở không
29 cho phép suy nghĩ theo đúng với lý trí của mình.

30 Đánh giá một con người lịch sử lại càng khó hơn bởi vì
31 con người lịch sử thông thường đã thuộc về quá khứ lâu
32 đời, là một thành viên trong một bối cảnh lịch sử nào đó đã
33 qua đi và từ xưa đến nay hầu hết các bối cảnh lịch sử thực
34 tế đều do guồng máy thống trị đất nước mặc tình thao túng
35 muốn thù ghét, bẻ méo cách nào cũng được qua các văn
36 kiện, tài liệu, sách vở, phương tiện truyền thông, chiến dịch
37 đồn miệng truyền tai núp, lợi dụng lòng mê tín dị đoan của
38 người dân chất phát ít học để thần thánh hóa một triều đại

1 hay để quảng cáo cho một lãnh tụ, tất cả đều núp dưới mỹ
2 từ lịch sử hoặc dã sử. Đầu óc địa phương, bè phái, mặc
3 cảm tự tôn cũng là những yếu tố khiến cho việc đánh giá
4 một con người lịch sử mất đi tính cách công tâm và khách
5 quan.

6 Dĩ nhiên là khi đánh giá một nhân vật lịch sử thì không
7 thể nào tách nhân vật này ra khỏi bối cảnh lịch sử cụ thể
8 thực sự vào thời đó - một bối cảnh lịch sử thực sự chứ
9 không phải một bối cảnh bịa đặt- với những mối dây liên
10 hệ trói buộc phức tạp trên mọi lãnh vực xã hội, văn hóa,
11 gia đình, môi trường hoạt động và đường lối phát triển đất
12 nước so với xu hướng phát triển chung của thế giới đang
13 được bành trướng khắp nơi vào thời điểm đó.

14 Từ xưa đến nay, dư luận đánh giá một nhân vật lịch sử
15 thường có mục đích để tôn vinh hoặc để kết tội nhân vật
16 lịch sử đó. Khi đánh giá tôn vinh thì tốt khoe xấu che, cái
17 tốt của nhân vật được đề cập tới nhiều hơn và thường thì
18 lại bày đặt thêm thắt, đánh bóng, thổi phồng để biến nhân
19 vật này thành một ông thánh sống vô nhiễm mọi tội lỗi,
20 thành một nhà hiền triết khôn ngoan sáng suốt đứng trên
21 hết mọi người. Khi đánh giá kết tội thì xấu bêu tốt lờ mà
22 mục tiêu của việc đánh giá bêu xấu là để che tội cho một
23 kẻ khác, biến kẻ bị bêu xấu thành một con vật hy sinh tế
24 thần. Nhiều khi người bị bêu xấu vô tội, cái tội của họ là do
25 kẻ có tội thật sự vì muốn che dấu khuất lấp tội lỗi xấu xa
26 của mình cho nên đã đổ hết tội lỗi lên đầu người khác.
27 Nhiều khi người bị bêu xấu không có tội tình gì nhưng vì
28 hoàn cảnh phải ở về cùng một phía của những kẻ bị xem là
29 có tội cho nên phải chịu họa lây mặc dù kẻ đứng ra kết tội
30 dư sức biết rõ người đó bị kết tội một cách bất công thay vì
31 được nghiêm xét một cách vô tư và đáng được vinh danh.

32 Lại cũng có những cung cách đánh giá tùy thời, gió
33 chiều nào theo chiều đó. Kiểu đánh giá tiền hậu bất nhưt
34 như thế sẽ khiến cho mọi người mất tin tưởng và dù sau
35 này việc đánh giá có đúng sự thật một trăm phần trăm đi

1 chãng nữa thì cũng chỉ giống như nước đổ đầu vịt bởi vì
2 một lần bắt tín thì vạn sự bắt tin.

3 Đối với những nhân vật lịch sử có thành tích lẫy lừng
4 vang dội, thành tích tốt cũng như thành tích xấu, thì sự
5 đánh giá có thể là dễ dàng nhưng cũng chưa chắc là khách
6 quan vô tư đầy đủ nhưng không phải vì có nhiều đánh giá
7 tiếp theo sau đó có cùng một quan điểm mà vội cho là đã
8 nhất trí.

9 Có những nhân vật lịch sử xuất hiện trong một bối cảnh
10 phức tạp biến động, đầy đầy thử thách và mâu thuẫn, xô
11 đẩy nhân vật này vào con đường bế tắc không biết phải
12 hành động thế nào cho phù hợp với lý trí đưa đến tình trạng
13 thực hành những điều trái với lương tâm của mình. Đối
14 với những nhân vật lịch sử này từ trước đến nay người ta
15 thường chỉ đánh giá một chiều theo những chứng cứ che
16 lấp, đầy đầy hậu ý bất công và đây cũng là trường hợp của
17 một số đông nếu không nói là hầu hết những nhân vật của
18 miền Nam Việt Nam có tên trong lịch sử kể từ thời hoàng
19 đế Gia Long đến nay mà trong số những nhân vật này,
20 hoàng đế Gia Long và ông Phan Thanh Giản là những
21 trường hợp điển hình hơn hết.

22 Việc đánh giá và phê phán ông Phan Thanh Giản không
23 phải chỉ xảy ra sau cái chết tự tử của ông vào năm 1867
24 mà nó đã xảy ra ngay trong lúc ông còn sinh tiền, đặc biệt
25 là vào lúc thế lực thực dân thuộc địa từ phương Tây bắt
26 đầu dòm ngó vào vùng đất hình cong chữ S của nước Đại
27 Nam.

*

III/- CUỘC ĐỜI NGOẠI GIAO CỦA ÔNG PHAN THANH GIẢN

28 Cuộc đời ngoại giao của ông Phan Thanh Giản khởi đầu
29 kể từ khi đoàn quân viễn chinh Pháp-Tây Ban Nha đánh
30 bại tướng tài ba của nước Đại Nam Trương Minh Giảng
31

1 nơi chiến lũy Kỳ Hoà và sau khi viên khâm sai đại thần
2 Nguyễn Bá Nghi được triều đình Tự Đức ở Huế trao cho
3 toàn quyền đối phó với người Pháp.

4 Thay vì tiếp tục dùng giải pháp quân sự để kháng cự thì
5 Nguyễn Bá Nghi lại áp dụng kế hoãn binh (ĐTLCB, đệ tứ
6 kỷ III, quyển XXIV, trang 208, bản dịch, Hà Nội 1974) sai
7 người đi cầu hòa thương lượng với Charner trên chiến hạm
8 *Primaugel* đậu trên sông Sài Gòn. Từ lúc bắt đầu thương
9 thảo về những điều kiện do kẻ địch đưa ra để ngưng chiến
10 và tái lập hòa bình, Nguyễn Bá Nghi không những không
11 chấp nhận những điều kiện đó mà còn trao thơ trách cứ cho
12 rằng những đòi hỏi của người Pháp chỉ có lợi cho nước
13 Pháp và có hại cho nước Đại Nam mà thôi và người Pháp
14 A. Schreiner đã đưa ra một sự phê phán rằng: "*Những người*
15 *An Nam đi thương thuyết họ đã quên một hệ quả cốt yếu của chiến*
16 *tranh là kẻ chiến bại không được phép đòi hỏi lợi lộc."* (*Le*
17 *négociateur annamite feignait ignorer une conséquence essentielle de*
18 *la guerre, que le vaincu ne saurait réclamer des avantages*)
19 (A.Schreiner, *Abrégé de l' Histoire d' Annam*, trang, 207, 208, nhà
20 xuất bản Chez l'Auteur, Sài Gòn, 1906).

21 Ngày 26 tháng 4 dl năm 1861 Charner thư hồi đáp cho
22 Nguyễn Bá Nghi như sau: "*rằng, nếu hoà ước được ký kết, nền*
23 *ngoại thương của người An Nam, vốn đã bị tiêu hại vì sự phong tỏa*
24 *của những tàu tuần tra thì nay đã lấy lại được sự giao lưu một cách*
25 *tự do, rằng với sự thực hiện cơ sở của người Pháp ở Sài Gòn và Mỹ*
26 *Tho thì sự thịnh vượng của miền Nam Kỳ hạ sẽ được phát triển cao*
27 *hơn là trước khi có chiến tranh xảy ra, rằng, thay vì gây khốn khó thì*
28 *trong nhiều tình huống, nước Pháp có thể yểm trợ hậu thuẫn cho triều*
29 *đình Huế. Khi chuyển đến quan ngại phòng biên quân thứ những*
30 *nhận định này, bản chức mong rằng sẽ hân hạnh nhận được một sự*
31 *hồi đáp khả dĩ có thể dự đoán được một vài cơ may hoà giải ."* (*Le*
32 *vice-amiral répondit le 26 avril "que, si la paix était signée, le*
33 *commerce extérieur dea Annamites, alors détruit par les croiseurs,*
34 *reprendrait librement son cours; que par le fait de l' établissement*
35 *des Français à Saigon et à Mỹ Tho, la prospérité de la Basses-*
36 *Cochinchine se développerait même au delà de ce qu' ell était avant*
37 *la guerre, qu'enfin, la France, au lieu de créer des difficultés au*
38 *gouvernement de Huế, pourrait, dans bien des circonstance, lui prêter*
39 *son appui.En transmettant ces réflexions au phòng biên quân thứ, il*
40 *dît qu' il serait heureux de recevoir une réponse qu' il fit entrevoir*

1 *quelque possibilité de conciliation.*" (A. Schreiner, sách đã dẫn, trang
2 208).

3 Trước đó 3 ngày (23 tháng 4 dl 1861), Charner đã ra
4 lệnh phong tỏa và cấm vận trên dòng sông Mê-Kong, trên
5 các sông lạch vùng đồng bằng của con sông này ngoại trừ
6 sông Sài Gòn và cấm mọi chuyên chở lúa gạo trên vùng
7 biển của đế quốc An Nam. Ngày 19 tháng 4 dl năm 1861 ra
8 lệnh giới nghiêm trên toàn thể các vùng lãnh thổ chiếm
9 đóng, toàn bản văn lệnh cấm vận và lệnh giới nghiêm của
10 Charner được A. Schreiner ghi lại như sau:

11 *"Le vice-amiral commandant en chef les forces navales*
12 *françaises dans les mers de Chine, et les forces de terre et de mer en*
13 *Cochinchine;*

14 *Considérant qu' en attendant l' institution de tribunaux*
15 *compétents pour juger les crimes et d' élits, il est urgent de pourvoir à*
16 *leur répression;*

17 *Considérant, en outre, que la guerre continue d' exister entre le*
18 *gouvernement de l' Empereur et le gouvernement de Hué:*

19 *Déclare:*

20 *Conformément à la loi du 9 au 11 août 1849, article 5, chapitre*
21 *II, les provinces de Saigon, de Mỹ Tho et tous les territoires occupés*
22 *par nos troupes son en état de siège.*

23 *Néanmoins, conformément à l' article 7, chapitre III de la loi*
24 *précitée, l' autorité civile continue, comme par le passé, d' exercer le*
25 *pouvoir dont ell est revêtue, et ce n' est que du moment où cette*
26 *autorité devient insuffisante que, sur un ordre d' inforner du*
27 *commandant en chef, l' action de l' autorité militaire commence.*

28 *Le général commandant les troupes du corps expéditionnaire, les*
29 *commandants particuliers de Saigon et de Mỹ Tho, sont chargés de*
30 *donner toute la publicité possible à la présente déclaration >>*
31 (A.Schreiner, đã dẫn; trang 205, 206).

32 **Tạm dịch:**

33 *"Thủy sư phó đề đốc tư lệnh các lực lượng hải quân của nước*
34 *Pháp ở hải phận Trung Hoa và các lực lượng bộ binh ở Nam Kỳ;*

35 *Chiếu chỉ, trong khi chờ đợi các định chế tòa án có thẩm quyền*
36 *xé xử các tội phạm hình sự và các trường hợp khinh tội, cần phải áp*
37 *dụng phương cách khẩn cấp để chặn đứng những tội phạm đó;*

38 *Chiếu chỉ, ngoài ra, trong khi chiến tranh vẫn tiếp diễn giữa*
39 *chánh phủ của triều đình nước Pháp và chính phủ của triều đình Huế;*

40 *Nay tuyên bố:*

41 *Chiếu chỉ, theo luật (Pháp) ban hành ngày 9 và 11 tháng 8 d.l*
42 *năm 1849, điều 5, chương II, nay đặt tình trạng phong tỏa tại các*

1 *tỉnh Sài Gòn, Mỹ Tho và các vùng lãnh thổ do quân đội (Pháp) của*
2 *chúng ta đang chiếm đóng.*

3 *Tuy nhiên, chiếu theo điều 7, chương III của luật vừa kể trên,*
4 *chính quyền dân sự vẫn tiếp tục, giống như trong quá khứ, hành xử*
5 *các quyền hạn đã được trao cho đến khi nào chính quyền dân sự này*
6 *không còn đủ năng lực thì lúc đó vị chỉ huy quân sự mới cho áp đặt*
7 *chính quyền quân sự.*

8 *Tổng tư lệnh các lực lượng viễn chinh, các tư lệnh đặc biệt trong*
9 *các tỉnh Sài Gòn, Mỹ Tho chiếu nhiệm vụ phổ biến rộng rãi tuyên bố*
10 *này."*

11 Khi gửi văn thư vừa kể trên, Charner đã đính kèm thêm bản sao
12 lệnh phong tỏa và lệnh giới nghiêm này khiến cho phía người An
13 Nam phải rụng rời. Trong tác phẩm *Histoire de l'Expédition de*
14 *Cochinchine en 1861*, của Léopold Pallu de la Barrière có ghi lại
15 phản ứng của Nguyễn Bá Nghi khi phúc đáp cho Charner và được A.
16 Schreiner trích dẫn như sau :

17 *Cette nouvelle, dit Pallu, consterna les Annamites. Même après la*
18 *prise de Mỹ Tho, ils avaient continu d'espérer que les rigueurs de la*
19 *guerre ne les atteindraient pas dans un approvisionnement qui, pour*
20 *eux, est la première condition de la vie. Le Kinh lược se récria sur tant*
21 *de dureté, sur les faits accomplis, sur l' inflexibilité des conditions qui*
22 *lui étaient transmises, enfin sur cette nouvelle calamité (3 mai 1861).*
23 *"Depuis trois ans que vous nous faites la guerre, rien dans ce*
24 *malheureux empire n' a échappé aux coups que vous avez portés. Nos*
25 *magasins ont été incendiés, nos forteresses prises et démantelées, nos*
26 *bâtiments de guerre brûlés, notre commerce ruiné; nos jonques*
27 *chargées d'étoffes précieuses ont été coulées, nos soldats tués, nos*
28 *maisons détruites. Vous nous demandez de l' argent; nous sommes*
29 *devenus pauvres. Est-ce donc un spectacle agréable au Maître du*
30 *ciel que celui de tant de calamités donc vous êtes cause? Maintenant*
31 *vous arrêtez les riz; nos peuples mourront donc de faim."* Et à la fin,
32 non sans fierté: *"Puisque c' est la dernière ressource que votre*
33 *Excellence nous laisse, eh bien! nous trouverons encore des armes et*
34 *nous vous combattrons."*

35 Le vice-amiral répondit (7 mai 1861) *"qu' il ferait ses efforts pour*
36 *repousser les armes par les armes.*

37 **Tạm dịch:**

38 Tác giả Pallu nói rằng sự kiện mới mẻ này khiến cho người An
39 Nam bị sững sờ. Ngay cả vào lúc tỉnh Mỹ Tho đã bị chiếm cứ, họ
40 vẫn còn tiếp tục hy vọng rằng chiến tranh khắc nghiệt sẽ không đụng
41 tới nguồn thực phẩm mà đối với họ là điều thiết yếu số một cho cuộc
42 sống. Viên quan kinh lược cực lực phản đối về những chuyện đã rồi,

1 về tính cách không cơ giản của những điều kiện gởi tới cho ông và
2 nhất là tai họa mới nhận được (3 tháng 5 dl năm 1861). "*Kể từ sau 3*
3 *năm các ông gây chiến với chúng tôi, không có một cái gì trong đất*
4 *nước bất hạnh này thoát khỏi được những trận đánh phá của các ông*
5 *mang tới cho chúng tôi, kho lẫm của chúng tôi bị thiêu rụi, thành*
6 *quách bị đánh chiếm và giựt sập, tàu chiến bị đốt cháy, việc buôn*
7 *bán của chúng tôi bị sụp đổ, ghe thuyền chở hàng tư lự quý hiếm*
8 *của chúng tôi bị đánh chìm, quân binh của chúng tôi bị giết hại, nhà*
9 *cửa bị thiêu đốt. Các ông đòi tiền; chúng tôi trở thành bán cùng. Như*
10 *thế phải chăng là một cảnh tượng thú vị đáng lên cho đáng tạo hóa*
11 *với bao nhiêu tai họa do các ông gây ra? Nay các ông lại chặn ngăn*
12 *lúa gạo và người dân của chúng tôi sẽ bị chết đói."* Và cuối thư, với
13 lời lẽ không kém phần tự phụ: "*Và bởi vì đó là nguồn mạch cuối*
14 *cùng mà quan soái để lại cho chúng tôi, vậy thì chúng tôi còn có có*
15 *súng đạn, chúng tôi sẽ chiến đấu."*

16 Viên Phó đề đốc viết thư trả lời (ngày 7 tháng 5 dl năm
17 1861) rằng: "*ông ta sẽ cố gắng đẩy lui súng đạn bằng súng đạn*".

18 Tuy vậy, thư hồi đáp của Charner cũng chưa làm đổ vỡ
19 cuộc thương thảo giữa đôi bên và vào ngày 7 tháng 6 dl
20 năm 1861, Charner lại chuyển đến quân thứ Biên Hoà một
21 văn thư nhắc lại những điều kiện đòi hỏi để việc tái lập
22 hòa bình có thể thực hiện. Văn thư đó như sau:

23 "*J' aurais répondu moins tardivement à la terre que Votre*
24 *Excellence m' a fait l' honneur de m' adresser, si je n' avais été*
25 *persuadé que, dans ma précédente correspondance, j'ai fait*
26 *connaître, d'une manière détaillée, les bases d' après lesquelles nous*
27 *pourrions conclure une paix durable.*

28 *Toutefois, dans la crainte d' avoir commis quelque oubli, je vais*
29 *récapituler les conditions d' après lesquelles je dois traiter:*

- 30 1) *Libre exercice du culte chrétien.*
- 31 2) *Cession de Saigon et de sa province.*
- 32 3) *Cession de Mỹ Tho et du terrain qui l' entoure.*
- 33 4) *Cession de Thủ Dầu Một, dans la province de Biên Hòa.*
- 34 5) *Libre navigation des cours d' eau de l' Ouest.*
- 35 6) *Libre circulation des Européens dans l' intérieur de l' empire,*
36 *à la condition pour eux de se soumettre aux lois du pays.*
- 37 7) *Remise entre les mains du consul du port le plus voisin, de*
38 *Européens prévenus d' infraction aux lois.*
- 39 8) *Droit de représentation réciproque des deux souverains de*
40 *France et de Cochinchine à la cour l' un de l' autre.*
- 41 9) *Établissement de consulats et liberté donnée au commerce*
42 *européen dans les ports principaux.*

- 1 10) *Amnestie pour tous les faits relatifs à la guerre.*
- 2 11) *Indemnité de quatre millions de piastres.*
- 3 12) *Admission de l'ambassadeur espagnol à prendre part au traité*
- 4 *à intervenir.*

5 *Jusqu' à présent, Votre Excellence, ne tenant aucun compte des*
6 *faits accomplis, n'a approuvé que deux clauses, le libre exercice du*
7 *culte chrétien et l'admission de l'ambassadeur espagnol à prendre*
8 *part au traité.*

9 *Votre Excellence s'est plainte constamment de l'exagération de*
10 *mes demandes, mais tout en m'assurant de son vif désir de la paix,*
11 *elle a jusqu'à présent évité de formuler d' une manière précise les*
12 *concessions qu' elle consentirait à nous faire.*

13 *Votre Excellence a plusieurs fois fait remarquer qu'en retour des*
14 *avantages que nous réclamions, nous n'avions aucune compensation*
15 *à lui présenter, et que la cession de la province de Saigon équivalait à*
16 *celle de toutes les provinces de l' Ouest de la Basse-Cochinchine.*

17 *J'aurai l'honneur de répondre encore que la paix permettra à*
18 *l'empire d' Annam de faire sûrement et avantageusement le*
19 *commerce; de cesser d'être sous le coup de nouvelles attaques de*
20 *notre part; de pouvoir communiquer avec les provinces de l' Ouest,*
21 *qui sont exposées dans ce moment à échapper à sa domination.*

22 *Si la guerre, au contraire, se prolonge, la situation de l' empire ne*
23 *peut manquer de s'aggraver. Votre Excellence, sans nul doute, a dû*
24 *déjà remarquer cette tendance." (A.Schreiner; sách dã dẫn ; trang*
25 *208, 209).*

Tạm dịch:

26 *"Sở dĩ bản chức chưa hồi đáp ngay lá thư của ngài là vì bản*
27 *chức đình ninh rằng trong văn thư trước đây bản chức đã thông báo*
28 *đầy đủ chi tiết các cơ sở mà theo đó đôi bên chúng ta có thể dựa vào*
29 *để đi tới một kết cuộc hòa bình lâu bền.*

30 *Tuy nhiên, vì sợ rằng có điều thất thố, bản chức sẽ tổng hợp lại*
31 *các điều kiện mà bản chức cần bàn định:*

- 32 1) *Tự do theo đạo Gia tô.*
- 33 2) *Trao nhượng thành phố Sài Gòn và tỉnh thành Gia Định.*
- 34 3) *Trao nhượng tỉnh Mỹ Tho và các vùng đất phụ cận của tỉnh*
35 *này.*
- 36 4) *Trao nhượng Thủ Dầu Một nằm trong tỉnh Biên Hòa.*
- 37 5) *Tự do lưu thông trên sông rạch miền Tây.*
- 38 6) *Người Âu Châu tự do đi lại trong nội địa nước Đại Nam,*
39 *tuân thủ luật lệ của nước này*
- 40 7) *Giao nạp cho trú sĩ tại một cảng gần như những người Âu*
41 *châu vi phạm luật pháp.*

- 1 8) *Quyền đại diện hỗ tương giữa 2 vương quốc Pháp và Nam*
- 2 *Kỳ trước tòa án của mỗi nước.*
- 3 9) *Thiết đặt các trú sứ và quyền tự do thương mại cho người*
- 4 *Âu châu tại các thương cảng chính yếu.*
- 5 10) *Án xá cho tất cả những hành vi đã qua có liên hệ với chiến*
- 6 *tranh.*
- 7 11) *Bồi thường chiến phí bốn triệu đồng.*
- 8 12) *Thừa nhận cho đại sứ nước Tây Ban Nha được dự phần vào*
- 9 *việc ký kết hiệp ước.*

10 Cho đến nay, thượng quan vẫn không đếm xỉa gì tới thực tế đã
11 xảy ra mà chỉ chịu chấp nhận có 2 điều khoản là tự do truyền bá đạo
12 gia tô và thừa nhận cho đại sứ Tây Ban Nha được tham dự vào việc
13 đình ước.

14 Thượng quan cứ lập đi lập lại sự oán trách về những đòi hỏi mà
15 thượng quan cho là quá lớn của bản chức, và một mực chứng tỏ ước
16 vọng hòa bình của thượng quan nhưng cho đến lúc này thượng quan
17 vẫn tránh né đưa ra một phương thức chính xác về những nhân
18 nhượng mà thượng quan đồng ý trao cho chúng tôi.

19 Thượng quan đã nhiều lần lưu ý rằng những lợi lộc mà chúng tôi
20 đòi hỏi thì lại không có một khoản đền bù ngược lại từ phía chúng
21 tôi đề nghị với thượng quan, và thượng quan cho rằng trao nhượng
22 một tỉnh Sài Gòn không thôi thì cũng đủ ngang bằng với các tỉnh miền
23 Tây của Nam Kỳ.

24 Bản chức lại hân hạnh phúc đáp rằng hoà bình sẽ khiến cho
25 nước An Nam có được một nền thương mại vững mạnh, sẽ tránh cho
26 quý quốc không còn phải chịu những sự tấn công mới của chúng tôi,
27 sẽ khiến cho quý quốc có thể giao lưu với các tỉnh miền Tây mà hiện
28 nay được thoát khỏi sự thống trị của chúng tôi.

29 Ngược lại, vì bằng chiến tranh cứ kéo dài thì tình cảnh khốn đốn
30 của quý quốc càng trầm trọng thêm. Ngài thượng quan chắc hẳn là
31 đã phải nhận định tình thế theo chiều hướng đó."

32 Lời lẽ cuối thư phúc đáp của Charner vừa dẫn ra ở trên
33 đầy giọng hăm dọa chẳng hạn như "tránh được những sự
34 tấn công mới của chúng tôi", "Khiến cho quý quốc có thể
35 giao lưu với các tỉnh miền Tây hiện nay được thoát khỏi sự
36 thống trị của chúng tôi", ". . .chiến tranh kéo dài thì tình
37 trạng khốn đốn của quý quốc càng trầm trọng thêm."

1 Không những hăm dọa mà còn cho thấy được ý đồ
2 tham vọng xâm chiếm bành trướng lãnh thổ của đoàn quân
3 viễn chinh xâm lược Pháp-Tây Ban Nha ngay từ giai đoạn
4 này.

5 Trong văn thư hồi đáp, Charner có tham chiếu văn thư
6 của Nguyễn Bá Nghi trước đó gửi cho ông ta. Vậy Nguyễn
7 Bá Nghi đã viết gì trong văn thư đó? Không có thư tịch
8 hoặc sách vở nào chép lại các văn thư giao dịch của
9 Nguyễn Bá Nghi trong khi thương lượng với Charner. Tuy
10 nhiên, sách ĐTLCB của sử quán triều Nguyễn có ghi lại
11 những lời cố vấn của Trương Đăng Quế về việc Nguyễn
12 Bá Nghi giảng hòa làm kế hoãn binh như sau:

13 "*Trương Đăng Quế dâng sớ nói: Người Tây Dương ý muốn chiếm*
14 *đóng Gia Định, lại muốn cắt lấy tỉnh Tường tỉnh Biên, yêu cầu như*
15 *thế, sợ hòa cuộc không thành. Trừ ra việc chiến việc thủ, không có kế*
16 *gì khác. Nhưng các quan ở quân thủ, xét kỹ thực tình, nhiều người*
17 *kém khí hăng hái, nên cho Lê Quang Tiến, Thân Văn Nhiếp trích lấy*
18 *vài vệ biên binh trước phái đi hiện còn ở Thuận-Khánh để nhờ sức*
19 *mới, chia nhau phòng bị cố giữ. Đỗ Thúc Tĩnh, Nguyễn Túc Trưng*
20 *cũng giục đến ngay để làm công việc của các viên ấy, khiến cho An,*
21 *Hà, Vĩnh Long có chỗ nương tựa. Đây là việc cần cấp lúc bấy giờ.*
22 *Sức cho Nguyễn Bá Nghi lại viết thư cho Tây dương. (Thư nói: nước*
23 *Tây dương đến đây, chỉ vì thông thương, lập phố, Giảng đạo mà thôi.*
24 *Không phải là tham đất đai của ta, nay đã được như nguyện, lại muốn*
25 *cắt lấy Gia Định, là cứ làm sao? Nếu bảo là cứ lấy sức khỏe đánh mà*
26 *lấy, thì cứ chiếm cứ không trả lại, còn cần phải đợi nước ta cắt mà*
27 *giao cho làm gì? Hay là theo như việc cũ ở Quảng Đông (Trung*
28 *Quốc) người Hán người Tây dương chia nhau mà cai trị. Về thuế*
29 *khóa, trừ thuế dinh điền ra không kể, phạm thuế lệ thuyền buôn, đều*
30 *chia đôi. Tính từng năm thu lấy để đền vào phí tổn. Định Tường, Biên*
31 *Hòa mỗi tỉnh cho lập một phố để buôn bán. Như thế mới có thể giảng*
32 *hòa được. Nếu lấy sức mạnh mà chiếm cứ, sợ dân không theo, ngày*
33 *nay lấy thế tự lực mà bắt hiếp dân, ngày sau chẳng khỏi lại sinh ra*
34 *mối hiềm khích, tai họa binh đao không bao giờ thôi. Thực không*
35 *phải là phúc tốt của binh dân 2 nước. Đại Ý như thế). Xem Tây dương*
36 *trả lời thế nào, sẽ tùy nghi xử trí. Và lại, để đợi Quang Tiến, Thúc*
37 *Tĩnh đến, tìm nhiều cách chiêu tập dân binh, rồi tính cách khôi phục,*
38 *đấy là cách thứ 2." (ĐNTLCB; đệ tứ kỷ III; quyển XXIV, trang 208,*
39 *209, bản dịch, Hà Nội 1974).*

40 Rất có thể văn thư của Nguyễn Bá Nghi gửi cho

1 Charner đã dựa vào những chỉ thị và cố vấn của Trương
2 Đăng Quế và sau đó Charner mới phúc đáp với những lời
3 lẽ hăm dọa như đã dẫn chiếu ở phần trên. Từ những lời cố
4 vấn này của Trương Đăng Quế người ta có thể thấy được
5 rằng triều đình Huế đã có khuynh hướng chủ hòa thương
6 lượng nhưng vẫn tiếp tục chuẩn bị quân sự để chiến đấu và
7 cho rằng những thất bại về mặt quân sự là do các tướng
8 triều đình cầm quân yếu kém.

9 Trương Đăng Quế u mê về sức mạnh của quân đội xâm
10 lược Pháp cho nên mới đánh giá các tướng lãnh của triều
11 đình như thế: Nguyễn Tri Phương phải bỏ đồn Kỳ Hòa để
12 rút chạy về Biên Hoà nhưng không ai có thể phủ nhận
13 Nguyễn Tri Phương là một tướng lãnh tài ba đứng nhứt
14 triều đình vào lúc đó. Các tướng lãnh sau Nguyễn Tri
15 Phương nơi quân thứ Biên Hoà chưa được dịp đọ sức với
16 quân Pháp nhưng dấu vết run sợ đã thấy phản phát, điển
17 hình qua quan khâm sai đại thần Nguyễn Bá Nghi qua lời
18 trình tấu sau đây:

19 <<Thần vẫn nghe quan binh nói: người Tây dương tàu thì chở đi
20 như bay, súng thì bắn suốt được thành đá vài nhạ (1 nhạ = 8 thước
21 mộc; 1 thước mộc = khoảng 40cm), bắn xa hơn 10 dặm. Có được vài
22 thứ binh khí ấy, muốn đánh thì khó lòng đánh được họ mà muốn giữ
23 cũng khó lòng giữ được họ. Nhưng lòng thần vẫn chưa tin. Mùa Xuân
24 niên hiệu Thiệu Trị thứ 7 (1847) thuyền Tây dương đến Đà Nẵng bắn
25 phá 5 chiếc thuyền bọc đồng lớn của ta mà không đầy vài khắc. Lúc
26 ấy thần giữ chức quyền bố chánh Quảng Nam chính mắt đã trông
27 thấy mới tin là thật. Từ 3, 4 năm nay, lính ta không phải là không
28 dũng cảm, súng ta không phải là không mạnh, thành lũy của ta không
29 phải là không bền thế mà không đánh được Tây dương là vì thuyền
30 súng của họ rất tốt, đạn súng bắn đi xa mà mạnh đẩy thoi. Nhưng các
31 quan ở quân thứ, không biết liệu sức mình sức giặc mà cứ miễn cưỡng
32 đánh mãi, đến nỗi nay có việc thất bại ấy. Thần đến Biên Hoà xét thấy
33 tình thế nơi nơi đều nguy kịch. Không còn cách nào khác đành đành
34 phải người đến trách hỏi viên nguyên soái của Tây dương dù rằng
35 tạm làm kẻ hoãn binh, nhưng sự thật thì thần thấy sự thế, đánh hay
36 giữ đều không làm được. Nếu không chịu hòa thì cục diện sẽ không
37 yên. Trong tờ tấu trình trước, thần đã trình bày rằng trừ một cách
38 giảng hòa như thế, thần đành chịu tội mà thôi. Thần cũng đã tâu rằng
39 hòa thì dù có thua thiệt nhưng sự thế ở Nam Kỳ còn có thể làm được
40 và trong tình hình như thế, dù có nhiều lính cũng chưa dùng được. Là
41

1 vì người Tây dương cho là bấy lâu ta đối đãi với họ lạnh nhạt, họ bị
2 các nước láng giềng khinh bỉ. Cho nên họ đem quân đến đánh, bắt ta
3 phải hòa. Hãy xem như họ thường sai người đến nói trước, thì có thể
4 biết là họ định hòa. Và lại bờ biển của nước ta dài suốt, mà từ lúc
5 đánh nhau với họ đến nay, những lính thủy thuyền quân, vì tránh cái
6 nghề sở trường của họ đã bỏ đầy không dùng, thế là binh lực của ta
7 đã giảm đi một nửa, chỉ cậy có súng lớn và thành lũy làm kế đánh
8 giữ, mà việc đánh giữ lại khó làm lắm. Nay nếu không hòa, họ tất
9 nhiên không lui, chiến tranh tai hoạ liên miên, thân rất lấy làm sợ
10 ngại. Cho nên thần nói rằng trừ việc hòa ra, thân đành chịu tội, là thế
11 đó.

12 Lại xem trong khoảng niên hiệu Minh Mạng-Thiệu Trị tiết thứ
13 đánh giặc Khôi, đánh Xiêm La, Cao Man. Vì đất Nam Kỳ nhiều sông
14 ngòi, thủy binh cùng bộ binh tiếp ứng lẫn nhau. Các hạng thuyền hải
15 đạo, thuyền ô, thuyền lê, nhẹ nhàng nhanh chóng dùng rất tốt. Những
16 hạng súng lớn đạn nặng đều dùng thuyền lớn chở từ kinh đô đi đường
17 biển chở đến. Còn hết thảy tiền, gạo, khí giới và thuyền, các hạng đều
18 do 6 tỉnh cung ứng, lấy vào đâu cũng thừa thãi. Thế mà lấy toàn lực
19 như vậy, đánh một giặc Khôi phải 3 năm mới xong việc, dẹp một nước
20 Cao Man cũng 2 năm mới giảng giải xong.

21 Nay 2 tỉnh Gia Định, Định Tường là nơi quãng giữa trong 6 tỉnh,
22 trên từ bọn sơn man, dưới đến cửa biển, người Tây dương đã chiếm
23 giữ được cả; còn 3 tỉnh Vĩnh Long, An, Hà thì cách trở không thông,
24 Biên Hòa đã liền sát với bọn họ. Rừng lớn đằng sau, nói đến đất
25 man, rất là chỗ đứt ngang. Tuy 4 tỉnh ấy đều có thuyền, nhưng khó
26 đối địch với tàu của Tây dương được. Cho nên thần nói rằng dù cho
27 có nhiều thuyền quân cũng chưa dùng được là thế đó. Hiện nay Tây
28 dương đã chiếm cứ Gia Định, Định Tường, hòa hay không hòa, chỉ
29 một việc ấy ta đã thua thiệt rồi. Nếu hòa mà họ không trả lại 2 tỉnh ấy
30 thì ta chỉ có thua thiệt có bấy nhiêu thôi, mà Biên Hòa, Vĩnh Long, An
31 Giang, Hà Tiên còn là của ta, đường bộ đường biển có thể giao thông
32 được, để cứu cấp trước mắt, mà tính cách về sau. Nếu ta cho thế mà
33 thua thiệt mà không hòa thì họ có chịu ngồi yên đâu, cả 6 tỉnh Nam
34 Kỳ rồi cũng mất cả. Việc buôn bán trên sông, và việc vận tải đường
35 biển đều đứt mất cả. Chỗ đáng lo ngại khó nói ra được. Thần không
36 dám nói điều quá đáng. Cho nên thần nói rằng: hòa thì đâu thua thiệt
37 mà sự thế Nam Kỳ còn làm được, nếu không thì thần không biết chịu
38 tội vào chỗ nào, là thế đó. Ngày nay thế giặc như thế, hiện tình 6 tỉnh
39 như thế, việc đánh hay giữ không thể thì thố được. Không có sự thực
40 đánh giữ, chỉ phô trương hình thức, chỉ cho giặc chóng sinh lòng mà
41 thêm tổn hại thôi. Cho nên tôi gần đây không đắp đồn lũy, bớt việc
42 trưng lương gọi lính, là vì cơ đó. Đây là chủ ý của tôi. Duy quân Tây
43 dương yêu cầu quá đáng, tôi cố sức biện bạch, đã đến 4 lần, mà khi
44

1 thể của họ rất căng, giọng dã man. Thần đã lại nói như trước,
2 thực là có chỗ không tiện, không chịu nổi, cho nên chưa dám y theo.
3 Đã phái người đưa thư. Viên quan Tây dương ấy nói rằng: việc ấy
4 khó giải quyết, đợi 10 ngày nữa sẽ bàn lại. Và lại, cứ như phái nhân
5 trở về nói lại thì xem giọng nói, cách khoản tiếp của họ, cũng như
6 mấy lần trước, không có tình ý gì khác. Xem thế thì đủ biết ta không
7 sinh sự với họ thì họ cũng chưa vội lấn áp ta. Hãy đợi cho họ trả lời
8 thế nào, sẽ tùy cơ mà làm. Hiện nay sự thế 6 tỉnh Nam Kỳ như thế, chỉ
9 có một chữ hòa, còn có thể làm được. Nhưng nay hòa thì một khoản
10 mất đất, ta đã thua thiệt. Bởi họ cho là của họ đã lấy được rồi, họ
11 nhất vị cố giữ, ta kiếm lời biện bạch cũng khó. Còn các khoản khác ta
12 lấy lời lẽ biện bác, hoặc có thể bớt đi được. Cuối mong hoàng thượng
13 quyết đoán mà làm, để cứu đỡ nỗi khổ cho dân binh từ Quảng Nam,
14 Quảng Ngãi trở vào Nam. Nếu hoàng thượng không quyết đoán mà
15 làm hai mặt kia còn về phần hạ thần thì làm thư từ đi lại giảng thuyết;
16 còn về phần quân thứ và các tỉnh thì không dám trái lời của bộ, hoặc
17 phái người đi chiêu dụ binh dân, hoặc sửa đắp đồn lũy làm ra dáng
18 đánh giữ. Bên giặc dòm thấy ý ta không thực, lại có ý đánh hiệp ta.
19 Thế thì đánh không được, giữ không được, hòa cũng không được,
20 thần không biết xử trí làm sao cả".

21 Vua nói rằng: "**Sự thế khó làm, trẫm đã biết hết rồi.** Người có
22 lòng chịu trách nhiệm, nên hết sức mà làm, để tỏ khí tiết như cây khô
23 gặp cơn bão táp, là được. >> (ĐNTLCB đã dẫn; bản dịch; quyển
24 XXIV; trang 210, 211, 212, 213).

25 Tháng 6 **Âm năm Tân Dậu** (niên hiệu Tự Đức thứ 14)
26 (1861), ĐNTL ghi chép một đoạn văn rất là mờ ám như
27 sau:

28 " *Quan quân thứ Biên Hòa là bọn Nguyễn Bá Nghi*
29 *cùng với viên soái của Tây dương bàn, mật đem việc Tây*
30 *dương yêu cầu giảng hòa tâu lên. (Có 14 khoản chép ở*
31 *tháng 4 năm Tự Đức thứ 15 sau đây).*" (ĐNTLCB; sách đã
32 dẫn; trang 226).

33 Nghi vấn đặt ra là tại sao sử quán nhà Nguyễn không
34 liệt kê ra ngay 14 khoản đòi hỏi của quân xâm lược Pháp
35 gởi cho Nguyễn Bá Nghi vào lúc đó mà lại đợi đến gần
36 một năm sau (**tháng 4 Â.1, năm Nhâm Tuất**, niên hiệu Tự
37 Đức thứ 15/1862) mới chịu khai ra? Trong khoảng thời
38 gian gần 1 năm đó việc gì đã xảy ra? **14 khoản** đòi hỏi của
39 người Pháp gồm có những gì?

*

1 Trước hết cần lưu ý: văn thư phúc đáp của Charner chỉ
2 nêu ra có **12 khoản** và ĐNTL kê khai là **14 khoản**. Như
3 vậy có thể suy định rằng kể từ sau văn thư phúc đáp của
4 Charner, hai bên vẫn còn tiếp tục bàn bạc thương thảo và
5 phía người Pháp lại gửi một văn thư tiếp theo (có thể là
6 trong vòng tháng 6 à.1 năm Tân Dậu /1861) trong đó ghi **14**
7 **khoản**, tức là **đòi hỏi thêm 2 khoản** so với 12 khoản đòi
8 hỏi trong văn thư của Charner trước đó. Như vậy, người ta
9 thấy rằng càng kéo dài việc thương lượng thì quân xâm
10 lược càng đòi hỏi thêm và chính sự lấn lướt này của người
11 Pháp đã khiến cho Tự Đức nổi nóng quở trách Nguyễn Bá
12 Nghi và nhóm quân thứ ở Biên Hòa là nhút nhát chỉ thấy
13 chủ ý giảng hòa và lại cho rằng những người theo đạo gia
14 tô tiếp tay cho giặc ngoại bang:

15 *Vua dụ rằng: "Nguyễn Bá Nghi tự khi sai đi đến nay chỉ thấy chủ*
16 *ý giảng hòa, bởi vì không biết rằng muốn cẩn thận về sau phải suy*
17 *nghĩ tự trước, dễ dàng nhận lời, để đến nỗi càng thêm khó làm mà*
18 *thôi. Nay nếu không thi thố được việc gì, thì ra Tôn Thất Cáp đã lỡ*
19 *việc từ trước, Nguyễn Tri Phương lại làm hỏng việc ở khoảng giữa,*
20 *người lại không nên công trạng gì ở sau cùng. Còn có thể gọi là chân*
21 *tay tai mắt của vua vui buồn cùng liên quan với nhau được ư? Kể ra*
22 *cái nghĩa vua tôi ở khoảng trời đất, không sao trốn được. Ta trông*
23 *cậy về các người là ở lúc này, mà các người báo ơn nước cũng ở lúc*
24 *này. Cần phải cùng nhau báo ơn nước, làm giấy tờ đi lại, biện bác,*
25 *vận bẻ, lấy lòng thành mà cảm hóa, lấy lễ phải mà bẻ bác đi, cốt cho*
26 *điều gì họ cũng nghe theo. Lại chọn chỗ núi rừng hiểm xa, đặt đồn để*
27 *giữ cho vững, chiêu tập các nghĩa sĩ, để mọi người vui làm việc với ta,*
28 *chỗ nào cũng đều là lính, là lương. Nếu có sa sảy cũng không đến nỗi*
29 *thua to như trước. Đây cũng là cách làm thần diệu cho chóng thành*
30 *hòa nghị đó. Nếu lại bỏ việc đánh, việc giữ, thì có kế gì tốt hơn để chế*
31 *ngự họ.*

32 *Và lại, Nguyễn Bá Nghi hiểu việc nhanh giỏi, Tôn Thất Đình, Lê*
33 *Quang Tiến dũng cảm hăng hái, Thân Văn Nhiếp siêng thẳng kháng*
34 *khải, Trần Đình Túc tài biện khả quan, Trẫm đã chọn ra để dùng,*
35 *mong mỏi rất nhiều. Các người nên hết lòng báo ơn nhà nước cho*
36 *chóng thành công, tất được thưởng rất hậu. Nếu không làm thế nào*
37 *để che được cái lỗi các quan quân thứ lần trước, thì đều là một hạng*
38 *vô dụng, không có mặt mũi nào trông thấy ta nữa".*

39
40 *Vua cho là Nguyễn Bá Nghi chỉ cứ nhất vị nhút nhát, không từng*
41 *lập kế giữ gìn huân sức các tướng sĩ bao giờ. Nhân dụ quở rằng: "Về*

1 cách dụng binh, địa lợi nhân hòa, không thể thiếu một mặt nào. Nay
2 toàn cõi Biên Hòa, há không có chỗ nào có thể đông đồn giữ được,
3 bao nhiêu binh đồng, há đều là vô dụng hay sao. Chỉ bởi tướng không
4 tự cố gắng, thì quân không có chí chiến đấu. Nguyễn Bá Nghi làm
5 việc đã rất sơ sài khinh suất, mà Tôn Thất Đình, Lê Quang Tiến, Thân
6 Văn Nhiếp, Trần Đình Túc, Nguyễn Túc Trung cũng không thi thố
7 được mưu chước gì cả. Nếu quân bị tan rã thì trốn sao khỏi tội. Vậy
8 bọn người phải hết lòng trù tính mà làm, cốt giữ lấy Biên Hòa cùng
9 Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên để giữ vững cõi ven của ta Rồi sau
10 hoặc đánh, hoặc hòa sẽ dần dần lấy lại 2 tỉnh Gia Định, Định Tường.
11 Trẫm đã ủy cho bọn người được chuyên việc đánh dẹp, cho được bày
12 mưu kế ra mà làm, chớ có quên lãng." (ĐTLCB, sách đã dẫn, trang
13 226,227,228)

14 Cùng một lúc đó, Tự Đức đã sức nhắc lại các địa
15 phương phải nghiêm ngặt chia ghép dân theo đạo Gia tô,
16 bắt phủ huyện thích chữ vào mặt họ, ghép họ đến ở vào các
17 xã thôn không có đạo và phải quản thúc họ thật nghiêm.
18 Những chức sắc đạo gia tô vẫn tiếp tục bị giam cầm thật
19 chặt chẽ. Nếu quân Pháp đến nơi nào thì đem dân theo đạo
20 gia tô ở nơi đó mà giết cho hết. Phủ huyện nào chứa chấp
21 bao che cho dân theo đạo gia tô thì chiếu theo quân luật mà
22 trị tội. (ĐNTLCB đã dẫn; trang 227). Dân đạo ở Biên Hòa
23 là Phạm Văn Đệ bị ghép tội làm tay sai gián điệp cho Pháp,
24 Nguyễn Thị Tòng, Nguyễn Văn Bôi bị khép tội tiếp tế giao
25 thông với giặc xâm lược. Tuần phủ Nguyễn Đức Hoan
26 dâng sớ xin đem 3 người ấy chém ngay. Tự Đức y cho thi
27 hành tức thì. (ĐTLCB đã dẫn; trang 229).

28 Như trên đã đề cập, sách thực lục của nhà Nguyễn vào
29 tháng 6 â.l năm Tự Đức thứ 14 (Tân Dậu/1861) có nói tới
30 việc người Pháp đưa ra 14 khoản đòi hỏi nhưng lại thêm
31 rằng (14 khoản này chép ở tháng 4 â.l năm Tự Đức thứ 15)
32 (Nhâm Tuất/1862) sau đây), tức là gần 10 tháng sau sách
33 thực lục mới chịu viết ra nội dung của 14 khoản đòi hỏi
34 này.
35

*

36 Có 3 điểm cần truy cứu:

37 1/- Nội dung của 14 khoản đòi hỏi của người Pháp?

1 2/- Trong vòng 10 tháng đó có những biến động gì đã
2 xảy ra?

3 3/- Nội dung của 12 điều khoản trong định ước Nhâm
4 Tuất (1862)

5 A/ Nội dung của 14 khoản đòi hỏi của 6 quân xâm lược Pháp do sách thực lục ghi lại:

7 1 - Cho tàu Tây dương tự do thông hành ở trên các mặt
8 sông thuộc về phía tây phía nam thành Gia Định.

9 2 - Tha cả cho các người tù thuộc về trong thời đánh
10 nhau.

11 3 - Ở mặt sông Biên Hòa, Sài-gòn không đắp đồn lũy
12 đặt quân phòng bị.

13 4 - Cho được truyền giáo giảng đạo công hành. Vì 2
14 chữ công hành đó, cốt là: họ người nào theo đạo, được tùy
15 tiện giảng tập, người nào muốn tiến theo học đạo cho giỏi,
16 thì mặc sự thích muốn của họ không nên đặt phép ngăn
17 trở.

18 5 - Người Tây dương phạm luật, giao cho quan Tây
19 dương xét xử.

20 6 - Người Tây dương công nhiên đi khắp nơi trong
21 nước ta, nhưng phải tuân theo đúng điều luật.

22 7 - Tàu Tây dương buôn bán ở cửa biển nào thuận lợi,
23 và quan Tây dương đóng ở nơi nào.

24 8 - Phải bồi thường tiền đền mạng cho thân nhân 2, 3
25 người Tây dương đã bị giết chết.

26 9 - Nước Cao Man, từ sau không được bắt họ cống hiến
27 nữa.

28 10 - Giao hết cả tỉnh thành và đất phụ thuộc của Gia
29 Định, Định Tường.

30 11 - Đóng quân ở Thủ dầu một tỉnh Biên Hòa.

31 12 - Kinh sư của 2 nước đều có quan đại thần đóng ở.

32 13 - Số bạc bồi thường trước đòi 400 vạn đồng.

33 14 - Cùng là nước Y Pha Nho xin ở một khu Đồ Sơn
34 tỉnh Hải Dương, cửa huyện Nghiêu Phong lập sở tuần lầy
35 thuế 10 năm, sau sẽ trả lại nước ta.

1 So sánh với 12 khoản đòi hỏi trong văn thư đề ngày 7
2 tháng 6 d.l năm 1861 của Charner gửi cho Nguyễn Bá Nghi
3 (xin xem lại văn thư 12 khoản này ở phần trên nơi trang
4 1835 và 1836) thì thấy có sự thay đổi nhưng số khoản đòi
5 hỏi lần này tăng lên 2 khoản và đáng chú ý là các khoản 8,
6 9 và 14.

7 **Về khoản thứ 8, bồi thường tiền đền mạng cho thân**
8 **nhân 2, 3 người Tây dương đã bị giết chết:** thực lực
9 không ghi rõ 2, 3 người Tây dương là ai nhưng vào tháng 6
10 â.l năm Tân Dậu (1861) có ghi chép vụ 3 người theo đạo
11 gia tô bị xử chém: *Dân đạo ở Biên Hòa là Phạm Văn Đệ bị ghép*
12 *tội làm tay sai gián điệp cho Pháp, Nguyễn Thị Tông, Nguyễn Văn*
13 *Bồi bị khép tội tiếp tế giao thông với giặc xâm lược. Tuần phủ Nguyễn*
14 *Đức Hoan dâng sớ xin đem 3 người ấy chém ngay. Tự Đức y cho thi*
15 *hành tức thì.* (ĐTLCB đã dẫn; trang 229).

16 Tháng 8 â.l, Tân Dậu (1861), Thanh Hóa lùng bắt được
17 2 giáo sĩ ngoại quốc tên là Xay Da-tô Bô-ni-e và Ma Tô
18 Bông, quan tỉnh và viên phủ đều được khen thưởng.
19 (ĐNTL; sách đã dẫn, trang 237) .

20
21 Tháng 10 â.l, Tân Dậu (1861), tỉnh Bình Định bắt được
22 một giáo sĩ ngoại quốc tên là Y-ty-Anh. (ĐNTL, sách đã
23 dẫn trang 245). Từ sự ghi chép này người ta có thể suy diễn
24 rằng:

25 ❖ - 2, 3 người Tây dương bị giết chết được đề cập nơi
26 khoản 8 chính là 2 giáo sĩ bị bắt ở Thanh Hóa và 1 bị bắt ở
27 Bình Định.

28 ❖ - Văn thư 14 khoản của Charner được gửi tới quân
29 thứ Biên Hòa sau tháng 10 â.l năm Tân Dậu (khoảng tháng
30 10 hay tháng 11 dương lịch 1861 bởi vì sau đó Charner đã
31 bàn giao chức vụ thống soái cho Bonard vào ngày 30 tháng
32 11 d.l năm 1861).

33 **Về khoản thứ 9: Nước Cao Man, từ sau không được**
34 **bất hộ công hiến nữa.** Khoản đòi hỏi này như định là
35 phải xảy ra sau khi vua nước Cao Miên Norodom đã bắt
36 đầu chịu khuất phục đoàn quân viễn chinh xâm lược Pháp
37

1 ở Sài Gòn bởi vì ngày 21 tháng 3 d.l năm 1861 Charner
2 phái phó thuyền trưởng Lespès mang một lá thư sang
3 Kampot để chiêu dụ vua Cao Miên Norodom và ngay sau
4 đó vua Cao Miên đã cử một sứ đoàn 80 người mang lễ vật
5 xuống Sài Gòn gặp Charner để xin chịu thần phục và nhờ
6 người Pháp che chở hầu thoát khỏi ảnh hưởng của 2 nước
7 Đại Việt và Xiêm La. (Nguyễn Công Tánh, *Việt Sử Tân*
8 *Khảo Chú Giải và Khảo Luận V*, trang 1394 và trang 1404
9 phần chú thích số 14.) Nội dung lá thư của Charner gửi cho
10 vua Cao Miên như sau:

11 *"Les derniers événements de la Cochinchine sont parvenus à la*
12 *connaissance de Votre Majesté. Elle sait que les troupes franco-*
13 *espagnoles ont chassé les Annamites des lignes de Chí Hòa, que*
14 *Saigon est dégagé et que l'armée ennemie vaincue s'est dispersée*
15 *dans toutes les directions. Les populations des environs, à de grandes*
16 *distances sont venues faire leur soumission et accepter la protection*
17 *qui leur était offerte.*

18 *L'intention de la France est de conserver sa conquête, de fonder*
19 *dans la Basse-Cochinchine une colonie et d'y apporter tous les*
20 *bienfaits de la civilisation européenne.*

21 *Le Cambodge a toujours eu avec la France des relations d'*
22 *amitié. J'espère que nos rapports, en devenant plus fréquents,*
23 *deviendront aussi plus intimes.*

24 *Comme commandant des forces de terre et de mer en*
25 *Cochinchine, et comme représentant de la France, je viens assurer*
26 *Votre Majesté de nos meilleures intentions à l'égard du royaume du*
27 *Cambodge et réponsone aux avances da paix et d'amitié que le Roi,*
28 *vosre père, sire, a souvent faites au représentant du noble Empereur*
29 *des Français à Saigon.*

30 *J'ai l'honneur d'informer aussi Votre Majesté, que je compte,*
31 *dans un temps peu éloigné, porter nos forces sur Mỹ-Tho et m'*
32 *emparer de cette place, dernière défense des Annamites vers le*
33 *Cambodge.*

34 *Le commandant de l'avisio de sa Majesté Impériale, le*
35 *Norzagaray, pourra entrer en communication avec vosre Majesté, si*
36 *tel est son désir.*

37 *J'offre à Votre Majesté" (A. Schreiner, sách đã dẫn; trang*
38 *183).*

39 Theo nội dung của lá thư này gửi cho vua Cao Miên,
40 người ta thấy ngay người Pháp đã có ý đồ thiết lập chế độ
41 thực dân thuộc địa trên vùng Nam Kỳ hạ (*L'intention de la*

1 *France est de conserver sa conquête, de fonder dans la*
2 *Basse-Cochinchine une colonie et d' y apporter tous les*
3 *bienfaits de la civilisation européenne), đang chuẩn bị*
4 *đánh chiếm Mỹ Tho và để rảnh tay đối phó với triều đình*
5 *Huế, người Pháp đã dùng lời ngon ngọt để chiêu dụ người*
6 *Cao Miên theo về phe với họ trước khi họ tung quân đi*
7 *chiếm lần thêm đất đai của nước Đại Nam (*que je compte,**
8 *dans un temps peu éloigné, porter nos forces sur Mỹ-Tho*
9 *et m' emparer de cette place, dernière défense des*
10 *Annamites vers le Cambodge.)*

11 Như vậy có thể suy định thêm được một điều khác là
12 văn thư trả lời của Charner với 14 khoản đòi hỏi kể trên
13 được gửi đến cho Nguyễn Bá Nghi sau ngày 21 tháng 3 d.l
14 năm 1861, sau khi sứ đoàn 80 người Cao Miên xuống Sài
15 Gòn mang theo lễ vật để cống sứ cho quan soái Charner.
16 Và có thể là, Nguyễn Bá Nghi đem văn thư 14 khoản này
17 tâu trình về triều đình ngoài Huế để Tự Đức cùng các quan
18 đại thần của Cơ Mật Viện bàn bạc quyết định và Trương
19 Đăng Quế đã cố vấn đường hướng cho Nguyễn Bá Nghi áp
20 dụng trong cuộc thương lượng tiếp tục với người Pháp.

*

21 **B/ Trong vòng 10 tháng đó có những biến động** 22 **gì đã xảy ra?**

23 Như trên đã đề cập, sách thực lục của nhà Nguyễn vào
24 tháng 6 â.l năm Tự Đức thứ 14 (Tân Dậu/1861) có nói tới
25 việc người Pháp đưa ra 14 khoản đòi hỏi nhưng lại thêm
26 rằng (*14 khoản này chép ở tháng 4 â.l năm Tự Đức thứ 15*
27 *(Nhâm Tuất/1862) sau đây*), tức là gần 10 tháng sau sách
28 thực lục mới chịu viết ra nội dung của 14 khoản đòi hỏi đó.
29 Trong khoảng thời gian này (từ tháng 6 â.l/ Tân Dậu/ Tự
30 Đức thứ 14/1861 đến tháng 4 â.l/ Nhâm Tuất/ Tự Đức thứ
31 15/ 1862) có những biến động gì đã xảy ra để cho tên tuổi
32 của ông Phan Thanh Giản bắt đầu xuất hiện trên chính
33 trường ngoại giao để tiếp nhận một trách vụ đội đá vá trời,
34 một trách vụ nặng nề ngang với một bản án tử hình khốc

1 liệt mà kẻ tử tội đang mỗi ngày mỗi giờ đếm từng bước
2 chân của mình trên những bậc thang đưa lên đoạn lầu đài.

3 Tân Dậu, *Tự Đức năm thứ 14* (1861), tháng 6 âm, Tự
4 Đức lập lại lệnh truyền cho các địa phương phải nghiêm
5 nhật tách, ghép các tín đồ đạo Gia tô: thích chữ vào mặt,
6 quản thúc cho nghiêm, giam nhốt thật gắt gao những giáo
7 sĩ, nếu người Tây dương tới nơi thì đem đem những kẻ
8 theo đạo ấy giết cho hết. Phủ huyện nào còn dung túng đến
9 nổi sinh ra việc lo ngại thì nhất định là phải chiếu quân luật
10 trị tội.

11 Tân Dậu, *Tự Đức năm thứ 14* (1861), tháng 7 âm, cho
12 Đoàn Thọ thăng thụ Trung quân Đô thống sung làm chức
13 phòng hộ sứ ở đồn cửa biển Thuận An.

14 Từ quân thứ Biên Hòa, Nguyễn Bá Nghi và Trần Đình
15 Túc dâng tập tâu trình tình hình Biên Hòa yếu ớt đơn độc,
16 không thể vừa đánh vừa giữ được, cuộc giảng hòa lại
17 không thành, xin giảm bớt quân thứ và phái người đi cầu
18 viện nước ngoài. Tự Đức trách cứ, cho rằng hai người
19 chưa thi hành nhiệm vụ đúng mức.

20 Biên Hòa và Vĩnh Long trở thành những căn cứ địa để
21 chiêu mộ dân quân kháng chiến chống Pháp. Ngay cả ở
22 trong các vùng của quân Pháp tạm chiếm cũng có những ổ
23 kháng chiến. Mạnh và nhiều nhất là ở Gò Công.

24 Tri huyện Toại trước kia cai trị Gò Công, nay chiêu mộ
25 hơn 600 dân phu đồn điền và chiến binh thất trận ở đồn
26 Kỳ Hòa, tổ chức thành một lực lượng kháng chiến chống
27 Pháp. Đêm 21 tháng 6 d.l rạng ngày 22 d.l năm 1861, dân
28 quân kháng chiến dưới quyền của huyện Toại tấn công đồn
29 phòng thủ của Pháp ở Gò Công. Đồn này do một sĩ quan
30 hải quân Pháp là Paulin Vial và 27 quân sĩ trú đóng. Kế
31 hoạch tấn công của huyện Toại bị nội gián thông báo trước
32 cho Paulin Vial. Cuộc tấn kích thất bại: quân kháng chiến
33 rút lui để lại chiến trường 14 xác chết trong số này có xác
34 của huyện Toại. Phía quân Pháp thì Paulin Vial bị trọng
35 thương và một pháo thủ bị tử trận.

36 Qua ngày hôm sau, một tổ kháng chiến khác ở Gò Công
37 do Trương Định cầm đầu lại tấn công quân Pháp nhưng bị

1 quân trú phòng của Pháp đẩy lui. Lực lượng kháng chiến
2 của Trương Định gây lo sợ và bối rối cho quân binh Pháp
3 miền Tây: giết chết bá hộ Huy vì Huy được quân Pháp giao
4 cho cai quản một tổng ở huyện Đông Sơn trong tỉnh Gò
5 Công mặc dù bá hộ Huy là bạn thân của Trương Định;
6 truyền rao xử tội những xã trưởng theo và hợp tác với
7 người Pháp.

8 Ở vùng Mỹ Tho thì có tổ kháng chiến của tri phủ Cậu,
9 của thiên hộ Dương cùng nhiều tổ kháng chiến nhỏ khác,
10 tất cả đã gây khốn đốn không ít cho quân binh đồn trú của
11 Pháp đồng thời các tổ chức kháng chiến cũng là một trở
12 ngại cho việc đàm phán hòa bình của 2 bên bởi vì người
13 Pháp nghi ngờ rằng phía triều đình Đại Nam dụng kế hoãn
14 binh, một mặt không chính thức phản công trực tiếp nhưng
15 lại xúi ngầm và yểm trợ cho các tổ chức kháng chiến đánh
16 phá trong khi vẫn kéo dài cuộc hoà đàm.

17 Tháng 8 â.l (1861), Thanh Hóa lòng bắt được 2 giáo sĩ
18 ngoại quốc. Quan tỉnh và viên phủ đều được thưởng gia
19 thăng một cấp.

20 Tuần phủ Gia Định là Đỗ Quang tâu trình về thành tích
21 đánh phá chống quân Pháp của lực lượng kháng chiến do
22 cựu phó quản cơ Gia Định là Trương Định cầm đầu. Tự
23 Đức cất nhắc cho làm quản cơ rồi lãnh chức phó lãnh binh
24 với số dân quân hơn 6,000 người dưới quyền, chia thành 6
25 cơ đội.

26 Tri phủ Phước Tuy Nguyễn Thành Ý và thuộc hạ Phan
27 Trung cũng mộ được 2 cơ cộng chung 4,000 người.

28 Hai con của vua Cao Miên Nặc Ong Đôn là Ong Bướm,
29 Ong Lan tranh nhau quyền nối nghiệp.

30 Tháng 10 â.l (1861), án sát sứ Nguyễn Văn Nhã cùng
31 với quân kháng chiến của tri phủ Cậu tấn công quân đồn
32 trú Pháp ở Cái Bè và Cai Lậy: phía Pháp có 50 người bị
33 bắn hạ đa số là lính tập đánh thuê cho Pháp.

34 Tỉnh Bình Định bắt được một giáo sĩ ngoại quốc tên là
35 Y-ty-Anh (ĐNTLCB; sách đã dẫn, trang 245)

36 Ở miền Đông, tình hình kháng chiến không mạnh như ở
37 miền Tây. Nhưng quân đồn trú của Pháp ở Thủ Dầu Một

1 luôn phải đưa quân tuần tiêu quanh vùng thường xuyên để
2 đánh dẹp quân kháng chiến. Trong 3 tháng cuối năm d.l
3 1861, các đồn bót của Pháp ở Thủ Dầu Một bị tấn công
4 mạnh trong những ngày 15, 21 tháng 10 d.l và những ngày
5 19, 21 tháng 11 d.l và ngày 1 tháng 12 d.l khiến cho 2 sĩ
6 quan, 3 pháo thủ thuyền chiến, hai trợ tá người địa phương
7 bị tử trận và 5 lính tập đánh thuê bị thương. Phía kháng
8 chiến và quân binh có 150 người bị tử trận.

9 Trong bài viết *l' Extrait du Journal d' un officier*
10 *détaché à Mỹ Tho* (trích Nhật Ký của một sĩ quan công tác
11 ở Mỹ Tho) do tác giả người Pháp M. de Grammont ghi lại
12 tình hình xáo động do dân quân kháng chiến gây ra quanh
13 vùng Mỹ Tho từ 29 tháng 8 d.l năm 1861 đến 30 tháng 11
14 d.l năm 1861 như sau:

15 -29 tháng 8 d.l - Đồn Cai Lậy do Chassériau trú đóng bị
16 tổ kháng chiến của đốc phủ Cựu tấn công.

17 -4 tháng 9 d.l - Đồn Bourdais vùng kinh Bảo Định cách
18 Mỹ Tho 3 dặm bị dân quân kháng chiến tấn công; phó hạm
19 trưởng Mac-Dermott được phái tới để truy kích.

20 -5 tháng 9 d.l - Chặn bắt ghe chở vũ khí cho kháng
21 chiến.

22 -14 tháng 9 d.l - Pháp hành quân bình định trong vùng
23 tứ giác (có thể là vùng đồng bằng nằm trong vùng tứ giác
24 sông Mé Kong - sông Vàm Cỏ Tây - biển Đông -nước Cao
25 Miên) để truy lùng phủ Cựu.

26 15 tháng 9 d.l - Phủ Cựu đích thân chỉ huy tấn kích đồn
27 Cai Lậy.

28 21 tháng 9 d.l - Tàu chiến Norzagaray chở quân tăng
29 viện Tây Ban Nha .

30 22 tháng 9 d.l - Cánh quân thứ nhì của Pháp do
31 Desvaux chỉ huy bắt đầu hành quân.

32 23 tháng 9 d.l - Thuyền chiến *Soledad* (một loại thuyền
33 thuyền buồm nhẹ) đã được đưa xuống hoạt động trong
34 vùng sông Rạch Gầm (Mỹ Tho) từ 15 ngày qua nay lãnh
35 công tác mở đường dẹp bỏ các chướng ngại vật vùng kênh
36 Thuộc Nhiêu.

1 25 tháng 9 d.l - Tái chiếm Mỹ Quý; cha của Phủ Cậ bị
2 bắn chết.

3 28 tháng 9 d.l - Cánh quân thứ nhì (do Desvaux chỉ
4 huy) trở về hậu cứ.

5 29 tháng 9 d.l - Hành quân vùng sông Vàm Cỏ Tây để
6 truy lùng những kẻ sát nhân thị trưởng tỉnh Gò Công.

7 14 tháng 10 d.l - Pháo thuyền Gougerad pháo kích đồn
8 Cái Thia (Mỹ Lương - Mỹ Đức).

9 22 tháng 10 d.l - Truy kích phiến quân vùng rạch Cà
10 Hôn (vùng hạ lưu sông Mỹ Tho).

11 30 tháng 10 d.l - Đụng trận với quân phiến loạn ở Rạch
12 Gầm: 22 người An Nam bị thương.

13 3 tháng 11 d.l - Đụng trận với phiến quân phiến loạn ở
14 Rạch Gầm: 14 người An Nam bị thương.

15 9 tháng 11 d.l - Hành quân tuần thám vùng Mỹ Quý -
16 Phú Mỹ.

17 14 tháng 11 d.l - Hoạt động phiến loạn lại tái phát ở
18 vùng sông Vàm Cỏ.

19 15 tháng 11 d.l - Quan lại của triều đình gia tăng thuế ở
20 vùng Mỹ Tho cũ.

21 17 tháng 11 d.l - Những manh nha lẻ tẻ như cướp bóc
22 nhắm vào ngay cả những người Tây phương, dọc đường
23 phục kích đội trưởng chỉ huy đồn Cai Lậy.

24 28 và 30 tháng 11 d.l - Nhiều hoạt động khác cùng với
25 các vụ thiêu đốt ở các vùng ngoại vi. (A. Schreiner; sách đã
26 dẫn; trang 215, 216).

27 **Tháng 11 â.l, Tân Dậu (1861)**, thủy sư đề đốc Bonard
28 sang thay thế Charner (Charner bàn giao chức vụ cho
29 Bonard ngày 30 tháng 11 d.l năm 1861) và Bonard tuyên
30 bố ngay rằng quân Pháp sẽ tiến chiếm Biên Hòa và nếu cần
31 sẽ tiến thẳng ra kinh đô Huế (đây là lời tuyên bố hiếu chiến
32 và cao ngạo của đô đốc Bonard khi vừa mới đặt chân lên
33 lãnh thổ của nước Đại Nam. Nguyên văn như sau: "*Nous*
34 *allons marcher sur Biên Hoà et, s' il le faut, nous irons à*
35 *Huế*" (**tạm dịch:** Chúng ta sẽ tiến chiếm Biên Hòa và nếu
36 cần, chúng ta sẽ đi ra Huế) (A.Schreiner; đã dẫn; trang

- 1 222), ra lệnh quân binh chuẩn bị chu đáo cho cuộc hành
- 2 quân.



*Phó đề đốc Charner, tư lệnh hạm đội tàu chiến của Pháp
trên vùng biển Trung Quốc*
(Ảnh trích đăng từ tập san BAVH/Đô Thành Hiếu Cỏ/1932)

Trong thời gian chờ đợi sắp xếp chuẩn bị, Bonard ra lệnh cho thuyền trưởng Lespés chỉ huy tuần dương hạm Norzagaray ra chiếm hữu và thiết lập chủ quyền của Pháp trên đảo Côn Sơn.

***Hỏa hồng trên sông Nhật Tảo**

Sáng ngày 10 tháng 12 d.l năm 1861, sau khi chiến hạm của Lespés vừa khởi hành đi Côn Sơn thì ở Mỹ Tho quân kháng chiến do Nguyễn Trung Trực chỉ huy đã lập kế giả làm thuyền buôn trên sông Vàm Cỏ, áp sát đến gần tàu chiến L'Espérance đang bỏ neo ở địa phận thôn Nhật Tảo

và hơn 150 quân kháng chiến bất ngờ nhảy lên tấn công binh lính Pháp trên tàu. Quân Pháp nhảy xuống sông để trốn và tẩu thoát: 17 lính Pháp bị giết, chỉ có 5 thủy thủ và 3 lính Phi Luật Tân thoát chết. Một số người dân địa phương ở thôn Nhật Tảo bị quân kháng chiến trừng phạt giết chết vì hợp tác với quân Pháp, nhà cửa của những người này bị thiêu hủy.

***Đồng loạt khởi dậy**

1 Cuộc tấn kích của Nguyễn Trung Trực trên sông Nhật
2 Tảo là ngọn lửa châm ngòi cho những cuộc nổi dậy đồng
3 loạt của quân kháng chiến để tấn công đốt phá đồn bót của
4 quân Pháp ở khắp nơi từ ngày 14 đến 30 tháng 12 d.l năm
5 1861: Tân An, Cần Giuộc, Gò Công ngày 14/12 d.l ; Gia
6 Thạnh ngày 18 ; Cái Bè ngày 20 và 25 ; Rạch Gầm ngày
7 29 ; Rạch Cả Hòa ngày 30. Quân kháng chiến bị thiệt hại
8 nhiều trong chiến dịch tổng tấn công này. Những người địa
9 phương hợp tác với Pháp để làm việc trong tổ chức hành
10 chánh cai trị trong các vùng Pháp chiếm đóng đều bị quân
11 kháng chiến giết chết.

***Quân xâm lược Pháp-Y Pha Nho đánh chiếm Biên Hòa**

12 Quân Pháp khởi sự tấn công đánh chiếm Biên Hòa.
13 Điểm xuất quân có thể chọn từ 3 nơi: 1/ từ Thủ Dầu Một,
14 2/ từ Sài Gòn qua con đường cái quan Sài Gòn-Biên Hòa, 3/
15 từ Sông Sài Gòn dùng thủy lộ qua con sông Đồng Nai.

16 Không thể xuất quân từ Thủ Dầu Một vì không có
17 phương tiện để vượt ngang sông Đồng Nai lại thêm có đồn
18 binh Mỹ Hòa của Đại Nam án ngữ do đó Bonard chọn 2
19 đường tiến quân từ Sài Gòn qua đường cái quan Sài Gòn-
20 Biên Hòa và bằng thủy lộ sông Đồng Nai.

21 Trước khi ra lệnh tấn công Biên Hòa, Bonard gửi một
22 tối hậu thư đến quân thứ Biên Hòa. Thư trả lời từ quân thứ
23 Biên Hòa không đáp ứng được những đòi hỏi của Bonard
24 và do đó Bonard phát hiệu lệnh tấn công vào ngày 14 tháng
25 12 d.l năm 1861.

1 -Cánh quân thứ nhất theo đường cái quan thẳng tiến
2 đến đồn Mỹ Hoà.

3 -Cánh quân thứ 2 tiếp nối cánh quân thứ 1 để đến thôn
4 Tân Phú.

5 - Cánh quân thứ 3 do tàu chiến của Pháp ở sông Sài
6 Gòn ra sông Nhà Bè rồi tiến ngược lên sông Đồng Nai.

7 -Cánh quân thứ 4 cũng theo thủy lộ để đến thôn Gò
8 Công.

9 -Các thuyền chiến Renommée, Alarme và Ondine có
10 nhiệm vụ dọn dẹp các chướng ngại vật trong lòng sông
11 Đồng Nai và cá pháo đồn dọc theo 2 bên bờ.

12 Chỉ hơn một tiếng đồng hồ sau khi sau pháo hiệu tấn
13 công, liên quân Pháp-Y Pha Nho đã chiếm được đồn phòng
14 thủ ở Gò Công.

15 Bốn pháo đồn trên bờ sông Đồng Nai pháo kích liên hồi
16 lên pháo hạm Alarme. Cánh quân thứ 3 của Pháp do hạm
17 trưởng Lebris chỉ huy dùng ghe đổ bộ quân lên bờ tấn công
18 các pháo đồn này, quân đồn thứ bỏ pháo đồn chạy thoát
19 thân. Các tàu chiến tiếp tục suốt đêm để khai thông các
20 chướng ngại vật trong lòng sông Đồng Nai và phải mất 2
21 ngày 2 đêm dọn dẹp lòng sông mới có thể lưu thông an
22 toàn tiến thẳng về hướng Biên Hòa. Chỉ huy cánh quân thứ
23 1 là Comte bị tử trận khi tiến sát đến cánh trái của điểm
24 kháng cự Mỹ Hòa. Chỉ huy cánh quân thứ 2 từ Gò Công
25 được lệnh tiếp tục tấn công vào cánh phải Mỹ Hòa trong
26 khi pháo binh từ các chiến hạm bắn vào trung tâm điểm
27 của cứ điểm này. Quan binh Đại Nam bị tấn công từ 3
28 phía: vì không thể cầm cự lâu hơn quân binh Đại Nam rồi
29 loạn bỏ Mỹ Hòa rút chạy vào thành Biên Hòa. Các cứ điểm
30 tiền đồn phòng thủ thành Biên Hòa bên phía phải lưu ngạn
31 sông Đồng Nai đều bị liên quân Pháp Y Pha Nho chiếm
32 đóng. Bonard liền ra lệnh chuẩn bị thu xếp chuyển quân
33 sang bờ trái sông Đồng Nai để tiến chiếm thành Biên Hòa.
34 Đích thân Bonard xuống pháo thuyền Ondine và cùng với
35 một pháo thuyền khác do thuyền trưởng Jonnart tiến đến
36 trước mặt thành Biên Hòa để quan sát. Đại pháo trong
37 thành bắn ra; pháo thuyền của Jonnart bắn trả vào thành:

1 tiếng súng trong thành chấm dứt và một cụm khói đen
2 trong thành bốc lên cao. Trời về tối, quan Pháp chưa thể
3 đổ bộ lên bờ. Sáng hôm sau, đội quân tiên sát Pháp-Y Pha
4 Nho tiến vào thành Biên Hòa không gặp phải một sức
5 kháng cự nào. Khi quân Pháp tìm thấy hằng trăm tù nhân
6 đạo Gia tô bị thiêu sống trong một trại giam họ mới biết
7 được lý do tại sao có cột khói trong thành bốc lên cao vào
8 đêm hôm qua.

9 Chiến lợi phẩm quân Pháp tịch thu gồm có 48 khẩu đại
10 pháo, 15 ghe buồm đánh trận, vô số gỗ quý. Trong trận
11 này, liên quân xâm lược chỉ có 2 người chết và một số bị
12 thương không đáng kể. Thiếu tá Y Phan Nho Domenech
13 Diégo chỉ huy cánh quân thứ 2 được chỉ định giữ chức
14 tỉnh trưởng Biên Hòa để tiếp tục các chiến dịch bình định
15 trị an. (A.Schreiner; sách đã dẫn; trang từ trang 222 đến trang 229).

***Quân xâm lược Pháp-Y Pha Nho tiếp tục tiến chiếm Phước Tuy (Bà Rịa)**

16 Khi thành Biên Hòa bị hải quân Pháp-Y Pha Nho pháo
17 kích và trước khi họ tràn vào chiếm thành, phó đề đốc
18 chương vệ Lê Quang Tiến cùng với bộ chỉ huy quân thứ bỏ
19 thành Biên Hòa rút quân về Bà Rịa-Phước Tuy. Các tổ
20 chức kháng chiến chống Pháp không còn thể yểm trợ của
21 quân binh triều đình ở Biên Hòa-Tây Ninh cho nên đa số
22 rút về miền Tây, hợp cùng với các tổ chức kháng chiến ở
23 đây để bao vây đánh phá các đồn bót của Pháp chung
24 quanh các vùng phụ cận của tỉnh Mỹ Tho.

25 Ngày 4 tháng 1 d.l năm 1862, tất cả đồn bót ở những
26 vùng đất phía Tây thành Mỹ Tho đều bị quân kháng chiến
27 bao vây. Quân kháng chiến của phủ Cậu chuẩn bị đánh Cái
28 Bè nhưng bị quân Pháp bao vây trên tuyến đường tiến quân
29 Cái Bè-Cai Lậy. Ngày 6 tháng 2 d.l năm 1862, phủ Cậu bị
30 bắt giải về Mỹ Tho và bị xử tử treo cổ ngay ngày hôm sau
31 để thị uy các phong trào kháng chiến và làm vững lòng tin
32 những người Đại Nam địa phương đang hợp tác với Pháp.
33 Việc xử tử phủ Cậu không có hiệu lực làm giảm bớt

1 những cuộc nổi dậy của quân kháng chiến nhưng ngược
2 lại, những cuộc đánh phá của quân kháng chiến càng nhiều
3 hơn và táo bạo hơn. Ngày 10 tháng 2 d.l năm 1862, quân
4 kháng chiến đánh phá đồn Gò Công và cô lập đồn Gia
5 Thạnh; ngày 11 đánh phá đồn Rạch Gầm. Ngày 22 tháng 2
6 d.l 1862 đốt cháy đồn Rạch Cà Hôn rồi lại tấn công đồn
7 Rạch Gầm; ngày 28 các đồn của Pháp ở Cái Bè, Cai Lậy,
8 Thuộc Nhiêu, Rạch Gầm đều bị quân kháng chiến chiếm
9 đóng cùng một lúc và tàu chiến *Sham Rock* của Pháp cũng
10 bị phóng hỏa. Kết quả của những cuộc nổi dậy khắp nơi
11 của quân kháng chiến ở miền Tây khiến cho quân Pháp
12 phải bỏ các đồn bót để rút về thành Mỹ Tho lo việc phòng
13 thủ cho thành này và tăng cường phòng thủ hai đồn quan
14 yếu Cái Bè và Cần Giuộc.

15 Trong khi các lực lượng kháng chiến đánh phá các nơi
16 ở miền Tây thì tại Biên Hòa; Bonard ra lệnh cho các tàu
17 chiến chuyển vận thủy binh, bộ binh, cùng với quân Y Pha
18 Nho tiến đánh Bà Rịa, dùng ghe nhỏ chuyển quân theo
19 rạch Gành Hào, tạm dừng quân tại một thôn thuộc làng
20 Long Điền vào ngày 7 tháng 1 d.l năm 1862. Một đoàn
21 quân tiên thám với hỏa lực mạnh tiến sát đến thành Bà Rịa
22 khoảng 2,000 mét và nổ súng nhưng quân tiền đồn do táng
23 lý quân vụ Văn Đức Đái chỉ huy đã chống cự thật dũng
24 mãnh khiến cho quân Pháp phải tạm thời rút lui quay trở
25 lại Long Điền để chờ qua đêm. Trong đêm, sau khi tàn sát
26 một số phạm nhân đạo Gia tô bị giam nhốt trong thành,
27 phó đề đốc chương vệ Lê Quang Tiến bỏ thành Bà Rịa rút
28 quân về hướng Đông và lập phòng tuyến tại làng Phước
29 Thọ cách Bà Rịa khoảng 15 cây số và một tiền đồn ở Long
30 Lập ở khoảng 10 cây số hương Đông Bắc Bà Rịa. Quân
31 Pháp truy kích, quân triều đình tan vỡ, Lê Quang Tiến rút
32 chạy ra làng Phước Bửu rồi theo đường cái quan ra Cù Mỹ
33 giáp ranh tỉnh Bình Thuận. Cả tỉnh Biên Hòa dưới quyền
34 kiểm soát của liên quân xâm lược Pháp-Y Pha Nho.

35 Về việc quân xâm lược Pháp đánh chiếm thành Biên
36 Hoà và phủ Phước Tuy (Bà Rịa), sách ĐNTL ghi như sau:

1 Người Tây dương đánh lui quân thứ Biên Hòa, vào chiếm đóng
2 tỉnh thành. Từ khi Nguyễn Bá Nghi khâm sai thống lĩnh quân vụ,
3 đóng ở bên tả tỉnh thành Biên Hòa (xứ Tân Lại) để bảo vệ cho tỉnh
4 thành, lấy xứ Thạch Hãn thuộc về phận sông Long Đại làm nơi phòng
5 thủ cốt yếu, lấy hạt phủ Phúc Tuy làm đường vận lương, quan báo
6 cho các tỉnh Gia Định, Định Tường cùng làm thanh viện với nhau. Đã
7 đến 7, 8 tháng nay tâu báo hơn 10 lần. Vua đã thăm hỏi các lời bàn
8 của đình thần, nhiều lần huấn dụ rằng: cốt ý lấy sự hòa hiếu làm
9 quyền nghi tạm thời, mà đánh giữ làm thực vụ. Thế mà ý riêng của Bá
10 Nghi chủ ở giảng hòa, không sửa sang việc phòng thủ. Kịp khi người
11 Tây dương động quân mới xin đòi gọi binh lính. Đến đây quân Tây
12 dương dùng thuyền quân chặn đóng con đường ở Gia Định, Định
13 Tường đi đến; lại đánh giữ 2 cửa biển Cần Giờ, Phúc Thắng, luôn
14 mấy ngày đánh phá vào xứ Thạch Hãn (các ngày 15, 16) quân lui giữ
15 phủ Phước Tuy. Thuyền quân của Tây dương nhân nước triều thẳng
16 tiến đến tỉnh thành (ngày 17) dùng súng lớn bắn phá vào thành. Tỉnh
17 thần, và bọn Nguyễn Đức Hoan (tuần phủ), Lê Khắc Cần (án sát,
18 nguyên tên là Cần) thế không chống nổi cũng lui đóng ở đồn mới Hồ
19 Nhĩ. Quân Tây dương vào chiếm lấy thành, lại tiến sát phủ Phước
20 Tuy đánh bắn. Bá Nghi lại lui về đóng ở phận rừng Long Kiên, Long
21 Lập, thuộc phủ Phước Tuy. Việc tâu lên, vua nghiêm trách các quan ở
22 quân thứ, và ở tỉnh, rồi gia ơn cho cách lưu, để mưu báo hiệu sau
23 này. (ĐTLCB, sách đã dẫn, trang 255, 256).

24 Sau khi Biên Hòa bị mất vào tay người Pháp, triều đình
25 Huế khai phục chức Binh bộ thượng thư cho Nguyễn Tri
26 Phương sung đồng suất quân vụ Biên Hòa thay thế Nguyễn
27 Bá Nghi, Tôn Thất Cáp (Hiệp) cho khôi phục Binh bộ thị
28 lang phụ tá Biên Hòa quân vụ và Nguyễn Công Nhân trước
29 kia bỏ thành chạy khi Định Tường thất thủ bị cách chức,
30 nay được khôi phục quân cơ sung đốc binh đi theo phụ tá
31 việc quân cho Nguyễn Tri Phương. Lại cấp thêm 2,000
32 quân để Nguyễn Tri Phương đưa vào tăng cường cho quân
33 binh ở Cù Mỹ, Bình Thuận.

34 Nhâm Tuất, *Tự Đức thứ 15*, tháng 1 â.l (1862), cho
35 tổng đốc Quảng Nam-Quảng Ngãi là Đào Trí sung chức
36 Kinh lý đại thần, đốc biện những công việc vận tải lương
37 thực khí giới để phòng bị từ Quảng Nam đến Bình Thuận.

38 Sau khi đánh chiếm Bà Rịa, tàu chiến của Pháp tiếp tục
39 tuần thám vịnh biển Phan Rí - Bình Thuận và đánh chìm

1 nhiều ghe thuyền chuyên vận quân lương(1) của triều đình
2 tiếp tế cho quân thứ ở Bình Thuận.

3 Tháng 2 â.l (1862), giáng Nguyễn Bá Nghi xuống làm
4 tham tri sung chức phụ tá quân vụ hiệp cùng Nguyễn Tri
5 Phương bàn việc quân vụ ở Bình Thuận.

6 Dụ sai tỉnh thần Gia Định. Định Tường là Đỗ Quang,
7 Đỗ Thúc Tĩnh, phó lãnh binh là Trương Định cùng nhau
8 phối hợp binh triều đình với quân kháng chiến để chống
9 Pháp.

***Liên quân xâm lược Pháp - Y Pha Nho đánh chiếm tỉnh thành Vĩnh Long**

10 Ngày 5 tháng 3 d.l năm 1862, quân kháng chiến ở miền
11 Tây đốt cháy pháo thuyền số 25 và một đại đội binh sĩ của
12 Pháp trên pháo thuyền đó bị tiêu diệt: 35 chết, 17 trọng
13 thương. Ngày 6 tháng 3 d.l năm 1862, thành Mỹ Tho bị
14 quân kháng chiến tấn kích lần thứ 3; từ 9 đến 12 tháng 3 d.l
15 năm 1862 một phong trào chống đối của quần chúng đã
16 diễn ra tại Cầu An Hạ nhưng đã bị quân Pháp thẳng tay dẹp
17 tắt; ngày 13 tháng 3 d.l năm 1862 quân kháng chiến lại tấn
18 kích thành Mỹ Tho trong khi quân Pháp chuẩn bị tiến đánh
19 thành Vĩnh Long.

20 Ngày 21 tháng 2 â.l năm Nhâm Tuất, *Tự Đức thứ 15*, (
21 23 thán 3 d.l năm 1862), liên quân Pháp-Y Pha Nho đánh
22 chiếm thành Vĩnh Long. Trước đây, một tuần sau khi Định
23 Tường thất thủ, Pháp cho tàu 5 máy chia nhau đi trên thủy
24 phận sông Vĩnh Long để dò thám và đến thả neo đậu ở bờ
25 sông gần tiền đồn Thanh Mỹ. Quan đầu tỉnh Vĩnh Long là
26 Trương Văn Uyển một mặt phòng bị nghiêm cẩn một mặt
27 chuyển thư sang cho đối phương hạch hỏi lý do vì sao họ
28 cho tàu đi tuần thám gây hấn như thế, để dùng kế hoãn
29 binh. Ngày 20 tháng 3 d.l năm 1862, quân Pháp đưa 2 tàu
30 tuần thám, 9 phóng pháo hạm(3) đến bỏ neo đậu trên sông,
31 gần tiền đồn Vĩnh Tùng, cho hơn 1,000 quân lên bộ đào
32 đắp hào lũy và công sự chiến đấu.

1 Liên trong 2 ngày 20 và 21 tháng 2 â.l năm Nhâm Tuất
2 (22 tháng và 23 tháng 3 d.l năm 1862) quân Pháp từ dưới
3 sông, trên bộ đánh phá bắn vào các đồn sở Thanh Mỹ,
4 Vĩnh Tùng. Quân binh triều đình chống cự không được, lần
5 lược bị tan loạn. Tàu chiến Pháp liền tiến thẳng đến bờ
6 sông tỉnh thành Vĩnh Long dùng trọng pháo bắn liên tục
7 vào các điểm phòng thủ ở 2 mặt Đông và Tây.

8 Quân lính trong thành Vĩnh Long bị thương vong nặng
9 nề, số còn lại đều bỏ thành tháo chạy cả. Khi trời vào đêm,
10 quân Pháp tạm ngưng pháo kích. Quan đầu tỉnh Trương
11 Văn Uyên lợi dụng đêm tối phóng lửa đốt các dinh thự,
12 kho tàng, đạn dược rồi bỏ thành tỉnh rút lui quân ra đóng ở
13 đồn bảo Vĩnh Trị.

14 Ngày 21 â.l năm Nhâm Tuất (23 tháng 3 d.l năm 1862)
15 quân Pháp ung dung tiến vào tỉnh thành không gặp một sức
16 kháng cự nào của quân triều đình rồi tiếp tục truy kích và
17 tiến đến đồn bảo Vĩnh Trị, Trương Văn Uyên lại kéo quân
18 rút lui ra huyện Duy Minh. Tất cả viên chức thuộc quân
19 thứ Vĩnh Long đều bị triều đình trách phạt. Quân Pháp tịch
20 thu được 68 súng ống đủ hạng cỡ, đạn dược và rất nhiều
21 gạo thóc quân lương.

22 Mặc dù quân chính quy của triều đình Đại Nam đã rút
23 khỏi 2 tỉnh thành Mỹ Tho và Vĩnh Long nhưng các tổ
24 chức kháng chiến cùng một số quân binh của triều đình tại
25 2 nơi này vẫn tiếp tục hoạt động khuấy phá và tấn kích
26 quân Pháp nhất là tại vùng Mỹ Quý ở Mỹ Tho. Sau khi
27 chiếm thành Vĩnh Long, quân Pháp cử đại tá Y Pha Nho
28 Palanca Guithierez dẫn một lộ quân hỗn hợp cùng với
29 thuyền trưởng Desvaux mở chiến dịch bình định vùng Mỹ
30 Quý ở Mỹ Tho rồi theo đường cái quan dẫn quân về Sài
31 Gòn. Các hoạt động đánh phá của kháng chiến vẫn tiếp
32 tục.

33 Ngày 6 tháng 4 d.l năm 1862, quân kháng chiến đánh
34 vào Chợ Lớn ở vùng Phú Lâm, tiêu diệt một đồn bót của
35 Pháp, đe dọa trại binh của Pháp tại đồn Ô Ma khiến dân
36 chúng Sài Gòn náo động. Quân Pháp lại phải mở chiến
37

1 dịch tảo thanh quanh vùng Sài Gòn-Chợ Lớn-Cần Giuộc
2 nhưng không thể tiến sâu thêm xuống vùng Gò Công hiện
3 thuộc quyền kiểm soát của lãnh binh Trương Định và quân
4 kháng chiến.

5 Ở miền Đông, quân Y Pha Nho do đại tá Domenech
6 Diego chỉ huy cũng phải hành quân bình định liên tục các
7 vùng quanh Biên Hòa, Tây Ninh, Trảng Bàng để đẩy lui
8 các nhóm kháng chiến về hướng Tây Bắc.

9 Tháng 3 âm năm Nhâm Tuất (1862), có người tên là
10 Nguyễn Thanh, người huyện Phụng Nhãn nguyên là
11 chánh tổng, tục gọi là Cai tổng Vàng, theo đạo Gia tô tự
12 phong là nguyên soái, suy tôn một nhân vật tự cho là thuộc
13 dòng họ nhà Hậu Lê tên là Huân (Uân) lên làm vua rồi hô
14 hào dân chúng ở Bắc Kỳ nổi dậy chống lại chính quyền của
15 nhà Nguyễn ở Quảng Yên. Số người theo Huân hơn ngàn
16 người, xâm đánh phủ hạt Lạng Giang, đốt phá làng mạc,
17 cướp phá mùa màng. Phó lãnh binh Tôn Thất Trụ đem
18 quân tiêu trừ nhưng thất bại. Quân nổi dậy của Huân tiến
19 đánh vào các huyện hạt Yên Dũng, vây hãm tỉnh thành.
20 Thanh thế của Huân càng lúc càng lan rộng, chiếm thành
21 Bắc Ninh, đánh phá các hạt Kinh Môn, Bình Giang, Ninh
22 Giang, quan binh triều đình phải thay phiên nhau đưa quân
23 đánh dẹp không ngơi nghỉ. Ngoài ra còn có giặc thổ phi ở
24 các vùng biên Trung Hoa tràn sang cướp phá phủ Vĩnh
25 Tường ở Sơn Tây, ở Thất Khê thuộc Lạng Sơn; tín đồ Gia
26 tô nổi dậy ở hạt Kiến Thụy thuộc Hải Dương và Lạng
27 Giang thuộc Bắc Ninh.

28 Trước đây khi liên quân xâm lược Pháp-Y Pha Nho
29 đánh Quảng Nam - Đà Nẵng vào năm Tân Dậu (1861),
30 trong số lính tập do Pháp tuyển mộ có Tạ Văn Phụng người
31 miền Bắc, theo đạo Gia tô. Trong khi còn ở trong hàng ngũ
32 của binh đội Pháp, Tạ Văn Phụng đã lén lút man trá loan
33 truyền ra Bắc Kỳ để báo cho khối người theo đạo gia tô
34 biết rằng quân xâm lược Pháp sẽ tiếp tay để họ nổi dậy
35 chống lại quan binh của triều đình ở miền Bắc. Việc loan
36 báo này bị người Pháp khám phá và vì sợ bị trách phạt cho
37 nên Tạ Văn Phụng phải bỏ hàng ngũ lính tập để trốn ra Bắc

1 Kỳ rồi mạo nhận là dòng dõi nhà Hậu Lê, tự xưng làm
2 minh chủ, cùng với một giáo sĩ tên là Trương Chiêu mộ
3 người nổi dậy ở Quảng Yên, thông đồng với giặc cướp
4 biển tâu ô người Hoa và thổ phi trên đất Trung Hoa ở vùng
5 biên giới gây bạo loạn khắp nơi, vây đánh thành Hải
6 Dương, số người hưởng ứng đi theo lên đến hơn 20,000.
7 Vào những tháng dương lịch đầu năm 1862, Tạ Văn
8 Phụng hầu như kiểm soát hết một vùng lãnh thổ rộng lớn
9 phía ở Đông, quan binh triều đình không thể đánh dẹp.
10 Trong lúc thanh thế đang lên, Tạ Văn Phụng đã cho người
11 vào Sài Gòn đề nghị với Bonard tiếp viện và hậu thuẫn để
12 lật đổ nhà Nguyễn và nước Đại Nam của Tạ Văn Phụng sẽ
13 đặt dưới quyền đô hộ của người Pháp. Đề nghị của Phụng
14 không được Bonard nghe theo.

*

15 Tháng 4 âm lịch năm Nhâm Tuất (1862), trong lúc tình hình
16 bất ổn ở Bắc Kỳ không thể giải quyết, Bonard lại sai hạm
17 trưởng tàu chiến Forbin là Simon đến cửa biển Thuận An
18 (đầu tháng 5 dương lịch năm 1862) để đưa thư liệt kê 3 điều kiện
19 tiên quyết để hòa đàm:

20 1/ - Trong vòng 3 ngày phải trả trước cho người Pháp
21 100,000 quan tiền bồi thường chiến tranh tính ra lạng bạc;

22 2/ - Để cho Pháp đặt người của họ toàn quyền cai quản
23 trên các vùng đất hiện do Pháp tạm chiếm;

24 3/ - Trong vòng 8 ngày phải cử đại diện để hòa đàm với
25 Pháp.

26 Phan Thanh Giản, Trần Tiễn Thành đem việc ấy trình
27 lên. Triều đình bàn bạc và phải chịu chấp nhận những đòi
28 hỏi tiên quyết số 1 và số 3 của Pháp. Thuyền trưởng Simon
29 trở về Sài Gòn mang theo 2 điều kiện tiên quyết của Pháp
30 được triều đình Huế chấp nhận. Sau đó Simon trở ra Thuận
31 An. Triều đình Huế cử Phan Thanh Giản và Lâm Duy Hiệp
32 làm chánh, phó sứ toàn quyền đại thần để hội nghị với
33 người Pháp. Khi sắp đi, Tự Đức rút rượu riêng của mình
34 ban cho và dụ rằng đoàn sứ không được nhận điều khoản
35

1 tự do truyền đạo Gia tô và không được nhượng thêm đất.

2 Ngày 24 tháng 4 â.l (1862) Phan Thanh Giản và Lâm
3 Duy Hiệp đi thuyền *Thụy Nhạc* uy vệ ra cửa biển Hội An,
4 qua tàu Forbin gặp Simon trao 100,000 quan tiền trả trước.
5 Sau đó tàu Forbin hộ tống thuyền Thụy Nhạc vào Gia
6 Định.

7 Ngày 30 tháng 4 â.l (26 tháng 5 d.l năm 1862), đoàn sứ
8 Đại Nam tới Sài Gòn. Cuộc đàm nghị mở ra liên tục cho
9 đến ngày **9 tháng 5 â.l năm Nhâm Tuất (5 tháng 6 d.l**
10 **năm 1862)** thì 2 bên ký định ước. Các điều khoản của định
11 ước này phải được triều đình nước Đại Nam và triều đình
12 nước Pháp thông qua trong vòng 1 năm.

13 Ngày 11 tháng 5 â.l (7 tháng 6 d.l năm 1862), đoàn sứ
14 Đại Nam đi thuyền về, đến Huế vào ngày 14 tháng 6 â.l
15 (10/6 d.l/1862).

16 Xem xong bản định ước 12 khoản, Tự Đức đã quở trách
17 Phan Thanh Giản và Lâm Duy Hiệp và cho rằng 2 viên
18 quan này "*không những là người có tội với triều đình nhà*
19 *Nguyễn mà còn mắc tội đối với nghìn muôn đời vầy!*" rồi
20 đưa xuống cho đình thần bàn xét.

21 Sau khi bàn xét đình thần phúc tâu như sau: về khoản
22 cắt đất và trả tiền bồi thường chiến tranh thì Phan Thanh
23 Giản và Lâm Duy Hiệp đã thỏa thuận rồi nhưng phần nhiều
24 chưa hợp. **Nhưng vì đây là một bản điều ước mới định,**
25 **nếu vội sửa đổi ngay, sợ họ còn tức khí, chưa chắc đã**
26 **nghe theo ngay. Xin đề nghị để 2 viên quan ấy ở gần**
27 **liên lạc với người Pháp bàn tính để họ chậm chước lần**
28 **lần và cũng là để 2 viên quan đó có dịp chuộc lại lỗi**
29 **lầm đã nhượng đất và chịu trả quá nhiều tiền bồi**
30 **thường; đề nghị bắt tội họ vì không chu toàn trách nhiệm**
31 **được giao phó từ trước. Tự Đức cho rằng nếu bắt tội Phan**
32 **Thanh Giản và Lâm Duy Hiệp thì không thể tìm được**
33 **người khác có khả năng như họ để nhận lãnh trách nhiệm**
34 **hoà nghị và do đó giao cho Phan Thanh Giản lãnh tâu phủ**
35 **Vĩnh Long, Phan Duy Thiếp (Hiệp) lãnh chức tuần phủ**
36 **Thuận- Khánh nhưng 2 người vẫn phải tiếp tục trách vụ**
37 **đàm phán với người Pháp để chuộc tội.**

1 **"Sự thế khó làm, trăm đã biết hết rồi."**, Tự Đức và
2 đám quan đại thần thủ cựu chậm tiến lơ láo nơi triều đình
3 Huế đã biết rõ tình thế không thể cứu vãng được nữa vậy
4 mà vẫn tiếp tục u mê đeo đuổi ý đồ vừa ném đá dẫu tay
5 vừa đàm phán hòa bình với quân xâm lược. Quân xâm lược
6 đã thấy rõ được thực lực tồi tệ, chết nhát của quân đội
7 triều đình nhà Nguyễn, họ chiếm lấy thành quách của nước
8 Đại Nam như lấy đồ vật từ trong túi áo, gót chân xâm lược
9 của họ như đi vào chỗ không người, vậy thì cần gì họ phải
10 thương thuyết và nhượng bộ. Việc triều đình Huế bao che
11 và yểm trợ cho nhóm dân quân kháng chiến làm sao có thể
12 qua mắt được quân xâm lược khi mà họ có những người
13 dân bản xứ bị chính quyền Đại Nam bách hại vì vấn đề đạo
14 giáo theo về phía họ để báo cáo, chỉ điểm, cung cấp tin tức
15 những hoạt động ngấm ngầm của nhóm quân kháng chiến
16 được triều đình Huế yểm trợ và bao che. Quân xâm lược
17 cũng biết tương kế tựu kế hoãn binh của triều đình Huế để
18 dưỡng binh và chờ đợi tăng viện để thực hiện thêm những
19 bước tiến quân về các vùng đất mới của Đại Nam. Họ có
20 thiệt hại về nhân mạng trong các trận chiến vừa qua, họ có
21 bị khốn đốn bệnh hoạn do thời khí gây ra nhưng với số lực
22 lượng hiện tại của họ cũng dư sức cầm chung hoặc đánh
23 bại những nhóm giặc cỏ lẻ tẻ ô hợp, kém trang bị mà sử
24 sách cũ gọi là dân quân kháng chiến miền Nam nổi dậy
25 chống quân xâm lược cầm đầu bởi các quan chức địa
26 phương của triều đình Huế bị bại trận và đang bị quân
27 Pháp truy lùng khắp nơi. Sự hiện hữu của những nhóm
28 kháng chiến rời rạc, không có sự phối hợp, mà quân xâm
29 lãng gọi là **"đám giặc cướp"** chính là cái cớ rất hữu lý để
30 quân xâm lược vênh vào đó hầu chiếm thêm đất đai của
31 nước Đại Nam sớm hơn dưới chiêu bài an ninh tự vệ chính
32 đáng.

*

33 ***"không những là người có tội với triều đình nhà Nguyễn***
34 ***mà còn mắc tội đối với nghìn muôn đời vậy !"*** rồi đưa
35 ***xuống cho đình thần bàn xét.***

1 Như vậy là ông Phan Thanh Giản và ông Lâm Duy
2 Hiệp đã bắt đầu mang tai tiếng, đã bắt đầu bị Tự Đức và
3 nhóm triều thần ngồi mát ăn bát vàng ở Huế quy một trọng
4 tội đối với triều đình và nghiêm trọng hơn nữa là mắc tội
5 đời đời với hậu thế.

6 Từ trước tới nay người ta không hiểu Tự Đức và mấy
7 ông quan mê ngủ chậm tiến hòa nhau đổ tội cho hai ông
8 Giản và ông Hiệp về tội gì? Tội bán nước cầu vinh? Tội tự
9 ý dâng đất nước cho giặc ngoại xâm? Tội đầu hàng quân
10 xâm lược một cách vô điều kiện? Tội hèn nhát làm nhục
11 quốc thể vì không dám lớn tiếng tuyên chiến với giặc Tây?
12 Hay là lời kết tội của Tự Đức chỉ là một hình thức cả vú
13 lấp miệng em để khỏi mang tiếng với hậu thế là một ông
14 hoàng đế bất lực vô tài của dòng họ nhà Nguyễn Phúc?
15 Không lẽ Tự Đức và cái triều đình co ro ở Huế không biết
16 được một sự thật hàng cửu là kẻ thua trận không có quyền
17 đòi hỏi hoặc đặt điều kiện với kẻ chiến thắng?

18 "**Rồi đưa xuống đình thần bàn xét**", họ bàn xét cái gì?
19 ĐNTLCB ghi vụ bàn xét này như sau: "*Phúc tấu là: về*
20 *khoản cắt đất bồi ngân, 2 viên ấy đã làm, phần nhiều chưa*
21 *hợp. Nhưng điều ước mới định, nếu vội sửa đổi ngay, sợ họ*
22 *còn tức khí, chưa chắc đã nghe ngay. Xin chuyên trách 2*
23 *viên ấy ở gần bàn tính châm chước dần dần để chuộc lỗi*
24 *trước, hãy đợi khi sai sứ tới hỏi, nhân cơ mà châm chước*
25 *nghĩ định. Nhưng lại cho là xếp đặt không giỏi. Xin bắt tội.*
26 *Vua nói: bây giờ há có người hiền tài nào mà đổi hết được*
27 *du? Bèn cho Thanh Giản lãnh tổng đốc Vĩnh Long, Duy*
28 *Thiếp (Hiệp) lãnh tuần phủ Thuận - Khánh cùng với tướng*
29 *nước Phú biện bác để chuộc tội ."* (ĐTLCB đã dẫn, trang
30 305)

31 "**Phần nhiều chưa hợp**" là sao? Thế nào mới gọi là
32 hợp? Theo tiêu chuẩn hoặc định mức nào? "**Sợ họ còn tức**
33 **khí**", "**nhân cơ mà châm chước**", "**xếp đặt không giỏi**",
34 sử quán nhà Nguyễn chỉ cần ghi lại bấy nhiêu đó cũng đủ
35 cho hậu thế thấy được hình ảnh của những vị đại quan tá
36 quốc vô tích sự của triều đình nhà Nguyễn dưới quyền của

1 một ông vua tối ngày thơ phú văn chương, phung phí tài
2 sản nhân lực quốc gia, một tập đoàn phong kiến dốt nát về
3 ngoại giao, đui mù về kinh tế, hèn yếu run sợ không có
4 đảm lược khi phải đối phó trực diện với kẻ địch, không có
5 một đường lối chính sách quốc phòng rõ rệt mà chỉ biết áp
6 dụng phương cách thừa cơ, mưu mô xảo quyệt, kỳ kèo trả
7 giá của hạn con buôn trực lợi. Quân đội thì chỉ biết áp dụng
8 chiến thuật chưa đánh đã chạy cùng với chiến lược bỏ
9 thành, bỏ đất, bỏ dân cho địch kiểm tỏa. Một ông hoàng đế
10 như thế, với một bộ tham mưu như thế, với một quân đội
11 như thế thì nhiều lắm cũng chỉ đối phó được với những
12 nhóm nổi loạn địa phương hoặc hơn thêm một chút thì chỉ
13 có thể phùng xòe ăn hiệp vài nước nhỏ láng giềng bán khai
14 trên bán đảo Ấn Hoa chứ có thể nào mà đối đầu nổi với các
15 thế lực quân sự hùng mạnh của thực dân Tây phương.
16 Không phải đợi tới bây giờ triều đình nhà Nguyễn
17 mới gọi là thua mà đã thua từ khi quân xâm lược Tây
18 phương đánh phá và phong tỏa vịnh biển Đà Nẵng từ
19 tháng 7 âm năm Mậu Ngọ (1858) và dưới quyền cai trị của
20 Tự Đức với đám hủ nho chậm tiến, bè phái, ngu mê tại
21 triều đình Huế, nước Đại Nam, dân tộc Đại Nam trước sau
22 gì rồi cũng phải rơi vào ách thực dân thuộc địa của phương
23 Tây.

24 Có một điều nghịch lý là sau khi trút tội lên đầu lên cổ
25 người khác và kèm theo đề nghị trừng phạt, các ông quân
26 sư giỏi tài khoa môi múa mép các truyện Nghiêu, Thuần,
27 Hạ, Thương, Chu, tối ngày chỉ biết co ro khúm núm cận kề
28 bên cạnh Tự Đức thì lúc này lại co đầu rút cổ chẳng có ông
29 nào dám hùng hổ tình nguyện đứng ra thế chỗ 2 ông Phan
30 Thanh Giản và Lâm Duy Hiệp. Giả thử lúc đó Tự Đức cứ
31 chém đầu ông Phan Thanh Giản và ông Lâm Duy Hiệp thì
32 từ đó về sau sử quán triều Nguyễn sẽ phải ghi chép như thế
33 nào? Không phải Tự Đức không biết rõ "tài năng hạng bét"
34 của nhóm nho thần của mình nơi triều đình Huế, cho nên
35 khi họ xin bắt tội ông Giản và ông Hiệp Tự Đức đã phải
36 thốt lời rằng: "***bây giờ há có người hiền tài nào mà đối hết
37 được du?***". Khi thốt lời này, Tự Đức chấp nhận là khó có

1 thể thay những đòi hỏi của quân xâm lược và chẳng có ai
2 có đủ tài cán hơn hai ông Giản, Hiệp để đảm đương việc
3 đôi co thương lượng với người Pháp. Tự Đức cũng dự biết
4 trước rằng quân xâm lược sẽ không dừng chân sau khi đòi
5 hỏi của họ đã được triều đình tuân hành và đất đai của
6 nước Đại Nam sẽ còn tiếp tục rơi vào tay của họ mà nguy
7 cơ trước hết là tỉnh Vĩnh Long và 3 tỉnh còn lại của miền
8 Tây cho nên Tự Đức lại phải tiếp tục dùng con chốt thí
9 Phan Thanh Giản để trút tội và vì thế ông Giản lại được
10 giao phó lãnh tổng đốc Vĩnh Long.

11 Cũng có nhóm đại thần hủ nho chủ trương đánh tới
12 cùng nhưng họ chỉ đánh giặc miệng ngay tại triều đình Huế
13 chứ chẳng biết được một chút gì tình thế bên ngoài và thời
14 sự đang sôi sục trong Nam Kỳ hạ. Đánh ư? Thì đã đánh rồi
15 còn gì, nhưng mà đánh đâu thua đó, chưa đủ sao? Khi
16 thanh nhân phè phỡn thì nắm giữ phẩm trật cao trọng đứng
17 đầu triều chính như Trương Đăng Quế nhưng đến lúc nước
18 nhà ngửa nghiêng thì lại vội vàng xin về dưỡng hưu để trốn
19 tránh trách nhiệm.

20 Một người khác thay thế ông Giản mà vẫn thất bại thì
21 sao? Lại tìm một người khác thay thế và nếu vẫn thất bại-
22 mà điều này là chắc chắn- thì rõ ràng không phải là tại
23 người thương thuyết bất tài vô trách nhiệm và như vậy thì
24 tội làm mất dân mất đất đâu còn ai để gánh chịu nếu
25 không phải là Tự Đức và nhóm đại thần hòa nịnh ở Huế.
26 Vậy thì tại sao lại phải cử người khác thay thế ông Giản.
27 Nham hiểm độc ác là ở chỗ đó.

28 Cứu dân, cứu nước, mới nghe qua thì thật là ái quốc
29 thương nòi nhưng nếu xét cho thật kỹ thì sẽ thấy rằng sự
30 nóng lòng của Tự Đức trước việc để mất đất đai ở Nam Kỳ
31 hạ không phải được thúc đẩy bởi lòng yêu nước chân chính
32 của một người lãnh đạo quốc gia nhưng vì ở vùng đất này
33 có nhiều ràng buộc tình cảm lâu đời của tông tộc nhà
34 Nguyễn Phúc. Do đó, có thể nói là bằng mọi giá, Tự Đức
35 phải lấy lại cho bằng được những phần đất hiện đang bị
36 quân xâm lược chiếm giữ kể cả phải hy sinh xương máu

1 một cách vô ích binh sĩ của triều đình cũng như dùng chiêu
2 bài úng nghĩa để kích động dân chúng nổi dậy kháng
3 chiến chống Pháp.

*

4 "Về khoản cắt đất bồi ngân, hai viên ấy đã làm,
5 **phần nhiều chưa hợp . . .**", đây là ý kiến của mấy ông
6 quan đại thần tai to mặt lớn trong cơ quan Cơ Mật Viện mà
7 thâm ý ác độc gán tội cho người khác đã hiện rõ ràng: Ai
8 cắt đất bồi ngân? Cắt đất nào, ở đâu? Phải chăng là Sài
9 Gòn, Gia Định, Biên Hòa, Mỹ Tho, Vĩnh Long?

10 Xin thưa: các vùng lãnh thổ này có còn thuộc quyền
11 kiểm soát của triều đình Huế nữa đâu để mà cắt với xén!
12 Bồi ngân? Ai đã xin chuộc đất bằng tiền, ai ấn định khoản
13 tiền chuộc và chi phí chiến tranh? Xin thưa: không phải là
14 do hai ông Giản và ông Hiệp tự ý đứng ra làm việc đó và
15 nếu hai ông ấy có ý muốn làm như thế thì cũng chẳng thể
16 được vì hai ông chỉ là đại diện của một triều đình chiến bại
17 đến cầu xin ân huệ của một kẻ xâm lăng thắng trận! Kẻ
18 chiến thắng ra điều kiện, kẻ chiến bại không có quyền đặt
19 điều kiện, đó là một sự thật phũ phàng đã có từ ngàn xưa!

*

C/ - Nội dung của định ước năm Nhâm Tuất (1862)

20 Nguyên văn bản định ước năm Nhâm Tuất (1862) bằng
21 tiếng Pháp như sau:

22 **Traité de paix et d' amitié conclu à Saigon, le 5 juin 1862,**
23 **entre la France et l' Espagne, d' une part, et le Royaume**
24 **d'Annam, d' autre part.**

25 Leurs Majestés Napoléon III, Empereur des Français, Isabelle II,
26 Reine d' Espagne, et Tụ Đức, Roi d' Annam, désirant vivement que l'
27 accord le plus parfait règne désormais entre les trois nations de
28 France, d' Espagne et d' Annam; voulant aussi que jamais l'amitié ni la
29 paix ne soient rompues entre elles; à ces causes:

1 Nous, *Louis-Adolphe Bonard*, Contre Amiral, Commandant en
2 chef le corps expéditionnaire Franco-Espagnol en Cochinchine,
3 Ministre Plénipotentiaire de S.M. l' Empereur des Français,
4 commandeur des ordres impériaux de la Légion d' honneur et de
5 Saint-Stanislas de Russie, commandeur de Saint-Grégoire-le-Grand
6 de Rome, et chevalier de l' ordre royal de Charles III d' Espagne,

7 *Don Carlos Palanca-Gutierrez*, colonel commandant général du
8 corps expéditionnaire Espagnol en Cochinchine, commandeur de l'
9 ordre royal américain d' Isabelle la Catholique, et de l' ordre impérial
10 de la Légion d' honneur, chevalier des ordres royaux et militaires de
11 Saint-Ferdinand et Saint-Herménégilde, Ministre Plénipotentiaire de S.
12 M. Dona Isabelle II, Reine des Espagnes,

13 Et nous, *Phan Thanh Giản*, Vice-Grand-Censeur du royaume
14 d'Annam, Ministre Président du Tribunal des Rites, Envoyé
15 Plénipotentiaires de S. M. Tự Đức, assisté de *Lâm-Duy-Hiệp*,
16 Ministre President du Tribunal de la Guerre, Envoyé Plénipotentiaires
17 de S. M. Tự Đức;

18 Tout munis de pleins et entiers pouvoirs pour traiter de la paix et
19 agir selon notre conscience et volonté, nos sommes réunis, et, après
20 avoir échangé nos lettres de créance, que nous avons trouvées en
21 bonne et due forme, nous sommes convenus, d' un commun accord,
22 de chacun des articles qui suivent et qui composent le Traité de paix
23 et d' amitié.

24 **Article premier** . Il y aura dorénavant paix perpétuelle entre l'
25 Empereur des Français et la Reine d' Espagne d' une part, et le Roi d'
26 Annam, de l' autre; l' amitié sera complète et également perpétuelle
27 entre les sujets des trois nations, en quelque lieu qu' ils se trouvent.

28 **Art 2.** - Les sujets des deux nations de France et d' Espagne
29 pourront exercer le culte chrétien dans Ir Royaume d' Annam, et les
30 sujets de ce Royaume, san distinction, qui désirent ambrasser la
31 religion chrétienne, le pourront librement et san contrainte; mais on
32 ne forcera pas à se faire chrétiens ceux qui n' en auront pas le désir.

33 **Art 3.** - Les trois provinces complètes de Biên Hòa, de Gia
34 Định et de Định Tường (Mỹ-Tho) ainsi que l' ile de Poulo-Condore,
35 sont cédées entièrement par ce Traité en toute souveraineté à sa
36 Majesté l' Empereur des Français. En outre, les commerçants Français
37 pourront librement commercer et circuler sur des bâtiments quels qu'
38 ils soient, dans le grand fleuve du Cambodge et dans tous les bras
39 de ce fleuve; il en sera de de même pour les bâtiments de guerre
40 Français envoyés en survoyance dans ce même fleuve ou dans ses
41 affluents.

1 **Art 4.** - La paix étant faite, si une nation étrangée voulait,
2 soit en usant de provocation, soit par un Traité, se faire céder une
3 partie du territoire d' Annam, le Roi d' Annam préviendra, par un
4 Envoyé, l' Empereur des Français , afin de lui soumettre le cas qui se
5 présente, en laissant à l' Empereur pleine liberté de venir en aide ou
6 non au Royaume d' Annam; mais si, dans ledit Traité avec la nation
7 étrangère, il est question de cession de territoire, cette cession ne
8 porra être sanctionné qu' avec le consentement de l'Empereur des
9 Français.

10 **Art 5.** - Les sujets de l' Empire de France et du Royaume d'
11 Espagne pourront librement commercer dans les trois ports de
12 Tourane, Ba-Lác et Quảng-An. Les sujets Annamites pourront
13 également librement commercer dans les ports de France ou
14 d'Espagne, en se conformant toutefois à la règle des droits établis.

15 Si un pays étranger fait du commerce avec le Royaume
16 d'Annam, les sujets de ce pays étranger ne pourront pas jouir d'une
17 protection plus grande que ceux de France ou d' Espagne, et si ce dit
18 pays étranger obtient un avantage dans le Royaume d'Annam, ce ne
19 pourra jamais être un avantage plus considérable que ceux accordés
20 à la France ou à l' Espagne.

21 **Art 6.** - La paix étant faite, s' il y a à traiter quelque affaire
22 importante, les trois Souverains pourront envoyer des présentations
23 pour traiter ces affaires dans une des trois capitales. Si, dans une
24 affaire importante, l' un des trois Souverains désirait envoyer des
25 félicitations aux autres, il pourra également envoyer un représentant.
26 Le bâtiment de l' envoyé Français ou Espagnol mouillera dans le port
27 de Tourane, et l' envoyé ira de là à Hué par terre, où il sera reçu par
28 le Roi d' Annam.

- La paix étant faite, l'inimitié disparaît entièrement; c'est pourquoi l'
Empereur des Français accorde une

29 **Art 7.** amnestie générale aux sujets soit militaires, soit civils
30 du Royaume d' Annam compromis dans la guerre, et leurs propriétés
31 séquestrés leur seront rendues. Le Roi d' Annam accorde également
32 une amnestie générale à ceux de ses sujets qui se sont soumis à l'
33 autorité Française, et son amnestie s' étend sur eux et sur leurs
34 familles.

35 **Art 8.** - Le Roi d'Annam devra payer à titre d' indemnité,
36 dans un laps de dix ans, la somme de quatre millions de dollars.
37 Quatre cent mille dollars seront, en conséquence, remis chaque
38 année au représentant de l' Empereur des Français à Saïgon. Cette
39 somme est destinée à indemniser la France et l' Espagne de leurs
40 dépenses de guerre. Les cent mille ligatures déjà payées seront
41 déduites de cette somme. Le Royaume d' Annam n' ayant pas de
42 dollars, le dollar sera représenté par une valeur de soixante et douze
43 centième de taël.

1 Sau đây là nội dung của định ước năm Nhâm Tuất
2 (1862) do một tác giả Việt Nam là **Lê Thanh Cảnh** viết
3 bằng chữ Pháp đăng trên tập chí **Đô Thành Hiếu Cổ Tập**
4 **San - BAVH** vào năm 1937:

5 Voici les douze clauses de ce traité :

6 1) Ce traité inaugure une ère de concorde et d'amitié entre les
7 trois pays: le grand Phú (la France), le Grand Y (l'Espagne) et le
8 grand Empire du Sud Pacifié (l'Annam).

9 2) Le libre exercice du culte catholique sera promulgué surtout
10 le territoire annamite, sans contrainte, ni entrave.

11 3) Les trois provinces orientales Biên-Hoà Gia-Định et Định
12 Tường ainsi que l'Ile de Poulo-Condore, seront cédées à la France. En
13 outre, aucune entrave ne sera faite aux bateaux de petit et de grand
14 tonnage français qui, venant des mers, emprunteront les voies
15 fluviales annamites pour aller commercer au Cambodge ; même
16 liberté sera réservée aux canonnières et aux escadres françaises qui
17 remonteront les cours d'eau d'Annam pour des explorations et des
18 reconnaissances diverses.

19 4) Après la signature du traité, si des conflits éclataient entre
20 l'Annam et une autre puissance, et qu'e celui-ci, vaincu, désirât céder
21 à la puissance étrangère quelques points de son territoire, il devrait
22 d'abord en référer à la France dont le consentement en ce cas
23 serait indispensable. Elle se conserve le droit d'opposer son veto, si
24 elle considérait que ces éventualités de concessions pourraient porter
25 préjudice à ses intérêts.

26 5) Les commerçants français et espagnols qui iraient
27 commercer dans les ports de Tourane, Bà-Lạt et Quảng-Yên devront
28 jouir d'une sécurité et d'une liberté absolues. Ils paieront toutes les
29 taxes afférentes à l'administration annamite. La même réciprocité
30 sera faite aux commerçants annamites qui viendraient en France et
31 en Espagne, à charge que ces derniers s'acquittent des taxes et
32 impositions en vigueur dans ces deux pays.

33 Au cas où des commerçants originaires d'une puissance autre que
34 les deux puissances traitantes viendraient en Annam et que celui-ci
35 leur accorde des tarifs et des traitements de faveur, ces dispositions
36 devraient s'étendre également aux commerçants français et
37 espagnols.

38 6) En cas de nécessité et si une conférence entre les 3 nations
39 s'imposait, chacun des pays signataires désignerait des représentants
40 qui se réuniraient soit dans la Capitale de l'Annam, soit dans celle de
41 France ou d'Espagne. En temps ordinaire des messages d'amitié et
42 des relations cordiales ainsi que des visites de courtoisie pourront être
43 échangés entre les nations amies. Chaque fois qu'un représentant
44 français ou espagnol viendra en Annam, le navire qui le transportera,

1 viendra relâcher à Tourane et le reste du trajet de Tourane à la
2 Capitale se fera par voie de terre.

3 7) Aucune animosité ne subsistera entre les trois pays alliés
4 après la signature du traité. Les soldats et les sujets annamites qui
5 ont été faits prisonniers par les armées françaises au cours des
6 engagements seront remis en liberté. Les butins et les biens prélevés
7 sur certains villages pendant la guerre seront retournés à leurs
8 possesseurs légitimes. En retour, ceux des Annamites qui, d'une
9 manière ou d'une autre, ont rendu des services à la cause française,
10 seront graciés ainsi que leur famille.

11 8) Une indemnité de 4 millions de piastres sera payée par
12 l'Annam à la France et à l'Espagne. Elle sera payable en dix annuités,
13 à raison de 400.000\$ chacune, et sera versée entre les mains du
14 représentant français à Gia-Định Un versement de 100.000\$ en
15 sapèques ayant été fait, les dix versements annuels seront grevés
16 d'une réduction de 2%.

17 9) Si des Annamites, après s'être affiliés avec les pirates pour
18 venir ravager les territoires placés sous le mandat français, revenaient
19 chercher refuge dans les provinces de l'Annam, et si des criminels de
20 droit commun français ou européens venaient chercher asile en
21 territoire annamite, le Gouvernement français pourrait, par la voie de
22 son représentant en Annam, réclamer l'extradition desdits coupables
23 pour les mettre à la disposition de la justice française. De même, si
24 des prisonniers et des rebelles annamites allaient se cacher en
25 France, les mandarins annamites pourraient s'entendre avec le
26 représentant de la France à Gia-Dinh pour réclamer leur extradition
27 afin de les confier au jugement des tribunaux annamites.

28 10) Après la signature du traité, les originaires des trois
29 provinces occidentales: Vinh-Long An-Giang, Hà-Tiên, pourront
30 facultativement venir chercher à gagner leur vie sur les territoires
31 gouvernés par la France Gia-Định, Định-Tường, Biên-Hoà).

32 La seule condition exigée d'eux est de payer leurs impôts à
33 l'administration française du lieu. Si, pour ses affaires personnelles,
34 l'Annam désire faire passer transitoirement à travers les territoires
35 d'occupation française : soldats, armes, munitions, il doit en
36 demander l'autorisation préalable à l'administration française, laquelle
37 autorisation est de rigueur, faute de quoi le Gouvernement français,
38 chaque fois qu'il aura connaissance d'un de ces transits frauduleux et
39 illicites, enverrait la force armée pour sévir contre.

40 11) Les Français, bien qu'occupant actuellement Vinh-Long
41 consentiront à rendre cette province au Gouvernement annamite et à
42 ne pas s'immiscer dans les affaires indigènes dont ils laisseront le
43 contrôle et l'administration aux autorités annamites, à condition que
44 les résidents français qui se sont fixés à Vinh-Long jouissent d'une
45 sécurité absolue. Il est demandé en outre que les mandarins envoyés
46 par la Cour d'Annam avant et pendant les hostilités pour diriger les

1 opérations militaires et préparer la revanche, et qui se tiennent
2 actuellement cachés aux environs des provinces occupées, soient
3 rappelés dans le plus bref délai, car la guerre est complètement
4 terminée et leur présence sur les lieux ne peut qu'amener des conflits
5 inévitables. Moyennant toutes ces conditions, la France fera le retour
6 de Vinh-Long à l'Annam.

7 12) Les grandes lignes de ces accords ainsi établies et fixées, les
8 plénipotentiaires des trois pays traitant y apposeront leurs signatures
9 et leurs sceaux respectifs.

10 Elles seront soumises ensuite à la ratification des Souverains des
11 nations intéressées. Ce traité sera considéré comme entrant en
12 vigueur à compter du jour où les signatures et les cachets des
13 représentants des trois pays y seront apposés. Dans le délai d'un an
14 et après la ratification des souverains, des lettres de créance seront
15 échangées dans la Capitale annamite pour servir et faire valoir ce que
16 de droit.

17 (Lê Thanh Cảnh; *Notes pour Servir à l'Histoire de*
18 *l'Établissement du Protectorat Français en Annam*, trang 382,
19 383,384,385; Đô Thành Hiếu Cổ Tập San - BAVH - số 4 -tháng
20 10 - 12 năm 1937).

*

❖ **Định ước năm Nhâm Tuất (1862)** **do Sử quán triều Nguyễn ghi chép** **trong Đại Nam Thực Lục Chính Biên**

24 << Vua nói:" *Thương thay con đở của lịch triều, nào có tội gì? Rất*
25 *là đau lòng. Hai viên này không những là người có tội của bản triều*
26 *mà là người có tội của nghìn muôn đời vậy!"*.

27 << 12 khoản là:

28 - Từ sau khi vua 2 nước Phú-lãng-sa và Y-pha-Nho với vua nước
29 Đại Nam cùng dân của 3 nước, không kể người nào với địa phương
30 nào, đều cùng đồn đốc hữu nghị, hòa hảo lâu dài.

31 - Hai nước Phú và Y truyền đạo thiên chúa ở nước Đại Nam, ai
32 muốn theo cũng cho, ai không theo cũng không bắt buộc.

33 - Về 3 tỉnh Biên Hòa, Gia Định, Định Tường và 1 xứ đảo Côn Lôn
34 giao cho nước Phú quản hạt. Như người buôn bán của nước Phú chạy
35 tàu, thuyền lớn nhỏ từ biển khơi đến các sông lớn, sông nhỏ đi sang
36 các xứ nước Cao Miên buôn bán, đều được tùy tiện. Nếu tàu nhà binh
37 của nước Phú do tự ngoài khơi ấy đi vào các sông xem xét cũng cho
38 tùy tiện.

1 - Từ sau khi nghị hòa, nếu có nước khác muốn đến nước Nam
2 gây sự, hoặc muốn cắt đất giảng hòa, nên báo tin cho nước Phú tính
3 bản, tùy nghị cùng giúp đỡ. Về trong khoản giảng hòa với nước khác
4 mà có sự cắt đất, nếu nước Phú bằng lòng làm thì làm, không bằng
5 lòng thì bất tất làm.

6 - Người buôn ở 2 nước Phú, Y đến buôn bán ở 3 cửa biển Đà-
7 Nẵng, Ba-Lạt, Quảng-Yên, đều nên đây đó cùng yên, cho được tùy
8 tiện, về thuế lệ của nước Nam phải chiếu lệ mà giao nộp. Nếu người
9 buôn của nước Nam có muốn đi sang buôn bán ở 2 nước Phú, Y,
10 cũng được đây đó cùng yên, đều cho tùy tiện, y theo thuế lệ của 2
11 nước ấy mà nộp. Nếu người nước khác đến buôn ở nước Nam, thì các
12 quan nước Nam không được tư vị giúp đỡ hơn là 2 nước Phú, Y. Nếu
13 có sự ích lợi buôn bán gì thì hành cho nước khác, thì cũng thi hành
14 cho cả một loạt cho 2 nước Phú, Y.

15 - Nếu có việc công khẩn yếu mà cần phải hội đồng bàn bạc để
16 làm thì đều phải ra viên khâm sai đại thần, hoặc họp ở kinh đô nước
17 Nam, hoặc họp ở kinh thành 2 nước [Phú và Y] để bàn mới được.
18 Nếu không phải là nhân việc công mà 3 nước sai sứ đến hỏi thăm
19 nhau cũng được. Nhưng tàu của 2 nước Phú, Y đến cửa biển Đà Nẵng
20 thì cho tàu dừng đậu, viên khâm sứ phải do đường bộ tiến vào Kinh.

21 - Sau khi đã hòa ước rồi, thì những điều thù oán cũ đều vứt bỏ đi
22 hết. Phàm quân dân người nào bị nước Phú bắt giam đều tha cho về
23 Tài sản của trăm họ cũng đều trả lại cả. Những người nước Nam có đi
24 làm việc cho người nước Phú nước Nam cũng nên đặc ân tha cho họ
25 và không bắt tội đến thân thuộc họ.

26 - Bồi lại số bạc chi phí về quân nhu cho 2 nước Phú, Y là 400 vạn
27 đồng, chia trả làm 10 năm cho đủ, mỗi năm giao cho viên đại thần
28 nước Phú đóng ở Gia Định 40 vạn đồng chứa giữ. Nay đã nhận được
29 10 vạn quan tiền kẽm, đợ sau giao bạc sẽ khấu trừ đi, mỗi đồng bạc
30 nặng là 7 đồng cân 2 phân.

31 - Nước Nam như có những giặc cướp, giặc biển, những kẻ làm
32 loạn, quấy rối ở địa phương thuộc về nước Phú mà trốn về địa
33 phương nước Nam, hay tù phạm giặc cướp của nước Phú trốn sang
34 địa phương nước Nam, thì quan nước Phú lập tức tư cho quan địa
35 phương nước Nam ở nơi tên can phạm ẩn trốn ấy bắt giải giao cho
36 địa phương nước Phú trị tội. Nếu có bọn cướp giặc, bọn can phạm
37 của nước Nam trốn ở địa phương thuộc về nước Phú, thì quan nước
38 Nam cũng tư cho quan nước Phú biết, bắt bọn tội phạm ấy giao cho
39 quan địa phương nước Nam trị tội.

40 - Từ sau nghị hòa rồi, phàm nhân dân ở 3 tỉnh Vĩnh-Long, An-
41 Giang, Hà-Tiên đi lại buôn bán ở địa phương thuộc về nước Phú, về
42 thuế lệ của nước Phú đã theo lệ nộp rồi, thì đều được tùy tiện. Nếu
43 nhân có việc công hoặc các việc quân lính, lương thực, súng đạn, khí
44 giới mọi vật, muốn qua lại cửa biển Tiểu ở Định-Tường thuộc về đất
45 của nước Phú, thì Phú-lãng-sa cũng chuẩn cho đi.- Nhưng tất phải
46 trước 10 hôm quan nước Nam phải tư báo cho quan nước Phú biết

1 trước để cấp phiếu cho đi. Nếu không báo trước, lại không có giấy
2 chứng thực của quan nước Phú mà tự tiện đi lại riêng lén, quan nước
3 Phú xét biết, nhất định đem thuyền ấy phá tan và quân lính đều bắt
4 giữ trị tội.

5 - Tỉnh Vĩnh-Long hiện đã về phần sở hữu của nước Phú, nay tạm
6 làm nơi đóng quân. Nhưng quan quân nước Phú tuy đóng ở Vĩnh-
7 Long, nhưng phạm việc nào thuộc về nước Nam, do quan nước Nam
8 xử lý, thì quan binh nước Phú không chen vào kiêm làm, cũng là các
9 việc cấm răn cũng vậy. Duy nước Nam hiện còn có các quan vâng
10 mệnh dò thám riêng, để thừa cơ tiến đánh vẫn ẩn nấp ở 2 tỉnh Gia-
11 Định, Định-Tường. Hiện nay đã cho nghỉ việc binh, lại lập hòa ước, thì
12 nước Nam tất phải cho gọi những bọn quan viên ấy về, để cho nhân
13 dân địa phương ấy đều được bình an, thì nước Phú lập tức đem tỉnh
14 Vĩnh-Long giao trả về nước Nam cai quản.

15 - Phạm sau khi chương trình hòa ước đã lập rồi, quan đại thần 3
16 nước ký tên đóng dấu tâu lên. Tính tự ngày ký tên đóng dấu là bắt
17 đầu, hạn trong một năm thì vua 3 nước coi xem phê chuẩn, rồi giao
18 cho nhau ở tại kinh thành nước Nam để lưu chiếu>>. (*Đại Nam Thực*
19 *Lục Chánh Biên*- Quyển XXVI; bản dịch đã dẫn; trang 302, 303,
20 304,305).

*

❖ Tại sao phải đưa ra 3 bản định ước năm Nhâm Tuất (1862) từ 3 nguồn thư tịch khác nhau?

21 Thực ra thì phải nói là có 5 bản định ước năm Nhâm
22 Tuất (1862) mới hợp lý bởi vì ở đây còn thiếu 2 bản định
23 ước chính gốc: một do chính quyền nước Pháp lưu giữ và
24 một do chính quyền Đại Nam lưu giữ. Hai bản gốc này có
25 thể được viết bằng 2 loại chữ viết Pháp-Hán và bản văn
26 chữ Hán có thể đã được đưa vào ĐNTLCB. Cũng có thể là
27 định ước này chỉ được viết bằng Pháp ngữ và 12 khoản kê
28 ra trong ĐNTLCB chỉ là phần dịch thuật từ bản văn chữ
29 Pháp hoặc là đã được viết lại trong ĐNTLCB theo lời báo
30 cáo hay phúc trình của phái đoàn nghị ước Phan Thanh
31 Giản - Lâm Duy Hiệp.

32 Bản văn của tác giả Lê Thanh Cảnh kê khai 12 điều
33 khoản của định ước năm Nhâm Tuất có thể đã **phỏng** theo
34 những **kê khai** trong ĐNTLCB viết bằng chữ Hán để viết
35
36
37
38
39

1 lại bằng chữ Pháp đăng lên tập chí Đô Thành Hiếu Cổ Tập
2 San vào năm 1937. Việt Sử Tân Khảo dùng chữ *Kê Khai*
3 bởi vì trong ĐNTLCB không có đánh số rõ ràng từ điều
4 khoản số 1 đến điều khoản số 12 nhưng trong bản văn bằng
5 chữ Pháp của tác giả người Việt Nam Lê Thanh Cảnh lại
6 có đánh số từng điều khoản, từ số 1 đến số 12. Hoặc là tác
7 giả Lê Thanh Cảnh đã dựa vào một bản định ước bằng chữ
8 Hán mà trong đó có đánh số những điều khoản từ số 1 đến
9 số 12?

10 Vào thời điểm năm **1937** tức là vào lúc Lê Thanh Cảnh
11 viết một loạt bài bằng tiếng Pháp đăng trên Đô Thành Hiếu
12 Cổ Tập San thì những người Pháp chính gốc và những
13 người Việt Nam theo Tây học như Lê Thanh Cảnh nhất
14 định là đã có thể đọc được bản định ước năm Nhâm Tuất
15 với bản văn chữ Pháp đã có từ năm 1862 chứ không phải
16 đợi cho đến khi có những bài viết bằng Pháp văn của tác
17 giả Lê Thanh Cảnh thì họ mới biết được nội dung của 12
18 điều khoản trong định ước đó.

19 Câu hỏi đặt ra: chắc gì những người Pháp hoặc những
20 người Việt Nam như Lê Thanh Cảnh có thể tìm ra được
21 bản gốc hay bản sao y chính bản định ước năm Nhâm
22 Tuất? Xin thưa: bản sao của định ước năm Nhâm Tuất
23 (1862) bằng chữ Pháp đã được tác giả *Alfred Schreiner* sao
24 y trong sách *Abrégée de l'Histoire d'Annam*: sách này được
25 xuất bản tại Sài Gòn vào năm **1906**, nhà xuất bản Chez l'
26 Auteur: 37, rue de Bankok, Saigon. Không lý một người
27 ghi chép các sự kiện lịch sử như Lê Thanh Cảnh lại không
28 biết có một bản sao y định ước đó để rồi lại đi làm một
29 việc dư thừa hay sao!

30 Câu hỏi lại đặt ra: chắc gì bản sao y định ước năm
31 Nhâm Tuất (1862) trong sách của A.Schreiner là bản
32 nguyên thủy bằng Pháp văn? Điều này thì xin nhờ những
33 đọc giả đang ở Pháp hoặc các đọc giả Việt Nam ở khắp
34 nơi trong và ngoài nước truy cứu thêm.

35 Nhưng tại sao lại chỉ căn cứ vào bản sao y của A.
36 Schreiner mà không dựa vào các thư tịch của những tác giả
37 người Pháp khác, cùng một thời với Bonard, cũng có ghi

1 chép về định ước năm Nhâm Tuất (1862) hoặc có viết về
2 Phan Thanh Giản chẳng hạn như Paulin Vial, La
3 Grandière, E. Luro., A.Dalvaux, Palanca Gutierrez,
4 Aubaret . . .? Bởi vì những tác giả người Pháp, Y Pha Nho
5 này đều có liên hệ trực tiếp hoặc gián tiếp vào chiến cuộc
6 giữa nước Đại Nam và đoàn quân xâm lược Pháp-Y Pha
7 Nho và do đó tính cách khách quan và trung thực trong khi
8 họ viết lách có thể thiên vị hoặc bóp méo theo thói thường
9 "Phủ bệnh Phủ, Huyện bệnh Huyện". Nhưng chắc gì A.
10 Schreiner không thiên vị và khách quan? Đúng! Tuy nhiên
11 bản sao định ước năm Nhâm Tuất (1862) do A.Schreiner
12 sao chép lại thì có thể tạm tin được bởi vì chính một tác giả
13 người Pháp khác H.Cossérat vào năm 1933 trong một bài
14 viết đăng trên Đô Thành Hiếu Cổ Tập San/Bulletin des
15 Amis du Vieux Hué (viết tắt BAVH: Những Người Bạn
16 Thân của Cổ đô Hué)) có tựa đề là La Citadelle de Hué-
17 Cartographie có dẫn chiếu điều thứ 12 của bản định ước
18 Nhâm Tuất (1862) và điều thứ 12 này trong bài viết của
19 Cossérat cũng giống như điều 12 chép ra trong sách của
20 A.Schreiner. (ĐTHCTS-BAVH-1933; trang 40; chú giải 2: "(2)
21 C'est l'article 12 du traité qui imposait cette condition.

22 Voici cet article :

23 Traité de paix conclu entre Sa Majesté l'Empereur des Français et
24 le Roi d'Annam.

25 Art. 12.— Ce traité étant conclu entre les trois nations, et les ministres
26 plénipotentiaires desdites trois nations l'ayant signé et revêtu de leurs sceaux,
27 ils en rendront compte chacun à leur Souverain, et à partir d'aujourd'hui,
28 jour de la signature, dans l'intervalle d'un an, les trois Souverains ayant
29 examiné et ratifié ledit traité, l'échange des ratifications aura lieu dans la
30 Capitale du Royaume d'Annam. En foi de quoi les Plénipotentiaires
31 respectifs susnommés ont signé le présent traité et y ont apposé leurs cachets.

32 A Saigon, l'an mil huit cent soixante deux, le 5 juin, Tự-Đức quizième
33 année, cinquième mois, neuvième jour.

34 Signé: Bonard, Carlos Palanca Guttierrez, Phan-Tanh-Gian et Lam-
35 Gien-Thiếp (Lưu ý của soạn giả VSTK: Tanh-Gian và Gien-Thiep)

36 *Tất cả những nghi vấn nêu ra ở phần trên để cho thấy
37 rằng:

38 -Người ta không thể chỉ riêng căn cứ vào một nguồn
39 thư tịch duy nhất nào để đánh giá hoặc suy diễn một sự
40 kiện hay một nhân vật lịch sử thuộc một giai đoạn trong

1 quá khứ nhất là nguồn thư tịch do chính quyền trong giai
2 đoan đó ấn hành.

3 -Trong việc ký kết định ước năm Nhâm Tuất (1862),
4 nếu định ước này chỉ được viết bằng Pháp ngữ thì liệu rằng
5 đoàn sứ Phan Thanh Giản - Lâm Duy Hiệp có hiểu rõ nội
6 dung của 12 điều khoản trước khi đặt bút ký tên và đóng
7 dấu hay không? Phan Thanh Giản có bị lầm lẫn vì ngôn
8 ngữ bất đồng hay không?

9 -Nếu có một bản định ước bằng chữ Hán, có cùng một
10 hình thức với bản văn chữ Pháp, nhưng phân nội dung thì
11 những người phụ trách viết bản văn chữ Hán này có phản
12 ảnh đúng ý nghĩa với nội dung của bản văn chữ Pháp
13 không? Hay là đã xảy ra tình trạng "ông nói gà, bà nói vịt"
14 qua trung gian của những thông ngôn và thông dịch viên
15 bất đắc dĩ và không có khả năng. Cũng cần lưu ý rằng, để
16 chuẩn bị cho việc giao dịch với liên quân xâm lược Pháp-Y
17 Pha Nho, vào tháng **Giêng năm Nhâm Tuất (1862)**, Tự
18 Đức đã ra lệnh tuyên duyệt để trung dụng những người am
19 hiểu chữ Tây và tiếng Tây. Tỉnh thân Nghệ An và tỉnh Lạng
20 Son, Cao Bằng đem một người tên là Nguyễn Trọng,
21 (người gốc Nghệ An, nguyên theo sang Tây, nói rằng chữ
22 nước ấy có 27 chữ cái, nhân đó gia thêm vào mới thành
23 chữ khác), và Nguyễn Văn Thự (dân đi đạo bị giam tù ở
24 Lạng Sơn) tâu lên. Vua sai đưa về bộ sát hạch (ĐTLCB; đã
25 dẫn; q.XXVI; trang 281). Nếu chỉ căn cứ trên những khả
26 năng như thế để tuyển chọn 2 người này làm thông ngôn và
27 thông dịch cho một cuộc đàm phán quan trọng có ảnh
28 hưởng đến việc sống còn của đất nước Đại Nam thì rõ ràng
29 là Tự Đức và triều đình Huế đã làm một việc tắc trách đáng
30 bị hậu thế phê phán. Phải chăng sử quán triều Nguyễn đã
31 đưa ra hai người thông ngôn này để dọn đường đổ tội cho
32 người khác làm mất đất đai của **Đại Vương Quốc Việt**
33 **Nam** (Gia Định, Định Tường, Biên Hòa) chứ không phải là
34 do lỗi của Tự Đức hay do lỗi của những đại thần thủ cựu
35 chậm tiến trong Cơ Mật Viện ở Huế cận kề ngày đêm vây
36 quanh Tự Đức để ngồi mát ăn bát vàng, chỉ biết đối phó

1 với quân xâm lăng bằng miệng và lệnh truyền? Có một con
2 vật tế thần trong vụ ký kết hoà ước năm Nhâm Tuất để che
3 lấp khả năng yếu kém cai trị của Tự Đức về mặt đối ngoại
4 cũng như để che đậy lòng yêu thương giả dối của Tự Đức
5 đối với tổ quốc và nhân dân Đại Nam. Con vật tế thần đó là
6 ông Phan Thanh Giản.

*



*Chân dung của ông Phan Thanh Giản khi đi sứ sang Pháp vào năm 1863
(Ảnh này được lưu giữ tại Bảo Tàng viện Paris dưới mã số 10610 và được trích đăng vào
Đô Thành Hiếu Cổ Tập San - BAVH số 1-Janvier/Mars/1926)*

IV/ - CHÍNH SÁCH NGOẠI GIAO CỦA SAU CỦA TỰ ĐỨC VÀ TRIỀU ĐÌNH HUẾ

1 Sau khi đánh chiếm tỉnh thành Bà Rịa, Bonard đã cho
2 khởi công xây cất một hải đăng tại Vũng Tàu vào ngày 25
3 tháng 3 d.l năm 1862 và khánh thành vào ngày 15 tháng 8
4 d.l năm 1862 trên một ngọn núi cao 147 mét và rọi ra ngoài
5 biển với một tầm xa 33 hải lý.

6 Cũng vào những tháng dương lịch đầu năm 1862, các
7 trạm bưu điện và các đường dây điện thoại đã được người
8 Pháp thiết đặt để nối liền Sài Gòn - Chợ Lớn rồi kế tiếp nối
9 liền Sài Gòn - Chợ Lớn với Biên Hòa, Bà Rịa, Vũng Tàu.

10 Đầu năm dương lịch 1863, đã có 9 trạm vô tuyến viễn
11 thông và một mạng lưới đường dây điện thoại dài tổng
12 cộng 300 cây số ngàn nối liền trung tâm bưu điện đặt trước
13 dinh tạm của thống đốc Pháp với các nơi. Dinh tạm này
14 *Palais provisoire du gouverneur* là một căn nhà rộng lớn
15 được tạm thời cất bằng cây, sườn nóc nhà được đưa từ
16 Singapor sang, nên nhà nằm trên thửa đất xây cất trường
17 Tabert trên đường Nguyễn Du ngày nay, mặt tiền quay về
18 hướng cột cờ Thủ Ngữ trên bờ sông Sài Gòn.

19 Trung tâm bưu điện còn có nhiệm vụ báo hiệu giờ giấc
20 hằng ngày cho dân chúng vùng Sài Gòn và do đó kể từ 1
21 tháng 8 d.l năm 1862, vào mỗi buổi trưa đúng Ngọ - 12
22 giờ trưa - tàu chiến Duperré trên sông Sài Gòn cho nổ một
23 phát thuốc súng đại bác để báo hiệu. Lệ nổ súng này về sau
24 được chính quyền Pháp ở Sài Gòn thay đổi cho nổ súng
25 mỗi ngày 3 lần sáng, trưa, chiều và 2 khẩu đại pháo được
26 đặt trên bờ sông Sài Gòn, cuối đường Hai Bà Trưng, gần
27 bến phà Thủ Thiêm ngày nay, nòng súng quay về hướng
28 Thủ Thiêm, đạn chỉ có thuốc nổ không có đầu đạn và do bộ
29 tư lệnh hải quân của Pháp giữ nhiệm vụ bắn pháo hiệu này
30 mỗi ngày.

31 Bonard cũng ra lệnh cho xây rộng thêm các bệnh viện,
32 các trại binh, trại sĩ quan, xây cất một nhà thờ (trong vuông
33 rào của bệnh viện Đôn Đất - Hôpital Grall ngày nay) và

1 một nhà in của chính quyền Pháp. Một đồ án chinh trang
2 thành phố Sài Gòn cũng được Bonard giao cho đại tá công
3 binh Coffyn thực hiện và thiết kế. Đồ án được làm xong
4 vào ngày 13 tháng 5 dl năm 1862. Một đèn rọi biển (hải
5 đăng) cũng được Bonard đề nghị đặt trên đảo Côn Sơn vì
6 Bonard cho rằng Côn Sơn là đồn canh phòng vùng đất Gia
7 Định của Nam Kỳ. Cuối tháng 3d.1 năm 1862, một số 50
8 tù nhân hình sự được đưa ra giam nhốt trên đảo Côn Sơn
9 và những đợt tiếp theo là các tù binh chiến tranh và những
10 người kháng chiến chống Pháp, cũng được đưa ra giam
11 nhốt chung trên đảo này.

12 Chương trình giáo dục dạy Việt ngữ và Pháp ngữ cũng
13 được Bonard khởi xướng. Một trường huấn luyện thông
14 dịch viên cấp tốc ngắn hạn dành cho người Âu châu được
15 thiết lập do giáo sĩ người Pháp tên là Croc làm hiệu trưởng
16 và một giáo sĩ gia tô người địa phương tên là Thọ làm phó
17 hiệu trưởng. Trường này không tạo được kết quả mong
18 muốn bởi vì những học viên là thành phần trong quân đội
19 Pháp và họ không muốn học Việt ngữ do đó những người
20 thông dịch viên chính thức đầu tiên của Pháp là những
21 người thông dịch viên Âu châu kém trình độ, không đủ khả
22 năng thi hành chức vụ thông dịch.

23 Để đáp ứng nhu cầu cấp thiết về mặt thông ngôn và
24 thông dịch, một sắc lệnh được người Pháp ban hành ngày 1
25 tháng 12 dl năm 1861 tổ chức cuộc thi tuyển một đội ngũ
26 những người địa phương có học và những người thông
27 ngôn: hai hạng người này chỉ cần có một số vốn tiếng La
28 tinh thông dụng là được tuyển chọn.

29 Trường học Pháp d' Adran được thành lập ngày 15
30 tháng 1 dl năm 1862, khởi đầu nhận 30 học sinh nam có
31 tiền trợ cấp rồi tăng lên 70 học sinh. Trường học sinh nữ
32 Sainte-Enfance thành lập ngày 30 tháng 1 dl năm 1862 và
33 nhận 100 học sinh. Tất cả các học sinh nam, nữ của 2
34 trường là con em của những người đã hợp tác hoặc có công
35 trạng với đội quân viễn chinh của Pháp và được đào tạo để
36 trở thành những nhân viên có khả năng làm việc trong
37 tương lai cho chính quyền xâm lược Pháp.

1 Kể từ ngày 20 tháng 1 dl năm 1861, người Pháp đã cho
2 phép đấu giá lập xưởng nấu thuốc á phiện (opium) với giá
3 91,000\$ tiền Đại Nam ngang với 500,000 quan tiền Pháp,
4 thu lợi hơn 2 triệu quan và tạo ra một tầng lớp đông đảo
5 người địa phương nghiện ngập thuốc phiện.



Mâm đèn dùng để hút á phiện
(Ảnh trích đăng từ tập san BAVH)



Mâm đèn dùng để hút á phiện(Ảnh trích đăng từ tập san BAVH)

6 Đây là một chủ trương tệ lậu và độc hại nhất trong chính sách
7 thuộc địa "khai phóng" mà kẻ xâm lược từ phương Tây đã đưa tới cho
8 dân tộc Việt Nam kể từ khởi thủy cuộc xâm lăng chiếm đất của họ.
9 Chính ngay cả người Pháp cũng phải nhận rằng đây là một tội ác về
10 cả mặt kinh tế và xã hội : "*Un autre vice, économique et social celui-*
11 *là, fut consacré en ce temps nous avons nommé l'opium*" **tạm dịch:**
12 "*một loại tội ác khác trên bình diện Kinh Tế và Xã hội đã được thánh*
13 *hóa vào thời đó (tức là vào thời Bonard), chúng ta (tức người Pháp)*
14 *đã công nhận á phiện*" (A. Schreiner đã dẫn, trang 239-240).



Dân ghiền trong một tiệm hút á phiện ở Sài Gòn ngày xưa
(Ảnh trích đăng từ tập san BAVH)

1 Ảnh hưởng độc hại của á phiện kéo dài suốt thời Pháp thuộc, tạo
2 ra một tầng lớp xã hội đen bao gồm thành phần buôn lậu thuốc phiện
3 và thành phần nghiện ngập chuyên lo hút sách cờ bạc ăn chơi làm
4 băng hoại xã hội. Có rất nhiều người vì nghiện á phiện mà phải tán
5 gia bại sản đi ăn mày xin để lấy tiền đi vào tiệm hút! Giá buôn bán
6 á phiện ngang ngửa với giá buôn bán vàng bạc kim cương. Thành
7 phần nghèo khó nghiện ngập không đủ tiền vào tiệm hút rất dễ sa ngã
8 đi vào các con đường tội lỗi hình sự như trộm cắp, mại dâm, giết
9 cướp. Trên đường phố Sài Gòn ngày xưa, trước ngày Pháp rời khỏi
10 miền Nam một cách vĩnh viễn, trên các lòng lề đường xuất hiện một
11 kiểu mua bán mới: mua bán **vẻ rách lau chùi bàn đèn hút thuốc**
12 **phiện.**



13 *Tư thế một người đang nằm ngậm dọc tẩu (ống điếu) hút á phiện:*

14 Thông thường có một người phụ se thuốc trét nhựa á phiện lên mặt
15 phễu của ống điếu rồi mới trao ống cho người nằm hút. Người phụ thông
16 thường là một người nghiện nghèo không đủ tiền hút hít cho nên thường
17 đứng trước mấy tiệm hút chờ dân nhà giàu vào hút để xin chân "giúp việc se
18 thuốc" cho khách ghiền nhà giàu. Phần thường là được dân ghiền nhà giàu
19 bố thí cho một hay hai phều hút sách nhì miễn phí.

20 (Ảnh trích đăng từ tập san BAVH)

21 Thành phần tiêu dùng vẻ rách là những dân ghiền nghèo xơ nghèo
22 xác không đủ tiền vào tiệm hút để lên mây về gió và vì thế khi bị cơn
23 ghiền hành hạ, họ chỉ có đủ một ít tiền ra lề đường mua vẻ rách để
24 găm nhắm cho đỡ cơn đau đón hành hạ. Loại vẻ rách này giống như
25 mây miếng vải lau xe dính dầu nhớt bụi bặm lâu ngày không được
26 giặt giũ do mấy chú Ba người Hoa chủ tiệm hút á phiện tung ra thị
27 trường bán cho dân ghiền không đủ tiền hút *sái nhứt, sái nhì* (tức là
28 thuốc phiện nguyên chất hạng nhất, hạng nhì). Vẻ rách cũng không
29 phải rẻ bởi vì miếng vẻ đó đã được dùng để luồn vào ống điếu hút
30 thuốc phiện để lau chùi nhựa khói lâu ngày khắng dính trong đó làm
31 nghẹt ống hút. Nếu nhựa dính đầy quá đã thành nhựa dẻo thì phải nạo
32 nhựa ra rồi viên lại thành viên nhỏ như hạt tiêu sọ để bán *sái nhì* rồi
33 sau đó mới luồn vải để lau cho sạch ống điếu và miếng vải này được
34 dùng để lau tới lau lui cho đến khi nó ra màu nâu đậm thì đem ra bán

1 cho dân nghèo nghiện hút trên các lề đường. Miếng vải lau nhựa khói
2 thuốc á phiện được người bán xếp gói cất rất cẩn thận để khói bay hết
3 mùi . Khi có dân ghiền tới hỏi mua thì mới mở gói ra lấy miếng vải
4 rồi cắt một miếng nhỏ hình chữ nhật khoảng 6mm x 3mm giao cho
5 người mua. Nơi bán có sẵn bình trà nóng miễn phí, người mua rót
6 nước trà nóng vào tách rồi bỏ miếng vải nhỏ vào, đợi chừng một phút
7 cho chất nhựa khói màu nâu từ miếng vải hòa tan vào nước rồi mới
8 bung lên uống từng ngụm nhỏ thật chậm, mắt lim dim, người dờ dẩn
9 như đang sai thuốc. Khi tách nước ghiền đã cạn, miếng vải nhỏ lại
10 được người ghiền đưa vào miệng nhay ngấu nghiền để chắc mót cho
11 hết chất nhựa còn sót lại trong miếng vải nhỏ. Có những dân ghiền
12 còn nhỏ tuổi táo bạo hơn thì dùng một cái muồm lớn để nấu miếng vải
13 nhựa trên một cây đèn cầy rồi hút vào ống tiêm thuốc, tự mình mằm
14 mò tìm gân máu trên tay, trên chân mình để chích. Thảm nạn chết
15 chóc vì chích nhựa khói á phiện được báo chí hồi đó đăng tải thường
16 xuyên.

*

1 Vào tháng 7 và tháng 8 dl năm 1861, chính quyền
2 xâm lược Pháp cho mở các sòng đánh bạc. Tháng 4 và
3 tháng 7 dl 1862 người Pháp cho phép mở hàng nấu cất
4 rượu mùi. Nhưng sau đó cho phép đóng thuế môn bài để tư
5 nhân tự do nấu cất rượu khiến tình trạng rượu lậu thuế lan
6 tràn khắp nơi.

7 Tháng 3 dl năm 1861, Charner ra lệnh thành lập 4 trung
8 đội lính tập người địa phương. Tháng 2 dl năm 1862,
9 Bonard nâng số lính tập địa phương lên đến 3 tiểu đoàn, để
10 phối trí cho các tỉnh do quân Pháp chiếm đóng,
11 mỗi tỉnh một tiểu đoàn. Các tiểu đoàn lính tập này cũng có
12 nhiệm vụ giống như các đơn vị binh lính chính quy của
13 đoàn quân xâm lược Pháp. Đội kỵ binh Nam Kỳ được
14 thành lập ngày 7 tháng 2 dl năm 1862. Đội binh tình
15 nguyện (partisans) được thành lập ngày 19 tháng 2 dl năm
16 1862.

*



Một cơ đội lính tập đánh mướn cho Pháp
(Ảnh bưu thiếp)

17 **Nhâm Tuất**, *Tự Đức thứ 15* tháng 7 âm (1862), một
18 giám mục đạo gia tô của nước Y Pha Nho tên là Lặc Đức
19 cùng với 3 giáo sĩ khác xin triều đình được tự do truyền
20 giáo từ Hà Tĩnh, Nghệ An vào Nam vì họ có giấy phép của

1 Bonard cấp. Triều đình không cho phép vì hòa ước chưa
2 được hai bên triều đình Pháp và triều đình Đại Nam phê
3 chuẩn.

4 **Lợi dụng thời gian hòa ước chưa được phê chuẩn,**
5 **triều đình bàn định cử thủy sư đô đốc Võ Phẩm làm**
6 **khâm sai chính sứ, Trần đình Túc làm chức phó sứ, Đỗ**
7 **Hệ, Hồ Quang làm làm bồi sứ sang gặp vua nước Pháp**
8 **để biện bạch về việc Bonard bắt ép Phan Thanh Giản,**
9 **Lâm Duy Hiệp nhượng đất nhưng việc ấy rồi bỏ lơ.**
10 (VSTKCGKL; V; trang 1485)

11 Lý do của việc **bỏ lơ** này sử sách của triều Nguyễn
12 không nói rõ. Phải chăng triều đình Huế không phải chỉ có
13 bàn định mà thực ra đã cử người thay thế hai ông Giản và
14 ông Hiệp trong việc kỳ kèo ngoại giao với người Pháp
15 nhưng người Pháp ở Sài Gòn không chấp nhận nói chuyện
16 với những ông sứ thân mới của Tự Đức gửi vào Sài Gòn và
17 để khỏi xấu hổ với hậu thế chính sử nhà Nguyễn phải cong
18 queo viết rằng **việc ấy rồi bỏ lơ đi?**

19 Trên thực tế, nếu quả thực sứ đoàn mới của Tự Đức
20 được đề cử nhằm mục đích sang gặp hoàng đế Napoléon
21 III của nước Pháp để thưa gởi, khiếu nại về việc Bonard
22 bắt ép 2 ông Phan Thanh Giản và Lâm Duy Hiệp nhượng
23 đất thì lại càng chứng tỏ cho thấy tính cách ấu trĩ, dốt nát
24 bộc phát, lúng túng trong chính sách đối ngoại của đám
25 triều thần tung hô ở Huế kể cả ông hoàng đế Tự Đức sáng
26 chói thi văn tao đàn và đầy đạo đức Khổng, Mạnh: qua
27 mặt Bonard bằng cách tự động dùng mấy chiếc tàu ọp ẹp từ
28 thời Gia Long để chở đoàn sứ Đại Nam lần mò vượt đại
29 dương sang Pháp? Cách này thì vượt quá khả năng của
30 chính quyền Tự Đức vào lúc đó. Hay là chỉ còn một cách là
31 cứ gởi đoàn sứ vào Sài Gòn nói thẳng với Bonard rằng ông
32 ta phải cung cấp tàu biển và thủy thủ chở đoàn sứ Đại
33 Nam sang Pháp gặp thượng cấp của ông ta là hoàng đế
34 Napoléon III để tố cáo về những việc làm sai quấy của ông
35 ta trên đất nước Đại Nam? Hỏi như thế tức là đã trả lời và
36 kiêu cách ghi chép của sử sách nhà Nguyễn "**nhưng việc**
37 **ấy rồi bỏ lơ**" là một sự luồn lách lường gạt, khinh thường
38 hậu thế!

1 Từ khi hòa ước được hai bên ký kết, Tự Đức truyền
2 lệnh cho kháng chiến cùng với quan binh ở Nam Kỳ nghị
3 binh và đòi Trương Định về Phú Yên. Kháng chiến quân ở
4 3 tỉnh Gia Định, Định Tường, Biên Hòa không chịu cầu
5 hòa với quân Pháp, tôn Trương Định làm Đại đầu mục để
6 cầm đầu quân kháng chiến tiếp tục đánh. Triều đình phải
7 cử Phan Thanh Giản đi hiểu dụ, Trương Định vẫn không
8 chịu về Phú Yên, vì vậy bị triều đình cách chức hàm.

9 Nguyễn Tri Phương từ Bình Thuận theo lệnh của Tự
10 Đức về châu triều và được Tự Đức hỏi ý kiến về cách làm
11 việc của Phan Thanh Giản và Lâm Duy Hiệp. Nguyễn Tri
12 Phương nhận định như sau:

13 -Thanh Giản và Duy Hiệp phải làm theo lệnh vua
14 nhưng lòng người dân ở Nam Kỳ không chịu khuất phục
15 quân Pháp cho nên vẫn tiếp tục chiến đấu, không theo lệnh
16 ngừng chiến của nhà vua và ngay cả cá nhân của Nguyễn
17 Tri Phương cũng không đủ sức dập tắt.

18 -Theo ý Giản và Hiệp thì sau khi việc nghị hòa được 2
19 bên phê chuẩn thì đất nước sẽ lại được phú cường như
20 trước nhưng theo ý của Nguyễn Tri Phương thì không thể
21 trông mong vào kết quả của hòa ước vì đến lúc đó tài lực
22 nhân lực của đất nước đã bị tiêu hao mất rồi thì làm sao mà
23 giàu mạnh được?-Nguyễn Tri Phương cho rằng những ý
24 kiến của mình không phù hợp với ý kiến của Thanh Giản
25 và Duy Hiệp cho nên không thể nói ra cho họ biết mặc dù
26 Nguyễn Tri Phương vẫn luôn luôn để tâm lo âu làm sao
27 cho nên việc nước mà thôi.

28 Trong khi chờ đợi kết quả công tác thương lượng của
29 Phan Thanh Giản trong Nam Kỳ, Tự Đức chỉ thị Nguyễn
30 Tri Phương cùng với Đoàn Thọ và Trần Tiễn Thành cùng
31 nhau họp bàn, chuẩn bị để phối hợp cùng với Phan Thanh
32 Giản tìm những phương cách phù hợp với tình thế mà đối
33 phó.

34 Tháng 8 âm, *Tự Đức 15* (1862), người Pháp khởi công
35 xây cất nhà sứ của họ trên bờ hữu ngạn sông Hương. (Lê
36 Thanh Cảnh, bài viết trong ĐTHCTS-BAVH đã dẫn, trang
37 389).

1 Tháng 8 âm nhuận (1862), tỉnh Tuyên Quang có hơn
2 10,000 giặc thổ phi do 2 đầu đảng tên là Huân (Uẩn) và
3 Nông Hùng Thạch chỉ huy quấy phá: bỏ chánh Nguyễn Tất
4 Tố và án sát Nguyễn Văn Tố nộp thành cho giặc rồi bỏ
5 chạy trốn sau đó cả hai đều bị quan binh triều đình xử tội
6 chết, dựng bia nơi mã đề là gương. Tỉnh Cao Bằng thì có
7 thổ phi người hoa Lý Hợp Thắng vây đánh; tỉnh Bắc Ninh
8 thì có cai tổng Vàng cướp phá khiến cho triều đình phải lo
9 ngại. Tự Đức và đình thần mật bàn chọn người bổ nhiệm
10 làm tướng ở quân thứ Tây Bắc. Đình thần đề cử Nguyễn
11 Tri Phương, Trương Đăng Quế đề cử Trần Tiến Thành.
12 Khi được hỏi ý kiến, Nguyễn Tri Phương và Trần Tiến
13 Thành đều thoái thác không nhận với lý do là không biết
14 được lòng dân và tình thế ở Bắc Kỳ. Tự Đức quyết
15 định cử Nguyễn Tri Phương sung làm Tây Bắc tổng thống
16 quân vụ đại thần, Phan Đình Tuyển giữ chức Tán lý, Tôn
17 Thất Tuệ sung làm Đề đốc, Phạm Hán và Hoàng Mân giữ
18 chức Đốc binh quân thứ Tây Bắc (Bắc Ninh, Thái Nguyên,
19 Tuyên Quang)

20 Tháng 8 âm nhuận, *Tự Đức 15* (1862), một đầu mục
21 kháng chiến ở An Giang là tú tài Trịnh Quang Nghi đã bắt
22 giết 44 tín đồ theo đạo Gia tô vì họ không chịu chôi bỏ đạo.
23 Phan Thanh Giản tấu trình xin bắt tội Quang Nghi nhưng
24 Tự Đức không nghe theo lời tấu của Phan Thanh Giản.

25 Phan Thanh Giản lại đề nghị cách chức Tri huyện của
26 một đầu mục kháng chiến khác ở Vĩnh Long là cử nhân
27 Đoàn Tiến Thiện vì thấy rằng Thiện kháng chiến chỉ để
28 được hưởng lương tiền của triều đình. Tự Đức cũng không
29 nghe theo đề nghị của Phan Thanh Giản.

30 Ngày trước nước Xa Lý Ti (nay thuộc đất Vân Nam của
31 Trung Quốc) đánh nhau với nước Nam Chưởng. Quốc
32 trưởng nước ấy là Thiệu Bằng Xà chạy đem theo hơn 100
33 dân đình sang xin trú ngụ ở Điện Biên (thuộc tỉnh Hưng
34 Hóa của Đại Nam). Sau khi thôi đánh nhau, dân chúng
35 nước ấy xin rước Xà về. Tự Đức lệnh cho tỉnh thần nên vỗ
36 yên mà cho về.

1 Trước đây, quân Xiêm yểm trợ đưa Norodom đệ I về
2 làm vua nước Cao Miên rồi đặt quan cai trị người Xiêm ở
3 U-đông để bảo hộ nước này.

4 Sau khi hòa ước năm Nhâm Tuất (1862), được ký kết,
5 vào khoảng tháng 9 d.l năm 1862 Bonard đã sang U-đông
6 gặp chính quyền bảo hộ người Xiêm cùng với vua
7 Norodom. Người Xiêm thì muốn liên kết với Pháp để
8 chống lại Đại Nam, vua Norodom thì muốn dựa vào Pháp
9 để thoát ảnh hưởng của Xiêm và ảnh hưởng của Đại Nam
10 vì thế Bonard được tiếp đón trọng thể nhưng chưa có một
11 sự ký kết nào giữa Bonard và các chức quyền của Cao
12 Miên.

13 Ở mặt Hải Dương và Quảng Yên, Trương Quốc Dụng
14 và Đào Trí hành quân giải vây thành Hải Dương

15 Tháng 9 âm, *Tự Đức 15* (1862), chấp thuận cho Trương
16 Đăng Quế thôi coi việc bộ Binh.

17 Bonard thông báo cho triều đình được biết là hoàng đế
18 nước Pháp cũng như nữ hoàng Y Pha Nho đã ký chuẩn phê
19 hòa ước năm Nhâm Tuất và hẹn đến tháng 11 sẽ sai sứ giả
20 đến kinh đô Huế để 2 phía trao đổi cho nhau. **Triều đình
21 lại lấy cớ rằng người Pháp không thi hành đúng thời
22 hạn một năm thủ tục phê chuẩn cho nên lại sai Phan
23 Thanh Giản và Lâm Duy Hiệp vào Sài Gòn bàn thảo
24 thêm, yêu cầu người Pháp kéo dài thời hạn phê chuẩn
25 đồng thời tìm cách sửa đổi điều khoản nhượng đất.
26 Pháp không chịu dời thời hạn vì họ cho rằng "lời lẽ *hạn
27 trong một năm* được ghi trong hòa ước không nhất thiết
28 là phải đầy đủ một năm. Còn nghi lễ tiến lui triều yết,
29 thì đợi gần đến kỳ sẽ nghĩ định trả lời sau". (ĐNTLCB,
30 quyền XXVII đã dẫn, trang 344).**

31 Tháng 10 âm, *Tự Đức 15* (1862), Tạ Quang Cự mất, tuổi
32 hơn 90, được truy tặng hàm Thái bảo, cho tên thụy là
33 Trung Khắc.

34 Người Pháp dụ Trương Định ngưng chiến quy hàng
35 nhưng Định không thuận. **Phan Thanh Giản lại xin Tự
36 Đức ban sắc chỉ để dụ Định. Tự Đức cho rằng phong
37 trào kháng chiến tiếp tục của Trương Định có lợi cho**

1 **muốn tính lấy lại đất cho triều đình vì thế không nghe**
2 **theo lời xin của Phan Thanh Giản.**

3 *

4 "*Le 12 Décembre (1862) une dépêche de Hué datée de 2*
5 *Novembre 1862 (khoảng tháng 10 âm lịch) permit enfin de voir clair*
6 *dans la politique annamite. Cette dépêche avait été apportée par un*
7 *mandarin du rang inférieur, qui repartit précipitamment sans attendre*
8 *la réponse. La cour demandait la restitution des trois provinces.*" (A.
Schreiner đã dẫn, trang 249).

9 **Tạm dịch:**

10 "*Ngày 12 tháng 12 một khấn thư của triều đình Huế đề ngày 12*
11 *tháng 11 năm 1862 giúp cho thấy rõ chính sách của phía người An*
12 *Nam. Lá khấn thư này do một quan lại cấp thấp mang đi và trở về*
13 *(Huế) một cách hộc tốc mà không cần chờ có thư hồi đáp. Triều đình*
14 *yêu cầu hồi phục 3 tỉnh*".

15 Theo như lời lẽ của tác giả A. Schreiner thì lá thư khấn
16 cấp do một viên quan cấp nhỏ của triều đình Huế chạy tồ
17 mang đi để trao tận tay cho người nhận. Vậy người nhận là
18 Phan Thanh Giản? Là Trương Định? Hay phía người
19 Pháp?

20 A.Schreiner không cho biết lá khấn thư đó trao cho ai
21 nhưng nhờ đâu mà A. Schreiner biết được nội dung của lá
22 thư là yêu cầu hồi phục 3 tỉnh đã mất vào tay người khác.
23 Tác giả dùng chữ *demandait* có nghĩa là yêu cầu. Nhất
24 định là Tự Đức không yêu cầu Phan Thanh Giản mà chỉ
25 cần ra lệnh.

26 Trong lúc này thì Trương Định "cứng đầu" thì không
27 đội trời chung với quân xâm lược Pháp cho nên, không
28 nghe lệnh của triều đình Huế, muốn đơn phương chống
29 Pháp cho nên dù Phan Thanh Giản thay mặt triều đình có
30 yêu cầu ngừng bắn thì Trương Định vẫn xem thường lời
31 yêu cầu của ông Giản khiến ông Giản phải cầu cứu sự can
32 thiệp của Tự Đức.

33 Thái độ lưng chừng của Tự Đức là vừa thương lượng
34 vừa đánh, vừa nhờ tay người khác đánh : thứ nhất là vì
35 quan binh triều đình chỉ biết rút lui chứ không đủ khả năng
36 đối đầu với quân xâm lược; thứ hai là để Tự Đức phủ tay
37 không chịu trách nhiệm nếu đối phương đổ tội hiếu chiến

1 cho triều đình Huế cố tình phá vỡ cuộc đàm phán vãng hồi
2 hòa bình bằng cách sẽ đổi chất rằng: không phải quân
3 chính quy của triều đình tiếp tục gây rối nhưng chính là do
4 nhân dân nổi lên chống quân xâm lược mà điển hình là
5 đoàn dân quân kháng chiến của Trương Định.

6 Triều đình Huế muốn che mắt người Pháp bởi vì Tự
7 Đức không những đã ngâm say người đến phong chức cho
8 Trương Định để lấy lòng mà cũng âm thầm yểm trợ thêm
9 quân binh của triều đình cho ông Định đánh phá các đồn
10 lũy của quân xâm lược trong khi ngoài mặt vẫn say ông
11 Giản thương thuyết để tỏ rõ thiện chí hòa bình của Tự
12 Đức và triều đình Huế - một thiện chí giả tạo và gương ép.
13 Vì thế, khi được tấu thư của ông Giản xin Tự Đức và triều
14 đình ra lệnh cho ông Trương Định ngưng bắn, Tự Đức đã
15 không nghe theo mà còn tỏ thái độ bực bội với ông Giản.
16 Sách Đại Nam Thực Lục Chính Biên ghi như sau:

17 " Phan Thanh Giản hằng dụ Trương Định, Định thề không cùng
18 giặc Tây dương cùng sống. Bình dân ứng nghĩa ở 6 tỉnh thuộc vào
19 trong bộ ngũ của Trương Định đều cùng cầm cự chống lại giặc Tây
20 dương. Tướng nước Phú chiêu dụ Định, Định không chịu khuất,
21 Thanh Giản lại xin xuống sắc để dụ Định. Vua bảo các thị thần rằng:
22 lòng người như thế, cũng là một sự giúp cho cuộc mưu tính lấy lại,
23 há lẽ nào cứ răn dụ lật vật mãi." (ĐNTLCB; đã dẫn, trang 345-346).

24 Rõ ràng là Tự Đức trông mong rất nhiều về lực lượng
25 kháng chiến của ông Trương Định và có thể **Tự Đức thay**
26 **vì nghe theo lời yêu cầu của ông Giản để ra lệnh cho**
27 **ông Định ngưng bắn thì lại cho người mang thư khẩn**
28 **cấp vào trao thẳng cho ông Định để yêu cầu ông Định**
29 **cứ tiếp tục chiến đấu.** Có thể ông Giản không hay biết gì
30 về lá khẩn thư này của Tự Đức gửi cho Trương Định. Lá
31 thư khẩn có hiệu lực như một hiệu lệnh nổi dậy tấn công
32 đồng loạt, cho nên chỉ 4 ngày sau khi lá thư khẩn tới tay
33 Trương Định ngày 12/12/1862 thì kể từ ngày 17/12/1862
34 các lực lượng kháng chiến của Trương Định đã nổi lên tấn
35 công liên tục liên quân xâm lược khiến cho Phó Đề Đốc
36 Bonard phải xin thêm viện quân. Ngày 11 tháng 2 năm
37 1863, Bonard treo giải thưởng cho bất cứ ai chém được và
38 nộp đầu các thủ lĩnh kháng chiến quân. Ngày 25 tháng 2

1 năm 1863, Bonard bao vây và càn quét kháng chiến
2 quân khắp nơi nhưng Trương Định trốn thoát. (A.
3 Schreiner; đã dẫn; trang 249-250).

4 **Nghi vấn còn lại ở đây là tại sao A.Schreiner đã dựa**
5 **vào đâu để nêu ra bức khẩn thư đề ngày 2 tháng 11 dl**
6 **năm 1862 của Tự Đức và triều đình Huế gửi cho**
7 **Trương Định và viên quan "vô danh" có nhiệm vụ trao lá**
8 **khẩn thư cho Trương Định là ai mà đi, về có vẽ hấp tấp bí mật?**
9 Đây là 2 nghi vấn xin để lại cho người sau truy xét.

*

10 Sau khi các tổ kháng chiến ở các tỉnh Mỹ Tho, Biên
11 Hòa, Bà Rịa, Vĩnh Long bị quân Pháp bình định, kháng
12 chiến quân Nam Kỳ tập trung lực lượng về Gò Công và tạo
13 nơi đây thành một căn cứ kháng chiến trường kỳ chống
14 quân xâm lược Pháp.

15 Quyết tâm tiêu diệt các tổ kháng chiến do Trương Định
16 cầm đầu, Bonard xin chính phủ Pháp tăng viện 2 tiểu đoàn
17 thủy bộ binh (A.Schreiner, sách đã dẫn, trang 249).

18 Ngày 17 tháng 12 dl (1862), quân kháng chiến của
19 Trương Định bất thành tấn công đồn Rạch Tra nhưng bị
20 quân Pháp đồn trú đẩy lui. Phía Pháp có một sĩ quan đại úy
21 và một binh sĩ tử trận. Cùng ngày, quân kháng chiến do
22 Nguyễn Trung Trực chỉ huy cũng tấn kích vào Bến Lức.

23 Ngày 18 tháng 12 dl (1862), 1,200 quân kháng chiến
24 tấn công đồn kinh Thuộc Nhiều nằm trong khoảng đường
25 từ đồn Cai Lậy đi xuống Mỹ Tho. Đồn này do đại úy
26 Taboulé và 50 binh sĩ Pháp đóng giữ. Theo tác giả
27 A.Schreiner thì trong trận này quân kháng chiến quyết
28 đánh chiếm đồn Thuộc Nhiều nhưng thất bại và để lại
29 quanh đồn hơn 200 xác chết (A.Schreiner; sách đã dẫn;
30 trang 250).

31 Các cuộc tấn công đồng loạt của kháng chiến quân tiến
32 gần sát đến vòng đai Sài Gòn, tấn công đồn Nam (đồn
33 Thảo Câu ở Tân Thuận) nhưng bị quân đánh thuê cho Pháp
34 do cai tổng Thế chỉ huy chặn đánh ở Rạch Bàn. Tất cả
35 **những cuộc nổi dậy tấn công đồng loạt của kháng chiến quân**

1 lần này quy mô và táo bạo hơn những chiến dịch tấn công
2 từ trước tới nay và mặc dù quân kháng chiến bị thiệt hại về
3 nhân mạng khá lớn nhưng cũng gây bối rối và lo ngại cho
4 quân xâm lược Pháp. Bonard đã phải xin thêm viện binh từ
5 các căn cứ hải quân Pháp đóng ở Trung Quốc và ở Phi
6 Luật Tân. Phó thủy sư đề đốc Jaurès đáp ứng ngay yêu cầu
7 của Bonard bằng cách điều động từ căn cứ hải quân ở
8 Thượng Hải một số pháo thủ của tiểu đoàn lính người
9 Algérie, một tiểu đoàn khinh binh người Bắc Phi. Số quân
10 tăng viện này do hai tàu chiến Sémiramis và La Renommée
11 chuyên chở, ghé ngang qua Phi Luật Tân lấy thêm 800 lính
12 thuộc trung đoàn 5 binh do trung tá Moscoso người Tây
13 Ban Nha chỉ huy.

14 Ngày 7 tháng 1 dl năm 1863, Pháp bắt đầu đặt những
15 cơ sở cho một nền hành chánh dân sự trong các vùng đất
16 chiếm đóng bằng cách lập ra đội ngũ thanh tra đặc trách
17 các vấn đề của người dân bản xứ (dân chúng của Đại
18 Nam). Thành phần nhân sự đội ngũ này là những viên chức
19 cũ hiện đang nắm giữ nhiệm vụ hành chánh cai trị và được
20 phân chia thành 3 hạng ngạch.

21 Để đáp ứng với sự gia tăng về các dịch vụ bu chính
22 trong lãnh vực thương mại và trong dân chúng, chính
23 quyền Pháp ở Sài Gòn đã ký sắc luật thành lập Sở Bu
24 Chính Sài Gòn vào ngày 13 tháng 1 dl năm 1863.

25 Sau khi được tăng viện, ngày 7 tháng 2 dl năm 1863,
26 Bonard thông cáo lời kêu gọi kháng chiến quân ngưng
27 chiến. Ngày 11 tháng 2 dl năm quân Pháp treo giá ban
28 thưởng cho bất cứ ai giết được các đầu lãnh kháng chiến
29 quân.

30 Ngày 16 tháng 2 dl / 1863, Bonard đích thân xuống Gò
31 Công phối trí các lực lượng quân sự của Pháp để chuẩn bị
32 chiến dịch bình định truy kích quân kháng chiến.

33 Ngày 25 tháng 2 dl 1863, từ soái hạm Ondine, Bonard
34 ban lệnh cho quân Pháp ở Gò Công bắt đầu chiến dịch bình
35 định, tấn công vào làng Đông Sơn và các ổ kháng chiến ở
36 Vĩnh Lợi. Hai chiến hạm của phó đề đốc Jaurès án ngữ
37 các cửa sông. Đa số kháng chiến quân đều thoát khỏi được

1 cuộc bao vây của quân Pháp kể cả đầu lĩnh Trương Định.
2 Trong chiến dịch càn quét này của quân Pháp-Tây Ban
3 Nha, tiểu đoàn lính tập bản xứ đã được người Pháp đánh
4 giá là rất hăng sai, trung thành, gan dạ, thiện chiến để rồi
5 sau đó được phó đề đốc De la Grandière ban thưởng một lá
6 cờ có mang những dòng chữ Hán và chữ Pháp: **Xứ Nam**
7 **Kỳ thuộc Pháp, tiểu đoàn bản xứ số 1, Chí Hòa, Mỹ Tho,**
8 **Bà Rịa, Phước Lộc, Gò Công.**

9 Sau khi tái chiếm Gò Công, quân Pháp liền tiến hành
10 ngay những việc sau đây:

11 1/- xử phạt án tử hình các cấp chỉ huy kháng chiến bị
12 bắt, tịch thu tài sản của họ.

13 2/- truy thu toàn thể mức thuế ấn định trong năm 1862
14 cho tỉnh Gò Công.

15 3/- kiểm tra tất cả các loại vũ khí.

16 4/- Phá hủy các công sự chiến đấu của kháng chiến, bắt
17 dân chúng làm khâu đắp sửa cầu đường.

18 5/- Bắt các người Hoa ở Gò Công phải đóng góp chiến
19 phí.

20 **Quý Hợi, Tỵ Đức 16**, tháng 1 âm (1863), triều đình cử
21 tướng lãnh ra Bắc kỳ để bình định các vùng ven biển phía
22 Đông Bắc.

23 Tháng 2 âm, **Tỵ Đức 16** (1863), phó đề đốc Bonard đại
24 diện cho nước Pháp và đại tá Balanca đại diện cho nước Ý
25 Pha Nho ra thủ đô Huế để tiến hành nghi lễ trao đổi hiệp
26 ước Nhâm Tuất đã được hoàng đế nước Pháp và hoàng đế
27 nước Đại Nam ký phê chuẩn.

28 Tháng 2 âm, **Tỵ Đức 16** (1863), những quan đại thần sau
29 đây được Tỵ Đức chỉ định vào ủy ban tổ chức đón tiếp
30 đoàn sứ Pháp-Tây Ban Nha:

31 -Trần Tiên Thành, Binh bộ thượng thư;

32 -Đoàn Thọ, Phủ sự trung quân;

33 -Phan Thanh Giản;

34 -Lâm Duy Hiệp;

35 -Phạm Phú Thứ;

36 -Nguyễn Quang Quyền, quyền chương doanh Long võ;

37 -Đặng Hạnh, chương doanh Kỳ võ;

1 -Phạm Đức Ý, biện lý bộ Công;

2 -Lê Tuấn, biện lý bộ Hình.

3 Ngày **16 tháng 4 d.l năm 1863**, Tự Đức tiếp kiến các
4 sứ thần ở điện Thái Hoà. Các sứ thần trao ủy nhiệm thư và
5 quà tặng ngoại giao của hoàng đế Pháp và nữ hoàng Tây
6 Ban Nha và tiến hành nghi thức trao văn kiện hoà ước năm
7 Nhâm Tuất đã được hoàng đế và hoàng hậu của họ chuẩn
8 phê. Sau đó, triều đình lại đưa quốc thư với bản hoà ước đã
9 được chuẩn phê đến nhà sứ quán đúng như nghi thức để
10 trao cho các sứ thần Pháp-Tây Ban Nha tiếp nhận.

11 Năm Quý Hợi, **tháng 3 âl**, *Tự Đức thứ 16* (1863), Bình
12 bộ thượng thư lãnh tuần phủ Thuận Khánh **Lâm Duy Hiệp**
13 **mất**. Bộ Lại tâu lên. Tự Đức nói: <<*Duy Hiệp chưa hay lập*
14 *công chuộc tội, nhưng nghĩ đến người bầy tôi cũ, gia cấp*
15 *cho hạng lụa màu và tiền, còn xử theo tội gì sau sẽ bàn*
16 *định.*>>

17 Ngày 18 tháng 4 d.l năm 1863 đoàn sứ Pháp được đoàn
18 thuyền riêng của Tự Đức đưa đi trên sông Hương ra Vịnh
19 cảng Đà Nẵng để sáng ngày 19 tháng 4 d.l họ lên tàu chiến
20 Grenada và về tới Sài Gòn ngày 22 tháng 4 d.l năm 1863.

21 Bonard đã đích thân viết một bản phúc trình gửi đến bộ
22 trưởng bộ Hải Quân và Thuộc Địa của chính phủ Pháp về
23 việc trao đổi hoà ước ngày **9 tháng 5 âl năm Nhâm Tuất/**
24 niên hiệu *Tự Đức thứ 15* tức là ngày **5 tháng 6 d.l năm**
25 **1862**. Hoà ước này được hoàng đế Napoléon III chuẩn phê
26 ngày **1 tháng 7 d.l năm 1863** tại điện Fontainebleau/ Pháp
27 quốc.

28 Sau đây là toàn văn bản phúc trình của Bonard trên tập
29 san *Revue Maritime et Coloniale*, tập 9, **tháng 9 năm 1863**
30 do **Bộ Hải Quân và Thuộc Địa** phổ biến trong kỳ phát
31 hành thứ 33, từ trang 168 đến trang 174):

32 **ÉCHANGE DES RATIFICATIONS DU TRAITÉ CONCLU AVEC LE**
33 **ROYAUME D'ANNAM**

34 Le ministère de la marine et des colonies a reçu du vice-amiral
35 Bonard le rapport suivant:

1 Monsieur le ministre,

2 J'ai l'honneur de rendre compte à Votre Excellence des derniers
3 événements qui se sont passés en Cochinchine avant la remise du
4 service au contre-amiral la Grandière et mon départ pour la France.

5 Aussitôt l'insurrection réprimée dans toutes les provinces
6 françaises et l'ordre matériel établi, je me suis empressé de tout
7 remettre dans l'état normal.

8 J'ai immédiatement fait repartir pour la Chine, par la frégate *la*
9 *Sémiramis*, que monte l'amiral Jaures, les militaires d'infanterie légère
10 qui étaient venus du Nord, et cette frégate a pu, en passant à Tourane,
11 et sans retarder son voyage, me porter au but de ma mission
12 définitive, la ratification du traité, combinaison qui a présenté
13 l'avantage de faire voir au gouvernement annamite une force
14 respectable prête à agir.

15 Le commandant de la division des mers de Chine a pu ainsi partir
16 de Tourane le 5 avril et retourne immédiatement au centre de sa
17 station, où la présence de toute ses forces devenait nécessaire, après
18 avoir rendu un service signalé à notre nouvelle possession dans
19 l'extrême Orient.

20 Tout le corps expéditionnaire espagnol a quitté Saïgon pour se
21 rendre à Manille sur le transport l'*Européen*, qui, après ce voyage a
22 dû aller à Hong-Kong pour y subir les réparations dont il a besoin.

23 La paix règne partout. Les populations ont été condamnées à
24 raser les fortifications, à construire les routes et les ponts qui avaient
25 été détruits, à rétablir les télégraphes, enfin à payer des amendes
26 pour couvrir les frais d'installation des postes que cette levée de
27 boucliers nous a forcés à créer.

28 Toutes ces mesures sont en voie d'exécution; les lignes
29 télégraphiques rétablies fonctionnent. Afin d'éviter tout malentendu,
30 toutes espèces de lenteurs dans les difficiles relations avec les
31 Asiatiques, j'ai dû tout prévoir et tout formuler par écrit avec les deux
32 plénipotentiaires, Lam, gouverneur général, de **Binh Tuân**, et **Phan-**
33 **Tan-Gianh**, gouverneur général et vice-roi de Vinh-Long, que je fait
34 venir à cet effet à Saïgon.

35 Dès que tout a été réglé et bien entendu avec ces fonctionnaires,
36 je les ai expédiés à l'avance pour Hué le 1^{er} avril sur l'avis *le Forbin*,
37 afin de veiller à tout les préparatifs.

38 Je me suis moi même embarqué le 2 sur la frégate *la Sémiramis*,
39 accompagné du *Cosmao* et de la *Grenada*, ainsi que la corvette
40 espagnole *la Circé*, portant le plénipotentiaire de Sa Majesté
41 Catholique. Nous avons mouillé sur la rade de Tourane le 5; le jour
42 même l'amiral Jaurès s'est acheminé sur la Chine.

43 Tout avait été prévu par notre réception: les gradés mandarins,
44 envoyés de la capitale et échelonnés sur toute la route, avaient fait
45 préparer des habitations, des porteurs, des relais et des vivres pour
46 nous et notre escorte, composée pour les deux missions, de cent
47 hommes choisis parmi les différents corps.

1 Les logements, parfaitement installés et entièrement semblables
2 à toutes les étables, nous permettaient, une fois la expérience faite,
3 d'entrer immédiatement dans nos appartements respectifs à toutes
4 les stations suivantes.

5 Les hommes de l'escorte, choisis parmi des sujet d'élite des
6 diverses armes et munis chacun d'une petite somme d'argent, afin
7 d'éviter pendant le trajet tout malentendu, toute exaction, ont tenu une
8 conduite exempte de reproches, et les porteurs requis pour notre
9 convoi ont reçu une gratification à laquelle ils n'étaient pas
10 accoutumés, ce qui a fait que notre promenade pacifique à travers la
11 Cochinchine n'a produit qu'une excellence impression sur la
12 population.

13 Les escortes d'honneur, formées par les troupes régulières de
14 Hué, se sont conduites avec tous les égards de la considération que
15 l'on pouvait désirer; toujours elles ont fourni un poste d'honneur au
16 traité, porté en grande pompe sur une estrade écarlate pendant tout
17 le trajet et placé sur l'autel des pagodes dans lesquelles nous nous
18 arrêtions; de plus, toutes les fois que le nombre des porteurs étaient
19 insuffisant dans les passges difficiles, elles ont aidé à faciliter notre
20 voyage sur toute la route; des mandarins envoyés de la capitale de
21 l'Annam et les autorités locales veillaient à ce qu' il ne pût rien nous
22 manquer.

23 Nous sommes arrivés à Hué le 10, au milieu d'une nombreuse
24 escorte échelonnée sur tout notre passage et composée des
25 différents corps de troupes régulières avec leurs colonels et officiers
26 en tête, et nous avons été reçus par des ministères venant au-
27 devant de nous à une grande distance de la capitale por nous
28 accompagner aux logements qui avaient été disposés por nous sur
29 les glacis de la citadelle.

30 Pendant tout notre séjour, nous avons été l'objet des mêmes
31 égards, et nous avons pu immédiatement nous occuper de régler les
32 formalités relative à la signature et à la remise définitive du traité,
33 ainsi qu'à l'audience impériale.

34 De même qu'à notre départ de Saigon, tout a été établi par écrit
35 avec les les ministres et les plénipotentiaires Lam et Phan-Tan-Gianh.

36 Le 14, nous avons fait, en grande pompe, l'échange du traité
37 ratifié par S.M. Tu Duc, dans l'édifice où se publient les édits du roi.

38 Le choléra, qui sévissait fortement à Hué, nous a fait éprouver
39 une perte sensible: c'est celle de l'ambassadeur Lam, qui, le
40 lendemain de l'échange dans des ratifications, a été enlevé presque
41 subitement, par suite des fatigues qu'il avait éprouvées pour disposer
42 et terminer cette cérémonie.

43 Cette mort si regrettable n' a heureusement pas empêché les
44 affaires de se conclure, grâce à la présence de Phan-Tan-Gianh.

45 Le 16, après avoir arrêté par écrit le discours que je devais
46 adresser à S.M. l'empereur Tu-Duc, la réponse qu'il devait me faire,
47 ainsi que les places et les formes que nous devons remplir, nous
48

1 avons pu nous rendre à l'audience impériale de congé dans la
2 citadelle.

3 Le luxe oriental dans toute sa splendeur avait été déployé par la
4 cour d'Annam dans cette circonstance; plus de 20,000 hommes de
5 troupes de diverses étaient partout échelonnés sur notre passage; les
6 éléphants, même ceux du roi, caparaçonnés et montés par leurs
7 conducteurs, avaient un aspect monumental qui faisait diversion à la
8 monotonie des troupes bariolées de couleurs éclatantes, dont toutes
9 les avenues de la citadelle étaient couvertes.

10 Accompagné de notre escorte qui, selon l'usage, a dû s'arrêter
11 avec ses armes à l'entrée à la cour servant de sanctuaire à l'autorité
12 royale, nous nous sommes présentés devant S.M. l'empereur Tu-
13 Duc.

14 Nous avons été dispensés des salutations profondes qui ne sont
15 pas dans nos mœurs et nous avons conservé nos épées; nous
16 sommes en conséquence bornés, comme cela avait été convenu, à
17 une première incination à l'approche des marches du trône et à trois
18 autres en prenant congé de S.M. Tu-Duc.

19 Le roi d'Annam, dans un vaste hangar décoré de soieries et de
20 pavillons, entouré des princes des diverses dynasties qui ne sont pas
21 de cent cinquante ou deux cents, nous a reçus devant une table d'or.

22 Tous les dignitaires de la cour, les mandarins, les lettrés, les
23 gardes du roi, en habits de soie, étaient, comme nous, dans la cour.

24 Aussitôt rendu à la place qui m'avait été désignée, j'ai adressé
25 directement à Sa Majesté le discours convenu, dont je transmets une
26 copie à votre Excellence.

27 Ce discours répété au roi, en langue chinoise, par le capitaine
28 frégate Aubaret, puis par le plénipotentiaire Phan-Tan-Gianh, la
29 réponse qui est jointe à la présente communication nous a été
30 immédiatement rendue par un membre du conseil privé.

31 Immédiatement après cette cérémonie, nous sommes rentrés
32 avec la même pompe à notre logement, où nous avons reçu les
33 visites successives des divers ministres et des envoyés du roi.

34 S.M. Tu Duc m'a envoyé le jour même un autographe pour S.M.
35 l'Empereur avec l'apparat qui accompagne de pareilles missives
36 regardées comme sacrées, en me faisant dire qu'après la signature
37 officielle du traité il avait cru devoir me charger d'une lettre en vers
38 écrite en entier de sa main, pour que je puisse la présenter moi-
39 même à S.M. l'Empereur des Français.

40 Le 18, nous avons pu rejoindre par eau le steamer *le Granada*,
41 que j'avais fait mouiller devant Hué, afin d'éviter, si cela était possible,
42 à l'escorte fatigué, et dans un moment d'épidémie de choléra, la
43 course pénible du retour par terre de la capitale à Tourane.

44 Cette demande m'a été accordée sans difficulté; j'ai eu
45 conséquence appareillé pour Saigon le 19 au matin, n'ayant perdu
46 que deux militaires, l'un du corps espagnol et l'autre de l'infanterie de
47 la marine, pendant ce voyage fatigant et au milieu des circonstances
48 fâcheuses d'une épidémie qui faisait de nombreuses victimes à Hué
49 parmi la population.

1 En résumé, monsieur le ministre, le traité ratifié par l'Empereur et
2 ses envoyés ont été accueillis avec tous les honneurs et la
3 considération possibles dans la capitale du royaume d'Annam.

4 La petite course pacifique faite par notre détachement n'a produit
5 qu'un bon effet sur la population.

6 Le désir d'envoyer une ambassade à Paris, auprès de S.M.
7 l'Empereur s'est, à plusieurs reprises, officiellement manifesté, ainsi
8 que celui de nous confier, tant à Saïgon qu'en France, un certain
9 nombre de jeunes gens intelligents des premières familles pour les
10 initier à notre civilisation et l'instruction européenne.

11 J'apporte à Votre Excellence le traité sans modification ratifié par
12 S.M le roi Tu-Duc, une lettre autographe de ce souverain à S.M.
13 l'Empereur, enfin, un million en à-compte sur l'indemnité de guerre
14 convenue.

15 Le roi d'Annam, n'ayant pas eu le temps d'adresser à S.M.
16 l'Empereur des cadeaux dignes de lui être offerts, se propose de
17 réparer cett omission aussitôt qu'il lui sera permis d'envoyer une
18 ambassade auprès de S.M. l'Empereur Napolén.

19 La Cochinchine française est pacifiée, le traité signé, les forces
20 de Sa Majesté Catholique rentrée à Manille, enfin le corps
21 expéditionnaire de Chine revenu au centre de sa station.

22 J'ai remis la service au contre-amiral de la Grandière, et pars par
23 le Packet du 1^{er} mai.

24 Je suis, ectc.

25 *Signé: BONARD.*

*

26 **Discours du vice-amiral gouverneur et commandant en chef en**
27 **Cochinchine, plénipotentiaire de S.M l'Empereur,**
28 **au roi d'Annam.**

29 Je suis envoyé par S.M. l'Empereur des Français pour echanger
30 les ratifications du traité de paix approuvé par S.M. l'Empereur et
31 recouveert du sceau de ses armes, ainsi que pour transmettre à S.M.
32 le roi d'Annam les félicitations de S.M. l'Empereur.

33 S.M. l'Empereur des Français espère que la paix et l'amitié
34 dureront éternellement entre la France et le Royaume d'Annam.

35 Sa Majesté fait des vœux por la prospérité de ce royaume, ainsi
36 que pour la personne de son roi.

*

37 **Réponse faite au nom de S.M. le roi d'Annam aux ministres**
38 **plénipotentiaires de France et d'Espagne.**

39 Les ambassadeurs qui ont eu à supporter de grandes fatigues
40 pour venir jusqu' ici ont donné la preuve de leurs mérites. C'est

1 pourquoi S.M. l'empereur d'Annam les loue et les felicite à cause de
2 leur mission.

3 Lorsque les ambassadeurs seront de retour auprès de leurs
4 souverains, ils leur diront que la paix étant aujourd'hui conclue,
5 dorénavant toutes choses devront se traiter pacifiquement, et l'amitié
6 la plus sincère devra éternellement durer pour le bonheur de chacune
7 des trois nations.

8 Que les ambassadeurs gravent ces paroles dans leur mémoire:
9 c'est pour cela que Sa Majesté les a prononcées.

*

10 **Tạm dịch:**

11 **TRAO ĐỔI HIỆP ƯỚC PHÊ CHUẨN**
12 **VỚI VƯƠNG QUỐC AN NAM**

13 Bộ trưởng bộ hải ngoại và thuộc địa đã nhận được bản phúc trình
14 sau đây của đề đốc ủy nhiệm Bonard :

15 Kính thưa ngài bộ trưởng ,

16 Bản chức hân hạnh được báo cáo đến ngài bộ trưởng về những
17 tình hình đã xảy ra tại Nam Kỳ trước khi bàn giao công vụ qua cho
18 phó đề đốc la Grandière để bản chức khởi hành trở lại Pháp quốc.

19 Ngay sau cuộc nổi dậy đã được trấn áp trong khắp các tỉnh thuộc
20 quyền kiểm soát của người Pháp và trật tự được vãng hồi một cách
21 cụ thể, bản chức cảm thấy hân hoan vì mọi sự việc đều được đặt trở
22 lại trong tình trạng bình thường.

23 Ngay tức khắc, bản chức đã cho hộ tống hạm *la Sémiramis* của
24 đề đốc Jaurès chở các đoàn khinh binh trở sang Trung Quốc; các
25 đoàn khinh binh này nguyên trước đây được đưa vào từ phía bắc và
26 chiếc hộ tống hạm vừa kể đã có thể chạy ngang qua vịnh biển Đà
27 Nẵng mà không làm chậm trễ chuyến hành trình của nó để đưa bản
28 chức đến địa điểm thi hành một trách vụ có tính cách quyết định là
29 việc phê chuẩn hiệp ước, một sự phối trí rất thuận lợi để biểu dương
30 lực lượng với chính quyền An Nam, một lực lượng đáng kể sẵn sàng
31 hành động.

32 Và như vậy tư lệnh hải quân các vùng biển Trung Quốc có thể rời
33 vịnh cảng Đà Nẵng vào ngày 5 tháng 4 d.l và trở về ngay căn cứ của
34 ông, căn cứ của những lực lượng thiết yếu sau khi thực hiện một
35 công tác để chứng tỏ sự chiếm hữu mới mẻ của chúng ta trong vùng
36 viễn Đông.

37 Tất cả quân đoàn tác chiến Y Pha Nho đã rời Sài Gòn trở về Phi
38 Luật Tân trên chiếc chuyển vận hạm *l'Européen*, và chiến hạm này
39 sẽ sang Hong-Kong để sửa chữa và bảo trì.

40 Hoà bình đã chế ngự khắp nơi. Dân chúng bản xứ phải đi làm
41 xâu phá bỏ các công sự chiến đấu (của quân kháng chiến = chú thích
42 của người viết), xây đắp lại cầu đường bị hủy hoại, dựng lại cột dây
43 thép (điện thoại), tất cả để bù đắp lại các phí tổn xây dựng thiết đặt
44 các đồn bót mà chúng ta bắt buộc phải thực hiện vì sự nổi loạn.

1 Tất cả những phương thế này đều đang được thi hành; các
2 đường dây thép đã được phục hồi, hoạt động trở lại.

3 Để tránh sai lầm, những sự lễ mễ chậm trễ trong giao dịch với
4 người Á châu, bản chức đã phải dự kiến mọi thứ và được liệt kê ra
5 trên giấy tờ cùng với hai quan đại thần, tổng đốc Bình Thuận họ Lam
6 (Lâm Duy Hiệp/Thiếp) và khâm sai tổng đốc Vĩnh Long Phan-Tan-
7 Gianh (Phan Thanh Giản) do bản chức triệu mời họ tới Sài Gòn.

8 Sau khi mọi việc đã được giải quyết bằng giấy mực với hai quan
9 đại thần này, bản chức liền đưa họ đi trước về Huế vào ngày 1 tháng
10 4 d.l bằng tuần thám hạm *le Forbin* để họ lo các thủ tục chuẩn bị.

11 Riêng bản chức cũng xuống soái hạm *la Semiramis* vào ngày 2
12 tây, với 2 chiến hạm *Cosmao* và *la Grenada* cùng hộ tống hạm Y
13 Pha Nho *la Circé* chở sứ thần của nữ hoàng (Y Pha Nho) đi theo.
14 Đoàn tàu chiến của chúng tôi thả neo trên vịnh cảng Tourane (Đà
15 Nẵng) vào ngày 5 tây; cùng ngày này đề đốc Jaurès trực chỉ sang
16 Trung Hoa.

17 Mọi thứ đều được dự trù cho cuộc tiếp rước chúng tôi: các quan
18 đại thần từ thủ đô Huế đứng khắp các chặng đường để chào đón, để
19 sắp xếp nơi cư ngụ, phu khuân vác, trạm tiếp liên, thực phẩm cho
20 chúng tôi cùng với đoàn quân hộ tống gồm cả trăm người được tuyển
21 chọn từ các binh chủng khác nhau.

22 Các doanh trại của chúng tôi được sắp xếp thật chu đáo và đồng
23 nhất trên tất cả mọi chặng đường giúp cho chúng tôi trở thành quen
24 thuộc không bị bỏ ngỡ dò tìm nơi trú ngụ của mình.

25 Quân binh hộ tống của chúng ta được tuyển chọn từ những đơn
26 vị ưu tú của nhiều binh chủng khác nhau được cấp cho một số tiền để
27 hộ thân chi dùng khi gặp chuyện bất cập trong chuyến hành trình, họ
28 đã giữ được một lối cư xử không thể nào chê trách được và những
29 người đảm trách nhiệm vụ khuân vác đã được trả công đền bù bằng
30 tiền thưởng mà từ trước tới nay họ chưa từng thấy như thế bao giờ,
31 cho thấy diễn tiến hoà bình trong suốt hành trình của chúng tôi khắp
32 miền Nam Kỳ đã tạo được một sự thiện cảm tuyệt hảo đối với dân
33 chúng.

34 Đoàn vệ quân danh dự chủ lực của triều đình Huế đã được dàn
35 xếp, điều động đúng với các nghi thức mong muốn, trong suốt hành
36 trình họ luôn luôn tỏ nét cung kính trân trọng với bản hòa ước đặt trên
37 một cái bục sơn son (màu đỏ) và mỗi khi đoàn chúng tôi ngừng chân
38 ngồi nghỉ ở các trạm, bản hòa ước được đặt an vị trên trang thờ ở
39 trong chùa, miếu. Ngoài ra, họ cũng tiếp tay phụ giúp cho các phu
40 khuân vác khi gặp trở ngại khiến cho cuộc hành trình của chúng tôi
41 luôn luôn được suông sẻ; các quan triều và các quan chức địa
42 phương đã chăm lo chu đáo không để thiếu sót một chút gì.

43 Phái đoàn chúng tôi tới thủ đô Huế vào ngày 10, giữa một đoàn
44 người hộ tống đông đảo thuộc đủ mọi thành phần quân binh chủng
45 chủ lực trên suốt dọc lộ trình, đi đầu là các cai cơ và đội trưởng, và
46 đoàn chúng tôi được các quan thượng thư đứng đón rước từ ngoại
47 thành để hướng dẫn đưa chúng tôi đến trại trú ngụ được xây dựng
48 cạnh bờ hào hoàng thành.

1 Trong suốt chuỗi ngày lưu trú, đoàn chúng tôi đã được đối xử
2 tương kính ngang bằng và chúng tôi đã có thể tiến hành ngay việc
3 sắp xếp các thủ tục cần thiết cho việc ký kết trao đổi hòa ước một
4 cách chính thức cũng như các nghi thức yết kiến hoàng đế.

5 Trước khi phái đoàn khởi hành từ Sài Gòn, tất cả đều đã được
6 thiết định bằng văn bản cùng chung với hai vị khâm sai toàn quyền
7 Lam và Phan-Tan-Gianh.

8 Ngày 14, tại Phu Vân Lâu, chúng tôi đã cử hành trọng thể nghi
9 thức trao gởi hòa ước đã được hoàng thượng Tu-Duc phê chuẩn.

10 Dịch bệnh tiêu chảy đang hoành hành ở Huế đã tạo ra một sự
11 mất mát nặng nề đối với chúng ta: đó là cái chết gần như là đột ngột
12 của quan đại sứ Lam trước sáng ngày trao đổi hòa ước chuẩn phê vì
13 ông đã kiệt lực trong thi hành nhiệm vụ sắp xếp bố trí từ đầu chí cuối
14 cuộc lễ này.

15 May thay, cái chết rất đáng tiếc này không làm ngăn trở cho các
16 công việc kết thúc vì nhờ có sự hiện diện của Phan-Tan-Gianh.

17 Ngày 16, sau khi hoàng đế Tu Dục ra chỉ dụ ngưng thi hành bài
18 diễn văn của bản chức theo hình thức một sự hồi đáp cho bản chức
19 về các địa điểm và các dạng nghi thức cần phải theo, phái đoàn
20 chúng tôi đã có thể vào diện kiến với hoàng đế trong nội thành.

21 Tất cả những nét huy hoàng xa hoa đông phương đều được triều
22 đình nước An Nam phô diễn trong dịp này: hơn 20,000 quân lính
23 thuộc nhiều binh chủng khác nhau xếp hàng suốt dọc lộ trình của
24 chúng tôi; những con voi trận cùng với voi riêng của hoàng cung
25 được trang sức bằng các tấm phủ và có nài cỡi điều khiển tạo thành
26 một nét đồ sộ uy vệ lẫn lộn mắt các sắc màu binh phục đơn điệu sặc
27 sỡ chóa mắt bao trùm khắp nơi trong hoàng thành.

28 Đoàn quân hộ vệ riêng có mang khi giới của phái đoàn chúng tôi
29 theo lệ thường ở nơi đây phải dừng lại ở trước cổng vào chính điện
30 của vương triều, chúng tôi trình diện trước hoàng đế Tu-Duc.

31 Theo tục lệ của chúng ta, phái đoàn được miễn bái lạy (đại bái)
32 và vẫn được phép mang gươm theo mình; và như đã được thỏa
33 thuận, chúng tôi chỉ phải nghiêng mình cung bái 1 lần khi tiến đến gần
34 ngai vua và 3 lần cung bái để chào đưa khi hoàng đế hồi cung.

35 Vua An Nam, xuất diện trong một ngự cung rộng lớn trang hoàng
36 cờ xí lưa là, bao quanh bởi các vương tôn công tử trong vương tộc có
37 ít nhất từ 50 đến 200 người, chúng tôi được tiếp rước tới một chiếc
38 bàn thếp vàng.

39 Tất cả các quan chức của triều đình, các vị đại quan, các nho
40 thần, cận vệ của nhà vua mặc sắc phục bằng gấm tơ đều hiện diện
41 nơi đây cùng với chúng tôi.

42 Sau khi được hướng dẫn vào vị trí, bản chức hướng thẳng về
43 phía nhà vua để đọc bài diễn văn đã được thỏa thuận giữa hai bên và
44 bản chức đính kèm bài diễn văn này gởi đến ngài bộ trưởng.

45 Bài diễn văn được lặp lại bằng tiếng Hán (Trung Hoa) qua sự
46 thông dịch của hạm trưởng hộ tống hạm đại úy Aubaret và kế tiếp là
47 khâm sai đại thần Phan-Tan-Gianh đọc bài đáp từ mà một thành viên
48 trong ban tư vấn của chúng ta đã trao cho chúng ta ngay sau đó để
49 gởi kèm theo với phúc trình này.

1 Ngay sau buổi lễ, cuộc đưa tiễn chúng tôi về nơi trú sứ cũng linh
2 đình như lúc đón tiếp với sự hiện diện của các quan thượng thư và
3 các quan khâm sai của nhà vua.

4 Đức vua cũng có trao gởi đến hoàng đế (Napoléon III) một văn
5 bản viết tay rất trang trọng và tôn kính cùng đưa lời nhắn gởi nói với
6 bản chức rằng sau khi chính thức chuẩn phê hoà ước, đức vua nghĩ
7 cần phải có những lời hoàn toàn do chính tay đức vua viết ra để bản
8 chức đích thân chuyển trình lên hoàng đế nước Pháp.

9 Ngày 18, chúng tôi trở lên tàu hơi nước *la Grenada* đậu trên sông
10 Hương phía trước hoàng thành Huế để có thể phòng ngừa cho đoàn
11 binh hộ tống một không bị bệnh dịch tả lây nhiễm và khỏi phải di
12 hành bằng đường bộ từ thủ đô về vịnh cảng Đà Nẵng.

13 Vì sự yêu cầu như vừa kể trên được chấp thuận nhờ vậy bản
14 chức có thể khởi hành trở về Sài Gòn vào buổi sáng ngày 19, với hai
15 binh sĩ bị thiệt mạng, một thuộc đội binh Tây Ban Nha và một thuộc
16 đội binh thủy bộ vì quá sức mệt mỏi và bị lây nhiễm bệnh dịch tả đang
17 lan tràn khắp nơi, giết hại rất nhiều nạn nhân trong dân chúng ở Huế.

18 Tóm lại, kính thưa ngài bộ trưởng, bản hoà ước do hoàng đế
19 chuẩn phê và phái đoàn của hoàng đế đã được tiếp nhận, đối xử một
20 cách trọng thể chu đáo tại thủ đô vương quốc An Nam.

21 Cuộc hành trình ngắn ngủi của phái đoàn chúng ta đã tạo ra một
22 hiệu quả tốt đối với dân chúng.

23 Ước muốn có một sứ đoàn sang Paris bệ kiến hoàng đế đã nhiều
24 lần được biểu lộ một cách chính thức cũng như ước muốn gởi một số
25 người trẻ thuộc gia đình quyền quý có học vào Sài Gòn cũng như
26 sang nước Pháp để học văn minh và xây dựng của người Âu châu.

27 Bản chức xin gởi tới ngài bộ trưởng nguyên văn bản hiệp ước đã
28 được đức vua Tu-Duc chuẩn phê, một lá thơ tự viết của đức vua gởi
29 đến hoàng đế và một triệu đồng tiền bồi phí chiến tranh như đã thỏa
30 thuận.

31 Bởi vì không có đủ thời gian chuẩn bị lễ vật xứng đáng để gởi
32 tặng hoàng đế cho nên đức vua An Nam đề nghị rằng đức vua sẽ bù
33 đắp lại sự thiếu sót này khi đoàn sứ của đức vua được chấp nhận
34 sang bệ kiến đức hoàng đế Napoléon.

35 Lãnh thổ Nam Kỳ của người Pháo đã được bình định, hòa ước
36 đã ký kết, đoàn quân của nữ hoàng theo gia tô giáo (nữ hoàng Tây
37 Ban Nha) đã quay về căn cứ ở Manille (Phi Luật Tân) và đoàn quân
38 viễn chinh Pháp từ Trung quốc đã quay về căn cứ trung ương của họ.

39 Bản chức đã bàn giao nhiệm vụ lại cho phó đề đốc la Grandière
40 và rời nhiệm sở vào ngày 1 tháng 5 d.l.

41 Bản chức, etc.

42 *Ký tên: BONARD*

*

43 **Diễn văn của đề đốc nhiệm chức thống đốc kiêm tổng tư lệnh**
44 **quân lực ở Nam Kỳ,**
45 **đại nhiệm hoàng đế (Pháp) phát biểu trước vua An Nam.**

1 Hạ thần được hoàng đế nước Pháp sai đến đây để thi hành việc
2 trao đổi bản hiệp ước hòa bình đã được hoàng đế phê chuẩn có
3 đóng ấn triệu quân quyền, đồng thời chuyển đến đức vua nước An
4 Nam những lời chúc mừng của hoàng đế.

5 Hoàng đế nước Pháp mong ước rằng hòa bình và tình hữu nghị
6 sẽ lâu bền mãi mãi giữa nước Pháp và vương quốc An Nam.

7 Hoàng đế cầu chúc thịnh vượng cho vương quốc và đức vua.

*

8 **Thay mặt vua An Nam để đáp từ diễn văn** 9 **của các sứ thần Pháp và Tây Ban Nha.**

10 Các vị sứ thần đã tỏ ra thật xứng đáng khi đã chịu bao nhiêu gian
11 lao đến đây. Bởi lẽ ấy, hoàng thượng nước An Nam ban lời ngợi
12 khen sứ mạng của họ.

13 Sau khi trở về vương quốc của mình, các sứ thần hãy chuyển lời
14 rằng hoà bình ngày nay đã được thể hiện dứt khoát, từ đây trở về
15 sau tất cả mọi việc đều phải được đối xử một cách hòa bình và tình
16 hữu nghị bền vững, trung thực cần phải được củng cố vì phúc lợi của
17 cả ba nước.

18 Các vị sứ thần cần ghi khắc những lời này trong tâm trí: bởi lẽ đó
19 mà đức vua mới truyền ban chỉ dụ này.

20 Qua bản phúc trình của Bonard có thể rút ra những
21 nhận xét như sau:

22 **❖ 1-/ Bonard là một tướng lãnh gan dạ, và mưu** 23 **lược:**

24
25
26 - Ông ta đích thân mình mạo hiểm đi vào tận lòng địch
27 để trao và nhận bản hiệp ước phê chuẩn.

28
29 - Ông ta biết lợi dụng việc rút lui của đoàn thuyền chiến
30 Pháp trên đường trở về căn cứ ở vùng biển Trung Quốc để
31 phô trương thanh thế "*combinaison qui a présenté*
32 *l'avantage de faire voir au gouvernement annamite une*
33 *force respectable prête à agir.*"(một sự phối trí rất thuận
34 lợi để biểu dương lực lượng với chính quyền An Nam, một
35 lực lượng đáng kể sẵn sàng hành động.): chiến hạm
36 *Sémiramis* với đoàn khinh binh của đề đốc Jaurès thả neo
37 trên vịnh biển Đà Nẵng vào ngày 5 tháng 4 d.l năm 1862.
38 Ngoài ra còn có chiến hạm *Européen* trên đường chuyên
39 chở đoàn quân tăng viện của Y Pha Nho trở về căn cứ Phi
40 Luật Tân và hành trình của chiến hạm này nhất định là có

1 ghé ngang vụng Đà Nẵng để yểm trợ thanh thế cho hộ tổng
2 hạm *la Circé* chuyên chở sứ thần đại diện nữ hoàng Y Pha
3 Nho trong công tác trao đổi hiệp ước phê chuẩn cùng một
4 lúc với Bonard. Hai chiến hạm *Cosmao* và *la Grenada*
5 cũng có mặt, tất cả tạo thành một bối cảnh chuẩn bị chiến
6 tranh, sẵn sàng đổ bộ lên bờ khi cần.

7 -Lực lượng quân binh hộ tổng cho 2 phái đoàn Pháp-Y
8 Pha Nho từ Đà Nẵng tới hoàng thành Huế chỉ có 80 người
9 (40 người cho mỗi phái đoàn) được tuyển lựa từ các hàng
10 quân binh chủng ưu tú thiện chiến của liên quân xâm lược
11 Pháp-Y Pha Nho ở Nam Kỳ. Đi sâu vào lòng đất đầy bất
12 trắc hiểm nguy của địch mà chỉ mang theo có bấy nhiêu
13 quân binh, phải chăng Bonard bất cẩn hay chỉ vì quá xem
14 thường đánh giá quá thấp quân binh của triều đình nhà
15 Nguyễn ở Huế? Dù rằng Bonard là một kẻ cao ngạo nhưng
16 ông ta không phải là một kẻ bất cẩn đến mức không nhìn
17 thấy trước được những nguy cơ khi đem thân vào chốn
18 quân binh muôn trùng của địch quân bởi thế cho nên mới
19 có cả một hạm đội hùng hậu chuyên chở một đoàn quân
20 thiện chiến Pháp-Pha Nho biểu dương lực lượng nơi vụng
21 cảng Đà Nẵng. Nếu Bonard tin tưởng tuyệt đối vào thiện
22 chí hòa bình của vua quan, binh triều nhà Nguyễn thì tại
23 sao lại cần phải có màn hù dọa phô trương thanh thế, sức
24 mạnh quân sự như thế. Con số 80 quân binh thiện chiến
25 quyết tử hộ tổng Bonard cùng 2 phái đoàn Pháp-Y Pha
26 Nho đi sâu vào lòng đất địch để vào hoàng cung với khí
27 giới đầy đủ và tối tân là một con số đáng kể đối với một
28 quân đội "chưa đánh đã chạy" của triều đình Tự Đức.

29 Số 80 quân binh hộ tổng này cộng thêm những người
30 tháp tùng theo 2 phái đoàn kể cả những thông dịch viên
31 người Pháp (không có thông dịch viên người bản xứ nước
32 Đại Nam đi theo phái đoàn Pháp-Y Pha Nho) có thể là kết
33 quả từ sự thỏa thuận giữa đôi bên sau khi Phan Thanh Giản
34 và Lâm Duy Hiệp trở vào Sài Gòn bàn bạc với Bonard về
35 việc tổ chức các nghi thức trao đổi hiệp ước phê chuẩn.

36 Thử đặt trường hợp đội quân của Bonard đã vào được
37 hoàng thành và tìm cách đến gần và uy hiếp bắt giữ được

1 vua Tự Đức và buộc quan binh triều đình phải rút ra khỏi
2 hoàng thành rồi cố thủ chờ viện binh Pháp-Y Pha Nho từ
3 Đà Nẵng đến tăng viện thì tình thế sẽ ra sao?

4 -Chuyện này không phải là không thể xảy ra bởi vì
5 trước đây liên quân xâm lược Pháp-Y Pha Nho sau khi
6 đánh chiếm thành Sài Gòn vào ngày 19 tháng 2 d.l năm
7 1859, đề đốc Rigault de Genouilly đã dẫn gần hết đoàn
8 quân của mình trở ra vụng cảng Đà Nẵng mà chỉ cần để lại
9 một đội quân nhỏ *un petit corps de troupe* do thuyền
10 trưởng Jauréguiberry ở lại chỉ huy để cố thủ đồn Nam sau
11 khi thành Sài-Gòn bị phá hủy bởi lệnh của R.de Genouilly.
12 (A.Schreiner; sách đã dẫn; trang 145, 146) vậy mà cả một
13 tập thể quân đội của triều đình Huế ở Nam Kỳ cũng không
14 đủ khả năng đánh chiếm lại thành Gia Định đổ nát hoặc
15 bao vây đánh hạ được đồn Nam do Jauréguiberry trú đóng!

16 -Một nhà quân sự có tầm cỡ như Bonard chắc là phải có
17 dự định một phương cách "bắt cóc" mạo hiểm như vừa giả
18 định ở trên và nếu tiếp tục đọc lại sử sau thời Bonard thì
19 người ta sẽ thấy rằng phó thuyền trưởng pháo thuyền máy
20 hơi nước *Gia Định* Doudard de Lagrée chỉ cần có 28 lính
21 thủy để chiếm hoàng cung của vua Cao Miên Norodom
22 vào ngày 3 tháng 3 d.l năm 1864 và treo cờ Pháp khắp nơi
23 dinh thự, cơ quan, đơn vị hành chánh công cộng trên đất
24 Cao Miên để rồi hai ngày 6 và 7 cùng tháng đó mới được
25 tăng viện thêm 3 pháo thuyền và 100 binh sĩ. (A. Schreiner;
26 sách đã dẫn, trang 256 và trang 258).(Cũng xem: Nguyễn
27 Công Tánh, *Việt sử Tân Khảo Chú Giải & Khảo Luận VI*;
28 trang 1719, 1720).

29 -Sách "*LA CONQUÊTE DU TONKIN par VINGT*
30 *SEPT FRANÇAIS commandés par JEAN DUPUIS* (**tạm**
31 **dịch: Cuộc chinh phục Bắc Kỳ bởi 27 người Pháp dưới sự**
32 **chỉ huy của Jean DUPUIS**) do tác giả Jules GROS trích
33 đăng từ quyển nhật ký của J. Dupuis; nhà phát hành
34 Maurice Dreyfous-Paris; 1880) cho thấy cả một đoàn quân
35 triều đình ở Bắc Thành mà cũng không thể nào ngăn chặn
36 được một nhóm nhỏ 27 người Pháp mạo hiểm, vong mạng,
37 khinh thường và vi phạm luật pháp của nước Đại Nam mặc

1 tình làm mưa làm gió nghênh ngang khắp nơi trên đất Bắc
2 Kỳ. Trang 25, 26, 27 trong sách kể trên có liệt kê đầy đủ
3 tên tuổi nghề nghiệp của 17 người Pháp giữ vai chủ động
4 và 10 thủy thủ người Pháp tham dự cuộc chinh phục này:

5 1- **E.Millot**, thương nhân ở Thượng Hải (Trung Quốc),
6 đã từng nhiều năm giữ chức chủ tịch hội đồng thành phố
7 nơi khu nhượng địa thuộc Pháp ở Thượng Hải. *Phó trưởng*
8 *đoàn thám hiểm của J.Dupuis ở Bắc Kỳ.*

9 2- **Ducos de la Haille**, kỹ sư công chánh ở Pondichéry
10 (Ấn Độ), thành viên trong hội đồng thành phố khu nhượng
11 địa thuộc Pháp ở Thượng Hải. *Chuyên viên khám phá hầm*
12 *mỏ trong đoàn thám hiểm J.Dupuis.*

13 3- **Dercour**, *phụ tá Ducos de la Haille* trong đoàn thám
14 *hiểm J.Dupuis*

15 4- **G.Viavianos**, nguyên là thuyền trưởng hàng hải ven
16 bờ, thuyền trưởng tàu máy hơi nước *Hong-Kong*, sĩ quan
17 quân cảnh quân đoàn Pháp-Trung ở Tche-Kiang. *Thiếu tá*
18 *thuyền trưởng tàu máy hơi nước Hong-Kiang* trong đoàn
19 *thám hiểm J. Dupuis.*

20 5- **Brocas**, nguyên là thuyền trưởng hàng hải ven bờ.
21 *Thiếu tá thuyền trưởng tàu hơi nước Le Pontay* trong đoàn
22 *thám hiểm J.Dupuis. (ghi chú riêng: có thể là tàu hơi nước*
23 *Son Tay* thay vì *Pontay*)

24 6- **D.Argence**, nguyên là sĩ quan hàng hải thương
25 thuyền, *thiếu tá thuyền trưởng tàu hơi nước Lao-Kai* trong
26 *đoàn thám hiểm J.Dupuis.*

27 7- **Boucagnani**, *Thiếu tá thuyền trưởng tàu Mang Hào*
28 *trong đoàn thám hiểm J.Dupuis.*

29 8- **Berthault**, sĩ quan hàng hải ven bờ, *Phó thuyền*
30 *trưởng tàu Lao Kai* trong đoàn thám hiểm J.Dupuis.

31 9- **Gauchon**, sĩ quan hàng hải ven bờ, *Phó thuyền*
32 *trưởng tàu Hong Kiang* trong đoàn thám hiểm J.Dupuis.

33 10- **Légier**, cựu sĩ quan pháo thủ, *Phó thuyền trưởng*
34 *tàu Son Tây* trong đoàn thám hiểm Jean Dupuis.

35 11- **Francelli**, chuyên viên đại pháo, *Phó thuyền trưởng*
36 *Mang Hào*, trong đoàn thám hiểm Jean Dupuis.

1 12- **Dillère**, thợ máy tàu *Lao Kai* trong đoàn thám hiểm
2 Jean Dupuis.

3 13- **Gervais**, nguyên là thợ máy tàu chiến Y Pha Nho,
4 *thợ máy tàu Hong Kiang* trong đoàn thám hiểm Jean
5 Dupuis.

6 14- **Davis**, thợ máy tàu *Mang Hào* trong đoàn thám
7 hiểm Jean Dupuis.

8 15- **Bégault**, nguyên là một đội trưởng đội pháo binh
9 hải quân, *được đưa sang để chỉ huy đội pháo binh của tổng*
10 *đốc tỉnh Vân Nam/ Trung Quốc* nay tham gia đoàn thám
11 hiểm Jean Dupuis.

12 16- **Fargeau**, nguyên là quản đốc xưởng đúc *được đưa*
13 *sang đảm nhiệm một xưởng đúc cho tỉnh Vân Nam/Trung*
14 *Quốc*, nay tham gia đoàn thám hiểm Jean Dupuis.

15 - **10 thủy thủ người Âu châu.**

16 Và:

17 17- **Jean Dupuis**, *trưởng đoàn thám hiểm Bắc Kỳ.*

18 Tổng cộng là **27 người Âu châu** trong đoàn thám hiểm
19 Jean Dupuis.

20 -Ngoài ra còn có thêm một quan triều người Hoa mà
21 trong nhật ký của mình J. Dupuis gọi là *mon secrétaire Ly-*
22 *ta-lào-yé, mandarin lettré chinois (tạm dịch: thư ký riêng*
23 *của tôi là Lý Ngọc Trì, một quan triều Trung Quốc)*
24 (J.Gros, sách đã dẫn, trang 31).

*

25 Có những điểm cần lưu ý như sau:

26 -Tác giả Jules Gros dùng chữ *Expédition: cuộc thám*
27 *hiểm* để chỉ đoàn tàu và nhóm người đi theo J.Dupuis và
28 E.Millot là loạn ngôn và thậm xưng nhằm mục đích tôn
29 vinh hành vi của những kẻ mạo hiểm, háms lợi buôn lậu
30 súng ống đạn dược, xem thường luật pháp của nước khác.
31 Trong quyển nhật ký của mình, J.Dupuis đã che lấp không
32 nói ra đoàn ghe thuyền của ông ta đã chở theo những gì
33 sang cảng Hải Phòng.

34 Vậy thì dựa vào đâu để biết rằng đoàn ghe thuyền
35 thương hồ này chuyên chở vũ khí đạn dược?

36 Trước hết, **Paulin Vial** - một thành viên quân sự của
37 đoàn quân xâm lược Pháp ở Nam Kỳ/Giám đốc Sở Nội Vụ

1 ở Sài Gòn- đã ghi lại những biến cố xảy ra từ năm 1873
2 đến tháng 4 d.l năm 1887 có liên hệ đến việc người Pháp
3 xâm chiếm Bắc kỳ trong một quyển sách có tựa đề là *Nos*
4 *premières Années au Tonkin* do nhà xuất bản Voiron phát
5 hành năm 1889. Nơi trang 45 của sách này có một đoạn ghi
6 chép về việc lái buôn J.Dupuis như sau:

7 <<M.Dupuis poursuivit son entreprise. Il acheta trois petites
8 navires à vapeur à Hong-Kong et à Shanghai et les arma pour se rendre
9 au Tonkin.>> (**Tạm dịch:** Ông Dupuis tiếp tục công việc của ông.
10 Ông ta mua ba chiếc tàu nhỏ chạy bằng hơi nước từ Hong-Kong và từ
11 Thượng Hải rồi trang bị vũ khí cho hai tàu này để đi xuống Bắc Kỳ).

12 *Trang bị vũ khí, đây là một trong những kiểu viết*
13 **luồn lách, che đậy có thể tìm thấy khắp cùng nơi các**
14 **nhà chép sử ngày trước, Tây cũng như ta, khi họ đang**
15 **là những quan viên của chính quyền hay của các triều**
16 **đình chuyên chính phong kiến** và ngay cả trong thời buổi
17 văn minh tiến bộ ngày nay tình trạng viết lách cong vẹo,
18 che đậy, viết không trung thực theo chỉ đạo của quyền lực
19 chính trị vẫn còn tiếp tục xảy ra trong các quyển sách lịch
20 sử tại khá nhiều nơi ở thế giới nhất là ở khu vực Á Châu,
21 vùng Đông Nam Á. Rõ ràng là có tình trạng phủ bênh phủ,
22 huyện bênh huyện trong lối viết của Paul Vial.

23 - Tựa đề cao ngạo trên quyển sách của tác giả người
24 Pháp Jules Gros khiến cho hậu thế hiểu lầm rằng đoàn ghe
25 thuyền của Jean Dupuis chỉ có 27 người vừa kể. Trên thực
26 tế, trong đoàn này còn có Lý Ngọc Trì là kẻ đại diện của
27 triều đình Trung Hoa lúc đó cấu kết với đoàn người buôn
28 lậu này.

29 -Theo nhật ký của J.Dupuis thì khởi đầu đoàn buôn lậu
30 này từ Hong Kong đến vịnh Bắc bộ với 2 pháo thuyền chạy
31 bằng máy hơi nước Hong Kiang, Lao Kài , 1 xuồng lớn/ và
32 lúp Sơn Tây chạy bằng máy hơi nước, và kéo theo 1 ghe
33 mành:

34 <<26 octobre 1872.- Nous quittons aujourd'hui, à six heures du
35 matin, notre mouillage devant Hong Kong, en route pour le golfe du
36 Tong-Kin, où nous devons trouver le *Bourayne*. L'expédition se
37 compose de deux canonnières, à vapeur, le *Hong Kiang* et le *Lao Kài*,
38 d'une chaloupe à vapeur le *Son Tây* et d'une grande jonque à la

1 remorque . . .(J.Gros; *La Conquête du Ton-Kin par Vinght sept*
2 *Français/ Cuộc Chinh Phục Bắc Kỳ bởi 27 người Pháp*, trang 30).

3 **Tạm dịch:** <<26 tháng 10 d.l năm 1872.- Hôm nay vào lúc 6 giờ
4 sáng, đoàn tàu, thuyền của chúng tôi từ bến cảng Hong Kong nhổ neo
5 đi sang vịnh Bắc bộ để tới điểm hẹn với hộ tống hạm *le Bourayne* (ghi
6 chú thêm: hộ tống hạm Le Bourayne được chính quyền xâm lược
7 Pháp từ Sài Gòn phái ra vịnh cảng Hải Phòng để can thiệp với chức
8 quyền Đại Nam ở Hà Nội và yểm trợ cho đoàn thám hiểm J.Dupuis
9 được tự do lưu thông trên sông Hồng. Tàu này do thiếu tá hải quân
10 Senez chỉ huy. Senez đã dùng tàu Sơn Tây của J.Dupuis để đi gọi
11 viên quan kinh lược triều đình Lê Tuấn đến bàn bạc.) Đoàn thám
12 hiểm gồm có 2 pháo thuyền chạy máy hơi nước *Hong Kiang* và *Lao*
13 *Kai*, 1 xuồng sà-lúp lớn chạy bằng máy hơi nước *Son Tây* kéo theo
14 một ghe mảnh.>>

15 - Đại tá pháo binh H.Fabre de Navacelle, tác giả tập
16 giản yếu *Précis des Guerres De La France de 1848 à 1885*
17 (do nhà phát hành sách E.Plon, Nourrit et Cie, Paris; xuất
18 bản tại Paris năm 1890) nơi trang 350, 351, 352 và 353 có
19 viết về việc J.Dupuis mua bán quân nhu và vũ khí như sau:

20 << La rébellion des musulmans de l'ouest, surtout dans le
21 Yunnan avait la nécessité l'achat par le gouvernement chinois
22 d'approvisionnements de guerre considérables. M Dupuis en avait
23 fourni beaucoup, surtout au Ti-tai-Ma-hien, le vainqueur des rebelles
24 du Yunnan. C'est par le fleuve Bleu ou Yang-tse-kiang, où il avait
25 rencontré Francis Garnier en 1868 et recueilli ses instructions, que
26 Dupuis avait fait parvenir des armes et des munitions à Yunnan. Quoi
27 que les rebelles eussent été vaincus et, en grande partie, refoulés
28 vers la frontière du Laos et du Tonkin supérieur, qu'ils occupaient et
29 rançonnaient sous le nom de Pavillons noirs et Pavillons jaunes, de
30 grands marchés de fournitures étaient encore en voie d'exécution
31 entre Ma et M.Dupuis. . . .

32 M. Dupuis prépara à Hong-Kong une grande expédition.

33 Une jonque portant trente canons, et de six à sept mille
34 chassepots avec les munitions nécessaires, convoyés par deux
35 canonnières d'origine anglaise et ayant bord vinght-trois Européens,
36 une centaine de Chinois, était dirigée par M.Dupuis et trois
37 lieutenants intrépides comme lui. Recommandé par le commandant
38 senez au commissaire royal Le Tuan, il trouva pourtant sur sa route
39 des obstacles de toutes sorte et, laissant son convoi à Hanoi,
40 remonta jusqu' au Yunnan avec trois européens et une quarantaine
41 de Chinois.>>

42 **Tạm dịch:** << . . .Vi có cuộc nổi loạn của những bộ tộc Hồi giáo ở
43 phía Tây (Trung Quốc), nhất là trong vùng tỉnh Vân Nam, cho nên
44 chính quyền Trung Quốc cần phải mua thật nhiều các loại chiến cụ.
45 Ông Dupuis đã từng cung ứng rất nhiều cho nhu cầu này, nhất là

1 cung cấp cho thống chế Mã Hiên, kẻ chiến thắng dẹp loạn ở Vân
2 Nam. (có sách dịch là thống chế Mã Văn Long, một tướng giặc gốc
3 người Hồi giáo về đầu hàng chính quyền triều đình Bắc Kinh rồi
4 được Bắc Kinh giao nhiệm vụ đàn áp những cuộc nổi dậy của các bộ
5 tộc theo đạo Hồi). Chính con sông gọi là Thanh-Giang hay Dương
6 Tử Giang là nơi mà Ông ta (J.Dupuis) đã gặp và nhận những chỉ thị
7 của Francis Garnier vào năm 1868 cũng như đã từng dùng con sông
8 này để chuyên chở súng đạn vào tỉnh Vân Nam (Trung Hoa). Mặc dù
9 nhóm phiến loạn (Hồi giáo) phần lớn bị đánh tan rã, họ lại rút lui về
10 phía vùng biên giới nước Lào và các vùng thượng du ở Bắc Kỳ và trở
11 thành các nhóm thổ phỉ mang danh hiệu Cờ Đen (do đầu lĩnh người
12 Trung Hoa tên là Lưu Vĩnh Phúc cầm đầu) và Cờ Vàng, (do đầu lĩnh
13 người Trung Quốc tên là Hoàng Sùng Anh cầm đầu) và những
14 chuyến hàng cung cấp cho các thị trường quy mô (ý muốn nói buôn
15 bán hàng lậu, súng lậu cho các nhóm thổ phỉ) vẫn tiếp diễn qua
16 đường dây họ Mã và Dupuis.

17 Ông Dupuis chuẩn bị một chuyến hành trình lớn từ Hong-Kong.

18 Một chiếc ghe mảnh chở 30 khẩu đại pháo, 6,000 - 7,000 súng
19 trường và đạn dược cần thiết được hộ tống bởi hai pháo thuyền kiểu
20 Anh quốc cùng với 23 người Âu Châu và hàng trăm người Trung
21 Hoa dưới sự chỉ huy và điều động của ông Dupuis và 3 viên quan
22 trung úy cũng gan lì như ông ta. Mặc dù được hải quân trung tá
23 Senez can thiệp với quan kinh lược Lê Tuấn, ông ta vẫn gặp rất
24 nhiều trở ngại khó khăn và phải để đoàn tàu thuyền của ông ta ở lại
25 (Hà Nội) và đi lên Vân Nam (theo sông Hồng) với 3 người Âu Châu
26 và 40 người Trung Hoa.

27 *Ghi Chú thêm: Theo *Nhật ký* ngày 18 tháng 1 dl năm 1873 của
28 J. Dupuis thì vào lúc 7 giờ sáng ngày này Dupuis khởi hành đi Vân
29 Nam với một tàu sà lúp hơi nước kéo theo 3 chiếc thuyền mảnh "*có*
30 *trang bị súng ống*" với 9 người Châu và 30 người Trung Hoa. Số tàu
31 thuyền và nhân sự còn lại phải neo chờ ở Hà Nội dưới quyền chỉ huy
32 của viên phụ tá Millot. (J.Dupuis, sách *La Conquête du Tonkin par*
33 *vingt-sept Français* đã dẫn, trang 57)

34 - Đoàn người của J. Dupuis khi từ vùng đất Mang Hào
35 ở Vân Nam xuôi theo sông Hồng quay trở về Hà Nội có
36 thêm 30 lính và 100 thủy thủ khuân vác. (Tàu Mang Hào
37 có thể xuất phát từ một vùng lãnh thổ có tên là Mang Hào
38 ở Vân Nam cho nên người Pháp gọi là tàu Mang Hào).

39 - Sau này, Francis Garnier và lái buôn Jean Dupuis chỉ
40 có dưới tay khoảng 90 binh sĩ xung kích và trong vòng 7
41 giờ đồng hồ mà đã có thể hạ thành Hà Nội vào ngày 20
42 tháng 11 d.l năm 1873 (Quý Dậu) do hơn 7 tới 8 ngàn quan
43 binh của triều đình nhà Nguyễn đóng giữ dưới quyền thống
44 lãnh của danh tướng Nguyễn Tri Phương: trong trận này

1 Nguyễn Tri Phương bị thương nặng và bị quân Pháp bắt tại
2 trận, con trai của ông là phò mã Nguyễn Lâm trúng đạn
3 chết.

4 Tất cả những truy cứu vừa kể ra ở trên cho thấy:

5 -Tình trạng yếu kém về mặt quân sự của nước Đại Nam
6 dưới thời Tự Đức từ Bắc chí Nam: quân binh nhát sợ, súng
7 đạn cổ lỗ, cấp chỉ huy kém khả năng ứng phó chỉ biết ngồi
8 chờ làm theo lệnh phát ra từ trung ương.

9 -Quân xâm lược Pháp và dư luận người Pháp quá tự tin
10 về sức mạnh xâm lược của họ cho nên đã huênh hoang phô
11 trương quá đáng, tự đánh giá mình quá cao.

*

12 ❖ 2/ Hơn 20,000 quân lính thuộc nhiều binh chủng
13 khác nhau xếp hàng suốt dọc lộ trình cùng với những
14 con voi trận để tiếp đón đoàn sứ thần Pháp-Y Pha Nho:

15 Nếu con số này không bị Bonard phóng đại quá mức thì
16 cũng sẽ gây thắc mắc cho hậu thế tại sao tiếp rước một
17 đoàn sứ thần ngoại quốc chưa đầy 100 người tới kinh đô
18 mà Tự Đức và triều đình Huế lại phải điều động một số
19 quan binh khổng lồ như thế? Con số này do hai bên đã thỏa
20 thuận ấn định trước đây khi bàn bạc về các việc sắp xếp
21 nghi thức trao đổi hòa ước Nhâm Tuất (1862) sau khi được
22 hai bên phê chuẩn? Hay là Bonard đích thân nhìn nhor và
23 thông dong đếm số được 20,000? Phải chăng đây là một
24 chuyện bày binh bố trận của triều đình Huế biểu dương lực
25 lượng để răn đe đối phương "chớ có nên dờ dờ" thừa cơ
26 làm chuyện càn rỡ tại kinh đô Huế? Hay là phía Đại Nam
27 muốn dùng số đông để thừa cơ hội này bắt sống nhóm đại
28 diện thế lực xâm lược làm con tin trao đổi cho việc đòi trả
29 lại những vùng đất đã mất?

30 Tất cả những câu hỏi vừa kể trên đây chỉ là những suy
31 đoán dựa trên tài liệu do một nhân vật lịch sử vào thời đó
32 (Bonard) viết ra khi người này đang ở trên vị thế của kẻ
33 thắng trận; mà những kẻ thắng trận thì thường hay kiêu

1 ngạo, lẩn lội, lộng ngôn, khinh thường hạ thấp giá trị của
2 phía bại trận nhằm mục đích phô trương tài cán và công
3 trạng lẫy lừng của mình.

4 Tuy nhiên nếu xét cho cùng thì sự huênh hoang phô
5 trương của người Pháp không phải là không có lý do: đất
6 nước Đại Nam tòi tệ thụt lùi dưới quyền lãnh đạo của một
7 tập đoàn quân chủ phong kiến ngủ mê ở kinh đô Huế là
8 một thực tế hiển nhiên mà sử sách nhà Nguyễn dưới thời
9 Tự Đức không thể nào che đậy được:

10 ➤ Cả một nước Đại Nam từ Bắc chí Nam phần lớn
11 trông nhờ vào lúa gạo cấy trồng từ các vùng đất ở Nam Kỳ
12 vì thế khi bị ngoại bang cấm vận thì cả nước nhón nháo lo
13 sợ: *<<Các ông đòi tiền, chúng tôi trở thành bần cùng. Như
14 thế phải chăng là một cảnh tượng thú vị dâng lên cho đáng
15 tạo hóa với bao nhiêu tai họa do các ông gây ra? Nay các
16 ông lại chặn ngăn lúa gạo và người dân của chúng tôi sẽ
17 bị chết đói.*" Đây là một phần văn thư phúc đáp của quan
18 khâm sai đại thần quân thứ Biên Hòa Nguyễn Bá Nghi gửi
19 cho Charner khi Charner ra lệnh cấm chuyên chở lúa gạo
20 trên khắp các vùng sông, biển ở Nam Kỳ hạ. Rồi cuối thư,
21 với lời lẽ không kém phần tự phụ: *"Và bởi vì đó là nguồn
22 mạch cuối cùng mà quan soái để lại cho chúng tôi, vậy thì
23 chúng tôi còn có súng đạn, chúng tôi sẽ chiến đấu."* Đây
24 chỉ là câu nói liều trong một trạng huống bối rối nguy kịch
25 chứ không thể đe dọa được kẻ địch bởi vì Charner đã trả
26 lời một cách tách bạch dứt khoát là ông ta *"sẽ cố gắng đẩy
27 lui súng đạn bằng súng đạn"*..

28 ➤ Sức mạnh quân sự quốc phòng lấy tướng giỏi, tàu
29 thuyền, súng ống, đạn dược tân tiến và tinh thần chiến đấu
30 dũng cảm của quan binh làm nòng cốt cho việc gìn giữ trật
31 tự an ninh trong nước và đẩy lui giặc xâm lăng ngoại bang:

32 -Tướng giỏi của triều đình nhà Nguyễn dưới thời Tự
33 Đức? Ngoài hai ông Nguyễn Tri Phương và Trương Minh
34 Giảng thì còn ai nữa đâu! Cả một nước mà có tới 2 ông
35 tướng giỏi, có nhiều lắm không? Giỏi ở đây cũng chỉ có thể
36 so đo với các nước láng giềng sát cạnh như Lào, Cao Miên,

1 Tiêm La mà thôi. Binh sĩ của ông hoàng đế tổng tư lệnh
2 quân đội Tự Đức thì sao? Họ chỉ có vẻ uy hùng khi được
3 ban phát áo mũ sum xoe để trình diễn trong các cuộc lễ hội
4 diễn binh chứ ngoài chiến trường thì họ chỉ có biết chạy
5 trốn.

6 - Súng đạn, tàu chiến thì vào thời Tự Đức có những gì?
7 Có nhiều lắm, do ông có tiên đế Gia Long để lại và thêm
8 vài chiếc tàu bọc đồng cũ mua lại của ngoại quốc qua các
9 triều đại Minh Mạng, Thiệu Trị, tất cả mọi thứ đều quá xưa
10 cũ cách xa thời Tự Đức gần cả trăm năm! Súng trường
11 trang bị cho binh sĩ đa số là súng mang nhãn hiệu Pháp từ
12 năm 1777 trở về trước và có cả loại súng trường cổ lỗ kiểu
13 châm ngòi lửa của Trung Quốc. Loại súng năm 1777 chỉ
14 bắn xa được 250 mét.

15 Trong khi các loại súng trường mới có đường vòng
16 khung tuyền của liên quân xâm lược Pháp-Y Pha Nho
17 kiểu năm 1853, 1854, 1857 có tầm bắn xa hiệu quả là
18 1,200 mét (hơn một cây số ngàn).

19 Đại pháo lòng không có đường vòng khung tuyền có
20 từ thời Gia Long không thể nào bắn xa như các khẩu đại
21 pháo lòng có vòng khung tuyền của quân xâm lược:
22 trong trận đánh nơi chiến lũy Kỳ Hòa, Charner đã dùng đến
23 ba khẩu đại pháo loại lòng lớn đạn 4 cân Anh (khoảng 2 kí
24 lô) có đường vòng khung tuyền và bốn khẩu trọng pháo
25 lòng lớn có vòng khung tuyền đạn 12 cân Anh (khoảng 6
26 kí lô) để đánh hạ chiến lũy Kỳ Hòa kiên cố do danh tướng
27 Nguyễn Tri Phương trấn đóng. (A. Schreiner; sách đã dẫn;
28 trang 151).

29 Hai tác giả Bouianais và Paulus cho biết trong một
30 quyển sách viết chung của họ có tựa đề là *L'Indochine*
31 *française contemporaine*, nơi trang 11, thì vào thời điểm
32 trước khi tấn công chiến lũy Kỳ Hòa các khẩu đại pháo
33 lòng 160 ly có vòng khung tuyền, đạn tròn nặng 30 cân
34 Anh (khoảng 15 kí lô đã được quân Pháp-Y Pha Nho bố trí
35 từ những ngày cuối tháng 2 d.1 năm 1861. Các khẩu đại
36 pháo này mượn từ các chiến hạm lớn của Charner, mỗi
37 khẩu nặng khoảng 3,500 kilô, có tầm tác xạ hữu ích là

1 6,250 mét theo một góc độ là 35°. (A. Schreiner; sách đã
2 dẫn; trang 157; phần ghi chú số 2).

3 Loại đại pháo cổ từ thời Gia Long lòng súng không có
4 vòng khung tuyến, bắn một viên đạn tròn nặng 8 cân Anh
5 (hay 4 kilô) chỉ có một sức bắn xa là 800 mét hay với một
6 góc độ lớn tối đa thì cũng chỉ bắn xa được không quá
7 1,500 mét; một đại pháo cùng loại nhưng lòng có đường
8 khung tuyến, bắn đi một viên đạn nặng 4 kilô sẽ có tầm
9 tác xạ hữu ích là 3,200 mét (A.Schreiner; trang 151,152)
10 tức là từ đồn Cai Mai (có sách gọi là đồn Cây Mai) quân
11 Pháp có thể di chuyển các khẩu đại pháo này đến gần chiến
12 lũy Kỳ Hòa khoảng 3 cây số để dùng cách đánh bắn phá
13 thành lũy trước rồi tung quân tiến chiếm sau (Tiền pháo
14 hậu kích).

15 -Nội tình an ninh trong nước bất ổn. Giặc thổ phi Cờ
16 đen, Cờ Vàng, Cờ trắng đến từ Trung Quốc lộng hành ở
17 Bắc Kỳ (A.Schreiner page 311) khiến cho quan binh triều
18 đình chỉ còn biết quanh quẩn trú an trong thành Hà Nội và
19 các thành quách ở các tỉnh lân cận. Tệ hại hơn nữa là chính
20 quyền Đại Nam ở Bắc Kỳ còn trọng dụng giặc thổ phi Cờ
21 đen, thả lỏng cho bọn họ tung hoành nghênh ngang, vợ vét,
22 cướp phá dân chúng khắp nơi. Ba nhóm giặc thổ phi này là
23 dư đảng của một tổ chức nội phản khởi phát từ năm Kỷ
24 Dậu (niên hiệu *Tự Đức thứ 2* / 1849) ở Tỉnh Quảng Tây
25 của Trung Hoa có tên là Thái Bình Thiên Quốc do Hồng
26 Tú Toàn, Dương Tú Thanh, Tiêu Triều Quý, Lý Tú Thành
27 chủ xướng, chiếm giữ vùng Kim Lăng và nhiều tỉnh ở về
28 phía Nam sông Trường (Trường Giang). Triều đình Trung
29 Hoa nhờ có ngoại quốc tiếp tay nên đánh tan nhóm nội
30 phản và bình định các tỉnh phía Nam. Tàn dư của Thái
31 Bình Thiên Quốc gồm có 3 nhóm Cờ Vàng, Cờ Đen, Cờ
32 Trắng, tất cả khoảng 3,000 người do Ngô Côn làm đầu lãnh
33 chạy trốn, tràn sang biên giới phía Nam để bắt đầu cướp
34 phá gây tàn hại cho dân chúng Đại Nam ở các tỉnh giáp
35 giới với Trung Hoa. Sau khi Ngô Côn chết, 3 nhóm giặc
36 Cờ hiềm khích, tranh giành quyền lợi với nhau: ở miền
37 thượng du Bắc Việt thì nhóm thổ phi Cờ Đen do Lưu Vĩnh

1 Phúc cầm đầu quấy nhiễu vùng lãnh thổ Lào Cai, và nhóm
2 thổ phỉ Cờ Vàng do Hoàng Sùng Anh cướp bóc mạn Hà
3 Giang. Chính quyền nhà Nguyễn ở Bắc Việt bất lực không
4 thể dẹp yên giặc thổ phỉ ở vùng biên giới cho nên phải chịu
5 liên kết với nhóm Cờ Đen để chống trả nhóm Cờ Vàng,
6 phó mặc vùng Lào Cai cho Lưu Vĩnh Phúc trọn quyền làm
7 chủ và mặc tình vợ vét. Thổ phỉ Trung Hoa hoành hành
8 khắp các miền Lạng Sơn, Cao Bằng, Thái Nguyên, Tuyên
9 Quang. Tàn dư của nhà Hậu Lê là Hoàng Tề lại nổi lên
10 thông đồng với đám cướp biển tàu-ô Trung Quốc cướp phá
11 khắp vùng Quảng Yên và Hải Dương mãi về sau mới bị
12 quân thứ của tỉnh Hải Dương bắn hạ ở huyện Thanh Lâm
13 tuy nhiên giặc tàu-ô vẫn tiếp tục cướp phá ở ngoài biển.
14 Tháng 7 năm Nhâm Thân (1872) triều đình Huế phải cử
15 danh tướng Nguyễn Tri Phương làm Tuyên-sát đồng-sức
16 đại thần ra Bắc lo việc quân cơ và bình định nhưng cũng
17 không đạt được một thành tích khả quan nào.

*

Về thời điểm trao đổi hoà ước ngày **9 tháng 5** **âi năm**
Nhâm Tuất/ niên hiệu *Tự Đức thứ 15* tức là ngày **5 tháng**
6 d.l năm 1862, trong phiếu trình của Bonard được đăng
lại trên tập san *Revue Maritime et Coloniale* có ghi rõ là
phái đoàn sứ Pháp-Y Pha Nho khởi hành từ Sài Gòn ra Đà
Nẵng vào ngày **2 tháng 4d.l năm 1863**, đến vụng cảng Đà
Nẵng ngày 5 tháng 4 dl, và đến kinh đô Huế ngày 10 tháng
4 dl. năm 1863.

18 Phái đoàn sứ của Pháp gồm có: cầm đầu là đề đốc ủy
19 nhiệm **Bonard**, thống đốc, chỉ huy trưởng quân đội Pháp ở
20 Nam Kỳ, đại sứ toàn quyền của hoàng đế Napoléon III;
21 đại tá hải-lục quân **Reboul**, tổng tham mưu trưởng;
22 **Tricault**, đệ nhị ủy nhiệm thay mặt bộ trưởng bộ Hải quân
23 và Thuộc địa; đại úy hạm trưởng **Aubaret**, thanh tra
24 trưởng Á Châu sự vụ, đệ tam ủy nhiệm; phó hạm trưởng
25 **Buge**.

1 Sứ thần đại diện cho nữ Hoàng Tây Ban Nha là đại tá
2 chỉ huy trưởng đoàn quân viễn chinh Tây Ban Nha
3 **Palanca Guitierrez.**

*

4 Về thời điểm trao đổi hoà ước Nhâm Tuất, sử sách Việt
5 Nam ghi chép khác với các sự ghi chép được tìm thấy
6 trong các thư tịch của người Pháp:

7 ❖ Sách Đại Nam Thực Lục Chính Biên và Quốc triều
8 Chánh Biên Toát Yếu ghi chuyện này xảy ra trong **tháng 2**
9 **âm lịch năm Quý Hợi, niên hiệu Tự Đức thứ 16** (1863).

10 1-/ Sách Đại Nam Thực Lục Chính Biên, ghi chép về
11 những việc trong năm Quý Hợi, niên hiệu *Tự Đức thứ 16*
12 (1863) như sau :

13 << *Quý Hợi, Tự Đức thứ 16 (1863) (Thanh, Đồng-trị năm*
14 *thứ2). Mùa Xuân, tháng Giêng, Tiết Nguyên đán . . . (*
15 *ĐNTLCB; đệ tứ kỷ; quyển XXVII; trang 5).*

16
17*Tướng nước Phú (tức nước*
18 *Pháp) cho phái viên đến báo kỳ sứ đến tháng 2 (âm) và*
19 *phúc tư về điều khoản nên làm trong khi sứ bộ đến>>.*

20 *Vua cho là việc dề nghị đó hãy còn chưa thỏa đáng,*
21 *bèn sai Phạm Phú Thứ sai làm khâm sai đại thần đến nơi*
22 *hội tề với Phan Thanh Giảng, Lâm Duy Thiếp bàn nói với*
23 *tướng nước Phú . . . :>> (ĐNTLCB; đã dẫn; trang 6)*

24
25 << *Tháng 2, sứ thần của 2 nước Phú -Lãng-Sa và I-Pha-*
26 *Nho là bọn Phô-na, Bờ-lãng-ca (đều là tướng kiêm chức sứ*
27 *thần), đến kinh sư, ở vào quán mới sông Hương (2 chánh*
28 *sứ, 2 phó sứ, 2 bồi sứ, 2 tham biện, võ chức quản lãnh 4*
29 *người, lục sự 2 người, tham tán 1 người, hộ lễ ` người,*
30 *thông ngôn 1 người, y sinh 1 người, cộng 16 viên danh.*
31 *Thuyền 5 chiếc, mỗi chiếc quân đi theo hơn 150 người. Khi*
32 *đến cửa Đà Nẵng Quảng Nam, chỉ đem theo một chiếc*
33 *thuyền và 100 người lính thôi; đến cửa biển Thuận An, đi*
34 *bộ đến Kinh . . . (ĐNTLCB; đã dẫn; trang 9) . .*

1 2-/Sách Quốc Triều Chánh Biên Toát Yếu viết rõ hơn:

2 <<Năm Quý Hợi thứ XVI,(1863) tháng Giêng, quan soái
3 *Pháp sai người đến báo rằng: trong tháng 2 Annam, Sứ sẽ*
4 *tới Kinh, và nói những điều khoản sứ bộ nên làm. Ngài xét*
5 *trong mấy điều khoản, còn có chỗ chưa thỏa, liền sai Phạm*
6 *Phú Thứ sung khâm sai tới Nam kỳ hội với Phan*
7 *Thanh Giản, Lâm Duy Thiếp để thương thuyết cùng quan*
8 *soái Pháp, hổ thương xong rồi, thời 3 người đều phải đi*
9 *trạm về trước cho gặp, đặng sung làm chức tiếp sứ. Đến*
10 *Gia Định, 3 người hội thương với nguyên soái, trong mấy*
11 *điều khoản đó, cũng có điều theo tục Đại Pháp, cũng có*
12 *điều theo lẽ nước ta, đặng tỏ lòng cung kính.; 3 người cùng*
13 *bàn với Pháp-soái và quan đại thần nước Y-pha-nho hội*
14 *bàn phép tắc vào châu thổ nào, rồi về tâu trước, Ngài*
15 *chuẩn y nghị mà làm>> (SQTCBTY; bản dịch; in năm*
16 *1925, trang 337).*

17 ❖ Trong loạt bài viết *Notes pour servir à l'histoire de*
18 *l'établissement du Protectorat français en Annam* của tác
19 giả Lê Thanh Cảnh đăng trên Đô Thành Hiếu Cổ Tập San,
20 số thứ 4/ tháng 10-12/ 1937 (trang 391) cũng ghi vào tháng
21 tháng 2 1937 như sau :

22 <<**Réception des Envoyés français et espagnol.**

 Dans le courant du 1er mois de la 16e année de Tự-Đức (1863) (tức
tháng Giêng niên hiệu Tự Đức thứ 16) le Commandant en chef
français fit annoncer à la Cour l'arrivée des Envoyés français
et espagnol pour le deuxième mois, et notifia le protocole —
légèrement modifié — de leur réception à Hué. Sa Majesté, peu
satisfaite du protocole communiqué, envoya en Cochinchine PHAM-
PHÚ-THỨ pour s'entendre avec PHAN-THANH-GIẢN et LÂM-DUY-
HIỆP pour l'établissement d'un nouveau programme de réception des
Envoyés.

23 Après accord avec les Plénipotentiaires français et espagnol,
24 PHAM-PHÚ-THỨ revint à Hué, avec PHAN-THANH-GIẢN et LÂM-
25 DUY-HIỆP rendre compte à Sa Majesté de l'accomplissement de
26 leur mission.

27 La Cour s'apprêtait alors à recevoir les Plénipotentiaires.

28 Dans le courant du 2è mois (tức tháng 2 1937), M. BONNARD
29 représentant la France, et M. PALANCA représentant l'Espagne,
30 firent leur entrée dans la Capitale d'Annam (le Commandant en chef
31 français représentait le Gouvernement français). Ils furent reçus dans

1 le nouveau Hôtel des Ambassadeurs, construit au bord de la Rivière
2 des Parfums>>.

3 **Tạm dịch:** <<Trong vòng tháng Giêng niên hiệu Tự Đức thứ 16,
4 viên tư lệnh Pháp (Bonard) tuyên bố là đoàn sứ Pháp và Tây Ban
5 Nha sẽ đến vào tháng thứ hai (ý ở đây là tháng 2 âm lịch chứ không
6 phải tháng 2 dương lịch = Février), và cho biết về nghi thức đã được
7 thay đổi một ít cho thích hợp cho cuộc tiếp đón đoàn sứ tại Huế.

8 Hoàng thượng không hài lòng với kiểu cách tiếp đón do người
9 Pháp thông báo cho nên lại cử Phạm Phú Thứ vào Nam Kỳ để cùng
10 với Phan Thanh Giản và Lâm Duy Hiệp để bàn thảo một chương trình
11 bàn thảo về nghi thức đón tiếp đoàn sứ Pháp-Tây Ban Nha.

12 Sau khi thỏa hiệp với các khâm sứ Pháp và Tây Ban Nha, Phạm
13 Phú Thứ trở về Huế cùng với Phan Thanh Giản và Lâm Duy Hiệp để
14 tấu trình lên hoàng thượng là họ đã hoàn tất nhiệm vụ giao phó.

15 Triều đình chuẩn bị tiếp đón đoàn sứ.

16 Trong vòng tháng thứ hai, ông Bonard đại diện cho Pháp, ông
17 Palanca đại diện cho Tây Ban Nha đến kinh đô của nước An Nam
18 (tổng tư lệnh quân sự Pháp (Bonard) đại diện cho chính phủ nước
19 Pháp). Họ được rước đón và đưa đến Toà dinh tiếp sứ trên bờ sông
20 Hương.>>

21 ❖ A .Schreiner trích dẫn bài viết của Vial về tiến trình
22 trao đổi bản hoà ước năm Nhâm Tuất (5 tháng 6 dl năm
23 1862) sau khi đã được hoàng đế Pháp quốc, nữ hoàng Y
24 Pha Nho và hoàng đế nước Đại Nam ký phê chuẩn như sau :

25
26 <<D'après Vial, le *Forbin*, parti le **6 Mars**, portait la notification de
27 ratifier le traité immédiatement. **A la date du 15**, la cour demande un
28 dernier délai d'un mois en raison de la fête du sacrifice au ciel et à la
29 terre. Il n'en est guère tenu comte et, le **1er Avril**, le *Forbin*, revenu à
30 Saigon, reçoit à son bord Phan Thanh Giảng et Lâm Duy Hiệp, ainsi
31 que MM. le lieutenant de vaisseau Amirault et le lieutenant d'infanterie
32 espagnol Illana chargé d'accompagner les présents offerts à
33 l'Empereur Tự Đức par LL.MM l'Empereur Napoléon III et la reine
34 Isabelle II. Le **3 Avril**, l'amiral Bonard embarque lui même sur la
35 frégate la *Sémiramis* ayant à bord le contre amiral Jaurès, le bataillon
36 d'infanterie légère qui retournait à Schanghai et le personel de la
37 légation française. La frégate était accompagnée de la corvette à
38 vapeur *Cosicao*, du steamer *Grenada* et de la corvette *Circé* enue
39 des Philipines avec le personel de la légation espagnol.

40 Le **5 Avril**, on mouille sur rade de Tourane et, le jour même
41 l'amiral Jaurès continua sa route vers Schanghai

42 Le **6** on descend à terre. Le **7** on se met en route avec une
43 escorte de 300 soldats annamites et de 400 porteurs. Le **10** vers midi,
44 les légations arrivent à Huế. Après les visites d'usage, les traités
45 ratifiés sont échangés les **13** et **14** Avril. La journée du 15 est
46 marquée par la mort bien regrettable de Lâm Duy Hiệp, l'un des

1 deux plénipotentiaires annamites. Le Choléra l'avait enlevé en
2 quelques heures. Le 16, les légations sont reçus par Tự Đức.

3 Le 18 Avril au soir, les légations, ayant terminé leur mission,
4 reprennent le chemin de Tourane par la rivière sur les jonques
5 impériales. Le 19 au matin, elles embarquent à bord du *Grenada* qui
6 appareille le même jour et arrive à Saigon le 22 Avril . . .

7 A son retour à Saigon, l'amiral Bonard, dont la santé avait été
8 fortement ébranlé par les travaux et les soucis de son gouvernement,
9 remit la direction de la colonie au contre amiral de la Grandière. Le 30
10 Avril, il fit ses adieux aux officiers réunis dans le salon du
11 gouvernement et leur présenta son remplaçant >> (Vial) (Shreiner;
12 trang 252, 253)

13 **Tạm dịch:**

14 <<Theo tác giả Vial thì tàu chiến Fobin đã ra đi (từ Sài Gòn ra
15 Huế) từ 6 tháng 3 dl (năm 1863) mang theo bản thông báo về việc
16 phải chuẩn y bản hòa ngay lập tức. Ngày 15, triều đình yêu cầu một
17 gia hạn cuối cùng một tháng để tiến hành lễ hiến tế Trời Đất (Tế Đàn
18 Nam Giao). Lời yêu cầu gia hạn đó không được ứng thuận. Tàu
19 Forbin trở về Sài Gòn, để rồi ngày 1 tháng 4 dl lại chở Phan Thanh
20 Giản và Lâm Duy Hiệp, cùng với phó hạm trưởng là Amiraault, trung
21 úy bộ binh Tây Ban Nha là Illana mang quà cáp của hoàng đế nước
22 Pháp Napoléon III và của nữ hoàng Isabelle II (nữ hoàng nước Tây
23 Ban Nha) ra triều đình Huế để biểu tặng hoàng đế Tự Đức. Ngày 3
24 tháng 4 dl (ĐTLCB ghi là tháng 2 âm: có thể là tháng 2 nhuận mới đúng
25 chăng?) Bonard lên tàu khu trục hạm *Sémiramis* của phó đề đốc
26 Jaurés có nhiệm vụ chở tiểu đoàn khinh binh của Pháp về Thượng
27 Hải (Trung Quốc) cùng với phái đoàn của Pháp. Khu trục hạm này
28 được bảo vệ bởi hộ tống hạm chạy bằng máy hơi nước *Cosicao*,
29 *Grenada* và *Circé* đến từ Phi Luật Tân, chuyên chở phái đoàn Tây
30 Ban Nha.

31 Ngày 5 tháng 4 dl, đoàn tàu (Pháp Tây ban Nha) bỏ neo ở vịnh
32 biển Đà Nẵng và cùng ngày hôm đó tàu của phó đề đốc Jaurés tiếp
33 tục hành trình về Thượng Hải . . .

34 Ngày 6 tháng 4 dl, hai phái đoàn Pháp - Tây Ban Nha lên bộ. Ngày
35 7 khởi hành bằng đường bộ với 300 lính tập An Nam và 400 trăm phu
36 khuân vác. Trưa ngày 10, phái đoàn tới Huế. Sau những nghi lễ viếng
37 thăm thông thường, là nghi thức trao đổi các bản hòa ước trong 2
38 ngày 13 và 14. **Ngày 15 đáng ghi nhớ vì cái chết rất đáng tiếc của**
39 **Lâm Duy Hiệp, một trong hai viên toàn quyền đặc sứ. Chỉ trong**
40 **vòng vài tiếng đồng hồ, bệnh dịch tả đã giết chết ông Hiệp.**

41 Ngày 16 phái đoàn được Tự Đức tiếp kiến.

42 Vào buổi chiều ngày 18 tháng 4 dl, sau khi đã hoàn thành nhiệm
43 vụ lại bắt đầu trở ra Đà Nẵng bằng đường sông do các thuyền chiến
44 của triều đình chuyên chở. Sáng ngày 19, đoàn tới vịnh Đà Nẵng và
45 lên tàu chiến *Grenada* đã tới cùng một ngày đợi ở đó và về tới Sài
46 Gòn ngày 22 tháng 4. . . .

47 Về đến Sài Gòn, Đề đốc Bonard, sức khoẻ suy giảm vì làm việc
48 quá sức với những phiền não gây ra từ chính quyền của ông (ở Sài

1 Gòn), ông trao quyền cai trị lãnh thổ thuộc địa cho phó đề đốc de la
2 Grandière. Ngày 30 tháng 4, ông (Bonard) từ biệt nhân viên viên
3 chức nơi phòng khách dinh toàn quyền và giới thiệu người thay thế
4 ông>>

*

5 **Tự Đức tiếp kiến các sứ thần ở điện Thái Hoà**

6 **Sách Đại Nam Thực Lục ghi chép việc này như sau:**

7 <<Chuẩn cho sứ thần 2 nước Phú Lang Sa và Y Pha Nho làm lễ
8 triều yết. Trước kỳ 2 sứ thần nước ấy đều đem quốc thư (có đóng dấu
9 ấn của 2 nước) và phẩm vật của 2 vua nước ấy nhờ quan có chức
10 trách dâng lên, lại kính nhận lãnh quốc thư của nước ta. (Ngày đến
11 của biển Thuận An, sứ thần trước hết ủy một viên chức đệ phẩm hạng
12 tới sứ quán kính để đây. Nước ta sai quan kiểm nhận tiếp đệ hộ đợi
13 cùng với quốc thư (bán hoà ước đã được kiểm nhận = chủ giải của
14 VSTK) cùng tiến. Ngày hôm sau ngày đến sứ quán, sứ thần xin dâng
15 quốc thư Viên khâm phái đại thần nước ta đem đồ binh trượng, long
16 đình, tàn lọng nhã nhạc đến tiếp đệ, tiến lên hoàng thượng xem xong,
17 lại rước quốc thư nước ta kính đệ đến nhà sứ quán đứng như nghi
18 thức, giao cho sứ thần ấy kính lãnh). Đến ngày triều yết, vua ngự điện
19 Thái Hoà (đặt nghi lễ đại triều) sứ thần tới sân ra mắt vua. (Hôm ấy
20 đón đến xưởng Hữu tướng quân, những quân theo sứ thần đi, đóng lại
21 ở đây, sứ thần do cửa Hữu Khuyết vào, đón đến nhà rạp kết hoa nghĩ
22 một lúc để chờ; lại đón vào bệ son đứng vào ban. Ban thứ nhứt 2 viên
23 chánh sứ đứng, ban thứ 2 phó sứ, bồi sứ, tham tán. Đệ nhị ban phó 5
24 viên đứng, ban thứ 3 tham biện, võ quan 6 viên đứng. Trước hết làm
25 lễ vái một vái, đọc lời kính chúc, dịch ra tiếng ta xong, quan bộ Lễ
26 bèn truyền chỉ nói: Hoàng đế rất vui vẻ, tỏ hết hậu tình, gửi lời thăm
27 hoàng đế 2 nước được mạnh giỏi. Tuyên đọc xong lại dịch ra tiếng
28 Pháp cho biết. Sứ thần làm lễ vái ba vái rồi lui ra. Các quan làm lễ
29 triều yết, rồi đưa sứ thần về rạp kết hoa nghĩ một lúc, rồi đón về sứ
30 quán. Làm lễ xong, mời ăn tiệc ở nhà sứ quán, đưa lại tiền bồi thường
31 (đĩnh mười lạng, cộng 13,004 đĩnh, thành 186,111 đồng bạc Tây
32 dương). Các phẩm hạng tặng vua hai nước và tướng sứ trở xuống đều
33 có thứ bậc khác nhau . . . >> (ĐNTLCB/đệ tứ kỷ/ quyền XXVIII; bản
34 dịch; trang 10-11).

35 Đoàn Thọ, Phan Thanh Giản, Trần Tiễn Thành, Phạm
36 Phú Thứ, Nguyễn Quan, Đặng Hạnh, Phạm Ý, Lê Tuấn tất
37 cả đều bị Tự Đức trách phạt vì không lập được công trạng
38 gì trong cuộc thương thuyết với người Pháp-Tây Ban Nha.

*

1 Năm Quý Hợi, tháng 3 âm, *Tự Đức thứ 16* (1863),
2 **Nguyễn Trường Tộ** trao cho Trần Tiễn Thành một *bản*
3 *trần tình* kèm theo 3 lá thư luận bàn khác nhau với 3 tiêu
4 đề:

5 1/- *Thiên Hạ Đại Thế Luận*.

6 2/- *Tế Cấp Luận*.

7 3/- *Giáo Môn Luận*.

8 Bản trần tình và 3 lá thư này có ý tỏ rõ tâm sự, giải
9 thích lý do tại sao Tộ làm việc cho người Pháp và đồng
10 thời cũng xin triều đình sửa đổi chính sách cai trị cho hợp
11 với thời thế mới. (Xin đọc: VSTKCGKL; V; chú giải 12 và
12 13 từ trang 1516 đến 1533 về Trần Tiễn Thành và Nguyễn
13 Trường Tộ).

*

14 Quý Hợi, tháng 3 âm, *Tự Đức thứ 16* (1863), sau khi
15 tiến hành lễ trao đổi hiệp ước năm Nhâm Tuất đã ký ngày 5
16 tháng 6 d.1 năm 1862, triều đình cử một phái đoàn do Phan
17 Thanh Giản cầm đầu vào Gia Định bàn định việc quân
18 Pháp trao trả lại cho triều đình Huế tỉnh Vĩnh Long.

19 Về việc này sách *Đại Nam Thực Lục Chính Biên*
20 (ĐNTLCB) của nhà Nguyễn viết như sau:

21 <<Sứ 2 nước Phú và Y về Gia Định. Vua sai Phan Thanh Giản
22 cùng đi. Khi ấy sứ thân nói: về lần này sẽ giao trả Vĩnh Long, nên sai
23 cùng đi, để giao nhận cho xong việc trước.

24 Vua lại bảo Thanh Giản rằng: trong thư nghị hòa có nói: khi
25 nước có việc hoãn cấp, họ cũng cùng phải giúp ta. Mới đây, miền
26 Bắc, bọn giặc ở sông nước (giặc biển Hải-Yên ở miền Bắc; xem chú
27 thích (6); VSTKCGKL; VI; trang 1704) từng thuê tàu của Tây Dương, ở
28 **miền Nam, Cao Miên làm ngăn trở**[®], cũng nghe tin là viên tướng ấy
29 chủ trương sai bảo. Nếu không có việc ấy, nên khéo nói với họ, làm
30 thế nào để cùng giúp cho nhau, đó cũng là một chức hay để yên cõi
31 ven vạy. Lại, 3 tỉnh nay đã về tay họ rồi, nên bàn đến việc đường
32 trạm, cho đường xá đi được đều nhau. Đến cả sự lệ việc thông thương
33 ở cả 3 cửa biển, cũng nên định rõ. Trong ngoài 1 tháng phải làm cho
34 xong rồi về Kinh. . . >>(ĐTLCB; q. XXVIII; trang 11).

35 [®] Ở miền Nam, Cao Miên làm ngăn trở: ở đây Tự Đức muốn đề
36 cập đến việc quân xâm lược Pháp dành quyền bảo hộ của triều đình
37 Huế đối với nước Cao Miên. Không thấy sử sách của nhà Nguyễn viết
38 rõ về việc này.

1 Trước ngày quân xâm lược Pháp đặt chân lên nước
2 Đại Nam, nước Cao Miên (Cambodge) có lúc là một nước
3 chư hầu, có lúc là một nước dưới quyền đô hộ của nước An
4 Nam hoặc của nước Xiêm (Thái Lan) nhưng hầu như chịu
5 ảnh hưởng đô hộ của người Xiêm nhiều hơn. Một viên
6 quan của triều đình Bangkok nước Xiêm đóng trụ sở ở thủ
7 đô mới của nước Cao Miên là Oudong để lãnh trách nhiệm
8 đô hộ nước này.

9 Từ năm 1812 (niên hiệu Gia Long thứ 11) người
10 Xiêm đã từng đem quân xâm lăng và chiếm đóng cự thủ
11 đô Angkor và tỉnh Battambang của Cao Miên với lý do trá
12 ngụy là yểm trợ cho vua lưu vong Nặc Ong Nguyên trở về
13 tranh ngôi báu với vua em là Nặc Ong Chân. Người Xiêm
14 tiếp tục xâm lấn để chiếm thêm 2 tỉnh Toulé-Repou và
15 Mouley-Prey của Cao Miên khiến Nặc Ong Chân phải bỏ
16 thành La Bích (Loveak, một trong những kinh đô ngày
17 xưa của Cao Miên) chạy sang Gia Định và cầu cứu với
18 chính quyền Việt Nam (Việt Nam là quốc hiệu nước Đại
19 Việt của triều đại hoàng đế Gia Long). Quân Xiêm bắt giữ
20 kiều dân Đại Nam ở đất Chân Lạp. Tướng Việt Nam giữ
21 đồn Tân Châu là Trần Văn Năng viết thư trách cứ. Tướng
22 Xiêm đem những kiều dân Việt Nam và một số thuyền bị
23 quân Xiêm bắt giữ trao trả lại cho Việt Nam.

24 Tháng 6 âm năm Nhâm Thân (1812), vì bị áp lực của
25 quân Miến Điện gây hấn, vua Xiêm ra lệnh rút binh ở Chân
26 Lạp về nước rồi sai sứ sang triều cống hoàng đế Gia Long
27 để giải thích việc đem quân vào Chân Lạp là nhằm mục
28 đích làm cho anh em họ Nặc Ong không tranh chấp quyền
29 lực lẫn nhau rồi đề nghị để quân Xiêm hợp đồng với quân
30 Việt Nam đưa Nặc Ong Chân trở lại Chân Lạp. Hoàng đế
31 Việt Nam gửi lời quở trách vua Xiêm vô cớ đem quân
32 Xiêm vào nước Chân Lạp và dọa sẽ yểm trợ đưa Nặc Ong
33 Chân trở lại ngôi vua nước Chân Lạp mặc dù sau này vua
34 Xiêm tráo trở, lừa dối, thất tín. Mặt khác, lại võ vè, khuyên
35 lon, giải thích cho Nặc Ong Chân yên tâm về việc hợp
36 đồng với quân Xiêm.

1 Năm Quý Dậu, *Gia Long năm thứ 12* (1813), tháng 2
2 â.1, Triều đình Huế truyền lệnh cho Tổng trấn Gia Định Lê
3 Văn Duyệt và Hiệp trấn Ngô Nhân Tĩnh phát 13,000 thủy
4 binh Việt Nam đưa Nặc Ong Chân và các gia thần từ Gia
5 Định trở về thành Lô Vét (La Bích hay Loveak ở Chân
6 Lập). Viện trợ thêm cho Nặc Ong Chân 3,500 lượng bạc,
7 5,000 quan tiền và hàng chục ngàn hộ thóc (hộc: một loại
8 đơn vị cân đong lúa gạo). Vì quân Xiêm vẫn còn đóng trên
9 đất Chân Lập, với ý định chia cắt đất Chân Lập bằng cách
10 chiếm Battambang giao cho **Nặc Ong Nguyên** ở Oudong,
11 hoàng đế Gia Long theo lời cố vấn của Lê Văn Duyệt cho
12 phép quân Việt Nam xây đắp thành Nam Vang (Phnom
13 Penh) cho **Nặc Ong Chân** ở, tăng cường thành La Bích để
14 trữ lương rồi chỉ lưu một số ít quân binh Việt Nam ở lại
15 Nam Vang để bảo hộ Chân Lập, còn đại binh của Lê Văn
16 Duyệt thì rút về Gia Định.

17 Lại viết thư trách cứ vua Xiêm khiến vua Xiêm cũng
18 phải ra lệnh quân Xiêm rời khỏi Battambang. Kể từ lúc đó,
19 trên thực tế nước Cao Miên kể như bị chia đôi, một nửa gọi
20 là Cao Miên Thượng do **chính vương Nặc Ong Nguyên ở**
21 **Oudong** cai trị dưới quyền đô hộ của quân Xiêm và một
22 nửa gọi là Cao Miên Hạ do **phó vương Nặc Ong Chân cai**
23 **trị ở Phnom Penh** dưới quyền đô hộ của quan quân triều
24 đình nước Đại Nam. Vua nước Cao Miên Hạ Nặc Ong
25 Chân mất không con trai nối nghiệp. Minh Mạng cho quan
26 triều đình Việt Nam gốc Chân Lập là Trà Long và La Kiên
27 lãnh quyền cai trị Cao Miên Hạ dưới quyền kiểm soát của
28 quan đô hộ Việt Nam là Trương Minh Giảng và Lê Đại
29 Cương. Theo lời đề nghị của Trương Minh Giảng, Minh
30 mạng chấp thuận đặt một người Chân Lập bản xứ là Nhâm
31 Vu cùng nắm quyền nhiếp chính cai trị, chia Cao Miên Hạ
32 thành thành 33 phủ của nước Đại Nam.

33 Năm **Ất Mùi**, *Minh Mạng năm thứ 16*, tháng 3 âl
34 (1835), xây đắp thành Trấn Tây để cho quân binh bảo hộ
35 của Việt Nam trú đóng, bờ thành cao 9 thước 9 tấc, bề dày
36 chân thành 1 trượng 8 thước, tường thành dày 3 thước 6
37 tấc, 4 hào thành phía ngoài mỗi hào rộng 3 trượng 1 thước

1 5 tấc; riêng hào trước cửa thành rộng 5 trượng 8 thước 5
2 tấc. Tất cả hào lũy đều sâu 1 trượng. (VSTKCGKL.IV; trang
3 1193).

4 Sai lập miếu thờ quốc vương Chân Lập. Nhân dịp này,
5 Minh Mạng dụ nội các rằng:

6 «Chân Lập làm triều thần nước ta đã hơn trăm năm, tiến cống
7 cẩn thận. Triều đình cư xử như là một nước phụ thuộc, gây dựng cho
8 nhiều. Tuy nhiên, vua cũ nước này là Nặc Ong Chân yếu kém không
9 thể tự lực tự cường. Trong khoảng những niên hiệu Gia Long, có lần
10 đã bị giặc Xiêm xâm chiếm, Ong Chân đã phải bỏ nước Chân Lập
11 trốn đi, đến ở thành Gia Định cũ, đất nước đã không còn là của họ
12 nữa. Hoàng khảo Thế Tổ Cao hoàng đế nước ta (Gia Long Nguyễn
13 Phúc Ánh) vì thương xót cho họ đã có lòng thành thần phục nên đã
14 nhiều đời sai tướng ra quân đánh tan giặc Xiêm, lấy lại nước ấy rồi
15 phong vương tước cho Ong Chân, cho họ giữ lấy bờ cõi, không nỡ
16 sáp nhập nước ấy làm thành quận huyện của Việt Nam. Tuy nhiên,
17 đương sự (Nặc Ong Chân) từ đó chỉ biết phung phí hưởng thụ, bỏ lơ
18 việc nước. Vào niên hiệu Minh Mạng thứ 14 (1833), giặc Xiêm lại
19 ngấm đánh úp, Ong Chân lại chạy trốn đến tỉnh Vĩnh Long, và như
20 vậy lãnh thổ và nhân dân Chân Lập lại không còn là của đương sự
21 nữa. Ta đã cử đại quân đánh tan giặc Xiêm, đuổi chúng ra khỏi bờ
22 cõi, lấy lại thành quách, chiêu tập nhân dân. Lúc ấy đem nước đó làm
23 thành quận huyện, thì là ta lấy được của người Xiêm chứ không phải
24 lấy của Chân Lập.

25 Nhưng nghĩ rằng quốc vương nước đó hãy còn và có thể cố gắng
26 cho nên lại cho giữ lấy nước, chỉ đặt quân tướng tham tán để bảo hộ,
27 mong rằng đương sự đời làm hiền hậu, lâu chịu ơn yêu quý. Nào
28 ngờ, quốc vương kia chết đi, lại không có con trai nối nghiệp, đó là
29 do ý trời chứ không phải ý người tạo ra. Nếu không xử trí trước thì
30 nhất định giặc Xiêm lại nhân lúc sơ hở đến quấy rối thì nhân dân một
31 hạt không khỏi lại bị lầm than. Vì thế mới sai đặt quận huyện, đặt lưu
32 quan để cai trị đất ấy, khiến cho người Xiêm phải sợ mà không còn
33 dám đến xâm lấn mà nhân dân hạt ấy mới được cùng yên ngủ trong
34 chăn chiếu vậy. Nay quốc vương kia để lại con gái còn bé là Ngọc
35 Vãn cho nên phong làm quận chúa, Ngọc Biện thì phong làm huyện
36 quân, hậu ban bổng lộc, cho họ được nương nhờ. Các thổ mục của
37 nước đó cùng được tùy theo tài cán bà bổ dụng, dân Chân Lập cũng
38 được đối xử y như là dân kinh Việt Nam. Triều đình làm như thế là
39 chính đại quang minh. Quốc vương kia dưới chín tuổi nếu có thiêng
40 thì cũng nên cảm ơn mà không ân hận gì. Ta lại nghĩ rằng nước ấy dù
41 rằng đời đời không có vua nhân tài, công đức với dân nhưng vì từ
42 trước đã từ làm quân trưởng một nước thuộc quốc. Nay đã sáp nhập
43

1 vào bản đồ nước ta, thì việc đèn hương tuế thời thờ cúng cho quốc
2 vương đó không nở lại để cho nguội lạnh, khiến linh hồn không chỗ
3 nương tựa sao? Vậy sai Ty có chức trách chọn đất lập miếu ở kinh
4 thành, bày thờ thần vị các quốc vương chân Lập đã quá cố, tuế thời
5 cúng tế, để tỏ rõ đạo Ưu hậu. >> (ĐNTLCB; Đề nghị kỹ; trang 145)

6 Tháng 8 âm năm Canh Tý, niên hiệu Minh Mạng thứ 21
7 (1840), thuyền chuyển Mỹ Lâm quận chúa, Thâu Trung
8 huyện quân Ngọc Thu, Tập Ninh huyện quân Ngọc
9 Nguyên đến ở Gia Định. Lý do thuyền chuyển: Ngọc Biện
10 ngầm liên hệ với một người Miên tên Mao (là cậu của
11 Ngọc Biện). Ngọc Biện bị bắt giam, tước bỏ tước hàm
12 huyện quân. Sau đó cùng với Mao bị xử chém. Lính và dân
13 Miên (Chân Lập) ở thành Trấn Tây do huyện úy huyện
14 Thái Thịnh, phủ Ninh Thái là Tùng Hiên và huyện úy
15 huyện Thượng Phong, Phủ Nghi Hòa là Đào Văn cầm đầu
16 nổi loạn vì chuyện Ngọc Biện bị triều đình xử chém. Tùng
17 Hiên nguyên ngày trước là kẻ theo hầu Ngọc Biện.

18 Tháng 9 âm, người Miên ở phủ Tĩnh Biên tỉnh Hà Tiên
19 nổi loạn đánh hãm đồn Châu Nham.

20 Người Miên loạn khắp nơi, lan tràn ra Hà Tiên, Gia
21 Định, Định Tường, nơi nơi đều có biến động, chỗ nhiều thì
22 1, 2 ngàn người, chỗ ít cũng không dưới vài trăm người,
23 hoặc đánh phá đồn binh hoặc mặt thủy, bộ giết hại dân Việt
24 Nam chính gốc, quan binh triều đình địa phương bình định,
25 đánh dẹp không dứt. Minh Mạng bảo với triều thần rằng:

26 <<Trước đây Trương Minh Giảng thường nói với ta là người Chân
27 Lập phần nhiều chất phác thực thà có thể tin cậy được, có phần hơn
28 người Thổ ở Bắc Kỳ. Ta cho là không phải. Thực ra người Thổ ở Bắc
29 Kỳ còn có người biết chữ nghĩa, thạo tiếng người kinh, còn có thể lấy
30 nghĩa lý hiểu bảo được. Còn như người Chân Lập thì ù lì như viên đất
31 không biết gì, lại phần nhiều giáo quyết đối trá, dù có kẻ sát tai mà
32 nói cho biết cũng không thể được. Ta đã dự tin sẽ có ngày này từ lâu
33 rồi. Rất may là hiện nay nước nhà cường thịnh, binh ít thì lấy thêm,
34 lương thiếu thì tăng thêm, nhất định phải có một phen khó nhọc mới
35 có thể vỗ yên được. Việc gian nan to lớn như thế thà rằng xảy ra
36 trong thời đại của ta, không nên để lại cho con cháu đời sau giải
37 quyết.>>(ĐNTLCB đã dẫn; trang 361,362 và VSTKCGKL.IV; trang
38 1227,1228,1229,1231).

1 Dưới thời đại Thiệu Trị, người Cao Miên ở Trấn Tây
2 (Phnom Penh) thường nổi dậy đánh phá quân đô hộ của
3 triều đình nước Đại Nam. Tháng Giêng, năm Tân Sửu
4 (1841), Thiệu Trị lên ngôi hoàng đế tại điện Thái Hòa, đổi
5 niên hiệu là *Thiệu Trị*. Để lấy lòng người dân Cao Miên,
6 tháng 2 âm lịch (1841), Thiệu Trị dựng miếu thờ quốc
7 vương Cao Miên ở xã Dương Xuân, mỗi năm cứ đến mùa
8 Xuân, mùa Thu thì làm lễ. Lễ tế và đồ thờ cũng giống
9 như miếu thờ quốc vương Chiêm Thành. Theo lời trình tấu
10 của kinh lược Phạm Văn Điển và tướng quân Trương Minh
11 Giảng, tha quận chúa nước Cao Miên là Ngọc Vân, huyện
12 quân là Ngọc Thu và Ngọc Nguyên về thành Trấn Tây.
13 Tháng 3 âm/ nhuận (1841), dân Cao Miên ở tỉnh Vĩnh Long
14 đánh phá phủ Lạc Hóa. Sai Bùi Công Huyền đem quân
15 bình định. Tháng 4 âm, sai tham tán Trấn Tây Nguyễn Tiến
16 Lâm đi giúp Nguyễn Tri Phương dẹp loạn người Miên ở
17 Ba Xuyên và Lạc Hóa. Nguyễn Tri Phương phá tan loạn
18 người Miên ở Trà Tâm, Sóc Trăng và Tượng Sơn. Người
19 Miên ở phủ Lạc Hóa lại vây đánh đồn Nguyệt Lăng. Bùi
20 Công Huyền đem quân tiêu trừ. Loạn quân người Miên
21 thua chạy tan. Tháng 5 âm, theo lời tấu trình của Nguyễn
22 Công Trứ, tha cho tên Yêm cho về Trấn Tây để chiêu dụ
23 dân Miên. Ngày trước, khi người Miên tên là Yêm quy
24 thuận, họ hàng thân thuộc đến hơn 9,000 người đều bị phân
25 tán khắp các tỉnh ở Nam Kỳ, nay cũng tha, cho được đoàn
26 tụ với nhau. Gia sản của Yêm đều được trả lại đầy đủ ngoại
27 trừ súng ống và đồ binh khí thì phải bỏ vào làm của công.
28 Con trai của Yêm tên là Bướm vẫn bị an trí ở Khánh Hòa.

29 Bàn định cùng đình thần về việc người Xiêm La (Thái
30 Lan gây hấn, xúi giục dân Cao Miên tạo loạn ở Trấn Tây.

31 Tháng 8 âm (1841, Thiệu Trị khiến các quan đại thần
32 viện Cơ Mật tìm biện pháp giải quyết vấn đề giặc loạn ở
33 Trấn Tây. Viện Cơ Mật hỏi ý kiến các tướng lãnh ở Trấn
34 Tây là Phạm Văn Điển, Trương Minh Giảng, Nguyễn Công
35 Trứ, Đoàn Văn Sách, Nguyễn Công Nhân, Cao Hữu Dực:
36 những tướng này đề nghị rút hết quân Đại Nam ở thành
37

1 Trần Tây về An Giang đề cho binh lính được đỡ nhọc và
2 dân chúng ở Nam Kỳ cũng được nghỉ ngơi. Triều thần
3 cũng đề nghị rút quân. Thiệu Trị đồng ý cho rút quân.

4 Tháng 9 âl (1841), quan quân ở Trần Tây lui về An
5 Giang; ngày về tới đó, **Trương Minh Giảng mất**. Thiệu
6 Trị định tội các tướng lãnh đã bắt lạt làm mất thành Trần
7 Tây. Bộ Hình đệ án tâu lên, khép Cao Hữu Dực, Phạm Văn
8 Điền và Nguyễn Công Trứ vào tội trăm giam hậu (án treo);
9 tù Lê Văn Đức và Nguyễn Tiến Lâm trở xuống cứ theo thứ
10 tự mà giảm tội dần. Nguyễn Tiến Lâm và Nguyễn Tri
11 Phương đem quân tới Hậu Giang đánh phá loạn quân ở các
12 sóc, đánh chiếm được 5 đồn sở, người Hán, người Hoa xin
13 hàng 88 người. Tiếp tục truy kích loạn quân ở sóc Trà
14 Điêu, bắt được 25 loạn quân người nhà Thanh và 1 loạn
15 quân người Miên.

16 Tháng 12 âl, có người **tự xưng là con của Anh Duệ**
17 **hoàng thái tử** (Anh Duệ tức hoàng thái tử Nguyễn Phúc
18 Cảnh con trai trưởng của hoàng đế Gia Long ở thành Nam
19 Vang (Phnom Penh) tụ họp những quân Xiêm, Lào, Hán,
20 Miên đến vài ngàn người. Dân giang hồ tứ chiến kéo theo
21 rất đông. Vì thế Nguyễn Công Trứ, Đoàn Văn Sách và
22 Nguyễn Công Nhân đắp 2 đồn phòng thủ ở biên giới Việt
23 Miên để giữ Hà Tiên và Vĩnh Tế. Vua Thiệu Trị không hài
24 lòng về việc đắp đồn này.

25 Năm Nhâm Dần, *Thiệu Trị thứ 2*, tháng Giêng (1842),
26 thủy binh Xiêm quấy rối vùng biển Hà Tiên triều đình cho
27 rằng không đáng chú tâm vì quân Xiêm không có khả năng
28 gây chiến với Đại Nam. Quân Xiêm lại tiếp tục quấy rối
29 vùng biển đảo Phú Quốc. Sai Nguyễn Công Trứ đem quân
30 đánh dẹp. Tháng 2 âl, triều thần báo cáo việc quân Xiêm
31 cùng quân Miên đánh phá vùng biển Quảng Biên thuộc Hà
32 Tiên. Sai Lê Văn Đức thống lĩnh quân binh cùng với các
33 tướng Lê Văn Phú, Tôn Thất Tường, Lê Khắc Nhượng
34 đem binh thuyền từ kinh đô Phú Xuân đến Gia Định, hợp
35 đồng với quân binh của Quảng Nam, Quảng Ngãi đi đánh
36 dẹp quân Xiêm. Sai Nguyễn Tri Phương, Nguyễn Tiến
37 Lâm đón đánh quân Xiêm-Miên ở Tiền Giang, Nguyễn

1 Công Trứ cùng với Nguyễn Công Nhân giữ mặt Vĩnh Tế,
2 Phạm Văn Điển và Nguyễn Lương Nhân đón đánh tại Hậu
3 Giang. Ba đạo quân từ 3 mặt cùng tiến đánh, quân Xiêm
4 cùng giặc Miên bị đánh tan phải chạy rút về Trấn Tây.
5 Tháng 6 âm (1842), một số dân người Cao Miên không chịu
6 sự xâm lăng và thống trị quân Xiêm trước đây đã bỏ trốn
7 vào rừng nay các thổ mục của họ tỏ ý với chức quyền Đại
8 Nam xin giúp để họ trở về nước cũ. Sai tổng đốc Nguyễn
9 Tri Phương và tuần phủ Doãn Uẩn về, thu phục nhóm
10 người Miên này để dùng họ trong việc cai trị ở thành Trấn
11 Tây trong tương lai. Tháng 8 âm, ra lệnh chuẩn bị quân
12 binh để đánh Trấn Tây theo lời trình tâu và đề nghị của
13 Nguyễn Tri Phương và Doãn Uẩn. Tháng 10 âm, sai văn võ
14 đại thần duyệt bàn tình hình biên giới xứ Trấn Tây.

15 Năm Ất Tỵ, *Thiệu Trị thứ 5*, tháng 6 (1845), Tuần Phủ
16 An Giang là Doãn Uẩn cùng với đề đốc Nguyễn Văn
17 Hoàng chia đường tiến đánh vào nước Chân Lạp: quân của
18 Doãn Uẩn hợp với quan binh Định Tường hạ được 2 đồn
19 Thị Đạm, Vĩnh Bích. Đạo quân của Nguyễn Văn Hoàng
20 phối hợp với quan binh An Giang và Vĩnh Long tiến đánh
21 Tầm Bôn (Battambang), quân Chân Lạp bỏ đồn chạy. Thu
22 được rất nhiều thuyền bè, khí giới. Truyền dụ cho Võ Văn
23 Giải, Tôn Thất Bạch và Tôn Thất Nghị ở Gia Định hội
24 đồng với quan binh của Nguyễn Tri Phương ở An Giang để
25 tiến đánh Chân Lạp. Doãn Uẩn phá tan quân Chân Lạp tại
26 một vùng sông ở Sách Sô rồi tiến đến Bang Chích, đắp
27 đồn đóng giữ. Tháng 7 âm (1845), Nguyễn Tri Phương và
28 Tôn Thất Nghị đưa quân đến Ba Nam, cho người đi chiêu
29 dụ quân Chân Lạp nhưng họ không chịu đầu hàng mà còn
30 làm đồn, đắp lũy ở thượng lưu vùng sông chạy ngang đến
31 đồn Thiết Thẳng (đồn này giăng dây sắt nên gọi là Thiết
32 Thẳng) để giữ thành Nam Vang. Quan binh triều đình
33 không thể tiến binh, vua Thiệu Trị ra lệnh đánh gấp. Quân
34 đoàn của Nguyễn Tri Phương và Doãn Uẩn ở Ba Nam tiến
35 đánh và hạ được đồn Thiết Thẳng của quân Chân Lạp rồi
36 tiến chiếm luôn thành Trấn Tây (tức thành Nam Vang
37 /Phnom Penh). Từ Gia Định, Võ Văn Giải báo trình tin
38

1 thắng trận về kinh đô Phú Xuân. Vua liền phái Võ Văn
2 Giải đến Trấn Tây để ủy lạo và ban thưởng cho các quan
3 binh. Truyền dụ cho Nguyễn Tri Phương và Doãn Uẩn tiếp
4 tục đưa quân tới Vĩnh Long để truy kích và tảo thanh tàn
5 quân của Chân Lạp. Cũng sai Võ Văn Giai, Tôn Thất Bạch
6 và Nguyễn Văn Hoàng hành quân chiêu hồi trong các vùng
7 đất Chân Lạp vừa tái chiếm. Ai ra đầu thú mà bắt được
8 quân Xiêm trên đất Chân Lạp để giải nạp cho quan binh
9 của nước Đại Nam thì được thưởng và khỏi tội. Thổ mục
10 và Thổ dân người Chân Lạp đem nhau ra đầu thú hơn
11 23,000 người. Họ đều nói bị quân Xiêm ức hiếp áp chế nên
12 phải nghe theo

13 Võ Văn Giai trình tâu xin đặt Nặc Ong Bướm (con của
14 Nặc Ong Yêm) là quốc trưởng Cao Miên, phái quân của
15 Đại Nam giám sát, lấy Vĩnh Long làm nơi sở tại để quân
16 triều đình đóng giữ ở đấy. Triều thần bàn định không chấp
17 nhận giải pháp của Võ Văn Giai và đề nghị chia đất Cao
18 Miên thành phủ, huyện rồi giao cho các thổ mục người
19 Chân Lạp đã theo về với triều đình giống như trường hợp
20 của Trà Long, Nhâm Vu để cai trị dân Chân Lạp. Đề nghị
21 này của triều thần được chấp thuận. Tháng 9 âm (1845),
22 Nguyễn Tri Phương và Doãn Uẩn đem quân tới Vĩnh
23 Long, loạn quân kháng cự mạnh, quan binh không thể tiến
24 tới được bằng đường sông. Nguyễn Tri Phương liền ra
25 lệnh cho quân binh bỏ thuyền lên bộ tấn công ào ạt, loạn
26 quân vỡ thua, Nặc Ong Đôn và tướng Xiêm Chát Tri rút
27 quân lui giữ thành U Đông. Bỏ dụng Nặc Ong Bướm làm
28 tuyên phủ sứ vì đã theo về với quan binh Đại Nam và có
29 công trong chiến dịch chiêu dụ người Chân Lạp. Thành U
30 Đông bị quân Đại Nam vây rất ngặt. Tướng Xiêm là Chát
31 Tri hai ba lần sai người mang thư đến trại quân của Võ Văn
32 Giai xin hòa. Triều thần nghị bàn đề nghị chấp thuận với
33 điều kiện Nặc Ong Đôn phải ra đầu thú và nước Xiêm phải
34 ký hòa ước với Đại Nam. Nguyễn Tri Phương tạm ngưng
35 tấn công thành U Đông và ra kỳ hạn cho Chân Lạp và
36 Xiêm La đến ký hòa ước. Tháng 10 âm, Nguyễn Tri Phương
37 và Doãn Uẩn đề nghị chọn 20 người Chân Lạp tài giỏi vừa

1 mới đầu phục trong thành Trấn Tây, cho họ giữ các chức
2 phủ úy và huyện úy (6 phủ và 14 huyện) để họ chiêu dụ
3 dân Chân Lạp. Vua chuẩn y. Tướng Xiêm Chát Tri sai hẹn
4 hội ước và tiếp tục cố thủ thành U Đông. Nguyễn Tri
5 Phương và Doãn Uẩn liền ra lệnh tiến đánh giết chết hơn
6 trăm quân địch, trong số đó một nửa là quân Xiêm. Quân
7 Xiêm-Miên cố thủ và phản công. Cả hai bên đều bị thiệt
8 hại. Nguyễn Tri Phương xin viện binh tăng cường. Triều
9 đình gửi thêm viện binh: cho thụ đề đốc Vĩnh Long-Định
10 Tường Ngô Văn Giai đến Trấn Tây hội đồng với Tôn Thất
11 Bạch tham biện công việc, sai Nguyễn Vãng Hoàng đi
12 Vĩnh Long hợp cùng Lê Văn Phú và Doãn Uẩn đốc quân
13 đánh dẹp. Lãnh binh An Giang là Lê Đình Lý cũng được
14 sai đến Trấn Tây để phòng sai phái. Tháng 11 âl (1845),
15 chỉ thị cho Nguyễn Tri Phương nên cứu xét để ký hòa ước
16 với quân Xiêm và Chân Lạp nếu họ thực lòng cầu hòa, nếu
17 không thì thì phải tiến đánh nhanh chóng cho xong việc.
18 Sau đó Chát Tri lại cho người đến xin ước hội. Quân Xiêm
19 dựng một nhà lợp tranh nơi địa điểm hai bên gặp nhau.
20 Nguyễn Tri Phương và Doãn Uẩn dẫn quân hộ vệ đến hội
21 quán rồi từ cửa bên trái đi vào. Chát Tri xuống voi, đi chân
22 không, bỏ hết nghi thức của người Xiêm rồi từ cửa bên
23 phải đi vào làm lễ vái chào. Hai bên ký hòa ước nhưng
24 buộc Nặc Ong Đôn phải đích thân dâng thư xin nhận tội.
25 Ngày hôm sau, Ong Đôn cho người mang thư đến cửa quân
26 xin nhận tội để chuyển về kinh thành cứu xét, được chấp
27 nhận. Tuy nhiên, vẫn không nhận được thư chính thức của
28 Chát Tri. Rồi quân Xiêm tự ý triệt đồn lui quân. Lệnh cho
29 Nguyễn Tri Phương lui quân về thành Trấn Tây, Ngô Văn
30 Giai về An Giang, Tôn Thất Bạch về Gia Định.

31 Năm Bính Ngọ, *Thiệu Trị năm thứ 6* (1846), tháng
32 Giêng, tướng Võ Văn Giai tha cho mẹ của Nặc Ong Đôn
33 về Cao Miên còn vợ và cháu của đương sự, đợi cho đến
34 sau khi Chát Tri về nước Xiêm rồi sẽ tha về với Ong Đôn.
35 Tháng 11 âl (1846), tướng Chát Tri lần nữa lấy cớ, ra kỳ
36 hạn một tháng để chờ thư của vua Xiêm, chưa chịu rút
37 rút quân Xiêm ra khỏi thành U Đông. Sau Chát Tri đó lại

1 yêu cầu xin cho Nặc Ông Đôn đến đầu thú trước và thư của
2 vua Xiêm sẽ nộp sau. Tháng 12 âm (1846), Chân Lập Nặc
3 Ông Đôn sai bày tội là Ốc Nha Lịch, Y Giá Non, Ốc Nha
4 Bô, Na Đốc Côi, Ốc Nha Thôn, Na Tiếp Bà Đê Đột đem
5 bài biểu và lễ vật tới Trấn Tây để gửi về kinh đô xin thần
6 phục, được chấp nhận.

7 Tháng 2 âm năm Đinh Mùi (trong khoảng tháng 3dl và
8 tháng 4 dl năm 1847), sứ Cao Miên làm lễ triều cống.
9 Truyền chỉ cho bộ Lễ điều tra hỏi han để xem người Cao
10 Miên đã thực lòng thần phục triều đình Đại Nam hay chưa.
11 Hỏi đến đâu, sứ Cao Miên nói đến đó, không ngần ngại
12 chút nào, xét thấy lời lẽ của họ chân thành, cho nên không
13 còn nghi ngờ người Cao Miên nữa. Phong cho Nặc Ông
14 Đôn làm Cao Miên quốc vương, Mỹ Lâm quận chúa Ngọc
15 Vân làm Cao Miên quận chúa. Sai bố chính tỉnh Gia Định
16 là Lê Khắc Nhượng cùng với Nguyễn Tiến Hội và Hoàng
17 Thu làm khâm sứ sang thành Oudong làm lễ tuyên phong
18 cho Ông Đôn và Ngọc Vân. Thưởng công cho các quan đại
19 thần ở Trấn Tây.

20 Tháng 12 âm năm Tân Dậu, *niên hiệu Tự Đức thứ 14*
21 (tháng 1 d.l/1861), để trả thù về cái chết của Barbet, Ariès
22 mở một cuộc hành quân lớn tấn công vào các phòng tuyến
23 của chiến lũy Chí Hòa nhưng bị quan binh triều đình chống
24 trả mãnh liệt, hơn 130 quân Pháp bị chết tại trận. Sau trận
25 đánh này, phó đô đốc hải quân **Charner** và thiếu tướng
26 Vassoigne được chính quyền Pháp phái sang, mang theo
27 3,000 quân tăng viện và một hạm đội tàu chiến hùng hậu.

28 Vua Cao Miên (Chân Lập) Nặc Ông Đôn (sử cũ viết
29 là man tù Xá Ông Giun) chết năm 1860 tức năm Canh
30 Thân, tháng 11 âm./ *niên hiệu Tự Đức thứ 13* (ĐNTLCB;
31 quyển XXIII đã dẫn; trang 166), con trai trưởng là
32 Norodom kế vị.

33 Tân Dậu, *Tự Đức thứ 14*, tháng Giêng (7 tháng 2
34 d.l/1861), soái hạm Impératrice-Eugénie của Charner thả
35 neo trên sông Sài Gòn (sông Tân Bình). Sau khi đánh
36 chiếm đại đồn Chí Hòa và truy kích quân triều đình chạy
37 về Biên Hòa Charner phái phó thuyền trưởng Lespès mang

1 qua cáp và một lá thư đề ngày 24/ 3 d.l/ 1861 sang chiêu dụ
2 vua Cao Miên Norodom đệ I. Norodom liền cử một sứ
3 đoàn 80 người mang lễ vật sang gặp Charner để xin giao
4 hảo với người Pháp. Việc này được A. Schreiner viết lại
5 như sau:

6 En fin, au roi du Cambodge, l'amiral fit parvenir des présents et
7 une lettre (24 mars 1861). Le lieutenant de vaisseau Lespès, qui avait
8 pris une part des plus actives à la campagne, fu chargé de la mission;
9 il se rendit à Kampot avec l'avisó le *Norzagaray* qu'il commandait.
10 Voici la teneur du pli:

11
12 <<Les derniers événements de la Cochinchine sont parvenus à la
13 connaissance de Votre Majesté. Ell sait que les troupes franco-
14 espagnoles ont chassé les Annamites des lignes de Chí-Hòa, que
15 Saigon est dégagé et qua l'armée ennemie vaincue s'est dispersée
16 dans toutes les directions. Les populations des environs, à de
17 grandes distances, sont venues faire leur soumission et accepter la
18 protection qui leur était offerte.

19 L'intention de la France est de conserver sa conquête, de fonder
20 dans la Basse-Cochinchine une colonie et d'y apporter tous les
21 bienfaits de la civilisation européenne. Le Cambodge a toujours eu
22 avec la France des relations d'amitié. J'espère que nos rapports, en
23 devenant plus fréquent, deviendront aussi plus intimes.

24 Comme commandant des forces de terre et de mer en
25 Cochichine, et comme représentant de la France, je viens assurer
26 Votre Majesté de nos meilleures intentions à l'égard du royaume du
27 Cambodge et répondre aux avances de paix et d'amitié que le Roi,
28 votre père, Sire, a souvent faites au représentant du noble Empereur
29 des Français à Saigon.

30 J'ai l'honneur d'informer aussi Votre Majesté que je compte, dans
31 un temps peu éloigné, porter nos forces sur Mỹ Tho et m'emparer de
32 cette place, dernière défense des Annamites vers le Cambodge.

33 Le commandant de l'avisó de sa Majesté Impériale, le
34 *Norzagaray*, porra entrer en communication avec Votre Majesté, si tel
35 ait son désir.

36 J'offre à Votre Majesté . . . >>

37 Cette démarche auprès du souverain cambodgien eut un succès
38 complet. Le Roi Norodom répondit par des présents et l'envoi d'une
39 ambassade de quatre-vingts personnes (nous en parlerons plus loin).
40 (A.Schreiner; đã dẫn; trang 183)

41 **Tạm dịch:** Sau cùng, đối với vua Cao Miên, viên đề đốc đã gửi
42 quà cáp và một lá thư (đề ngày 24 tháng 3 năm 1062). Phó hạm
43 trưởng Lespès, người đã dự phần hết sức tích cực vào chiến trận,
44 được chỉ định nhiệm vụ mang quà và thư; ông ta tới Kampot với
45 chiến hạm *Norzagaray* do ông chỉ huy. Và sau đây là nội dung lá thư:

1 <<Những biển cỏ cuối cùng ở Nam Kỳ đã được hoàng thượng
2 nhận tường. Hoàng thượng biết rằng đoàn quân Pháp-Tây Ban Nha
3 đã đánh đuổi quan binh người An Nam chạy khỏi đồn Chí Hòa, Sài
4 Gòn được giải tỏa và địch quân bại trận đã bỏ chạy tứ tán khắp nơi.
5 Dân cư các vùng ngoại vi khá xa đã chịu quy phục và chấp nhận sự
6 bảo hộ như đã đề nghị từ trước.

7 Ý định của nước Pháp là duy trì đất đai chiếm được của mình,
8 thiết lập tại vùng Nam Kỳ một chế độ thuộc địa và mang tới nơi đó
9 những lợi ích văn minh Âu châu.

10 Nước Cao Miên luôn luôn có một mối liên hệ thân hữu với nước
11 Pháp từ trước đến nay. Chúng tôi ước mong rằng những mối liên hệ
12 của hai nước, càng lúc càng trở nên thường xuyên, sẽ trở thành thân
13 thiện hơn.

14 Nhân danh là tư lệnh hải, lục quân ở Nam Kỳ và là người đại diện
15 cho nước Pháp, chúng tôi đến để khẳng định với hoàng thượng về
16 những ý định tốt đẹp nhất của chúng tôi với vương quốc Cao Miên
17 mà cũng là để đáp lại mối hòa bình thân hữu đã có từ trước mà tiên
18 vương thân phụ của ngài đã thực hiện qua sự đại diện các vị sứ thần
19 của quý quốc ở Sài Gòn gửi đến hoàng đế nước Pháp của chúng tôi.

20 Chúng tôi hân hạnh thông báo đến hoàng thượng là không bao
21 lâu nữa, đoàn quân lục của chúng tôi sẽ tiến chiếm Mỹ Tho là cứ
22 điểm cuối cùng của người An Nam tiến sang Cao Miên.

23 Vị thuyền trưởng tàu chiến hoàng gia, chiến hạm Norzagaray, có
24 thể đến diện kiến hoàng thượng nếu cần (sic!) (nếu ông ta muốn như
25 thế).

26 *Khải bảm hoàng thượng . . . >>*

27 Đường hướng tiến gần với vương triều Cao Miên đã gạt
28 hái được kết quả toàn diện. Vua Norodom đã đáp ứng lại
29 bằng cách gọi qua biếu tặng và sai một đoàn sứ gồm 80
30 người.

31 Vào tháng 4 d.l năm 1861, em trai thứ 3 của Norodom
32 là Si-Vattha gây loạn cướp ngôi khiến Norodom phải chạy
33 trốn sang nước Xiêm La (Thái Lan). Người dân Cao Miên
34 vào lúc này, thừa dịp quan binh của triều đình nước Đại
35 Nam đang khốn đốn bận rộn đối phó với đoàn quân xâm
36 lược Âu Châu, đã nổi dậy đánh phá các vùng biên giới giữa
37 2 nước (Tây Ninh, Thủ Dầu Một, Dầu Tiếng. . .). Tháng 5
38 â.l (1860), người Cao Miên chiếm đồn Chu Úc ở Trà Bông
39 thuộc quyền cai quản của tỉnh Gia Định. Phó lãnh binh
40 Nguyễn Hợp đưa quân bình định nhưng bị giết chết khi
41 xung trận. (xem VSTKCGKL. V; trang 1385).

1 Như vậy, có thể suy định rằng vào lúc đoàn quân xâm
2 lược Âu Châu chiếm Sài Gòn-Chợ Lớn (Gia Định), Tây
3 Ninh, Thủ Dầu Một, thì người Xiêm La đã tiến chiếm một
4 vùng đất nào đó của Chân Lạp (tỉnh **Kampot**) rồi đưa
5 Norodom về để tiếp tục dẹp nội loạn lấy lại ngôi vua cho
6 Norodom. Trước đây cha của Norodom là Nặc Ong Đôn
7 chỉ làm vua bù nhìn một nửa nước Chân Lạp dưới quyền
8 đô hộ của quan cai trị Gia Định. Nay Gia Định, Tây Ninh
9 đã mất vào tay người Pháp thì người Cao Miên rất vui
10 mừng liên hợp với Pháp để họ thoát khỏi ách đô hộ của Đại
11 Nam và chính vì vậy mà ĐNTL viết rằng <<Người Cao
12 Miên và dân đạo nhân thế quá rối.>> (ĐNTLCB; quyền XXIII
13 đã dẫn; trang 184)

14 Sau khi Nặc Ong Đôn chết thì Tự Đức muốn đem quân
15 đánh phạt (tháng 11 â. 1 năm Canh Thân, niên hiệu Tự
16 Đức thứ 13/**1860**) vì kẻ thừa kế của Nặc Ong Đôn là
17 Norodom đệ I không báo tang. Việc này được ĐNTLCB
18 ghi lại như sau:

19 <<Man xá Ong Giun nước Cao Man chết. Vua dụ bọn Nguyễn Tri
20 Phương rằng: "Cao Man đời đời làm thần bệch nước ta, thế mà dám
21 mượn có dân Chàm, dân Chà Và, nổi lên làm loạn, xui thổ mục gây
22 hiềm khích ngoài biên. Quan ở biên thùy đánh dẹp chưa yên. Gần
23 đây, Man tù Xá Ong Giun, hiện đã chế rồi, mà nước nó vẫn giữ bí
24 mật. Như thế sự phòng bị của họ tất là sơ sài. Ta nhân đó mà đánh,
25 cũng là một cơ hội tốt. Trẫm vẫn biết đánh kẻ có tang, không phải là
26 chính nghĩa. Nhưng nó không báo tang, nếu ta có biết cũng coi như
27 không biết. Tường nên thừa cơ, gióng quân tự An Giang đi, một mặt
28 đem quân kéo thẳng đến; một mặt kẻ rõ tội họ gây ra hiềm khích mà
29 đánh. Khiến cho họ phải thú phục thì cõi biên thùy chóng yên". Rồi
30 lại vì trong nước ấy có nội loạn, vua hạ lệnh cho đợi sau sẽ tính làm.
31 (ĐNTLCB; q.XXII đã dẫn; trang 166)

32 Tuy nhiên việc chinh phạt Cao Miên chưa kịp thực hiện
33 thì người Pháp đã gây hấn ở Đà Nẵng rồi đánh chiếm Gia
34 Định khiến cho triều đình Đại Nam phải bận rộn lo đối phó
35 không còn khả năng đi chinh phạt Cao Miên nữa.

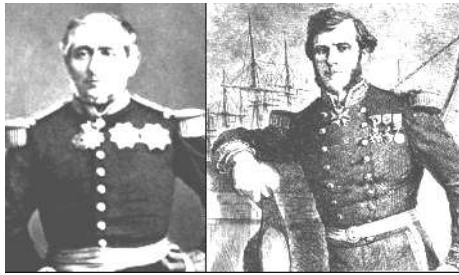
36 Sau khi thay thế Charner, Bonard cũng có sang gặp
37 Norodom và được Norodom tiếp đón nồng hậu vì nghe
38 theo lời cố vấn của giáo sĩ giám mục Miche (vào khoảng
39 tháng 9 d.1 năm 1862/ theo A. Schreiner đã dẫn; trang 248).

1 Nghe theo lời cố vấn của Bonard và theo chỉ thị của hầu
2 tước Chasseloup Laubat trong chính phủ Pháp, đề đốc La
3 Grandière lúc vừa mới tới Nam Kỳ đã nghĩ ngay tới việc
4 tìm dịp tạo mối thiện cảm với vua Cao Miên. Nhân một dịp
5 vua Cao Miên bị lây một chứng bệnh truyền nhiễm đang
6 lan tràn trong giáo phận của giáo sĩ giám mục Miche, La
7 Grandière liền phái y sỹ Hennecart tới Oudong. Y sỹ này
8 có thể nói và hiểu tiếng Miên từ khi ông ta công tác ở tỉnh
9 Tây Ninh. Vua Cao Miên được chữa khỏi bệnh rất nhanh
10 tỏ rõ thiện cảm lớn lao với viên y sỹ và luôn cả với nước
11 Pháp.

12 Ít lâu sau, La Grandière liền cử phó hạm trưởng
13 Doudart de Lagrée đi theo pháo thuyền *Gia Định* với 28
14 binh sĩ sang Cao Miên để thi hành nhiệm chức đại diện cho
15 người Pháp ở bên đó. De Lagrée đến Cao Miên vào đầu
16 năm 1863 và mặc dù bị người Xiêm ở đó cản trở gây hiềm
17 khích chia rẽ nhưng De Lagrée vẫn chiếm được lòng tin
18 của quốc vương Norodom. Từ ngày 18 tháng 6 d.l năm
19 1863, De Lagrée đã gửi báo cáo về cho La Grandière rằng
20 nhà vua (Cao Miên) đang ở một vị thế rất thuận lợi nhưng
21 không thể để vị vua bị chi phối bởi một ảnh hưởng nào
22 khác; một khi ông vua này đã ban phát một điều gì thì cần
23 phải nhận ngay và không nên bàn bạc gì tới điều đó nữa.

*

24 Sau khi đoàn sứ Phan Thanh Giản khởi hành sang Pháp,
25 **la Grandière liền đến Oudong vào ngày 9 tháng 8 d.l**
26 **năm 1863** và được Norodom tiếp đón hết sức long trọng.
27 Giáo sĩ giám mục Miche đóng vai trò thông ngôn và đi đến
28 kết quả là một **hiệp định được ký kết vào ngày 11 tháng**
29 **8 d.l năm 1863 đặt nước Cao Miên (Cambodge) dưới sự**
30 **đô hộ của Pháp** và một địa điểm hải quan trong lãnh vực
31 tỉnh Pnom-Penh được giao nhượng cho người Pháp để làm
32 bến nhà kho và đồn trú quân sự.



Đề đốc La Grandière và Doudart de Lagrée

1 Ký kết hiệp định bảo hộ Cambodge xong, la Grandière
2 yên tâm trở về Sài Gòn nhưng Norodom thì lại gặp nhiều
3 rắc rối từ chính quyền bảo hộ cũ của người Xiêm (Thái
4 Lan) do Phnea-Rat cai trị ở Oudong gây ra.

5 Mặt khác, triều đình nước Xiêm cũng tìm cách ngăn
6 chặn việc hoàng đế Pháp Napoléon III phê chuẩn định ước
7 bảo hộ Cambodge, hứa sẽ giao hoàn ấn tín của vương triều
8 nước Cambodge và yểm trợ cho Norodom làm lễ đăng
9 quang lên ngôi vua ở Oudong. De Lagrée báo cáo tự sự về
10 Sài Gòn. La Grandière liền phái thêm một pháo hạm sang
11 Cambodge để cảnh cáo sự can dự của người Xiêm vào nội
12 tình của Cambodge. Tuy nhiên, Phnea-Rat vẫn tiếp tục
13 dùng mọi thủ đoạn để cho Norodom mất lòng tin vào người
14 Pháp. Nhân chuyện các thủy binh Pháp sai rệu xong vào
15 cung đình chọc gheo các công chúa khiến cho Norodom
16 nổi giận, Phnea-Rat liền lợi dụng thời cơ này để tạo chia rẽ
17 giữa Norodom và người Pháp và Phnea-Rat đã khuyến dụ
18 được **Norodom ký kết một hiệp ước vào ngày 1 tháng 12**
19 **d.1 năm 1863 chấp nhận sự bảo hộ của người Xiêm.**

20 Hiệp ước bảo hộ này được phê chuẩn trao đổi vào ngày
21 22 tháng 1 d.1 năm 1864 nhưng lại không có lễ đăng quang
22 huy hoàng cho Norodom ở Oudong mà cũng không có ấn
23 tín như Phnea-Rat đã hứa khiến cho Norodom thất vọng rất
24 nhiều. Tuy nhiên, theo chỉ thị của triều đình vua Xiêm,
25 Phnea-Rat đề nghị rằng Norodom sẽ được đăng quang
26 trọng thể nếu Norodom chịu sang thủ đô Bangkok của
27 nước Xiêm. Norodom chấp thuận. Doudart de Lagrée đã
28 tìm đủ cách để khuyến cáo Norodom đừng đi, ngay cả đưa

1 ra những lời hăm dọa đánh chiếm các tỉnh thành của
2 Cambodge, nhưng vô hiệu quả. Ngày 3 tháng 3 d.l năm
3 1864, Norodom được Phnea-Rat và một toán nhỏ quân
4 Xiêm hộ tống lên đường đi sang nước Xiêm. Chỉ vài giờ
5 sau, de Lagrée ra lệnh cho quân Pháp tiến chiếm hoàng
6 cung và các cơ sở hành chính công cộng. Hai ngày tiếp
7 theo, 2 tàu chiến và 100 thủy binh của Pháp được phái đến
8 để tăng viện cho de Lagrée. Khi đi xa khỏi Oudong khoản
9 10 dặm, Norodom phải dừng lại và khiếp sợ khi biết được
10 tin kinh đô Oudong đã bị người Pháp chiếm giữ. Norodom
11 bèn quyết định quay trở lại Oudong mặc dù Phnea-Rat
12 ngăn cản và phản đối quyết liệt.

13 Tháng 8 d.l năm 1864 hiệp định bảo hộ đã được hoàng
14 đế Pháp Napoléon III phê chuẩn. Đại tá Desmoulinns thừa
15 lệnh mang lên Oudong và nghi lễ trao đổi văn kiện chuẩn
16 phê được tổ chức tại Oudong từ ngày 12 đến ngày 17 tháng
17 4 d.l năm 1864. Người Pháp liền cử đại tá Aubaret sang
18 thủ đô Bangkok gặp vua Xiêm Mang-Kut để bàn định về
19 việc tổ chức lễ đăng quang chính thức cho Norodom và
20 vấn đề quân Xiêm rút ra khỏi hai tỉnh Angkor và
21 Battambang. Vua Xiêm phải nhượng bộ.

22 Ngày 3 tháng 6 d.l năm 1864, Norodom làm lễ đăng
23 quang.

24 Ngày 16 tháng 6 d.l năm 1864, Phnea-Rat cùng quân
25 Xiêm rút hết ra khỏi lãnh thổ Cambodge.

26 Ngày 25 tháng 10 d.l 1864, vua Norodom với một số
27 đông tùy tùng xuống Sài Gòn để cống lễ chính quyền Pháp,
28 được người Pháp tiếp đón nồng hậu. Ngày 27 tháng 10 d.l
29 năm 1864, vua Norodom trở về Oudong. (A.Schreiner; đã
30 dẫn; trang 255-257).

31 Tự Đức hỏi Đình thần về tình trạng dân chúng ở Gia
32 Định. Đoàn Thọ cho biết là các đầu lĩnh dân quân kháng
33 chiến đang bị quân Pháp truy lùng bắt bớ, thường dân bị
34 liên lụy:

35 Đề đốc Bonard rời Sài Gòn ngày 1 tháng 5 d.l năm
36 1863, đề đốc la Grandière tạm quyền thay thế. Mặc dù hoà
37 ước Nhâm Tuất 5 tháng 6 d.l năm 1862 đã được hai bên

1 phê chuẩn nhưng kháng chiến quân miền Nam do Trương
2 Định cầm đầu mặc dù bị quân Pháp phản công mạnh mẽ
3 trong trận đánh ở Gò Công vẫn không chịu ngưng chiến mà
4 chỉ lui về nơi các mật khu gần ranh tỉnh Bình Thuận, ở
5 vùng đầm lầy Đồng Tháp Mười và ở các tỉnh miền Tây để
6 tiếp tục bao vây, đánh phá liên quân Pháp-Y Pha NHO và
7 do đó dân chúng vẫn tiếp tục chịu khổ vì súng đạn của 2
8 bên, các đầu lĩnh quân kháng chiến và những thường dân
9 bị nghi ngờ theo kháng chiến tiếp tục bị quân Pháp truy
10 lùng bắt bớ.

11 Ở Nam Kỳ, đề đốc La Grandière tạm quyền thống đốc
12 các lãnh thổ tạm chiếm đang trong tình trạng khốn đốn sau
13 khi Phan Thanh Giản quay trở về Huế từ ngày 25 tháng 4
14 d.l 1863 để chờ quân Pháp bàn giao tỉnh Vĩnh Long.

15 Trong khi La Grandière cố gắng ổn định an ninh trật tự
16 thì Trương Định càng đẩy mạnh các chiến dịch đánh phá
17 của dân quân kháng chiến, không nghe theo lời kêu gọi
18 ngưng chiến của La Grandière cũng như của triều đình.
19 Người Pháp cho rằng tình trạng Trương Định không tuân
20 lệnh triều đình Huế là một sự sắp xếp không ngay thẳng
21 của vua quan nhà Nguyễn: một mặt ra lệnh ngưng chiến
22 nhưng trong bóng tối vẫn ngầm thúc hối Trương Định tiếp
23 tục chiến đấu:

24 Nguyễn văn một đoạn viết của A. Schreiner như sau:

25 << . . . *Suivant une tactique inspirée sans nul doute par la cour elle-*
26 *même, ce chef de bande sépara sa cause de celle des mandarins; il*
27 *pouvait ainsi sans danger être désavoué par eux, et Phan Thanh Giản*
28 *put écrire à l'amiral que ce Định n'était qu'un imposteur qu'il fallait*
29 *mettre à mort, oubliant d'indiquer l'essentiel: le moyen de le*
30 *prendre.*>>

31 **Tạm dịch:** << . . . Thật sự không có một chút nào để nghi ngờ là
32 theo sách lược của triều đình đề ra thì tên trùm giặc loạn này sẽ tách
33 rời mục đích của hắn ra khỏi mục đích của các quan triều; hắn cũng
34 không bị thiệt hại gì nếu bị các quan chức triều đình chối bỏ không
35 công nhận, và Phan Thanh Giản cũng có thể viết thư cho viên đề đốc
36 mà nói rằng tên Định này là một tên mạo danh lừa đảo cần phải bị xử
37 tội chết, nhưng ông ta (ông Giản) lại quên cho biết một điều cốt yếu là
38 làm cách nào để truy bắt được hắn.>> (A. Schreiner; *Abrégé de*
39 *l'Histoire d'Annam*; trang 251; Saigon; 1906)

1 Dư luận nghi ngờ của phía người Pháp không phải là
2 không có lý bởi vì rõ ràng là Tự Đức đã tỏ ra nôn nóng và
3 không hài lòng với các khuynh hướng chủ hoà trong triều
4 đình và tuyên bố rằng không thể nào để cho tình trạng tạm
5 yên kéo dài cho qua ngày tháng. (ĐNTLCB; đã dẫn; trang 18).

6 Thi hành các điều khoản trong hoà ước Nhâm Tuất,
7 ngày 25 tháng 5 d.l năm 1863, Phan Thanh Giản tiếp thu
8 lại tỉnh Vĩnh Long do đại tá d' Ariès đại diện quân Pháp
9 bàn giao. Dư luận người Pháp cho đây là một thắng lợi lớn
10 cho quan quân của triều đình Huế tạo ra một tin tưởng sâu
11 xa trong dân chúng rằng các tỉnh khác nhất định cũng sẽ
12 được trao trả lại cho triều đình Đại Nam.

13 Sau khi tiếp thu tỉnh Vĩnh Long, Phan Thanh Giản đi
14 Sài Gòn để cảm ơn đề đốc La Grandière rồi sau đó vào
15 ngày 2 tháng 6 d.l năm 1863 được tàu chiến Pháp *Écho* đưa
16 trở ra Huế.

17 Ngày 15 tháng 6 d.l năm 1863, nguyên tổng đốc
18 Trương Văn Uyển nhận lại nhiệm vụ tổng đốc tỉnh Vĩnh
19 Long.

20 Tháng 5 âl (1863), cử Nguyễn Tri Phương làm Tổng
21 thống Hải Yến quân vụ để đi bình định nhóm giặc miền
22 biển Hải - Yên ở miền Bắc.

23 Tự Đức và triều đình Huế lại sai hiệp biện đại học sĩ
24 Phan Thanh Giản, lại bộ tả tham tri Phạm Phú Thứ, Án sát
25 Quảng Nam Ngụy Khắc Đản đi sang sứ nước Pháp để lo
26 việc chuộc lại 3 tỉnh đã mất vào tay quân xâm lược Pháp:

27 Tự Đức và triều đình cho rằng chuyến đi sứ này rất
28 quan trọng và khó khăn cho nên cần phải chọn lựa những
29 người có khả năng. Ngụy Khắc Đản lấy cớ còn có mẹ già
30 cần săn sóc để thoái thác nhưng Tự Đức không chấp nhận.
31 Tự Đức lại hỏi ý kiến của Phan Thanh Giản về triển vọng
32 của chuyến đi công tác sang Pháp với mục đích chuộc lại
33 các tỉnh đã bị mất. Phan Thanh Giản trả lời rằng không thể
34 dự đoán được kết quả sẽ ra sao vì chuyến đi này vội vàng
35 quá và không được chuẩn bị chu đáo.

36 << Vua nói: "*Vậy thì sai sứ đi có ích lợi gì? Phan Thanh Giản cũng*
37 *còn chưa am hiểu, hưởng chi người khác ư. Lần đi này đã dự định là*

1 phải nói làm sao cho bằng được. Nếu họ không nghe thì phải ở lại mà
2 nói, cốt cho chuyển biến lòng của họ. Nếu đi không về không hay đi
3 không mà đến chết thì có lợi ích gì cho nước. Hãy đem 2,3 việc quan
4 trọng mà bàn, còn thì chẳng qua là sửa định lại mà thôi". Vậy sai sửa
5 lại tờ quốc thư>>. (ĐTL đã dẫn; trang 22)

6 Đại ý tờ quốc thư được sửa lại như sau:

7 -Các đạo trưởng Phá-Y Pha Nho phải có định số và
8 định sở nhất định.

9 -Triều đình chịu trả tiền bồi thường quân phí thì liên
10 quân xâm lược hãy trả lại cho triều đình ba tỉnh Biên Hoà,
11 Gia Định. Định Tường.

12 -Yêu cầu bồi bỏ điều khoản phải hỏi ý liên quân xâm
13 lược trước khi triều đình muốn giao dịch ngoại giao với
14 các nước khác.

15 -Việc hội họp sứ bộ giữa liên quân xâm lược với triều
16 đình Huế thì nên giao thiệp ở công quán Đà Nẵng.

17 -Yêu cầu triển hạn trả khoản tiền bồi thường 400 vạn
18 đồng từ 10 năm thành 20 năm. (ĐNTLCB đã dẫn, trang 20,21)

*

19 Đoạn chép trên của ĐNTLCB đã được tác giả Lê Thanh
20 Cảnh viết lại bằng tiếng Pháp trên Đô Thành Hiếu Cổ Tập
21 San BAVH như sau:

22 <<Sa Majesté demanda alors à Phan Thanh Giản si, d'après ce qu'il
23 pensait de l'état actuel des choses, ses négociations à Paris pourraient
24 aboutir à quelques résultats appréciables et si l'Annam pourrait
25 espérer de la France la rétrocession des trois provinces conquises.

26 Phan Thanh Giản répondit qu'il ne pouvait encore rien prédire à
27 ce sujet, et ce qu'il lui fallait se rendre compte d'abord de la tournure
28 de sa démarche auprès du Gouvernement français.

29 Sa Majesté ajouta: "*Mais qu' elle est donc le but de votre voyage*
30 *en France? Si vous même vous douter de son issue, vos*
31 *collaborateurs immédiats seront fort embarrassés pour accomplir*
32 *leur tâche. Il faut absolument obtenir la rétrocession par la France*
33 *des territoires conquis. En cas de refus par le Gouvernement français,*
34 *il faudra prolonger votre séjour à Paris, afin de saisir le moment le*
35 *plus propice pour entamer de nouveaux pourparlers. Travaillez à*
36 *former en France une opinion favorable à notre cause; il faut*
37 *également vous efforcer d'attendrir le cœur des hommes du*
38 *Gouvernement français sur le sort de notre royaume. Faites en sorte*

1 que votre voyage en France ne soit pas inutile pour la réalisation de
2 nos légitimes aspirations.

3 *Même si vous deviez trouver la mort dans l'accomplissement de*
4 *vosre tâche, que cette mort profite à nos desseins. Faites valoir toutes*
5 *les raisons qui doivent militer en notre faveur. Que la rétrocession*
6 *des territoires conquis reste toujours l'immuable objectif de vos*
7 *négociations".*

8 Ordre fut donné aux mandarins de la Cour de rédiger une lettre de
9 créance et des cadeaux diplomatiques imposants pour le Roi de
10 France. (BAVH đã dẫn, 1937, số 4, trang 393-396)

*

11 Ba sứ thần vâng mệnh đến Gia Định ở 9 ngày rồi cùng
12 sứ thần 2 nước Pháp-Y Pha Nho vượt biển. Theo tài liệu và
13 thư tịch của Pháp thì chuyến công du của đoàn sứ giả Đại
14 Nam vào năm 1863 được mô tả lại như sau:

15 Theo sự tuyên bố của chính quyền An Nam thì mục đích của chuyến
16 công du của đoàn sứ thần Phan Thanh Giản là để chúc mừng và cống hiến
17 các phẩm vật đến hoàng đế Napoléon III, đáp lễ về những phẩm vật mà
18 Napoléon III đã cống hiến hoàng đế Tự Đức trong dịp chuẩn nhận hoà ước
19 Nhâm Tuất ngày 5 tháng 6 dl năm 1862. (Theo ĐNTL thì lễ vật gửi
20 tặng Napoléon III gồm có: con long mã bằng vàng, con
21 phượng bằng vàng, ngọc tốt, kiếm vàng, khay ngọc, chậu
22 rửa bằng bạc, hộp bằng bạc có ngăn bằng ngà, bình bằng
23 bạc bịt vàng).

24 Tuy nhiên phía sau mục đích này lại là ý đồ của triều
25 đình Huế muốn chuộc lại 3 tỉnh bị mất và nếu không thành
26 công thì ít ra cũng làm đình trệ việc chấp hành hoà ước do
27 Bonard xướng xuất. (Quốc sử quán triều Nguyễn viết về ý
28 đồ này như sau: *Trần Đình Túc* tâu rằng: "*phen này, cốt vì việc xin*
29 *trả lại 3 tỉnh và triển bạc bồi, vậy xin phải chi thêm vàng bạc trong*
30 *kho, cốt làm sao cho được việc. Ngài nghe theo"). (SQTCBTY đã*
31 *dẫn, trang 340, ĐNTL đã dẫn, trang 24, 25).*

32 Thay vì chống đối, đề đốc la Grandière lại cung cấp
33 một tàu chiến Européen để chở mượn đoàn sứ Đại Nam
34 sang Pháp. Phó hạm trưởng Rieunier (còn được gọi là Lý A
35 Nhi), nguyên chỉ huy trưởng hậu trại của Bonard, được chỉ
36 định tháp tùng theo đoàn sứ đến Paris.

1 Đoàn sứ Đại Nam gồm khoảng 60 người trong đó có 10
2 người Sài Gòn (người miền Nam) hầu hết là theo đạo gia tô.
3 Linh mục Hoàng (hay Hoằng) là thông ngôn chính thức
4 của đoàn sứ Phan Thanh Giản. Linh mục Hoàng đã mô tả
5 cảnh sinh hoạt của đoàn sứ Đại Nam trên tàu chiến
6 Européen như sau:

7 "*Mỗi ngày chúng tôi nguyện kính chung với nhau sau buổi nguyện*
8 *kính của các thủy thủ với linh mục tuyên úy của họ. Phải mất khá*
9 *nhiều thời giờ để những người trong đoàn sứ An Nam có thể sống*
10 *theo nếp sinh hoạt trên tàu nhưng rồi thì cũng lướt qua . . . Họ mang*
11 *theo nhiều nước mắm, ó, nhiều loại gia vị, thứ gì cũng có . . . Trước*
12 *khi tàu ghé bến Arden, rất ít người trong đoàn sứ tránh khỏi được*
13 *tình trạng say sóng khó sở."*

14 Tàu *Européen* rời bến Sài Gòn ngày 17 tháng 7 năm
15 1867, cập bến kinh Suez ngày 17 tháng 8. Từ cảng
16 Alexandrie (Ai Cập), đoàn sứ đổi sang tàu *Labrador* để
17 tiếp tục lộ trình và tới bến tàu Toulon (Pháp) vào ngày 10
18 tháng 9 năm 1863, được đón chào bằng 17 phát súng đại
19 pháo. Tất cả tàu hải quân của Pháp đang đậu tại bến này
20 đều được lệnh kéo cờ hiệu màu vàng vì màu vàng biểu hiệu
21 hoàng tộc nước Đại Nam.

22 Mười giờ sáng hôm sau, các sứ thần An Nam tiếp kiến
23 các chức quyền hải quân ngay trên tàu. Hạm trưởng
24 Aubaret (Hà Ba Lý) đại diện cho bộ Ngoại giao Pháp làm
25 thông dịch viên.

26 Tiếp theo, phái đoàn đi xem bến tàu, sân pháo binh và
27 dự buổi ăn trưa do thị trưởng thị xã Toulon khoản đãi. Sau
28 đó, đoàn sứ được đưa lên du thuyền hoàng gia Pháp *Aigle*:
29 Đoàn sứ luôn luôn giữ thái độ kính trọng khi dạo quanh du
30 thuyền và từ chối không vào buồng riêng của hoàng đế và
31 và hoàng hậu nước Pháp.

32 Tàu *Ville de Paris* chào mừng đoàn sứ tại đây bằng một
33 màn thao diễn quân sự sừng nổ vang rền nhưng đoàn sứ
34 vẫn giữ thái độ trầm tĩnh không một chút giao động.

35 Buổi chiều hôm đó, tàu *Labrador* nhổ neo đưa đoàn sứ
36 đi Marseille.

37 Ngày 11 tháng 9 dl, tổng lãnh sự Mure de Pelanne đại
38 diện cho bộ ngoại giao chào đón phái đoàn sứ của vương

1 quốc An Nam và hướng dẫn đoàn đến khách sạn. Tại
2 khách sạn, phái đoàn đã tiếp kiến các chức quyền dân sự,
3 quân sự và hải quân của tỉnh thành Marseille. Phái đoàn
4 dạo xem bến cảng Marseille tấp nập trù phú nhưng vẫn
5 luôn giữ được thái độ trầm tĩnh, không vội vấp hay trầm trở
6 ra mặt.

7 Sáng hôm sau (ngày thứ bảy 12 tháng 9 dl năm 1863)
8 phái đoàn lên tàu hỏa đi Paris và đến nơi vào buổi chiều
9 Chúa Nhật ngày 13 tháng 9 dl năm 1863). Trong cuộc hành
10 trình bằng tàu hỏa này, đoàn sứ đã có dịp thưởng ngoạn
11 những nét đẹp cùng với sự trù phú của nước Pháp. Hai
12 mươi năm sau, linh mục Hoàng kể lại rằng đoàn sứ An
13 Nam đã bị ngỡ ngàng khi nhận thấy không có một tác đất nào
14 bị bỏ hoang kèm với sự sung túc và hoa mỹ của đất nước
15 này, những điều mà trước đó phái đoàn sứ đã từng chê bai
16 các sĩ quan Pháp là ba hoa khoác lác nhằm mục đích đề cao
17 đất nước giàu đẹp của họ.

18 Phái đoàn được đại diện của hoàng đế Napoléon III là
19 Feuillet de Conches (A-tô mang) tiếp đón và dùng các loại
20 xe kiệu của hoàng gia Pháp để đưa phái đoàn về khách sạn
21 dành riêng cho đoàn tại số 17 đường Lord-Byron, gần Khải
22 Hoàn Môn (Arc de Triomphe).

23 Hoàng đế Napoléon hiện không có mặt ở Paris, đang ở
24 Biarritz và sẽ trở về hoàng cung vào đầu tháng 10 dl. Tuy
25 nhiên Bộ trưởng tài chánh Achille Fould đã chính thức tiếp
26 kiến phái đoàn vào ngày 18 tháng 9 dl năm 1863. Trong
27 cuộc tiếp kiến này Aubaret giữ nhiệm vụ thông dịch viên.
28 Việc thương thảo giữa tổng trưởng tài chánh Pháp và Phan
29 Thanh Giản rất căng thẳng về ngạch mức tiền chuộc lại 3
30 tỉnh đang bị quân viễn chinh Pháp chiếm đóng, chi tiết về
31 cách thức trả tiền chuộc và tổng trưởng tài chánh có vẻ như
32 muốn triệt thoái hết quân ra khỏi Nam Kỳ.

33 Phó hạm trưởng Rieunier viết lại rằng ngay sau khi
34 đoàn sứ Đại Nam vừa đặt chân lên cảng Toulon thì báo
35 *Indépendance belge* đã loan tin triều đình nước An Nam
36 chịu trả 80 triệu đồng quan Pháp để chuộc lại 3 tỉnh và
37 người Pháp chỉ còn giữ lại Sài Gòn mà thôi. Tin tức này

1 chỉ được phổ biến giới hạn trên báo chí để rồi ngay sau đó
2 một bản giắc thư kín được sao thành 50 bản để gửi đến
3 hoàng đế và các chức quyền có thế lực của nước Pháp hầu
4 tạo hậu thuẫn chấp nhận những đề nghị của sứ đoàn Phan
5 Thanh Giản. Giắc thư này không được gửi sang cho quyền
6 thống đốc Bonard tác giả của bản hòa ước Nhâm Tuất
7 (1862). Giắc thư cũng không được gửi tới đô đốc La
8 Grandière cũng như Tổng Trưởng bộ Hải Quân và Thuộc
9 Địa Chasseloup-Laubat. Dư luận người Pháp cho rằng Bộ
10 Tài Chánh và bộ Ngoại Giao của triều đình Pháp đã thực
11 hiện một cuộc đảo chánh ngầm trong vấn đề thương thảo
12 với đoàn sứ giả của triều đình Huế.

13 Ngày 7 tháng 11 dl năm 1863 hoàng đế Napoléon tiếp
14 kiến đoàn sứ tại điện Tuileries. Trong cuộc tiếp kiến này,
15 Napoléon III đã hiểu dụ và tuyên bố rất thuận lợi cho đoàn
16 sứ nhưng nhưng thông dịch viên Aubaret đã chuyển đạt sai
17 ý nghĩa lời kết luận của Napoléon III khiến cho đoàn sứ
18 phải ngỡ ngàng và thất vọng tưởng rằng hoàng đế Pháp bắt
19 khước những đề nghị của hoàng đế Đại Nam do họ có bản
20 phạn chuyển đạt đến. Lời kết của hoàng đế Napoléon III
21 nói với họ như sau: "*La France, dit-il en substance, est*
22 *bienveillante pour toutes les nations et protectrice des faibles; mais*
23 *ceux qui l'entravent dans sa marche, ont à crainte sa sévérité".* Khi
24 Aubaret chuyển đạt sang tiếng Việt, ông ta chỉ dịch lại
25 phần kết thúc lời hiểu dụ của hoàng đế Pháp bằng mấy chữ
26 ngắn gọn: "*phải có sợ*". Tức là Aubaret đã bỏ đoạn đầu mà
27 chỉ lấy đoạn cuối *ont à crainte sa sévérité* để nhấn gởi đến
28 phái đoàn sứ Đại Nam. (tạm dịch: "*Hoàng đế tuyên phán rõ rằng*
29 *nước Pháp thân thiện với tất cả các quốc gia và bảo hộ cho những*
30 *nước yếu kém; tuy nhiên ai ngăn trở bước tiến của nước Pháp thì mới*
31 *phải e sợ sự nghiêm ngặt của nước Pháp*". (BAVH 1-3/1926, trang
32 74; cũng xem A Schreiner, *Abrégé de l' Histoire d' Annam* đã dẫn,
33 trang 262).

34 Tuy nhiên nỗi lo âu của đoàn sứ đã được giải tỏa vì
35 vào ngày 12 tháng 11 dl năm 1863, tờ báo *Moniteur*
36 *universel* đăng tin chính thức rằng hiệp ước ký ngày 5
37 tháng 6 dl năm 1862 sẽ được tái xét lại. Theo
38 A.Schreiner thì triều đình Pháp hứa hẹn các yêu cầu của

1 đoàn sứ sẽ được đáp ứng và sẽ gửi sang triều đình Huế
2 trong vòng 1 năm. (A Schreiner đã dẫn, trang 262).

3 **Như vậy, chuyến công du của đoàn sứ Phan Thanh**
4 **Giản xem như đã thành công với việc triều đình Pháp ở**
5 **Paris đã đồng ý tái xét lại hoà ước Nhâm Tuất (1862).**

6 Trong chuyến đi này, vua quan triều đình Pháp đã có
7 một thái độ kính trọng và khâm phục về cung cách đối ứng
8 của Hiệp biện đại học sĩ Phan Thanh Giản: bài đọc diễn
9 văn của ông trầm bổng, khẩn cấp, trân trọng, rung cảm,
10 trách cứ đã gây xúc động cho nhiều người trong buổi tiếp
11 kiến tại điện Tuileries. Lễ phục uy nghi và ngoạn mục của
12 sứ đoàn đã làm cho mọi người trầm trồ chóa mắt hết lời
13 khen ngợi. (xin đọc BAVH 1-3/ 1926 đã dẫn, trang 73).

*



*Chân dung Hiệp Biện Đại Học Sĩ Phan Thanh Giản trưởng phái đoàn sứ đi công du sang
Pháp quốc (Ảnh trích từ BAVH 1-3/ 1926)*



Ảnh này được lưu giữ tại Bảo tàng viện Paris dưới mã số 10608 và được trích đăng vào
Đồ Thành Hiếu Cổ Tập San - BAVH số 1-Janvier/Mars/1926)
*Chân dung Hiệp Biện Đại Học Sĩ Phan Thanh Giản trường phái đoàn sứ
ĐI CÔNG DU SANG PHÁP QUỐC (ẢNH TRỀCH TỪ BAVH 1-3/ 1926)*



Chân dung của Lại bộ tả tham tri Phạm Phú Thứ
(Ảnh trích từ BAVH 1-3/ 1926)



Chân dung của Án sát Quảng Nam Ngụy Khắc Đàm
(Ảnh trích từ BAVH 1-3/ 1926)



Napoléon III đón tiếp đoàn sứ Đại Nam tại điện Tuileries
(Ảnh trích từ BAVH 1-3/ 1926)

❖ Về chuyến công du của đoàn sứ Phan Thanh Giản

1. Những hoạt động của chính quyền thuộc địa La Grandière trong khi phái đoàn sứ Đại Nam đang ở Paris:

Sau khi đoàn sứ Phan Thanh Giản lên đường sang Pháp, đề đốc La Grandière, không đếm xỉa gì đến tin đồn là đạo quân viễn chinh của Pháp sẽ rút khỏi các vùng đã chiếm được ở Nam Kỳ, cứ vẫn tiếp tục chương trình tổ chức và củng cố guồng máy thuộc địa non trẻ của ông ta: ra lệnh truy lùng đầu lĩnh kháng chiến Quận Định được hoàng đế Tự Đức yểm trợ và cổ xúy, ứng trước, cung cấp tài chánh và những sự yểm trợ cần thiết cho các cư dân trong các vùng do quân xâm lược Pháp kiểm soát, thực hiện nhiều công trình xây dựng cơ sở quan trọng ở vùng Sài Gòn Mới và Sài Gòn Cũ (tức Chợ Lớn này nay), kích thích sáng kiến trong giới tư nhân.

Ngày 28 tháng 11 dl năm 1864, tất cả việc làm của La Grandière đã được chính phủ Pháp chuẩn phê ngậm bằng cách phong cho ông ta chức vụ Thống đốc Nam Kỳ Hạ (Basse Cochinchine) để thay thế đô đốc Bonard.

Trong khi các viên chức chính quyền của triều đình Pháp ở Paris tiếp tục bàn cãi về vấn đề tái nghị hoà ước Nhâm Tuất thì vào tháng 12 dl 1864 đoàn sứ Đại Nam lên đường sang Tây Ban Nha trên tàu *Terceira* của Tây Ban Nha. Trong khi còn lênh đênh trên vùng biển Địa Trung Hải thì có cơn bão biển lớn nhận chìm một tàu khác; sau 15 ngày chưa tới bến, thì có tin đồn là tàu chở đoàn sứ đi Tây Ban Nha cũng bị nhận chìm trong cơn bão biển đó và tin đồn này cũng được loan truyền ở Sài Gòn nhưng chỉ được tiếp nhận bằng một thái độ thờ ơ vì cho rằng đó chỉ là một thủ đoạn của triều đình Đại Nam nhằm mục đích kéo dài thêm thời gian hiệu lực chấp hành hoà ước Nhâm Tuất đã được hai bên phê chuẩn. Thực tế thì tàu *Terceira* cũng bị

1 cơn bão làm hư hại nhưng may mắn không bị nhận chìm
2 giữa biển và đã tới được hải cảng Naples. Gần một tháng
3 sau tin tức về tàu chở đoàn sứ Phan Thanh Giản đã đến thủ
4 đô Madrid/ Tây Ban Nha mới được đưa tới Sài Gòn.

5 Dự thảo một hòa ước hiệu chỉnh với Đại Nam cùng với
6 hoà ước Pháp-Cao Miên đã được chính phủ Pháp giao cho
7 đại tá Aubaret tân lãnh sự của chính phủ Pháp ở Bangkok
8 (Thái Lan) và ở Huế. Aubaret được bộ ngoại giao Pháp ủy
9 nhiệm toàn quyền thương thảo với triều đình Huế về những
10 yêu cầu do đoàn sứ Phan Thanh Giản nêu ra. Aubaret rời
11 nước Pháp lên đương nhận chức vụ lãnh sự vào tháng 1 dl
12 năm 1864 và dự trù là sẽ đến Sài Gòn vào khoảng tháng 2
13 dl năm 1864 nhưng vì tàu bị trục trặc cho nên ông ta phải
14 sang Thái Lan trước để trao ủy nhiệm thư của hoàng đế
15 Pháp cho vua Thái Lan đồng thời cũng gửi sang Sài Gòn
16 hiệp ước bảo hộ Cao Miên ký kết ngày 11 tháng 8 dl năm
17 1863 đã được Napoléon III phê chuẩn.

18 **Nhóm chính quyền thuộc địa của La Grandière ở**
19 **Sài Gòn bất mãn về việc chính phủ Pháp chỉ định**
20 **Aubaret vào nhiệm vụ thương thảo với triều đình Huế**
21 **để sửa đổi hoà ước Nhâm Tuất (1862). Tuy nhiên, lợi**
22 **dụng thời gian Aubaret chưa đến Sài Gòn, La**
23 **Grandière đã thực hiện những cơ sở cần thiết cho bước**
24 **đầu thực hiện chính sách thuộc địa của người Pháp trên**
25 **đất nước Đại Nam.**

26 Trong khi đó thì phái đoàn sứ Phan Thanh Giản từ Tây
27 Ban Nha đáp tàu *Lepanto*, đến cảng Alexandrie (Ai Cập)
28 Trung Đông vào ngày **23 tháng 1 dl năm 1864, một tuần**
29 **lẽ sau** đó vào kênh đào Suez ngày **30 tháng 1 dl năm**
30 **1864**, đáp tàu *Japon* để về Sài Gòn (tàu *Japon* đã đợi phái
31 đoàn ở kinh Suez từ hai tháng rưỡi trước đó tức là tàu này
32 đã ở bến cảng kênh đào Suez từ **18 tháng 11 dl năm 1863**:
33 tài liệu đăng trên tập san BAHV 1-3/1926 trang 75 viết **18**
34 **tháng 11 dl năm 1864** là sai).

35 Phái đoàn về đến Sài Gòn ngày **18 tháng 3 dl năm**
36 **1864**. Đi theo phái đoàn về Sài Gòn còn có phó hạm trưởng
37 Boresse của Pháp được cử làm thanh tra sự vụ người bản

1 xứ. Tất cả đều được thông độc La Grandière và các
2 người Pháp ở Sài Gòn tiếp đón trọng thể và dù có bất
3 mãn lo âu nhưng họ đã có thái độ kính trọng và khâm
4 phục một cách đặc biệt đối với ông Phan Thanh Giản vì
5 cung cách dẫn thân phục vụ của ông cho đất nước Đại
6 Nam.

7 Tờ báo *Le Courier de Saigon* (số ra ngày 22 tháng 3 dl
8 năm 1864) đã viết nhiều đề mục ca tụng phái đoàn sứ Đại
9 Nam và mô tả lại những buổi tiệc khoản đãi, những cuộc
10 du ngoạn thăm viếng của phái đoàn quanh vùng Sài Gòn-
11 Chợ Lớn đang đổi mới. Tờ báo có đoạn viết:

12 «*Le lendemain* (20 tháng 3 dl năm 1864) , *ils sont allés*
13 *à Cholon : ils ont visité les ponts, les travaux considérables*
14 *entrepris pour la rectification des quais et des rues de ce*
15 *vaste quartier.*

16 «*Ils étaient tous trois à pied, accompagnés de deux*
17 *officiers français ; ils n'avaient pas le moindre parasol*
18 *(comme insigne de leur dignité), et quand ils se sont*
19 *trouvés au soleil, ils ont daigné s'abriter sous un modeste*
20 *parapluie! Une foule nombreuse s'était assemblée autour*
21 *d'eux et n'a point paru scandalisée de cette dérogation à*
22 *l'ancienne étiquette . . . »* (BAVH 1-3/ 1926; trang 76).

23 (tạm dịch: Ngày hôm sau, phái đoàn vào Chợ Lớn: họ
24 đi xem các cầu công, các công trình quy mô chỉnh trang
25 các bến cảng và các đường phố của khu vực rộng lớn này.

26 Ba vị đại sứ đi bộ với hai quan chức người Pháp hộ
27 tống, họ không có lọng che (lọng che là một hình thức biểu
28 hiệu uy quyền của họ) và khi đi ngoài trời họ không ngần
29 ngại trú nắng dưới những cái dù che bình thường đơn sơ.
30 Một đám đông dân chúng bao quanh phái đoàn nhưng
31 không có ai tỏ dấu hiệu la chộ vì hình ảnh giảm cấp quyền
32 uy này.)

33 Ngày 24 tháng 3 dl năm 1864, đoàn sứ Phan Thanh
34 Giản đáp tàu *Écho* trở về và đến Huế vào ngày **28 tháng**
35 **3 dl năm 1864.**

2. Hoạt động của lãnh sự Aubaret

1 Aubaret đến Sài Gòn vào ngày **21 tháng 5 dl năm**
2 **1864** nhưng chỉ được tiếp đón một cách một cách lạnh nhạt
3 do đó ông ta đã vội vàng lên tàu *D' Entrecasteaux* để đi
4 và tới cảng Thuận An vào ngày 14 tháng 6 dl năm 1864,
5 được Phan Thanh Giản đón tiếp theo nghi lễ ngoại giao và
6 được hoàng đế Tự Đức tiếp kiến vào ngày 16 tháng 1 dl
7 năm 1864 (theo BAVH đã dẫn. Tuy nhiên theo tác giả A.
8 Schreiner ghi trong sách *Abrégé de l' Histoire d' Annam*
9 thì Aubaret tới Huế ngày 16 tháng 1 dl năm 1864 và được
10 hoàng đế Tự Đức tiếp kiến ngày 22 tháng 1 dl năm 1864).
11 Aubaret được Tự Đức đối đãi rất trân trọng và thân thiện.
12 Sau đó là cuộc bàn thảo và thương lượng giữa Aubaret và
13 Phan Thanh Giản.

14 **Hoà ước mới được Aubaret cùng với phái đoàn**
15 **Phan Thanh Giản ký kết và trao đổi vào ngày 15 tháng**
16 **7 dl 1864 nhưng hội đồng nội các chính phủ Pháp ở**
17 **Paris đã không chuẩn phê hòa ước này.**

18 Ngày 29 tháng 1 dl năm 1865, thống đốc La
19 Grandière được chính phủ Pháp thông báo dứt khoát
20 không chấp nhận để triều đình Đại Nam chuộc lại 3
21 tỉnh đã mất. La Grandière cho triều đình Huế biết
22 quyết định không phê chuẩn của chính phủ Pháp. Như
23 thế có nghĩa là hoà ước Nhâm Tuất (1862) vẫn còn tồn
24 tại và có hiệu lực chấp hành.

*

25 Rõ ràng là Tự Đức và các triều thần thủ cựu, chậm tiến,
26 ù lì ở Huế đã làm đình trệ việc lấy lại các vùng lãnh thổ ở
27 Nam Kỳ đã bị quân xâm lược Pháp đánh chiếm. Trọng tâm
28 của Tự Đức là chuộc lại 3 tỉnh bằng bất cứ giá nào không
29 phải vì các vùng đó có những nguồn lợi phong túc quý báu
30 cho nhân dân miền Nam nhưng vì các vùng đó có những
31 mối ràng buộc tình cảm riêng tư với hoàng tộc nhà Nguyễn
32 (mẹ sinh của Tự Đức là người Gia Định). Khi gửi phái
33 đoàn Phan Thanh Giản sang Paris, công tác chính của Tự
34 Đức giao cho phái đoàn là tìm mọi cách để chuộc lại 3 tỉnh
35 bị mất nhưng lại **tiết tiền bồi thường chiến tranh, tiền từ**
36 **kho bạc của nhà vua dù là tiền bạc tích lũy được bằng**

1 cách thu tóm từ mô hôi và công lao của dân chúng.
2 Thái độ thiếu hiểu biết được đằng đầu nắm đằng cán,
3 được voi đòi tiên của Tự Đức khiến cho người Pháp bực
4 bội chán nản. Aubaret có lúc đã đề nghị chấm dứt cuộc
5 thương thuyết.

6 Người Pháp đã hớn hỡ vui mừng cho rằng chính
7 những trò cãi bướng cố lì kéo dài thời gian của triều
8 đình Huế để chờ sự chán nản buông trôi của người
9 Pháp đã giúp cho chính sách thuộc địa non trẻ của họ
10 tại Nam kỳ tiếp tục tồn tại. Tác giả A.Delvaux trong bài
11 viết *L'Ambassade de Phan Thanh Giản en 1863 d'après les*
12 *documents français* đã không ngần ngại mà viết ra rằng tác
13 giả thành khẩn ca ngợi những nhà đại ái quốc đã biết cách
14 bảo tồn và phát triển nền đế quốc thuộc địa của nước Pháp
15 tại Viễn Đông: "*En terminant ce modeste travail, je ne*
16 *puis m' empêcher de rendre mes humbles hommages aux*
17 *grands patriotes qui ont su maintenir et faire prospérer*
18 *notre jeune empire français d' Extrême-Orient.*" (tạm
19 dịch: "Để kết thúc công trình sưu khảo này, tôi không thể
20 nào tự dè dặt ca ngợi những nhà đại ái quốc đã biết
21 cách bảo tồn và phát triển nền đế quốc son trẻ của nước
22 Pháp chúng ta ở Viễn Đông" (BAVH 1-3/ 1926, trang 80).

V/- THAM VỌNG BÀN TRƯỞNG CHÍNH SÁCH THUỘC ĐỊA CỦA NGƯỜI PHÁP

23 Sau khi Pháp và Trung Quốc ký kết và phê chuẩn thỏa
24 ước hòa bình ngày 25 tháng 10 dl năm 1860 tại Bắc Kinh
25 (để bổ túc thêm cho hoà ước Thiên Tân ký kết giữa Pháp
26 và Trung Quốc vào ngày 27 tháng 6 dl năm 1858), Charner
27 liền đưa hết đoàn quân viễn chinh Pháp từ chiến trường
28 Trung Quốc trở qua Sài Gòn. Đoàn tàu chiến chuyển quân
29 của Charner đến Sài Gòn ngày 7 tháng 2 dl năm 1861. Ngày
30 24 và 25 tháng 2 dl tấn công đại đồn Kỳ Hòa, đẩy lui quân
31 triều đình ra khỏi vòng đai Sài Gòn, Gia Định, chiếm luôn

1 Thủ Dầu Một, Tây Ninh. Quân triều đình rút lui về cố thủ
2 Biên Hòa. Kế tiếp quân của Charner tiến chiếm Mỹ Tho.

3 Sau chiến thắng Mỹ Tho, Charner phải tạm ngưng việc
4 chiến tranh để lo tổ chức cai quản cả một vùng lãnh thổ
5 rộng lớn nằm giữa sông Mê-kong và sông Soài Rạp. Ngay
6 cả việc người Cao Miên sẵn sàng chịu đặt lãnh thổ của họ
7 dưới quyền kiểm soát của đoàn quân viễn chinh Pháp mà
8 Charner cũng phải làm ngơ. Với súng ống kỹ thuật tốt và
9 vượt trội so với vũ khí của quan binh triều đình Đại Nam
10 cùng với tinh thần đánh trận yếu kém chưa đánh đã bỏ
11 chạy của quân binh nhà Nguyễn thì đoàn quân chiến thắng
12 của Charner có thể tiếp tục cuộc hành quân xâm lược để
13 đánh chiếm luôn tỉnh Biên Hòa và 3 tỉnh miền Tây không
14 mấy khó khăn nhưng Charner phải ngừng lại. Tại sao ? Bởi
15 vì theo Charner chiếm đất thì không khó lắm nhưng giữ đất
16 đã chiếm được thì không phải dễ: "*Nếu tôi có thêm một
17 ngàn quân thì tôi sẽ đánh chiếm luôn ba tỉnh phía Tây
18 nhưng liệu rằng tôi có đủ nhân sự để giữ 3 tỉnh đó hay
19 không? Tôi phải tự hạn chế để không phải thối lui lấy một
20 bước. Danh dự của người Pháp tùy thuộc vào điều đó*".
21 Đây là lời của Charner viết ra gửi cho Chasseloup-Laubat
22 bộ trưởng Bộ Hải quân và Thuộc Địa của chính phủ Pháp ở
23 Paris ("*Si j'avais mille homme de plus, écrivait-il au
24 ministre de la marine, je prendrai ces trois provinces; mais
25 aurais je assez le monde pour les garder? Je dois m'
26 attacher à ne pas faire un pas en arrière. Notre prestige en
27 dépend.*" (A. Schreiner; sách đã dẫn; trang 195).

28 **Như vậy, người Pháp dừng lại không phải vì họ**
29 **nghĩ rằng như thế đã đủ để bó buộc triều đình nước Đại**
30 **Nam thay đổi chính sách ngược đãi đạo gia tô, một tôn**
31 **giáo xa lạ do những người Âu Châu-trong đó người**
32 **Pháp chiếm một tỷ số lớn- nhập cảng vào nước Đại**
33 **Nam. Vấn đề ngược đãi đạo Gia tô chỉ là một cái cớ nhỏ**
34 **khởi đầu để cho người Pháp có thể thi hành chính sách**
35 **xâm lăng thuộc địa của họ. Tham vọng thuộc địa của**
36 **người Pháp không dừng lại nơi tỉnh Mỹ Tho.**

1 **Tham vọng của người Pháp không những được phát**
2 **hiện từ những thái độ hiếu thắng quân phiệt của những**
3 **kẻ cầm đầu Bộ Hải Quân và Thuộc Địa của chính phủ**
4 **Pháp ở Paris mà còn có thể phát hiện từ những cấp**
5 **thừa hành trong đoàn quân viễn chinh xâm lược Pháp**
6 **mà điển hình là *Francis Garnier*.**

* **Francis Garnier** (1839-1873)

7 Trong một quyển sách có tựa đề *Nos Premières*
8 *Années Au Tonkin* tác giả Paulin Vial (1831-1907) có đoạn
9 viết về Francis Garnier như sau:

10 "A cette époque, Garnier avait 34 ans. Intelligent, instruit,
11 courageux, doué une ambition ardente, partout où il avait servi il
12 avait attiré l'attention de ses chefs et de ses camarades. Il avait pris
13 part à l'expédition de Chine et de Cochinchine sous les ordres de l'
14 amiral Charner (1860-1861).

15 Revenu à Saigon à la fin d'Avril 1863, il fut admis, sur sa
16 demande, dans l'administration des affaires indigène par décision de
17 l'amiral de la Grandière. Il servit à Cholon en qualité d'inspecteur
18 stagiaire sous les ordres de M. Gaudot, auquel il succéda en 1865. En
19 1866, il avait été désigné, sur sa demande, pour faire partie de la
20 Commission d'exploration du Mékong, commandée par M. de la
21 Grée, capitaine de frigate.

22 Parti de Saigon le 5 juin 1866, il y rentra en octobre 1868,
23 ramenant le cercueil de son chef qui repose dans le cimetière de
24 Saigon.

25 Il était allé ensuite à Paris où il dirigea la rédaction de cet
26 important voyage qui fait tant d'honneur à notre pays.

27 En 1870 et 1871, Garnier prit une part glorieuse à la défense de
28 la capitale."

29 (Paulin Vial, *Nos Premières Années au Tonkin*, trang 50,
30 nhà xuất bản Baratier-Molaret, France 1889)

31 **Tạm dịch:** "Vào thời đó, Garnier 34 tuổi, thông minh, có giáo dục,
32 can trường, đầy tham vọng, ở bất cứ nơi nào ông ấy phục vụ đều gây
33 sự chú ý của thượng cấp và bè bạn. Ông đã góp phần tham dự vào
34 công tác thám sát ở Trung Quốc và ở Nam Kỳ hạ theo lệnh của đề
35 đốc Charner (vào những năm 1860-1861).

36 Trở lại Sài Gòn vào tháng 4 năm 1863, ông làm đơn xin và được
37 la Grandière chấp nhận vào làm việc trong ngành quản trị hành chính
38 bản xứ sự vụ. Ông được cho giữ chức thanh tra bản xứ ngạch tập sự
39 ở Chợ Lớn (ngang với phó thị trưởng) dưới quyền chánh thanh tra
40 bản xứ Gaudot. Ông thay thế Gaudot vào năm 1865. Năm 1866, Ông
41 yêu cầu và được chấp thuận cho tham dự vào đoàn thám hiểm sông
42 Mékong do đại úy hải quân de Lagrée làm trưởng đoàn.

1 Đoàn thám hiểm rời Sài Gòn vào ngày 5 tháng 6 năm 1866 và
2 quay trở về vào tháng 10 năm 1868 kéo theo quan tài đựng xác
3 người trưởng đoàn để chôn cất nơi nghĩa trang thành phố Sài Gòn.

4 Tiếp theo đó, anh đi Paris và ở đó anh đã tự mình ghi lại chuyên
5 đi thám sát tạo niềm hãnh diện lớn lao cho đất nước chúng ta.

6 Năm 1870 và 1871, Garnier chia xẻ một phần vinh quang trong
7 việc bảo vệ thủ đô."

*

8 Có thể nói rằng Francis Garnier là một thanh niên trẻ
9 tuổi đã đóng góp lớn lao cho sự hình thành chính sách
10 thuộc địa của nước Pháp ở Đông Dương. Không phải ngẫu
11 nhiên mà La Grandière đưa Francis Garnier vào đoàn công
12 tác thám hiểm sông Mê-kong. Garnier được trọng dụng bởi
13 vì trước đó F.Garnier đã thi hành thành công các nhiệm vụ
14 thám sát ở Trung Quốc và ở Nam Kỳ hạ. Cũng có thể nói
15 rằng F.Garnier là một người lính tiền sát có nhiệm vụ
16 hướng đạo, vẽ đường dẫn lối cho đoàn quân viễn chinh
17 xâm lược của Pháp đi chiếm đất dành thị trường các nước
18 Á Châu đặc biệt là nước Đại Nam.

19 Qua 2 bài tham luận, một bài viết vào **tháng 4 năm**
20 **1864** dưới chủ đề ***La Cochinchine Française en 1864*** và
21 một bài viết vào **tháng 3 năm 1865** với chủ đề ***De la***
22 ***Colonisation de la Cochinchine***, Francis Garnier đã cho
23 người ta thấy tham vọng của Pháp muốn chiếm đoạt hết đất
24 đai của nước Đại Nam, trước hết là vùng Nam Kỳ hạ, kế
25 đến là Bắc kỳ và cuối cùng là Trung Kỳ.

26 Sau khi hoà ước Nhâm Tuất (1862) được hoàng đế
27 Napoléon III và hoàng đế Tự Đức phê chuẩn, triều đình
28 Huế đã áp dụng chính sách ngoại giao đi cửa sau để qua
29 mặt nhóm quân phiệt của Bộ Hải quân và Thuộc Địa chủ
30 trương chiếm đất bám trụ trên đất nước Đại Nam. Chính
31 sách ngoại giao qua mặt của triều đình Huế đã thành công:
32 chính phủ Pháp ở Paris và hoàng đế Napoléon III đã đồng
33 ý thay thế hòa ước Nhâm Tuất (1862) và cử ngay đặc sứ
34 Aubaret sang Sài Gòn đề ra Huế bàn nghị một hòa ước mới
35 mà không cần tham khảo ý kiến của Bộ Hải Quân và
36 Thuộc Địa cùng với những tướng tá của đoàn quân viễn
37 chinh xâm lược Pháp hiện đang có mặt trên vùng đất Nam

1 Kỳ hạ. Đây là một cuộc đảo chánh ngầm trong nội bộ của
2 chính phủ Pháp khiến cho nhóm quân phiệt Pháp ở Sài
3 Gòn bất mãn giận dữ và họ đã phản đối ngầm bằng cách
4 vẫn tiếp tục thi hành những điều khoản đã thoả thuận trong
5 hòa ước Nhâm Tuất (1862) mà không cần xin chỉ thị của
6 chính phủ Pháp ở Paris và xem như không có mặt của đặc
7 sứ Aubaret.

8 Câu hỏi đặt ra là chuyện gì đã xảy ra trong khi Aubaret
9 đang dự cuộc thương thảo ở Huế?

10 Aubaret đến Sài Gòn vào ngày **21 tháng 5 dl năm**
11 **1864** nhưng chỉ được tiếp đón một cách lạnh nhạt do đó
12 ông ta đã vội vàng lên tàu *D' Entrecasteaux* để đi và tới
13 cảng Thuận An vào ngày 14 tháng 6 dl năm 1864, được
14 Phan Thanh Giản đón tiếp long trọng theo nghi lễ ngoại
15 giao và được hoàng đế Tự Đức tiếp kiến vào ngày 16 tháng
16 1 dl năm 1864 (theo BAVH đã dẫn). Tuy nhiên theo tác giả
17 A. Schreiner ghi trong sách *Abrégé de l' Histoire d' Annam*
18 thì Aubaret tới Huế ngày 16 tháng 1 dl năm 1864 và được
19 hoàng đế Tự Đức tiếp kiến ngày 22 tháng 1 dl năm 1864).
20 Aubaret được Tự Đức đối đãi rất trân trọng và thân thiện.
21 Sau đó là cuộc bàn thảo và thương lượng giữa Aubaret và
22 Phan Thanh Giản.

23 Hoà ước mới được Aubaret cùng với phái đoàn Phan
24 Thanh Giản ký kết và trao đổi vào ngày **15 tháng 7 dl**
25 **1864**.

26 Sau khi phái đoàn sứ Phan Thanh Giản đã trở về nước
27 và trước khi Aubaret sang Sài Gòn thì bài tham luận **LA**
28 **COCHINCHINE FRANÇAISE en 1864** của Francis Garnier
29 viết xong vào ngày **19 tháng 4 dl năm 1864** được nhà xuất
30 bản E. Dentu & Challamel Ainé cho phát hành ở Paris.

31 Khởi đầu bài tham luận, F.Garnier đã không ngại
32 ngừng chê trách chính phủ Pháp ở Paris, báo chí, và dân
33 chúng Pháp hiểu biết rất mù mờ về vùng đất Nam Kỳ hạ
34 của nước Đại Nam:

35 "L' étude de la Cochinchine française, au triple point de vue des
36 habitants, de ses ressources, de son avenir, n' a jamais été faite d'
37 une manière complète.

1 En France, on ne possède sur ce sujet que quelques articles de la
2 presse périodique, plus anecdotiques que sérieux, plus intéressants
3 qu'instructifs; quelques ouvrages faits à la hâte pour les besoins
4 d'une passagère actualité, remplis d'assertions inexactes et de
5 lacune regrettables; quelques rapports ou quelques travaux faits à
6 des points de vue trop locaux, trop restreints, souvent trop intéressés.
7 Nulle part ne se trouvent des vues d'ensemble, un corps de données
8 concordantes, une appréciation générale et élevée.

9 Les premières impressions sur la Cochinchine, un peu
10 enthousiastes, ont exagéré les facilités et les richesses qu'elle
11 présentait à notre colonisation. On a dépeint sa population comme
12 dénuée de tout patriotisme, on a exalté outre mesure sa faculté
13 d'assimilation. Aussi, une réaction très vive n'a-t-elle pas tardé à se
14 produire aux premiers obstacles rencontrés, et une sorte de
15 découragement a-t-il succédé aux premières espérances.

16 En essayant d'esquisser l'état actuel de la question, je voudrait
17 éviter l'un et l'autre de ces extrêmes, et réduire à des proportions plus
18 exactes les facilités comme les obstacles que la Cochinchine offre à
19 notre colonisation. Exagérer les difficultés induit souvent en des
20 résolutions fâcheuses; les nier, c'est s'exposer à les rendre
21 insurmontables; vanter outre mesure certaines facultés
22 d'assimilations, c'est, au lieu d'en profiter, risquer de les rendre
23 inutiles.

24 Si j'abdique d'avance toute prétention de combler la lacune que
25 j'ai signalée en commençant, j'espère au moins, en indiquant où gît le
26 problème, en provoquer de plus heureuses solutions".

27
28 **Tạm dịch:** "Việc nghiên cứu về vùng Nam Kỳ hạ của Pháp trên
29 ba lãnh vực dân cư, tài nguyên và triển vọng của vùng này từ trước
30 tới nay chưa bao giờ được thực hiện một cách đúng mức.

31 Ở Pháp quốc, một vài tiết mục được viết trên các tạp chí định kỳ
32 có tính cách giai thoại lật vặt không nghiêm chỉnh, tạo thú vị hơn là
33 truyền đạt kiến thức; một vài tác phẩm viết lách vội vã vì nhu cầu
34 thông tin thời sự đầy dẫy những điều khẳng định không đúng và đáng
35 trách cứ; có vài bản phúc trình hay việc làm đưa ra nhiều quan điểm
36 có tính cách cục bộ, giới hạn, thường chú trọng nhiều quá. Không tìm
37 thấy đâu được những cái nhìn tổng thể, một khối dữ kiện hòa hợp
38 với nhau, một sự đánh giá có tính cách tổng quát và có giá trị cao.

39 Những ấn tượng đầu tiên hơi nhiệt tình về miền Nam Kỳ hạ đã
40 phóng đại những tiện ích và sự giàu có ở miền đó. Người ta đã mô tả
41 dân tình ở đó như là đã lột bỏ lòng yêu nước, người ta đã phóng đại
42 một cách quá lộ phương cách đồng hóa của nó. Thêm nữa, một sự
43 phản ứng thật mạnh đã có ngay khi gặp những trở ngại đầu tiên và
44 một niềm thất vọng đã nối tiếp theo sau ngay những niềm hy vọng
45 ban đầu.

46 Trong khi phát họa tình trạng hiện thời của vấn đề, tôi muốn tránh
47 tình trạng đi từ cực đoan này đến cực đoan kia, và giảm xuống đến
48 mức tỷ lệ đúng hơn về những lợi ích cũng như những trở ngại trong
49 chính sách thuộc địa của chúng ta trên đất Nam Kỳ hạ. Thôi phòng

1 những khó khăn thường dẫn đến những giải pháp phiền phức. Phải
2 nhận các khó khăn đó tức là tự mình làm cho sự khó khăn đó không
3 thể vượt qua được; tán tụng quá đáng một số phương cách đồng hóa
4 tức là có nguy cơ biến các phương cách đó trở thành vô dụng.

Nếu tôi tự mình từ bỏ trước tham vọng lấp đi điều thiếu sót mà tôi
đã đề cập từ lúc khởi đầu thì mong rằng việc tôi khơi dậy ấn lập của
vấn đề sẽ kích động tìm ra những cách giải quyết tốt đẹp hơn".

*

5 Sau đây là phần tạm dịch toàn bài tham luận **LA**
6 **COCHINCHINE FRANÇAISE en 1864** của Francis Garnier
7 viết xong vào ngày **19 tháng 4 di năm 1864** được nhà xuất
8 bản E. Dentu & Challamel Ainé cho phát hành ở Paris.

I

9 Tôi không bỏ qua vấn đề chủng tộc. Trong một vài bài viết gần
10 đây, tôi đã trình bày một cách ngụ ý rằng các dân cư của đế quốc An
11 Nam là kết quả của sự hợp chủng với tất cả các dân cư từ các vùng
12 lãnh thổ chung quanh. Sự quyết đoán này tự nó sẽ không có nền
13 tảng và muốn cho có ý nghĩa thì người ta sẽ phải nói cho biết sự hợp
14 chủng là gì? Ở vào thời nào? Theo những tỷ lệ nào? Sự pha trộn đã
15 tiến hành dưới nhiều nguồn ảnh hưởng khác nhau như thế nào?
16 Muốn biết được những điều đó thì phải sinh sống lâu dài trên đất
17 nước này và nhất là cần có sự nghiên cứu về ngôn ngữ, lịch sử và về
18 các sắc tộc trên bán đảo Ấn-Hoa (thường được gọi là bán đảo Đông
19 Dương, gồm có Việt Nam, Cao Miên và Lào), phải như vậy thì mới có
20 thể hiểu được những câu hỏi nêu ra bằng không thì chỉ là lý thuyết.
21 Một sự nghiên cứu lâu dài như thế cho đến nay chỉ mới có tính cách
22 sơ thảo.

23 Như vậy, tôi sẽ phải lướt qua các vấn đề vừa nêu ra ở trên để
24 khảo sát sự khác biệt nòng cốt về chủng tộc giữa những cư dân đang
25 sinh sống trên vùng Nam Kỳ hạ đối với những kẻ chinh phục mới
26 đến. Phải thừa nhận rằng sự khác biệt này tạo thành một lý lẽ đối
27 kháng, một nguyên nhân gây ác cảm. Tuy nhiên những điều này cần
28 phải được công nhận vì giá trị chính đáng của nó.

29 Giống như những nước chịu ảnh hưởng của nền văn minh Trung
30 Quốc, ở Nam Kỳ hạ có hai hạng người khác biệt nhau: một hạng là
31 các sĩ phu (tức là những thành phần trí thức) và một hạng là thành
32 phần các thứ dân (còn gọi là tục dân). Các uy quyền, cai trị đều do
33 tầng lớp sĩ phu nắm giữ. Bất chước một cách dốt nát những cung
34 cách xử thế của các sĩ phu Trung Quốc, tầng lớp sĩ phu An Nam
35 cuồng nhiệt áp dụng sự hiểu biết của họ và bất chấp bất cứ điều gì
36 không phù hợp với văn minh kiến thức của họ. Trên thực tế, chúng ta
37 đến đây chiếm đoạt quyền sở hữu lãnh thổ Nam Kỳ hạ từ tay của họ
38 và cũng chỉ có họ mới là những kẻ không bao giờ chịu tha thứ cho
39 chúng ta vì chúng ta đã chấm dứt sự tham lam bóc lột của họ trên tài

1 sản dân chúng, để tiêu hủy ảnh hưởng và san bằng uy thế của họ,
2 làm tiêu ma mất đi vai trò (lãnh đạo) của họ. Vì chỉ biết chú trọng trên
3 những kiến thức ấu trĩ để hiểu biết về ưu thế của chúng ta cho nên họ
4 chỉ có thể cảm nhận được ưu thế đó theo ý nghĩ của họ để rồi cảm
5 giận chúng ta nhiều hơn. Cuộc chiến giữa họ với chúng ta là cuộc
6 chiến bất tận mà cũng chính là vì niềm cao ngạo của họ bị va chạm
7 và sự thù ghét vì lợi lộc đôi khi đặt ngang với lòng ái quốc đã khiến
8 cho họ can trường chấp nhận một cuộc chiến tranh không ngơi nghỉ
9 và vô vọng, bất chấp sự chết chóc ô nhục, để được vẽ cho vài lời ca
10 tụng anh hùng khiến chúng ta tuy phải khâm phục nhưng lại hối tiếc
11 giùm cho.

12 May thay, niềm cao ngạo đó lại tan biến đi trong khối dân chúng.
13 Nhưng nếu chúng ta chỉ gặp một sự cam chịu tiêu cực trong khối
14 quần chúng này nhưng với hậu quả của sự chịu đựng đau khổ triền
15 miên đã trở thành thói quen của họ, thì chúng ta lại phải va chạm với
16 những khó khăn nghiêm trọng về mặt tinh thần. Với một nền văn
17 minh lâu đời không di dịch, với những truyền thống cội rễ và một tình
18 trạng xã hội bám chặt vào phong tục tập quán thì người ta không thể
19 nào làm biến đổi trong một sớm một chiều.

20 Cách cư xử đơn giản và dễ giải của chúng ta từ trước đến giờ
21 đã không thể nào xóa bỏ được sự tưởng tượng của người An Nam
22 về mức độ kính sợ phục tùng do những quan chức cai trị thuở xưa đã
23 tạo ra cho họ. Chúng ta chưa hiểu biết một cách sâu sắc về phong tục
24 tập quán của họ, những phong tục đã tác động mạnh mẽ tinh thần của
25 họ, đó là những khó khăn đầu tiên mà bất kỳ cuộc xâm lược nào cũng
26 gặp phải trong lúc chuyển tiếp từ giai đoạn quân sự qua giai đoạn
27 hành chánh dân sự; ngò vực của họ đã được lèo lái và khai thác một
28 cách khôn khéo để đạt tới một mục đích là biến ngò vực đó thành một
29 niềm tin tuyệt đối rằng chúng ta không có đủ khả năng để cai trị họ.

30 Thêm nữa, về mặt vật chất, trong thâm tâm của những người chủ
31 trương khi đưa ra những dự án cải cách thì những dự án này phải
32 kích thích được sự ngưỡng mộ và sự biết ơn của dân chúng thay vì
33 khiến cho họ bị bỏ ngò. Việc tạo dựng an sinh gây xúc động rất ít tại
34 những miền nhiệt đới dễ dãi. Vì không có khả năng suy luận và đánh
35 giá tầm quan trọng thực tế của những công trình được thực hiện trên
36 đất nước của họ, người An Nam lại cho rằng các công trình đó chỉ
37 nhằm để bóc lột, vơ vét, thu thuế nhiều hơn. Nếu nghĩ rằng có thể
38 thuyết phục được họ bằng cách đưa ra những con số để cho họ thấy
39 là chúng ta đã chôn vùi tiền bạc của chúng ta vô số kể vào đất nước
40 của họ, rằng còn lâu mới lấy được một ít tiền tài trong nước của họ;
41 chúng ta nghĩ như vậy là mất thì giờ và nghịch lý.

42 Mặt khác, người An Nam có thể chỉ biết mập mờ về bản chất của
43 những xu hướng và phương cách áp dụng nền công lý của chúng ta.
44 Ý thức đạo đức của họ quá mờ mịt và thấp kém khiến cho họ khó có
45 thể nhận ra được cái nào là cái nhìn cao hơn, lớn hơn phát hiện từ
46 cung cách hành động của chúng ta. Điều này chỉ thấy xảy ra ở những

1 dân tộc mà những ý niệm về công lý và luật pháp trong mọi tình
2 huống bị trộn lẫn vào các ý niệm về những hành vi đã rồi và bạo lực,
3 mà đó lại là những tình huống cần sự che chở của luật pháp, một sự
4 cầu viện khẩn thiết của kẻ yếu kém bị áp bức nhưng lại chỉ có thể
5 mua được bằng tiền bạc. Đó là hậu quả của đầu óc mưu mẹo và lừa
6 đảo giúp cho các phán quan không còn phải e dè và làm mất đi phẩm
7 cách trang nghiêm của tòa án. Người ta sẽ không ngạc nhiên khi thấy
8 có những xúc động choáng váng vì sự có mặt của những kẻ có đầu
9 óc như thế trong hiện tình cùng với những viên quan cai trị hành
10 chánh người Pháp được cất cử để ban phát công lý.

11 Vả chăng, các ý niệm về công lý tự nó là những ý niệm tuyệt đích
12 ở bên ngoài thế giới của nhân loại và những ý niệm này chỉ có một
13 giá trị tương đối khi chúng được áp đặt vào bất cứ nơi đâu hay vào
14 bất cứ một thể chế xã hội nào. Tùy theo phong tục tập quán khác
15 nhau của mỗi nơi, tùy theo tính cách đặc biệt của mỗi nền văn minh
16 mà các hình thức nghĩa vụ khác nhau được tạo thành. Cũng vậy, để
17 thấu hiểu bản chất một vài khó khăn và mức độ của một số thái độ
18 chán ghét ở Nam Kỳ hạ thì người ta phải gột bỏ các ý kiến tiền định,
19 những thành kiến về giáo dục và nhất là không được cứu xét vấn đề
20 dưới nhãn quan của một người Âu Châu. Có lẽ điều này từ trước đến
21 nay chưa có ai thử áp dụng. Nhược bằng đã làm được như vậy thì
22 người ta sẽ không bỏ ngỡ về một số hậu quả đương nhiên phải có
23 xuất phát từ một nền văn minh suy vi thoái hoá và nếu là một người
24 quan sát ít thiên vị thì sự phê phán của người này đã là một sự phê
25 phán công minh hơn.

26 Thiên nghi, đó là tất cả những nguyên cơ của những sự ngờ vực
27 đã bén rễ, của những thái độ lạnh nhạt thờ ơ tự nảy sinh từ dân
28 chúng An Nam kể từ lúc chúng ta chiếm đóng.

29 Đã như vậy thì liệu rằng những khó khăn đó có thể vượt qua hay
30 không? Phải chăng chúng ta không thể dự trừ được những khó khăn
31 về mặt văn minh và chủng tộc mà chúng ta phải đối diện vào lúc này?
32 Có phải chỉ vì một vài lúng túng về tổ chức hành chánh mà chúng ta
33 phải chịu thua, từ bỏ nhiệm vụ, bỏ rơi dân tình An Nam dưới gọng
34 ách thoái hóa của nhóm quan viên triều đình hay sao? Mặc dù ở
35 dưới sự chiếm đóng của chúng ta, trong tình trạng suy thoái ấu trĩ
36 này, phải chăng chúng ta vẫn cứ phải chấp nhận để cho các hạng
37 quan viên đó bất tận tạo ra thái độ tiêu cực đối với mọi sự tiến bộ
38 cũng như làm trở ngại các sự phát triển vật chất? Và bởi vì chúng ta
39 không muốn đi xuống để hội nhập với họ thì lẽ nào chúng ta lại tuyệt
40 vọng trong việc kéo họ lên ngang bằng với chúng ta? Người ta không
41 thể trả lời ngập ngừng được.

42 Có chính sách thuộc địa nào vấp phải những trở ngại lớn lao hơn
43 hay không? Người ta thấy rằng, ở đây không có chủ nghĩa yêu nước
44 hay chủ nghĩa tôn giáo cuồng tín để lôi kéo khối quần chúng nổi dậy
45 chống lại những kẻ xâm lược một cách mù quáng. Quả thật có một
46 bản năng lo sợ thúc đẩy lẫn lướt mọi sự suy luận nhưng rồi thì những

1 thực tế vật chất hợp lý hợp tình sẽ được thực hiện trong thời hạn thật
2 ngắn.

3 Mặc dù có một vài biện pháp đáng tiếc, những đòn đãi giận dữ đã
4 và đang góp phần vào sự nuôi dưỡng lòng ngờ vực của dân chúng
5 đối với chúng ta, người ta không thể phủ nhận rằng người An Nam
6 bắt đầu không còn muốn trở lại một số những thành kiến của họ. Sự
7 liêm khiết và ý thức của chúng ta hay đúng ra là lòng yêu chuộng
8 công lý cùng với sự mềm dẻo của chúng ta, mặc dù đối chọi gay gắt
9 với tình trạng bán buôn và tính cách bạo tàn trong chính sách cai trị
10 của họ trước đây, nhưng cũng đã tạo được ấn tượng đối với họ. Cảm
11 tình của họ đối với chúng ta chưa phải là sự cảm phục kính trọng ,
12 tuy nhiên họ có ngạc nhiên mà sự ngạc nhiên thì tới trước sự cảm
13 phục kính trọng.

14 Vậy thì chúng ta hãy cứ phải chờ đợi những kết quả nhất định sẽ
15 có, những kết quả từ sự tiếp cận giữa người và sự vật. Chúng ta hãy
16 từ từ đưa vào những sự cải cách, không nên quá vội vã để rồi chuốc
17 lấy sự khó chịu từ số dân chúng không có khả năng nhận biết những
18 công việc làm có tính cách phúc lợi; chúng ta không nên đối đầu
19 thẳng với những thành kiến; chúng ta hãy đối xử khéo léo với những
20 trường hợp nhạy cảm chính đáng. Khi cố gắng lôi kéo một cách mềm
21 dẻo khối dân chúng đã từng phải chịu còng lưng bải hoải dưới quyền
22 lực chuyên chế mà phẩm cách bị vùi dập, niềm tự hào bẩm sinh bị
23 tan biến cũng như khi chúng ta mang trở lại cho họ ý thức về lương
24 tri, thức tỉnh lòng ham muốn sáng tạo và ý chí tự do của họ hay chỉ
25 cần nói tóm gọn một câu rằng khi dẫn đưa họ đến với thói quen tự
26 họ suy nghĩ, tự họ hành động thì không bao lâu người ta sẽ thấy
27 rằng thành kiến sẽ nhường chỗ cho sự nhận xét đánh giá sự vật một
28 cách tự do và vô tư.

29 Tổ chức xã thôn cùng với những xã trưởng và cai tổng đủ tư
30 cách để cai trị tạo thành nền móng của thể chế xã hội người An Nam.
31 Chúng ta nên duy trì nền móng này bởi vì cho đến ngày nay nó luôn
32 luôn là một sức mạnh, cho nên mặc dù giặc giã chiến tranh, mặc dù
33 có những cố gắng mưu mô của những chính quyền An Nam từ các
34 tỉnh thành lân cận, thì cũng chỉ có một số rất ít người di cư ra khỏi
35 các vùng lãnh thổ do Pháp đang chiếm đóng. Người ta có thể cho
36 rằng sự đoàn kết gắn bó giữa những thành phần trong thôn xã là quá
37 đáng và muốn rằng bên trong khối đơn vị kết hợp chung với nhau đó
38 có thêm được một chút phát triển ý hướng về nhân phẩm. Tuy nhiên,
39 rút cuộc rồi thì vẫn có một năng lực hành động ở đó cần phải được
40 duy trì một cách thận trọng chi ly. Hãy để cho sự bầu cử hoàn toàn tự
41 do, phát triển thêm những mối liên hệ giữa những xã trưởng với các
42 giới chức chính quyền Pháp, làm gia tăng thêm tầm mức ảnh hưởng
43 của họ, nới rộng vòng tay đóng góp của họ, biến đổi họ thành những
44 nhân tố đương nhiên trong những trường hợp khiếu nại, xem họ là
45 những kẻ bênh vực cho mọi thứ phúc lợi ở địa phương và làm giảm
46 bớt những điều phiền phức như tôi vừa mới đề cập ở phần trên, nếu
47 làm được như thế chúng ta sẽ lấy được lòng tin của dân chúng và
48 chúng ta sẽ liên kết họ vào guồng máy của chúng ta mà không gặp

1 sự chống đối. Khi mà nền móng cơ cấu này được duy trì một cách
2 cần trọng và được củng cố thêm, người An Nam sẽ chấp nhận nhanh
3 chóng khi nhìn thấy phía trên có những chức quyền hành chính âu
4 châu vô vị lợi thay thế vào chỗ của các hạng quan lại tham lam đầu
5 cơ của triều đình trong thời gian họ nắm giữ chức vụ và bởi vì họ vốn
6 là hạng hủ lậu chậm tiến gánh nặng của đất nước cho nên những
7 hạng quan lại này sẽ làm khô cạn những nguồn tài nguyên phong phú
8 của dân chúng.

9 Cùng một lúc với những mối ràng buộc từ trong lòng đất nước,
10 những nghĩa vụ và những mối liên hệ mà người dân An Nam không
11 còn có thể nghĩ rằng nếu cắt đứt vẫn không có gì gọi là nguy hiểm, thì
12 sự kiện nền thương mại từ các nước âu châu đến đây mở và khai
13 thông gấp trăm lần tài sản sẵn có sẽ làm rơi rụng những thành kiến
14 còn sót lại trong dân chúng, những thành kiến mà chỉ có những kết
15 quả vật chất mới có thể thuyết phục được họ.

16 Những công trình đã được thực hiện, những phương tiện liên lạc
17 thông tin được thiết lập, những biện pháp dùng để cải thiện vệ sinh
18 công cộng, sẽ tạo cho họ có được một cái nhìn về cá tính thật sự của
19 họ và đối với họ những điều thực hiện đó là đáng cảm phục và biết
20 ơn.

21 Tôi đã chứng tỏ cho thấy rằng công tác phát triển xã hội phải
22 được kèm theo cùng một lúc với sự phục hồi đạo lý và do đó ảnh
23 hưởng đạo giáo cũng sẽ rất hiệu quả. Tôi lặp lại ở đây rằng lý luận
24 không thể thâm nhập vào đầu óc của người An Nam. Với họ, đạo gia
25 tô không phải là ánh sáng mà chỉ là tình cảm; tính cách siêu nhiên,
26 tầm vóc lớn rộng, cũng như các bổn phận của gia tô giáo áp đặt ra
27 không được họ tiếp nhận. Tôn giáo này chỉ có thể nhập vào họ theo
28 khía cạnh cảm kích, lời cuốn họ bằng những điều hứa hẹn và những
29 niềm hy vọng thần bí, quyến rũ họ bằng cách mang tới sự an ủi cho
30 những thành phần bị thua thiệt sống trong nền văn minh châu Á,
31 bằng ý niệm phước thiện trên bất cứ điều gì mà tôn giáo này mang
32 đến cho họ như là một liều thuốc chữa trị bá chứng phát xuất từ
33 những sự thống khổ của họ. Người An Nam có một số tín ngưỡng ôn
34 hòa và sàu muộn, như đạo tôn trọng và kính thờ ông bà, tổ tiên mà
35 đạo gia tô đầy thi vị và cao trọng có thể nắm lấy như là một khởi điểm
36 để tiếp cận và chuyển tiếp một cách dễ dàng nhằm lôi kéo họ về phía
37 gia tô giáo và đặt họ dưới ảnh hưởng thiện đức của tôn giáo này.

38 Tuy nhiên về mặt tôn giáo cũng như về mặt xã hội, những vấn đề
39 có tính cách nhạy cảm và tạo ngờ vực thì nhất thiết không nên khơi
40 dậy. Người ta phải nhớ rằng gia tô giáo không có tổ quốc, không
41 thuộc quyền sở hữu của một quốc gia nào, đứng đưng không tuấn
42 phục đối với bất kỳ vị vua nào dưới trần thế. Việc hành đạo của họ
43 phải được thực hiện ngoài mọi sự hậu thuẫn của bất kỳ guồng máy
44 nào, ngoài áp lực của chính quyền. Một tình trạng cân bằng chặt chẽ
45 phải được duy trì giữa các tín đồ gia tô giáo và tín đồ phật giáo trong
46 vùng lãnh thổ của chúng ta. Tôn giáo chắc chắn sẽ đạt được uy thế
47 và sự tôn kính cũng như ảnh hưởng và hiệu quả của tôn giáo trên
48 công tác phục hồi đạo đức ở Nam Kỳ hạ chỉ có thể xảy ra trong điều
49 kiện vừa mới kể qua.

1 Khi trình bày cho thấy rằng dưới một guồng máy hành chánh
2 khôn ngoan và phụ mẫu, sự tiến bộ về tư tưởng và hành động sẽ tự
3 phát sinh giữa lòng quần chúng An Nam, tôi không muốn vẽ ra một
4 bức tranh tương tượng: tôi chỉ thử cố gắng mô tả những mầm mống
5 có vẻ như đang phát triển tại bất cứ nơi nào mà khối quần chúng
6 đang ở trong các điều kiện mà tôi đã nêu ra. Gần 3 năm trôi qua kể từ
7 khi chúng ta đã xâm chiếm dứt khoát những vùng đất trên bờ sông
8 Đồng Nai mà chỉ có được một năm yên ổn và trong vòng một năm
9 này cũng đủ để chúng ta tu sửa phần nào những thiệt hại vì chiến
10 tranh gây ra và củng cố sự thống trị của chúng ta! Hiện nay, chúng ta
11 thu thuế dễ dàng, các điều lệnh của chúng ta ban hành được truyền
12 rao một cách suông sẽ khắp nơi trong vùng lãnh thổ chiếm đóng và
13 được tuân hành nghiêm chỉnh. Nơi hạ tầng cơ sở, các chức quyền
14 tham nhũng bị trách phạt, quyền làm chủ tài sản được công nhận,
15 phong tục tập quán được duy trì, tất cả các sự kiện đó làm tăng thêm
16 niềm tin về thiện chí của chúng ta và đánh tan những điều loan truyền
17 bịa đặt bởi nhóm người xúi giục nổi loạn. Nhóm người nổi loạn này từ
18 18 tháng trước đây ẩn nấp khắp nơi, rất được cảm tình âm thầm của
19 tất cả mọi người thì nay khó mà có được một nơi an toàn để ẩn náo
20 dung thân. Bây giờ nhóm nổi loạn lo sợ rằng những đồ vật dâng hiến
21 tự nguyện, những sự móc nối của họ với dân chúng ngày trước là
22 duyên cớ tạo ra những sự trả trả thù báo oán. Điều này cũng được
23 thấy rõ vì có một số người của nhóm nổi loạn đã bị dân chúng bắt
24 nộp cho chúng ta từ những nơi ẩn trốn của họ.

25 Khốn khổ thay, tôi lại phải vội vã mà thêm rằng tình trạng vừa kể
26 không phải đều xảy ra khắp nơi. Ở các quận, huyện xa trung tâm
27 thuộc địa của chúng ta và những nơi mà nhóm nổi dậy có thể tạm
28 dừng làm căn cứ địa kiên cố của họ thì những khó khăn mà tôi đã nêu
29 lên từ lúc khởi đầu nhất định phải có. Ở những nơi đó, các người đầu
30 lãnh của nhóm nổi loạn vẫn tiếp tục nắm giữ uy thế sĩ phu và quan lại
31 của họ và không có một chút nào lẫn lộn vào những phường trộm
32 cướp sát nhân tầm thường được. Điều quan trọng là người ta biết ở
33 nơi đó, một sự trấn áp khe khắt vừa mới tiêu trừ ảnh hưởng của họ
34 ra khỏi dân chúng đang phải chịu đặt mình dưới 2 chế độ luật pháp
35 với 2 chính quyền và nhất định là họ phải nghiêng hẳn về phía này
36 hay phía kia. Người dân An Nam cần được bảo đảm rằng họ sẽ
37 không bị đẩy lui trở về tình trạng cũ, họ cần phải được thuyết phục
38 bằng những chứng cứ xác thật về sự ổn định cơ sở của chúng ta
39 được thiết lập chung lớn với họ; và tới lúc đó, khi họ chịu khuất phục
40 trước những thành tựu, cùng với bản chất thụ động bẩm sinh của sắc
41 tộc An Nam, họ sẽ liên kết với chúng ta một cách ngay thẳng và bất
42 cứ nguy cơ nổi dậy nào rồi cũng sẽ bị tiêu diệt. Tuy nhiên, hiện giờ vụ
43 lập đi lập lại để xác nhận việc người Pháp sắp di tản ra khỏi 3 tỉnh
44 đang chiếm đóng, người ta tự để lộ ra cho thấy thấy rằng dân chúng
45 phải chịu sinh hoạt dưới quyền của hai bên, một ở miền Đông một ở
46 miền Tây, trong các tỉnh của người An Nam cai trị bởi những quan
47 chức của triều đình, những tỉnh bị bao vây bởi nhóm nổi dậy khắp
48 cùng trên một vùng sông rạch chằng chịt mà mỗi lần gặp họ là người
49 dân sẽ bị nguy hiểm, và điều này có thể giải thích một cách dễ dàng

1 tại sao khi thấy dân chúng đến với chúng ta mà mắt cứ phải ngó
2 chừng về phía sau và tại sao họ cam chịu bắt tay và chia xẻ tình cảm
3 của họ với cả hai bên cùng một lúc.

4 Tình trạng địa dư này trong ba tỉnh của chúng ta là nguyên có
5 tạo ra những tranh chấp tương lai với triều đình Huế, nhưng nếu
6 chúng ta cứ giữ nguyên tình trạng đó thì sẽ gây tác động mạnh đối
7 với người An Nam. Trong số dân chúng An Nam có những kẻ khôn
8 ngoan nói rằng: "Nếu các ông muốn chúng tôi trở thành những người
9 Pháp thì các ông còn phải chiếm thêm các tỉnh Vĩnh Long, Hà Tiên,
10 An Giang, nếu các ông đóng cửa đường thông thương giữa tỉnh Bà
11 Rịa với thủ đô Huế, khai phóng việc tiếp xúc với người ngoại quốc
12 cũng như giải trừ những khích động phân loạn, không còn phải sợ
13 những sự đe dọa huyền hoặc hiện giờ đang ám ảnh những người
14 chịu khuất phục, nếu các ông thực hiện được những điều đó thì
15 chúng tôi sẽ về phía các ông mà không còn có một hậu ý nào.

16 Trên đây là một sự phân tích nhanh chóng về những trở ngại mà
17 chúng ta đang gặp phải ở vùng Nam Kỳ hạ và những phương cách
18 để vượt thoát những trở ngại đó. Theo tôi, sự phân tích này chứng tỏ
19 rằng nếu chúng ta muốn thì đến một ngày nào đó, chúng ta sẽ có thể
20 đưa khối dân chúng đã thực lòng liên kết với chúng ta vào dưới cùng
21 một màu cờ và cùng chung một nền văn minh của Pháp quốc. Chúng
22 ta không nên suy xét một cách thiếu kiên nhẫn, một kiểu suy xét đốt
23 giai đoạn, chưa gieo mà đã muốn gặt hái. Hãy so sánh cuộc chinh
24 phục Nam Kỳ hạ của chúng ta với bất kỳ một cuộc chinh phục nào
25 cùng một bản chất do những quốc gia thực dân nổi tiếng đã thực hiện
26 thì chúng ta sẽ thấy được rằng ở đâu cũng vậy. Trong ba năm đầu
27 tiên, người ta sẽ bị hoang mang rắc rối, đối đầu với những cuộc nổi
28 dậy, hoàn toàn xáo trộn vô trật tự và đổ nát nhất thời.

*

II

29 Sau khi trình bày để cho thấy rằng trên bình diện dân số cuộc
30 chinh phục dứt khoát và thuộc địa hóa vùng Nam Kỳ hạ chỉ gặp phải
31 những trở ngại không lớn lắm và trong một thời gian ngắn sẽ đưa tới
32 một tình trạng vật chất thỏa đáng và lâu bền, điều cần yếu bây giờ là
33 việc nghiên cứu những hậu quả có thể phát sinh ra từ đó đối với ảnh
34 hưởng và nền thương mại của chúng ta ở Á Đông. Nói một cách
35 khác, để chứng minh tư cách chính đáng việc chiếm đóng của chúng
36 ta thì cần phải đạt được sự cân bằng giữa những sự hy sinh với
37 những kết quả mà sự chiếm đóng đó hứa hẹn.

38 Tôi sẽ không dừng lại để ca tụng vị thế lãnh thổ thuộc địa của
39 chúng ta và cảng Sài Gòn của thuộc địa này so với các vùng biển
40 chính Trung Quốc và lưu lượng thương mại trên các vùng biển đó.
41 Người ta đã nói hết điều này và tôi thiết nghĩ không có ai lại có thể
42 tranh luận gì về tiện ích tuyệt vời đó. Ngày mà chúng ta xây dựng

1 những ụ sửa chữa tàu ở Sài Gòn - và thật bất hạnh thay cho tới nay
2 người ta chỉ biết mơ ước mà thôi- thì lúc bấy giờ Sài Gòn sẽ trở
3 thành địa điểm giao lưu được ưu chọn của các loại thương thuyền
4 trên tuyến đường biển giữa Ấn Độ và Trung Quốc. Nằm giữa
5 Singapore và Hồng Kong, chỉ cần 72 giờ đồng hồ để gửi thơ tín đến
6 thị trường ở hai nơi đó, bởi vì sớm muộn gì rồi thì cũng sẽ vượt trội
7 hơn cho nên tương lai thương mại lớn lao của Sài Gòn là điều không
8 còn phải nghi ngờ gì nữa.

9 Ở vào một miền khí hậu rất tốt cho việc sinh sôi nảy nở các loại
10 thực vật nhiệt đới, tân thuộc địa của chúng ta có một mật độ dân cư
11 đông đúc, cần củ và cật lực sản xuất khi được hướng dẫn đúng đắn.
12 Nhờ có một bản chất đặc biệt, đất đai này biển Nam Kỳ hạ thuộc
13 Pháp trở thành kho thực vật vô tận cho các vùng quốc gia lân cận xung
14 quanh, một kho thực phẩm thiết yếu cho các giống tộc Á Châu. Ngoài
15 ra, nếu công việc sản xuất loại ngũ cốc đó tự nó tạo cho đất nước
16 được ưu đãi này một giá trị lớn lao, còn có những nguồn tài nguyên
17 quý giá khác cần phải được lưu ý đưa lên ngang hàng mà một số
18 cần phải được khai thác quy mô chẳng hạn như thuốc lá, bông vải,
19 đường mía, lụa gấm, cây trà (chàm), gỗ xây cất, muối, cây dầu, cây
20 nhuộm, nhiều loại cây gia vị và cây hương liệu.

21 Chẳng chịt rạch ngòi thiên nhiên tiện lợi cho việc giao thông, trao
22 đổi, xứ này phân chia thành từng vùng khác biệt nhau thật rõ nét trên
23 phương diện trồng trọt canh tác. Các vùng đất khác biệt này ở khắp
24 nơi tạo cho người dân có được những năng khiếu tự nhiên, những
25 hiểu biết đặc biệt và nhất là sẽ giúp cải tiến sản phẩm và làm gia tăng
26 tài sản của họ. Ở đây người ta không nên e sợ những bước mò
27 mẫm làm mất thời giờ quí báu và sự tiêu hao quá nhiều vốn liếng kể
28 cả những chướng ngại bất ngờ tương tự như trường hợp xảy ra ở
29 bên nước Tích Lan (Ceylan) làm sụp đổ nguyên một kỹ nghệ cần
30 nhiều kiên nhẫn và siêng năng cật lực. Nếu trường hợp giống như
31 thế xảy ra thì những điều do người Âu Châu thúc đẩy để làm nảy sinh
32 ra sự giàu có sung túc trong 3 tỉnh do chúng ta chiếm đóng mới đáng
33 được gọi là không kể xiết. Vì có nhiều thị trường tiêu thụ cho nên giá
34 cả sản phẩm thu gặt được nâng cao và đồng thời bảo đảm cho người
35 dân An Nam có được một mức lợi tức thu nhập lớn lao mà không
36 còn phải bị tước đoạt vì bổn phận dâng góp bắt buộc cho các quan
37 triều. Nó cũng bảo đảm cho người dân có được một hệ thống giao
38 thông tiện lợi, những thị trường ngay tức khắc và để thực hiện khiến
39 cho mức độ sinh hoạt trong nước sẽ nhộn nhịp gấp bội. Đồng thời
40 việc du nhập vào các tiến trình canh tác tốt hơn và nhanh hơn sẽ làm
41 phong phú một cách lâu dài những thành tựu phát sinh từ sự sinh
42 hoạt này.

43 Nhưng mà đã đến lúc tôi cần phải tách rời những sự trình bày
44 khái quát để nói một cách cụ thể hơn về các nguồn tài nguyên hiện
45 nay của vùng miền Nam Kỳ hạ bằng vào những con số. Bởi vì với
46 nhiều nguồn tài nguyên hiện nay đang ở trong nhiều hoàn cảnh khác
47 nhau, người ta có thể dự đoán được tương lai của những nguồn tài
48 nguyên đó sẽ ra sao trong những lúc bình thường.

1 Diện tích canh tác lúa gạo trong 3 tỉnh do chúng ta chiếm đóng là
2 105,000 héc-ta. Trung bình mỗi năm diện tích của số ruộng canh tác
3 này cung cấp 210,000 thùng tôn-nô lúa gạo (1 tôn-nô = khoảng 253
4 gallon; 1 gallon = 4.54 lít ở Anh quốc), trị giá bán ra tại địa phương là
5 35 triệu đồng quan Pháp. Cứ tính rằng phải dùng một số lượng to lớn
6 để nuôi dân, nộp thuế và hạt giống thì lãnh thổ thuộc địa của chúng ta
7 vẫn có thể xuất cảng ra nước ngoài khoảng 100,000 tôn-nô mỗi năm.
8 Số lượng này có chiều hướng gia tăng nhiều hơn nếu các đồng
9 ruộng bỏ hoang vì chiến tranh khoảng hơn 80,000 héc-ta được khai
10 thác trồng trở lại, gia tăng thêm khả năng sản xuất của một số
11 giống lúa bằng cách cải thiện phương pháp dẫn nước vào ruộng mà
12 hiện giờ chỉ đạt được 6/15 năng suất so với các đồng ruộng lúa bình
13 thường. Nếu dùng động cơ để gặt hái và xay lúa thì sẽ khiến cho số
14 lượng gạo thóc gia tăng theo một tỷ lệ đáng kể.

15 Chính quyền An Nam chỉ có một chính sách khuyến nông duy
16 nhất là phải tăng gia số lượng sản xuất lúa thóc để đủ cung ứng cho
17 các tỉnh ở miền Bắc và miền Trung vì những nơi này không đủ khả
18 năng sản xuất đủ dùng cho riêng mình. Việc khai thác các tài nguyên
19 thiên nhiên khác thì lại không bao giờ vượt quá mức đủ dùng cho
20 từng địa phương. Lợi lộc không thể cấm dỗ nhà nông hay nhà công
21 nghiệp khi mà nhà quan đấng tay này thò lấy tay kia. Ngoài ra còn
22 có những nguồn lợi tức tài nguyên màu mỡ phi nhiều chưa được khai
23 thác vì chế độ cô lập hóa để tự phòng vệ giống như tất các chính
24 quyền ở vùng Viễn Đông. Điều này sẽ giúp cho thấy tại sao những số
25 liệu sắp được nêu ra tiếp theo sau đây sẽ nhỏ hơn những số liệu đã
26 được nêu ra ở phần trên. Hiện tình là như vậy, nhưng vẫn đáng phải
27 được chú trọng.

28 Thuốc lá được trồng ở Nam Kỳ trên một diện tích khoảng 4,000
29 héc- ta, thu hoạch gần 5,000 tôn- nô lá thuốc với trị giá tại chỗ là
30 1,200,000 đồng quan Pháp. Cải thiện việc canh tác sẽ làm mặt hàng
31 thương mại này tăng giá trị một cách đáng kể bởi vì trong số các loại
32 thuốc lá sản xuất trong vùng biển Trung Hoa thì thuốc lá ở đây chỉ
33 đứng sau thuốc lá của Phi Luật Tân. Như thế, dù vẫn còn thô sơ
34 chưa được hoàn hảo nhưng nó lại được dùng để sản xuất các loại
35 thuốc lá của Pháp mà người Âu Châu rất ưa chuộng. Dù thế nào đi
36 chăng nữa thì nơi đó vẫn là một nguồn tiếp tế mà không ai có thể phủ
37 nhận phẩm chất và giá trị của nó đối với nền công nghiệp đế quốc
38 của chúng ta.

39 Diện tích trồng bông vải trong 3 tỉnh của chúng ta chỉ có 2,500
40 héc-ta mà lại trồng tỉa một cách phân tán cho nên rất khó định giá
41 chính xác. Nếu lấy chỉ tiêu là 3,500 tôn-nô sản lượng với trị giá thu
42 gặt là 3 triệu đồng quan thì con số này còn quá thấp so với thực tế.
43 Bông vải là mối hàng cung cấp cho các tỉnh ven biển nằm giữa Bắc
44 Kỳ và Nam Kỳ và một số bông vải tốt đã được bán sang tỉnh Quảng
45 Châu bên Trung Quốc với giá bán 20% rẻ hơn so với bông vải sản
46 xuất từ xứ Bengale bên Ấn Độ. Triển vọng phát khai thác công nghiệp
47 sản xuất bông vải rất là to lớn và nhất là có thể cải thiện một cách
48 đáng kể.

1 Diện tích trồng mía cũng tương đương với diện tích trồng bông
2 vải. Sản lượng đường mía lên đến 7,500 tấn-nô và một phần trong số
3 này cung cấp cho miền Bắc bằng ghe thuyền đường biển. Trị giá sản
4 lượng này là 4 triệu đồng quan Pháp.

5 Ở Pháp quốc hiện nay người ta nhắm vào vào các nguồn tài
6 nguyên từ việc nuôi tằm trên lãnh thổ thuộc địa của chúng ta. Có
7 thể nói rằng nghề nuôi tằm ở đây chỉ mới được gieo mầm trong tình
8 trạng phôi thai.

9 Kỹ nghệ nuôi tằm lấy tơ dù rất phổ biến ở Nam Kỳ nhưng phải nói
10 rằng rất hiếm thấy. Không có một nơi nào hội đủ các yếu tố cần thiết
11 để có thể sản xuất một cách quy mô. Người trồng dâu thì không trực
12 tiếp nuôi tằm còn người nuôi tằm thì phải tìm lá dâu ở nơi khác. Căn
13 nhà lợp xúp của người An Nam thường cũng là một căn trại nhỏ nuôi
14 tằm và sản xuất nhiều lắm vài cân tơ sợi. Kỹ thuật kéo tơ còn thô sơ,
15 màu sợi tơ thì vàng, sợi tơ thô và chỉ kéo được chưa tới 1/2 kí lô sợi
16 .Chu kỳ nuôi tằm lấy tơ kéo dài trong khoảng từ 45 đến 50 ngày.
17 Trứng tằm chỉ có thể sống và nở trong vòng 10 ngày. Sâu tằm có thể
18 sinh sản quanh năm.

19 Diện tích trồng dâu nuôi tằm khoảng 2,050 héc-ta để sản xuất
20 khoảng 6,000 kí lô sợi tơ thô trị giá 240,000 đồng quan Pháp. Miền
21 Bắc nhập cảng một số mặt hàng tơ lụa sản xuất từ Sài Gòn.

22 Ngoài những nguồn khai thác vừa kể trên còn có thêm những
23 nguồn khai thác khác ít quan trọng hơn như cây chàm (tràm) được
24 trồng ở Biên Hòa trên một diện tích 400 héc-ta; sản xuất muối ăn ở
25 Bà Rịa với một diện tích là 500 héc-ta với sản lượng 70,000 tấn-nô
26 muối trị giá 1,200,000 đồng quan Pháp. Đây là một loại nhu yếu phẩm
27 vật cần yếu để giao thương với các bộ tộc trong nội địa và ở vùng
28 đồng bằng sông Mé-Kong, một loại nhu yếu mà họ không thể nào sản
29 xuất được. Rau cải phơi khô, trà, cau, cây thuốc nhuộm cung ứng
30 cho các tỉnh nội địa ở miền Tây hay ở các tỉnh ở Cao Miên. Cá khô
31 mặn, gạo, bắp, là nguồn thức ăn cho toàn thể dân chúng, cây gỗ xây
32 cất, phân bón động vật, dây thừng bằng nứa hay bằng sơ dừa, bao
33 đựng thóc, các loại hương liệu, trà kém phẩm chất so với trà Trung
34 Quốc, vân ., vân ., tất cả các thứ này đều nằm trên bản danh sách
35 các sản vật trao đổi giữa dân chúng bản xứ trên vùng đất Trung Ấn
36 này.

37 Để tránh sự trình bày chi tiết trở thành các khô khan, tôi sẽ tóm
38 lược những sản lượng chính yếu trong 3 tỉnh của chúng ta trong một
39 bản liệt kê như sau:

40 Sản vật	41 Diện tích 42 canh tác héc-ta	Sản lượng kg	Trị giá francs	Ghi chú
43 Lúa gạo	105,000	210,000,000	35,000,000	Số lượng trọng tải
44 Thuốc lá	4,000	5,000,000	1,200,000	Lá thuốc phơi khô
45 Bông vải	2,500	3,500,000	3,000,000	Đã tuốt hạt
46 Đường mía	2,500	7,500,000	4,000,000	Đường thô
47 Tằm tơ	2,000	6,000	240,000	Tơ sợi thô

1	Muối ăn	500	70,000,000	1,200,000	Chưa tinh chế
2	Cây trà	400	500,000	200,000	
3	Trầu	200	3,000,000	1,200,000	Lá trầu tươi
4	Rau, trà,				Trồng trọt trên các đậu
5	phong	?	1,000,000	4,800,000	thừa đất nhỏ khó có
6					liệt kê chính xác
7	Cau	3,000,000 cây	?	3,000,000	Bán từng quả cau.
8	Dây thừng	?	1,500,000	300,000	
9	Ngư nghiệp			1,000,000	
10	Màu nhuộm		200,000	160,000	Cây nhuộm, dây
11					móc câu, rệp son
12	Hạt ép dầu		800,000	200,000	
13	Thú sản		1,000,000	500,000	Da, sừng, ngà voi
		117,000	304,000,000	56,000,000	

14 Trong bảng liệt kê này, tôi chỉ mới đưa ra những sản vật xuất
 15 cảng. Các loại cây gỗ xây cất chưa có thể liệt kê ra được và mặc dù
 16 có một trị giá đáng kể việc khai thác loại sản vật này vẫn chưa được
 17 đặt trên một căn bản thường xuyên. Tôi chỉ cần nêu ra rằng riêng
 18 năm 1863, đã có 6 tàu chở sang Thượng Hải nhiều loại gỗ quý hiếm,
 19 điều này cho thấy nền khai thác gỗ sẽ trở thành một nguồn lợi tức
 20 phong phú của dân chúng.

21 Người ta thấy rằng nếu cộng thêm vào các phần đất đang canh
 22 tác một diện tích 80,000 héc-ta sau một thời hạn gieo trồng lúa thóc
 23 thì sẽ có một vùng đất trồng trọt là 2,000 cây số vuông. Thêm vào đó,
 24 500 cây số vuông đất vườn trồng hoa màu chia cắt vụng vật đến mức
 25 không thể đưa vào bản liệt kê vừa mới trình bày ở phần trên; 2,000
 26 cây số vuông sông rạch, đồng lầy, đường xá, nhà cửa v.v. . . v.v. . . ,
 27 nâng con số này lên thành 4,000 cây số vuông. Như vậy, diện tích 3
 28 tỉnh của chúng ta là 8,000 cây số vuông. Trong diện tích này thì 3,500
 29 cây số vuông là đất hoang hay rừng đang chờ đợi chúng ta khai thác
 30 trong tương lai. Các phần đất này phần chính nằm ở phía Bắc tỉnh
 31 Gia Định và tỉnh Biên Hòa, tức là những vùng trù phú hơn hết của
 32 lãnh thổ Nam Kỳ thuộc Pháp. Vì là vùng đất cao và khó tưới nước
 33 hơn là ở các vùng đất ven biển cho nên không thể cấy trồng lúa thóc
 34 theo tập tục của người dân An Nam và như chúng ta đã thấy, ngoài
 35 ngành nông nghiệp trồng lúa thì tất cả những vùng đất màu mỡ khác
 36 vẫn còn nằm trong tình trạng phôi thai mặc dù chúng có tất cả những
 37 khả năng sản xuất tuyệt hảo. Các vùng đất phía Bắc thì nhiều
 38 không bị ô nhiễm này nếu được khai khẩn trồng cây thuốc lá, bông
 39 vải, đường mía, dâu tằm thì đây là một sự phát triển lớn lao hiện nay
 40 đang chờ đợi chúng ta.

41 Đừng cho rằng thiếu bàn tay nhân lực để cày cấy đáng cho nhu cầu
 42 phát triển này. Nếu kiểm kê một cách nghiêm chỉnh thì số dân trong
 43 vùng đất thuộc địa của chúng ta hiện giờ lên tới 1,100,000 dân so với

1 mức bình thường là 1,400,000 dân và nếu như sự thiết đặt cơ sở của
2 chúng ta được thực hiện một cách lâu dài và hòa bình được bảo đảm
3 thì dân số sẽ đạt lại mức bình thường này trong một tương lai rất
4 gần.

5 Như vậy mật độ phân bố cư dân là 160 trên 1 cây số vuông, một
6 mật độ cao so với nhiều nước ở Âu Châu. Một điểm khác cần lưu ý ở
7 đây là hầu hết dân bản xứ sinh sống theo nông nghiệp còn thợ
8 thuyền, lái buôn thì hầu như hoàn toàn thuộc về những khách di dân
9 Ấn Độ và Trung Quốc.

10 Như vậy, không những chúng ta không phải sợ thiếu bàn tay
11 nhân lực để khai phá và canh tác ở Nam Kỳ hạ, chúng ta còn có thể
12 cung ứng nguồn nhân lực đó và chúng ta đã thực hiện điều này cho
13 thuộc địa của chúng ta ở vùng Bourbon.

14 Tôi cũng sẽ phải nhận định rằng, những số liệu được đưa ra ở
15 đây là những con số tối thiểu sau khi đã cẩn thận loại trừ những điều
16 phổ trương phóng đại cũng như những thành quả chưa được tin cậy.
17 Khi nhắc lại tính cách không vẹn toàn trong chế độ nông nghiệp của
18 người An Nam là họ bỏ qua tất cả các ngành nông nghiệp khác để
19 chỉ chú trọng vào những đồng ruộng sản xuất lúa gạo cho tương lai
20 thì có thể nói rằng con số 200,000,000 trị giá sản phẩm xuất cảng
21 hằng năm từ 3 tỉnh của chúng ta sẽ không bị xem như là một sự phổ
22 trương quá mức khi mà tất cả mọi lãnh vực về nông nghiệp đều được
23 khai thác cho ngành xuất cảng hiện nay.

24 Đến đây, chúng ta thử xét xem nền thương trường của người Âu
25 Châu hiện đang khai thác như thế nào những nguồn tài nguyên đó.
26 Tôi sẽ không đề cập đến những năm đầu tiên của cuộc xâm chiếm vì
27 có những tình huống quá đặc biệt gây ảnh hưởng trên những kết quả
28 thu gặt được khiến cho việc so sánh những kết quả đó không thể
29 thực hiện được; Thí dụ như vào năm 1860 vì có nạn đói xảy ra ở Ấn
30 Độ cho nên phải xuất cảng 55,000 tôn-nô gạo mặc dù lúc đó Sài Gòn
31 đang bị quân dân An Nam phong tỏa cùng với những luật lệ quá
32 đáng; năm 1861, khi chiến tranh bùng nổ thì tình trạng pháp lý và
33 thương mại cũng vẫn giữ một mực như thế; năm 1862 dân quân nổi
34 dậy vào thời điểm thu gặt khiến một phần lớn bị tiêu hao mất đi. Mặc
35 dù năm 1863 tình trạng bất ổn vẫn còn dây dưa nhưng đã có một số
36 lượng là 75,000 tôn-nô được luân lưu trong năm này. Vào tháng 11,
37 vì có sự phản đối của dân chúng, quan thống đốc đã phải một vài lần
38 lo bảo vệ cho việc xuất cảng gạo thóc. Tuy nhiên, nếu mùa thu gặt
39 được thực hiện một cách yên bình thì có thể nó cũng sẽ mang lại cho
40 xứ này một nền xuất cảng bình thường và liên tục. Vào ngày 1 tháng
41 1 dl (năm 1864), lệnh cấm xuất cảng gạo được tuyên bố (đúng ra La
42 Grandière đã ra lệnh cấm xuất cảng gạo từ tháng 8 dl năm 1863 =
43 chú thích riêng của người dịch dựa theo sách *Abrégé de l' Histoire d'*
44 *Annam* của tác giả Alfred Schreiner, trang 259), và mặc dù có những
45 hiệu quả giận dữ ở bên ngoài vòng kiểm soát từ trước đây, hoạt động
46 chuyển vận đường thủy trong 3 tháng đầu năm 1864 cũng được ghi
47 nhận như sau:

48 Nhập bến cảng Sài Gòn từ 1 tháng 1 dl đến 1 tháng 4 dl năm
49 1864: 26,063 tôn-nô do 75 tàu thuyền khác nhau chuyên chở tới, bốc

dờ từ tàu vào kho cảng bởi 2,105 lần khuôn vác của các phu khuôn vác đi theo tàu thuyền; trong số trọng tải nhập bến này thì tàu thuyền của Pháp đã chở đến 10,332 tôn-nô.

Cùng trong thời gian đó, trọng lượng hàng hóa rời bến cảng Sài Gòn là 24,898 tôn-nô chuyển vận do 75 tàu thuyền khác nhau, bốc dỡ hàng lên tàu thuyền bởi 1,611 lần khuôn vác của các phu khuôn vác đi theo tàu thuyền; trong số trọng tải rời bến cảng này thì tàu thuyền Pháp đã chở đi 11,294 tôn-nô.

Tổng số chuyển vận sản vật được phân bổ qua 86 tàu thuyền khác nhau cho một trọng tải là 29,000 tôn-nô, trong số đó có 17 tàu thuyền và 5 tàu chạy bằng máy hơi nước của Pháp chuyển tải 7,323 tôn nô.

Lại phải cộng thêm vào từ 7 đến 8,000 tôn-nô từ ngành chuyển vận cận duyên tập nập của các ghe thuyền dọc theo bờ biển chạy dài từ đảo Hải Nam đến bến cảng Sài Gòn. Hoạt động chuyển vận này mang tới lãnh thổ của chúng ta các mặt hàng như vải tơ lụa, vôi, cá khô mặn, nước mắm, vân. , vân. , và chở đi các mặt hàng như gạo, đường, bông vải, rơm lợp mái nhà vân. , vân. .

Như vậy, tổng số trọng tấn xuất cảng từ bến cảng Sài Gòn là 32,000 tôn-nô. Cần trừ đi trọng tấn chuyển vận khoảng 6,000 tôn-nô của 5 tàu chạy bằng máy hơi nước để có được con số trọng tải hàng hóa ngoại thương thực sự từ vùng lãnh thổ thuộc địa củachúng ta: 32,000 - 6,000 = 26,000 tôn-nô. Con số này được liệt kê thành chi tiết như sau⁽¹⁾:

Mặt hàng	Trọng tấn (tôn-nô)	Trị giá (đồng quan)
Gạo	23,000 tôn-nô	3,700,000 fr.
Đường	1,000	640,000
Gỗ xây cất	300	60,000
Thú sản	100	50,000
Trầu cau	400	250,000
Bao đựng gạo và rơm	700	50,000
Linh tinh (cây trầm, tiểu hạt, dây thừng, cây thuốc nhuộm)	<u>500</u>	<u>250,000</u>
Tổng cộng:	26,000 tôn-nô	5,000,000 fr.

(1) Cần phải giải thích một vài điểm bất thường về những số liệu được tôi nêu ra: người ta sẽ lấy làm lạ kỳ khi thấy rằng 75 tàu thuyền nhập bến cảng Sài Gòn mà phải cần đến 2,100 lược khuôn vác bởi các phu khuôn vác để bốc dỡ trong khi 73 tàu thuyền xuất bến cảng Sài Gòn lại chỉ cần có 1,611 lược khuôn vác. Lý do của sự sai biệt này là vì vào thời kỳ gió mùa theo hướng Bắc-Đông, số thuyền buôn của người Trung Quốc nhập bến cảng Sài Gòn rất nhiều và số lượng chuyên chở cũng như số thủy thủ khuôn vác trên các tàu thuyền này của người Trung Quốc thường nhiều gấp bội so với các tàu thuyền của các nước Âu Châu có cùng một sức sức chuyên chở. Số trọng tấn của 75 tàu xuất bến cảng Sài Gòn là do những tàu mang cờ hiệu của các nước Âu Châu đảm trách cho nên số thủy thủ đoàn khuôn vác trên các tàu thuyền này ít hơn. Trong số 5 tàu chạy bằng máy hơi nước nhập bến cảng Sài Gòn trong 3 tháng đầu năm 1864 được nêu ra ở trên thì 4 chiếc là tàu chuyển vận

1 của hoàng gia Pháp. Trên thực tế các tàu này dự phần vào đội thương thuyền của
2 Pháp. Số sản lượng chuyên chở của các chiếc tàu này để xuất bến cảng Sài Gòn chỉ
3 có 6,000 tấn-nô và số nhập là 5,000 tấn-nô.

4 Số tổng cộng và sự phân chia mà tôi đã nêu ra ở bản liệt kê trên
5 đây có vài điểm sai biệt với các số liệu chính thức do báo chí của
6 chính quyền thuộc địa đã và sẽ đưa ra. Sự sai biệt này thường là do
7 ở việc phóng chừng tình hình hoạt động chuyên chở cận duyên mà
8 chỉ dựa trên tình hình chuyển vận ở Sài Gòn để lập thành các bản
9 thống kê. Có rất nhiều giao dịch bên trong nội địa không được chú
10 trọng tới. Chính là việc nghiền cứu các mặt hàng nội địa dự trữ chứa
11 trong các kho nhất là từ các kho ở thành phố Chợ Lớn của người
12 Hoa mà tôi đã đưa ra những con số lên bản kê khai kể trên, chỉ có
13 những số liệu mà tôi cho rằng càng gần đúng với thực tế thì càng tốt.

14 Tình thế này có vẻ như là ghi nhận một sự thịnh vượng tương đối
15 nhưng đồng thời còn là sự biểu lộ một tình trạng trì trệ rõ rệt.

16 Tàu thuyền thừa thớt trên các sông rạch đúng như người ta có
17 thể dự kiến sau khi bến cảng Sài Gòn đóng cửa vào tháng 11 và
18 tháng 12 đã qua. Gạo thóc chứa trong các kho ở Sài Gòn và Chợ
19 Lớn gia tăng; giá thị trường từ 12.fr đồng quan Pháp mỗi tạ (1 pikul
20 = 122 pounds tức vào khoảng 66 kí l ô) thì nay sụt giá còn có 9.fr
21 trong khi đó thì cước phí chuyên chở lại gia tăng một cách đáng gặn.

22 Vào ngày 1 tháng 4 d.l, hàng tồn kho ở Chợ Lớn, một trung tâm
23 thương mại quan trọng nhất trong ba tỉnh của chúng ta, được ghi
24 nhận như sau:

25	Gạo	20,000 tấn-nô
26	Rau cải khô	1,000 "
27	Linh tinh (nhiều nhất là cây nhuộm)	1,500 "

28 Người ta đang đợi một số lượng bông vải đáng kể từ Nam Vang
29 và từ Biên Hòa; gạo thóc tiếp tục gia tăng bởi các đoàn xe vận tải và
30 nhập vào kho thành phố với mức độ từ 5 đến 6,000 tạ mỗi ngày,
31 tương đương với trọng tải chuyên chở của một tàu bình thường.
32 Người ta mong rằng sau khi đã biết rõ rệt thì tình trạng này sẽ được
33 đổ dồn vào các tàu lớn trong bến cảng Sài Gòn. Hậu quả là càng phải
34 cần dựa vào thực tế để dự đoán sự chuyển vận hàng hóa một cách
35 tổng quát trong năm theo cách tính toán áp dụng cho thời kỳ 3 tháng
36 đầu năm. Theo cách tính toán này thì có 104,000 tấn-nô hàng xuất
37 bến cảng mà trong số đó gạo thóc chiếm hết 92,000 tấn-nô. Vậy, như
38 đã thấy, là có thể ước lượng khoảng 1000,000 tấn-nô cho mặt hàng
39 này xuất bến cảng cho một mùa gặt. Người ta lại có thể hy vọng rằng
40 vào năm 1864 sự chuyển vận đường thủy sẽ gia tăng thêm 1/3 so với
41 năm trước.

42 Trị giá hàng chuyển vận xuất bến cảng nếu được tính theo cách
43 thức như trên sẽ đạt tới mức 20 triệu đồng quan Pháp.

44 Việc đánh giá các mặt hàng nhập bến cảng thì khó hơn. Tuy
45 nhiên vì mặt chuyển vận nhập bến cảng ít quan trọng hơn, cho nên
46 chỉ cần định giá loại nào mà tôi gọi là có giá trị thực chất cho thuộc
47 địa của chúng ta. Cần một thời gian lâu hơn để phát triển ngành nhập
48 cảng và Sài Gòn sẽ sớm trở thành một thị trường hàng hóa sản xuất

1 từ Pháp quốc để cung ứng cho các nước trong vùng biển Trung Hoa
2 hơn là cho vùng lãnh thổ thuộc địa của chúng ta.

3 Hơn nữa, muốn đánh giá ảnh hưởng của sự chuyển vận nhập
4 vào bên cảng Sài Gòn đối với sự chuyển vận trong ngành kỹ nghệ
5 của nước Pháp như thế nào thì không những phải chú ý tới thị
6 trường hàng tiêu thụ mới được nhập bến cảng Sài Gòn mà còn phải
7 xét tới tính cách mới mẻ và phong phú của các mặt hàng đó tạo ảnh
8 hưởng như thế nào lên nền thương mại của nước Pháp ở Singapore,
9 ở Hồng Kong và ở Thượng Hải.

10 Trước đây 5 năm rất hiếm thấy những mặt hàng của nước Pháp
11 trên thị trường của 3 lãnh thổ vừa kể trên. Ngày nay thì các mặt hàng
12 từ Paris, đồ hàng xén, thực phẩm mang nhãn hiệu nước Pháp tràn
13 ngập tại 3 nơi đó.

14 Hàng sành sứ, hàng gia dụng của Pháp hầu như đánh gục các
15 mặt hàng tương tựa của người Anh.

16 Vào năm 1855, vào 3 tháng cuối năm, hoạt động chuyển vận tại
17 bến cảng Thượng Hải gồm có 564 tàu thuyền trong số này gồm có
18 249 tàu thuyền của người Anh, 57 của Mỹ, 7 của Đan Mạch, 11 của
19 Hòa Lan, 11 của xứ Hambour, 9 của Thụy Điển, 3 của nước Peru, 2
20 của xứ Brême, 6 của nước Tây Ban Nha, 5 của nước Bồ Đào Nha, 4
21 của nước Xiêm La. Người ta thấy hầu như tất cả các nước có nền
22 hàng hải đều hiện diện ngoại trừ nước Pháp.

23 Năm 1863, có 22 tàu thuyền hàng hải Pháp nhập bến cảng
24 Thượng Hải. Những kết quả tương tựa cũng được nhận thấy ở cảng
25 Singapore và Hồng Kong.

26 Sau cùng, trị giá hàng nhập bến cảng Sài Gòn trong năm 1863 là
27 12 triệu đồng quan Pháp trong đó có 7 triệu đồng quan hàng hóa
28 Pháp so với tổng trị giá hàng hóa Pháp nhập các bến cảng trong
29 vùng biển Trung Hoa là 20 triệu đồng quan trong cùng năm này và
30 tổng số trị giá của nền hàng hải thương mại của Pháp chưa đạt được
31 tới mức 100 triệu đồng quan fr.

32 Để có một sự so sánh cuối cùng về những điểm liên hệ đến các
33 vùng lãnh thổ thuộc địa của chúng ta, tôi thêm rằng, tổng giá trị
34 thương mại xuất nhập cảng của toàn thể nước An Nam vào năm
35 nhậm nhứt tức vào năm 1841 là 3 triệu đồng quan fr.

36 Dù tôi có đánh giá quá đáng về tình hình cư dân bản xứ Nam Kỳ
37 hạ chịu đầu phục tức khắc và toàn diện thì cũng hy vọng rằng, trong
38 khoảng một thời gian thật ngắn người ta sẽ thấy rằng việc xâm chiếm
39 lãnh thổ có thể giảm lần lần xuống mức độ bình thường và chính
40 quyền cai trị quân sự sẽ được thay thế bằng chính quyền cai trị dân
41 sự. Không thể chối bỏ những thành quả mà phía quân sự đã thi hành
42 để chiếm cứ và tổ chức cai trị lãnh thổ thuộc địa nhưng người ta lại
43 không thể nào phủ nhận rằng vẫn còn có một sự lo âu nào đó trong
44 tâm trí; nếu thay đổi những đường hướng sự vụ cần thiết và thường
45 xuyên thì sự lãnh đạo sẽ không được tốt; nếu muốn thấy cái gì cũng
46 phải tuyệt đối thì sẽ bị lầm lỗi khi đặt xứ sở phải thích hợp theo ý
47 hướng riêng của mình thay vì phải sửa đổi những ý tưởng của riêng
48 mình tùy theo tình hình của xứ sở.

1 Trong những chiến dịch quân sự ở Nam Kỳ hạ không có gì đòi
2 hỏi khác hơn là sự quyết định với lòng kiên trì và người ta đã luôn
3 luôn thấy dân cư bản xứ ít hiểu chiến phải chịu khuất phục trước bất
4 cứ một sự biểu dương lực lượng ngay từ lúc mới khởi phát.*1 (*1 :
5 dĩ nhiên là tôi không muốn nói tới cuộc khởi đầu xâm lược lãnh thổ
6 này). Vậy thì chúng ta hãy thừa cơ hội dễ dàng của công tác bình
7 định hiện giờ và trong tương lai như vừa được tóm lược ở đây để
8 tránh khỏi những công tác chinh phục dai dẳng tai hại như đã xảy ra
9 ở nước An-giê-ri, để thay thế chính quyền quân sự bằng một chính
10 quyền dân sự ngay từ lúc quyền lực của chúng ta đã được thiết đặt
11 trên các vùng đất này. Như vậy có nghĩa là chuyển từ tình trạng
12 chuyển tiếp sang tình trạng ổn cố, từ tình trạng nhất thời sang tình
13 trạng vĩnh viễn, chấm dứt tình trạng e dè lưỡng lự trong nền thương
14 mại và mang lại một sức đẩy mới cho các doanh nghiệp của các
15 nước Âu châu.

16 Dù rằng có những thể chế chao đảo liên tiếp từ 18 tháng qua ở
17 Nam Kỳ hạ, dù có những biện pháp đối nghịch, những cách giải quyết
18 ấu trĩ, những trói buộc không cố ý ảnh hưởng lên những sáng kiến thì
19 lãnh thổ thuộc địa của chúng ta vẫn có một sức sống lớn lao mà
20 người ta có thể so sánh với câu nói *Fara da se (tự mình giải quyết*
21 *lấy)* khi nói về nước Ý Đại Lợi. Chỉ trong vòng 2 năm đã có 200 căn
22 nhà của người Âu Châu ở Sài Gòn (có thể F.Garnier nói từ năm 1862
23 tức là năm hoà ước Giáp Tuất được phê chuẩn đến năm 1864. Chú
24 thích của F.Garnier cho biết rằng vào ngày 1 tháng 3 số nhà lợp ngói
25 là 177 và số nhà lợp lá là 147 (nhà phụ . v.v . .) .

26 Vào ngày 1 tháng 5 loại nhà lợp ngói tăng lên quá con số 200 rất
27 nhiều). Những căn nhà của người Âu Châu này được xây cất lại từ
28 những ngôi nhà đổ nát của người An Nam trước đây để lập thành
29 phố thủ đô thuộc địa của người Pháp với số dân cư gần 4 triệu
30 người; đó là không kể đến giá trị đất đai. Thương nghiệp hiện đang
31 thử bổ xung những khiếm khuyết trong các công tác do nhà nước
32 (Pháp quốc) đảm trách bằng cách thành lập một công ty đào vét vũng
33 ụ sửa chữa tàu thuyền; một dịch vụ thông tin liên lạc giữa Singapore
34 và Sài Gòn bằng loại tàu chạy máy hơi nước để thay thế cho ngành
35 chuyển đạt thư tín thất thường và tùy thời do các tàu chiến đảm trách
36 định kỳ theo ngành chuyển vận của hoàng gia Pháp quốc. Các kỹ
37 nghệ máy móc, khai thác gỗ được thành lập. Một vài nhóm thực dân
38 ở vùng Bourbon bị thu hút bởi các tiện ích chuyển vận của xứ này
39 cho nên họ đang suy tính thiết đặt các nhà máy lọc đường mía ở đây
40 để giảm bớt chi phí tiêu hao trong việc dùng quá nhiều lửa và xe kéo
41 để chuyển tải mía ở đảo Réunion. Thị trường chuyển nhượng trồng
42 cây thuốc lá đang thành hình. Ngành kỹ nghệ tơ tằm đang được chú
43 trọng nghiên cứu. Tất cả những sự tiến triển được nẩy nở giữa
44 những tình hình không mấy tốt đẹp cùng với những mâu thuẫn tai
45 hại. Số kiều dân Âu châu ở Sài Gòn ngang bằng và có thể vượt hơn
46 số kiều dân Âu châu ở Singapore đã có kể từ 50 năm qua tới nay.
47 Phải chăng tất cả những điều này lại là những bằng chứng nguy hại
48 cho các mầm móng nẩy sinh sự phồn thịnh ma thiên nhiên đã đặt để
49 trên phần lãnh thổ này của miền Nam Kỳ hạ hay sao? Và phải chăng

1 chúng ta không thấy được rằng chúng ta đang hưởng được lợi lộc
2 một cách nhanh chóng hơn là chúng ta mong đợi hay sao ?

*

III

3 Trên đây là thời điểm hiện tại của miền Nam Kỳ thuộc Pháp. Phải
4 thấy rằng thời điểm này không phải chỉ là những hứa hẹn nhưng nó
5 cho phép ta dự tính được tương lai một cách xác thực. Tôi lặp lại
6 rằng: đừng quên chúng ta đang ở vào buổi giao thời của cuộc chinh
7 phục và chỉ mới đêm được từng giờ chung đụng với một dân tộc đã
8 sinh sống lâu đời ở đây.

9 Nếu biết khai triển tình trạng hiện giờ của những nguồn tài
10 nguyên trên thuộc địa cùng với những môi trường mà lãnh thổ này
11 cung ứng cho nền thương mại thì chúng ta có thể hy vọng rằng vận
12 mệnh của lãnh thổ thuộc địa này sẽ rất thịnh vượng và phong phú.
13 Tuy nhiên, ngoài sự màu mỡ phong phú riêng của lãnh thổ thuộc địa
14 hiện nay lại còn những thứ màu mỡ phong phú khác mà tôi chưa nói
15 đến, và với đà chiến đấu đang gia tăng từ từ của quân ta hướng về
16 các miền xa xôi thì sớm muộn gì các thứ ấy sẽ được lôi kéo vào vòng
17 quỹ đạo sinh hoạt của chúng ta: thật vậy, chúng ta thử dành ít phút
18 để xem xét vị thế của Sài Gòn với những ngòi rạch giao thông nối liền
19 những nguồn mạch nước quan yếu chảy qua các nước nằm trên bán
20 đảo Ấn-Hoa và hàng hàng lớp lớp thị trường thiên nhiên rộng mở
21 cho các sản phẩm của vùng đất rộng lớn mệnh mong này; hãy điều
22 tra dòng lưu hành của những con sông lớn bắt nguồn từ cao nguyên
23 nước Tây Tạng chảy xuyên qua các phần đất đông dân cư của Trung
24 Quốc; hãy thử đo lường sự phong phú của những tài nguyên chưa
25 được khai thác nơi các vùng đồi núi dọc quanh các con sông lớn đó.
26 Nếu nghe theo những truyện kể của các người du hành thì các vùng
27 đồi núi này có những cư dân cần cù khéo léo đang làm ăn giao dịch
28 với Thiên Quốc Trung Hoa. Có một điều chắc chắn là tỉnh Vân Nam
29 của Trung Quốc hằng năm gửi đi rất nhiều công nhân xuống vùng
30 thượng nguồn sông Mê Kông ở trên lãnh thổ Cao Miên để khai thác
31 các loại hầm mỏ hổ phách, cẩm thạch trắng, kẽm, vàng, bạc. Rất
32 nhiều bộ tộc người Lào sản xuất rất nhiều lúa gạo, bông vải, tơ sợi
33 bán cho Trung Quốc và mua lại những sản phẩm công nghiệp. Phẩm
34 chất cao cấp của các loại sơn, sáp, cây đại hoàng mà Trung Quốc
35 xuất cảng sang các nước Âu Châu với giá thật đắt đều được khai
36 thác từ vùng đất chưa khai phá này, một nơi mà vạn vật thiên nhiên
37 được cấu thành không khác gì nếu so sánh với tất cả những vùng đất
38 thực vật sung túc ở dãy núi Hi Mã Lạp Sơn. Ngoài ra còn có loại cây
39 nhựa kết, mộc hương, cây bồ đề (an tức hương) để chế biến các loại
40 dầu bay hơi và dầu cánh kiến (để pha chế sơn vệt ni đánh bóng đồ
41 gỗ), cây lấy hạt anit, cây nhân sâm để lấy củ và rễ dùng trong ngành
42 Đông y, nhiều loại cây quý để lấy tinh dầu, vân . . . vân . . ., tất cả
43 đều có thể tìm thấy tại vùng đất được thiên nhiên ưu đãi này, một nơi
44 mà người ta có thể nhận thấy được nhiều ngành thương mại phát
45 sinh từ những tài nguyên này giống như ở những nơi khác.

1
2
3
4
5
6
7
8
9
10
11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49

Cho đến bây giờ vì phải bận rộn với cuộc chiến tranh và công tác tạo dựng cơ sở của chúng ta ở nam Kỳ hạ cho nên chưa có thể nghiên cứu về mặt địa hình và thống kê những nước lạ lân cận. Sát gần những đường ranh biên giới lãnh thổ của chúng ta hiện nay, mạn phía Bắc không còn có thể thu thập được một tin tức nào nữa và tình trạng mù mịt lớn lao đang ngự trị ở phía đó. Không có gì gọi là ảo tưởng để giả định rằng ngày mà chúng ta đã xâm nhập được vào nơi hỗn độn và tạo dựng được những mối dây liên hệ hòa bình với các vùng sung túc phì nhiêu này thì con đường thuận lợi và an toàn từ nước Cao Miên sẽ mang đến cho cơ sở của chúng ta những sản vật mà hiện nay nước đó đang chở sang Trung Quốc. Một trung tâm thương mại to lớn luôn luôn tạo ra một sức thu hút rất hiệu nghiệm, và do đó các sản phẩm từ các nước

Âu châu sẽ lấn lướt thay thế các sản phẩm của Thiên triều Trung Quốc trong các ngành giao thương.

Như vậy, có thể xem như đã trả lời những câu hỏi của một nhân vật ngoại giao (Dubois de Jancigny) công du các nước thuộc vùng biển Trung Quốc vào năm 1850 và nhất định là ta sẽ không phí công để đọc lại những câu hỏi đó. Ông ta viết: "Hiện nay có những bộ tộc nào sống rải rác dọc theo hai bên bờ của dòng sông Mêkong ? Những người dân thuộc các bộ tộc này từng chịu áp bức từ bấy lâu nay thì tương lai của họ sẽ ra sao khi mà chỉ có sự giao tiếp với người Âu Châu mới có thể mang đến cho họ những lợi ích văn minh và thương mại?" Ông ta viết tiếp: "Những thắc mắc cần được giải quyết này hình như chỉ đặt ra cho nước Anh vì rằng những cơ sở của họ trong vùng sông Ténasserim ở Miên Điện và vùng bán đảo Mã Lai chỉ đạt được tới một mức độ phát triển và thịnh vượng mà động lực là những nhu cầu bức thiết gạt hái từ những sự thể xảy ra ngoài ý muốn.

Con sông Dương Tử rộng lớn, một con sông huyết mạch của Trung Quốc (còn gọi là Thanh giang) cùng phát nguồn từ cao nguyên Tây Tạng giống như con sông Cam-Bốt (tức là sông Mê Kong. Hai con sông lớn này cùng chảy song song và gần sát với nhau mà chỉ cần một con kinh đào cũng khiến cho chúng có thể thông thương được với nhau. Chỉ nhìn lên bản đồ thì cũng có thể đánh giá được tầm mức quan trọng của đường sông thông suốt này luân lưu liên tục trong nội địa của một đế quốc giàu có trên địa cầu với một chiều trải rộng gần 1,500 dặm (1 dặm đường bộ = 4 km; 1 dặm đường biển = 5.5 km).

Phải thấy được những công trình nghiên cứu thuộc bản chất nào cần phải thực hiện để ước lượng một cách toàn vẹn giá trị vị trí hàng đầu của Sài Gòn trên một mạng lưới thương mại vô cùng kỳ diệu và chính quyền sẽ không chần chừ để thực hiện những công trình nghiên cứu theo chiều hướng đó. Tuy nhiên, ngoài phần giả định của vấn đề, lại còn có sự gia tăng của những nguồn thông tin chắc chắn về vị trí quan yếu của Sài Gòn, xem Sài Gòn như là một nhà kho trung gian chứa những sản phẩm của một số vùng ở Á Châu. Vùng vịnh biển Xiêm La (Thái Lan) không có được một bến cảng nào có

1 thể so sánh với bến cảng Sài Gòn; ngoại trừ được dùng như là con
2 đường biển giao lưu để đi sang Trung Quốc, các vùng cận duyên
3 của vịnh Xiêm Lan rất nguy hiểm và khó khăn cho cho tàu thuyền vào
4 sát bờ biển. Ở phía bên kia thì những kinh rạch trong nội địa là những
5 tiện ích lớn lao cho việc chuyển vận hàng hóa từ khắp nơi đưa vào
6 bến cảng Sài Gòn và có thể không ngần ngại mà nói rằng đây mới
7 chính là nơi mà ngành thương mại chọn làm điểm bốc dỡ hàng hóa
8 xuất nhập bến cảng.. Gạo, bông vải, gỗ đóng thuyền buồm, ngà voi
9 từ nước Cam Bốt (Cao miên), quế hương từ các tỉnh miền Trung
10 (Trung Kỳ), kim loại quý, tơ sợi từ miền Bắc (Bắc Kỳ) sẽ đổ vào thêm
11 cho nguồn tài nguyên địa phương của Nam Kỳ hạ và sẽ biến lãnh thổ
12 thuộc địa của chúng ta trở thành một trọng lực mạnh mẽ đối kháng
13 với ảnh hưởng lan tràn của người Anh ở Miến Điện. Chỉ cần một ít
14 khôn khéo chinh phục và đưa vương quốc Xiêm, đế quốc Ava (hay
15 đế quốc Miến Điện) liên minh với chúng ta. Vì lý do địa thế mà nước
16 Cam Bốt đã chịu đặt dưới sự đô hộ của chúng ta và các điều kiện thi
17 hành chính sách bảo hộ vừa được chuẩn phê từ nước Pháp. Đã có
18 thể nhìn thấy trước được một cuộc hành trình nhanh chóng và cấp
19 thiết của quân đội chúng ta vào vùng bán đảo sung túc phì nhiêu nằm
20 giữa Trung Quốc và Ấn Độ. Tôi nói ngay thêm rằng quá trình chinh
21 phục này luôn luôn cần phải theo phương cách hòa bình ngay từ lúc
22 chúng ta đã chiếm hữu được một vị thế yên ổn và bình thường ở An
23 Nam.

24 Với một chút nhận định về tình hình hiện nay của đế quốc Trung
25 Hoa mệnh mông đang bị đe dọa phân hóa trong tương lai thì người ta
26 sẽ không khỏi băn khoăn về sự kiện 400 triệu con người hòa nhập
27 vào với cuộc sống của nhân loại. Chỉ cần nghĩ tới những nguồn tài
28 nguyên bao la và nền công nghiệp lớn lao của dân tộc này thì người
29 ta đồng ý một cách dễ dàng rằng những thành tố mới mẻ mà đất
30 nước đó mang đến cho sự giao lưu sẽ tạo ra một sự thay đổi toàn
31 diện những điều kiện về trao đổi, về các định mức, về lao động,
32 những điều mà các nước văn minh hiện đang bị bế tắc. Bởi thế cho
33 nên cần để mắt theo dõi một cách chi li tiến trình và những đột biến
34 của cuộc chiến đang diễn ra trên nước Trung Hoa để tùy theo đó mà
35 hướng dẫn cuộc viễn chinh của người Pháp đạt được những thành
36 quả tốt nhất đối với những cuộc xâm chiếm mới.

37 Cuộc khủng hoảng nhứt thời này gây ra một đối lực đen tối trên
38 các thị trường của người Âu châu trên lãnh thổ Trung Quốc: tình
39 Thượng Hải sau khi đã vương lên tới một mức kỳ diệu thì bị khựng lại
40 vì những ảnh hưởng của những biến cố chính trị. Nếu đế quốc Trung
41 Hoa bị sự sụp đổ thì những tàn dư tác hại sẽ bao trùm khắp tràn và
42 chặn nghẽn trong một thời gian những những đường mạch thương
43 mại của nước đó. Có ai mà lại không thấy được rằng khi sự xáo trộn
44 toàn diện xảy ra thì Sài Gòn chính là một bến cảng an toàn của người
45 Âu Châu trú ẩn an toàn và được xử dụng như là địa điểm để tiếp
46 nhận cứu vớt những suy sụp do sự xáo trộn đó gây ra và cũng là nơi
47 để tăng tiến những gì mà kẻ khác bị tiêu mất. Khi đã giao thương
48 được với lục địa Trung quốc thì một thị trường tiêu thụ hầu như là có
49

1 một không hai sẽ được mở ra ngay và sự buôn bán trong thị trường
2 này nhất định sẽ lên tới những mức tỷ lệ khó thể lường đoán trước
3 được.

4 Sau cùng, khi đề cập về những hạn chế cực đoan quá mức của
5 vùng đất Á Châu này đã từ lâu chống đối sự kết nạp ảnh hưởng của
6 người Âu châu thì hiện nay vẫn còn có một đế quốc giàu có sung túc
7 không thua gì Trung Quốc: đó là nước Nhật Bản. Quốc gia này khăng
8 khăng chủ trương chính sách bế quan tỏa cảng từ xưa tới nay nhưng
9 bây giờ thì họ đang nghĩ tới việc giải tỏa chính sách này để mở cửa
10 khẩu tiếp nhận các nền thương nghiệp và văn minh của Âu Châu.
11 Một đoàn sứ thần của quốc gia này trên bước đường hướng về phía
12 Âu Châu hiện đang tiếp xúc với Sài Gòn và nhất định là phải có kết
13 quả. Quá bị sửng sốt về tính cách nghiêm trọng của việc chiếm hữu
14 lãnh thổ và ảnh hưởng của người Pháp trên những phần đất này,
15 các sứ giả người Nhật đã hồi nhớ lại vào một thời kỳ trước đây không
16 lâu lắm đất nước của họ đã để tâm tới tương lai thương mại của miền
17 Nam Kỳ hạ và đã từng manh nha thiết đặt những khu thuộc địa trên
18 phần đất này. Cũng có những dư luận đang bàn tán về một án tượng
19 thông thương đều đặn và trực tiếp sẽ được mở ra trong một ngày
20 nào đó giữa Nhật Bản và Nam Kỳ hạ; điều này sẽ coi như là một
21 phương cách nhanh chóng chắt và hữu hiệu nhất để du nhập vào thị
22 trường tiêu thụ Âu Châu những sản phẩm của người Nhật để tránh
23 được sự cạnh tranh với các thị trường hiện có tại Thượng Hải và
24 Hồng Kong.

25 Như vậy, về mặt kinh tế, nếu được xét một cách tổng quát nơi
26 vùng đất đang chiếm cứ thì vị thế tuyệt hảo lãnh thổ thuộc địa của
27 chúng ta sẽ biến Sài Gòn trở thành một bến cảng có tầm cỡ hạng
28 nhứt vùng Á Châu.

29 Cùng với sự phát triển Sài Gòn thành một trung tâm điểm thương
30 mại của Viễn Đông, chúng ta có thêm động lực thúc đẩy sự giao lưu
31 giữa Âu Châu và Trung Hoa do con kinh đào Suez ở Trung Đông tạo
32 ra. Với công trình kinh đào vĩ đại này, bến cảng Marseille của nước
33 Pháp sẽ là nơi quy tụ nền thương mại của các nước Đông phương
34 đồng thời cũng là địa điểm xuất phát sản phẩm của các nước Tây
35 phương tỏa ra trên các vùng biển Á Châu. Với 2 đầu cực là cảng
36 Marseille và cảng Sài Gòn, tuyến đường giao thương mệnh mông
37 này đi ngang qua các miền lãnh thổ sung túc đứng vào hàng bậc
38 nhứt trên thế giới, nối liền màn lưới bưu chính giữa Bombay với
39 Melbourne (Úc), Calcutta với Manila, Batavia với Thượng Hải; trung
40 điểm của tuyến đường giao thông này là một vùng đất do tài trí khéo
41 léo của người Pháp tạo ra, đó là vùng con kinh đào Suez ở Trung
42 Đông.

43 Một ngày nào đó, người ta có thể khẳng định rằng, cờ hiệu, cùng
44 với nền công nghiệp, nền thương mại của nước Pháp sẽ đạt được tới
45 ưu thế vô song trên một thị trường quan trọng nhất của hoàn vũ: thị
46 trường của những quốc gia trong vùng biển Trung Quốc; ngày đó tổ
47 quốc của chúng ta sẽ không còn gì để phải đố kỵ với các nước có
48 nền hàng hải và thương nghiệp hùng mạnh phát đạt nhứt. Nước

1 Pháp sẽ thực hiện một cách hoàn toàn lâu dài huy hoàng ở
2 phương Đông mà Duplex đã mơ ước và chính quyền của triều đình
3 vua Louis XV đã hèn kém buông trôi để cho một nước cạnh tranh với
4 nước Pháp thủ lợi.

*

5 Tuy nhiên tôi phải ngừng nghĩ tới những ước mơ sáng lạng bởi vì
6 giàn khung của những giấc mơ này hình như đang sắp phải sụp đổ.
7 Những tiếng kêu la giận dữ mà tôi đã nhiều lần ám chỉ trong bài
8 nghiên cứu ở đây không phải là không có căn bản xác thực. Một sự
9 dự định rút lui ra khỏi 3 tỉnh vừa mới được đưa ra ở triều đình Huế và
10 sự thân của Pháp (Aubaret) thương thảo về việc này đã đến nước
11 Xiêm La (Thái Lan).

12 Tôi biết rằng dư luận ở Pháp đã tỏ ra chống đối những cuộc
13 hành quân viễn chinh; tuy nhiên, dư luận này mù tịt về tình hình tổng
14 quát xảy ra nơi các vùng lãnh thổ hải ngoại cho nên chỉ biết đánh giá
15 một cách vô ý thức về tầm mức quan trọng vị thế của miền Nam Kỳ
16 hạ. Một vài diễn giả, nơi nghị viện, họ chỉ biết khư khư đeo đuổi một
17 cương lĩnh chính trị đã được ấn định mà không cần bàn luận tới tầm
18 mức quan trọng của Nam Kỳ; tệ hơn nữa là có những bài viết trên
19 những tờ báo lớn đã lên án cuộc viễn chinh và dựa trên những sự
20 kiện sai lầm, những đánh giá thiên vị không khách quan để bàn tán
21 tranh luận. Một trong những tờ báo lớn này là tờ *La Patrie*, vào năm
22 1864 đã đăng tin rằng Huế cách Sài Gòn 60 cây số, rằng nhiệt độ ở
23 Nam Kỳ hạ từ tháng 2 đến tháng 5 dương lịch không bao giờ lên quá
24 mức 26° bách phân. Nếu tờ báo này từng tiếp nhận được những
25 nguồn thông tin chính xác thì người ta ngạc nhiên ít hơn về việc nó
26 ủng hộ chủ trương di tản.

27 Miền Nam Kỳ hạ đã gây tổn hao tiền bạc rất nhiều - tôi biết vậy. -
28 Sẽ thu hồi lại được sự tiêu hao đó không? - Chắc chắn là không -
29 Lại còn phải hao tổn thêm nữa - tôi dám đoán chắc với mọi người
30 rằng thuộc địa của chúng ta từ nay có thể tự túc một mình. Số thu
31 vào năm 1863 là 1 triệu 800 ngàn quan phạt lãng (francs). Dự thảo
32 ngân sách năm 1864 là 3,012,719 quan phạt lãng, ngang bằng với
33 các chi phí đặc biệt địa phương kể từ lúc này. Và có điều lạ là các chi
34 tiêu trong bản ngân sách lại được dự trừ quá lố trong khi mức thu
35 nhập lại được dự trừ ít đi. Cứ xem xét từng chương mục của bản
36 ngân sách thì sẽ thấy. Nếu việc phát triển liên tục không bị ngưng trệ
37 vì một biến động nào đó thì có thể xác định được số thu nhập cho
38 năm 1865 sẽ là 5 triệu quan phạt lãng. Vậy thì hãy để cho thuộc địa
39 của ta có thời giờ làm sáng tỏ công việc trước khi đánh giá một cách
40 xác quyết. Người ta dự trừ phải tốn 30 năm cho xứ Algérie (thuộc Bắc
41 Phi Châu) để có thể đòi hỏi máu xương, vàng bạc của xứ này vậy mà
42 lại không cho miền Nam Kỳ hạ được 3 năm hay sao nếu đem so sánh
43 với thuộc địa của ta ở phi châu? Xét giá trị về mặt thương nghiệp thì
44 Nam Kỳ hạ vượt trội. Về vị trí, thì ảnh hưởng của Nam Kỳ hạ đối với
45 một môi trường hoạt động xa xôi lại không cần chú tâm cứu xét hay
46 sao?

1 Có thể sẽ được trả lời rằng: cho dù có thể thanh thỏa các kinh phí
2 hiện nay cho những vùng địa phương của Nam Kỳ mình thì không vì
3 thế mà tổn phí dùng cho các lực lượng quân sự thủy bộ tại Nam Kỳ
4 được giảm bớt đi. - Nói như vậy thì phải chăng người ta chối từ sự
5 hậu thuẫn của cơ sở quân sự được dùng để bảo vệ những quyền lợi
6 quan yếu của người Pháp? Phải chăng không cần phải có những căn
7 cứ hải quân để bảo vệ những sự phát triển thương mại non kém sao?
8 Để phòng ngừa những biến cố đột phát có thể xảy ra nơi vùng biển
9 Trung Hoa, thì việc có được trong tay những lực lượng chống lại ảnh
10 hưởng của những lực lượng thuộc nhiều quốc gia khác trong vùng đó
11 phải chăng không phải là một chính sách lành mạnh?

12 Một dấu chỉ cho thấy giá trị và tương lai cho việc chúng ta chiếm
13 hữu miền Nam Kỳ là sự đánh giá của người Anh Cát Lợi về sự chiếm
14 hữu này. Không có cách nào sáng tỏ hơn bằng cách nghe đối thủ
15 đưa ra những lời phê phán về sự chinh phục miền Nam Kỳ của chúng
16 ta. Ngoài ra còn có thể đọc những đầu đề do các thông tấn viên nơi
17 những vùng biển Trung Hoa đăng trên báo chí của người Anh đã kích
18 việc xâm chiếm Sài Gòn và tham vọng thả cửa của người Pháp - Đó
19 chỉ là những cái lỗ miệng nhai đi nhai lại những lời kêu ca đơn lẻ
20 giống nhau. Tuy nhiên những lời kêu ca đó ít ra cũng làm cho chúng
21 ta phải mở mắt ra.

22 Tôi sẽ không nói tới nỗi đau khổ do sự tuyên bố tháo lui khỏi Nam
23 Kỳ gây ra cho những người vô vị lợi cùng đang nhất trí tin tưởng vào
24 tiền đồ thuộc địa của chúng ta. Hối tiếc sẽ nhẹ bớt đi về những chết
25 chóc đau thương cùng với những mất mát nhậy cảm khi người ta
26 nghĩ rằng những điều đó làm cho tương lai được màu mỡ. Cay đắng
27 thay nếu bây giờ lại nghĩ rằng cứ để cho máu đổ lan tràn vô sinh.

28 Tôi biết rằng nơi chính trường người ta không cảm nhận mà chỉ
29 biết lý sự. Vậy thì tôi sẽ thử dùng lý lẽ để chống lại chủ trương di tản
30 sai lầm tai hại này, và dù rằng đã có những con số mà tôi đã nêu ra ở
31 phần trên, những con số mà tôi thách thức có sự tranh cãi đúng đắn
32 bằng những chứng cứ tốt nhất, tôi sẽ khảo sát mọi chi tiết bản dự
33 thảo sắp được đưa ra bàn luận nơi triều đình Huế.

34 Trong bản dự thảo đó có điều khoản giao trả lại cho người An
35 Nam lãnh thổ đã bị xâm chiếm, ngoại trừ một vài địa điểm mà Sài
36 Gòn và Mỹ Tho 2 địa điểm chính cùng với một vài vùng lân cận. Điều
37 khoản bồi thường hàng năm 3 triệu, điều khoản ấn định việc bảo hộ 6
38 tỉnh, điều khoản ấn định về quyền tuyệt đối tự do đi lại cho những
39 kiều bào của chúng ta, điều khoản bắt buộc về đặc quyền ngoại
40 thương tại hai thành phố, tất cả những điều khoản này nếu tôi không
41 bị sai lầm thì đó chính là những điều kiện chính yếu cho bước thối lui
42 này (Tôi không có ý khẳng định đây là ý nghĩa của những điều khoản
43 chính xác được viết ra trong bản dự ước cho tới lúc này vẫn còn giữ
44 kín; tuy vậy tôi tin chắc rằng từ những sắc thái gần như vô nghĩa, tôi
45 nêu ra tầm mức và tinh thần của văn bản ngoại giao này).

46 Dù cho diễn tiến ngoại giao xảy ra thế nào đi chăng nữa, thông
47 thường chứa đựng nhiều điều lừa phỉnh, người ta không nên tin
48 tưởng một cách tuyệt đối vào giá trị và tính cách chân thật của một
49 bản hòa nghị được ký kết với bất cứ một triều đình nào ở Đông

1 phương. Dựng ra được những điều khoản lừa dối trong bản hòa nghị
2 tức là họ đã thắng thế, và khi đã quyết định dứt khoát để ký kết thì sẽ
3 đi đến tình trạng dẫn giải gò ép bản văn để thi hành một cách trái
4 ngược hoàn toàn với tinh thần của bản văn. Đó chính là những thắng
5 lợi mà giới sĩ phu và quan lại người An Nam nghĩ rằng họ có thể có
6 thu hái được.

7 Trước hết, liệu rằng hiện tình mới này sẽ đạt được mục tiêu kinh
8 tế như người ta đề xướng hay không ?

9 Tôi cho rằng không. Những đường ranh giới cần được bảo vệ sẽ
10 toả rộng gấp ba hoặc bốn lần nếu so sánh với việc bảo vệ những
11 đường ranh giới của 6 tỉnh nếu 6 tỉnh này do ta làm chủ.

12 Sự phân tán và tình trạng cô lập của các đồn bót gây thêm tổn
13 hao vì phải cung ứng tàu thuyền để phục dịch cho các địa phương.
14 Lợi tức thu hoạch trong lãnh thổ của chúng ta vì thế sẽ bị giảm sút
15 xuống ngang với định mức bồi thường chiến phí hằng năm tức là sẽ
16 ít hơn số lợi tức thu nhập hiện nay. Người ta chỉ tiết kiệm được số chi
17 phí dùng cho việc điều hành cai trị dân bản xứ, được ấn định là
18 721,594 đồng quan phạt lãng mà hiện nay mẫu quốc không còn phải
19 gánh vát nữa.

20 Về mặt tài chánh, chúng ta không không được lợi lộc gì mà còn
21 sẽ bị thiệt thòi nhiều về mặt thương mại. Sai lầm của những tác giả
22 bản dự ước mới chính là điểm họ cho rằng với sự trù tính mới mẽ
23 trong bản dự ước thì nền thương mại của Sài Gòn sẽ không thua gì
24 nền thương mại của toàn cõi Nam Kỳ hạ. Nghĩ như vậy là không đếm
25 xĩa gì đến bản chất của người dân bản xứ mà chúng ta đang giao
26 dịch. Mơ tưởng biến Sài Gòn thành một trung tâm thương mại giống
27 như Hồng Kong là tự tạo cho mình những sai lầm nghiêm trọng trong
28 tương lai. Những điều gì hợp với ý hướng hiển nhiên chuyên hành
29 nghề thương mại của người Hoa lại trở thành ảo tưởng viễn vông
30 khắp nơi trong nước An Nam, nơi mà những sáng kiến thương mại
31 đều bị vùi dập và những sự giao dịch đều do những người cai trị
32 hám của tham lam độc quyền nắm giữ. Và chẳng, trước đây thì có
33 thể thử mà không gây nguy hại cho tương lai cho nên chỉ cần chiếm
34 cứ Sài Gòn mà thôi, nhưng ngày nay thì không còn có thể thử giống
35 như thế mà không phải hứng lấy những hậu quả khốc liệt nặng nề. Ở
36 vào thời kỳ đó, từ lúc khởi đầu cuộc chinh phục, chúng ta có được
37 một uy thế vang lừng để đối xử với dân chúng quanh vùng và thu hút
38 sản phẩm của họ về phía ta; bây giờ thì chúng ta chỉ còn lại có một ít
39 ảnh hưởng nhỏ nhoi của một kẻ chinh phục đang rút lui dưới sự nghi
40 kỵ và hận ghét của số dân chúng bị ta bỏ rơi.

41 Hãy hình dung việc đề cho chế độ của người An Nam khai mạc
42 trở lại trong 3 tỉnh của chúng ta, hãy suy xét lại về điều lợi mà chính
43 quyền của triều đình Huế sẽ có được để tách rời chúng ta ra khỏi mọi
44 sự giao thương và mọi phương tiện thuận lợi hầu đạt tới kết quả như
45 hiện tại với tình trạng bất động của dân chúng vì họ run sợ phải gánh
46 lấy một phản ứng khủng khiếp, và người ta sẽ tin rằng vì được một
47 khởi xướng nhượng bộ rộng lớn cổ xúy, chính quyền đó chỉ cần làm
48 sao để có được một cuộc di tản toàn diện bằng cách làm cho chúng
49 ta chán nản với những mưu toan thương mại vô ích của chúng ta,

1 chán nản vì khoảng trống sâu thẳm mà họ sẽ biết cách gây ra chung
2 quanh chúng ta. Sẽ vô ích để mà viện dẫn bản hòa ước: sự khôn
3 khéo của quan chức triều đình Huế sẽ thách thức chúng ta trưng dẫn
4 bằng chứng mọi sự vi phạm trực tiếp bản hòa ước. Và chẳng, tôi lập
5 lại lần nữa, có còn được một tình cảm nào khác ngoài tình cảm ghê
6 tởm mà chúng ta sẽ gây ra cho đám dân chúng đã theo về với chúng
7 ta vì họ đã tin tưởng vào những hứa hẹn long trọng của chúng ta,
8 những hứa hẹn chỉ được một sớm một chiều để rồi bị lờ quên và
9 phản phúc? Uy tín của chúng ta còn gì dưới mắt họ để nhờ đó mà họ
10 có thể hóa giải những mối đe dọa bí ẩn cùng với những sự báo thù
11 hữu hiệu của những hàng quan lại triều đình cai trị của họ? Chúng ta
12 sẽ chỉ còn thống trị hai tỉnh Sài Gòn, Mỹ Tho hoang vắng như sa mạc
13 cùng với các đồn bót đặt trọng pháo, chúng ta sẽ có những được
14 những xưởng quân giới tuyệt hảo nhưng chúng ta đừng mong có
15 được những bến thương cảng và chúng ta sẽ phải đưa gạo thóc cần
16 thiết từ nước Pháp đến để nuôi sống chúng ta.

17 Bất hạnh thay, tôi không lý luận bằng cách dựa trên những giả
18 thuyết nhưng là đặt trên những sự kiện thực tế. Vào năm 1860, khi
19 chiếm đóng Sài Gòn một cách giới hạn thì ngày trước ở đây có 40
20 ngôi làng nhưng chỉ còn lại có *một* làng người gia tô giáo sau khi Sài
21 Gòn bị chiếm đóng. Kiểu thống trị bấp bênh của chúng ta cũng đủ để
22 người dân An Nam chạy trốn khỏi thành phố Sài Gòn. Vào lúc chúng
23 ta đã chiếm cứ tỉnh Vĩnh Long thì sự giao dịch thương mại lớn lao
24 trước đây được thực hiện tại một vị trí cách thành phố Sài Gòn 10
25 dặm để chở sang thị trường Jadée (Ghi chú của người dịch: có thể F.Garnier
26 muốn nói tới thị trường Trung Quốc chẳng? Vào thời này, Trung Quốc có lẽ được coi
27 như là nơi sản xuất nhiều loại đá quý gọi là **Jade**/ ngọc thạch cho nên F.Garnier gọi
28 nước này là **Jadée** ?) thì nay đã chuyển hướng sang một nhánh sông
29 khác hướng về phía tỉnh Châu Đốc và kể từ lúc đó nơi này trở thành
30 quan trọng gấp đôi.

31 Bất cứ lúc nào, ở khắp nơi, phương thức cô lập được sử dụng để
32 chống lại chúng ta.

33 Ngay cả khi chấp nhận rằng cứ kiên trì rồi những hoạt động trung
34 gian của người Hoa cũng sẽ tạo được một nguồn giao lưu lúa gạo
35 đến Sài Gòn thì người ta vẫn phải nhớ tới những thành quả mà các
36 quan lại mục nát của triều đình sở tại thu nhập được và con số 3 triệu
37 đồng phật lạng (\$3,700,000 frc) mà tôi đã nêu lên ở trên (trang 1876)
38 như là tổng số mức nhập và xuất của cả nước An Nam riêng trong
39 năm 1841. Ngoài ra, nhu cầu thương mại sẽ dẫn đưa chúng ta đến
40 tình trạng nguy hại là cứ nhắm mắt làm ngơ những sự lấn lướt của
41 các quan lại triều đình và thừa nhận sự hiện diện của họ. Cứ mỗi
42 chuyến hàng gạo thóc mong đợi được tải đến thì chúng ta lại phải
43 phó thác hoàn toàn vào sự ân huệ của họ, rồi thì từ nhân nhượng này
44 đến nhân nhượng khác, chúng ta sẽ không tránh khỏi tuột dốc rơi
45 xuống hàng thấp kém ô nhục mà người Anh và người Bồ Đào Nha đã
46 từng phải gánh chịu lâu dài khi đối đầu với nước Trung Hoa chỉ vì họ
47 muốn sự giao thương của nước họ với nước này không bị gián
48 đoạn. (Chú thích của F.Garnier: tham chiếu vấn đề này trong bài *La*
49 *Question de Chine*, đăng trong tập chí *Revue des Deux Mondes*, số

1 tháng 6 năm 1857 và bài viết *Le Voyage en Chine* của tác giả M.
2 Jurien de la Gravière. Trong bài kể chuyện này có đầy đủ những
3 điều ô nhục khó thể tưởng tượng mà hai nước đó phải gánh nhận,
4 cho tới khi người Anh quyết định gây ra cuộc chiến tranh đầy tiếng
5 tâm vào năm 1840. Ngoài ra còn phải nhớ lại vụ ám sát thống đốc
6 Amaral ở Macao vào năm 1848 mà hầu như không bị trừng phạt).

7 Mặt khác, xét trên một mức độ cao hơn, một nước như nước
8 Pháp khi đặt gót chân lên một vùng đất xa lạ và man dã thì có cần
9 phải nhắm vào một mục tiêu duy nhất là nói rộng nền thương mại
10 của mình và hài lòng với động cơ duy nhất là miếng mồi háms lợi? –
11 Một nước Pháp nổi tiếng là hào hiệp đối với các nước tiến bộ ở Âu
12 Châu và có những ý tưởng được truyền bá khắp thế giới, đã được
13 thương để giao cho một trọng trách cao vọng hơn, trọng trách khai
14 phóng các dân tộc để lôi kéo họ ra khỏi vòng nô lệ u mê tăm tối và tai
15 ách chuyên chế. Có lý nào nước Pháp tự tay mình dập tắt nguồn ánh
16 sáng văn minh mang đến cho người An Nam đang bị chìm đắm trong
17 bóng tối mù mịt? Có lý nào nước Pháp lại tai điếc mắt ngơ đối với
18 những thống khổ triền miên của họ? Nước Pháp phải bỏ bỏ cái phần
19 đẹp nhứt trong tác phẩm của mình hay sao? Để rồi phải gánh chịu
20 một tình trạng khốc hại do chính mình sẽ gây ra cho mình, thay vì tạo
21 dựng lại khối dân chúng, thì lại theo gương người Anh dùng võ lực
22 để ép buộc dân chúng (Trung Hoa) phải nuốt độc dược nha phiến?

23 Ở đây người ta thấy rằng phẩm giá và quyền lợi của chúng ta hài
24 hòa với nhau và đẩy lùi mọi ý nghĩ hạ giảm uy thế của chúng ta ở An
25 Nam.

26 Không những ảnh hưởng và uy thế của ta ở Nam Kỳ hạ bị tan
27 biến luôn sau khi phương sách này (di tản) được áp dụng, một
28 phương sách khiến cho dân cư sẽ bỏ đi hết, chúng ta lại còn phải
29 gánh chịu từ các triều đình lân cận (của các triều đình ở Âu Châu)
30 những tai tiếng thất trận và giá trị chúng ta bị hạ thấp. Chúng ta đang
31 giao tiếp với các chủng tộc Á châu chỉ biết phô trương bạo lực và như
32 vậy thì để đối lại với những cách phô trương như thế mà lại dùng
33 những tính toán ngoại giao để đối xử tế nhị thì thật là xuẩn động. Để
34 có một bằng chứng về điều này, tôi xin nêu ra câu chuyện của vua
35 nước Cambodge (Cao Miên) khi biết được ta đầu hàng chịu giao nộp
36 trở lại tỉnh Vĩnh Long cho người An Nam, hỏi rằng người Pháp chúng
37 ta đã thất bại ở chỗ nào và ai lại có thể lấy một loại quyết định triệt
38 thoái kiểu như vậy. Cũng vậy, người ta thấy sự tổn hại gì đã xảy đến
39 cho uy tính của đạo binh của chúng ta khi tin tức di tản được loan
40 truyền đến khắp các triều đình vương quốc ở Viễn Đông. Có thể là
41 chúng ta đã chiếm giữ 3 tỉnh vào một thời điểm chưa thích hợp và
42 đầy xáo trộn; nhưng sau đó nhất định sẽ là một lỗi lầm to tát nếu ta
43 bỏ rơi 3 tỉnh đó.

44 Sau cùng, tôi giả định xem nếu bước thụt lùi này trở thành hiệu
45 lực thì số dân chúng người An Nam đã một thời đã theo về với người
46 Pháp, một thời tin tưởng vào lời hứa và sự che chở của người Pháp,
47 họ sẽ ra sao khi bị trả về cho những chủ nhân cũ của họ. Với những
48 việc đã làm của mình liệu rằng số dân chúng này có thể tránh khỏi
49

1 một sự trừng phạt nào khác khủng khiếp hơn là hình phạt phân
2 thân xẻ thịt hay không? Người ta có thể hình dung được hay không
3 những cuộc trả thù sẽ áp dụng không riêng gì cho các xã trưởng,
4 lính mã tà (Ghi chú: Mã tà hay cảnh vệ do người Pháp tuyển và huấn
5 luyện), những nhân công bản xứ làm việc cho chúng ta mà cũng áp
6 dụng luôn cho tất cả số dân cư trong các làng mạc bị nghi ngờ là đầu
7 phục chúng ta một cách dễ dàng hoặc tỏ ra quá trung thành với
8 người Pháp?

9 Chúng ta tự động trao cho họ sự bảo đảm hảo huyền trong bản
10 hòa ước hay sao?

11 Ngoài sự đối đầu với những hăm dọa, những sự khiêu khích
12 nặng nề, những hành động ám sát gây ra cho những ai muốn mạng
13 hàng hóa vào Sài Gòn thì còn có thêm cả một đoàn ngũ gồm ghiếc
14 những kẻ phản kháng, trả thù cá nhân, thanh toán chính trị cùng với
15 các hành vi tịch thu tài sản, cảnh huống khốn cùng và nỗi kinh hoàng
16 khó tả kèm theo. Xứ này đã từng chịu khổ đau cùng cực nay được
17 chúng ta lại sẽ giao cho họ một tình trạng vô vọng tồi tệ đến mức mà
18 người An Nam phải thốt lên rằng *thà chết còn hơn*; chúng ta sẽ gây
19 ra cho xứ này một vết thương không bao giờ có thể chữa lành được.
20 - Và cố sự xảy ra như vậy chỉ vì xứ này đã mù quáng tin tưởng vào
21 một lời hứa hẹn của nước Pháp!

22 Người ta sẽ thấy thế nào khi dòng máu đào này tuông rơi lên đầu
23 của chúng ta? Đợi cho đến khi đó thì sẽ tìm một viên thống đốc người
24 Pháp trợ li để trợ giúp cho những cảnh hành quyết đó hay sao?

25 Phần tôi thì lại không nghĩ như vậy.

26 Sẽ đến lúc mà sự phẫn nộ sẽ đầy tràn và phá vỡ mọi bờ ngăn
27 chặn do các nhà ngoại giao khôn ngoan đã dựng lên.

28 Người ta sẽ nhận biết được vị thế phụ thuộc, con đường cụt
29 không lối thoát ở tại nơi mà người ta sẽ được đặt vào và rồi người ta
30 sẽ đòi lấy lại hết những gì mà người ta đã nhân nhượng. Nhưng lúc
31 đó thì đã quá trễ: cái lối di tản là một trong những trong những lối làm
32 không có cái gì đền bù. Dân chúng một lần bị lừa gạt tàn nhẫn sẽ
33 không còn để cho mình bị lừa gạt như thế một lần thứ nhì và rồi thì
34 dân cư khắp nơi trên cái xứ sở tươi tốt phì nhiêu này sẽ trở thành
35 hoang vắng ngay trước trước khi bước chân chúng ta đặt tới. Một lần
36 bất tín thì không bao giờ có thể tạo lại được niềm tin, và tới chừng đó
37 cho dù chúng ta có thành thật cách mấy đi chăng nữa thì lời nói
38 của chúng ta vẫn bị nghi ngờ: những lời nói không còn có thể thuyết
39 phục được ai.

40 Cũng vậy, nhờ vào một sự cảm nhận may mắn và phong phú,
41 sau khi chúng ta đã chiếm được một vị thế kính phục trên lục địa Á
42 Châu, sau khi chúng ta đã có một lúc thấy được một tương lai tươi
43 đẹp do chính sách thuộc địa tạo ra cho chúng ta cùng với một đế
44 quốc mới ở Đông Ấn phát sinh dưới bóng quân kỳ của chúng ta thì
45 nay chỉ vì một giờ mất kiên nhẫn, vì một sự khủng hoảng nhất thời,
46 chúng ta lại sắp phải hy sinh tất cả, phải tự ý rút lui từ bỏ mà không
47 hy vọng gì quay trở lại để nhìn thấy ảnh hưởng và nền thương mại
48 của nước Pháp trong vùng biển Trung Quốc được vung trồng từ
49 những vùng đất nghèo mạc khô đét cổ xưa.

1 Nếu cho rằng đừng hy vọng gì chính phủ khi hiểu rõ tình thế sẽ
2 trở về giải pháp đã được quyết định (hòa ước 1862) thì đây là một ý
3 tưởng rất nản lòng. Tuy nhiên, chính phủ phải hành động một cách
4 khẩn cấp để sự tai hại do chính phủ tạo ra không trở thành nghiêm
5 trọng hơn. Cứ mỗi tháng trôi qua trong tình trạng vô định thì tương
6 đương với một năm mất mát cho chính sách thuộc địa. Các ngành
7 kinh doanh dự trữ đã được giao trả lại, các thử nghiệm nông nghiệp
8 đã bị đình trệ, cư dân quá lo âu rời xa chúng ta. Vậy thì hãy đưa ra
9 một sự cải chính vang dội để làm yên lòng quần chúng, để tạo ra một
10 xung lực mới cho nền móng vừa mới chớm nở và hãy để cho mọi
11 phạm vi nào có tích cách quyết định được cứu xét kỹ lưỡng khiến cho
12 họ có thể an tâm.

13 *Sài Gòn, ngày 19 tháng 4 năm 1864*

(Trích đăng từ sách **NAM KỲ THUỘC PHÁP VÀO NĂM 1864**, bản dịch của Nguyễn Công Tánh từ bài tham luận **LA COCHINCHINE FRANÇAISE en 1864** của **Francis Garnier**).

[Bản sao chụp nguyên bản bằng tiếng Pháp từ trang 1677 đến trang 1723]

LA
COCHINCHINE FRANÇAISE



EN 1864

PAR

G. FRANCIS



PARIS

E. DENTU, LIBRAIRE-ÉDITEUR

PALAIS-ROYAL, GALERIE D'ORLÈANS, 13 ET 17

1864



Lk 10

LA

COCHINCHINE FRANÇAISE

EN 1864

L'étude de la Cochinchine française, au triple point de vue des habitants, de ses ressources, de son avenir, n'a jamais été faite d'une manière complète.

En France, on ne possède sur ce sujet que quelques articles de la presse périodique, plus anecdotiques que sérieux, plus intéressants qu'instructifs ; quelques ouvrages faits à la hâte pour les besoins d'une passagère actualité, remplis d'assertions inexactes et de lacunes regrettables ; quelques rapports ou quelques travaux faits à des points de vue trop locaux, trop restreints, souvent trop intéressés. Nulle part ne se trouvent des vues d'ensemble, un corps de données concordantes, une appréciation générale et élevée.

Les premières impressions sur la Cochinchine, un peu

enthousiastes, ont exagéré les facilités et les richesses qu'elle présentait à notre colonisation. On a dépeint sa population comme dénuée de tout patriotisme, on a exalté outre mesure sa faculté d'assimilation. Aussi, une réaction très-vive n'a-t-elle pas tardé à se produire aux premiers obstacles rencontrés, et une sorte de découragement a-t-il succédé aux premières espérances.

En essayant d'esquisser l'état actuel de la question, je voudrais éviter l'un et l'autre de ces extrêmes, et réduire à des proportions plus exactes les facilités comme les obstacles que la Cochinchine offre à notre colonisation. Exagérer les difficultés induit souvent en des résolutions fâcheuses ; les nier, c'est s'exposer à les rendre insurmontables ; vanter outre mesure certaines facultés d'assimilation, c'est, au lieu d'en profiter, risquer de les rendre inutiles.

Si j'abdique d'avance toute prétention de combler la lacune que j'ai signalée en commençant, j'espère au moins, en indiquant où git le problème, en provoquer de plus heureuses solutions.

I

Je ne m'arrêterai pas à la question de race. Un des ouvrages auxquels je faisais allusion tout à l'heure fait des habitants de l'empire d'Annam le résultat du mélange de la race autochtone avec toutes les populations environnantes. Cette assertion, qui n'a d'ailleurs rien de com-

promettant en elle-même, n'aurait de sens qu'autant que l'on dirait quelle est cette race autochtone, à quelles époques, dans quelles proportions, sous quelles influences se sont opérés les différents mélanges. Ce ne sera que par un plus long séjour dans le pays, surtout par l'étude, aujourd'hui à peine ébauchée, des langues, de l'histoire et des races de l'Indo-Chine centrale, que l'on pourra arriver à résoudre ces questions, qui sont d'ailleurs purement spéculatives.

Je me contenterai donc de constater, en passant, la différence radicale de race qui existe entre les habitants de la Cochinchine et leurs nouveaux conquérants. Cette différence constitue une raison d'antagonisme, une cause de répulsion que l'on ne saurait nier. Il faut cependant l'apprécier à sa juste valeur.

Il y a, en Cochinchine comme dans tous les pays de civilisation chinoise, deux classes bien distinctes : les lettrés et le vulgaire. A la première appartient toute l'autorité, toute l'administration. Comme les lettrés chinois, dont ils ne sont guère qu'une copie plus ignorante, les lettrés annamites professent la plus haute estime pour leur propre science, le plus profond mépris pour tout ce qui n'est pas leur civilisation. En réalité, ce sont eux seuls que nous sommes venus déposséder en Cochinchine, et ils ne nous pardonneront jamais d'avoir fait cesser leur exploitation cupide des populations, d'être venus détruire leur influence, ravalier leur prestige, annihiler leur rôle. Trop préoccupés de leur puérile science pour comprendre notre supériorité, ils la sentent cependant instinctivement et ne nous en haïssent que davantage. Entre eux et nous la lutte

est éternelle, et cet orgueil froissé, cette haine intéressée, s'élevant parfois chez eux à la hauteur d'un sentiment de patriotisme, leur fera accepter courageusement une guerre sans trêve comme sans espérance, braver une mort ignominieuse et fournir ces quelques traits d'héroïsme que nous devons admirer en les regrettant.

Cette fierté courageuse disparaît heureusement quand on descend dans la masse de la population. Mais là, si on ne rencontre qu'une résignation passive, résultat d'une longue habitude de souffrances, on se heurte encore à des difficultés morales assez sérieuses. Une civilisation aussi ancienne et aussi immobile, des traditions aussi enracinées, un état social aussi profondément ancré dans les mœurs, ne sauraient se transformer du jour au lendemain. Nos allures simples et faciles ne pourront de longtemps effacer de l'imagination des Annamites la terreur respectueuse et l'admiration servile que leur inspiraient leurs anciens gouvernants. Notre connaissance encore peu approfondie de leurs coutumes, ces premières difficultés que rencontre toujours une conquête quand elle veut faire succéder aux opérations militaires les opérations administratives, ont frappé vivement leur esprit; et leur défiance, habilement entretenue et exploitée, a fini par se transformer en une conviction absolue de notre incapacité à les gouverner.

Aussi, au point de vue matériel, toutes les réformes entreprises qui, dans l'esprit de leurs auteurs, devaient exciter l'admiration et la reconnaissance de la population, n'ont excité que son étonnement. Le bien-être touche peu sous le climat si facile des tropiques. Incapables de rai-

sonner, impuissants à apprécier la portée réelle des travaux exécutés dans le pays, les Annamites ne peuvent songer qu'à les attribuer à un mobile d'exploitation, à un désir de créer une cause d'impôt de plus. Songer à les convaincre, par des chiffres, que loin d'avoir tiré quelque argent de leurs pays, nous y avons enfoui des sommes considérables, serait une perte de temps et de logique. Sous un autre point de vue, les Annamites peuvent encore moins comprendre la nature de nos tendances et les procédés de notre justice. Leur sens moral est trop obscurci, son niveau trop bas, pour qu'ils puissent apprécier de quelles vues plus élevées, plus larges découle notre manière de faire. Cela devait être chez un peuple où les idées de droit et de justice se confondaient, en toute circonstance, avec celles du fait accompli et de la force brutale, où la protection des lois, ce recours suprême du faible et de l'opprimé, n'existait que pour ceux qui pouvaient l'acheter. De là est résulté un esprit de ruse et de mensonge qui dispensait le juge de toute pudeur et enlevait au tribunal toute dignité. Aussi ne s'étonnera-t-on pas si des chocs sont résultés de la mise en présence de gens imbus de pareilles idées et des administrateurs français chargés de rendre la justice.

D'ailleurs, les idées de justice, absolues en elles-mêmes quand on s'élève au-dessus de toute sphère humaine, deviennent très-relatives quand on les applique à tel ou tel régime social. De chaque état de mœurs, de chaque civilisation particulière, découlent des obligations différentes. Aussi, pour bien apprécier la nature de certaines difficultés, la valeur de certaines répugnances, aurait-il

fallu, en Cochinchine, se dépouiller de toute idée préconçue, de tout préjugé d'éducation, se rendre aussi indépendant que possible de tout point de vue européen. C'est peut-être ce qui n'a pas été essayé. On se fût alors sans doute moins choqué de certaines conséquences naturelles d'une civilisation abâtardie et, observateur moins partial, on se fût montré juge plus équitable.

Telles sont, je crois, les causes des défiances enracinées, des nombreux froissements qui se sont produits chez les populations annamites depuis notre occupation.

Telles qu'elles sont, ces difficultés sont-elles insurmontables? Offrent-elles rien qu'on n'ait pu prévoir à priori en comparant les civilisations et les races qui allaient se trouver en présence? Devons-nous renoncer à les vaincre et, pour quelques embarras d'administration, abandonner la tâche entreprise, et laisser retomber les Annamites sous le joug dégradant de leurs mandarins? Devons-nous accepter que sous notre domination ils continuent à végéter éternellement dans cet état d'enfance décrépète, négation de tout progrès, obstacle à tout développement matériel et, ne voulant descendre jusqu'à eux, devons-nous désespérer de les élever jusqu'à nous? On ne saurait hésiter à répondre.

Quelle est d'ailleurs la colonisation qui n'a rencontré des difficultés plus grandes? On le voit; il n'y a ici ni patriotisme ni fanatisme religieux qui soulèvent les masses et les jettent en aveugles contre les conquérants. Il n'y a qu'un instinct de répulsion craintive dont le raisonnement ne saurait triompher, il est vrai, mais dont la logique matérielle des faits viendra à bout dans un temps assez court.

Déjà, malgré quelques malheureuses mesures, malgré les bruits fâcheux qui ont contribué à entretenir les défiances des populations contre nous, on ne saurait nier que les Annamites ne commencent à revenir de quelques-unes de leurs préventions. Notre intégrité, notre esprit, ou mieux notre désir de justice, notre douceur, qui contrastent d'une manière si frappante avec la vénalité et la barbarie de leur administration précédente, ont fait impression sur eux. Leur sentiment pour nous n'est pas encore le respect, mais c'est déjà l'étonnement qui le précède.

Sachons donc attendre les résultats inévitables du contact des hommes et des choses. Introduisons lentement des réformes, qui, trop hâtives, indisposeraient contre nous des populations incapables d'en apprécier les bienfaits; ne heurtons pas de front certains préjugés; ménageons des susceptibilités légitimes. En faisant tendre tous nos efforts à relever chez ces peuples courbés depuis longtemps sous un énervant despotisme, un sentiment de dignité éteint, une fierté native disparue, en leur rendant la conscience de l'individualité, en réveillant chez eux le désir de l'initiative et du libre arbitre, en un mot, en les habituant à penser et à agir d'eux-mêmes, on ne tardera pas à voir céder leurs préjugés à une appréciation plus libre et plus impartiale des faits.

L'organisation communale, l'éligibilité des maires et des chefs de canton par ceux-là mêmes qu'ils seront chargés d'administrer, forment la base de la constitution sociale annamite. Cette base, que nous ne pouvions mieux faire que de conserver, reste aujourd'hui d'une force telle, que malgré la guerre, malgré les efforts de tout genre

tentés par les autorités annamites des provinces voisines, l'émigration hors du territoire français n'a eu lieu que dans des proportions extrêmement restreintes. On peut trouver excessive la solidarité qui lie entre eux tous les membres d'une même commune, et désirer voir se développer un peu plus, au sein de ses unités collectives, l'idée de personnalités. Mais, en définitive, il y a là un puissant moyen d'action dont il faut entretenir avec soin les moindres rouages. Laissons la liberté la plus entière à l'élection, multiplions les rapports des maires avec l'autorité française, augmentons la mesure de leur influence, le cercle de leurs attributions, faisons-en les organes naturels de toutes les réclamations, les défenseurs nés de tous les intérêts locaux, et nous atténuerons les inconvénients que je signalais tout à l'heure, nous rendrons confiance aux populations, nous parviendrons à les rattacher invinciblement à notre système. Cette base de l'édifice ainsi soigneusement conservée et fortifiée, les Annamites accepteront, très-vite, de voir, au faite, des administrateurs européens qui n'exercent aucune pression intéressée remplacer les mandarins avides qui spéculaient sur leurs fonctions et qui, par l'espèce de séquestre qu'ils faisaient peser sur la contrée, tarissaient les sources les plus fécondes de la fortune publique.

En même temps que ces relations nouées au cœur même du pays établiront des obligations et des liens que les Annamites ne pourraient plus songer à rompre sans danger, la venue du commerce européen, l'ouverture de débouchés centuplant la richesse générale, feront tomber les dernières préventions de ces peuples que les résultats ma-

tériels peuvent seuls parvenir à convaincre. Les travaux exécutés, les moyens de communication établis, les mesures prises pour améliorer l'hygiène publique, revêtiront alors à leurs yeux leur véritable caractère et leur paraîtront dignes d'admiration et de reconnaissance.

Dans ce travail de développement social, que j'ai montré devoir être en même temps une œuvre de régénération morale, la religion exercera aussi une influence efficace. Ici, je le répète encore, ce n'est pas le raisonnement qui peut trouver accès dans l'esprit des Annamites. Pour eux, le christianisme ne saurait être lumière, il ne peut être que sentiment; ses hautes spéculations métaphysiques, sa grandeur morale leur échappent, l'élévation des devoirs qu'il impose leur reste inaccessible. Il ne peut pénétrer chez eux que par son côté touchant, les attirer que par ses promesses et ses mystiques espérances, les séduire que par les consolations qu'il apporte à ces déshérités de la civilisation asiatique, par l'idée de charité surtout qu'il vient leur présenter comme la panacée de toutes leurs souffrances. Il est chez les Annamites certaines croyances douces et mélancoliques, telles que le culte de la vieillesse et l'adoration des ancêtres, dont le christianisme, qui comprend toutes les poésies et les contient toutes en les ennobliant, peut merveilleusement s'emparer comme d'un point de contact et d'une transition facile pour les élever jusqu'à lui et les soumettre à sa bienfaisante influence.

Mais en matière religieuse comme en matière sociale, il est des susceptibilités et des défiances qu'il importe de ne pas éveiller. On doit se souvenir que le christianisme n'a pas de patrie, n'appartient à aucune nation, obéit indiffé-

remment à tous les princes de la terre. Son action doit donc s'exercer en dehors de tout appui systématique, de toute pression gouvernementale. Le plus strict équilibre doit être maintenu entre nos sujets chrétiens et nos sujets bouddhistes. La religion y gagnera certainement en autorité et en respect, et son influence, son efficacité pour cette œuvre de régénération morale à laquelle elle est appelée en Cochinchine ne peuvent exister qu'à cette condition.

En indiquant la progression des idées et des faits qui, sous une administration intelligente et paternelle, doit se produire au sein des populations annamites, je n'ai pas voulu faire un tableau de fantaisie : j'ai simplement essayé de dépeindre les germes qui semblent s'en développer partout où ces populations ont été placées dans les conditions que j'ai indiquées. Trois ans à peine se sont écoulés depuis que nous avons définitivement pris possession des rives du Dongnaï, une année seulement nous sépare des derniers troubles, et cette année de tranquillité a suffi pour réparer une partie des maux de la guerre et assurer fortement notre domination ! Aujourd'hui, les impôts rentrent sans difficultés, nos ordres se transmettent facilement sur tous les points du pays et sont exécutés avec promptitude. Les exactions commises par des subalternes sévèrement réprimées, la reconnaissance de tous les droits de propriété, le maintien des coutumes, font croire à notre bienveillance et démentent les fables ridicules répandues à dessein par les auteurs de l'insurrection. Ceux-ci, qui, il y a dix-huit mois, couraient le pays en toute sécurité, forts de la sympathie secrète de tous, trouvent difficilement aujourd'hui un asile sûr. Les nombreuses offrandes volontaires, les

adhésions qu'ils trouvaient alors, ne s'obtiennent plus maintenant que de la crainte qu'inspirent leurs menaces de vengeance. Symptôme plus significatif encore, quelques-uns d'entre eux ont été livrés par les villages mêmes où ils s'étaient réfugiés.

Je me hâte d'ajouter que, malheureusement, il est loin d'en être partout ainsi. Dans les arrondissements plus éloignés du centre de la colonie et où l'insurrection a pu s'établir un instant d'une manière plus complète, les défiances et les difficultés que je signalais en commençant existent dans toute leur force. Les chefs rebelles ont conservé tout leur prestige de lettrés et de mandarins, et ne sont point encore descendus, comme ailleurs, au simple rang de pirates et d'assassins vulgaires. On comprend combien il importe que, là, une répression implacable vienne soustraire à leur influence des populations placées ainsi entre deux lois et deux autorités, et fasse définitivement pencher la balance du côté de l'une d'elles. Que les Annamites soient pleinement rassurés contre tout retour possible de l'ancien état de choses, qu'on les convainque par des preuves irrécusables de la stabilité de notre établissement parmi eux; et alors, s'inclinant devant le fait accompli avec la passivité naturelle à leur race, ils se rallieront franchement à nous, et tout mobile sérieux d'insurrection sera à tout jamais anéanti. Mais qu'on se les représente aujourd'hui, sous le coup d'affirmations réitérées de l'évacuation prochaine des trois provinces françaises, travaillés de deux côtés à la fois, à l'est et à l'ouest, par les mandarins des provinces annamites, enserrées pour ainsi dire dans un réseau fluvial ennemi, où chaque rencontre

est un danger, et l'on s'expliquera sans peine pourquoi ils ne viennent à nous qu'en regardant en arrière, pourquoi ils ouvrent les mains et partagent leurs cœurs des deux côtés à la fois.

Cette situation géographique de nos trois provinces, source future de nombreux conflits avec la cour de Hué, si nous les conservons telles quelles, frappe beaucoup les Annamites eux-mêmes. « Si vous voulez que nous devenions Français, disent les plus intelligents d'entre eux, prenez encore Ving-long, Ha-Tien, An-Giang, fermez l'étroite frontière de Hué du côté de Bariah, et, délivrés de tout contact étranger, de toute excitation séditeuse, n'ayant plus à craindre ces menaces occultes qui assiègent aujourd'hui tous ceux qui se soumettent, nous serons à vous sans arrière-pensée. »

Telle est l'analyse rapide des obstacles que nous rencontrons en Cochinchine et des moyens qui s'offrent à nous pour les vaincre. Elle me semble prouver que, si nous le voulons, nous pourrions un jour nous appuyer ici sur des populations franchement ralliées au drapeau et à la civilisation de la France. Ne raisonnons pas avec cette impatience qui nous fait devancer l'époque où l'on peut espérer des résultats et qui veut recueillir avant d'avoir semé. Comparons à la conquête de la Cochinchine toute autre de même nature tentée par les nations les plus vantées pour leur génie colonial, et nous ne trouverons partout, au bout d'une période de trois ans, que confusion, révoltes, désorganisation complète, ruine momentanée.

II

Après avoir montré que la conquête définitive et la colonisation de la Cochinchine ne rencontraient, de la part de ses habitants, que des obstacles relativement légers, et aboutiraient, dans un laps de temps assez court, à un état de choses satisfaisant et durable, il importe d'étudier les conséquences qui peuvent en découler pour notre influence et notre commerce dans l'Asie orientale. En d'autres termes, pour justifier notre prise de possession, il faut mettre en balance les sacrifices qu'elle exige et les résultats qu'elle promet.

Je ne m'arrêterai pas à vanter la position de notre colonie et de son port principal, Saïgon, par rapport au bassin général des mers de Chine et à leur circulation commerciale. Tout a été dit à cet égard, et je crois que personne n'en conteste la merveilleuse commodité. Le jour où nous aurons doté Saïgon de bassins de radoub — et il est malheureux qu'on en soit encore à le désirer — ce sera le rendez-vous presque universellement choisi par les nombreux navires qui commercent entre la Chine et l'Inde. Placé à mi-distance de Singapour et de Hong-Kong, à soixante-douze heures postales de l'un et de l'autre de ces marchés, qu'il est appelé à dominer tôt ou tard, son immense avenir commercial ne saurait être douteux.

Notre nouvelle colonie, située sous un climat qui y développe toutes les richesses végétales des tropiques, est

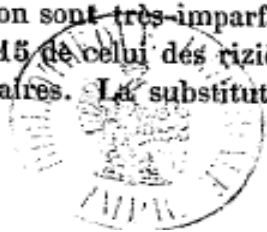
habitée par une population dense et laborieuse, éminemment productive quand elle est bien dirigée. La nature spéciale de son sol fait de la Cochinchine française le magasin inépuisable d'où tous les pays environnants tirent le riz, cette denrée alimentaire de première nécessité pour les races asiatiques. Outre la production de cette céréale, qui suffirait à elle seule pour donner une valeur immense à ce pays favorisé, il est encore d'autres précieuses ressources qui doivent dès aujourd'hui entrer en ligne de compte et dont quelques-unes sont appelées à un développement considérable. Je citerai le tabac, le coton, le sucre, la soie, l'indigo, les bois de construction, les salines, les plantes oléagineuses et tinctoriales, différentes épices ou aromates.

Le pays, coupé d'une foule de canaux naturels qui facilitent les communications et favorisent tous les échanges, se divise en zones parfaitement caractérisées, où chaque espèce de culture s'indique pour ainsi dire d'elle-même. Cette appropriation du sol en créant partout, pour les habitants, des aptitudes naturelles et des connaissances spéciales, aidera singulièrement à l'accroissement de ses richesses et à l'amélioration de ses produits. On n'a pas à craindre ici ces tâtonnements qui font perdre un temps précieux et des capitaux considérables; ni, je crois, ces obstacles inattendus contre lesquels, comme à Ceylan, par exemple, viennent échouer l'industrie la plus patiente et les plus laborieux efforts. Dans de pareilles conditions, ce que l'impulsion européenne peut faire naître de richesses au sein de nos trois provinces est incalculable. Des débouchés nombreux élevant le prix des pro-

duits du sol et promettant aux Annamites des bénéfices considérables, dont ils ne seront plus frustrés par l'entremise obligatoire du mandarin, un transport commode, des marchés immédiats et d'une réalisation facile décupleront l'activité intérieure du pays. En même temps, l'introduction de procédés de culture plus parfaits et plus rapides féconderont à l'infini les résultats de cette activité.

Mais j'ai hâte de quitter ces généralités pour préciser, à l'aide de chiffres, les ressources actuelles de la Cochinchine. Par ce qu'elles sont aujourd'hui, au milieu des circonstances que l'on connaît, on pourra préjuger de ce qu'elles pourront devenir dans des conditions plus normales.

L'étendue de terrain cultivée en riz dans les trois provinces que nous occupons est actuellement de 103,000 hectares. Cette quantité de rizières fournit, année très-moyenne, 210,000 tonneaux de riz cargo qui représentent une valeur locale d'environ 33,000,000 de francs. En faisant une part très-large à la quantité nécessaire pour la nourriture de la population, l'impôt et les semailles, notre colonie peut livrer facilement au commerce extérieur 100,000 tonneaux environ de sa récolte annuelle. Cette quantité tend à s'augmenter beaucoup par le retour à la culture des terrains abandonnés depuis la guerre, et dont la superficie dépasse 80,000 hectares, et par l'amélioration d'une certaine catégorie de rizières dont les procédés d'irrigation sont très-imparfaits et dont le rapport n'est que les 6/15 de celui des rizières placées dans les conditions ordinaires. La substitution de moyens mécaniques au



mode actuel de récolter et de décortiquer le riz accroîtra également le rendement des terres dans une proportion très-notable.

L'extension de la culture du riz a été la seule encouragée par le gouvernement annamite, qui avait besoin de cette céréale pour les provinces du nord et du centre de l'empire, impuissantes à se suffire à elles-mêmes. L'exploitation de toutes les autres sources de richesse du pays n'a jamais dépassé ce qui était strictement nécessaire à la seule consommation locale. L'appât du lucre ne pouvait tenter le cultivateur ou l'industriel, auquel le mandarin reprenait d'une main ce qu'il recevait de l'autre. Aussi des branches fécondes de revenu sont-elles restées stériles, grâce à ce système d'isolement dont se précautionnent tous les gouvernements de l'extrême Asie. C'est ce qu'expliquera la modicité des chiffres qui vont suivre, par rapport à ceux déjà donnés. Tels qu'ils sont cependant, ils méritent une attention sérieuse.

Le tabac est cultivé en Cochinchine sur une étendue d'environ 4,000 hectares produisant près de 3,000 tonnes de feuilles dont la valeur sur place est de 4,200,000 francs. Sa manipulation améliorée lui donnerait sans doute une valeur commerciale considérable, car il a été classé immédiatement après celui de Manille, parmi les tabacs du bassin des mers de Chine. Tel qu'il est, préparé très-imparfaitement, il est préféré par beaucoup d'Européens aux tabacs de France. En tous cas, il y a là une source d'approvisionnement qui n'est à dédaigner ni pour sa qualité, ni comme prix d'achat, pour nos manufactures impériales.

Le coton n'a environ dans nos trois provinces qu'un lot de 2,500 hectares ; sa culture, très-disséminée, donne des résultats difficiles à évaluer d'une manière précise. En indiquant 3,500 tonneaux comme chiffre de production, et trois millions pour la valeur du capital représenté par la récolte, je crois rester beaucoup au-dessous de la vérité. Le coton alimente un commerce de cabotage entre les provinces du nord et la Basse-Cochinchine, et certaines qualités se vendent à Canton vingt pour cent plus cher que le coton du Bengale. Sa production est susceptible d'un immense développement, et surtout d'une amélioration considérable.

La canne à sucre a environ la même superficie que le coton. Son rendement s'élève à 7,500 tonneaux de sucre, dont une partie s'exporte également dans le nord par jonques et barques de mer. Cette quantité représente une valeur de quatre millions.

L'opinion s'est préoccupée en France des ressources séricicoles de notre colonie. On peut dire qu'elles n'existent encore qu'à l'état de germe.

L'industrie des vers à soie, très-populaire en Cochinchine, s'exerce pour ainsi dire nulle part et partout. En aucun endroit on ne pourrait trouver réunis tous les éléments nécessaires à une grande exploitation. Celui qui cultive le mûrier n'élève pas les vers, et réciproquement. Chaque case annamite est souvent le siège d'une petite magnanerie dont la production atteint à peine quelques livres de soie. Les procédés du tissage sont primitifs. La couleur des cocons est jaune ; ils sont un peu grossiers et donnent environ chacun 0^m,4 de fil. La série des opéra-

tions qui constituent l'élevage du ver et la production des cocons et de la graine s'accomplit en une période de quarante-cinq à cinquante jours. Les œufs ne peuvent se garder que dix jours; ils éclosent au bout de ce temps. Les vers peuvent se reproduire toute l'année.

Les trois provinces cultivent 2,000 hectares de mûriers et donnent environ 6,000 kilogrammes de soie brute, valant 240,000 francs. Le nord de l'Annam importe une certaine quantité de soie à Saïgon.

A ces exploitations il faut en ajouter de moins importantes, telles que celle de l'indigo que l'on cultive dans la province de Bien-Hoa sur une superficie de 400 hectares; celle des salines dans le district de Ba-riah, qui occupe environ 500 hectares et produit 70,000 tonneaux de sel d'une valeur de 1,200,000 francs. Cette denrée est surtout utile comme moyen de commerce avec les populations nomades de l'intérieur et de la vallée du Mei-Kong, qui sont totalement dépourvues de cet indispensable condiment. Les légumes secs, le bétel, l'areck, beaucoup de bois de teinture, alimentent les transactions intérieures soit avec les provinces annamites de l'ouest, soit avec le Cambodge. Le poisson salé, qui avec le riz et le maïs constitue la base de l'alimentation de toute la population, les bois de construction, les matières animales, les cordages fabriqués avec le bambou et le cocotier, les sacs de riz, les aromates, le thé, qui est de qualité bien inférieure à celui de Chine, etc., etc., complètent la liste des objets d'échange entre les populations indigènes de cette partie de l'Indo-Chine.

Pour ne pas tomber dans d'arides détails, je résumerai

dans le tableau suivant les principales productions de nos trois provinces :

DEVIÈRES.	TERRAINS qu'elles occupent en hectares.	QUANTITÉS produites en kilogram.	VALEUR locale en francs.	OBSERVATIONS.
Riz.....	105.000	210.000.000	35.000.000	La quantité en poids représ. du riz cargo.
Tabac.....	4.000	5.000.000	1.200.000	Feuilles séchées.
Coton.....	2.500	3.500.000	3.000.000	Coton égrené.
Canne à sucre.....	2.500	7.500.000	4.000.000	Cassonade.
Mûriers.....	2.000	6.000	240.000	Soie brute.
Salines.....	500	70.000.000	1.200.000	Sel brut.
Indigo.....	400	500.000	200.000	
Bétel.....	200	3.000.000	1.200.000	Des feuilles fraîches.
Légumes, thé, pâsta- che de terre.....	?	1.000.000	4 500.000	Cultures en jardin difficiles à estimer comme étendue.
Aréquiers.....	3.000.000 pds	"	3.000.000	Les fruits se vendent par grappes et non au poids.
Cordages.....	?	1.500.000	300.000	
Pêcheries.....	"	?	1.000.000	
Matières tinctoriales.	"	200.000	160.000	Bois de teintre, gam- bier, cochenille, etc.
Graines oléagineuses, huiles.....	"	800.000	200.000	
Matières animales...	"	1.000.000	500.000	Peaux, cornes, ivoire.
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	
	117.000	304.006.000	56.000.000	

Je n'ai fait entrer dans ce tableau que les matières pouvant alimenter le commerce d'exportation. Les bois de construction n'ont pu y figurer, quoiqu'ils représentent une valeur très-considérable, leur exploitation ne s'étant pas encore établie sur des bases régulières. Je dirai seulement qu'en 1863, six navires ont été chargés de bois pour Shang-Hai, et que la variété comme la beauté des

essences que possède le pays feront de la coupe de ses forêts l'une des plus riches branches du revenu public.

On voit qu'en ajoutant aux terrains en culture les 80,000 hectares qui retourneront dans un laps de temps quelconque à l'ensemencement du riz, on arrive à peu près à une étendue de 2,000 kilomètres carrés pour les terres mises en valeur. En ajoutant à ce chiffre 500 kilomètres carrés pour les cultures en jardin, dont la division excessive n'a pas permis de tenir compte dans le tableau précédent ; 2,000 kilomètres carrés pour l'espace occupé par les cours d'eau, les marais, les routes, les édifices, etc., on n'arrive encore qu'à un total de 4,500 kilomètres carrés. Or, la superficie de nos trois provinces s'élève à environ 8,000 kilomètres carrés. Il se trouve donc 3,500 kilomètres carrés en friches ou en forêts qu'il appartient à l'avenir de notre colonie de mettre en valeur. Ces terrains occupent principalement le nord des provinces de Giadinh et de Bien-hoa, c'est-à-dire la partie la plus belle et la plus pittoresque de la Cochinchine française. Le sol, plus élevé et moins facilement arrosable que celui de la partie méridionale, n'a pas permis d'y introduire la culture du riz, telle au moins que la pratiquent les Annamites, et nous avons vu qu'en dehors de cette culture toutes les autres richesses du pays étaient demeurées à l'état de germe, malgré ses merveilleuses facilités de production. Ce serait donc dans cette région septentrionale surtout, si fertile et si salubre, que l'exploitation du coton, du tabac, du sucre, du mûrier, pourra recevoir les immenses développements qu'elle attend encore aujourd'hui.

Qu'on ne dise pas que les bras manqueront pour cette besogne. La population actuelle de notre colonie s'élève, d'après les calculs les plus sérieux, à 1,400,000 habitants; son chiffre normal est d'environ 1,400,000, et si notre établissement se fonde d'une manière durable, si la paix est assurée d'une façon définitive, elle reviendra de nouveau à ce chiffre dans un temps très-prochain. On peut donc admettre en Cochinchine 160 habitants par kilomètre carré, chiffre supérieur à beaucoup de pays européens. Il faut remarquer, en outre, que les habitants sont tous ici adonnés aux travaux agricoles, et que les professions ouvrières, la population commerciale, appartiennent presque entièrement à l'émigration indienne ou chinoise.

Ainsi, non-seulement nous n'avons pas à craindre en Cochinchine le manque de bras, mais encore pourrions-nous en fournir, et en fournissons-nous déjà à notre colonie de Bourbon.

Je ferai observer également que tous les chiffres que j'ai donnés ne sont que des minima d'où non-seulement toute exagération, mais encore tout résultat un peu douteux, ont été soigneusement écartés. En se rappelant ce que j'ai dit de l'état d'avortement et d'imperfection où le régime annamite a laissé toutes les cultures, en tenant compte du terrain en rizières qui s'ajoutera prochainement à la production, on ne trouvera sans doute pas exagéré le chiffre de 200 millions pour la valeur annuelle des denrées que nos trois provinces, une fois cultivées, pourront faire entrer dans le courant de l'exportation.

Voyons maintenant quelle a été jusqu'aujourd'hui la mise en œuvre de ces ressources par le commerce euro-

péen. Je ne parlerai pas des premières années de la conquête, où des circonstances trop particulières influent sur les résultats obtenus et ne les rendent pas comparables entre eux ; par exemple, de l'année 1860, où la famine de l'Inde fait exporter 55,000 tonneaux de riz malgré le blocus de Saïgon par les Annamites et des droits exorbitants ; de 1861, où, en pleine guerre, la diminution des droits maintient à peu près le même mouvement commercial ; de 1862, où l'insurrection éclate au moment de la récolte et en anéantit la plus grande partie. Quoique 1863 se resente encore beaucoup de cet état de choses, nous trouvons déjà un mouvement de 75,000 tonneaux pendant l'année. Les réclamations des populations obligent le gouverneur à défendre momentanément au mois de novembre l'exportation des riz. Mais une récolte ordinaire accomplie dans des circonstances paisibles semble faire rentrer le pays dans des conditions plus normales et plus régulières de commerce extérieur. On lève le 1^{er} janvier la prohibition prononcée, et malgré les fâcheux effets qu'elle avait eus au dehors, voici quel est le mouvement maritime du 1^{er} trimestre de 1864 :

Entrées dans le port de Saïgon, du 1^{er} janvier au 1^{er} avril : 26,063 tonneaux répartis entre 75 navires différents, montés par 2,105 hommes d'équipage ; 10,332 tonneaux sous pavillon français.

Sorties entre les mêmes dates : 24,898 tonneaux répartis entre 73 navires différents, montés par 1,611 hommes d'équipage ; 11,294 tonneaux sous pavillon français.

Le mouvement total se répartit sur 86 navires diffé-

rents, jaugeant ensemble 29,000 tonneaux, dont 17 navires français et 5 vapeurs. Ceux-ci représentent un tonnage de 7,323 tonneaux.

A ces chiffres, il faut ajouter 7 à 8,000 tonneaux pour le cabotage très-actif que les barques de mer font le long de la côte depuis Haï-nan jusqu'à Saïgon. Elles nous apportent de la soie, de la chaux, du poisson salé, du mocman (pots d'eau de poisson salé), etc., et remportent du riz, du sucre, du coton, des paillottes, etc.

On arrive donc, pour le chiffre des exportations, à un total de 32,000 tonneaux; il faut retrancher environ 6,000 tonneaux des 7,323 que représente la navigation à vapeur, et on obtiendra 26,000 tonneaux pour le chiffre réel des marchandises livrées par notre colonie au commerce extérieur.

Ce chiffre se décompose comme il suit ¹ :

Denrées.	Tonnage.	Valeurs.
Riz.	23,000 t.	3,700,000 fr.
Sucre.	1,000	640,000
Bois de construction.	300	60,000
Matières animales.	100	50,000
Treck et bétel.	400	250,000
Sacs de riz et paillottes.	700	50,000
Divers (indigo, poivre, cordes, bois de teinture, etc.).....	500	250,000
Totaux.	26,000 t.	5,000,000 fr.

1. Je dois expliquer quelques anomalies que semblent présenter les chiffres que je donne : on peut trouver extraordinaire que 75 navires à l'entrée donnent 2,103 hommes d'équipage, tandis

Cet état de choses, qui semble constater une prospérité relative, n'est encore, cependant, que l'expression d'un état de souffrance très-réel. Les navires manquent en rivières, comme on pouvait le prévoir à la suite de la fermeture du port en novembre et décembre passés. Les riz s'accumulent à Saïgon et dans la ville chinoise de Cho-leen ; leur prix, d'abord de 12 fr. le pikul (unité d'environ 122 livres), s'est abaissé jusqu'à 9 ; les frets, au contraire, se sont élevés d'une manière fâcheuse.

Le 1^{er} avril, le stock de Cho-leen, qui est le centre com-

que 73 à la sortie n'en ont que 1,611. Cette différence tient à ce que la mousson de N.-E. amène à Saïgon, dans cette période, un grand nombre de jonques chinoises dont l'équipage est en général le décuple de celui d'un navire européen de même tonnage. Le nombre de marins s'en accroît donc considérablement. Les 73 navires de la sortie, étant tous européens, présentent au contraire un nombre d'hommes beaucoup moindre.

Parmi les 5 vapeurs entrés dans le trimestre, 4 appartiennent au service des Messageries Impériales. Ils augmentent la part du pavillon français dans le mouvement commercial au delà de la vérité. Le tonnage réellement marchand de ce pavillon n'est guère que de 5,000 tonneaux à l'entrée et de 6,000 à la sortie.

Le total et sa répartition que je donne des exportations diffèrent en quelques points des chiffres officiels que donnera ou qu'a donnés le journal de la colonie. Cette différence, qui provient surtout de l'estimation du cabotage, tient à ce que l'on se base uniquement sur le mouvement et le transit par Saïgon pour établir les tableaux de statistique. Beaucoup de transactions intérieures échappent ainsi à l'observation. C'est par l'étude des différents stocks de l'intérieur, surtout de celui de la ville chinoise de Cho-leen, que je suis arrivé aux chiffres ci-dessus, et que je crois aussi approcher de la vérité autant que possible.

mercieral le plus important de nos trois provinces, se trou-		
vait être : en riz, de	20,000	tonneaux.
Légumes secs	1,000	«
Divers (surtout bois de teinture)	1,500	«

On attendait des arrivages considérables de coton du Cambodge et de la province de Bien-Hoa; le riz continuait à s'accumuler par les convois qui parvenaient incessamment de l'intérieur, dans une proportion de 3 à 6,000 pikuls par jour, c'est-à-dire environ le chargement d'un navire ordinaire. On peut espérer que cette situation une fois connue fera affluer les bâtimens dans la rade de Saïgon. En préjugant du mouvement général de l'année d'après le 1^{er} trimestre, on reste par conséquent dans des limites très-modérées qui doivent approcher de la vérité autant qu'il est possible en de pareils calculs. On trouve, en effet, de cette façon une exportation de 104,000 tonneaux, dont 92,000 en riz. Or, nous avons vu qu'on pouvait évaluer à 100,000 tonneaux la quantité de cette denrée qu'une récolte pouvait livrer à l'extérieur. On peut donc espérer voir se réaliser en 1864 une augmentation de plus d'un tiers sur le mouvement maritime de l'année précédente.

La valeur du mouvement d'exportation atteindrait, d'après les mêmes calculs, vingt millions de francs.

Il est plus difficile d'évaluer les importations. Elles sont d'ailleurs d'une importance moins grande, s'il ne s'agit que d'estimer ce que j'appellerai la valeur intrinsèque de notre colonie. Leur développement exige, pour se faire, un temps relativement plus long, et Saïgon sera un mar-

ché de produits français pour toutes les mers de Chine, bien avant de le devenir pour notre colonie elle-même.

Aussi, pour apprécier l'influence de celle-ci sur le mouvement de l'industrie française, il faut tenir compte non-seulement du débouché nouveau qu'elle offre, mais encore de la nouvelle et féconde impulsion qu'elle a imprimée au commerce français à Singapour, à Hong-Kong et à Shang-Haï.

Il y a cinq ans on eût trouvé difficilement sur ces trois marchés des objets de provenance française; aujourd'hui les articles de Paris, la mercerie, les denrées alimentaires françaises les inondent. Nos porcelaines et objets de gamelle se sont même presque entièrement substitués aux produits anglais de même nature.

En 1855, dernier semestre, le mouvement du port de Shang-Haï a été de 564 navires dont 249 anglais, 57 américains, 7 danois, 11 hollandais, 11 hambourgeois, 9 suédois, 3 péruviens, 2 brémois, 6 espagnols, 5 portugais, 4 siamois. On voit que toutes les nations maritimes y étaient à peu près représentées, à l'exception de la France.

En 1863, il est entré dans ce même port 22 navires français.

On relèverait les mêmes résultats à Singapour et à Hong-Kong.

Enfin, si les importations à Saïgon ne s'élèvent qu'à environ 12 millions de francs pour 1863, dont 7 millions de marchandises françaises, les importations françaises dans toutes les mers de Chine ont été de vingt millions pendant la même année, et le commerce total, sous pavil-

lon français, n'a pas représenté un mouvement inférieur à cent millions.

Comme dernier terme de comparaison, en ce qui concerne notre colonie, j'ajouterai que le commerce de l'empire d'Annam tout entier, importation et exportation comprises, avait été évalué, en 1841, année où il fut très-actif, à la somme de trois millions de francs.

Si j'ai bien apprécié les facilités que présentent les populations de la Cochinchine à une prompte et entière soumission, on peut espérer, dans un laps de temps très-court, voir l'occupation armée du pays se réduire à des proportions plus normales et le gouvernement militaire céder la place à une administration civile. Sans méconnaître tout ce que le premier a fait pour la conquête et l'organisation de la colonie, on ne peut nier qu'il ait l'inconvénient d'entretenir toujours une certaine inquiétude dans les esprits ; que les fréquents et inévitables changements qu'il amène dans la direction des affaires, nuisent à leur bonne conduite ; que, trop absolu dans sa manière de voir, il a souvent le tort de vouloir approprier le pays à ses idées, au lieu de modifier celles-ci suivant le pays.

Les opérations militaires en Cochinchine n'ont jamais exigé autre chose que de la décision et de la fermeté, et l'on a toujours vu sa population, peu guerrière, céder à une première démonstration¹. Tâchons donc de profiter de cette pacification facile et prochaine qui abrège ici, pour nous, ces longs travaux de conquête qui ont tant nui

1. Je ne parle pas, bien entendu, de la conquête elle-même.

à l'Algérie, et faisons succéder le régime civil au régime militaire, dès l'établissement complet de notre autorité sur ces régions. Ce sera passer du transitoire au stable, du momentané au définitif, faire cesser toutes les hésitations du commerce et donner un nouvel essor aux entreprises européennes.

Malgré les systèmes chancelants qui se sont succédé tous les dix-huit mois en Cochinchine, malgré les mesures contradictoires, les résolutions prématurées, les entraves involontaires imposées à toutes les initiatives, notre colonie a une force de vitalité si grande que l'on peut dire d'elle ce que l'on disait de l'Italie : *Fara da se*. En l'espace de deux ans, deux cents ¹ maisons européennes se sont élevées à Saïgon, qui renaît comme ville française, des ruines de la ville annamite; elles y constituent un capital de près de 4 millions, la valeur du terrain non comprise. Le commerce essaie de suppléer à l'insuffisance des travaux entrepris par l'État, en fondant une compagnie pour le creusage de bassins de radoub; un service postal à vapeur s'organise entre Singapour et Saïgon pour remplacer le courrier trop irrégulier et trop éventuel fait mensuellement par les navires de guerre, en sus du Courrier français des Messageries Impériales. Des industries mécaniques, des exploitations de bois se fondent. Quelques colons de Bourbon, frappés des facilités de transport que le pays présente et qui économiseraient ces nombreux mulets

1. Au 1^{er} mars, 177 maisons couvertes en tuiles, 147 paillottes (dépendances, etc.). Au 1^{er} mai, la première catégorie dépasse 200 de beaucoup.

et ces charrois qu'une exploitation de cannes est obligée d'entretenir à la Réunion, songent à fonder des sucreries. Des concessions pour la culture du tabac sont en marché. L'industrie de la soie est sérieusement à l'étude. Tout progresse, se développe au milieu de circonstances peu heureuses et de tiraillements fâcheux. Le nombre des Européens à Saïgon égale et dépasse même celui de Singapour, qui a près d'un demi-siècle d'existence. Ne sont-ce pas là des témoignages irrécusables des germes de richesse et de fécondité que la nature a déposés dans cette partie de l'Indo-Chine, et ne les voyons-nous pas fructifier plus rapidement qu'on n'eût pu s'y attendre ?

III

Tel est le présent de la Cochinchine française. — On voit qu'il contient déjà plus que des promesses, qu'il permet de prédire son avenir avec certitude. Qu'on n'oublie pas, je le répète, que nous sommes au lendemain de la conquête et que dans la vie d'un peuple les années sont à peine des heures.

Les ressources de notre colonie, les éléments qu'elle offre à un commerce considérable, sont déjà tels que de leur seul développement on peut espérer pour elle les destinées les plus prospères et les plus fécondes. Mais en dehors des richesses qui lui sont propres, il en est d'autres dont je n'ai pas encore parlé et que l'augmentation pro-

gressive de notre action sur ces contrées lointaines amènera tôt ou tard dans la sphère de notre activité : en effet, qu'on réfléchisse un instant à la position de Saïgon, qui est en communication fluviale avec tous les cours d'eau importants de l'Indo-Chine, et par suite le débouché naturel de tous les produits de cette immense région; qu'on interroge le parcours de ces fleuves gigantesques, qui descendent du plateau du Thibet en traversant l'une des parties les plus peuplées de la Chine; qu'on essaie de mesurer les richesses inconnues enfouies dans leurs vallées et les montagnes qui les enserrent. S'il faut en croire les récits des voyageurs, celles-ci contiendraient des populations actives et industrieuses en relations commerciales avec le Céleste-Empire. Ce qu'il y a de certain, c'est que la province chinoise du Yunnan envoie chaque année de nombreux travailleurs pour exploiter les mines d'ambre, de serpentine, de zinc, d'or et d'argent que recèle le cours supérieur du Cambodje. Les nombreuses tribus comprises sous l'appellation encore mal définie de Laos produisent, dit-on, des quantités considérables de coton, de riz et de soie qui s'exporteraient en Chine, en échange de produits manufacturés. Les qualités supérieures de laque, la cire à péla, la rhubarbe que la Chine vend si cher à l'Europe, auraient leur gisement dans cette région inexplorée, où les naturalistes sont fondés à supposer par analogie toutes les richesses végétales de la flore de l'Himalaya. Ainsi, l'arbre à gutta percha (*Inosandra percha*), l'arbre à encens (*Poswellia surata*), le styrax qui produit les huiles volatiles de styrax et de benjoin, l'anis, le panax-genseng, dont la racine est si recherchée par la

médecine asiatique, toutes les essences précieuses de bois, etc., etc., doivent se trouver dans cette zone favorisée, où l'on signale d'ailleurs la plupart des branches de commerce qui résultent de ces productions.

Jusqu'ici les préoccupations de la guerre et de notre installation en Cochinchine n'ont pas permis l'étude géographique et statistique des pays inconnus qui l'environnent. A une très-faible distance de nos frontières actuelles du côté du nord cessent tous les renseignements, règne l'obscurité la plus grande. Il n'y a rien de chimérique à supposer que le jour où l'on aura pénétré ce chaos et créé des relations pacifiques avec ces riches régions, la route si commode et si sûre que crée le Cambodge entraînera vers notre établissement tous les produits qui dévient aujourd'hui vers la Chine. Un grand centre commercial exerce toujours une attraction infaillible, et les produits manufacturés européens se substitueront, avec avantage dans les échanges, à ceux du Céleste-Empire.

Ainsi se trouveraient résolues les questions que posait en 1850 un diplomate distingué en mission dans les mers de Chine ¹ et qu'on ne relira peut-être pas sans intérêt :
« Quel est aujourd'hui, écrivait-il, le sort des tribus dis-
« persées sur les bords du Mei-Kong? Quel avenir est
« réservé à ces peuples si longtemps opprimés et que le
« contact des Européens peut seul initier aux bienfaits
« de la civilisation et du commerce? Ce sont des questions,
« ajoutait-il, dont la solution semble appartenir plus par-
« ticulièrement à l'Angleterre, dont les établissements

1. Dubois de Jaucigny.

« dans le Ténasserim et la péninsule malaise ne sauraient
« atteindre le développement et la prospérité auxquels ils
« sont appelés par la force des choses, sans que les grands
« fleuves qui arrosent l'Indo-Chine ne satisfassent enfin
« à la haute destination qui leur est assignée par la nature
« comme moyen de communication et de transport. »

Le Yang-tse-Kiang, cette immense artère qui traverse la Chine dans sa plus grande dimension, sort du même plateau montagneux que le Cambodge. Ces deux fleuves coulent parallèlement à une très-faible distance l'un de l'autre, et certaines relations supposent même qu'un canal les unit. Il suffit de jeter les yeux sur une carte pour juger de l'importance de cette route fluviale intérieure qui parcourrait sans discontinuer, au travers du plus riche empire du globe, une étendue de près de quinze cents lieues.

On voit quelle serait la nature des recherches à faire pour apprécier complètement la valeur de la position de Saïgon comme tête de ligne d'un aussi prodigieux réseau commercial, et le gouvernement ne tardera pas sans doute à provoquer des études dans ce sens. Mais en dehors de cette partie hypothétique de la question, il est des communications certaines qui viennent accroître l'importance de Saïgon comme entrepôt des productions d'une certaine région de l'Asie. Le golfe de Siam ne présente aucune rade qui puisse rivaliser de position avec la sienne; en dehors de la route des navires qui vont en Chine, les atterrages qu'il présente sont d'ailleurs plus difficiles et plus dangereux. D'un autre côté, les canaux intérieurs donnent des facilités si grandes pour faire aboutir à Saïgon

tous les convois de marchandises, qu'il ne saurait y avoir d'hésitation, sur le point de chargement que choisira le commerce. Ainsi les riz, les cotons, les bois de mât, l'ivoire du Cambodge, la cannelle des provinces centrales, les métaux précieux et la soie du nord viendront s'ajouter aux ressources locales de la basse Cochinchine et faire de notre colonie un puissant contre-poids à l'influence envahissante des Anglais du côté du Birman. Il nous suffira de peu d'habileté pour faire rentrer dans notre système et conquérir complètement à notre alliance le royaume de Siam et l'empire d'Ava. Par sa position, le Cambodge est déjà inévitablement placé sous notre protectorat et un traité ratifié en France vient d'en régler toutes les conditions. On peut prévoir déjà la marche rapide et pour ainsi dire fatale de notre pavillon dans cette riche presque si heureusement placée entre la Chine et l'Inde. Je me hâte d'ajouter que cette marche doit toujours rester pacifique, à partir du moment où nos possessions en Annam auront atteint l'assiette la plus normale et la plus stable.

Si l'on examine un instant l'état actuel de cet immense empire chinois que menace une dissolution prochaine, on ne pourra s'empêcher d'être frappé de l'importance de l'événement qui mettra en demeure 400 millions d'hommes d'entrer enfin dans le courant général de l'humanité. En songeant aux immenses ressources et à l'industrie prodigieuse de ce peuple, on convient facilement que les éléments nouveaux qu'il introduira dans la circulation amèneront une révolution complète dans les conditions d'échange, de tarif et de travail auxquelles sont assujetties aujourd'hui les nations civilisées. Il est donc indispensa-

ble que la France suive d'un œil attentif les progrès et les péripéties de la lutte dont la Chine est le théâtre, afin d'en diriger la marche de la façon la plus avantageuse pour ses nouvelles possessions.

Cette crise momentanée exerce un contre-coup funeste sur les marchés européens de la Chine. Déjà Shang-Haï, après avoir pris un essor prodigieux, voit s'arrêter soudain son développement sous l'influence des événements politiques. Si l'empire chinois s'écroule, ses ruines couvriront de débris une immense étendue et obstrueront un instant les avenues de son commerce. Qui ne voit que Saïgon, seul port européen à l'abri de cette perturbation générale et jouissant d'une tranquillité profonde, est appelé à recueillir les épaves de ce grand naufrage et à s'accroître de tout ce que les autres auront perdu. En communication continentale avec la Chine, il en sera un instant le débouché presque unique, et son commerce atteindra sans doute des proportions que l'on ne peut mesurer à l'avance.

Enfin, aux extrêmes limites de ce monde asiatique, si longtemps rebelle à toute initiation européenne, se trouve encore un empire, le Japon, presque aussi riche, presque aussi important que celui de Chine. A son tour, il songe à ouvrir ses portes, jusqu'ici obstinément fermées, au commerce et à la civilisation de l'Occident, et une ambassade, dont les résultats seront cette fois définitifs, vient de se diriger vers l'Europe en touchant à Saïgon.

Vivement frappés de l'importance d'une possession terri-



qui élève au premier rôle l'influence de la France parages, les membres de cette ambassade se sont

ressouvenus qu'à une époque très-reculée déjà, leur patrie avait eu conscience de l'avenir commercial de la Cochinchine et avait essayé d'y fonder des colonies. Aussi, beaucoup de personnes arguent-elles de l'impression produite, que des communications régulières et directes s'ouvriront un jour entre le Japon et la Cochinchine; ce serait encore bien le moyen le plus prompt et le plus lucratif d'introduire dans la consommation européenne les produits japonais, qui éviteraient ainsi la concurrence des marchés rivaux de Shang-Haï et Hong-Kong.

Ainsi, examinée au point de vue de l'économie générale de la région du globe qui nous occupe, la position admirable de notre colonie fera de son port le plus gigantesque peut-être de l'Asie.

A ce développement de Saïgon, devenu le point central du commerce de l'extrême Orient, ajoutons l'impulsion que donnera soudain au mouvement entre l'Europe et la Chine le percement de l'isthme de Suez; que l'on se représente Marseille devenue par cet accomplissement d'un projet grandiose le rendez-vous de tout le commerce de l'Orient, le point d'où tous les produits de l'Occident rayonneront vers les mers asiatiques. Cette ligne immense qui touche dans son parcours aux contrées les plus riches du monde, qui lie dans un même réseau postal Bombay et Melbourne, Calcutta et Manille, Batavia et Shang-Haï, se trouverait ainsi avoir pour pôles obligés deux ports français, Marseille et Saïgon; pour centre, une terre également française, au moins par le génie qui a su la féconder, l'isthme de Suez.

Ce jour-là, on peut l'affirmer hardiment, le pavillon

de la France, son industrie, son commerce auront acquis une suprématie irrésistible sur l'un des marchés les plus importants de l'univers, celui des mers de Chine; ce jour-là, notre patrie n'aura plus rien à envier aux nations maritimes les plus puissantes, aux commerces les plus prospères. Elle aura reconstruit en entier cet édifice de chimérique splendeur que Dupleix avait rêvé pour elle dans l'Orient et que la lâcheté du gouvernement de Louis XV laissa réaliser au profit d'une nation rivale.

Mais je m'arrête ici au milieu de ces rêves brillants dont l'échafaudage aujourd'hui semble près de s'écrouler. Les bruits fâcheux auxquels j'ai fait plusieurs fois allusion dans le cours de cette étude, ne sont pas sans un fondement réel. Un projet d'évacuation de nos trois provinces va être présenté à la cour de Hué, et le diplomate chargé de cette mission est déjà arrivé à Siam.

Je sais qu'en France l'opinion s'est prononcée contre les expéditions lointaines; mais fort peu éclairée en général sur ce qui se passe dans les pays d'outre-mer, elle ne saurait juger en connaissance de cause l'importance d'une position comme celle de la Cochinchine. Quelques orateurs, à la Chambre, fidèles à un programme politique tracé d'avance, la condamnent sans la discuter; ce qui est pis encore, quelques grandes feuilles la condamnent et la discutent sur des faits erronés et des appréciations partiales. C'est un de ces journaux, *la Patrie*¹, qui annonçait en 1861 que Hué était à 60 kilomètres de Saïgon

1. *Patrie* du 4 ou du 5 avril 1861.

et que la température de février en mai ne dépassait pas en Cochinchine 26° centigrades. S'il a continué depuis à recevoir des informations aussi exactes, on doit moins s'étonner de le voir soutenir la thèse de l'évacuation.

La Cochinchine a coûté beaucoup d'argent — je le sais. — Mais recouvrera-t-on les sommes perdues? — Assurément, non. — En coûtera-t-elle encore — j'ose affirmer que si on le veut, notre colonie peut dès à présent marcher seule. Les recettes de 1863 ont été de 1 million 800,000 francs. Le budget de 1864, fixé à 3,012,719 fr., équilibre dès à présent les dépenses exclusivement locales. Et, chose rare dans un budget, toutes les prévisions de dépenses ont été exagérées, les prévisions de recettes amoindries. Il serait facile de le prouver, chapitre pour chapitre. Si aucune secousse ne vient interrompre le développement régulier du pays, on peut affirmer que les recettes de 1865 seront de 5 millions. Qu'on laisse donc à la colonie le temps d'être vue à l'œuvre avant de la juger définitivement. On a donné trente ans à l'Algérie avant de commencer à lui demander compte du sang et de l'or dépensés, ne donnera-t-on pas trois ans à la Cochinchine, que je n'hésite pas à comparer à notre possession africaine? Comme valeur commerciale, elle la dépasse; comme position, son influence, pour s'exercer sur un théâtre plus éloigné, en est-elle moins considérable?

On peut répondre que si la Cochinchine solde aujourd'hui ses dépenses locales, elle n'en exige pas moins l'entretien onéreux de forces maritimes et militaires. — Mais refusera-t-on l'appui du pavillon à des intérêts français aussi importants? N'a-t-on pas des stations navales pour

protéger des développements commerciaux beaucoup moindres? N'est-il pas d'une saine politique d'avoir sous la main dans les mers de Chine, en prévision *des événements qui peuvent* y surgir, des forces qui puissent au moins rivaliser d'influence avec celles qu'y entretiennent les autres nations maritimes?

Il est un indice certain de la valeur et de l'avenir de notre possession cochinchinoise, c'est la façon dont elle est appréciée par l'Angleterre. Rien de plus clairvoyant que des rivaux pour juger une conquête. Aussi, peut-on lire dans chacun des organes de la Presse anglaise des mers de Chine, des diatribes sans fin sur l'occupation de Saïgon par la France et l'ambition sans frein de celle-ci. — Singulières plaintes en de pareilles bouches! Elles devraient, du moins, nous ouvrir les yeux.

Je ne parlerai pas de la pénible émotion que cette annonce d'évacuation a fait éprouver en Cochinchine à tous ceux qui, d'une conviction unanime et désintéressée, avaient pris confiance dans les destinées de la colonie. On regrettait moins tant de morts douloureuses, tant de pertes sensibles, en songeant qu'elles fécondaient l'avenir. Que d'amertume aujourd'hui dans cette pensée, que tout le sang répandu doit rester stérile!

Je sais qu'en politique on ne sent pas, on raisonne. Je vais donc essayer de combattre par des arguments cette évacuation funeste, et quoique les chiffres que j'ai donnés plus haut et que je défie de contester sérieusement en soient la meilleure réfutation, je vais examiner, dans ses détails, le projet qui va se débattre à la cour de Hué.

Il consiste en la rétrocession aux Annamites du pays

conquis. moins quelques points dont les deux principaux sont Saïgon et Mytho avec un certain territoire à l'entour. Une annuité de trois millions, le protectorat des six provinces, le droit absolu de circulation pour nos nationaux, l'obligation pour le commerce de se faire exclusivement aux deux points cités, sont, si je ne me trompe, les principales conditions de ce pas en arrière ¹.

Quoique les diplomates se fassent, en général, beaucoup d'illusions, ils ne sauraient croire cependant d'une manière absolue à la valeur et à la sincérité d'un traité conclu avec une cour orientale. En éluder les clauses équivaut pour celle-ci à une victoire, et le parti pris, en signant, est d'arriver, à force de torturer la lettre, à une exécution parfaitement contraire à l'esprit. Ce sont là les seuls triomphes que les lettrés et les mandarins annamites puissent songer à remporter.

Et tout d'abord, le nouvel état de choses atteindra-t-il le but d'économie que l'on se propose ?

Je ne le crois pas. — Les frontières à garder seront trois ou quatre fois plus étendues que celles que nous aurions à défendre si nous étions maîtres des six provinces.

La dissémination des postes et leur isolement exigera un service de navires locaux tout aussi dispendieux. Les revenus de notre territoire ainsi réduit s'élèveront à peu près à la seule annuité, c'est-à-dire, seront moindres que

1. Je n'ai pas la prétention d'affirmer que ce soit là le sens littéral ou exact d'un traité jusqu'ici resté secret ; mais je crois être certain qu'à des nuances insignifiantes près, j'indique la portée et l'esprit de cet acte diplomatique.

les recettes actuelles. On aura économisé seulement les sommes affectées au commandement et à l'administration des populations indigènes, fixées à 724,594 francs, que la métropole ne paye même plus aujourd'hui !

Ainsi, nous ne gagnerons rien financièrement parlant, et nous perdrons beaucoup au point de vue commercial. L'erreur des auteurs du traité a sans doute été de croire que Saïgon, dans cette combinaison nouvelle, n'en resterait pas moins le marché général de la basse Cochinchine. C'était compter sans le caractère du peuple auquel on avait affaire. Rêver pour Saïgon un rôle analogue à celui de Hong-Kong serait se préparer de graves mécomptes. Ce qui est possible avec l'esprit si éminemment mercantile des Chinois, devient chimérique dans les pays annamites, où toute initiative commerciale est éteinte et où les transactions se monopolisent entre les mains d'administrateurs cupides. D'ailleurs, ce qui pouvait se tenter, sans compromettre l'avenir, alors qu'on n'occupait que Saïgon, ne se peut plus aujourd'hui sans s'exposer aux plus fatales conséquences. A cette époque, nous avions le prestige éclatant du début d'une conquête pour agir sur les populations environnantes et attirer à nous leurs produits ; maintenant nous n'aurions plus que l'influence amoindrie du conquérant qui se retire et qui subit la défiance et la haine des populations qu'il abandonne.

Qu'on se représente le système annamite réinauguré dans nos trois provinces, qu'on réfléchisse à l'intérêt qu'aura le gouvernement de Hué à éloigner de nous tout mouvement commercial et aux facilités qu'il trouvera pour arriver à ce résultat dans l'immobilité des popula-

tions, tremblant sous une réaction terrible, et l'on ne doutera pas qu'enconragé par une première et immense concession, il n'essaie d'obtenir l'évacuation complète en nous décourageant par l'inutilité de nos tentatives de commerce, par le vide profond qu'il saura faire autour de nous. Il sera inutile d'invoquer le traité : l'habileté mandarine défilera toute preuve de violation directe. D'ailleurs, je le répète, quel autre sentiment que celui de la répulsion pourrions-nous inspirer à des populations ralliées à nous sur la foi de promesses solennelles, le lendemain même oubliées et trahies ? Quel prestige pourrions-nous conserver à leurs yeux qui contrebalançât les menaces occultes et les vengeances effectives de leurs gouvernants ? Nous dominerons à Saïgon et à Mytho sur un désert et les canons de nos blockaus, nous y aurons peut-être de magnifiques arsenaux militaires, mais de ports de commerce, jamais, et il faudra faire venir de France le riz nécessaire à notre consommation.

Je ne raisonne pas sur des hypothèses, mais bien malheureusement sur des faits. En 1860, pendant l'occupation restreinte de Saïgon, des quarante villages qui composaient autrefois la ville, il en restait un seul formé d'habitants catholiques. L'incertitude de notre domination a toujours suffi pour la faire fuir aux Annamites. Pendant que nous étions à Vink-Long, le commerce considérable qui se faisait à 10 milles de la ville au marché de Jadée s'est détourné par un autre bras du fleuve pour se porter à Chaudoc, qui a depuis doublé d'importance.

Toujours et partout, le même système d'isolement employé à notre égard.

En admettant même qu'à force de persévérance, l'activité chinoise intermédiaire entre les Annamites et nous réussisse à établir un mouvement de denrées vers Saïgon, qu'on se rappelle les résultats du gouvernement stationnaire et séquestre des mandarins et ce chiffre de trois millions que j'ai donné plus haut comme représentant le total des importations et des exportations de tout l'empire d'Annam pendant l'année exceptionnelle de 1841. En outre, les nécessités du commerce nous conduiront fatalement à fermer les yeux sur mille empiétements des mandarins, à accepter toutes leurs exigences. Un arrivage de riz attendu nous laissera complètement à leur merci, et de concessions en concessions, nous descendrons inévitablement à ce rôle bas et honteux que les Anglais et les Portugais se sont résignés si longtemps à jouer vis-à-vis de la Chine, pour ne pas voir leur commerce avec elle souffrir d'interruption ¹.

D'ailleurs, en considérant la question à un point de vue plus élevé, un pays comme la France, quand il pose le pied sur une terre étrangère et barbare, doit-il se proposer exclusivement pour but l'extension de son commerce et se contenter de ce mobile unique, l'appât du gain ? — Cette nation généreuse dont l'opinion régit l'Europe civilisée et

1. Consulter à ce sujet la *Question chinoise*, *Revue des Deux-Mondes*, juin 1857, et le *Voyage en Chine*, de M. Jurien de la Gravière. Ils sont remplis du récit à peine croyable des humiliations subies par ces deux nations, jusqu'à ce que l'Angleterre se décidât à la fameuse guerre de 1840. On se rappelle d'ailleurs l'assassinat resté à peu près impuni du gouverneur Amaral à Macao, en 1848.

dont les idées ont conquis le monde, a reçu de la Providence une plus haute mission, celle de l'émancipation, de l'appel à la lumière et à la liberté des races et des peuples encore esclaves de l'ignorance et du despotisme. Éteindra-t-elle en ses mains le flambeau de la civilisation vis-à-vis de ces ténèbres profondes de l'Annam ? fermera-t-elle les yeux devant cette misère immense ? renoncera-t-elle à la plus belle partie de son œuvre ? et, subissant la fatalité de la position qu'elle se sera faite, au lieu de régénérer les populations, en arrivera-t-elle comme l'Angleterre à ne se servir de ses armes que pour les forcer à accepter l'empoisonnement de l'opium ?

On voit qu'ici notre dignité et notre intérêt sont d'accord et repoussent également toute idée d'amoindrissement de notre puissance dans l'Annam.

Non-seulement notre influence et notre prestige en Cochinchine seront à jamais anéantis après cette mesure, qui présagera aux populations une évacuation totale, mais encore subirons-nous auprès des cours voisines l'abaissement et l'humiliation qui résulteraient d'une bataille perdue ? Nous avons affaire à des races asiatiques qui ne comprennent que les manifestations de la force brutale et pour lesquelles les calculs de la diplomatie européenne sont d'inintelligibles subtilités. Pour n'en donner qu'une preuve, je citerai cette question du roi du Cambodge, qui, apprenant la reddition de Vink-Long aux Anamites, demanda quel était l'échec que nous avions éprouvé et qui avait pu nous décider à ce pas en arrière. Aussi voit-on déjà quelle atteinte au prestige de notre pavillon la nouvelle de l'évacuation portera dans toutes les cours de l'extrême Orient.

Il est possible que nous ayons pris les trois provinces dans un moment inopportun et fâcheux ; mais la plus grande faute, après celle-là, sera certainement de les abandonner.

Enfin, je suppose ce pas rétrograde effectué et la population annamite un instant soumise aux Français, un instant confiante en leurs promesses et en leur protection, rendue de nouveau à ses anciens maîtres. Croit-on, si l'on connaît les faits déjà accomplis, qu'elle ne subira pas un châtement d'autant plus terrible qu'il ne sera plus dissimulé ? Peut-on se faire illusion sur les implacables vengeances qui seront exercées, non-seulement sur nos maires, nos matas, nos employés indigènes, mais encore sur les villages, sur les populations entières qui auront paru se soumettre trop facilement ou se montrer trop fidèles ?

S'en remet-on pour eux à l'illusoire garantie du traité ?

Aux menaces, aux agressions sourdes, aux assassinats qui atteindront tous ceux qui voudraient apporter un tonneau de marchandises à Saïgon, viendra donc encore se joindre tout un hideux cortège de dénonciations, de vengeances particulières, d'exécutions politiques, avec les confiscations, la misère, la terreur indicible qu'elles entraînent. Nous aurons livré ce pays, qui a déjà cruellement souffert, à *un désespoir pire que la mort* suivant l'expression annamite ; nous lui aurons fait une plaie qui ne se fermera jamais. — Et tout cela parce qu'il aura follement cru à une promesse de la France !

Comment verrons-nous couler ce sang qui retombera sur notre tête ? Trouvera-t-on un gouverneur français qui assistera, impassible, à ces exécutions ?

Pour ma part, je ne le crois pas.

Il viendra un moment où l'indignation débordera et brisera toutes les digues posées par la sagesse diplomatique.

On reconnaîtra la position dépendante et l'impasse sans issue où l'on se sera placé, et l'on reprendra sans doute tout ce qui aura été cédé. Mais déjà il sera trop tard : cette faute de l'évacuation est une de celles qui ne se réparent point. Les populations, si cruellement trompées une première fois, ne voudront pas s'exposer à l'être une seconde, et ce pays si fertile et si riche se dépeuplera de tous côtés devant nos pas. La confiance perdue une fois ne se retrouve jamais, et nous aurons beau alors être sincères, nous aurons donné le droit de suspecter nos paroles : elles ne pourront plus parvenir à convaincre.

Ainsi, après avoir, par une heureuse et féconde inspiration, pris une position admirable sur le continent asiatique, après avoir vu un instant le plus bel avenir colonial s'offrir à nous et un nouvel empire des Indes-Orientales s'élever à l'ombre de notre pavillon, nous allons tout sacrifier à une heure d'impatience, à une crise passagère, et il faudra nous résigner sans espoir de retour à voir l'influence et le commerce français dans les mers de Chine végéter dans le marasme d'autre fois.

Cette pensée est trop décourageante pour ne pas espérer que le gouvernement, mieux renseigné, reviendra sur la résolution prise. Mais il est urgent qu'il se hâte pour ne pas aggraver le mal qu'elle a produit. Chaque mois écoulé dans l'incertitude actuelle est une année de perdue pour la colonie. Les entreprises projetées sont remises, les essais

de culture différés, les populations sourdement inquiètes s'éloignent de nous. Qu'un éclatant démenti vienne donc rassurer tout le monde, donner un nouvel essor à notre fondation naissante et permettre d'étudier les proportions définitives qu'il convient de lui assurer.

Saigon, 19 avril 1864.



*

1 > **Câu hỏi đặt ra là F.Garnier có hay không có tạo ảnh**
2 **hưởng lên quyết định của chính phủ Pháp về những**
3 **đường lối chính sách mà họ áp đặt trên các vùng lãnh**
4 **thổ do đoàn quân xâm lược của họ chiếm đóng ở Nam**
5 **Kỳ?**

6 Một bài viết gần đây đăng trên mạng lưới điện tử
7 Internet:[http://www.netmarine.net/bat/batral/fgarnier/cele](http://www.netmarine.net/bat/batral/fgarnier/celebre.htm)
8 [bre.htm](http://www.netmarine.net/bat/batral/fgarnier/celebre.htm) nơi bản mục lục phần HISTOIRE ET
9 PATRIMOINE đã tôn vinh Francis Garnier như sau:



10 Depuis un siècle, la Marine nationale baptise régulièrement l'une des ses
11 unités du nom de cet officier, rendant ainsi hommage à son courage et à son
12 ardeur à porter à l'autre bout du monde les couleurs de la France.

13 Voici bientôt cent dix ans, le 1er décembre 1873, qu'il tomba au terme
14 d'un combat héroïque sous les lances des "Pavillons Noirs" en défendant la
15 citadelle de Hanoï.

16 Mais qui était cet homme, qui avec le Commandant Doudart de Lagrée
17 fut l'un des moteurs de la mission française de 1866 en Extrême-Orient,
18 mission marquant le début de la présence coloniale de notre pays dans ce
19 qui devait devenir l'Indochine.

20 C'est à Saint-Etienne le 25 juillet 1835 qu'il naît. Après ses études au
21 lycée de Montpellier, il est admis à l'Ecole Navale en 1855. Une première
22 campagne l'emmène vers les mers du sud, puis il s'aventure en 1859 sur le
23 Duperré qui part pour la Chine. C'est au cours de cette traversée qu'il se jette
24 à l'eau en pleine nuit pour sauver un camarade emporté par une lame. Il a
25 vingt-et-un ans avec le grade d'enseigne de vaisseau lorsqu'il découvre la
26 Chine, pays qui ne cessera plus de le fasciner. Sous les ordres de l'amiral
27 Charner, il participe à la prise de Pékin et au sac du Palais d'Été par les
28 troupes franco-britanniques.

Première expédition sur le Mékong

En 1863, il rentre dans le corps de l'Inspection des Affaires indigènes. Il est nommé administrateur à Cholon, ville proche de Saïgon. Le contact et la richesse de la civilisation chinoise le passionnent et c'est à cette époque qu'il publie ses premiers ouvrages documentaires : "La Cochinchine" et "De la colonisation de la Cochinchine" où apparaît l'idée de l'exploration du Mekong au cours encore inconnu.

Cette expédition qui devenait une réalité, part de Saïgon le 5 juin 1866 sous les ordres du Commandant Doudart de Lagrée ; Francis Garnier en est le second. La mission a trois buts : scientifique, politique et diplomatique. En novembre 1867, une révolte locale oblige Francis Garnier à s'écarter du Mékong avec une partie de sa troupe, laissant en arrière Doudart de Lagrée, malade. Il explore inlassablement toute la région. Au retour, il apprend la mort de son supérieur et devient alors le Commandant de l'expédition qui atteint la vallée du Yang-Tsé-Kiang puis la redescend jusqu'à Shangaï avant de regagner Saïgon le 29 juin 1868.

Au terme de cette expédition, il rentre en France, est affecté au "dépôt des cartes et plans de la Marine" et y rédige le rapport de sa campagne en Cochinchine. Il devient membre de la société géographique où il fait cet éloge de son chef disparu : "L'exploration du Mékong, que le Commandant de Lagrée avait comprise si grande, et qu'il a réalisée si complète, restera sienne; ses glorieux et féconds résultats sont à jamais inséparables du nom d'Ernest Doudart de Lagrée."

En 1871, Francis Garnier reçoit la Médaille d'Honneur du Congrès de Géographie, médaille qu'il partage avec Livingstone.

Pendant la guerre de 1870, il reste à Paris comme Chef d'Etat-Major de l'Amiral Mequet. Ayant remis en 1872 son rapport de campagne, il sollicite un congé de trois ans sans solde afin de repartir à titre personnel pour la Chine. Il quitte donc la France avec sa femme, qu'il a épousée en 1870, et s'installe à Shangaï. Son but est de poursuivre l'oeuvre géographique de l'expédition de Doudart de Lagrée, de reconnaître jusqu'au Tibet le cours supérieur du Mékong mais aussi d'essayer de jouer le médiateur entre le pouvoir impérial chinois et les rebelles musulmans qui épuisent le pays.

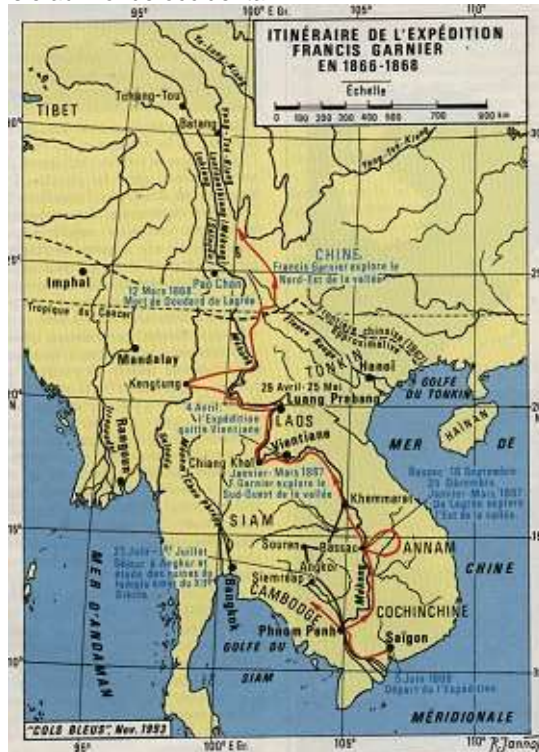
Un officier en congé à la tête de 200 hommes !

C'est en solitaire qu'il explore ces régions pendant six mois, avant d'être rappelé par l'Amiral Dupré, gouverneur de la Cochinchine. Celui-ci lui donne les pleins pouvoirs pour régler au Tonkin un différend qui oppose quelques colons français aux rebelles. Francis Garnier, officier en congé, se voit confier le commandement d'une troupe de deux cent hommes et quatre canonniers. Il arrive à Hanoï en novembre 1873 et, ne parvenant pas à régler par la voie diplomatique le conflit, s'empare sans coup férir de la citadelle puis envoie des détachements occuper les principales places du delta.

Le 21 décembre, alors que les négociations étaient sur le point d'aboutir, la citadelle est attaquée par les "Pavillons Noirs". Les Français résistent courageusement aux assaillants et les obligent à se replier. C'est alors que Francis Garnier sort de la citadelle avec plusieurs hommes et un canon à la poursuite de l'ennemi. A six cent mètres de là, il abandonne le canon et continue sa course avec trois hommes. En tentant de passer une digue dans les rizières, il trébuche et, se trouvant isolé, est mortellement frappé par les "Pavillons Noirs". Ne le voyant plus, ses compagnons se rapprochent et

1 trouvent son corps décapité. Sa dépouille est ramenée à Saïgon où il est
2 inhumé en 1875 aux côtés de Doudart de Lagrée.

3 Telle fut la vie de ce pionnier de la présence française en Asie. Par le
4 rôle essentiel qu'il joua dans le succès de la mission d'exploration du
5 Mékong, par les réflexions que lui inspirèrent ses voyages en Chine et sa
6 parfaite connaissance de l'Empire du Milieu, par les oeuvres qu'il publia au
7 retour de ses expéditions, Francis Garnier demeure l'un des artisans de
8 l'ouverture de l'Asie au monde occidental.



Vạch vẽ màu đỏ cho thấy hành trình của đoàn thám hiểm sông Mê-kông



La mission d'exploration du Mékong.
A l'extrême gauche Francis Garnier
Đoàn thám hiểm sông Mêkong
Đầu phía trái là F. Garnier



Chung chi thành viên thám dự đoàn thám hiểm sông Mêkong của F. Garnier

Le retour des cendres de Francis Garnier

Dans la nuit du 1er au 2 mars 1983, le corps de Francis Garnier, après avoir été exhumé (ainsi que celui de Doudart de Lagrée) furent incinérés. Les urnes furent remis au consul général de France à Ho Chi Minh ville le 2 mars 1983. C'est la Jeanne d'Arc, commandée alors par le capitaine de vaisseau Merveilleux du Vignaux, qui se chargea de ramener en France les cendres des deux explorateurs.

Dépôt des cendres de Francis Garnier

Le jeudi 23 avril 1987, une brève mais émouvante cérémonie au cours de laquelle l'urne contenant les cendres de Francis Garnier était confiée par le capitaine de vaisseau (H) Besancon, descendant de l'illustre marin, à la ville de Paris pour être enchassée dans le socle d'un monument, situé à la rencontre du boulevard Saint-Michel et de la rue d'Assas.

Etaient présents notamment les membres de la famille de Francis Garnier dont le capitaine de corvette Besancon, ancien commandant de l'avis Premier maître L'Her, le vice-amiral d'escadre Denis représentant le Chef d'Etat-Major de la Marine, le capitaine de vaisseau Cottin Commandant la Marine à Paris. La section d'honneur de la Marine à Paris rendait les honneurs. Monsieur Didier Bariani, adjoint au maire de Paris,

Secrétaire d'Etat auprès du Ministre des Affaires Etrangère et représentant Monsieur Jacques Chirac présidait cette cérémonie.

Les cendres de Francis Garnier ont désormais quitté la nuit indochinoise pour retrouver le sol de Paris.

Tạm dịch:

1 Từ một thế kỷ qua, Hải Quân Quốc Gia vẫn tiếp tục làm phép rửa cho
2 một trong các đơn vị hải quân của mình bằng cách lấy tên của viên sĩ quan
3 này đặt tên cho, khiến cho sự vinh danh về lòng can trường đầy nhiệt huyết
4 của ông được loan truyền khắp cùng thế giới dưới lá cờ của nước Pháp.

5 Đến nay, đã gần 110 năm, kể từ ngày 1 tháng 12 năm 1873, ngày ông
6 ngã xuống dưới những ngọn giáo nhọn của Giặc Cờ Đen để chống giữ thành
7 Hà Nội.

8 Cũng chính ông đã cùng với thiếu tá Hải quân Doudart de Lagrée kết
9 tạo thành một trong những động cơ thúc đẩy cho bộ công tác của Pháp tại
10 Viễn Đông, một công tác đánh dấu bước khởi đầu của sự hiện diện chính
11 sách thuộc địa của đất nước chúng ta tại một nơi mà sau đó trở thành bán
12 đảo Đông Ấn (Đông Dương).

13 Ông sinh ra tại Saint Étienne ngày 25 tháng 7 năm 1835. Sau khi tốt
14 nghiệp trung học từ một trường trung học ở Motpellier, ông được tuyển nhập
15 vào trường Hải Quân vào năm 1855. Chuyên công tác đầu tiên trong ngành
16 hải quân đã đưa ông đi vào các vùng biển ở phía Nam và tiếp theo là theo
17 tàu Duperré vào năm 1859 để thám hiểm nước Trung Hoa. Trong cuộc hành
18 trình mạo hiểm này, ông đã nhảy xuống biển sâu trong màn đêm tối đen để
19 cứu mạng sống người đồng đội bị một đợt sóng lớn phủ chụp lên tàu và cuốn
20 lôi anh ta xuống biển. Vào lúc hiểu biết được nước Trung Hoa, ông là một sĩ
21 quan hải quân 21 tuổi và Trung Hoa là một nước không ngừng tạo cho ông
22 thích thú. Theo lệnh của đề đốc Charner, ông tham dự chiến dịch đánh chiếm
23 thành Bắc Kinh và cung điện Mùa Hạ của Trung Quốc do liên quân viễn chinh
24 Anh-Pháp chủ động.

25 **Cuộc Thám hiểm dòng sông Mê-kong lần thứ nhất**

26 Năm 1863, ông được chọn nhận vào cơ quan Thanh Tra Bản Xứ Sự
27 Vụ. Ông được bổ nhiệm vào chức vụ Thị trưởng thành phố Chợ Lớn, một
28 thành phố tiếp cận với Sài Gòn. Ông đã say mê khi tiếp xúc với người Trung
29 Hoa và hiểu biết được về nền văn hóa phong phú của người họ và chính
30 vào thời điểm này ông đã phát hành 2 tác phẩm tham khảo của ông "*Xứ Nam*
31 *Kỳ*" và "*Chính Sách Thuộc Địa ở Nam Kỳ*" và ý nghĩ thám hiểm dòng sông
32 Mê-Kong hoang dã chưa từng được ai biết tới đã được tác giả đề cập trong
33 hai tác phẩm đó.

34 Ý nghĩ về một cuộc thám hiểm như thế đã trở thành thực tế, đoàn thám
35 hiểm dưới quyền chỉ huy của thiếu tá hải quân Doudart de Lagrée đã khởi
36 hành từ Sài Gòn vào ngày 5 tháng 6 năm 1866; trong đoàn thám hiểm này
37 Francis Garnier là chỉ huy phó. Đoàn thám hiểm có 3 mục tiêu nghiên cứu:
38 *khoa học, Chính trị và ngoại giao*. Tháng 11 năm 1867, vì một cuộc nổi loạn
39 địa phương khiến cho Francis Garnier phải tránh xa vùng sông Mê-Kong với
40 một nhóm nhỏ của đoàn thám hiểm, còn Doudart de Lagrée đang bị nhiễm
41 bệnh thì phải bỏ lại phía sau. F.Garnier thám hiểm không biết một mồi cả
42 vùng. Khi quay trở lại thì ông hay tin rằng người thượng cấp của ông đã chết
43 và ông trở thành đoàn trưởng chỉ huy đoàn thám hiểm thám sát cả một vùng
44 thung lũng sông Dương Tử (hay Thanh Giang) rồi lại xuôi dòng đến vùng
45 Thượng Hải trước khi trở về Sài Gòn vào ngày 29 tháng 6 năm 1968.

46 Theo quy định về cuộc thám hiểm này thì Ông phải trở về Pháp và
47 được bổ nhiệm đến "căn cứ tồn trữ các bản đồ địa dư và bản vẽ hàng hải"
48 để soạn thảo bản phúc trình về chiến dịch thám hiểm của ông ở Nam Kỳ.
49 Ông trở thành một hội viên của Hội Địa Dư và ông đã tuyên xưng với hội này
50 về sự hy sinh của người thượng cấp của ông như sau: "*Cuộc thám hiểm*
51 *dòng sông Mê-Kong mà thiếu tá de Lagrée đã thấu suốt một cách tường tận*
52 *và đã thực hiện được một các vện toàn luôn luôn vẫn là phần công trạng của*
53

1 *riêng thiếu tá; những thành quả về vang và và sinh sôi do ông tạo ra sẽ luôn*
2 *luôn dính liền với danh xưng Ernest Doudart de Lagrée".*

3 Năm 1871, F.Garnier được ban thưởng huy chương danh dự bội tinh
4 của Hiệp Hội Địa Dư cùng với Linvingstone.

5 Trong trận chiến 1870 ở Pháp, ông ở lại Paris giữ chức vụ tham mưu
6 trưởng dưới quyền của đề đốc Mequet. Sau khi hoàn tất bản phúc trình của
7 mình, ông được nghỉ giả hạn 3 tháng không được trả lương để trở qua Trung
8 Quốc với tính cách cá nhân.

9 Ông rời nước Pháp với vợ cưới từ năm 1870 và để ở Thượng Hải Mục
10 tiêu của ông là tiếp tục nghiên cứu về địa dư công trình thám hiểm của
11 Doudart de Lagrée, để thám sát lên đến vùng Tây Tạng nơi thượng nguồn
12 phát nguyên dòng sông Mê-kong đồng thời cố gắng đóng vai trò trung gian
13 hoà giải giữa các quyền lực của hoàng triều Trung Quốc với những lực lượng
14 nổi dậy người Hồi Giáo đang làm kiệt huệ đất nước.

15 **Viên sĩ quan nghỉ phép không lương** 16 **cầm đầu chỉ huy 200 binh sĩ!**

17 Ông đã đơn độc tiến hành công tác thám sát những vùng này trong vòng
18 6 tháng trước khi được Thống đốc Nam Kỳ đề đốc Dupré triệu vời. Viên
19 Thống đốc này đã trao toàn quyền quyết định cho F.Garnier ra Bắc kỳ để giải
20 quyết việc khiếu nại liên quan tới vài vụ tranh chấp giữa một vài kiều dân
21 người Pháp với bọn nổi loạn. Sĩ quan đang nghỉ phép không lương Francis
22 Garnier được giao phó nhiệm vụ chỉ huy một đội binh 200 người và 4 pháo
23 hạm. Ông đến Hà Nội vào tháng 11 năm 1873 và, không cần dùng đến
24 đường lối ngoại giao để giải quyết sự tranh chấp, ông tự ý tiến quân đánh
25 chiếm thành (Hà Nội) rồi tung quân của ông đánh chiếm nhiều khu vực chính
26 yếu thuộc vùng châu thổ.

27 Ngày 21 tháng 12, trong khi cuộc thương thảo sắp khởi đầu thì thành Hà
28 Nội bị Giặc Cờ Đen tấn công. Quân binh Pháp chống trả mãnh liệt và đẩy lui
29 được giặc. Chính vào lúc đó, Francis Garnier đem một số quân binh cùng với
30 một khẩu đại pháo ra khỏi thành để truy kích địch quân. Khi ra khỏi thành
31 khoảng 600 mét, ông bỏ lại khẩu đại pháo để tự mình cùng với 3 binh sĩ truy
32 kích quân giặc. Khi đi ngang qua một đầm lầy ruộng lúa, ông bị lún sinh kẹt
33 lại một mình và bị bọn Giặc Cờ Đen đâm chết. Không thấy ông quay về
34 thành, đồng đội của ông đi tìm và gặp thấy thân xác cụt đầu của ông. Xác
35 của ông được mang về Sài Gòn và được chôn cất vào năm 1875 bên cạnh
36 ngôi mộ của Doudart de Lagrée.

37 Đó là cuộc đời của một nhà thám hiểm tiên phong tạo lập sự hiện diện
38 của người Pháp trên vùng đất Á Châu. Với vai trò đóng góp của ông trong
39 cuộc thám hiểm dòng sông Mê-kong, với những phản ảnh của ông về những
40 chuyến du hành ở Trung Quốc và tầm hiểu biết sâu rộng của ông về đất
41 nước này cùng với với những tác phẩm của ông kể lại những chuyến thám
42 hiểm, Francis Garnier luôn luôn được xem như là một trong các nhà thợ kiến
43 tạo lối đi vào vùng Á Châu cho người tây phương.

44 Vào đêm 1 và 2 tháng 3 năm 1983, hài cốt của Francis Garnier được
45 bốc mộ và hỏa thiêu (cùng một thời điểm hỏa thiêu hài cốt của Doudart de
46 Lagrée). Hai hủ cốt tro đã được Tổng Lãnh Pháp ở Sài Gòn tiếp nhận vào
47 ngày 2 tháng 3 năm 1983. Tàu chiến Jeanne d'Arc do hạm trưởng Merveilleux
48 du Vignaux đã đưa cốt tro của hai nhà thám hiểm về Pháp.

49 **An vị cốt tro của Francis Garnier**

50 Vào ngày thứ năm 23 tháng 4 năm 1987, trong một buổi lễ đơn sơ và
51 cảm động, hủ đựng cốt tro của Francis Garnier đã được giao phó cho hạm

1 trưởng hộ tống hạm (H) *Besancon*, con cháu nối dõi của người lính thủy vang
2 danh, mang đến thành phố Paris để được đặt an vị vào một tượng đài kỷ
3 niệm được xây cất tại ngã tư đại lộ Saint Michel và đường d'Assas.

4
5 Hiện diện trong buổi lễ an vị, ngoài những người thân thuộc trong gia
6 tộc của Francis Garnier trong đó có hạm trưởng hộ tống hạm *Besancon*, cựu
7 thiếu tá hạm trưởng chiến hạm thám báo *Premier maître L' Her*, phó đề đốc
8 đội tàu chiến *Denis* đại diện tham mưu trưởng Hải quân, đại úy hạm trưởng
9 tàu *Cottin* chỉ huy trưởng hải quân vùng Paris. Một đội hải quân của vùng
10 Paris dàn chào danh dự. Ông phó thị trưởng thành phố Paris, ông tổng
11 trưởng bộ ngoại giao và đại diện của tổng thống nước Pháp chủ trì buổi lễ
12 an vị.

13 Cốt tro của Francis Garnier từ ngày đó đã rời bỏ màn đêm Đông Dương
14 để trở về với lòng đất của Paris.

*

15 **N**gười Pháp và nước Pháp, kể từ thời Napoléon III đến
16 nay đều coi Francis Garnier như là một trong những người
17 vĩ đại đi tiên phong trong tiến trình phát triển chính sách
18 thuộc địa thực dân của họ trên các lãnh thổ hải ngoại tại
19 vùng Á Châu đặc biệt là ở Đông Dương. Trong khi mà
20 đoàn quân viễn chinh xâm lược của Pháp chỉ mới làm chủ
21 thực sự 2 thành phố lớn quan trọng ngang nhau, nằm kề sát
22 bên nhau là Sài Gòn và Chợ Lớn thì với vị thế là một thị
23 trường thành phố Chợ Lớn, tiếng nói của Francis Garnier
24 nhất định phải được chính quyền và dư luận quần chúng ở
25 Pháp đặc biệt quan tâm.

26 Sau thắng lợi ngoại giao ngoạn mục của đoàn sứ Đại
27 Nam do Phan Thanh Giản cầm đầu, hoàng đế Pháp
28 Napoléon III và chính phủ Pháp đã đồng ý mở một cuộc
29 thương thảo để ký kết với triều đình Huế một hòa ước mới.
30 Nhóm quân phiệt của bộ Hải quân Pháp cầm đầu là bộ
31 trưởng Chasseloup Laubat và Thống đốc kiêm tư lệnh lực
32 lượng viễn chinh xâm lược Pháp ở Nam Kỳ hạ De La
33 Grandière đã có những thái độ và hành động chống đối chủ
34 trương xét lại của Napoléon III và chính phủ Pháp ở Paris
35 và không đếm xỉa gì tới sự hiện diện của đặc sứ Aubaret.
36 Chính La Grandière đã thúc hối bộ trưởng bộ Hải quân
37 Chasseloup Laubat qua các công hàm này đến công hàm
38 khác để phản đối chủ trương xét lại của chính phủ Pháp về

1 vấn đề Nam Kỳ hạ thuộc Pháp. Chính trong thời điểm và
2 bối cảnh như thế thì tiếng nói của Francis Garnier đã góp
3 phần không nhỏ cho việc xoay chuyển nếp suy tư và dư
4 luận quần chúng Pháp trong việc chôn vùi hòa ước
5 Aubaret.

6 Tuy nhiên, chuyện gì đã xảy ra ở Paris trong khi có
7 những dư luận phát xuất từ Sài Gòn và từ Bộ Hải Quân đề
8 chống đối chủ trương xét lại của chính phủ Pháp? Theo
9 quan điểm của người Pháp thì đây chỉ là một phản ứng tự
10 nhiên đưa tới một hiệu quả hiển nhiên phải có:
11 Chasseloup Laubat vốn là một kẻ chủ trương mạnh mẽ
12 chính sách thực dân thuộc địa đã hợp với thủ tướng nước
13 Pháp vào lúc đó là Druyn de Lhuys- cùng một bản chất như
14 Chasseloup Laubat- cả hai đã quyết định đảo ngược quan
15 điểm lập trường trước đây không lâu của họ khi họ cũng đã
16 từng đồng ý về việc ký kết một hoà ước mới để thay thế
17 cho hoà ước Nhâm Tuất 1862. Họ đã ra sức kêu gào
18 Napoléon III đừng chú ý gì đến kết quả đàm phán của đoàn
19 sứ Phan Thanh Giản và yêu cầu Napoléon II vô hiệu hóa
20 những chỉ thị mà chính họ cũng có tham dự vào để truyền
21 đạt cho Aubaret trong sứ vụ thương thảo với triều đình
22 Huế. Thêm vào đó dư luận báo chí, ngoại trừ tờ báo *Les*
23 *Débats*, đã bắt đầu thấu rõ là vì quyền lợi thực sự của nước
24 Pháp đòi hỏi mà lãnh thổ Nam Kỳ hạ phải tồn tại với
25 người Pháp và do đó dư luận báo chí ở Pháp đã tung ra
26 những bài báo hưởng ứng và cổ động cho chiến dịch tuyên
27 truyền chính sách thuộc địa của họ.

28 Tại Viện Dân Biểu của Quốc Hội Pháp, những người
29 có thể lực như Dân biểu Thiers và Lambrecht dù không
30 ngã theo nhưng cũng không tỏ ý chống đối. Hoàng đế
31 Napoléon III phân vân bất định về những dư luận đồn đãi
32 đang bủa vây tứ phía. Và rồi, vào cuối năm 1863, một ủy
33 ban nghiên cứu dư luận được hình thành; mặt khác
34 Chasseloup Laubat cũng được chỉ thị lập một bản tường
35 trình sự việc trình lên Napoléon III. Ngày 6/6/1864, hoàng
36 đế Pháp liền chỉ thị cho thủ tướng Druyn de Lhuys thông
37 báo cho Chasseloup Laubat gửi công hàm cho Aubaret yêu

1 cầu chấm dứt những cuộc điều đình đang tiến hành tại
2 Huế. Tuy nhiên, vì cách biệt xa xôi, sự chuyển vận thư từ
3 chậm trễ cho nên khi công hàm của Chasseloup Laubat đến
4 tay Aubaret thì hiệp ước mới đã được ký kết.

5 Ngày 4/11/1864, Chasseloup Laubat gửi cho Napoléon
6 III một bản tường trình dài lưu ý Napoléon III trong khi
7 chờ đợi một tình thế sáng sủa hơn thì nên trở lại với hòa
8 ước Sài Gòn năm Nhâm Tuất ngày 5 tháng 6 dl năm 1862 .
9 Phiên họp nội các ngày 10 tháng 11 năm 1864, chính phủ
10 Pháp quyết định không phê chuẩn hòa ước Aubaret tức là
11 xóa bỏ việc cho triều đình Huế chuộc lại bằng tiền những
12 lãnh thổ đã thuộc về người Pháp theo hoà ước Nhâm Tuất
13 1862 hay nói khác đi người Pháp chỉ thừa nhận hoà ước
14 Nhâm Tuất 1862 là có hiệu lực chấp hành. Quyết định này
15 được gửi đi Sài Gòn vào ngày 29 tháng 1 năm 1865.

16 La Grandière viết thư cho triều đình Huế biết về quyết
17 định không phê chuẩn hoà ước Aubaret của chính phủ
18 Pháp và mặc dù có trình bày cho biết những lý do vì sao
19 chính phủ Pháp không chịu phê chuẩn hòa ước Aubaret
20 nhưng trên thực tế thì dù có giải thích hay không giải thích
21 thì tình thế vẫn không có gì khác biệt bởi vì ý đồ xâm lược
22 và bành trướng lãnh thổ thuộc địa của người Pháp mới là lý
23 do chính yếu cho mọi quyết định của họ trên vùng lãnh thổ
24 Nam Kỳ hạ. Câu hỏi đặt ra là: triều đình Huế đã phản ứng
25 ra sao khi hoà ước Aubaret không được người Pháp chuẩn
26 phê?

27 Chính sử nhà Nguyễn ghi chép về giai đoạn này như
28 sau:

29 *"Chủ sứ nước Pháp là Gia-lăng-di-e , phái người là Sơ Ba Lê đi*
30 *tàu chạy máy bằng hơi nước đến đồn cửa biển Thuận An, đưa thư xin*
31 *vào châu và tâu bày định việc hòa ước.*

32 *Vua nói: Chủ sứ nước Phú, phái người đến, để cố giữ lời ước*
33 *trước đó thôi; còn việc vào triều yết là việc quan trọng, không nên*
34 *khinh suất mà cho được. Sai bọn Phan Thanh Giản, Trần Tiễn Thành,*
35 *và Phạm Phú Thứ, võ về úy lạo từ khước đi.*

36 *Ba Lê lại nói: lần này vẫn giữ ước cũ về năm nhâm tuất, nên*
37 *xuống dụ cho các tỉnh cấm việc mộ dân, và tiền bồi thường đem đến*

1 giao ở tỉnh Bình Thuận; còn giấy tờ phỏng độ làm hôm nào xong,
2 sảng mai bao cho biết, thì trở về, không dám ở lâu.

3 *Bọn Thanh Giản đem việc tâu lên. Vua giao cho Phủ Tôn nhân và*
4 *đình thần bàn định, đều nói: vua tôi nước ấy, đã không chịu cho*
5 *chuộc lại 3 tỉnh; (Gia Định, Định Tường, Biên Hòa), nếu lại viết quốc*
6 *thư để hỏi thì họ lại cố chấp lời nói trước, sợ có tổn đến quốc thể*
7 *chăng? Xin sai quan Thương bач viết thư gửi cho đại học sĩ nước ấy*
8 *là Anh Đê Luy và chủ sứ nước Phú ở Gia Định, thông tin, phân trần*
9 *căn kẽ, họa có chút động lòng nghe chẳng, sau sẽ dần dần mưu tính.*
10 *Vua nói: bọn khanh liệu tính thế nào, chớ nhẽ theo ước cũ mà nỡ bỏ*
11 *đất cát 3 tỉnh ấy ư? Nên tính cho kỹ. Các đại thần lại nói: nghị lớn về*
12 *hòa ước từ trước tới nay vẫn giữ bí mật, chưa có công bố, cho mọi*
13 *người nghe biết nên người thôn quê chưa biết, sinh ra ngờ vực. Xin*
14 *do tình thần 3 tỉnh: Vĩnh Long, An Giang và Hà Tiên, đem sao lục 12*
15 *điều ước cũ, đưa đi treo dán, để hiểu bảo cho sĩ dân điều biết, khiến*
16 *đều yên ở làm ăn. Đến như việc thu xếp sau này được thỏa thiện, nên*
17 *xin thông thả sẽ bàn định. Vua y cho. Nhân bảo bọn Thanh Giản*
18 *rằng: ý người Phú như thế, là muốn dân ta dứt tình với ta, cho nên*
19 *dân không nhận được tức giận nhỏ ấy. Ta đã nhiều lần phái người mật*
20 *đi hiểu bảo, nhưng có 1, 2 kẻ hiểu sự, không chịu nghe, đã để cho họ*
21 *sinh ngờ, lại làm nhiều hại dân ta. Vả lại, họ đương cố chấp lời ước,*
22 *để gây hiềm khích, 3 tỉnh bị trợ trợ thì tất đến nguy. Nay dứt tình đi*
23 *thì sợ lòng dân ngày thêm lia tan, nếu không không dứt tình tuyệt đi,*
24 *thì việc chưa nên, mà lúc cấp khó cứu, nên bắt buộc dĩ phải dứt tình đi,*
25 *để cho dân 3 tỉnh ấy không còn trông nhờ vào đâu để bạo động nữa.*
26 *Đó là đoạn tuyệt để mà bảo vệ, để làm kế sau này nảy nở sẽ mưu toan*
27 *dần dần. Bèn xuống dụ cho tình thần 3 tỉnh sức khắp các hạt biết, có*
28 *ai mượn tiếng là mộ nghĩa, thì không được vào trong địa giới, mà các*
29 *quan phủ, huyện một khi trông thấy tức thời bắt ngay đem giải; nhà*
30 *dân có ai chứa chấp, cũng bắt tội như kẻ phạm." (ĐNTLCB; đệ tứ kỷ;*
31 *quyển XXXI; trang 162,163; bản dịch; Hà Nội; 1974). (cũng xem: Sử Quốc*
32 *Triều Chánh Biên Toát Yếu; bản dịch năm 1925; sử quán triều Nguyễn; trang*
33 345)

*

34 ". . phân trần căn kẽ, họa có chút động lòng nghe
35 chẳng, sau sẽ dần dần mưu tính". Uy quyền, sĩ diện của
36 một nước giờ đây tiêu tan để hạ mình phân trần kêu ca,
37 tuân hành các đòi hỏi của kẻ xâm lược để mong kẻ địch
38 thương xót mà xét lại chẳng? Lần này chớ có đổ tội cho
39 ông Phan Thanh Giản là đã đầu hàng tuân lệnh của giặc
40 ngoại xâm. Ông Giản đã làm tròn bổn phận của một nhà
41 thương thuyết ngoại giao thêm một lần nữa nhưng Tự Đức
42 và đám người ăn hại ở triều đình Huế lại một lần nữa làm

1 hống sự và chỉ có một khác biệt nhỏ là lần này không thấy
2 Phan Thanh Giản bị hạ chức và mang thêm một án trầm
3 giam hậu như mấy lần trước!

4 Trước thái độ hèn yếu cam phận của triều đình Huế
5 theo chỉ thị của Tự Đức, quân xâm lược Pháp đã thấy rõ uy
6 thế lấn lướt của mình và kể từ lúc này họ bắt đầu lên mặt
7 huênh hoang, độc đoán khi giao dịch với các cấp chính
8 quyền của nước Đại Nam từ quan binh cho đến người lãnh
9 đạo cao cấp nhất và tệ hại hơn nữa, họ liền nghĩ ngay tới
10 chuyện chiếm lãnh thêm các vùng đất phì nhiêu ở miền
11 Tây Nam Kỳ .

12 Một lần nữa, Francis Garnier lại lên tiếng hối thúc đoàn
13 quân xâm lược Pháp tiến chiếm thêm 3 tỉnh miền Tây của
14 Đại Nam trong một bản tường trình của ông có tựa đề là DE
15 LA COLONISATION De La COCHINCHINE, viết xong
16 ngày 1 tháng 3 dl năm 1865 do nhà xuất bản **Challamel**
17 **Ainé** ấn hành ở Paris vào năm 1865.

18 Nội trang 7, 8 và 9, F Garnier khởi đầu bài tường trình
19 của ông như sau:

— 7 —

I.

Depuis le rejet des négociations ouvertes avec la cour de Hué, en juillet 1864, la colonie se trouve replacée dans les conditions territoriales que lui avait assignées le traité du 6 juin 1862. Si le principe qui a fait repousser toute idée d'amoindrissement de notre puissance en Cochinchine repose sur des bases rationnelles et indiscutables, il convient d'en admettre toutes les conséquences et d'en faire triompher toutes les conclusions. Sinon, l'on se débattrait sans cesse dans un juste milieu stérile, qui admet les causes et n'ose développer les effets et qui fait avorter les résultats les plus légitimes et les plus précieux de cinq années de lutttes et de sacrifices.

On a si souvent démontré que la possession de nos trois provinces restait insuffisante et devenait dangereuse si on ne la complétait dans un délai très-court par la conquête du reste de la Basse-Cochinchine, que je n'ai pas l'intention de revenir longuement sur les preuves d'un fait que le simple examen d'une carte suffit à constater.

On sait que les Annamites eux-mêmes ont toujours

considéré les six provinces comme formant un tout indivisible, et que la conquête du territoire de Bien-Oa sur le royaume du Cambodge les a fatalement entraînés à celle de tout le reste du Delta. Si cette nécessité existait pour le peuple annamite, elle devient bien plus impérieuse encore pour des conquérants européens qui, éprouvant plus de difficultés à s'assimiler la race vaincue, doivent lui laisser moins d'échappatoires, et l'isoler davantage de toute influence extérieure.

Séparées complètement du reste de l'empire, avec lequel elles ne peuvent avoir de communications que par le territoire français, les trois provinces annamites de la Basse-Cochinchine, sous des administrateurs tremblants et toujours en éveil, sont placées dans une situation trop anormale et trop précaire pour ne pas désirer vivement voir mettre un terme à cet état de choses. Aussi, tant qu'un espoir d'indépendance restera aux coeurs annamites, — et il faut reconnaître que notre attitude hésitante a contribué à l'entretenir, au delà peut-être de ce qu'il convenait à notre dignité, — ces trois provinces seront-elles le refuge de tous les dissidents, le foyer de toutes les tentatives de révolte que nous aurons à combattre.

Astreints à la surveillance la plus scrupuleuse et malheureusement la plus insuffisante, à l'égard des agents de Hué, que les traités nous obligent à laisser circuler sur notre territoire, nous ne pouvons ni empêcher leurs tentatives d'enrôlement, ni combattre l'impression fâcheuse que produisent toujours sur les

Annamites le passage et la vue de leurs anciens mandarins. Nous subirons fatalement, en raison même de la situation géographique que nous aurons acceptée, l'hostilité sourde et permanente de la classe élevée de la population, l'hésitation défiante et ruineuse des masses.

Tạm dịch:

1 Kể từ lúc bác bỏ không thừa nhận những cuộc thương lượng
2 công khai với triều đình Huế vào tháng 7 năm 1864, thuộc địa được
3 đặt trở lại vào vào những điều kiện lãnh thổ được thỏa thuận trong
4 hòa ước ký kết ngày 6 tháng 6 năm 1862. Nếu đã dựa trên những
5 nền tảng thuần lý, không thể tranh cãi để biến thành nguyên lý đẩy lùi
6 các tưởng làm suy giảm uy lực của chúng ta ở Nam Kỳ thì người ta
7 cũng phải chịu chấp nhận mọi hậu quả và phải tạo được chiến thắng
8 từ những hậu quả đó. Nếu không thì người ta cứ phải tranh luận
9 không dứt giữa một vị thế vô sinh chỉ biết chấp nhận nguyên nhân
10 mà không dám khai triển hậu quả, làm ung thối đi những thành quả
11 chính đáng hợp pháp và quý báu nhất của 5 năm chiến đấu và hy
12 sinh.

13 Người ta đã thường thấy được rằng sự chiếm hữu 3 tỉnh của
14 chúng ta vẫn chưa phải là đầy đủ và đã trở thành nguy hiểm nếu
15 chúng ta không bổ sung thêm trong vòng một thời hạn thật ngắn
16 bằng cách chinh phục phần đất còn lại của Nam Kỳ Hạ, điều mà tôi
17 không có ý định quay lại những chứng cứ dài dòng về thực tế trong
18 khi chỉ cần nhìn lên một tấm bản đồ thì cũng đủ để ghi nhận được.

19 Ta biết rằng đối với người An Nam thì 6 tỉnh được xem như là
20 một khối duy nhất không thể tách biệt nhau được, rằng chính vì cuộc
21 chinh phục xâm chiếm vùng lãnh thổ Biên Hòa của vương quốc Cam
22 Bốt mà tất nhiên họ phải bị lôi kéo vào cuộc chinh phục tiếp theo để
23 chiếm lấy phần đất còn lại của cả một vùng châu thổ miền Tây (châu
24 thổ sông Mê-kong). Nếu đó đã là điều thiết yếu cho người An Nam
25 thì điều đó lại còn cấp thiết hơn nữa đối với những kẻ đi chinh phục
26 đến từ Âu Châu, trong khi đang gặp nhiều khó khăn hơn để hoà
27 đồng một sắc dân bị chiến bại thì những kẻ chinh phục phải làm sao
28 để các lối thoát của họ giảm đi và phải phân cách họ nhiều hơn đối
29 với bất kỳ ảnh hưởng ngoại lai nào.

30 Bị cách trở hoàn toàn với phần lãnh thổ còn lại của đế quốc Đại Nam và
31 chỉ còn có thể giao lưu với phần lãnh thổ này bằng cách xuyên ngang qua các
32 vùng lãnh thổ bị người Pháp chiếm đóng, 3 tỉnh của người An Nam trong
33 miền Nam Kỳ Hạ vì đang ở dưới sự cai trị đầy run sợ và lúc nào cũng phải
34 cảnh giác đề phòng cho nên người dân trong 3 tỉnh này bị đặt vào một cảnh
35 huống bất thường và bấp bênh khiến cho họ không thể có một ước muốn
36 mãnh liệt để nhìn thấy được thực trạng thân phận của họ. Cũng vậy, cho
37 đến khi nào niềm hy vọng độc lập vẫn còn tồn tại trong con tim của những
38 dân An Nam, - một điều mà chúng ta phải ghi nhận rằng thái độ chần chừ
39 của chúng ta đã góp phần bảo tồn niềm hy vọng đó, có thể là vượt quá
40 phẩm cách của chúng ta, - thì 3 tỉnh này sẽ vẫn còn là nơi trú ẩn của những
41 kẻ bất mãn, là trung tâm của những âm mưu nổi loạn mà chúng ta sẽ phải đối
42 đầu.

43 Trong hoàn cảnh thiêu thốn nhất mà lại phải bận tâm một cách
44 bó buộc để canh chừng cẩn mật các quan binh triều đình Huế được
45 phép di chuyển ngang qua phần lãnh thổ của chúng ta theo như hòa
46

1 ước đã quy định thì chúng ta không có cách nào ngăn chặn họ thực
2 hiện những mưu toan tuyển quân mà cũng không thể nào khắc phục
3 được lòng căm phẫn của dân chúng An Nam khi vẫn còn nhìn thấy
4 quan lại cai trị cũ qua lại trước mắt họ.

5 Ngay cả trong tình trạng lãnh thổ mà chúng ta đã chấp nhận,
6 chúng ta vẫn cứ phải gánh chịu một cách tất nhiên những sự chống
7 đối thù địch nặng nề và thường xuyên của hạng người thuộc tầng
8 lớp cao cùng với sự do dự hoài nghi tai hại của khối quần chúng.

9
10

Nơi trang 13 và 14, thái độ khinh thường của người Pháp về sự yếu kém và hèn nhát của quan binh triều đình Huế đã được Francis Garnier nêu lên tách bạch và đầy tự tin đến mức trở thành kiêu căng cao ngạo một cách hữu lý:

— 13 —

.....
.....
.....
Le sentiment qu'ont les Annamites de leur impuissance militaire vis-à-vis de nous dans une lutte régulière, est arrivé aujourd'hui à un point tel, qu'une petite canonnière, c'est-à-dire vingt hommes et un canon, peut se présenter impunément devant tous les chefs-lieux de province et y dicter des lois. Si l'on sait renoncer au plaisir de faire un bulletin ou de proclamer une victoire, on peut, par des mesures d'ensemble bien combinées et une grande rapidité d'exécution, prendre sans coup férir, tous les points importants du Delta du Cambodge et en prononcer l'annexion à la Cochinchine française. La soumission des villages s'accomplira ensuite rapidement par les soins seuls de l'administration indigène, et en dehors de toute pression militaire. Cette conquête des trois provinces annamites n'exigerait, comme on le voit, qu'une rapide dissémination de troupes à l'aide de bâtiments de flottille; et si sur quelques points, comme An-jiong ou Chaudoc, on trouvait apparence de résistance, ce ne serait qu'un vain simulacre des mandarins, jaloux de sauvegarder par cette plaisanterie leur honneur militaire et leurs malles, faites déjà bien à l'avance. Pour réaliser cette prise de possession, il ne serait nécessaire d'augmenter ni d'un

homme, ni d'un navire le corps expéditionnaire de Cochinchine, et si je m'aventure à affirmer ce fait, c'est que telle proposition a été faite par le gouverneur lui-même de la colonie.

Si l'on objecte que nous sommes en paix avec la cour de Hué et que rien ne justifierait une conquête aussi brutale, je répondrai que cette cour s'est attendue à cette conquête, du jour où elle a dû renoncer à tout espoir d'évacuation; que depuis qu'elle ne croit plus avoir de ménagements à garder, elle nous donne quotidiennement des raisons plus que valables de rompre toute convention diplomatique; que ce serait singulièrement se méprendre sur la nature des relations avec le Gouvernement annamite, que d'en raisonner au point de vue européen, et compromettre réellement les intérêts du pays, les résultats des énormes sacrifices déjà faits, que de rester dans un *statu quo* inacceptable, que de se refuser, comme je le disais en commençant, aux développements logiques du principe d'occupation, ce principe une fois admis.

Avec un gouvernement d'une mauvaise foi aussi traditionnelle que le Gouvernement annamite, il est prudent, pour garantir l'avenir et marcher, sans crainte de trouble, à un but certain, de se créer une position telle que la tranquillité de la colonie ne puisse dépendre du plus ou du moins de bonne foi dans l'exécution des traités; et c'est cette situation désirable que nous assurerait d'une manière merveilleuse la possession complète de la Basse-Cochinchine.

1 **Tạm dịch:**

2

3

4

5 Cảm tưởng về sự bất lực quân sự của người An Nam khi họ đối
6 trận thường xuyên với chúng ta đến nay đã tới một mức độ mà chỉ
7 cần có một khẩu trọng pháo loại nhỏ cùng với 20 người cũng đủ để
8 tiến quân một cách an toàn trước mặt bất cứ một viên quan đầu tỉnh
9 nào của triều đình rồi tuyên cáo luật pháp bắt họ phải tuân hành.
10 Thay vì đăng đàn, truyền rao chiến thắng khải hoàn thì người ta phải
11 biết gát bỏ lòng thỏa mãn để lo phối hợp mọi phương cách cùng với
12 một phương hướng hành động nhanh chóng để chiến lãnh mà không
13 phải đụng trận những địa điểm trọng yếu của vùng châu thổ sông
14 Cam Bốt (tức là sông Cửu Long còn gọi là sông Mê-Kong) và tuyên
15 bố các địa điểm đó được sáp nhập vào lãnh thổ Nam Kỳ của người
16 Pháp. Các làng mạc sẽ được hàng phục nhanh chóng bằng cách chỉ

17

1 cất cử người bản xứ địa phương giữ nhiệm vụ hành chánh công
2 quyền không bị áp lực quân sự chi phối. Việc chinh phục 3 tỉnh của
3 người An Nam chỉ cần một sự rải quân nhanh chóng qua sự chuyển
4 vận của các tàu thuyền; và nếu gặp sự kháng cự ở tại một địa điểm
5 nào như ở An Giang hay Châu Đốc chẳng hạn thì đó chỉ là ảo vọng
6 vô ích của các quan triều nhà Nguyễn; họ ganh ghét vì muốn bảo vệ
7 danh dự cho khả năng quân sự và những việc làm sai trật của họ
8 trước đây đang bị bêu rêu làm trò đùa. Để thực hiện sự chiếm đóng
9 này, không cần phải tăng gia thêm 1 người hay 1 tàu chiến nào cho
10 đoàn quân viễn chinh hiện nay ở Nam Kỳ Hạ, và nếu tôi dám phiêu
11 lưu để xác định thực tế này là vì chính ngay vị thống đốc Nam Kỳ
12 cũng đã từng đề xuất như thế.

13 Nếu có ai phản đối rằng chúng ta đang ở trong tình trạng hòa
14 bình với triều đình Huế và sẽ không có một duyên cớ chính đáng nào
15 để biện minh cho một cuộc xâm chiếm tàn bạo thì tôi có thể trả lời là
16 chính triều đình Huế đang chờ đợi cuộc xâm chiếm này từ lâu rồi, kể
17 từ khi họ bắt buộc phải bỏ rơi mọi hy vọng di tản; từ khi họ biết được
18 rằng họ không còn đủ khả năng để gìn giữ, mỗi ngày họ lại tạo ra
19 hết lý do này lại đến lý do khác rất đáng để chúng ta cắt đứt mọi nghi
20 thức quan hệ ngoại giao; chẳng thà đơn phương chấp nhận đã đánh
21 giá sai lạc bản chất về những mối giao hảo với chính quyền An Nam
22 còn hơn là lý luận theo lối Tây phương để rồi gây tổn hại thực sự cho
23 đất nước, gây tổn hại cho những hy sinh to lớn đã qua, còn hơn là cứ
24 phải ở trong một tình trạng hiện hữu không thể chấp nhận được hoặc
25 phải là tự ý rời bỏ những phương cách mở mang theo nguyên tắc
26 thuần lý của cuộc xâm chiếm như tôi đã đề cập từ lúc mở đầu bài
27 này, một nguyên tắc đã từng được một lần chấp nhận.

28 Đối với một chính quyền không có thiện ý và quá chậm tiến như
29 chính quyền của người An Nam thì muốn đảm bảo cho tương lai
30 được tiến triển một cách an toàn để đạt một mục tiêu thì cần phải cẩn
31 trọng để tạo lập một vị thế khiến cho cho sự an bình của lãnh thổ
32 thuộc địa không còn phải lệ thuộc ít hoặc nhiều vào thiện ý thi hành
33 các hiệp ước; và khi mà tình thế thuận lợi như lúc này, chúng ta có
34 thể được đoan chắc một cách tuyệt hảo cho việc chiếm hữu toàn diện
35 lãnh thổ của Nam Kỳ Hạ.

*

36 Đầu mục kháng chiến quân Định bị Huỳnh Công Tấn
37 hợp tác với quân Pháp truy kích giết chết vào ngày 20
38 tháng 8 năm 1864 và sau khi hòa ước Aubaret bị xóa bỏ, đề
39 đốc La Grandière đã lên tàu *Donnai* về Pháp ngày
40 30/3/1865 để bàn định với Chasselouplabat về việc thiết
41 đặt một chương trình cai trị khôn khéo và hữu hiệu trên các
42 vùng đất vừa chiếm đoạt được ở phía Nam nước Đại Nam.

1 Đê đốc Roze được cử sang đê tạm thời thay thế trong khi
2 La Grandière vắng mặt ở Nam Kỳ (A. Schreiner, sách đã
3 dẫn; trang 268). Chuyến đi này của La Grandière rất trùng
4 hợp với bản phúc trình DE LA COLONISATION de la
5 COCHINCHINE của Francis Garnier vừa được viết xong
6 vào 1 tháng 3 năm 1865.

7 La Grandière trở lại Nam Kỳ vào ngày 27/11/1865
8 mang theo cả gia đình vợ con: điều này lại cho thấy rõ
9 quyết tâm của La Grandière nhất định thực hiện cho bằng
10 được chính sách bành trướng thuộc địa của người Pháp đặt
11 lên đất nước Đại Nam. Quyết tâm này không phải chỉ có
12 nhằm vào 3 tỉnh miền Tây Nam Kỳ và nước Cam Bốt mà
13 thối nhưng lại bao gồm luôn hết đất nước Đại Nam từ ải
14 Nam Quan tới mũi Cà Mau kể cả nước Lào nữa:

15 1- HÀNH QUÂN BÌNH ĐỊNH VÙNG 16 ĐỒNG THÁP MƯỜI

17 Trước hết là những cuộc hành quân càn quét dân quân
18 kháng chiến tại vùng Đồng Tháp Mười.

19 Vào lúc khởi đầu năm 1866, tình hình Nam Kỳ được
20 chính quyền xâm lược tuyên bố là yên ổn và có nhiều triển
21 vọng. Người Pháp đã thu về cho họ hơn 5 triệu đồng quan
22 (francs). Tình hình các tỉnh yên ổn. Khi trở lại Sài Gòn, la
23 Grandière đã được nhiều tầng lớp người An Nam và người
24 Hoa bề thế đón rước chào mừng. Trở lại Sài Gòn, la
25 Grandière đã mang theo nhiều bằng tuyên dương công
26 trạng và huy chương danh dự của chính phủ Pháp ở Paris
27 để tưởng thưởng những người bản xứ đã và đang hợp tác
28 với đoàn quân viễn chinh xâm lược Pháp: đốc phủ Trần Tử
29 Ca, đội Huỳnh Công Tấn được huy chương danh dự
30 (Médaille de la Légion d'honneur, thường được gọi là mề
31 đai điều vì nó có nền toàn màu đỏ, một loại huy chương
32 cao cấp của người Pháp giống như Bảo Quốc Huân
33 Chương của Việt Nam Cộng Hòa trước năm 1975. Đồn
34 rằng, người đeo mề đai điều được mọi người Pháp ở bất
35 cứ nơi đâu kính trọng và sẽ được giảm nhẹ án khi người
36 đeo mề đai điều phạm tội hình sự), đội Trần Bá Lộc được

1 thường huy chương quân đội (la médaille militaire, giống
2 như anh dũng bội tinh của Việt Nam cộng Hòa trước
3 1975). Các thế lực từ các nước lân bang đều tỏ dấu hiệu
4 thân thiện với người Pháp ở Nam Kỳ.

5 Tuy nhiên, vẫn còn vùng Đồng Tháp Mười, nơi chứa
6 chấp và là mật khu của dân quân kháng chiến Nam Kỳ
7 thường gọi là bưng biền. Tiếp nhận súng ống đạn dược từ
8 Hà Tiên, Rạch Giá đưa vào bưng, dân quân kháng chiến
9 tiếp tục gây rối và tạo khó khăn cho lịch trình thi hành
10 chính sách thuộc địa của người Pháp trên toàn cõi Nam Kỳ
11 hạ. Thống soái la Grandière đã lưu ý triều đình Đại Nam về
12 tình hình bất ổn ở vùng Đồng Tháp và cảnh cáo rằng
13 những cuộc xuất quân từ bưng biền để đánh phá đôn bót
14 của đoàn quân viễn chinh Pháp là vi phạm trầm trọng hòa
15 ước Nhâm Tuất (1862). Để đáp lại, quan binh địa phương
16 và triều đình Huế chỉ trả lời xin cho có hình thức theo thủ
17 tục ngoại giao.

18 Ngày 20 tháng 1 dl năm 1866, Phan Thanh Giản đã
19 được triều đình Huế cử làm Kinh lược đại thần 3 tỉnh miền
20 Tây. Người Pháp chờ đợi ông Phan Thanh Giản sẽ giải
21 quyết được tình hình bất ổn tại vùng bưng biền Đồng Tháp
22 nhưng rốt cuộc rồi họ thất vọng vì không thấy có một dấu
23 hiệu nào thay đổi mà tình trạng bất ổn còn gia tăng hơn lúc
24 trước. Mức độ các đoàn dân quân kháng chiến xuất phát từ
25 Đồng Tháp Mười để đánh phá càng lúc càng nhiều và lan
26 rộng khắp nơi. Những tiền đồn của quân xâm lược Pháp ở
27 Mỹ Tho bị tấn công. Quân kháng chiến hô hào tuyên
28 truyền rằng người Nhật Bản sẽ trợ giúp để chống quân xâm
29 lược Pháp.

30 Vào cuối tháng 3 dl, dân quân kháng chiến đánh chiếm
31 đồn Cái Nứa ở Mỹ Tho khiến quân Pháp phải hành quân
32 tái chiếm nhiều lần mới tạm yên. Không thể để tình trạng
33 xáo động kéo dài, quân xâm lược quyết định mở cuộc hành
34 quân bình định vùng Đồng Tháp Mười. Từ bên ngoài, đoàn
35 quân của Pháp gồm có 100 quân chính quy người Pháp,
36 250 lính tập người bản xứ với thành phần chỉ huy gồm có 3
37 đại úy người Pháp, quản Tấn và huyện Lộc, chia nhau đi

1 theo 3 lộ trình xuyên đêm lây tấn công vào cứ điểm trung
2 tâm của kháng chiến quân. Ngày 16 tháng 4 dl năm 1866
3 quân Pháp tấn chiếm Đồn Tả, một đồn chính yếu ở trung
4 tâm Đồn Tháp do 350 quân kháng chiến trấn thủ và 40
5 khẩu đại pháo. Một đại đội quân từ tàu chiến la *Fusée* được
6 tăng viện: quân kháng chiến chống cự mãnh liệt nhưng
7 cuối cùng phải bỏ chạy tứ tán. Chỉ huy kháng chiến quân
8 thiên hộ Dương chạy thoát, nhiều dân quân kháng chiến bị
9 quân xâm lược bắt sống ở Cái Thìa (Mỹ Tho) trong số đó
10 có một binh sĩ Pháp đào ngũ tên là Linguet đi theo kháng
11 chiến bung biên Đồn Tháp Mười.

*

2 - CÁC CUỘC NỔI DẬY CỦA NGƯỜI CAO MIÊN Ở NAM KỶ HẠ

12 Ba nhân vật chủ chốt trong những cuộc nổi dậy ở Nam
13 Kỳ hạ là Ong Bướm (A-Xoa), nhà sư Pù-Kâmbô và Phra-
14 Keo-Pha. Pù-Kâmbô và Phra-Keo-Pha được chính quyền
15 Pháp nuôi dưỡng và cho tá túc ở Sài Gòn với điều kiện là
16 người này không được gây xáo động nước Cao Miên đang
17 ở dưới quyền đô hộ của Pháp.

18 Trong những tháng đầu năm 1866, tình hình nước Cao
19 Miên (Cambodge) yên ổn. Ở Sài Gòn, Phra-Keo-Pha và
20 Pù-Kâmbô tạm thời chịu ép mình chưa kích động người
21 Miên gây rối. Kể từ khi vua Cao Miên Nặc Ong Đôn qua
22 đời và Nororodom lên kế vị thì có khoảng 2,000 người
23 Miên trong một vùng lãnh thổ ở về phía Bắc tỉnh Tây Ninh
24 theo về phe với Pù-Kâmbô chống lại Norodom nhưng bề
25 ngoài nhóm này vẫn sống một cách hòa bình trong vòng
26 kiểm soát và che chở của chính quyền Pháp. Người Pháp
27 chỉ biết rõ sự tình khi Pù-Kâmbô bỏ Sài Gòn ẩn trốn lên
28 vùng phía Bắc. Người Pháp truy lùng thì mới biết được
29 rằng nhà sư này đang cầm đầu một nhóm nhỏ vài người
30 Miên đi biểu dương khắp nơi để rao truyền rằng họ sẽ dùng
31 vũ lực để đòi lại ngôi vua nước Cao Miên. Người Pháp
32 cho rằng Pù-Kâmbô với vài ba người như thế thì không thể
33 làm được việc gì. Nhưng rồi bỗng nhiên thấy xuất hiện một
34

1 khỏi người thật đông gồm có người Miên, người Chăm,
2 người An Nam được trang bị vũ khí, có cả sự hiện diện của
3 A-Xoa và người Pháp cho rằng phong trào nổi dậy này
4 được triều đình Huế ngầm yểm trợ.

5 Sáng ngày 7 tháng 6 dl năm 1866, khoảng 2,000 người
6 vũ trang, với cờ trắng pháp phối tiến về hướng thành đồn
7 Tây Ninh. Viên đại úy thanh tra bản xứ là Larclause muốn
8 dùng phương cách dàn xếp và hiểu dụ cho nên đích thân ra
9 khỏi thành đồn mang theo 20 binh sĩ đến gặp họ nhưng bị
10 họ bao vây và bắn chết. Sĩ quan hộ tống Larclause là trung
11 úy Lesage cũng bị giết cùng với 9 binh thuộc quyền; 11
12 binh sĩ sống sót rút lui vào thành đồn Tây Ninh trong khi
13 một sĩ quan Pháp là đại úy Pinaud mang một tiểu đội 20
14 binh lính cố gắng ngăn chặn nhóm nổi dậy nhưng không cự
15 địch nổi với số đông nên phải rút lui vào thành đồn cố thủ
16 và đánh điện khẩn cấp về Sài Gòn xin cứu viện. Đường
17 dây điện thoại liên lạc bị nhóm nổi dậy cắt đứt vào buổi
18 chiều hôm đó.

19 Một tàu quân tăng viện do trung tá Marchaise từ vùng
20 Sài Gòn được gửi tới trong khi một đại úy thanh tra bản xứ
21 ở Trảng Bàng tên là Fremiel mang 40 binh sĩ đến để tăng
22 cường việc cố thủ đồn thành Tây Ninh. Khi vừa đến nơi,
23 trung tá Marchaise liền mở ngay cuộc hành quân truy kích
24 quanh vùng thành bót Tây Ninh nhưng không có kết quả.
25 Ngày 14 tháng 6 dl năm 1866, Marchaise lại xuất quân
26 150 người cùng với hai khẩu trong pháo. Vào xế chiều,
27 quân của Marchaise đụng trận với nhóm nổi dậy ở vùng
28 rạch Vịnh lầy lội. Marchaise và 13 binh sĩ thuộc quyền bị
29 giết trong lúc xung trận. Nhờ có hai khẩu trọng pháo đại
30 úy Fournier mới có thể rút quân chạy lui về thành bót Tây
31 Ninh không kịp khiêng về xác của Marchaise. Ba ngày sau,
32 quân Pháp quay lại chiến trường thì không còn có thể nhận
33 diện được các binh sĩ tử trận cho nên một số tử thi phải
34 chôn tập thể vào các giếng nước bỏ hoang còn một số khác
35 thì chôn chung trong một thùng bằng gỗ. Đầu của
36 Marchaise nằm dưới một gốc cây nhưng xác thân thì không
37 tìm thấy. Như vậy, kể từ ngày 7 tháng 6 dl đến 14 tháng 6

1 dl năm 1866, quân viễn chinh Pháp đã bị mất đến 3 sĩ quan
2 chỉ huy là Larclause, Lesage và Marchaise. Họ được chôn
3 cất tại một nghĩa địa ở Tây Ninh. Sau này hài cốt của
4 Larclause và Lesage được đưa về Pháp chôn cất lại. Vào
5 tháng 6 năm 1905, một đoàn công tác Pháp do thanh tra
6 bản xứ tỉnh Tây Ninh tên là Pech cùng với một sĩ quan bộ
7 binh Collin cầm đầu đến vùng giao tranh cũ đào xới và tìm
8 thấy một thùng gỗ 3 mét chiều dài và 1 mét 50 chiều ngang
9 nhiều bộ xương người lẫn lộn với giày vớ nhà binh và
10 được mang đi chôn chung nơi nghĩa địa Tây Ninh vào ngày
11 16 tháng 6 dl năm 1906, trên ngôi mộ tập thể này có dựng
12 một cột bia ghi nhớ những binh sĩ viễn chinh Pháp tử trận
13 trong 2 ngày 7 và 14 tháng 6 dl năm 1866.

14 Sau biến cố nổi dậy này, quân binh của Pháp trấn đóng
15 tại thành đồn Tây Ninh được tăng lên đến 500 người dưới
16 quyền chỉ huy của tiểu đoàn trưởng Alleyron. Đồn bót
17 Trắng Bàng cũ được tăng viện tàu chiến trên vùng sông
18 Vàm Cỏ Đông.

19 Sài Gòn được quân Pháp tăng cường phòng thủ cẩn
20 mật. Do đó dân quân kháng chiến đã nhắm vào các vùng
21 lân cận để đánh phá đồn bót của Pháp ở các vùng Thuận
22 Kiêu, chợ Hóc Môn, Trắng Bàng. Các mật khu kháng
23 chiến đặt ở vùng Cầu An Hạ, một vùng đầm lầy nằm giữa
24 Trắng Bàng và vùng sông Vàm Cỏ Đông. Do đó là
25 Grandière đã cho mở nhiều cuộc hành quân càn quét các
26 vùng này. Ngày 27 tháng 6 dl 500 lính Pháp và 100 lính
27 tập bản xứ, 50 thủy bộ binh mở cuộc hành quân bao vây
28 vùng Cầu An Hạ truy kích kháng chiến rút chạy về hướng
29 Bắc nơi có nhóm nổi dậy Pù-Kambô hoạt động. Một nhóm
30 kháng chiến khác rút chạy về hướng Nam.

31 Tháng 7 dl năm 1866, quân Pháp càn quét truy kích,
32 nhóm nổi dậy người Miên trốn chạy bỏ lại nhiều xác chết.
33 Tiếp tục hành quân truy kích, quân pháp đánh bật nhóm
34 nổi dậy ra khỏi mật khu Ba Vang, đồng thời bắt được 112
35 dân quân kháng chiến quanh vùng Tây Ninh.

36 Tất cả những cuộc nổi dậy vừa kể trên, người Pháp quy
37 trách nhiệm cho quan binh của triều đình Huế, không

1 những nhắm mắt làm ngơ mà còn ám trợ cho họ đánh phá
2 các đồn bót của Pháp. Người Pháp phản kháng, triều đình
3 Huế phải ra lệnh loại trừ A- Xoa để xoa dịu mối căng thẳng
4 nhưng Pháp vẫn không hài lòng và cho rằng phía triều đình
5 chỉ loại trừ dùm cho Pù-Kâmbô một đối thủ tranh ngôi vua
6 nước Cao Miên.

7 Trong khi vua Norodom chỉ biết ngôi làm vua vô quyền
8 thì những người Miên nổi dậy đánh phá ngay trên nước
9 Cao Miên (Cambodge). Norodom phải cầu cứu với chính
10 quyền bảo hộ Pháp. Người Pháp phải đối đầu, đánh dẹp
11 liên tục những cuộc đánh phá của nhóm người Miên nổi
12 dậy do Pù-Kâmbô cầm đầu tại vùng Oudong - Pnom Penh
13 nhưng chỉ đẩy lui được nhóm này chạy ngược về phía Nam
14 và ngay trong nội tình triều đình của Norodom cũng có phe
15 muốn theo về với Phra-Keo-Pha để hạ bệ Norodom.

16 Trong khi phải vừa tổ chức hành quân bình định kháng
17 chiến quân cùng những cuộc nổi dậy ở Cao Miên cũng như
18 phải xây dựng những nền tảng cơ bản cho chính sách thuộc
19 địa tương lai của người Pháp ở Đông Dương thì dư luận ở
20 bên Pháp vẫn còn tiếp tục chống lại chính sách thuộc địa
21 và chủ trương bành trướng lãnh thổ của đoàn quân viễn
22 chinh Pháp ở Nam Kỳ Hạ khiến Napoléon III phải trù trừ
23 không dứt khoát. Sau khi Rigault de Genouilly thay thế
24 Chasselouplabat trong chức vụ bộ trưởng Bộ Hải Quân và
25 Thuộc Địa, Napoléon đã phải gửi sĩ quan hải quân hoàng
26 triều là des Varannes sang thanh sát vùng Java và Nam Kỳ
27 Hạ. Sau gần 2 tháng kinh lý Nam Kỳ, des Varannes đã ghi
28 nhận tình hình ở Nam Kỳ Hạ tiến triển rất khả quan cho
29 chính sách thuộc địa của người Pháp khiến cho hoàng đế
30 Napoléon III đã có thái độ dứt khoát đối với những âm
31 mưu lợi dụng thời cơ của triều đình Huế. Napoléon III cho
32 phép La Grandière tiến hành cuộc xâm chiếm 3 tỉnh miền
33 Tây Nam Kỳ.

34 Cùng thời điểm này, để chuẩn bị cho việc xâm lăng Bắc
35 Kỳ, sau khi tham khảo ý kiến và được phép của bộ Hải
36 Quân và Thuộc Địa, La Grandière đã thành lập một phái
37 đoàn thám hiểm dòng sông Mê-Kong do thiếu tá hải quân

1 de Lagrée làm trưởng đoàn và trung úy Thanh Tra Bản Xứ
2 Sự Vụ Francis Garnier đoàn phó, Delaporte sĩ quan hải
3 quân tập sự, 2 y sỹ hải quân Joubert và Thorel, de Carné
4 tùy viên của bộ ngoại giao. Đoàn thám hiểm có 4 người
5 Pháp và 6 lính tập người bản xứ hộ tống cùng với 1 thông
6 dịch viên người Pháp và một thông dịch viên người Cam
7 Bốt. Ngày 5/6/1866 đoàn thám hiểm rời Sài Gòn trên 2
8 pháo thuyền số 32 và số 27. Trong 2 năm ròng rã, đoàn đã
9 ngược dòng sông Mê-Kong thám hiểm lên đến tận vùng
10 đất tỉnh Vân Nam của Trung Quốc và và trưởng đoàn de
11 Lagrée đã bị chết vào ngày 12/3/1863 tại Đông Châu
12 Phủ/Trung Quốc vì bệnh viêm gan và được Francis Garnier
13 và đoàn thám hiểm mang xác về Sài Gòn ngày 29 tháng 6
14 năm 1868.

*

15 3- PHÁP ĐÁNH CHIẾM 3 TỈNH MIỀN TÂY NAM KỲ

16 **Đinh Mão, Tỵ Đức thứ 20** (1867), ngày 14 tháng 2 dl
17 năm 186, la Grandière phái phó thuyền trưởng Monet de la
18 Marek theo tàu chiến *Monge* ra Huế để đòi nợ bồi thường
19 chiến phí chưa nộp đúng kỳ hạn đồng thời thúc hối triều
20 đình Huế phải giao nhượng ngay 3 tỉnh miền Tây. Triều
21 đình Huế khước từ đòi hỏi của Pháp và chỉ muốn chuộc lại
22 các tỉnh đã bị mất vào tay người Pháp.

23 Viện Cơ Mật đề nghị cử Phan Thanh Giản vào Sài Gòn
24 để dụ ý người Pháp về yêu cầu chuộc lại các tỉnh đã mất.

25 Ngày 24 tháng 2 dl năm 1867, Pháp lại mở hội chợ đấu
26 xảo ở Sài Gòn. Trong ngày phát giải thưởng tại hội chợ này
27 Phan Thanh Giản đứng cạnh thống soái La Grandière cùng
28 với thủ lĩnh nhóm người miền nổi dậy là Pra-Keo-Pha và
29 hai quan thượng thư của triều đình vua Cao Miên
30 Norodom.

31 **Ở Sài Gòn, La Grandière bí mật lên kế hoạch hành**
32 **quân tiến chiếm 3 tỉnh miền Tây**

1 Theo A. Schreiner thì kế hoạch này được la Grandière
2 chuẩn bị một cách bí mật từ 3 tháng trước. Tuy nhiên, theo
3 *Paulin Vial*, nguyên là giám đốc Nha Nội vụ dưới thời la
4 Grandière và cũng là tác giả sách

5 *Nos Premières Années au Tonkin* thì kế hoạch này đã
6 được chuẩn bị sắp xếp từ hơn một năm trước đó:

L'annexion des trois provinces de l'ouest, prudemment conçue et préparée discrètement, n'avait point été une vaine surprise. Elle eut lieu le jour même où les habitants étaient disposés à la regarder comme un bienfait. Plus d'une année à l'avance, les fonctionnaires qui devaient administrer les nouveaux territoires avaient été recrutés et servaient auprès de leurs collègues dans les provinces orientales. Pour 13 inspections, ils étaient au nombre de 50(1). Aucune économie mesquine n'avait été faite sur les cadres du personnel. Des reconnaissances fréquentes avaient été exécutées par des Annamites dévoués, dans toutes les directions.

Ainsi, pendant que le roi Thu-Duc s'obstinait à entretenir des troubles sur le territoire français, à y organiser le désordre et la révolte, nous étions amenés à préparer une revanche éclatante sur ses propres domaines.

Les populations annamites, plus prévoyantes et plus avisées que leurs mandarins, avaient compris quel serait le dénouement de la moindre complication. — Un grand nombre d'habitants des provinces occidentales nous avaient fait dire qu'ils étaient prêts à se soumettre à la première démonstration.

On ne dira jamais trop les dispositions minutieuses qui ont assuré les premiers succès de notre administration en Indo-Chine.

Avant tout, on avait tenu à laisser la police de la population entre les mains des autorités civiles régulières sous la surveillance et la direction des administrateurs français. On avait créé pour ce service un corps considérable de miliciens absolument incapable de s'organiser contre nous et de nous créer le moindre embarras, mais assez fort pour dominer toute tentative imprévue de désordre.

Les troupes européennes du corps d'occupation avaient été considérablement réduites. Elles étaient réservées pour la défense de la colonie contre les ennemis de l'extérieur ou contre les insurrections générales.

(**Paulin Vial**; *Nos Premières Années du TONKIN*; trang 8-9;
Voiro-Paris; 1889)

7 **Tạm dịch:**

8 Việc sáp nhập 3 tỉnh miền Tây đã được dự liệu thận trọng và
9 chuẩn bị một cách bí mật không có gì gọi là đáng phải ngạc nhiên.
10 Dân chúng cũng thế khi họ biết rằng đó chỉ là một việc làm phúc lợi
11 cho họ. Hơn một năm trước, những viên chức được tuyển dụng để
12 nắm giữ việc hành chính cai trị trong các tỉnh mới đã được phối trí
13 tập sự làm việc tại các tỉnh miền Đông. Trong 13 quản hạt có khoảng
14 50 viên chức hạng tập sự này. Chưa có một nguồn lợi kinh tế nhỏ
15 nhoi nào ban phát cho ngạch nhân dụng. Những tin tức về tình hình
16 an ninh tình báo thường được giao phó cho những người dân An
17 Nam nhiệt tình trên nhiều lãnh vực và ở nhiều nơi.

1 Như vậy trong khi vua Tự Đức vẫn cố tình gây ra những tình
2 trạng bất ổn, rối loạn và nổi dậy trên vùng đất do người Pháp chiếm
3 đóng, thì chúng ta đương nhiên cần phải chuẩn bị một sự giáng
4 trả ngay trên các phần đất của ông vua đó. Người dân An Nam chín
5 chắn và biết phòng xa hơn so với các ông quan triều đình của họ đã
6 thấy được sẽ cần phải làm cách nào để giải tỏa một tình trạng rắc rối
7 nhỏ nhút.- Một số lớn dân chúng ở các tỉnh miền Tây đã tỏ dấu hiệu
8 cho chúng ta biết rằng họ sẵn sàng theo về với chúng ta khi chúng ta
9 khởi sự biểu dương lực lượng.

10 Ngày 15 tháng 6 dl năm 1867, La Grandière mật điện
11 lệnh cho các đơn vị tham chiến và các chỉ huy hạm đội tàu
12 chiến: điếm tụ quân ở Mỹ Tho.

13 Chiều ngày 17, các đơn vị tham chiến bắt đầu di chuyển
14 đến Mỹ Tho.

15 Ngày 18, lực lượng quan binh Pháp hội quân tại Mỹ
16 Tho là 1,200 người cùng với 8 thanh tra bản xứ và nhiều
17 nhân viên hành chánh sẽ đặt vào những tỉnh huyện ở các
18 nơi sắp chiếm đóng. Ngoài ra còn có 400 lính tập người
19 bản xứ (còn gọi vệ binh, ngày nay gọi là dân vệ hay cảnh
20 sát) do Pháp tuyển chọn trong tỉnh Mỹ Tho cùng tham dự
21 cuộc đánh chiếm này. Số tàu chiến tham dự gồm có các
22 pháo thuyền bằng gỗ *la Mitraille, le Bourdais, l' Alom-*
23 *Prah*, các pháo thuyền bằng sắt *l' Espignole, le Glaive, le*
24 *Fouconneau, la Halle-barde, l' Arc*, tàu tuần sát *Biên Hòa*
25 và một tàu vận vận tải chạy bằng hơi nước.

26 **Đình Mão, Tự Đức thứ 20, ngày 18 tháng 5 âl (ngày**
27 **19 tháng 6 dl năm 1867)**, vào lúc một giờ trưa, soái hạm
28 *l' Ondine* của La Grandière từ cửa biển Soài Rạp (Gò
29 Công) tiến vào sông Tiền hướng về Mỹ Tho. Các chỉ huy
30 trưởng thủy, bộ binh, các hạm trưởng tàu chiến đều lên
31 soái hạm để nghe La Grandière ban phát những chỉ thị
32 hành quân cuối cùng. Binh lính và vệ binh bắt đầu xuống
33 các tàu đổ bộ. Vào nửa đêm thì hạm đội tấn công chờ theo
34 binh lính của Pháp tiến đến thành Vĩnh Long.

35 Buổi sáng sương mù ngày **19 tháng 5 âl (20 tháng 6**
36 **dl 1867)**, các chiến hạm của đoàn quân xâm lược thả neo
37 trước mặt thành tỉnh Vĩnh Long. Vào 7giờ30 sáng, các
38 chiến hạm đều ở đúng vào vị trí tác chiến. Binh sĩ thủy, bộ

1 được chuyển lên bờ bao vây thành Vĩnh Long. Một quan
2 phụ tá hành quân của La Grandière được phái vào thành để
3 yêu cầu quan binh đồn trú đầu hàng và nộp thành. Khi
4 sương mù tan, quan binh Đại Nam mới biết thành Vĩnh
5 Long bị đoàn quân xâm lược Pháp bao vây⁽¹¹⁾.

6 Kinh lược Phan Thanh Giản và Án sát Võ Doãn Thanh
7 ra khỏi thành xuống soái hạm *Ondine* để gặp La Grandière
8 yêu cầu quân Pháp rút lui nhưng La Grandière nhất quyết
9 cự tuyệt, đòi quan binh triều đình tại 3 thành Vĩnh Long,
10 An Giang, Hà Tiên phải đầu hàng. Biết rằng không thể nào
11 làm thay đổi tình thế, Phan Thanh Giản yêu cầu La
12 Grandière ra lệnh cho thuộc hạ không được giết hại, cướp
13 bóc tài sản của dân chúng trong thành. La Grandière chỉ
14 hứa rằng các quan lại của triều đình Đại Nam sẽ vẫn giữ
15 các nhiệm vụ cũ sau khi đoàn quân của Pháp chiếm đóng 3
16 tỉnh với điều kiện là Phan Thanh Giản phải xuống lệnh cho
17 họ đầu hàng và các nhóm kháng chiến phải ngưng hoạt
18 động tại các nơi đó Phan Thanh Giản viết thư cho các đốc
19 trấn thành An Giang (Châu Đốc), Hà Tiên, thông báo là
20 thành Vĩnh Long đã bị bao vây, yêu cầu quan binh giao
21 nộp thành cho người Pháp để dân chúng không bị liên lụy
22 vì chiến tranh. Khi Phan Thanh Giản trở về thì quân Pháp
23 đã chiếm đóng thành Vĩnh Long.

24 La Grandière liền cử đại tá Rebout làm chỉ huy trưởng
25 quân sự 3 tỉnh miền Tây và đại úy Bourchet làm thanh tra
26 bản xứ (tỉnh trưởng) tỉnh Vĩnh Long.

27 Ngày **20 tháng 5** âm (21 tháng **6** dương năm **1867**), hạm
28 trưởng Galey và giám đốc Nội vụ P. Vial đưa tàu chiến
29 *Biên Hòa* cùng một lúc với một số pháo thuyền và binh sĩ
30 đổ bộ xuống tiến chiếm An Giang (Châu Đốc). Trên lộ
31 trình chuyển quân, họ gặp 2 chiếc ghe buồm có che lọng và
32 hiệu kỳ chỉ huy của quan tổng đốc Hà Tiên. Viên tổng đốc
33 được yêu cầu lên chiến hạm *Biên Hòa*, nhận lệnh thư của
34 Phan Thanh Giản và bị giữ lại trên tàu cho đến lúc tàu đến
35 An Giang (Châu Đốc).

36 Vào 11 giờ đêm, tất cả lực lượng của Pháp đã được
37 phối trí sẵn sàng để hạ thành An Giang.

1 Tổng đốc An Giang được gọi ra tàu *Biên Hoà* để nhân
2 lệnh đầu hàng của Phan Thanh Giản. Tổng đốc An Giang
3 cùng với hai quan Bô chính và Án sát âm mưu bắt Vial và
4 Galey làm con tin nhưng mưu sự bất thành. Quân Pháp vào
5 chiếm đóng thành An Giang. Sáng ngày hôm sau 22 tháng
6 6 dl 1867, soái hạm *Ondine* đến thành An Giang, La
7 Grandière vào thành cắt đặt nhân sự, cử trung úy bộ binh
8 Vignes làm thanh tra bản xứ tỉnh Sa Đéc. Hạm trưởng
9 Valey được thăng thiếu tá.

10 Ngày **22 tháng 5 âl (23 tháng 6 dl năm 1867)**, thiếu tá
11 Galey trên tàu chiến *la Flamberge* cùng với một tàu
12 chuyên chở chạy bằng hơi nước, 20 ghe buồm chở binh sĩ
13 và vệ binh xuất phát từ Châu Đốc qua Hà Tiên. Trên tàu
14 chiến *la Flamberge* có mặt tổng đốc Hà Tiên và do đó cuộc
15 tiến chiếm thành Hà Tiên không có gì trở ngại đối với đoàn
16 quân xâm lược Pháp. Đại úy Dauvergne được cử việc cai
17 trị vùng lãnh thổ Hà Tiên.

18 La Grandière sai Legrand de la Liraye theo tàu chiến *le*
19 *Monge* ra Huế cùng với một thông ngôn thông báo việc
20 quân binh Pháp chiếm đóng 3 tỉnh miền Tây của Đại Nam.
21 Triều đình Huế phản kháng, yêu cầu trả tự do cho các
22 quan binh triều đình trong 3 tỉnh đó đang bị quân Pháp
23 quản thúc và trả lại một số vùng đất thuộc tỉnh Biên Hoà và
24 Sài Gòn để bồi thường cho triều đình về việc người Pháp
25 cưỡng chiếm 3 tỉnh miền Tây nhưng vô hiệu. Pháp chỉ chịu
26 giao trả quan binh của triều đình trên 3 tỉnh đó.

27 **Đinh Mão, Tự Đức thứ 20**, tháng 6 âl, sau khi 3 tỉnh
28 miền Tây bị mất, Phan Thanh Giản gửi trả triều đình ấn tín
29 và bắt đầu tuyệt thực. Ông viết thơ để lại khuyên các con
30 không được hợp tác làm việc cho quân xâm lược Pháp
31 nhưng phải sống hòa bình không chống phá gây hấn với
32 người Pháp, các cháu của ông nên được giáo huấn như con
33 cái của người Pháp. Ông trời thác muốn được chôn cất ở
34 quê nhà tại làng Bảo Thạnh, tỉnh Bến Tre rồi trước sự hiện
35 diện chứng kiến của những người thân, ông mặc triều phục
36 đứng hướng về phương Bắc cung kính quỳ bái 5 lạy rồi
37 nâng chén thuốc độc uống cạn (liều thuốc phiện cực

1 mạnh). Một y sĩ người Pháp Le Coniat đã hết sức tìm cách
2 để cứu sống ông nhưng sau đó 2 ngày thì ông qua đời vào
3 **ngày 5 tháng 7 dl năm 1867.**

4 Thống soái La Grandière đã tự tay viết thư chia buồn
5 gửi đến con trưởng của ông Phan Thanh Giản. nguyên văn
6 lá thư như sau:

7
8 "Le Vice-amiral, gouverneur et commandant en chef en
9 Cochinchine, au fils aîné de S. Exc. Phan Thanh Giản, vice grand
10 censeur du Royaume d'Annam.

11 Vinh Long

12 J'apprends avec une grande douleur la mort de S.Exc. Phan Thanh
13 Giản, votre père.

14 Le royaume d'Annam, dont il était le membre le plus éminent, perd
15 dans ce vieillard respectable un de ses gloires et de ses lumières, et
16 le sentiment de profonde estime qu' il laisse dans ma mémoire et
17 dans celle des Français sera plus durable que la haine de ses
18 ennemis.

19 Aucun autre que votre père n'a compris à Hué quels étaient les
20 avantages qui devaient assurer le bonheur du peuple, et c'est un
21 sentiment touchant et digne de respect qui l' a, malheureusement,
22 porté à ne pas vouloir survivre aux conséquences d' une politique dont
23 tous les torts et toute la responsabilité appartiennent au gouvernement
24 annamite.

25 Le témoignage officiel de mon estime et de mon amitié que je vous
26 adresse dans cette lettre, doit être conservé dans votre famille
27 comme le gage des sentiments que les Français conserveront pour
28 votre vénérable père et pour sa famille.

29 Soyez persuadé aussi que je m' efforcerai, par tous les moyens qui
30 dependent de moi, d' assurer le bonheur de ses enfants, en leur
31 accordant les faveurs et les positions qui porront leur convenir.

32 Agreez l' assurance de ma considération très distinguée.

33 Saigon, le 5 août 1867.

34 De la Grandière."

35 **Tạm dịch:**

36 "Phó Đề đốc, thống đốc kiêm tổng tư lệnh quân lực Nam Kỳ, gửi
37 đến ông trưởng nam của Ngài Phan Thanh Giản^(*) phụ chính khâm
38 sai đại thần của Vương quốc An Nam.

39 tại Vinh Long.

40 Tôi rất là đau buồn biết được tin về cái chết của Ngài Phan
41 Thanh Giản thân phụ của ông.

42 Vương quốc An Nam, mà trong đó ngài Phan Thanh Giản là một
43 thành viên lỗi lạc hơn hết, đã đánh mất đi một trong những phần vinh
44 quang, trí thức và tình cảm sâu đậm quý mến của vị quan lão thành
45 này, nhưng những điều đó vẫn đang lưu lại trong trí óc của tôi cũng

1 như trong trí óc của người Pháp một cách bền vững hơn là sự oán
2 ghét của những quân thù của vị quan lão thành ấy.

3 Ngoài phụ thân của ông trưởng nam ra, nơi triều đình Huế không
4 còn ai nhận thức được những điều gì cần phải thực hiện để bảo đảm
5 cho người dân có thể sống hạnh phúc và chính là vì vấn đề có liên hệ
6 đến cảm tính cùng với đức tự trọng đã khiến cho vị quan lão thành
7 này không còn thiết sống dưới dự chi phối của những hậu quả chính
8 trị sai trái và đầy đủ trách nhiệm do chính quyền của triều đình nước
9 An Nam tạo ra. Những biểu lộ chính thức về lòng kính mến và tình
10 bằng hữu của tôi trong lá thư này ông cần phải lưu giữ lại trong gia
11 tộc như là một bằng chứng về những cảm tình mà người Pháp sẽ giữ
12 riêng cho phụ thân đáng kính của ông và gia tộc của ông ấy.

13 Ông hãy tin rằng tôi sẽ cố gắng bằng mọi phương cách mà tôi
14 có được để đảm bảo cho con cháu của vị quan lão thành có được
15 những quyền lợi và chức vị thích hợp với họ trong tương lai.

16 Xin ông hãy chấp nhận lòng kính trọng rất đặc biệt của tôi.

17 Sài Gòn ngày 15 tháng 10 dl năm 1867

Ký tên: De la Grandière"

18 La Grandière đã ra lệnh cho thuộc hạ dưới quyền đặt
19 quan tài của ông trên một chiếc ghe lớn và được một pháo
20 thuyền của Pháp kéo về làng Bảo Định gần cửa sông Ba
21 Lai tỉnh Bến Tre. Một đội quân dàn chào danh dự của quân
22 đội Pháp cũng được phái đến để cung hầu quan tài của ông
23 Phan Thanh Giản suốt thời gian tiến hành lễ an táng theo
24 tục lệ của người Đại Nam. Dân chúng tham dự đám tang
25 rất đông. Mộ chí của ông ghi *Lương Khê Phan lão nông*
26 *Chi Mộ*.

*

VI/-VỀ VIỆC ĐÁNH GIÁ ÔNG PHAN THANH GIẢN

➤ BỊ LÊN ÁN LẦN THỨ NHẤT:

1 Tháng 4 â.l, năm Nhâm Tuất (1862), trong lúc tình hình
2 bất ổn ở Bắc Kỳ không thể giải quyết, Bonard lại sai hạm
3 trưởng tàu chiến Forbin là Simon đến cửa biển Thuận An
4 (đầu tháng 5 d.l năm 1862) đưa thư liệt kê 3 điều kiện tiên
5 quyết để hòa đàm: 1/ - Trong vòng 3 ngày phải trả trước
6 cho người Pháp 100,000 quan tiền bồi thường chiến tranh
7 tính ra lạng bạc; 2/ - Đề cho Pháp đặt người của họ toàn
8 quyền cai quản trên các vùng đất hiện do Pháp tạm chiếm;
9 3/ - Trong vòng 8 ngày phải cử đại diện để hòa đàm với
10 Pháp. Phan Thanh Giản, Trần Tiễn Thành đem việc ấy
11 trình lên. Triều đình bàn bạc và phải chịu chấp nhận những
12 đòi hỏi tiên quyết số 1 và số 3 của Pháp. Thuyền trưởng
13 Simon trở về Sài Gòn mang theo 2 điều kiện tiên quyết của
14 Pháp được triều đình Huế chấp nhận. Sau đó Simon trở ra
15 Thuận An. Triều đình Huế cử Phan Thanh Giản và Lâm
16 Duy Hiệp làm chánh, phó sứ toàn quyền đại thần để hội
17 nghị với người Pháp. Khi sắp đi, Tự Đức rót rượu riêng của
18 mình ban cho và dụ rằng đoàn sứ không được nhận điều
19 khoản tự do truyền đạo Gia tô và không được nhượng thêm
20 đất.

21 Ngày 24 tháng 4 â.l (1862) Phan Thanh Giản và Lâm
22 Duy Hiệp đi thuyền *Thụy Nhạc* uy vệ ra cửa biển Hội An,
23 qua tàu Forbin gặp Simon trao 100,000 quan tiền trả trước.
24 Sau đó tàu Forbin hộ tống thuyền *Thụy Nhạc* vào Gia
25 Định.

26 Ngày 30 tháng 4 â.l (26 tháng 5 d.l năm 1862), đoàn sứ
27 Đại Nam tới Sài Gòn. Cuộc đàm nghị mở ra liên tục cho
28 đến ngày 9 tháng 5 â.l năm Nhâm Tuất (5 tháng 6 d.l năm
29 1862) thì 2 bên ký định ước. Các điều khoản của định ước
30 này phải được triều đình nước Đại Nam và triều đình nước
31 Pháp thông qua trong vòng 1 năm.

32 Ngày 11 tháng 5 â.l (7 tháng 6 d.l năm 1862), đoàn sứ
33 Đại Nam đi thuyền về, đến Huế vào ngày 14 tháng 6 â.l
34 (10/6 d.l/1862).

1 Xem xong bản định ước 12 khoản, Tự Đức đã quở trách
2 Phan Thanh Giản và Lâm Duy Hiệp và cho rằng 2 viên
3 quan này. Vua nói **thương thay con đồ của lịch triều, nào**
4 **có tội gì Rất là đau lòng. Hai viên này không những là**
5 **người có tội với triều đình nhà Nguyễn mà còn mắc tội**
6 **đối với nghìn muôn đời vậy !**" rồi đưa xuống cho đình thần
7 bàn xét.

8 Sau khi bàn xét đình thần phúc tâu như sau: về khoản
9 cắt đất và trả tiền bồi thường chiến tranh thì Phan Thanh
10 Giản và Lâm Duy Hiệp đã thỏa thuận rồi nhưng phần nhiều
11 chưa hợp. **Nhưng vì đây là một bản điều ước mới định,**
12 **nếu vội sửa đổi ngay, sợ họ còn tức khí, chưa chắc đã**
13 **nghe theo ngay. Xin đề nghị để 2 viên quan ấy ở gần**
14 **liên lạc với người Pháp bàn tính để họ chậm chước lần**
15 **lần và cũng là để 2 viên quan đó có dịp chuộc lại lỗi**
16 **lầm đã nhượng đất và chịu trả quá nhiều tiền bồi**
17 **thường; đề nghị bắt tội họ vì không chu toàn trách nhiệm**
18 **được giao phó từ trước.**

19 Tự Đức cho rằng nếu bắt tội Phan Thanh Giản và Lâm
20 Duy Hiệp thì không thể tìm được người khác có khả năng
21 như họ để nhận lãnh trách nhiệm hoà nghị và do đó giao
22 cho Phan Thanh Giản lãnh tổng đốc Vĩnh Long, Phan Duy
23 Thiếp (Hiệp) lãnh chức tuần phủ Thuận - Khánh nhưng 2
24 người vẫn phải tiếp tục trách vụ đàm phán với người Pháp
25 **để chuộc tội.**

26 □ Một kẻ lãnh đạo quốc gia có liêm sĩ và đạo đức
27 phải biết nhận trách nhiệm về khả năng cai trị yếu kém của
28 mình với tổ quốc, với dân chúng. Những hàng cộng sự của
29 mình chỉ là cấp thừa hành phải làm theo lệnh của cấp trên
30 khi cấp trên là một kẻ ôm đồm thu tóm hết quyền lực kẻ cả
31 quyền làm chủ mạng sống của mọi người không phân biệt
32 là hạng thứ dân hay quan đại thân.

33 Đáng lý câu tuyên bố của Tự Đức phải như sau thì chắc
34 là đúng hơn: **thương thay con đồ của lịch triều, nào có tội**
35 **gì? Rất là đau lòng. Không những là Trẫm có tội với triều**
36

1 **đình nhà Nguyễn mà còn mắc tội đối với nghìn muôn đời**
2 **vậy!"** Và sau khi đóng tuồng nhận tội như thế rồi Tự Đức
3 lại đóng tuồng tuyên bố tự thoái vị, rồi mấy ông đại thần
4 thần ở Huế giả bộ quỳ lạy ôm chân năn nỉ xin Tự Đức
5 đừng bỏ ngôi, rồi bên ngoài sai quân binh giựt giây cho dân
6 chúng tụ họp biểu tình hoang hô ủng hộ Tự Đức, ủng hộ
7 tập đoàn đình thần ăn không rồi nghề ở Huế và đã đảo
8 quân xâm lược Pháp thì có lẽ sách sử nhà Nguyễn sẽ để lại
9 cho hậu thế hình ảnh của một ông vua hiền sáng giá biết
10 nhận lãnh trách nhiệm có tên là Tự Đức chăng? Nếu Tự
11 Đức đã làm được như thế thì rất có thể đã gây được xúc
12 động của toàn quân toàn dân và biến họ thành một khối đại
13 đoàn kết dân tộc để chống quân xâm lược phương Tây.
14 Cần gì mà phải trút hết tội lỗi lên đầu ông Phan Thanh
15 Giản và ông Lâm Duy Hiệp!

16 Không phải tất cả người hậu thế đều ngây thơ và xuẩn
17 động đến mức độ tin tưởng lời tuyên bố buộc tội thốt ra từ
18 miệng của Tự Đức rồi sẽ hùa theo Tự Đức để làm móp
19 méo lịch sử.

20 Câu tuyên bố của Tự Đức cho thấy rõ trong chế độ tập
21 đoàn phong kiến dù ở bất cứ triều đại nào, dù bất cứ ở đâu
22 thì người dân đen luôn luôn là kẻ tội mọi phục vụ riêng cho
23 gia tộc của kẻ đang nắm quyền cai trị và vận mạng đất
24 nước. **Tại sao 2 ông Giản và Hiệp lại có tội với nhà**
25 **Nguyễn?** Bởi vì Tự Đức xem đất nước Đại Nam là tài sản
26 riêng của nhà Nguyễn nhất là những vùng lãnh thổ ở Nam
27 Kỳ Hạ lại còn có những mối dây ràng buộc tình cảm đối
28 với họ Nguyễn nói chung và đặc biệt với Tự Đức nói riêng.
29 Phải chi trên thực tế Tự Đức là một vị minh quân tài đức
30 biết hy sinh đời mình cho quốc gia dân tộc thì lời tuyên bố
31 buộc tội 2 ông Phan, Lâm của vị minh quân sẽ trở thành
32 khuôn vàng thước ngọc, một lời hiệu triệu mạnh mẽ để lôi
33 kéo toàn quân, toàn dân một lòng liều chết chống trả quân
34 xâm lược, nhưng thật tiếc thay người dân Đại Nam, đất
35 nước Đại Nam vào thời đó không có được ông vua xứng
36 đáng gọi là minh quân như thế!

➤ **BỊ LÊN ÁN LẦN THỨ NHÌ:**

1 Sau khi chịu tiếp kiến phái đoàn sứ Pháp-Tây Ban Nha
2 để nhận hoà ước Nhâm Tuất đã được Hoàng đế Napoleon
3 III ký chuẩn phê, Tự Đức bằng lòng trao cho đối phương
4 bản hoà ước Nhâm Tuất do chính tay mình chuẩn phê, Tự
5 Đức lại đổ tội cho Phan Thanh Giản và Ông Lâm Duy Hiệp
6 cùng với nhiều người khác và lần này kèm theo án phạt
7 trăm giam hậu treo vào cổ 2 ông Phan, Lâm.

8 □ Có một điều đáng lưu ý ở đây là những người bị án
9 phạt phải tự động làm tờ tự thú chính họ đã bắt lặc gây ra
10 có sự và lạy xin Tự Đức hãy trừng phạt họ!

11 Nhưng, Tự Đức đâu có độc đoán tự động trách phạt họ!
12 Tự Đức lại giao xuống cho cơ quan pháp ti chấp án! Bởi vì
13 có như vậy hậu thế mới thấy được Tự Đức là một ông vua
14 công minh trong vấn đề xử phạt những kẻ có tội: thật là
15 một ông vua khôn ngoan tốt mức! Về việc này sách
16 ĐNTLCB của sử quán triều Nguyễn trong tháng 3 ăm
17 Quý Hợi (1863) ghi chép như sau:

18 *Nguyên binh bộ thượng thư lãnh tuần phủ Thuận Khánh là Lâm*
19 *Duy Thiếp (Hiệp) mất. Bộ lại tâu lên. Vua nói: Duy Thiếp chưa hay lập*
20 *công chuộc tội, nhưng nghĩ đến người bầy tôi cũ, gia cấp cho hạng*
21 *lựa màu và tiền, còn xử theo tội gì sau sẽ bàn định.*

22 *Bọn Đoàn Thọ, Phan Thanh Giản, Trần Tiễn Thành tự cho là đi*
23 *thương thuyết không được công trạng gì, xin chịu tội. Việc ấy giao*
24 *xuống cho pháp ti tư bàn. Khi án dâng lên, Thanh Giản, Duy Thiếp*
25 *(Hiệp) chiếu theo luật "thừa sai báo cáo quân kỳ" (nghĩa là vâng lệnh*
26 *đi báo cáo kỳ hạn việc quân). Nghĩ tội trăm giam hậu. Đoàn Thọ, Trần*
27 *Tiến Thành so sánh vào luật "vi chế" nghĩ tội phạt trượng, thuộc về tội*
28 *công chuẩn giáng 4 cấp đổi đi. Phạm Phú Thứ chiếu luật sai lầm ý*
29 *trong chỉ dụ, giảm mức tội xuống nghĩ phạt trượng, chuẩn giáng 1 cấp*
30 *lưu dụng.*

31 *Vua gia ơn cho Thanh Giản giảm xuống tội cách lưu; Thọ và Tiễn*
32 *Thành xuống tội giáng chức lưu dùng. Duy Thiếp đã chết, truy đoạt lại*
33 *chức hàm; Nguyễn Quang, Đặng Hạnh, Phạm Ý, Lê Tuấn cũng đều*
34 *cho giáng, phạt có thứ bậc khác nhau. (ĐNTLCB;đệ tứ kỷ; quyển*
35 *XXVIII; bản dịch; trang 14, 15; Hà Nội; 1974).*

36 Hậu thế sẽ thắc mắc: tại sao đã biết là kẻ địch ép bức
37 nhưng khi mặt đối mặt với kẻ thù nơi điện Thái Hòa, vị vua
38 "khôn ngoan và kiên cường" của thần dân nước Đại Nam
39 không ngó thẳng vào mặt kẻ địch để tố cáo bọn họ là một

1 nhóm người xâm lăng cướp nước rồi cầm bản hòa ước có
2 chữ ký của hoàng đế Napoléon III quăng xuống đất và
3 truyền lệnh quân binh tổng khừ bọn họ ra khỏi điện Thái
4 Hòa?

5 Tại sao không đem ông Giản, ông Hiệp ra chém ngay
6 đi cho rồi mà còn bày trò trăm giam hậu để làm gì?

7 Cần gì phải chém ngay cho mang tiếng là hung bạo bất
8 nhân, cứ để đó, trước sau gì rồi thì hai kẻ tử tội này cũng
9 phải chết nhưng họ phải tự xử, tự tìm lấy cái chết cho mình
10 chứ không phải do tay vị hoàng đế nhân từ sát hạ! Và đúng
11 như ý muốn của Tự Đức, bởi vì tử tội Lâm Duy Hiệp đã
12 "bị bệnh dịch tả" chết ngay vào lúc trao đổi hòa ước Nhâm
13 Tuất, một cái chết rất đáng nghi ngờ, rất đáng dị nghị: phải
14 chẳng ông Hiệp đã tự xử lấy đời mình nhưng sử sách nhà
15 Nguyễn lại lấp liếm viết rằng ông bị chết vì bị nhiễm lây
16 bệnh dịch tả đang hoành hành lan tràn khắp miền Trung Kỳ
17 vào lúc đó?

18 Đọc lại sử phong kiến Việt Nam, các kẻ bị gọi là kẻ thù
19 hay bị coi là nguy hại cho một ông vua hay một triều đại
20 thường bị án tử hình giam hậu nhưng hầu hết các tử tội đều
21 tự xử lấy bằng cách uống thuốc độc hoặc tự treo cổ lúc còn
22 bị giam giữ trong ngục chờ ngày lên đoạn đầu đài! Người
23 ta sẽ tự hỏi trong ngục làm sao có sẵn thuốc độc hay dây
24 thừng để kẻ tử tội tự xử nếu các thủ hạ của nhà vua không
25 mang các thứ đó để sẵn trong ngục? Còn cái chết của ông
26 Lâm Duy Hiệp sao lại trùng hợp một cách lạ lùng với bản
27 án tử hình giam hậu mà pháp ti của triều đình Huế và Tự
28 Đức sắp treo vào cổ ông Hiệp sau khi nghi thức chuẩn phê
29 hòa ước Nhâm Tuất hoàn tất tại Huế. Đây có thể là một
30 nghi án xin để người sau truy cứu thực hư.

31 Đồ tội, kết án trăm giam hậu ông Phan Thanh Giản
32 nhưng không giam ông vào ngục thật để chờ giờ hành
33 quyết nhưng lại buộc ông phải tiếp tục cái công tác mà
34 không có một ông đại thần "tài giỏi" nào ở triều đình Huế
35 dám tình nguyện đảm nhận và mặc dù ông Giản lúc này
36 gần 70 đã nhiều lần xin Tự Đức cho được miễn nhiệm nghỉ
37 hưu nhưng bị từ chối.

➤ **BỊ LÊN ÁN LẦN THỨ BA:**

1 Chính trong bối cảnh vừa kể trên ông Giản lại bị kết tội
2 lần thứ 3 và lần này không phải do Tự Đức hay do triều
3 đình Huế kết tội mà "người ta đồn rằng" **nhân dân** kết tội
4 hai ông Giản và Hiệp **bán nước**. Việc kết tội lần này do
5 Trương Định chủ xướng khi trên lá cờ hiệu khởi nghĩa của
6 ông ta có dòng chữ **Phan, Lâm mãi quốc; triều đình khi**
7 **dân**.

8 □ Sau khi đi sứ thắng lợi từ Pháp trở về, ông Giản lại
9 được Tự Đức giao nhiệm vụ thương thảo với Aubaret ký
10 kết một hòa ước mới để thay thế hòa ước Nhâm Tuất 1862.
11 Ông Giản đã kỳ kèo với Aubaret theo đúng chỉ thị của Tự
12 Đức và triều đình Huế và kết quả là hòa ước Aubaret được
13 hình thành. Tuy nhiên, Tự Đức và triều đình Huế lại vẫn
14 chưa hài lòng về việc ông Phan Thanh Giản ký kết hòa ước
15 mới Aubaret 1864. Và lại cũng chính ông Giản cùng với
16 các viên khác có nhiệm vụ do Tự Đức và triều đình Huế
17 giao phó để thương lượng với Aubaret và ký kết hòa ước
18 mới lại phải tự ý làm đơn xin Tự Đức trách phạt và lần này
19 thì triều đình Huế đề nghị thẩm xét từng trường hợp và vai
20 trò của mỗi cá nhân tội phạm rồi đề nghị án phạt đại hình
21 nịch chức (không làm tròn nhiệm vụ được giao
22 phó).(ĐNTLCB đã dẫn; trang 96)

23
24 Rồi hòa ước Aubaret không được hoàng đế Pháp và
25 chính phủ Pháp chuẩn nhận, họ quyết định phải chấp hành
26 hòa ước Nhâm Tuất 1862, phái Aubaret ra Thuận An yêu
27 cầu Tự Đức và triều đình Huế phải thi hành các điều ước
28 kết trong hòa ước Nhâm Tuất một cách nghiêm chỉnh,
29 đúng thời hạn ấn định nhất là phải ra lệnh cho các nhóm
30 kháng chiến chống Pháp ngưng hoạt động phá rối trị an tại
31 các vùng đất do Pháp sở hữu hoặc kiểm soát. Sách
32 ĐNTLCB ghi chép việc này như sau:

33 *Bọn Phan Thanh Giản đem việc tâu lên. Vua giao cho phủ Tôn*
34 *nhân và đình thần bàn định, đều nói: vua tôi nước ấy, đã không chịu*
35 *cho chuộc lại 3 tỉnh; (Gia Định, Định Tường, Biên Hòa), nếu lại viết*
36 *quốc thư để hỏi thì họ lại cố chấp lời nói trước, sợ có tổn đến quốc*
37

1 thể chẳng? Xin sai quan Thương bực viết thư gửi cho đại học sĩ nước
2 ấy là Anh Đê Luy và chủ sứ nước Phú ở Gia Định, thông tin phân
3 trần cận kề, **họa có chút động lòng nghe chẳng**, sau sẽ dần mưu
4 tính. Vua nói: bọn Khanh liệu thế nào, chớ nhẽ theo ước cũ mà nỡ bỏ
5 đất cát 3 tỉnh ấy ư? Nên tính cho kỹ.

6 Các đại thần lại nói: ngự lớn về hòa ước, từ trước đến nay vẫn
7 giữ bí mật, chưa có công bố cho mọi người nghe biết, sinh ra ngờ
8 vực. Xin do tình thần 3 tỉnh Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên, đem sao
9 lục 12 điều ước cũ, đưa đi treo dán, để hiểu bảo cho sĩ dân đều biết,
10 khiến đều yên ở làm ăn. Đến như việc thu xếp sau này được thỏa
11 thiện, nên xin thông thả sẽ bàn định. Vua y cho. Nhân bảo bọn Thanh
12 Giản rằng: ý người Phú như thế, là muốn dân ta dứt tình với ta, cho
13 nên không nhìn được sự tức giận nhỏ ấy. Ta đã nhiều lần phái người
14 mật đi hiểu bảo, nhưng có 1, 2 kẻ hiểu sự không chịu nghe, đã để cho
15 họ sinh ngờ, lại làm nhiều hại dân ta. Và lại họ đang cố chấp lời ước,
16 để gây hiểm khích, 3 tỉnh bị trợ trợ thì tất đến nguy. Nay dứt tình đi thì
17 sợ lòng dân ngày thêm lia tan, nếu không dứt tình tuyệt đi, thì việc
18 chưa nên, mà lúc cấp khó cứu, nên bắt đắ dĩ phải dứt tình đi, để cho
19 dân 3 tỉnh ấy không còn trông nhờ vào đâu để bạo động nữa. Đó là
20 đoạn tuyệt để mà bảo vệ, để làm kế sau này nảy nở sẽ mưu toan dần
21 dần. Bèn xuống dụ cho tình thần 3 tỉnh sức khắp cho các hạt biết, có
22 ai mượn tiếng là mộ nghĩa, thì không được vào trong địa giới, mà các
23 quan phủ, huyện một khi trông thấy tức thời bắt ngay đem giải; nhà
24 dân có ai chứa chấp, cũng bắt tội như kẻ phạm. (ĐNTLCB; sách đã
25 dẫn; trang 162, 163)

*

26 ♠ - ngự lớn về hòa ước, từ trước đến nay vẫn giữ bí mật,
27 chưa có công bố cho mọi người nghe biết, sinh ra ngờ vực.
28 Như vậy có nghĩa là *nhân dân* - ở đây phải chăng triều đình
29 có ý nói là các nhóm dân quân kháng chiến? - đã không
30 hay biết gì về hòa ước Nhâm Tuất 1862 và hòa ước
31 Aubaret? Tại sao Tự Đức và triều đình lại phải giữ bí mật
32 không công bố cho mọi người nghe biết? Bởi vì Tự Đức
33 đang xử dụng âm mưu tiếp tục lợi dụng, khích động, bao
34 che các nhóm dân quân kháng chiến để vừa đánh vừa kéo
35 dài hòa đàm, làm cho quân Pháp bị dao động, mệt mỏi và
36 nản chí để rồi tự động rút đi hoặc chấp nhận những điều
37 kiện hòa đàm do Tự Đức và triều đình Huế đưa ra và do đó
38 nếu quân kháng chiến đã biết có hòa ước rồi thì có thể họ
39 sẽ không còn hăng sai kháng chiến chống Pháp nữa. Vậy
40 thì nghị lớn về hòa ước phải giữ bí mật hay nói khác đi Tự
41 Đức và triều đình Huế đã qua mặt các nhóm dân quân

1 kháng chiến, xem họ chỉ là một phương tiện lót đường cho
2 để Tự Đức thực hiện mục tiêu lấy lại những vùng đất mà
3 Tự Đức coi là vùng đất thiên liêng của tổ tiên dòng họ nhà
4 Nguyễn Phúc.

5 ♠ -Xin sai quan Thương bạc viết thư gửi cho đại học sĩ
6 nước ấy là Anh Đề Luy và chủ sứ nước Phú ở Gia Định,
7 thông tin phân trần căn kẽ, **họa có chút động lòng nghe**
8 **chăng:** đây là hình ảnh và thái độ run sợ, tuân phục của
9 một kẻ chiến bại trước những điều kiện đòi hỏi của kẻ
10 thắng trận áp đặt ra. *Xin sai quan thương bạc viết thư gửi*
11 *cho học sĩ nước ấy . . .*" Vậy quan thương bạc lúc đó là ai,
12 và lá thư của quan thương bạc gửi cho chính quyền Pháp
13 như thế nào ?

14 Trong một quyển sách có tựa đề Les Débuts de
15 L'installation du Système Colonial Français au Viet Nam
16 (1858-1897) bản dịch ra tiếng Việt năm 1994 (Bước Mở
17 Đầu Của Sự Thiết Lập Hệ Thống Thuộc Địa Pháp ở Việt
18 Nam 1858-1897), nơi trang 117 và trang 118, tác giả sách
19 này có đăng tải một lá thư của *bộ ngoại giao* trả lời cho La
20 Grandière sau khi viên soái phủ này gửi văn thư chính thức
21 thông báo cho triều đình Huế biết là chính phủ Pháp không
22 thừa nhận hoà ước Aubaret. Tác giả gọi là *thượng thư bộ*
23 *Ngoại giao Việt Nam* và người đứng đầu bộ ngoại giao lúc
24 đó là *Phan Huy Vịnh*. Lá thư này được tác giả cho biết xuất
25 xứ của nó nơi chú thích số (17) ở trang 121 như sau:
26 .(17) Hồi ký và tư liệu châu Á-Quyển 29-tr. 46-48,106,105 & 112. 135-
27 138. 270-272 (tư liệu chưa xuất bản) và 273-274.

28 ***Cần lưu ý:** kiểu trích dẫn của tác giả sách " không thể giúp ích
29 gì thêm cho người đọc đồng thời còn tạo ra cái cảm giác như là tác
30 giả muốn giữ làm của riêng mình những tài liệu và tư liệu mà tác giả
31 đã có dịp nhìn thấy hay đọc được. Lá thư viết bằng chữ Hán ? Chữ
32 nôm? Chữ quốc ngữ theo mẫu tự a, b, c ...? hay bằng chữ Pháp?
33 hay đã được dịch sang tiếng Pháp từ nguyên thủy và nay lại được
34 tác giả dịch sang tiếng Việt một lần nữa?

35 Đây cũng là cung cách trích dẫn lơ lửng, ỡm ờ của những người
36 tự coi mình là sử gia khoa bảng từ trước đến nay, trong nước cũng
37 như ngoài nước, vì họ biết rằng người đọc ít có cơ may như họ để có
38 thể với tới các tài liệu hoặc tư liệu hiếm hoi khó thể truy tìm: cho nên
39 họ chỉ cần trích dẫn lơ mơ mịt mù như thế để chứng tỏ những gì họ

1 viết ra là có căn cứ trên giấy trắng mực đen dù trên thực tế họ đã viết
2 sai, đã cắt bớt hay đã luồn lách để tạo thành một tài liệu giả dối, để
3 chứng minh cho một quan điểm hay một biến cố lịch sử bịa đặt. Đọc
4 giả có thể đọc lại sách của tác giả sách " **nơi trang 123 và trang 124**
5 nơi tác giả trích dịch một đoạn văn của **Francis Garnier** viết trong bài
6 tham luận **La COCHINCHINE FRANÇAISE en 1864: đây là một kiểu**
7 **trích dẫn cắt xén, lấp ráp và rất nhiều** mà nếu người đọc có
8 nguyên bản tài liệu của Francis Garnier thì cũng khó có thể so chiếu
9 để biết được tác giả đã trích dẫn từ chỗ nào trong bản tham luận đó.

10 Việc lưu ý đọc giả về những điều vừa kể trên không nhằm mục
11 đích chứng minh là lá thư của ông *thượng thư bộ ngoại giao Việt Nam*
12 do *Phan Huy Vịnh* viết và được trích đăng lại là một tài liệu bịa đặt do
13 tác giả "tạo ra. Sự truy cứu của tác giả là một khám phá hiếm hoi và
14 mới mẻ rất giá trị, nhưng nó sẽ có giá trị thuyết phục cao hơn nếu tác
15 giả dùng mọi khả năng sẵn có của mình chẳng hạn như sao chép lại
16 nguyên văn, chụp hình . . . để cho thấy được "hình hài thực sự" của
17 tài liệu mà tác giả đã đưa ra chứ không nên viết theo kiểu: "tài liệu
18 này lưu giữ trong một cánh rừng rậm ở Phi Châu, ai muốn tham khảo
19 thì cứ qua bên đó mà lục lạo để tham khảo!"

20 Sau đây xin chép lại đầy đủ nguyên văn lá thư của
21 *thượng thư bộ Ngoại giao Việt Nam Phan Huy Vịnh* được
22 trích dẫn nơi trang 117,118 trong sách "Bước Mở Đầu Của
23 Sự Thiết Lập Hệ Thống Thuộc Địa Pháp ở Việt Nam 1858-
24 1897":

25 Sau khi nhắc lại những điều kiện trong đó Aubaret đã được phái
26 sang Việt Nam và quyết định của chính phủ Pháp không phê chuẩn
27 hiệp ước vừa ký kết tại Huế, Phan Huy Vịnh viết:

28 ". . .*Khi hai nước đã thế giằng hòa với nhau, chúng ta không thể*
29 *không nói đến vấn đề chuộc lại ba tỉnh Nam Kỳ, vì lòng dân oán hận*
30 *chuyện mất nước ... Vì vậy, chúng tôi phải cởi mở tâm lòng ra với*
31 *Hoàng đế nước Pháp, để Người đoái thương với chúng tôi, nếu không*
32 *được về mọi mặt, ít nhất về một vài điều. Cũng như những điều thay*
33 *đổi hoặc sửa lại trong văn bản hiệp ước là nằm (nhằm) đáp ứng*
34 *những yêu cầu phong tục tập quán và ngôn ngữ nước chúng tôi, sao*
35 *cho bản hiệp ước trở nên dễ hiểu đối với mọi người và không bị ai lý*
36 *giải ngược lại.*

37 "*Còn về vấn đề giảm xuống 40 năm số cống nạp hằng năm và*
38 *liên tục, thì chính là chúng tôi yêu cầu như vậy bởi tài nguyên của cái*
39 *đất nước tôi dường như không thể hứa hẹn nhiều hơn vậy được. Làm*
40 *như vậy, chúng tôi muốn một lần nữa tạo cho Hoàng đế Pháp một cơ*
41 *hội mới để bộc lộ tấm lòng đại lượng bất tận của mình, nhưng chúng*
42 *tôi không hề có ý định thay đổi, hoặc xóa bỏ những điều đã thỏa*
43 *thuận lúc đầu, giữa hai bên. Ông đại diện toàn quyền Aubaret đã hiểu*
44 *điều này, cũng như hai vị quan chức cùng đi với ông ta (18); cả ba*

1 người không hề tỏ ra bất bình; chúng tôi không muốn áp đặt ý muốn
2 của chúng tôi cho họ, dù rằng bằng cách nào.

3 "Giờ đây, mọi sự vẫn y nguyên. Nếu các Ngài đồng ý trả lại
4 nguyên vẹn, hay một phần đất đai ba tỉnh, thì chúng tôi xin hết lòng
5 cảm tạ. Nếu các Ngài không thể trả và nếu để tiếp tục có những quan
6 hệ hòa bình, chúng tôi phải trở lại với hiệp ước 5/6/1862, thì chúng tôi
7 vẫn biết ơn các Ngài, và sẽ vui lòng làm như vậy.

8 "Chính phủ chúng tôi rất chân thực và thủy chung với những cam
9 kết của mình: không gì có thể làm cho quan hệ giữa chúng ta bị đoạn
10 tuyệt" (19)

*

11 Nếu để ý một chút thì người đọc có thể thấy được lối
12 hành văn của nhà nho thượng thư bộ ngoại giao Việt Nam
13 Phan Huy Vịnh có vẻ quá Tây chăng? Không lý ông Phan
14 Huy Vịnh viết thẳng lá thư này bằng tiếng Tây? Đây là một
15 thắc mắc cần được tác giả của sách "Bước Mở Đầu Của Sự
16 Thiết Lập Hệ Thống Thuộc Địa Pháp ở Việt Nam 1858-
17 1897" làm sáng tỏ.

18 Dù sao thì lá thư kể trên cũng góp phần cho thấy sự yếu
19 kém, bất lực và thái độ nhát sợ của vua quan triều đình Huế
20 trước sự xâm lăng ồ ạt của đoàn quân "bỏ túi" Tây phương.
21 Ví bằng lá thư này do người Pháp ngụy tạo ra thì nó vẫn có
22 hiệu quả để cho hậu thế hiểu được rằng người Pháp đã thấy
23 rõ được thực trạng tồi tệ của vua quan triều đình nhà
24 Nguyễn dưới thời Tự Đức để rồi kể từ lúc đó họ có thể tự
25 tin về sức mạnh xâm lược của mình, để lên giọng cao ngạo,
26 tự do thao túng, bắt chẹt, thực hiện ý đồ bành trướng lãnh
27 thổ thuộc địa của họ.

28 ♠ -Xin do tỉnh thân 3 tỉnh Vĩnh Long, An Giang, Hà
29 Tiên, đem sao lục 12 điều ước cũ, đưa đi treo dán, để hiệu
30 bảo cho sĩ dân đều biết, khiến đều yên ở làm ăn
31Bèn xuống dụ cho tỉnh thân 3 tỉnh sức khắp cho các
32 hạt biết, có ai mượn tiếng là mộ nghĩa, thì không được vào
33 trong địa giới, mà các quan phủ, huyện một khi trông thấy
34 tức thời bắt ngay đem giải; nhà dân có ai chứa chấp, cũng
35 bắt tội như kẻ phạm:

36 Đây chính là thời điểm khởi đầu để "nhân dân của quản
37

1 Định" tức giận với vua quan triều đình nhà Nguyễn khi
2 họ biết là mình bị lừa dối lợi dụng và nay bị bỏ rơi. Phản
3 ứng của họ là gì? Là tự tiện tôn phò quân Định lên làm đầu
4 lĩnh để tiếp tục những hoạt động phá rối trật tự an trong
5 các vùng do Pháp chiếm đóng và luôn cả trong các vùng
6 đất Nam Kỳ còn dưới quyền kiểm soát của triều đình Huế.
7 "Nhân dân" giờ đây đã trở thành thù địch không những đối
8 với người Pháp mà luôn cả với quan binh của triều đình
9 Huế nữa. Trong một tình trạng căm giận sôi sục như vậy-
10 căm giận sôi sục vì bị lừa đảo, bị qua mặt, bị lợi dụng, bị
11 mất quyền tước, bị mất chu cấp lén lút từ phía triều đình
12 thì không có gì đáng phải ngạc nhiên khi nhân dân lên án là
13 *triều đình khi dân* vì sự lên án này là hữu lý và tất nhiên
14 không cần phải có tiếng đồn hay sách vở ghi chép lại sự lên
15 án đó, mà cũng không cần phải cho hàng chữ *triều đình khi*
16 *dân* dính lên lá cờ khởi nghĩa "tường tượng" của ông
17 Trương Định.

18 Riêng đối với ông Phan Thanh Giản thì "nhân dân" có
19 thái độ như thế nào? Ông quân Định tự xem mình như là
20 thay mặt nhân dân để lên án ông Giản và ông Hiệp bằng
21 cách dán bản án *Phan, Lâm mãi quốc* lên trên lá cờ khởi
22 nghĩa tường tượng mà người đời sau đã theo may cho ông.

23 Hiện tượng **người đời sau** theo may cờ *Chính nghĩa*
24 cho các nhân vật lịch sử nổi tiếng không phải chỉ mới xảy
25 ra từ thời ông Định mà nó đã từng xảy ra trong mọi thời kỳ
26 người dân Việt Nam chống ngoại xâm nhằm kích động
27 lòng yêu nước của khối quần chúng. Tuy nhiên, sử sách,
28 cũng như qua các di vật lịch sử được khai quật từ xưa tới
29 nay, người ta chưa bao giờ nhìn thấy được hình trạng thực
30 sự của một lá cờ như thế. Có được thấy chăng những kiểu
31 cờ tường tượng như thế thì hiện nay người ta có thể thấy
32 trong những dịp lễ hội đình đám kỷ niệm hoặc trong những
33 tuồng tích giải trí biểu diễn trên sân khấu mà thôi.

34 Thực tế nếu ông Quân Định có nổi giận và thù ghét ông
35 Phan Thanh Giản thì cũng là một điều hữu lý và tất nhiên
36 vì trước hết ông Giản và ông Hiệp là thành viên trong tập

1 đoàn cai trị của một triều đình lừa dối, lợi dụng, bội bạc,
2 dứt tình. Kế đến, ông Giản lại là một một nhân vật chính
3 yếu đã từng được Tự Đức và triều đình Huế đặc phái đi
4 kêu gọi Trương Định phải ngưng việc chiến tranh nhưng
5 Trương Định "cứng đầu" bất tuân lệnh vua. Ông Định càng
6 tức giận hơn khi ông bị lấy lại tước quân hàm Lãnh binh
7 mà trước đây Tự Đức đã bí mật phong cho ông để mua
8 lòng.

9 *Có một chi tiết tuy rất nhỏ nhưng lại có thể dùng để
10 cho hậu thế thấy được ông Giản không có bán đứng những
11 người được sử sách cũ, mới gọi là quân nghĩa dũng kháng
12 chiến chống Pháp dưới quyền tổng lãnh của Trương Định:

13 Phan Thanh Giản, qui était revenu de Hué avec les légations,
14 avait repris son poste à Vĩnh Long, dès le 15 Avril (1862), en
15 attendant qu'on lui remit la citadelle; il fit tout ses efforts - au moins en
16 apparence - pour ramener la tranquillité, mais le quân Định plus actif,
17 plus redouté des populations que jamais, se jouait de lui et de ses
18 conseils. Suivant une tactique inspirée sans nul doute par la cour elle-
19 même, ce chef de bande sépara sa cause de celle des mandarins; il
20 pouvait ainsi sans danger être désavoué par eux, et Phan Thanh
21 Giản put écrire à l'amiral que ce Định n' était qu'un imposteur qu'il
22 fallait mettre à mort, **oubliant d'indiquer l'essentiel: le moyen de le**
23 **prendre.** (A. Schreiner; sách đã dẫn; trang 250-251)

Tạm dịch:

24 Từ Huế, Phan Thanh Giản(g) đã trở về nhiệm sở Vĩnh Long từ
25 ngày 15 tháng 4 dl (1862) để đợi được giao trả tỉnh thành ; ông đã cố
26 gắng bằng mọi cách - ít ra là tỏ ra cho thấy - để phục hồi yên ổn,
27 nhưng quân Định lúc này là kẻ năng động, đáng ngại hơn bao giờ hết
28 trong dân chúng đã khinh nhờn và tỏ ra thách đố với những lời
29 khuyên dụ của ông Giản. Theo một chiến thuật chắc chắn là triều
30 đình chủ trương, viên đầu đảng này phải tách rời mục tiêu hoạt động
31 của hắn khác biệt với mục tiêu hoạt động của các quan binh triều
32 đình; nhờ vậy mà hắn sẽ không hề hấn gì khi bị các quan binh triều
33 đình chối bỏ lên án, và do đó Phan Thanh Giản(g) có thể tự vấn cho
34 dè dốc để tố cáo rằng Định là một tên lừa bịp đáng chết, **nhưng ông**
35 **ông Giản(g) lại quên nói cho biết một điều thiết yếu là làm sao**
36 **bất được tên bịp bợm đó.**

37 Đây nhất định không phải là một lời khen tụng của
38 người Pháp dành cho ông Giản nhưng phải nói là người
39 Pháp đã tỏ ra cay cú bực bội vì thái độ khai báo lương lẽ
40 bao che của ông Giản không chịu điềm chỉ nơi ẩn náo của

1 các đầu lĩnh quân nghĩa dũng kháng chiến. Ngược lại, đối
2 với thái độ cứng đầu của ông Định, ông Giản chỉ báo cáo
3 sự việc lại cho vua Tự Đức và Triều đình Huế để tìm biện
4 pháp giải quyết. Nói khác đi, hàng chữ *Phan Lâm mãi quốc*
5 trên lá cờ khởi nghĩa của ông Định chỉ có tính cách tương
6 truyền, không có căn bản khoa học, không có xuất xứ,
7 nguồn gốc và tính xác thực hàng chữ đó rất đáng dị nghị.

8 Nay thì việc đã rõ ràng: vua và triều đình đã dứt tình bỏ
9 thí dân quân kháng chiến, mặc cho quân xâm lược càn quét
10 truy kích. Không những thế còn "tiếp tay" cho giặc
11 Pháp bằng cách ra *lệnh cho các quan phủ, huyện một khi*
12 *trông thấy tức thời bắt ngay đem giải; nhà dân có ai chứa*
13 *chấp, cũng bắt tội như kẻ phạm.*

14 Như vậy, việc ông Trương Định lên án triều đình Huế,
15 lên án ông Giản và ông Hiệp tất nhiên là phải có nhưng đây
16 chỉ là việc riêng ông Định và nhóm dân quân kháng chiến
17 của ông lên án chứ không phải toàn dân, toàn quân lên án
18 như nhiều dư luận lạm dụng tên tuổi ông Định đã nêu lên.

19 Điều cần lưu ý là khi nhóm kháng chiến của ông Định
20 tách rời và lên án triều đình thì chính nghĩa của ông Định
21 đã thay đổi: ngày trước ông chen vai sát cánh với triều đình
22 nhà Nguyễn để chiến đấu chống quân ngoại xâm Tây
23 phương nhưng bây giờ thì ông Định và nhóm kháng chiến
24 của ông trở thành một nhóm giặc chòm, giặc xóm giống
25 như mây đám giặc thổ phi người Trung Quốc Cờ Đen, Cờ
26 Vàng đang tung hoành làm chủ hầu hết các vùng lãnh thổ
27 ở Bắc Kỳ. Cứ thử tưởng tượng nếu ông Định và thủ hạ của
28 ông đánh đuổi được hết quân Pháp và chiếm lĩnh các vùng
29 đất Nam Kỳ Hạ thuộc Pháp thì tình thế sẽ ra sao? Ông
30 Định sẽ quỳ gối xuống để dâng trả lại đất cát cho Tự Đức
31 chăng?

32 Và như trên đã xét qua, ông Giản với ông Hiệp làm gì
33 có thành quách, đất cát để mà bán cho quân xâm lược
34 Pháp: họ chiếm đất, chiếm thành của nước Đại Nam như đi
35 chơi vào chỗ hoang địa để rồi ông Giản và ông Hiệp phải
36 thay mặt Tự Đức và tập đoàn quan lại nhút nhát của triều

1 đình Huế chạy đến cầu xin kẻ xâm lược cho chuộc lại
2 những vùng đất thiêng liêng riêng tư của ông hoàng đế Tự
3 Đức vô cùng hiếu đạo thuộc dòng dõi nhà Nguyễn Phúc

➤ **BỊ LÊN ÁN LÀN THỨ TƯ:**

4 Sau khi Pháp xâm chiếm 3 tỉnh miền Tây và ông Giản
5 tự xử, vào tháng 9 âm năm Đinh Mão (1867), Tự Đức khiến
6 phủ Tôn nhân và đình thần nghị công tội Nguyễn Tri
7 Phương, Phan Thanh Giản. Tự Đức ra dụ chỉ rằng: "*Xứ*
8 *Nam Kỳ 6 tỉnh, khi đầu bởi tại Nguyễn Tri Phương, tôn*
9 *thất Cáp, Phạm Thế Hiển và Nguyễn Bá Nghi liệu phòng*
10 *không hết sức; khi giữa bởi tại Phan Thanh Giản và Lâm*
11 *Duy Thiếp (Hiệp) nghị hòa khinh bỏ; khi sau lại bởi tại*
12 *Phan Thanh Giản, Phạm Phú Thứ và Ngụy Khắc Đản đi sứ*
13 *không được việc gì; khi sau hết lại bởi tại bọn Phan Thanh*
14 *Giản, Trương Văn Uyển, Nguyễn Hữu Cơ và Trần Hoán*
15 *nhơn tuân nhắc nhớn nên đến nỗi mất 6 tỉnh ấy. Truyền lập*
16 *tức nghị tội bọn ấy, dâng lên ta sẽ đoán định". (Sử Quốc*
17 *Triều Chính Biên Toát Yếu (viết tắt SQTCBTY); in dịch*
18 *ban cấp các trường học; năm 1925; trang 362).*

19 ♠ Đến tháng 11 âm năm Mậu Thìn (1868) đình thần tâu
20 công tội Nguyễn Tri Phương, Nguyễn Bá Nghi, Võ Trọng
21 Bình. Sớ tâu gồm có 2 tập; 1 tập nghị xử tội về việc mất 3
22 tỉnh Nam Kỳ, 1 tập nghị thương công về việc dẹp yên giặc
23 Bắc Kỳ. Tự Đức cho rằng đình nghị chưa được minh chánh
24 mới sửa định lại rằng: Tri Phương và Bá Nghi cho khỏi
25 giáng nhưng đình phong tước; Phan Thanh Giản và Lâm
26 Duy Hiệp tội "trảm giam hậu đời đời"; Võ trọng Bình xử
27 trí giặc hàng không xong, cũng đình phong tước.
28 (SQTCBTY; đã dẫn; trang 370).

29 Sách ĐNТLCB cho thấy rằng Tự Đức và triều đình đã
30 đổ hết tội lỗi cho ông Giản về việc để mất 6 tỉnh Nam Kỳ,
31 kết tội: "*xét phải tội chết, chưa đủ che được tội*" và nghị án
32 "*truy đoạt lại chức hàm và đục bỏ tên ở bia tiến sĩ, để mãi*
33 *cái án trảm giam hậu". (ĐNТLCB; tập XXXI; Hà Nội*
34 *1974; trang 269).*

1 ♠ Năm 1886, vua Đồng Khánh lại khai phục nguyên
2 hàm cho ông Giản và khắc lại tên ông ở bia tiên sĩ: *cho ông*
3 *Nguyễn Tri Phương dự thờ trong miếu Hiền lương, Phan*
4 *Thanh Giản, Lâm Duy Thiếp (Hiệp), Trương Văn Uyển đều*
5 *được khai phục nguyên hàm.* (SQTCBTY; đã dẫn; trang
6 436)

7 ♠ Điều cần lưu ý là sách Quốc Triều Chính Biên Toát
8 Yếu của sử quán triều Nguyễn in dịch vào năm 1925 đã
9 không viết gì về việc Tự Đức lên án kết tội "xét phải tội
10 chết, chưa đủ che được tội" và nghị án "truy đoạt lại chức
11 hàm và đục bỏ tên ở bia tiên sĩ. Tại sao? Phải chăng đây là
12 một trong những chuyện *xấu che tốt khoe* không được phép
13 gọi lại việc làm sai trái của tiên nhân dòng họ nhà Nguyễn?

14 ♠ Một điểm khác nữa cần lưu ý là dù tiếng tâm và
15 vinh dự của ông Giản đã được phục hồi từ niên hiệu *Đồng*
16 *Khánh thứ nhất* (1886) nhưng vì Đồng Khánh được người
17 Pháp tấn phong lên làm vua (lên ngôi vào tháng 8 âm năm
18 Ất Dậu / 14 tháng 9dl năm 1885) trong khi vua Hàm Nghi
19 vẫn tiếp tục truyền hịch cần vương chống Pháp ở mạng
20 Quảng Bình khiến dư luận lúc đó và về sau này cho rằng
21 Đồng Khánh chỉ làm bù nhìn tay sai của người Pháp.
22 Chính vì vậy mà việc Đồng Khánh khai phục nguyên hàm
23 và khắc tên của ông Giản ở bia tiên sĩ không có một tác
24 dụng thuyết phục mạnh mẽ đối với các phong trào chống
25 Pháp vào thời đó cũng như sau này.

26 ♠ Theo A.Schreiner, tác giả sách *Abbrégé de l'His-toire*
27 *d' Annam* phát hành tại Sài Gòn năm 1906, thay vì phải
28 công nhận những hy sinh vô bờ bến của ông Giản thì Triều
29 đình Huế lại bôi bẩn danh phận của ông. Sắc chỉ của Tự
30 Đức ra lệnh nghị tội ông Phan Thanh Giản cho thấy rõ sự
31 sự mù quáng cứng ngắt của các tầng lớp lãnh đạo triều
32 đình nhà Nguyễn; triều đình này chỉ biết đổ lỗi cho những
33 thuộc cấp nhưng không biết được rằng chính sự ngu dốt
34 của tập đoàn lãnh đạo ở Huế cùng với những định chế tội
35 tệ của đất nước mới chính là nguyên nhân gây ra mọi điều khôn
36 khó:

1 A leur retour dans la capitale, les employés des province
2 occidentales avaient tous été dégradés. Quant à Phan Thanh Giảng, au
3 lieu de reconnaître l'immensité de son sacrifice, la cour déshonora
4 officiellement sa mémoire. Voici le décret par lequel il est frappé, on
5 ne fait qu'y remarquer l'aveuglement constant de la cour de Huế;
6 invariablement ell s'en prend aux chefs alors que son ignorance propre
7 et les institutions défectueuses du pays seules sont cause de tout la
8 mal.(A.Schreiner; sách đã dẫn; trang 290,291).

9 A.Schreiner cũng cho rằng chính vì sự kết tội ông Phan
10 Thanh Giảng lần này của triều đình Huế theo lệnh của Tự
11 Đức đã khiến cho các con trai của ông Giảng nổi loạn chống
12 lại người Pháp; bởi vì lương tâm sẽ không để cho những
13 người con này được yên ổn và vì tự ái và sĩ diện họ sẽ hy
14 sinh tất cả để tái tạo lại hình ảnh của người cha (trong cái
15 nhìn của người dân An Nam), và làm thế nào mà họ có thể
16 nổi loạn được như vậy nếu không phải là để đền bù lại điều
17 tổn hại mà triều đình đã mạo xưng gán tội cho ông Giảng.
18 (A.Schreiner; sách đã dẫn; trang 292, 293).

*

VII /- NGƯỜI PHÁP VÀ ÔNG PHAN THANH GIẢN

1 ♠ Người Pháp bắt đầu biết tên tuổi ông Phan Thanh
2 Giản và ông Lâm Duy Hiệp khi hai ông vào Sài Gòn để
3 khai diễn cuộc thương thuyết với họ vào 26 tháng 5 năm
4 1862. Ngày 5 tháng 6 dl năm 1862, ông Giản và ông Hiệp
5 đã ký kết hòa ước Nhâm Tuất (1862). Ngày hôm sau,
6 Bonard đã cho phổ biến thông cáo cho các đầu lĩnh quân
7 nghĩa dũng kháng chiến biết rằng hòa ước đã được ký kết,
8 yêu cầu họ phải tuân thủ và ngưng chiến đấu. Triều đình
9 Huế cũng đã cắt cử Phan Thanh Giản đến tỉnh Vĩnh Long
10 và Lâm Duy Hiệp đến tỉnh Bình Thuận để cố gắng hiểu dụ
11 quân kháng chiến ngưng các hoạt động quấy rối. Tuy nhiên
12 người Pháp cho rằng hai ông đã được triều đình Huế giao
13 phó nhiệm vụ giả bộ kêu gọi quân kháng chiến ngưng tiếng
14 súng nhưng phải làm ngơ và ngầm khuyến khích họ tiếp
15 tục đánh phá, và mặc dù **ông Phan Thanh Giản là một**
16 **con người thức thời, thấy xa hiểu rộng, có một tâm hồn**
17 **cao đẹp đã nhận thức được rằng tiếp tục chiến đấu**
18 **chống lại người Pháp cũng vô ích mà thôi. Phải chăng**
19 **ông Giản đã có thực tâm tái lập hòa bình nhưng khôn**
20 **thay đất nước của ông lại không muốn như thế?** Ông đã
21 cực lực can ngăn viên thống soái không nên quá hấp tấp và
22 cam kết là ông sẽ khuyến dụ được các nhóm kháng chiến
23 tuân thủ các điều ký kết trong bản hòa ước Nhâm Tuất. (A.
24 Schreiner; sách đã dẫn; trang 246, 247). Và đó là tình hình
25 rối ren ở Nam Kỳ Hạ ngay sau khi hòa ước Nhâm Tuất vừa
26 được ký kết nhưng chưa được chính phủ hai bên phê
27 chuẩn.

28 Sau khi tạo dựng các hạ tầng cơ sở cần yếu cho việc áp
29 dụng chính sách thuộc địa của người Pháp trên các vùng
30 lãnh thổ đang chiếm đóng và sau khi được tăng viện thêm
31 quân binh từ Thượng Hải (Trung Quốc), Bonard đã tung ra
32 những chiến dịch hành quân bình định, can quét các nhóm
33 quân kháng chiến và quan trọng hơn hết chiếm đóng tỉnh

1 Gò Công - nơi chôn nhau cắt rún của bà mẹ sinh ra Tự Đức
2 - mà hiện thời là một trung tâm đầu não của kháng chiến
3 quân để tái lập trật tự trị an và tạo áp lực với triều đình Huế
4 trong tiến trình phê chuẩn hòa ước Nhâm Tuất 1862. Kết
5 quả là nghị thức trao đổi hoà ước Nhâm Tuất được phê
6 chuẩn đã tiến hành long trọng tại Huế vào hai ngày 13 và
7 24 tháng 4 dl năm 1863 để rồi ngay sau đó Tự Đức đã cắt
8 cử Phan Thanh Giản cầm đầu một phái đoàn sứ sang Pháp
9 để mưu tính việc chuộc lại cho bằng được bằng mọi giá các
10 vùng đất ở Nam Kỳ Hạ đang nằm trong tay của người
11 Pháp.

12 ♠ Người Pháp ở Paris và ông Phan Thanh Giản

13 Trong chuyến đi này, vua quan triều đình Pháp đã có
14 một thái độ kính trọng và khâm phục về cung cách đối ứng
15 của Hiệp biện đại học sĩ Phan Thanh Giản: bài đọc diễn
16 văn của ông trầm bổng, khẩn cấp, trăn trọng, rung cảm,
17 trách cứ đã gây xúc động cho nhiều người trong buổi tiếp
18 kiến tại điện Tuileries.

19 Lễ phục uy nghi và ngoạn mục của sứ đoàn đã làm cho
20 mọi người trầm trồ chóa mắt hết lời khen ngợi.

21 (Les costumes de cérémonie étranges et somptueux des
22 ambassadeurs firent sensation. D'une voix grave et tremblante
23 d'émotion, et en un récitatif plaintif et à moitié chantant, Phan-
24 Thanh-Gian prononça son discours aussitôt traduit par M. Aubaret. Le
25 spectacle de ce beau et noble vieillard, pleurant en quelque sorte les
26 malheurs de sa lointaine patrie, causa une impression profonde, et
27 plus d'une des dames de la suite impériale essuya une larme
28 furtive. (Bài viết "L'ambassade de Phan-Thanh-Gian en 1863,
29 d'après les documents français" của A Dalvaux đăng trên *Đô*
30 *Thành Hiếu Cổ Tập San*/BAVH 1-3/ 1926 ; trang 73).

*



*

1 En un mot, **le succès de la Mission annamite paraissait**
2 **complet**, vu que la Cour de Hué obtenait, selon son désir, la reprise
3 des négociations à peu près sur le pied du statu quo ante.

4 (*"L'ambassade de Phan-Thanh-Gian en 1863, d'après les*
5 *documents français"* của A Dalvaux đăng trên Đô Thành Hiếu Cổ
6 Tập San/BAVH 1-3/ 1926 ; trang 74).

7 **Tạm dịch:**

8 Nói tóm lại, **đoàn sứ An Nam được xem như là đã thành công**
9 **hoàn toàn**, nếu so với mong ước của triều đình Huế là chỉ muốn
10 được thương lượng trở lại về một tình trạng đã trở thành thụt té.

*

11 Phái đoàn sứ Phan Than Giản về đến Sài Gòn ngày **18**
12 **tháng 3 dl năm 1864**. Đi theo phái đoàn về Sài Gòn còn
13 có phó hạm trưởng Boursesse của Pháp được cử làm thanh
14 tra sự vụ người bản xứ. **Tất cả đều được thống đốc La**
15 **Grandière và các người Pháp ở Sài Gòn tiếp đón trọng**
16 **thể và dù có bất mãn lo âu nhưng họ đã có thái độ kính**
17 **trọng và khâm phục một cách đặc biệt đối với ông Phan**

Thanh Giản vì cung cách dẫn thân phục vụ của ông cho đất nước Đại Nam.

Tờ báo *Le Courier de Saigon* (số ra ngày 22 tháng 3 dl năm 1864) đã viết nhiều đề mục ca tụng phái đoàn sứ Đại Nam và mô tả lại những buổi tiệc khoản đãi, những cuộc du ngoạn thăm viếng của phái đoàn quanh vùng Sài Gòn-Chợ Lớn đang đổi mới. Tờ báo có đoạn viết:

Ngày hôm sau, phái đoàn vào Chợ Lớn: họ đi xem các cầu cống, các công trình quy mô chỉnh trang các bến cảng và các đường phố của khu vực rộng lớn này.

Ba vị đại sứ đi bộ với hai quan chức người Pháp hộ tống, họ không có lọng che (lọng che là một hình thức biểu hiệu uy quyền của họ) và khi đi ngoài trời họ không ngần ngại trú nắng dưới những cái dù che bình thường đơn sơ. Một đám đông dân chúng bao quanh phái đoàn nhưng không có ai tỏ dấu hiệu la chộ vì hình ảnh giảm cấp quyền uy này.)

➤ Người Pháp so sánh ông Phan Thanh Giản với ông Nguyễn Tri Phương

Sau vụ bạo loạn của nhóm Đông Sơn Thi Tửu (vụ Hồng Bảo/ 16-6-1866) ngay tại Huế, Tự Đức cảm thấy tình hình an ninh bất ổn cho nên đã ra lệnh triệu hồi viên tướng tài ba được mọi người kính trọng là Nguyễn Tri Phương đang thống lĩnh việc hành quân diệt trừ thảo khấu ở Bắc Kỳ về phụng mạng tại kinh đô. Nhân viết lại việc này, người Pháp đã so sánh và đánh giá hai ông Giản và ông Phương như sau:

Tự Đức, ne sentant plus en sécurité, arrivait à se méfier de tout le monde. Il rappela du Tonkin Nguyễn Tri Phương qui était universellement respecté. Le vaillant mandarin revint à la tête d'un corps de troupe ayant pour tout bagage personnel quelques vêtements, usés par la campagne, qu'un soldat portait déployés au bout d' une lance Nguyễn Tri Phương démontrait ainsi que la guerre ne l' avait pas enrichi, et le désintéressement de ce vieux militaire était aussi réel que celui de son ancien second Phan Thanh Giảng.

Ces deux hommes ont fournis des exemples de vertu civique et militaire que l'histoire des peuples d' Occident ne nierait pas et qu'on est heureux de pouvoir signaler au milieu des turpitudes et de

1 la duplicité des mandarins annamites. Nous remarquons toutefois
2 l'extraordinaire dissemblance d'idées entre Phan Thanh Giăng et
3 Nguyễn Tri Phương. Le premier, frappé de la puissance de notre
4 savoir et de notre civilisation, aurait voulu amener ses compatriotes à
5 suivre nos enseignements. Le second, persuadé de la supériorité de l'
6 'éducation chinoise, n' admettait aucune compromission avec la
7 science des hommes d' Occident. Phan Thanh Giăng, était le
8 représentant du progrès éclairé; Nguyễn Tri Phương, celui du
9 conservatisme irréductible; tous deux étaient convaincus, tous deux étaient
10 honnêtes. (A. Schreiner; sách đã dẫn; trang 282,283)

11 **Tạm dịch:** Tự Đức, vì thấy rằng tình hình an ninh bất ổn cho nên
12 không còn tin cậy với bất cứ ai cho nên mới triệu hồi ông Nguyễn Tri
13 Phương đang được trọng vọng kính phục khắp nơi từ Bắc kỳ hồi
14 kinh. Vị tướng dũng cảm dẫn đầu đoàn quân trở về với một bó hành
15 trang áo quần cá nhân sờn cũ qua suốt thời gian chiến dịch và do
16 một quân binh hộ vệ xách treo trên đầu một ngọn giáo. Nguyễn Tri
17 Phương cho thấy là chiến tranh không giúp ông giàu sang hơn và
18 thái độ bất cần phú quý của vị lão quan này tỏ rõ thực sự không thua
19 gì so với vị quan phụ tá cũ của ông là Phan Thanh Giăng(g).

20 Hai vị quan này đã cung cấp những mẫu mực về đức hạnh của
21 một người công dân cũng như đạo đức của một người quân nhân,
22 những mẫu mực đạo đức mà người Tây phương không thể nào chối
23 bỏ không thừa nhận và người ta thật vui sướng vì đã tế nhị nhận ra được
24 những mẫu mực đó giữa những sự ô nhục và sự giả trá lật lọng của
25 các hàng quan lại người An Nam. Song lẽ, chúng ta vẫn nhận thấy
26 được sự khác biệt lớn lao về mặt tư tưởng giữa Phan Thanh Giăng(g)
27 và Nguyễn Tri Phương. Ông Phan Thanh Giăng(g) thì bị khắc sâu ấn
28 tượng về năng lực hiểu biết và nền văn minh của chúng ta cho nên
29 ông đã mong muốn hướng đưa đồng bào của ông đi theo những
30 đường hướng giáo dục của chúng ta. Còn ông Nguyễn Tri Phương
31 thì lại tin tưởng tính ưu việt của nền giáo dục Trung Hoa cho nên ông
32 này đã không hề chịu chấp nhận để cho mình bị lung lạc hư hỏng bởi
33 nền khoa học của người Tây phương. Ông Phan Thanh Giăng(g) là
34 đại diện cho sự soi sáng tiến bộ. Còn ông Nguyễn Tri Phương là đại
35 diện cho chủ nghĩa thủ cựu không khoan nhượng. Cả hai người đều
36 tự tín; cả hai người đều chính trực.

➤ Người Pháp với cái chết của ông Phan Thanh Giăng

♠ De la Grandière

37 "Phó Đề đốc, thống đốc kiêm tổng tư lệnh quân lực Nam
38 Kỳ, gửi đến ông trưởng nam của Ngài Phan Thanh Giăng phụ
39 chính khâm sai đại thần của Vương quốc An Nam.
40

tại Vĩnh Long.
41

1 Tôi rất là đau buồn biết được tin về cái chết của Ngài Phan
2 Thanh Giăng thân phụ của ông.

3 Vương quốc An Nam, mà trong đó ngài Phan Thanh Giăng là một
4 thành viên lỗi lạc hơn hết, đã đánh mất đi một trong những phần vinh
5 quang, trí thức và tình cảm sâu đậm quý mến của vị quan lão thành
6 này, nhưng những điều đó vẫn đang lưu lại trong trí óc của tôi cũng
7 như trong trí óc của người Pháp một cách bền vững hơn là **sự oán**
8 **ghét của những quân thù của vị quan lão thành ấy.**

9 Ngoài thân phụ của ông trưởng nam ra, nơi triều đình Huế không
10 còn ai nhận thức được những điều gì cần phải thực hiện để bảo đảm
11 cho người dân có thể sống hạnh phúc và chính là vì vấn đề có liên hệ
12 đến cảm tính cùng với đức tự trọng đã khiến cho vị quan lão thành
13 này không còn thiết sống dưới dự chi phối của những hậu quả chính
14 trị sai trái và đầy trách nhiệm do chính quyền của triều đình nước
15 An Nam tạo ra.

16 Những biểu lộ chính thức về lòng kính mến và tình bằng hữu của
17 tôi trong lá thư này ông cần phải lưu giữ lại trong gia tộc như là một
18 bằng chứng về những cảm tình mà người Pháp sẽ giữ riêng cho phụ
19 thân đáng kính của ông và gia tộc của ông ấy.

20 Ông hãy tin rằng tôi sẽ cố gắng bằng mọi phương cách mà tôi có
21 được để đảm bảo cho con cháu của vị quan lão thành có được
22 những quyền lợi và chức vị thích hợp với họ trong tương lai.

23 Xin ông hãy chấp nhận lòng kính trọng rất đặc biệt của tôi.

24
25 Sài Gòn ngày 15 tháng 10 dl năm 1867

26 Ký tên: **De la Grandière**"

27 (Xin đọc lại nguyên văn lá thư này nơi trang 285)

28 ♠ **Paulin Vial, Giám đốc Nha Nội Vụ Nam Kỳ:**

29 Cái chết của Phan Thanh Giăng đã làm vinh danh cho một nếp
30 sống trong sạch và cần mẫn....Trong 5 năm, ông là người khôn
31 ngoan,sáng suốt hơn cả trong số những người An Nam, ông đã
32 không ngừng nghĩ chống lại một cách kiên quyết ảnh hưởng của
33 người Pháp chúng ta, có lúc thỏa hiệp với những thành kiến và ảo
34 tưởng của những đồng hương của ông để mong đợi rằng người
35 Pháp chúng ta sẽ bỏ cuộc về việc bảo đảm vật chất do chính lời
36 tuyên bố của Tự Đức chấp nhận quyền tự do của 500,000 tín đồ gia
37 tô đang được chúng ta che chở; tuy nhiên khi được tiếp xúc, ông đã
38 chịu đón nhận nét thu hút về phong tục tập quán của người Pháp
39 chúng ta, nhất là những tư tưởng về tôn giáo. Rốt cuộc rồi ông biết
40 được rằng chúng ta có một đẳng cấp xã hội cao, linh hoạt hơn, khai
41 phóng hơn và độ lượng so với những quốc gia phương Đông; ông
42 biết giá trị những lợi ích của một nền thương mại tự do và giá trị của
43 sự hoà nhập những nền khoa học giữa các dân tộc và bởi vì ông yêu
44 thương những người đồng bào của ông, vì muốn cho họ được hạnh
45 phúc và càng lúc càng cảm thấy tin tưởng về tương lai của họ vì thế
46 ông đã để mặc cho đồng bào của ông tự giải quyết lấy số phận của
47

1 họ, nhưng không phải là ông không còn vương bận hồi tiếc gì về
2 những điều trong quá khứ, trong thâm sâu của tâm hồn thì ông vẫn
3 còn đang lưỡng lự giữa một bên là cuộc sống mới đang tác động
4 mạnh mẽ vào năng trí của ông và một bên là những hoài niệm xa xưa
5 của con tim lôi kéo ông trở về những nguyên lý mà ông phải theo
6 trong thời xuân trẻ. (Trích dẫn của A. Schreiner; sách đã dẫn; trang
7 288, 289).
8

9 ♠ **Ed Wyts, hạm trưởng khu trục hạm tham dự trận chiến**
10 **xâm chiếm 3 tỉnh miền Tây**

Vinh-long n'était point pour nous un adversaire inconnu. Cette ville, que nous avions déjà conquise et que nous avons rendue plus tard par suite d'un traité, nous avait opposé jadis une vive résistance. Nous nous attendions, par conséquent, à une lutte sérieuse. Cependant pas un éclair ne jaillit des batteries, et le bâtiment de guerre annamite la *Ville-de-Huê* resta tranquillement à l'ancre, muet et impassible. Seulement, quelques mandarins du plus haut rang s'embarquèrent à la hâte dans leurs jonques et furent arrêtés au moment où ils s'éloignaient à force de rames.

Phan-tan-gian, lui, se rendit à bord de l'avisio l'*Ondine*, sur lequel flottait le pavillon du vice-amiral.

A la suite de cette entrevue, nous entrâmes, l'arme au bras, dans la citadelle, que nous occupâmes aussitôt, et nos hommes furent installés immédiatement dans les grands magasins à riz qui leur servent encore aujourd'hui de casernes.

L'amiral vint en prendre officiellement possession dans l'après-midi. Du quai jusque dans l'intérieur, les troupes étaient rangées en haie sur son passage, et deux compagnies de matelots fusiliers l'escortaient, massées par pelotons.

Il alla ainsi jusqu'à l'habitation du vice-roi, qui vint le recevoir au seuil de sa demeure.

J'avais déjà vu Phan-tan-gian chez le commandant de la marine de Saïgon. J'avais été frappé de l'expression fine et souriante de sa physionomie, tandis qu'il caressait l'un des enfants du commandant, — petite fille charmante s'il en fut ! — laquelle écarquillait ses grands yeux ébahis pour regarder ce vieillard qui lui semblait étrange dans sa tunique de soie bleue, et qui se départait, vis-à-vis d'elle, de sa gravité orientale.

Cette fois, le sourire avait disparu de la physionomie du grand mandarin, et je le trouvai vieilli, pâle et triste.

Je ne le revis jamais depuis. Plus tard, lorsque je revins à Vinh-long, il n'y était plus. Il était allé rejoindre ses ancêtres, à côté desquels il reposait, dans un des villages de la basse Cochinchine, où le vice-amiral de la Grandière avait fait transporter ses restes, avec toute la pompe militaire possible.

L'on disait qu'il s'était empoisonné, et qu'avant de mourir il avait rassemblé ses fils autour de lui et les avait suppliés de ne jamais porter les armes contre la France.

Quoi qu'il en soit, ses fils, après la mort de leur père, se mettaient à la tête des bandes insurgées.

11 (Trích sao từ *Revue maritime et coloniale / Bộ Hải Quân và Thuộc Địa/ Ministère*
12 *de la marine et des colonies*. Quyển 1, số 1 (1861, jan./févr.)- Tập 128, số 414 (1896,
13 mars); trang 914, 915). Nhà phát hành: Paris : Librairie de L. Hachette, 1861-1896)

1 Tạm dịch:

2 Vĩnh Long không phải là một mặt trận xa lạ đối với người Pháp
3 chúng ta. Tỉnh thành này, mà chúng ta đã **chiếm được** và ngay sau
4 đó thuộc về chúng ta bằng một hiệp ước, hồi trước đây đã từng
5 kháng cự mạnh mẽ chống lại chúng ta. Vì vậy chúng ta đã chờ đợi
6 lần này sẽ phải là một trận chiến ác liệt. Vậy mà không thấy có một
7 phát súng trọng pháo nào và chiếc tàu chiến *Thành đô Huế* của
8 người An Nam vẫn cắm lạng thả neo nằm yên một chỗ như không có
9 gì xảy ra. Dĩ nhiên là có một vài ông quan lớn của triều đình đã vội vã
10 nhảy lên những chiếc thuyền mảnh chèo bơi đi thật nhanh và đã bị
11 chúng ta bắt được.

12 Phan-tan-gian (Phan Thanh Giản) tự mình ra hộ tống hạm
13 *Ondine* mang hiệu kỳ của đề đốc ủy nhiệm.

14 Sau cuộc gặp mặt này, chúng ta đã đi vào thành với súng trong
15 tay ngay lúc đó chúng ta đã chiếm lấy thành và quân binh của chúng
16 ta liền được phối trí ngay lập tức để canh giữ các kho lúa gạo và đến
17 nay các kho này được dùng như là những trại quân của chúng ta.

18 Đề đốc đã chính thức đến tiếp thu sự chiếm hữu vào buổi chiều,
19 từ bên tàu đi vào thành, các đội binh xếp thành hàng rào hai bên
20 đường, và hai đại đội lính pháo thủ hải quân đi theo hộ vệ, chia thành
21 từng nhóm đội hình.

22 Đề đốc đến tận trú dinh của quan kinh lược và được quan kinh
23 lược đứng đón từ cổng dinh.

24 Tôi đã từng nhìn thấy Phan-tan-gian tại bộ chỉ huy hải quân ở Sài
25 Gòn. Tôi đã từng cảm thấy xúc động vì vẻ dáng vẻ thanh tao và tươi
26 cười của ông khi ông vuốt ve âu yếm một trong những đứa con của
27 viên thống soái, - một đứa bé gái dễ thương-đang trở mắt sừng sốt, lạ
28 lùng nhìn ông trong xiêm y nhưng gấm màu xanh và bị chói với mắt
29 hướng vì cái nét trịnh trọng đông phương của ông.

30 Bây giờ thì cái dáng vẻ tươi vui của một vị đại quan đã biến mất
31 và tôi thấy ông già đi, xanh xao và sầu muộn.

32 Và kể từ đó tôi đã không bao giờ còn được gặp lại ông. Về sau,
33 khi tôi quay trở lại Vĩnh Long thì ông không còn nữa. Ông đã ra đi để
34 gặp lại tổ tiên, nằm an nghỉ bên cạnh họ trong một ngôi làng ở vùng
35 Nam Kỳ Hạ, nơi đó đề đốc ủy nhiệm *de la Grandière* đã ra lệnh cho
36 thi hành việc tống táng di hài của ông theo lễ nghi quân cách rất long
37 trọng.

38 Người ta nói lại rằng ông tự uống thuốc độc quyền sinh, và trước
39 khi chết ông đã gọi các trai của ông đến đứng quanh và kêu nài họ
40 đừng bao giờ **dùng súng đạn** để chống lại nước Pháp.

41 Dù đã được trời trần dận dò như thế, sau khi ông chết, các người
42 con trai của ông đã tự ý mình cầm đầu những nhóm nổi dậy.

*

Chú giải & khảo luận:

43 @ Đừng bao giờ **dùng súng đạn** để chống lại nước
44 Pháp:

1
2 Câu viết này không thể hiểu là không được chống lại
3 nước Pháp, nhưng đối với riêng chúng tôi hiểu ý câu này
4 có nghĩa là nước Đại Nam không có đủ khả năng quân sự
5 để có thể chống lại nước Pháp nhưng phải dùng mưu lược
6 để chống lại họ. Như vậy có thể là ông Giản đã khuyên con
7 trai mình vẫn cứ tiếp tục chống Pháp nhưng không phải
8 chống Pháp bằng còn đường vũ lực. Phải chăng đây là một
9 lời trời khéo léo để qua mặt người Pháp lúc đó đang bao
10 quanh trong những giờ phút cuối cùng của đời ông. Trước
11 mặt họ, ông Giản không thể nào nói một cách tách bạch
12 rằng "*các con phải tiếp tục chống lại người Pháp nhưng vì*
13 *không thể nào thắng họ bằng súng đạn được cho nên các*
14 *con phải dùng mưu chước khác*". Mưu chước khác ở đây
15 tức là phải noi theo và bắt chước sự văn minh tiến bộ của
16 người Pháp rồi dùng sự văn minh tiến bộ đó để đánh trả lại
17 bọn họ.

18 Vậy các con trai của ông có thấu hiểu lời trời khéo léo
19 của ông hay không? Có thể là họ hiểu ý của ông muốn họ
20 cứ tiếp tục chống Pháp nhưng họ lại thực hành trái ngược
21 với lời khuyên của ông *không nên dùng phương tiện quân*
22 *sự yếu kém của mình để chống lại quân xâm lược* và vì thế
23 họ cũng bị sụp đổ thất bại.

*

VIII/ - NHỮNG NHÂN VẬT LỊCH SỬ VIỆT NAM
VỚI CÁI CHẾT CỦA
ÔNG PHAN THANH GIẢN

○ **Điều văn của ông Phạm Phú Thứ:**

"Một thân thờ ba triều, làm quan hơn bốn mươi năm, già hơn bảy mươi tuổi, rất từng trải kinh nghiệm, được tôn trọng và tin cậy trong triều cũng như trong nhân dân. Học rộng, phẩm cách tuyệt vời, dù hoàn cảnh trái ngược đến bao nhiêu, Ngài cũng không bao giờ là người hại nước. Dù hoàn cảnh ngang trái thế nào, Ngài vẫn giữ trọn tấm lòng cao thượng.

"Những bọn hèn đứng thấp chẳng thấy gì, la hét nhảy nhót như mê như say, nào có biết đâu tình thế nước nhà.

"Tiếc cho ý chí của Ngài không được thực hiện."

<http://www.daichung.com/>

○ **Điều văn của Nguyễn Đình Chiểu,
tác giả truyện *Lục Vân Tiên* :**

Non nước tan tành hệ bởi đâu ?
Dầu dầu mây bạc cõi Ngao Châu.
Ba triều công cán vài hàng số,
Sáu tỉnh cương thường một gánh trâu.
Ài Bắc ngày trông tin điệp vắng,
Thành Nam đêm lắng tiếng quyên sầu.
Minh sinh chín chữ lòng son tạc,
Trời đất từ đây mặc gió trâu.

<http://www.daichung.com/>

○ **Sách Đại Nam Chính Biên Liệt Truyện:**

"Thanh Giản là người ngay thực, giữ lòng liêm khiết, làm quan cần mẫn, thận trọng, gặp việc dám nói. Trãi thờ ba triều, vẫn được yêu quý. Đến khi mang cờ tiết đi Nam, thế không làm sao được, biết tội tự uống thuốc độc chết. Thực là ở vào chỗ người ta khó xử. xem tờ số để lại thì lòng trung ái chứa chan ở ngoài lời nói"

○ **Sách Quốc Triều Chính Biên Toát Yếu:**

"Năm Đinh Hợi, niên hiệu Đồng Khánh, năm đầu (1886), tháng 11 âm, cho Nguyễn Tri Phương dự, thờ trong miếu Hiền Vương, Phan Thanh Giản, Lâm Duy Thiếp, Trương Văn Uyển đều được khai phục nguyên hàm"

○ **Trần Trọng Kim/ VIỆT NAM SỬ LƯỢC :**

"Tháng 6 năm đinh -mão (1867) là năm Tự Đức thứ 20, thiếu tướng De la Grandière hội hơn 1,000 quan binh ở Mỹ-tho, rồi định ngày kéo sang lấy Vĩnh-long, An-giang và Hà-tiên. Ông Phan thanh Giản biết thế không chống nổi, bảo các quan đành chịu nộp thành trì cho khỏi sự tai hại, rồi ông uống thuốc độc mà tự tận, dặn lại con cái phải cày ruộng mà ăn, chứ không được nhận quan chức gì ở Nam Kỳ.

Bấy giờ ông đã già, đã ngoài 74 tuổi, làm quan thật là thanh liêm nhưng chẳng may gặp phải khi nước có biến, biết thế mình không làm gì được, đem tấm lòng son sắt mà báo đền ơn nước cho hết bổn phận người làm tôi."

(Trần Trọng Kim; ; quyển II; trang 265; Bộ Giáo Dục-Trung Tâm Học Liệu xuất bản; lần thứ nhất; 1971; Sài Gòn.)

***Lưu ý:** Trần Trọng Kim trước đây đã viết cuốn *Việt-Nam Sử-Lược* từ thời Hồng Bàng (2879) trước Tây-lịch kỷ-nguyên cho tới năm 1902 sau Tây-lịch (xin đọc Trần Trọng Kim; sách đã dẫn; đoạn cuối trang 347) và được in xuất bản lần thứ nhất; Trung Bắc Tân Văn; Hà Nội ;1920.

* Chi tiết về việc xuất bản lần thứ nhất sách VNSL ở Hà Nội vào năm 1920 có các điểm sau đây cần lưu ý:

1/ - Tạp chí *Quê Hương* điện tử đăng tải cuốn “Việt Nam sử lược” của Trần Trọng Kim viết vào năm 1919, in lần thứ nhất năm 1921, để Bạn đọc tham khảo. ...(www.quehuong.vnn.vn/so317-2005/uni_lichsu.htm - 210k - [Cached](#) - [Similar pages](#)):

Số ra ngày 4/3/2005 (317)

Trần Trọng Kim, Việt Nam Sử Lược, in lần thứ nhất. Trung Bắc Tân Văn, Hà Nội 1920
Tạp chí Quê Hương trên internet của Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài

Tổng biên tập: *Đặng Trần Phong*

Thư ký số này: *Thu Lê*

VIỆT NAM SỬ LƯỢC

Trần Trọng Kim

LỜI GIỚI THIỆU CỦA BAN BIÊN TẬP TẠP CHÍ QUÊ HƯƠNG

Sau khi đăng rải cuốn “Tóm tắt Niên biểu lịch sử Việt Nam” do Hà Văn Thư - Trần Hồng Đức biên soạn và cuốn “Lược khảo binh chế Việt Nam qua các thời đại” của Tiên Đàm Nguyễn Tường Phương, bắt đầu từ số này, tạp chí Quê Hương điện tử đăng rải cuốn “Việt Nam sử lược” của Trần Trọng Kim viết vào năm 1919, in lần thứ nhất năm 1921, để Bạn đọc tham khảo. Một số chỗ có chữ "(BT)" là do QH biên tập.

1 Đây là cuốn Lịch sử Việt Nam đầu tiên được viết bằng chữ quốc ngữ với
2 phương pháp viết mới khác hẳn những cuốn Việt sử bằng chữ Hán Nôm xưa
3 kia, tác giả lúc đó là một nhà giáo có tên tuổi.

4 Cho tới nay, cuốn Việt Nam sử lược vẫn được đánh giá là ngắn gọn,
5 sinh động và dễ đọc dễ nhớ. ([http://www.quehuong.vnn.vn/so317-
6 2005/uni_lichsu.htm](http://www.quehuong.vnn.vn/so317-2005/uni_lichsu.htm)) đã có ở miền Bắc nước Việt Nam kể từ năm 1920 ở Sài Gòn xuất bản lần thứ nhất vào năm 1971

*

➤ BỊ LÊN ÁN LẦN THỨ NĂM :

7 Sau khi Pháp xâm chiếm 3 tỉnh miền Tây và ông Giản
8 tự xử, vào tháng 9 âm năm Đinh Mão (1867), Tự Đức khiến
9 phủ Tôn Nhơn và đình thần nghị công tội Nguyễn Tri
10 Phương, Phan Thanh Giản. Tự Đức ra dụ chỉ rằng: "*Xứ
11 Nam Kỳ 6 tỉnh, khi đầu bởi tại Nguyễn Tri Phương, tôn
12 thất Cáp, Phạm Thế Hiển và Nguyễn Bá Nghi liệu phòng
13 không hết sức; khi giữa bởi tại Phan Thanh Giản và Lâm
14 Duy Thiếp (Hiệp) nghị hòa khinh bỏ; khi sau lại bởi tại
15 Phan Thanh Giản, Phạm Phú Thứ và Nguyễn Khắc Đản đi sứ
16 không được việc gì; khi sau hết lại bởi tại bọn Phan Thanh
17 Giản, Trương Văn Uyển, Nguyễn Hữu Cơ và Trần Hoán
18 nhơn tuần nhắc nhơn nên đến nỗi mất 6 tỉnh ấy. Truyền lập
19 tức nghị tội bọn ấy, dâng lên ta sẽ đoán định*". (Sử Quốc
20 Triều Chính Biên Toát Yếu (viết tắt SQTCBTY); in dịch
21 ban cấp các trường học; năm 1925; trang 362).

22 ♠ Đến tháng 11 âm năm Mậu Thìn (1868) đình thần tâu
23 công tội Nguyễn Tri Phương, Nguyễn Bá Nghi, Võ Trọng
24 Bình. Sớ tâu gồm có 2 tập; 1 tập nghị xử tội về việc mất 3
25 tỉnh Nam Kỳ, 1 tập nghị thưởng công về việc dẹp yên giặc
26 Bắc Kỳ. Tự Đức cho rằng đình nghị chưa được minh chánh
27 mới sửa định lại rằng: Tri Phương và Bá Nghi cho khỏi
28 giáng nhưng đình phong tước; Phan Thanh Giản và Lâm
29 Duy Hiệp tội "trảm giam hậu đời đời"; Võ trọng Bình xử
30 trí giặc hàng không xong, cũng đình phong tước.
31 (SQTCBTY; đã dẫn; trang 370).

32 Sách ĐNTLCB cho thấy rằng Tự Đức và triều đình đã
33 đổ hết tội lỗi cho ông Giản về việc để mất 6 tỉnh Nam Kỳ,
34 kết tội: "*xét phải tội chết, chưa đủ che được tội*" và nghị án
35 "*truy đoạt lại chức hàm và đục bỏ tên ở bia tiến sĩ, để mãi*

1 *cái án trăm giam hậu*". (ĐNTLCB; tập XXXI; Hà Nội
2 1974; trang 269).

3 ♠ Năm 1886, vua Đồng Khánh lại khai phục nguyên
4 hàm cho ông Giản và khắc lại tên ông ở bia tiến sĩ: *cho ông*
5 *Nguyễn Tri Phương dự thờ trong miếu Hiền lương, Phan*
6 *Thanh Giản, Lâm Duy Thiếp (Hiệp), Trương Văn Uyển đều*
7 *được khai phục nguyên hàm.* (SQTCBTY; đã dẫn; trang
8 436)

9 ♠ Điều cần lưu ý là sách Quốc Triều Chính Biên Toát
10 Yếu của sử quán triều Nguyễn in dịch vào năm 1925 đã
11 không viết gì về việc Tư Đức lên án kết tội "*xét phải tội*
12 *chết, chưa đủ che được tội*" và nghị án "*truy đoạt lại chức*
13 *hàm và đục bỏ tên ở bia tiến sĩ.* Tại sao?

14 Phải chăng đây là một trong những chuyện *xấu che tốt*
15 *khoe* không được phép gọi lại việc làm sai trái của tiên
16 nhân dòng họ nhà Nguyễn?

17 ♠ Một điểm khác nữa cần lưu ý là dù tiếng tăm và
18 vinh dự của ông Giản đã được phục hồi từ niên hiệu *Đồng*
19 *Khánh thứ nhứt* (1886) nhưng vì Đồng Khánh được người
20 Pháp tấn phong lên làm vua (lên ngôi vào tháng 8 âm năm
21 Ất Dậu / 14 tháng 9dl năm 1885) trong khi vua Hàm Nghi
22 vẫn tiếp tục truyền hịch cần vương chống Pháp ở mạng
23 Quảng Bình khiến dư luận lúc đó và về sau này cho rằng
24 Đồng Khánh chỉ làm bù nhìn tay sai của người Pháp.
25 Chính vì vậy mà việc Đồng Khánh khai phục nguyên hàm
26 và khắc tên của ông Giản ở bia tiến sĩ không có một tác
27 dụng thuyết phục mạnh mẽ đối với các phong trào chống
28 Pháp vào thời đó cũng như sau này.

29 ♠ Theo A.Schreiner, tác giả sách *Abrégé de l'His-toire*
30 *d' Annam* phát hành tại Sài Gòn năm 1906, thay vì phải
31 công nhận những hy sinh vô bờ bến của ông Giản thì Triều
32 đình Huế lại bôi bẩn danh phận của ông. Sắc chỉ của Tự
33 Đức ra lệnh nghị tội ông Phan Thanh Giản cho thấy rõ sự
34 sự mù quáng cứng ngắt của các tầng lớp lãnh đạo triều
35 đình nhà Nguyễn; triều đình này chỉ biết đổ lỗi cho những
36 thuộc cấp nhưng không biết được rằng chính sự ngu dốt
37 của tập đoàn lãnh đạo ở Huế cùng với những định chế tồi

1 tệ của đất nước mới chính là nguy cơ gây ra mọi điều khôn
2 khó:

3 A leur retour dans la capitale, les employés des province
4 occidentales avaient tous été dégradés. Quant à Phan Thanh Giảng, au
5 lieu de reconnaître l'immensité de son sacrifice, la cour déshonora
6 officiellement sa mémoire. Voici le décret par lequel il est frappé, on
7 ne fait qu'y remarquer l'aveuglement constant de la cour de Huế;
8 invariablement ell s'en prend aux chefs alors que son ignorance propre
9 et les institutions défectueuses du pays seules sont cause de tout la
10 mal.(A.Schreiner; sách đã dẫn; trang 290,291).

11 A.Schreiner cũng cho rằng chính vì sự kết tội ông Phan
12 Thanh Giảng lần này của triều đình Huế theo lệnh của Tự
13 Đức đã khiến cho các con trai của ông Giảng nổi loạn chống
14 lại người Pháp; bởi vì lương tâm sẽ không để cho những
15 người con này được yên ổn và vì tự ái và sĩ diện họ sẽ hy
16 sinh tất cả để tái tạo lại hình ảnh của người cha (trong cái
17 nhìn của người dân An Nam), và làm thế nào mà họ có thể
18 nổi loạn được như vậy nếu không phải là để đền bù lại điều
19 tổn hại mà triều đình đã mạo xưng gán tội cho ông Giảng.
20 (A.Schreiner; sách đã dẫn; trang 292, 293).

*

IX/- HẬU SINH ĐÁNH GIÁ TIỀN NHÂN PHAN THANH GIẢN

1 Trong bài Tổng luận viết trên cuốn *ĐỊA CHÍ VĂN HÓA*
2 *THÀNH PHỐ HỒ-CHÍ-MINH* xuất bản vào năm 1987, ông
3 Trần Bạch Đằng- là một trong 3 chủ biên của sách này- đã
4 viết như sau:

5 "Cái bất hạnh khác là Hồng Nhậm - ở ngôi lâu nhất trong các vua
6 Nguyễn: 36 năm - ngoài sinh thơ và nổi tiếng có hiếu với mẹ, hoàn
7 toàn mờ mịt về những chuyển động long trời lở đất đang diễn ra khắp
8 thế giới. Số quan cao cấp cực kỳ bảo thủ và dốt nát tán ra tán vào, bị
9 nhà vua vứt bỏ, có người phải trả giá khá đắt cho tấm lòng yêu nước
10 và trí thức của mình. Về sau này, Tự Đức bắt đầu thay đổi thái độ:
11 cho mua tàu chiến, gửi học sinh sang Âu Châu học về cơ khí, phái sứ
12 giả sang Mỹ, v.v. . . song đó chỉ là chủ trương chấp vá "cò con" và
13 cũng quá muộn, và Pháp cũng ra sức cản trở

14 Vua đã thế, đại thần đã thế, sĩ phu cũng không hơn. Các cuộc nổi
15 dậy liên miên ở Trung và Bắc đều không mang ý thức tạo điều kiện
16 chống giữ giặc ngoài mà vẫn lăm lăm giành quyền bính, dù Phan Bá
17 Vành hay Đoàn Trưng, Đoàn Trục. Trường hợp Lê Văn Khôi tuy là
18 duy nhất ở Nam Bộ, nằm trong hệ mâu thuẫn đó. Về phương diện
19 này, các phong trào gọi là khởi nghĩa ấy chưa bắt kịp đòi hỏi khách
20 quan của vận nước mặc dù mỗi cuộc khởi nghĩa đều có một số
21 nguyên nhân chính đáng.

22 Chúng ta kết án một loạt chủ trương "cầu hòa" với Pháp "chuộc"
23 các tỉnh đông Nam Bộ . . . của triều đình, những nhượng bộ của Phan
24 Thanh Giản v.v . . . Chẳng có gì bào chữa nổi cho sự uơng hèn.

25 Vấn đề là là phân tích toàn diện so sánh lực lượng của
26 một thời kỳ lịch sử và đường lối chung của triều đình tạo
27 *từ trước* các điều kiện khả dĩ yểm trợ cho quan điểm "chủ
28 chiến". Cùng một trình độ vật chất, sự khác nhau về số
29 lượng có thể bổ sung bằng lòng dũng cảm, trí thông minh,
30 dựa vào nhân dân, chiến lược, chiến thuật hành binh v.v . .
31 . Lý, Trần và Lê thủ thắng trên căn bản độ Thời Tự Đức, so
32 sánh lực lượng - về trình độ của các nền sản xuất có khác.
33 Hơn nữa, triều Nguyễn đang xuống, mất lòng dân, nội bộ
34 lục đục . . .

35 Trong tinh thần ấy, chúng ta xưng tụng phái "chủ chiến". Nhưng
36 không thể rơi vào chủ nghĩa "duy ý chí" - chỉ cần đánh và hễ đánh là
37 thắng."

1 Từ đoạn viết trên của ông Trần Bạch Đằng, có những
2 điểm sau đây cần được nêu lên:

3 ◎Chúng ta kết án: chúng ta ở đây là những ai?

4 ◎Chúng ta kết án một loạt chủ trương "cầu hòa" với Pháp
5 "chuộc" các tỉnh đông Nam Bộ . . . của triều đình,

6 ◎Chúng ta kết án những nhượng bộ của Phan Thanh
7 Giản. . .

8 ◎Chẳng có gì bào chữa nổi cho sự ương hèn.

9 ◎Chúng ta xung tung phái chủ chiến. Phái chủ chiến là
10 ai?

11 ◎Không thể rơi vào chủ nghĩa "duy ý chí"- Chỉ cần đánh
12 và hễ đánh là thắng.

*

13 1/- Chúng ta kết án: Chúng ta là ai?

➤ GIAI ĐOẠN 1945-1954

14 Năm 1941, các đảng viên Đông Dương Cộng Sản do
15 ông Nguyễn Ái Quốc cầm đầu ở trên lãnh thổ Trung Quốc
16 - đa số ở 2 tỉnh Quảng Châu và Nam Ninh - thành lập một
17 mặt trận gọi là Việt Nam Độc lập Đồng Minh hội, gọi tắt là
18 Việt Minh để kêu gọi toàn dân Việt Nam chống Pháp và
19 Nhật. Sự ra đời của mặt trận Việt Minh đã được ông Trần
20 Trọng Kim viết như sau:

21 "Đảng Việt Minh là gì và do đâu mà ra? Trước thì ít người biết rõ
22 căn nguyên, sau đi đây đó xét hỏi kỹ càng mới biết rõ nguồn gốc.
23 Thoạt đầu vào khoảng năm 1938 ở Bắc Việt đã nghe nói có đảng Việt
24 Minh hành động ở mạn thượng du, nhưng lúc ấy ai cũng tưởng là
25 một đảng cách mệnh mới nào đó nên không để ý đến mấy.

26 Nguyên từ khoảng 1925-1926 trở đi, ở Việt Nam đã có người nói
27 đến chủ nghĩa cộng sản. Lúc ấy có một thiếu niên tên Nguyễn Tấn
28 Thành, sinh năm 1894, con nhà thi lễ, quê làng Kim Liên huyện Nam
29 Đàn thuộc tỉnh Nghệ An. Trước học trường trung học ở Huế rồi bỏ
30 sang Pháp theo Xã Hội Đảng, lấy tên là Nguyễn Ái Quốc. Sau lại
31 sang Nga vào đảng Cộng Sản, đến khoảng 1929-1930 ông trở về gây
32 phong trào cộng sản cách mệnh ở vùng Nghệ Tĩnh. Lúc ấy chính phủ
33 bảo hộ Pháp dùng võ lực đàn áp một cách tàn nhẫn. Việc ấy thất bại,
34 đảng cộng sản tuy phải im hơi lặng tiếng, nhưng vẫn ngấm ngầm
35 tuyên truyền trong đám dân gian và thợ thuyền, theo đúng phương
36 pháp đã định ở Mạc Tư Khoa bên Nga.

1 Trong khoảng thời gian ấy, Nguyễn Ái Quốc lánh sang Hương
2 Cảng, bị người Anh bắt. Người Pháp muốn đòi người Anh giao trả
3 cho chính phủ Đông Dương, song theo tục lệ Anh, người Anh không
4 giao trả những người can phạm vào việc chính trị, vì vậy ông phải
5 giam ít lâu rồi được tha và bị đuổi ra khỏi Hương Cảng.

6 Ông Nguyễn Ái Quốc sang Quảng Châu và phao tin rằng ông đã
7 chết trong ngục khi bị bắt ở Hương Cảng, và lại đổi tên là Lý Thụy rồi
8 chen lẫn với những người cách mệnh Việt Nam ở bên Tàu. Vào
9 khoảng 1936-1937 ông lập ra đảng cộng sản gọi là Việt Nam Độc Lập
10 Đồng Minh, gọi tắt là Việt Minh, và cho người về hoạt động ở miền
11 thượng du bắc Việt. Vì vậy thuở ấy người ta mới biết là có đảng Việt
12 Minh.

13 Đến cuối năm 1940 nhân khi quân Nhật Bản ở Quảng Tây đánh
14 vào Lạng Sơn, những người như bọn ông Trần Trung Lập trong đảng
15 Việt Nam Quang Phục Hội của ông Phan Bội Châu lập ra khi trước,
16 theo quân Nhật về đánh quân Pháp hồi tháng chín năm 1940. Sau vì
17 người Nhật ký hiệp ước với người Pháp rồi trả lại thành Lạng Sơn
18 cho người Pháp, ông Trần Trung Lập bị quân Pháp bắt được đem xử
19 tử. Toán quân phục quốc vỡ tan, có một số độ 700 người, trong số ấy
20 có độ 40 nữ đảng viên theo ông Hoàng Lương chạy sang Tàu.

21 Vậy các đảng của người Việt Nam ở bên Tàu vào khoảng năm
22 1942 trở đi, có Việt Nam Phục Quốc Đồng Minh Hội, Việt Nam Quốc
23 Dân Đảng và những người cách mệnh không có đảng phái v...v...

24 Thuở ấy, chính phủ Trung Hoa thấy những đảng viên Việt Nam
25 Độc Lập Đồng Minh Hội hành động theo chủ nghĩa cộng sản, bèn
26 xuống lệnh giải tán đảng ấy và bắt Lý Thụy giam trong hang đá ở
27 Liễu Châu, ủy cho tướng Trương Phát Khuê chủ trương việc tập hợp
28 các đảng phái cách mệnh Việt Nam lập thành một đảng để hành động
29 cho có hệ thống. Trương Phát Khuê giao cho ông Hoàng Lương tru
30 liệu việc ấy.

31 Ngày mùng 1 tháng mười năm 1942, ông Hoàng Lương chiêu tập
32 ở Liễu Châu những người trong các đảng phái hay không có đảng
33 phái để lập ra một đảng duy nhất gọi là Việt Nam Cách Mệnh Đồng
34 Minh Hội, gồm đại biểu các đảng sau đây:

35 1) Việt Nam Phục Quốc Đồng Minh Hội, có Hoàng Lương và Hồ
36 Học Lãm làm đại biểu.

37 2) Việt Nam Quốc Dân Đảng, có Vũ Hồng Khanh và Nghiêm Kế
38 Tổ làm đại biểu.

39 3) Vô đảng phái, có Trương Bội Công, Nguyễn Hải Thần, Trần
40 Báo, Trương Trung Phụng làm đại biểu.

41 Các đại biểu trước hết lập thành một ủy ban trừ bị do Nguyễn Hải
42 Thần chủ tọa để xếp đặt mọi việc.

43 Lúc ấy Lý Thụy còn phải giam, ủy ban trừ bị đứng ra bảo đảm với
44 chính phủ Trung Hoa, xin lĩnh ra để cùng làm việc. Theo lời một
45 người Việt Nam có mặt trong hội nghị ấy đã nói: Lý Thụy có kết nghĩa
46 với một người cộng sản Tàu tên là Hầu Chí Minh, làm chức thiếu
47 tướng trong quân đội thuộc quyền chỉ huy của Trương Phát Khuê.
48 Khi ở nhà ngục ra, ông muốn tỏ tình thân ái với bạn mới lấy tên là Hồ
49 Chí Minh. Khi ông được tha ra, liền tuyên thệ xin hết lòng trung thành

1 với Việt Nam Cách Mệnh Đồng Minh Hội mà làm việc. Việt Nam Cách
2 Mệnh Đồng Minh Hội đã thành lập, đổi ủy ban trừ bị ra làm ủy ban
3 chấp hành. Khi ấy ông Hoàng Lương vì có sự gì xích mích với chính
4 phủ Trung Hoa nên bị bắt đem về Trùng Khánh. Bởi vậy ủy ban chấp
5 hành chỉ có những người này:

6 Trương Bội Công, chủ tọa.

7 Trần Đình Xuyên.

8 Nguyễn Hải Thần.

9 Vũ Hồng Khanh, ủy viên.

10 Bồ Xuân Luật.

11 Trương Trung Phụng.

12 Nông Kính Du.

13 Hồ Chí Minh được cử làm hậu bổ ủy viên và Trần Báo làm tổng
14 cán sự."

15 (Trích từ tập Hồi Ký của Lê Thành Trần Trọng Kim)

16 Cũng theo ông Trần Trọng Kim thì đảng Công Sản Việt
17 Nam *Độc Lập* Đồng Minh (Việt Minh) được tổ chức chu
18 đáo và khoa học. Dù ông Hồ vẫn còn ở Trung Quốc, nhưng
19 trong nước Việt Nam đâu đâu cũng có cán bộ bí mật hoạt
20 động và tuyên truyền rất khôn khéo, lôi cuốn rất nhiều
21 người đi theo trên khắp cả nước. Các công sở hoặc hãng
22 xưởng tư nhân đều có cán bộ Việt Minh cài đặt vào. Cán
23 bộ Việt Minh chịu khó và có kỷ luật, mặt trận Việt Minh
24 càng ngày mạnh và mạnh nhất khi Nhật Bản đưa quân vào
25 bán đảo Đông Dương trong khi ông Hồ vẫn ép mình giữ
26 một vai trò không quan trọng trong ban chấp hành của
27 đảng Việt Nam *Cách Mệnh* Đồng Minh Hội ở Trùng
28 Khánh (Việt Cách).

29 Khoảng cuối năm 1944, Việt Cách dời về tỉnh Quảng
30 Tây và cử ông Hồ và 22 cán bộ của đảng Việt Nam Phục
31 Quốc Đồng Minh Hội (*Phục Quốc*: do 2 ông Hoàng Lương
32 và Hồ Học Lãm đại biểu) về Bách Sắc để lo tổ chức việc
33 trở về Việt Nam xây dựng cơ sở. Đoàn chia ra 2 nhóm;
34 nhóm của ông Hồ có Vũ Nam Long đánh chiếm đồn Đồng
35 Mu ở Sóc Giang thuộc Cao Bằng vào tháng 2 năm 1945 và
36 từ khi đó ông Hồ bỏ danh hiệu *Việt Cách* và dùng tên gọi
37 cũ là *Việt Minh* với lá cờ đỏ sao vàng. Đầu tháng 3 năm
38 1945, Việt Minh về vùng Văng Lãng thuộc Thái Nguyên,
39 giáp ranh tỉnh Tuyên Quang và lập căn cứ bí mật ở đó và

1 từ bấy giờ Việt Minh hoạt động rất mạnh nhưng tung tích
2 của ông Hồ vẫn được giữ rất kín cho đến ngày 19 tháng 8
3 năm 1945.

4 Đồng thời, ngày 17 tháng 4 năm 1945, ông Trần Trọng
5 Kim ở Huế đệ trình danh sách thành lập chính phủ cho cả
6 nước Việt Nam bao gồm 3 miền Trung Nam Bắc và được
7 hoàng đế Bảo Đại chấp nhận. Thành phần nội các Trần
8 Trọng Kim gồm có:

9 Trần Trọng Kim, Nội Các Tổng Trưởng
10 Trần Đình Nam Nội Vụ Bộ Trưởng
11 Trần Văn Chương Ngoại Giao Bộ Trưởng
12 Trịnh Đình Thảo Tư Pháp Bộ Trưởng
13 Hoàng Xuân Hãn Giáo Dục và Mỹ Nghệ Bộ Trưởng
14 Vũ Văn Hiền, Tài Chánh Bộ Trưởng
15 Phan Anh, Thanh Niên Bộ Trưởng
16 Lưu Văn Lang, Công Chính Bộ Trưởng
17 Vũ Ngọc Anh, Y Tế Bộ Trưởng
18 Hồ Bá Khanh, Kinh Tế Bộ Trưởng
19 Nguyễn Hữu Thi, Tiếp Tế Bộ Trưởng.

20 Đích thân ông Trần Trọng Kim cùng với các ông
21 Hoàng Xuân Hãn, Vũ Văn Hiền ra Hà Nội gặp chức quyền
22 quân sự Nhật Bản để yêu cầu giao trả lại cho chính phủ
23 Việt Nam các nhượng địa của Pháp là Hà Nội, Hải Phòng,
24 Đà Nẵng và toàn hạt đất Nam Kỳ.

25 Ngày 20 tháng 7 năm 1945, Nhật giao trả chính phủ
26 Việt Nam Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng. và trao tặng cho
27 chính quyền Việt Nam ở Bắc kỳ 2000 khẩu súng và đạn
28 dược, tha các thanh niên bị Nhật bắt vì theo Việt Minh.
29 Ngày 1-8-1945,, đốc lý Trần Văn Lai cho phá bỏ các
30 tượng người Pháp như Paul Bert, Jean Dupuis, đài kỷ niệm
31 lính tập khổ xanh khổ đỏ . . . ở Hà Nội.

32 Trong lúc còn ở Hà Nội, ông Trần Trọng Kim đã tiếp
33 xúc đại diện của Việt Minh để yêu cầu hợp tác nhưng bị từ
34 chối và còn tuyên bố rằng: Việt Minh nhất định phải thành
35 công, nếu có hại cũng không cần, có hại rồi mới có lợi. Dù
36 người trong nước mười phần chết mất chín, chúng tôi sẽ

1 lập một xã hội mới với một thành phần còn lại, còn hơn với
2 chín phần kia. (Trích từ tập Hồi Ký Kiến Văn Lục-Một Con Gió Bụi của
3 Lê Thân Trần Trọng Kim).

4 Ngày 6 và 9 tháng 8 năm 1945, Hoa Kỳ dội bom
5 nguyên tử lần đầu tiên xuống thành phố Hiroshima và
6 Nagasaki của Nhật Bản.

7 Ngày 13 tháng 8 năm 1945 đảng Cộng sản Đông
8 Dương họp tại Tân Trào ở Tuyên Quang và quyết định:
9 đồng loạt khởi dậy, đoạt khí giới quân Nhật, chiếm lấy
10 chính quyền của chính phủ Việt Nam hiện tại. Tổng bộ
11 Việt Minh ra lời hiệu triệu. Sau khi nêu rõ Nhật Bản đã
12 đầu hàng, quân Đồng minh sắp vào Đông Dương, bản hiệu
13 triệu viết:

14 "giờ Tổng khởi nghĩa đã đánh! Dân tộc ta đã đến lúc vùng dậy
15 cướp lại quyền độc lập của mình! Trước cơ hội có một không hai này,
16 toàn thể dân tộc ta phải đem hết lực lượng, dùng hết can đảm, bao
17 quanh đạo quân giải phóng Việt Nam, tung xương máu ra đánh đuổi
18 giặc Nhật đòi lấy tự do hạnh phúc cho nhân dân". (Dương Trung
19 Quốc; *Việt Nam Những Sự Kiện Lịch Sử 1919-1945*; trang 406; Nhà
20 xuất bản Giáo dục; Hà Nội; 2001)

21 Ngày 14 tháng 8 năm 1945, ông Trần Trọng Kim cử
22 ông Nguyễn Văn Sâm làm khâm sai vào gặp chức quyền
23 Nhật đề tiếp thu toàn hạt Nam Kỳ. Hoàng đế Bảo Đại
24 tuyên chiếu hủy bỏ các hiệp ước đã ký với Pháp về chế độ
25 đô hộ trên khắp nước Việt Nam.

26 Ông Trần Trọng Kim xin từ nhiệm nhưng vẫn được
27 hoàng đế Bảo Đại lưu lại để xử lý thường vụ trong khi tìm
28 người thay thế.

29 Hoa Kỳ chấp nhận sự đầu hàng của Nhật

30 Nhiều đảng phái và đoàn thể ở Sài Gòn nhóm họp đại
31 hội hô hào đoàn kết chống Pháp và thành lập một Mặt
32 Trận Quốc Gia Việt Nam Thống Nhất gồm có nhiều đảng
33 phái như Việt Nam Quốc Dân Đảng, Hòa Hảo, Cao Đài,
34 Liên Đoàn Công Chức, Tịnh Độ Cư sĩ, Thanh Niên Tiền
35 Phong.

36 Ngày 16 tháng 8 năm 1945, đại hội quốc dân của Việt
37 Minh ở Tân Trào tán thành chủ trương phát động phong
38 trào đồng loạt nổi dậy, thông qua 10 chính sách lớn của

1 Việt Minh và quy định quốc kỳ là lá cờ đỏ sao vàng năm
2 cánh, quốc ca là bài *Tiến quân ca* của nhạc sĩ Văn Cao, cử
3 ra Ủy Ban Giải Phóng dân tộc Việt Nam, tức chính phủ
4 lâm thời do ông Hồ làm chủ tịch cùng với một ủy ban
5 thường trực gồm 5 người: Hồ Chí Minh, Trần Huy Liệu,
6 Phạm Văn Đồng, Nguyễn Lương Bằng và Dương Đức
7 Hiền.

8 Ngày 17 tháng 8 năm 1945, công chức ở Hà Nội tổ
9 chức cuộc biểu tình lớn ủng hộ chính phủ Trần Trọng Kim,
10 tuần hành qua các đường phố lớn để tỏ bày tỏ ý chí bảo vệ
11 đất nước. Cán bộ Việt Minh trong khối biểu tình đã leo lái
12 đám đông, biến cuộc biểu tình thành ra một cuộc biểu
13 dương ý chí quần chúng ủng hộ mặt trận giải phóng của
14 Việt Minh. Các đội dân quân giải phóng của Việt Minh
15 đồng loạt chiến đấu chính quyền ở nhiều địa phương.

16 Ngày 19 tháng 8 năm 1945 Việt Minh kêu gọi dân
17 chúng tụ họp đông đảo trước Nhà hát lớn Hà Nội để nghe
18 tuyên bố của Mặt trận Cứu quốc Việt Minh. Dân quân giải
19 phóng của Việt Minh cùng với cờ đỏ sao vàng xuất hiện ở
20 nhiều nơi, chiếm đóng các công sở.

21 Ngày 21 tháng 8 năm 1945, một số thanh niên trí thức
22 nhóm họp tại Đại Học xá Hà Nội rồi biểu quyết gửi điện
23 văn yêu cầu hoàng đế Bảo Đại thoái vị và trao quyền cho
24 ông Hồ.

25 Ngày 22 tháng 8 năm 1945, nghe theo lời cô vấn của
26 Trần Trọng Kim, hoàng đế Bảo Đại tuyên chiếu thoái vị.

27 Tại thành phố Sài Gòn, tối ngày 20 tháng 8 năm 1945,
28 Việt Minh đã tổ chức mít tinh trong thành phố, kêu gọi dân
29 chúng biểu tình. Đến sáng ngày 25-8-1945, Việt Minh
30 chiếm đóng toàn thành phố. Một Ủy Ban Hành Chính lâm
31 thời Nam Bộ được tuyên bố thành lập do Trần Văn Giàu
32 làm chủ tịch.

33 Ngày 25 tháng 8 năm 1945, Hồ Chí Minh từ Tân Trào
34 về đến ngoại thành Hà Nội. Ngày 26-8-1954, vào nội thành
35 ở tại số nhà 48 phố Hàng Ngang.

36 Ngày 28 tháng 8 năm 1945, một chính phủ lâm thời
37 thành lập tại Hà Nội:
38

1 Hồ Chí Minh, chủ tịch kiêm bộ ngoại giao
2 Võ Nguyên Giáp, bộ trưởng bộ nội vụ,
3 Chu Văn Tấn, bộ trưởng bộ quốc phòng
4 Trần Huy Liệu, bộ trưởng bộ thông tin tuyên truyền
5 Dương Đức Hiền, bộ trưởng bộ thanh niên quốc dân
6 Nguyễn Mạnh Hà, bộ trưởng bộ quốc dân kinh tế
7 Vũ Đình Hòa, bộ trưởng bộ giáo dục
8 Vũ Ngọc Khánh, bộ trưởng bộ tư pháp
9 Phạm Ngọc Thạch, bộ trưởng bộ y tế
10 Đào Trọng Kim, bộ trưởng bộ giao thông công chánh
11 Lê Văn Hiến, bộ trưởng bộ lao động
12 Phạm Văn Đồng, bộ trưởng bộ tài chánh
13 Nguyễn Văn Tố, bộ trưởng bộ cứu tế xã hội
14 Cù Huy Cận, ủy viên không giữ bộ nào
15 Nguyễn Văn Xuân, ủy viên không giữ bộ nào

16 Ngày 2 tháng 9 năm 1945 ông Hồ đọc bản tuyên ngôn
17 độc lập khai sinh nhà nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa.

*

18 - Cần lưu ý rằng, trong 10 chính sách lớn của Việt Minh
19 bao gồm việc giành lấy chính quyền (chính sách 1) tịch thu
20 tài sản của giặc nước và **Việt gian** (chính sách 3), kiến thiết
21 nền văn hóa mới (chính sách 9).

22 - Việc lấy lại chủ quyền cho toàn thể nước Việt Nam từ
23 tay người Nhật là do chính phủ của ông Trần Trọng Kim
24 thực hiện để rồi tiếp ngay sau đó chính quyền Việt Minh
25 dựa vào thời cơ để đoạt lấy rồi thành lập chính phủ Lâm
26 thời tại Hà Nội.

27 - Như vậy có nghĩa là trong giai đoạn ông Trần Trọng
28 Kim cầm quyền cai trị toàn cõi Việt Nam từ 17 tháng 4
29 năm 1945 cho đến ngày 2 tháng 9 năm 1945 thì chưa thấy
30 có một dư luận công khai nào ở cả hai miền Nam Bắc lên
31 án ông Phan Thanh Giản.

32 - Từ 2 tháng 9 năm 1945 đến ngày ký kết hiệp định
33 Genève ngày 20 tháng 7 năm 1954 chia đôi nước Việt

1 Nam từ sông bên Hải vẫn chưa thấy có tài liệu nào lên án
2 ông Phan Thanh Giản.

*

➤ **GIAI ĐOẠN 1954-1975**

3 Chính quyền miền Bắc Việt Nam kể từ tháng 7 năm
4 1954 đã dùng chiến dịch tuyên truyền mạnh mẽ để chống
5 đối chính quyền miền Nam đang được Pháp và Mỹ yểm
6 trợ. Tất cả những nhân vật nào có dính líu dây dưa với
7 người Pháp kể từ thời hoàng đế Gia Long đến hiện tại đều
8 bị lên án là Việt gian bán nước, là tay sai của thực dân
9 Pháp và đế quốc Mỹ, gọi chính phủ và quân đội Việt Nam
10 Cộng Hòa ở miền Nam là ngụy quyền, ngụy quân.

11 Trong khi đó miền Nam thì lại lên án Đảng Lao Động ở
12 miền Bắc là tay sai, là nô lệ của 2 đế quốc Cộng sản Nga
13 và Trung Quốc, tôn thờ chủ nghĩa ngoại lai, áp dụng chính
14 sách độc tài đảng trị, vô thần, vô gia đình, bản cùng hóa
15 nhân dân miền Bắc.

16 * Đứng đầu bộ thông tin tuyên truyền của miền Bắc
17 trước sau vẫn là ông **Trần Huy Liệu**. Tất cả mọi chiến
18 dịch thông tin tuyên truyền đều phải theo chính sách và
19 đường lối của đảng Lao Động (Cộng Sản) Việt Nam dựa
20 trên lý thuyết Mark-Lênin làm phương châm hành động và
21 là căn bản để lập luận, giải thích mọi sự kiện vật chất cũng
22 như tinh thần. Đường lối tuyên truyền của đảng Lao Động
23 (Cộng Sản) và nhà nước miền Bắc trong giai đoạn từ 1954-
24 1975 là hạ uy thế chính quyền miền Nam và đánh giá thấp
25 tất cả những giá trị tinh thần, văn hóa, lịch sử, khoa học v.v
26 . . . của nhân dân miền Nam kể từ sông bên Hải xuống tới
27 mũi Cà Mau. Trong chiều hướng đó, bộ thông tin tuyên
28 truyền miền Bắc do đảng viên đảng Cộng Sản là ông Trần
29 Huy Liệu đã được đảng giao phó thành lập và chỉ đạo Ban
30 Nghiên Cứu Văn Sử Địa (1953) rồi kế tiếp kiêm Phó ban
31 Nghiên cứu Lịch sử Đảng Trung ương, Viện trưởng Viện
32 Sử học, Phó chủ nhiệm Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam.

1 Sau này, ông Trần Huy Liệu còn là Tổng biên tập tạp chí
2 Nghiên cứu Lịch sử, chủ tịch sáng lập Hội Khoa học Lịch
3 sử Việt Nam.

4 Như vậy vai trò của ông Trần Huy Liệu cũng giống như
5 vai trò biên tu của ông Ngô Sĩ Liên dưới triều đại phong
6 kiến vua Lê Thánh Tông phụ trách việc biên soạn bộ chính
7 sử *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư* và vai trò tổng tài của ông
8 Phan Thanh Giản trong Quốc sử quán triều Nguyễn phụ
9 trách biên soạn bộ chính sử *Khâm Định Việt Sử Thông*
10 *Giám Cương Mục*. Mà khi nói tới chính sử tức là lịch sử
11 viết đi viết lại bởi bất cứ một chính quyền đương thời nào-
12 nhất là các chính quyền ở vùng Á Châu- thì tính cách
13 khách quan, vô tư rất có thể bị dị nghị vì các người được
14 giao phó viết lại lịch sử thường thường phải viết theo ý
15 muốn và đường hướng của người lãnh đạo làm chủ đất
16 nước vào lúc đó.

17 Lần lược những năm 1956, 1959 và 1960, ông Trần
18 Huy Liệu cho ra đời ba tập sách "*Lịch sử 80 năm chống*
19 *Pháp*" viết lại quá trình đấu tranh của toàn dân Việt Nam
20 từ khi quân xâm lược Pháp đánh chiếm nước ta đến tháng 8
21 năm 1945. Có thể nói đây là một bộ chính sử của chính
22 quyền miền Bắc được viết theo tư duy lý luận Mác-xít và
23 dĩ nhiên là nhằm mục tiêu chống Pháp và những người
24 miền Nam đã và đang bị lôi kéo dính líu với người Pháp.
25 Hậu thế có thể đánh giá như thế nào về ba tập sách của ông
26 Liệu? Có lẽ không nên gọi 3 tập tài liệu của ông Liệu dùng
27 trong chiến dịch tuyên truyền chống Pháp và "Việt gian tay
28 sai" đang cầm quyền ở miền Nam là một bộ sử đúng nghĩa
29 chẳng?

30 Năm 1953, "bỗng nhiên" ông được bổ nhiệm sáng lập Ban
31 Nghiên cứu Sử - Địa - Văn ở Tân Trào; kéo Cao Xuân Huy, Lê
32 Thước, Đào Duy Anh, Trần Đức Thảo về làm việc; đào tạo
33 Nguyễn Công Bình, Văn Tạo vào nghề.

34
35
36 Trần Huy Liệu không phải là người được trang bị vốn học
37 một cách có hệ thống Trần Huy Liệu-từ nhà cách mạng tới nhà
38 Khoa học www.vnn.vn/tulieu/2003/6/14139/ - 21k - [Cached](#)).

1 Có thể đây là biểu hiện của một dư luận trong nước
2 ngạc nhiên và nghi ngờ về khả năng trí thức chân chính của
3 người sáng lập viên Ban Nghiên cứu Sử-Địa-Văn.

➤ Bản án năm 1963

4 Là người đứng đầu bộ thông tin tuyên truyền vừa là chủ
5 biên Tạp Chí Nghiên Cứu Lịch Sử của đảng và nhà nước
6 Cộng sản ở miền Bắc nước Việt Nam, ông Trần Huy Liệu
7 đã đề ra việc bình luận một số nhân vật lịch sử như Hồ Quý
8 Ly, Lưu Vĩnh Phúc, Nguyễn Trường Tộ và đặc biệt là ông
9 Phan Thanh Giản qua một loạt bài viết đăng trên Tạp Chí
10 Nghiên Cứu Lịch Sử (viết tắt NCLS) từ số 48 đến số 55,
11 phát hành trong năm 1963 ở Hà Nội nơi mục *Bình Luận*
12 *Nhân Vật Lịch Sử*. Số bài viết được tạp chí NCLS cho
13 đăng lên gồm có:

14 - "*Phan Thanh Giản trong lịch sử cận đại Việt Nam*"
15 của Đặng Huy Vận và của Chương Thâu (Tạp san NCLS
16 số 48, tháng 3 năm 1963.

17 - "*Cần Nhận Định và Đánh Giá Phan Thanh Giản như*
18 *thế nào?*" của Đặng Việt Thanh.

19 - "*Đánh giá Phan Thanh Giản như thế nào cho đúng?*"
20 một bài của Nguyễn Khắc Đạm, một bài của Trương Hữu
21 Ký.

22 - "*Cần nghiêm khắc lên án Phan Thanh Giản* của Chu
23 Quan Trứ.

24 - "*Cần vạch rõ hơn trách nhiệm của Phan Thanh Giản*
25 *trước lịch sử*" của Nhuận Chi

26 - "*Chúng ta đã nhất trí về việc nhận định Phan Thanh*
27 *Giản*" của Trần Huy Liệu.

28 Mở đầu cho loạt bài bình luận này, tòa soạn Tạp Chí
29 NCLS của Ông Trần Huy Liệu đã đưa ra những tiêu chuẩn
30 để hướng dẫn cho những người muốn viết về ông Phan
31 Thanh Giản như sau:

32 “Theo ý chúng tôi, trong việc bình luận nhân vật lịch sử, nhất là
33 những nhân vật như Phan-thanh-Giản, chúng ta cần đưa vào quan
34 điểm chủ nghĩa Mác, đem yêu cầu của thời đại và nguyện vọng của
35 nhân dân để soi vào hành động của người đó sẽ thấy rõ có công hay
36 có tội, đáng làm gương hay đáng chỉ trích. Chúng ta có thể nhìn vào

1 nhiều mặt nhưng bao giờ cũng phải nhắm vào mặt chính của nó.
2 Nhất là không thể chiều theo tình cảm riêng hay chỉ nhìn vào đạo đức
3 tư cách cá nhân mà phải nhìn vào sự việc cụ thể để đánh giá cho
4 đúng. Một khi đã có những kiến giải rõ ràng rồi thì đối với đối tượng
5 mà mình phê phán cần có thái độ dứt khoát.”(Tập chí NCLS số 48,
6 tháng 3 năm 1963; Hà Nội).

7 Gọi ý như thế, có thể là những người tham dự viết bài -
8 lúc đó đang ở dưới chế độ Cộng Sản ở miền Bắc Việt Nam
9 - chưa nắm vững được điều gọi là *quan điểm chủ nghĩa*
10 *Mác* nếu không nói một cách quá đáng là họ không biết gì
11 hoặc không muốn biết chủ nghĩa dài dòng rắc rối đó vì đa
12 số họ xuất thân từ giới lao động bình dân không có đủ thời
13 gian để ngồi nghiền ngẫm những tập sách lý thuyết "siêu
14 phàm" phức tạp nhiều khê của các ông trùm Cộng Sản
15 ngoại quốc, và dù họ được gọi là những người Cộng Sản
16 Việt Nam. Trên thực tế, có lẽ chỉ có một thiểu số rất ít đảng
17 viên trung kiên đảng Cộng Sản Việt Nam là thấm nhuần
18 chủ nghĩa Mác-Lênin. Dân chúng miền Bắc vào thời điểm
19 năm 1963 chỉ cần có gạo và không biết ông Mác là ai.
20 Không có ai có thể giải thích nổi cho tầng lớp dân chúng
21 nông dân, thợ thuyền cùng khổ ở miền Bắc vào thời điểm
22 đó hiểu thấu các tín điều Các-Mác-Lênin.

23 Do đó, lời gọi ý dựa vào *quan điểm chủ nghĩa Mác*
24 cũng giống như một dụ chỉ của một ông vua hay của một
25 hoàng đế thời phong kiến ban xuống cho các nho quan để
26 họ chỉ cần hiểu rằng viết chính sử là phải viết theo ý của
27 ông vua hay của ông hoàng đế. Trước đó, năm 1951, đảng
28 Lao Động Việt Nam cũng ban hành xuống cho các đảng
29 viên của mình một chỉ thị gọi là **Chính cương Đảng Lao**
30 **động Việt Nam (năm 1951)** được Đại hội đại biểu toàn
31 quốc lần thứ hai của Đảng thông qua, năm 1951. Nơi
32 chương II dưới tiêu đề , Tiết II nói về Cách Mạng Việt
33 Nam, điều 1,2 và 5 viết như sau:

34 "II. Cách mạng Việt Nam

35 1.Hiện nay cách mạng Việt Nam phải giải quyết mâu thuẫn giữa
36 chế độ dân chủ nhân dân Việt Nam và những thế lực phản động,
37 khiến cho chế độ ấy phát triển mạnh mẽ và thuận chiều tiến lên chủ
38 nghĩa xã hội.

1
2 Thề lực phản đđng chính đđng ngđn cđn sự phđt triđn của xđ hđi
3 Viđt Nam là chủ nghiđ đđ quđc xđm lực.

4 Nhđng di tđch phong kiđn cũng làm cho xđ hđi Viđt Nam đđnh
5 trđ. Do đđ cđch mđng Viđt Nam có hai đđi tđng. Đđi tđng chính
6 hiđn nay là chủ nghiđ đđ quđc xđm lực, cụ thđ lúc này là đđ quđc
7 Phđp và bon can thiđp Mỹ. Đđi tđng phụ hiđn nay là phong kiđn, cụ
8 thđ lúc này là phong kiđn phđn đđng.

9 2. Nhiđm vụ cơ bản hiđn nay của cđch mđng Viđt Nam là đđnh
10 đđuđi bon đđ quđc xđm lực giđnh đđc lđp và thđng nhđt thđt sự cho
11 dđn tđc, xđa bỏ nhđng di tđch phong kiđn và nđra phong kiđn, làm cho
12 ngđời cđy có ruđng, phđt triđn chđ đđ dđn chủ nhđn dđn, gđy cơ sđ
13 cho chủ nghiđ xđ hđi.

14 Ba nhiđm vụ đđ khđng khđt vđi nhau. Song nhiđm vụ chính trđc
15 mđt là hođn thđng giđi phđng dđn tđc. Cho nđn lúc này phđi tđp trung
16 lực lđng vào viđc khđng chiđn đđ quyđt thđng quđn xđm lực.

17
18

19 5. Cđch mđng dđn tđc dđn chủ nhđn dđn Viđt Nam nhđt đđnh sđ
20 đđra Viđt Nam tiđn tđi chủ nghiđ xđ hđi. Do giđi cđp công nhđn lđnh
21 đđo, liđn minh chđt chđ vđi nông dđn và lao đđng trí óc, lđi đđc sự
22 giđp đđ của Liđn-xđ và các nđc dđn chủ nhđn dđn, nhđt là Trung
23 Quđc, cđch mđng Viđt Nam khđng thđ đđ con đđng nđo khđc ngođi
24 con đđng tiđn lđn chủ nghiđ xđ hđi.

25 Đđ là một con đđng đđu tranh lđu dđi, đđi thđ trđi qua ba giđi
26 đđođn: giđi đđođn thđ nhđt, nhiđm vụ chủ yếu là hođn thđng giđi phđng
27 dđn tđc; giđi đđođn thđ hai, nhiđm vụ chủ yếu là xđa bỏ nhđng di tđch
28 phong kiđn và nđra phong kiđn, thđc hiđn triđt đđ ngđời cđy có ruđng,
29 phđt triđn kỹ nghiđ, hođn chđnh chđ đđ dđn chủ nhđn dđn; giđi đđođn
30 thđ ba, nhiđm vụ chủ yếu là xđy đđng cơ sđ cho chủ nghiđ xđ hđi,
31 tiđn lđn thđc hiđn chủ nghiđ xđ hđi.

32 Ba giđi đđođn đđy khđng tđch rđi nhau, mà mđt thiđt liđn hđ xen kđ
33 vđi nhau. Nhđng mỗi giđi đđođn có một nhiđm vụ trung tâm, phđi nđm
34 vđng nhiđm vụ trung tâm đđ đđ tđp trung lực lđng vào đđ mà thđc
35 hiđn.

36 Trong giđi đđođn thđ nhđt, giđi đđođn hiđn tđi, mđi nhđn của cđch
37 mđng chđi vào đđ quđc xđm lực. Đđng phđi tđp hđp mọi lực lđng
38 dđn tđc, lđp Mđt trđn dđn tđc thđng nhđt, khđng chiđn chđng bon đđ
39 quđc xđm lực và các hđng Viđt gian. Đđng thđi phđi cđi thiđn đđi
40 sđng cho nhđn dđn, đđc biđt là nhđn dđn lao đđng, đđ cho nhđn dđn
41 hđng hđi khđng chiđn.

42 Sđng giđi đđođn thđ hai, mđi nhđn của cđch mđng chđi vào lực
43 lđng phong kiđn. Lúc đđ Đđng phđi tđp trung lực lđng xđa bỏ
44 nhđng di tđch phong kiđn và nđra phong kiđn, triđt đđ thđc hiđn ngđời
45 cđy có ruđng, đđy mđnh viđc kỹ nghiđ hđa: hođn chđnh chđ đđ dđn chủ
46 nhđn dđn. Song, vđn tiđp tục chđng đđ quđc thđ giđi bđo vđ đđc lđp
47 của dđn tđc.

Đến giai đoạn thứ ba, trọng tâm của cách mạng là phát triển cơ sở xã hội chủ nghĩa, chuẩn bị thực hiện chủ nghĩa xã hội. Những bước cụ thể của giai đoạn này phải tùy theo điều kiện cụ thể của tình hình trong nước và ngoài nước khi đó mà quyết định.

(**Nguồn:** *Đối thoại sử học*, nhiều tác giả, nhà xuất bản Thanh Niên, Hà Nội 2000)

và www.cpv.org.vn/details.asp?topic=2& - [Cached](#)

*

Như vậy, không cần phải đọc hết các bài tham luận về ông Phan Thanh Giản vừa kể trên, chỉ cần nhìn vào bài mở đầu của tòa soạn tạp chí NCLS và những nhan đề của những bài được chọn đăng người ta cũng có thể biết trước được những bài viết sẽ phải theo đúng đường hướng của bộ Thông tin tuyên truyền của ông Trần Huy Liệu và những bài viết này chỉ nên được xem như là những tờ truyền đơn không có tính cách khách quan vô tư, độc lập, khó thuyết phục cho người khác xem đó là những bài nghiên cứu về lịch sử được viết bằng bộ não và theo tinh thần khoa học nghiêm chỉnh.

Chỉ có Bộ Tuyên Truyền Thông Tin và nhóm Nghiên Cứu Lịch Sử của ông Trần Huy Liệu vào năm 1963 tuyên bố rằng: "***về căn bản đều nhất trí ở chỗ kết án tội nhân của lịch sử***".

Sử sách dùng trong các trường học miền Bắc do Ủy Ban Khoa Học Xã Hội trực tiếp chỉ đạo phát hành vào năm 1971 dưới đề tựa **LỊCH SỬ VIỆT NAM, Tập I** (viết tắt là LSVN) cũng không ra ngoài đường hướng của bản Chính cương Đảng Lao động Việt Nam (năm 1951). *Sang giai đoạn thứ hai, mũi nhọn của cách mạng chĩa vào lực lượng phong kiến. Lúc đó Đảng phải tập trung lực lượng xóa bỏ những di tích phong kiến và nửa phong kiến.*

Kiểu viết trong LSVN nhằm mục đích tuyên truyền gieo mầm thù ghét hơn là giáo dục truyền đạt kiến thức cho học sinh: nơi chương VIII, từ trang 368 đến 386, Nguyễn Phúc Ánh Gia Long và các người tiếp nối kế nghiệp đế vương của dòng họ Nguyễn đã bị LSVN kết án không nhân nhượng trong khi dòng họ Hồ Văn Huệ Quang Trung được

xung tụng và vinh danh hết mức. Chỉ nhìn vào các tiêu đề trong bản mục lục của LSVN cũng có thể nhìn thấy điều đó:

MỤC LỤC:

Chương VIII:

Giai đoạn suy sụp của chế độ phong kiến thế kỷ XVIII, nửa đầu thế kỷ XIX. Phong trào cách mạng nông dân Tây-sơn và cuộc đấu tranh thống nhất đất nước, bảo vệ độc lập dân tộc. trang 319

Sự sụp đổ của chế độ phong kiến ở Đàng-trong. Khởi nghĩa Tây Sơn bùng nổ và phát triển mạnh mẽ trang 330

Tình hình khủng hoảng của chế độ phong kiến vào nửa đầu thế kỷ XIX. Chiến tranh nông dân phát triển liên tục, mạnh mẽ. trang 368

Nhà Nguyễn khôi phục chế độ phong kiến phản động: 369. Thiết lập chế độ quân chủ chuyên chế cực đoan: 369. Tăng cường bộ máy đàn áp: 371. Bộ máy quan lại hủ lậu mục nát: 372.- Chế độ áp bức bóc lột nặng nề: 373. - Chính sách kinh tế lạc hậu và phản động: 375; Chính sách ruộng đất: 375; Nông nghiệp sa sút: 376; Sự phát triển của kinh tế hàng hóa và những chính sách lạc hậu của triều Nguyễn: trang 378.- Chính sách đối ngoại mù quáng: trang 379

*

○ Năm 1975: thi hành bản án 1963

Sau ngày 30 tháng 4 năm 1975, thi hành bản án năm 1963, tất cả những gì có liên hệ dính líu với Phan Thanh Giản đều bị chính quyền mới ra lệnh hủy bỏ và đập phá: tên trường học và tên đường mang tên Phan Thanh Giản ở Sài Gòn bị xóa tên. Tại Đà Nẵng trường tư thục Phan Thanh Giản bị nhà nước tịch thu và đổi tên là trường Lê Hồng Phong. Trường Phan Thanh Giản ở Cần Thơ bị đổi thành trường Châu Văn Liêm và bức tượng của ông Giản- "Tội nhân của lịch sử"- đã bị những người thi hành công

1 luật của chế độ mới mắng nhiếc là kẻ phản quốc hèn nhất
2 rồi đập phá tan nát.

○ **Bản án năm 1978**

3
4 Năm **1978** ông Trần Bạch Đằng vẫn còn xác nhận sự
5 nhất trí của nhóm Nghiên Cứu Lịch Sử Trần Huy Liệu qua
6 2 chữ "**chúng ta**" khi ông Đằng viết rằng "Chúng ta kết án
7 một loạt chủ trương "cầu hòa" với Pháp "chuộc" các tỉnh đông
8 Nam Bộ . . . của triều đình, những nhượng bộ của Phan Thanh
9 Giản v.v . . . Chẳng có gì bào chữa nổi cho sự uơng hèn. (Trích
10 từ bài Tổng luận của Trần Bạch Đằng đăng trong sách *Địa Chí Văn Hóa Thành Phố*
11 *Hồ Chí Minh*; xuất bản năm 1978; trang 436)

12 ○ **Năm 2002**

13 Ảnh hưởng của bản án Phan Thanh Giản từ thời Tự
14 Đức cùng với với những bài "Nghiên Cứu Lịch Sử" từ năm
15 1963 phát xuất từ miền Bắc Việt Nam vào năm 1963 và từ
16 sau năm 1975 trên toàn cõi nước Việt Nam đã trở thành
17 "nhất trí" đối với những người cán bộ gốc miền Bắc đã
18 từng theo và hiện vẫn đang sống với chế độ và chính quyền
19 hiện nay ở Việt Nam.

20 Trong bài viết THƯ NGỎ GỬI TỔNG BÍ THƯ GIANG TRẠCH DÂN
21 của ông Trần Khuê đăng lên mạng lưới internet ngày 23
22 tháng 2 năm 2002 có đoạn viết như sau:

23 (LÊN MẠNG THỨ BẢY 23 THÁNG HAI 2002)

24
25

26 Trân trọng đề nghị các đ/c công bố công khai nội dung hai bản
27 hiệp định để nhân dân hai nước cũng như nhân dân thế giới đều
28 được tỏ tường chính xác. Tuy nhiên, theo truyền thống văn hóa Việt
29 Nam thì việc cắt đất nhượng cho ngoại bang dù chỉ một cây số vuông
30 cũng là trọng tội, chứ đâu phải tới hàng trăm hay hàng ngàn cây số.
31 Nhớ lại hồi phái đoàn Phan Thanh Giản vâng lệnh hoàng đế Tự Đức
32 ký hiệp ước 1867 nhượng ba tỉnh Nam Kỳ cho thực dân xâm lược
33 Pháp đã **bi đư luân nhân dân lên án dữ dội như thế nào** : "Phan,
34 Lâm mãi quốc, Triều đình khí dân" (Phan Thanh Giản và Lâm Duy
35 Hiệp bán nước, còn Triều đình Huế thì bỏ dân). Và Hoàng đế Tự Đức
36 đã phải làm hẳn một bài thơ giả đờ xấu hổ để tránh búa rìu của dư
37 luận, đồng thời hy vọng đánh lừa cả đương thời và hậu thế :

1 Khí dân Triều trử cũu,
2 Mãi quốc thế gian bình,
3 Sử ngã chung thân điếm
4 Hà nhan nhập miếu đình.
5 (Tự Đức - Ngự chế thi tập)

Tạm dịch :

6 Tội lũ bay : bán nước,
7 Tội triều đình : bỏ dân,
8 Khiến đời ta mang nhục,
9 Mặt nào gặp tiền nhân ?
10 (Trần Khuê dịch)
11 (nguồn: Diễn Đàn Dân Chủ Forum <http://danchu./net>)

*

X/- TẠM KẾT VỀ VIỆC ĐÁNH GIÁ ÔNG PHAN-THANH-GIẢN

1 Câu hỏi đặt ra là: những cán bộ Cộng Sản gốc người
2 miền Nam - nhất là đối với những người cán bộ được gọi là
3 giới trí thức miền Nam - đã có thái độ nào, những phản ứng
4 nào đối với chiến dịch tuyên truyền nhằm triệt hạ tên tuổi
5 của ông Phan Thanh Giản kể từ 1954 đến năm 2004 ? Họ
6 chỉ biết yên lặng có lẽ vì không muốn tạo rắc rối cho bản
7 thân. Cho nên, nếu bây giờ họ - kể cả những người cựu
8 đảng viên Cộng Sản cao cấp của miền Nam hiện còn đang
9 ở trong nước hay đang ở nước ngoài - mới chịu tỏ bày quan
10 điểm của mình về trường hợp của ông Phan Thanh Giản thì
11 việc làm của họ cũng khó có thể thuyết phục những người
12 Việt Nam ở khắp nơi tin rằng quan điểm của họ là vô tư và
13 khách quan.

14 Còn nhân dân miền Nam Việt Nam kể từ sông Bến Hải
15 thì sao? Cho tới ngày 30 tháng 4 năm 1975, có thể nói là
16 hầu hết nhân dân miền Nam không mấy quan tâm đến
17 chính sách đấu tố và chiến dịch tuyên truyền tâm lý chiến
18 tranh của chính quyền miền Bắc mặt dù chính quyền miền
19 Nam ở bên này vĩ tuyến cũng đấu tố Cộng sản một cách
20 quyết liệt. Dân chúng miền Nam chấp nhận tên đường Gia
21 Long, nhưng họ vẫn cung kính chấp nhận tên đường
22 Nguyễn Huệ mặc dù 2 nhân vật lịch sử này là hai kẻ thù
23 đối nghịch không đội trời chung.

24 Người miền Nam kính trọng ông Hoàng Diệu ngang với
25 sự kính trọng của họ đối với ông Phan Thanh Giản mà
26 không cần thắc mắc ông này là gốc Quảng Nam miền
27 Trung còn ông kia là gốc Vĩnh Long miền Tây. Dân chúng
28 miền Nam biết rằng Trương Định chống đối Phan Thanh
29 Giản nhưng đường phố ở Sài Gòn vẫn có tên của ông Định.
30 Tại sao lại có tình trạng như thế? Bởi vì dân chúng Nam
31 Kỳ chỉ cần nhìn vào một khía cạnh đơn giản: tất cả các
32 nhân vật lịch sử vừa kể đều chết vì giặc Pháp xâm lăng
33 Việt Nam và vì sự suy đồi bất lực của triều đình Tự Đức.

1 Từ năm 1945 đến 1975, tại miền Nam, sử sách dùng
2 trong các trường học không có gì thay đổi: chính phủ miền
3 Nam không tự mình đứng ra chỉ đạo viết lại lịch sử dân
4 tộc theo nhu cầu chính trị của từng giai đoạn chiến tranh
5 giữa hai miền Nam Bắc. Nơi các trường trung học, các học
6 sinh có chào cờ, có suy tôn tổng thống nhưng không có
7 chương trình tố Cộng hay chiến dịch dạy học hạ bệ các
8 nhân vật lịch sử thuộc các triều đại phong kiến trước năm
9 1945. Những sách vở, báo chí tuyên truyền chống Cộng do
10 chính phủ miền Nam chủ xướng chỉ nhắm thẳng vào chế
11 độ cai trị ở miền Bắc vào lúc đó mà thôi. Chưa được thấy
12 có sách vở báo chí ở miền Nam vào lúc đó bêu rêu hai nói
13 xấu một nhân vật lịch sử nào của các triều đại phong kiến
14 Việt Nam được đảng và nhà nước ở miền Bắc lựa chọn làm
15 mẫu mực tôn vinh và viết lại lịch sử dân tộc. Tại miền Nam
16 vào lúc đó cũng chưa thấy có dư luận hoặc chiến dịch nào
17 nhằm "hạ bệ" hay lên án những nhân sĩ trí thức của miền
18 Bắc còn sót lại từ thời đại nhà Hậu Lê và trở thành hàng
19 thần của nhà Nguyễn.

20 Trong thời kỳ quân xâm lược Pháp đánh phá Nam Kỳ,
21 không thấy có một nhân sĩ nào ở Bắc Kỳ có ý kiến hoặc
22 đứng ra tự động mộ nghĩa quân từ miền Bắc để đưa vào
23 Nam tiếp viện cho ông Trương Định. Phải chăng họ là
24 những nhân sĩ ăn gạo của nhà Nguyễn Gia Long nhưng vẫn
25 ngấm ngầm hoài vọng về nhà Hậu Lê và nhà Hồ Tây Sơn,
26 luôn luôn mong ngóng sự sụp đổ đến với dòng họ nhà
27 Nguyễn dù nguyên có sụp đổ đến bất cứ từ đâu?

28 Khi đã làm chủ hoàn toàn đất nước Việt Nam, hoàng đế
29 Gia Long đã thi hành một biện pháp bộc phát và thất sách
30 "căn nọc đánh đít" hạ nhục các nhân sĩ của chế độ cũ ở
31 miền Bắc cùng một lúc hạ cấp kinh đô Thăng Long "ngàn
32 năm văn vật" để gọi bằng một cái tên "Bắc thành" cục
33 mịch khiến cho họ uất ức căm hận không nguôi. Dù vậy,
34 họ cũng không tự xử để tránh kẻ thù làm nhục mà vẫn đành
35 lòng gánh chịu kiếp "hàng thần lơ láo, phạm mình ra sao?"
36 để rồi cứ giữ mãi mỗi uất giận trong lòng và giận lây qua

1 cả dân chúng miền Nam nữa, kéo dài từ đời này qua đời
2 khác, tiếp tục luôn cho đến sau năm 1975. Mặc cảm tự tôn
3 tự đại của nhân sĩ miền Bắc được hun đúc bởi "truyền
4 thống Nam tiến" mở rộng lãnh thổ Đại Việt: từ ngàn xưa
5 đất nước chỉ có những trường hợp tiến bước từ Bắc xuống
6 Nam, nhưng nay thì tình huống lại hoàn toàn khác, đất
7 nước Đại Nam được thống nhất từ Gia Định ra Thăng
8 Long. Niềm kiêu hãnh tự hào về truyền thống Nam tiến lâu
9 đời bỗng chốc bị tiêu tan chỉ vì một lần Bắc tiến của người
10 miền Nam "không có văn hiến" khiến cho nhân sĩ miền
11 Bắc tự cảm thấy mình bị hạ thấp giá trị để rồi oán hận âm
12 thầm, oán hận thâm niên chờ đợi ngày họ nhà Nguyễn sụp
13 đổ.

14 Kể từ triều đại Gia Long, gần như miền Bắc không còn
15 thấy có xuất hiện nhân sĩ trí thức nào có tầm cỡ ngang với
16 những ông Trịnh Hoài Đức, Trần Văn Học, Phan Thanh
17 Giản, Trần Tiến Thành, Nguyễn Trường Tộ, Trương Vĩnh
18 Ký, Huỳnh Tịnh Của và điều này cũng có thể là một
19 nguyên do khác gây ra mặc cảm tự ti đưa đến những kiểu
20 đầu tó hạ bệ những nhân vật lịch sử vừa kể.

*

21 Tóm lại, với âm mưu xâm lược rõ rệt của người Pháp,
22 với một triều đình phong kiến chậm tiến, một quân đội yếu
23 kém chưa đánh đã chạy của triều đình nhà Nguyễn cùng
24 với sự làm lơ vô tình của người dân miền Bắc thì cho dù có
25 một trăm ông Phan Thanh Giản, một trăm ông Nguyễn Tri
26 Phương, một trăm ông Trương Định thì nước Việt Nam
27 trước sau gì cũng phải rơi vào tay của bất cứ đoàn quân
28 viễn chinh xâm lược tân tiến nào của phương Tây.

29 Lên án, hạ bệ, đập phá, xóa tên chỉ là những hành vi
30 bộc phát nhất thời xảy ra trong bất cứ cuộc chiến tranh nào
31 để tuyên truyền giành phần thắng và đoạt chính quyền
32 nhưng những hành vi này không thể xóa bỏ được những sự
33 thật lịch sử và vì vậy không cần phải biện bạch để đưa ra
34 ánh sáng sự sai trái của những hành vi đó.

5 giờ 45 sáng ngày 6 tháng 4 dl năm 2005

